VICTOR HUGO

THẰNG GÙ NHÀ THỜ ĐỨC BÀ

SÁCH MỚI.NET – EBOOK

THƯ VIỆN EBOOK (TVE-4U)

Tác phẩm Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà

Tác giả Victor Hugo

Dịch giả Nhị Ca

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCH MỚI.NET

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp

Notre Dame de Paris 1482 của Victor Hugo

(Nhà xuất bản Flammarion Paris – 1952)

LỜI TỰA

Cách đây vài năm nhân lúc viếng thăm, hoặc nói đúng hơn, nhân lúc sục sạo nhà thờ Đức Bà, tác giả cuốn sách này tìm thấy trong xó tối một tòa tháp, từ ngữ khắc tay sau đây trên tường:

ΑΝΑΓΚΗ

Những chữ hoa Hy Lạp đó đen nhẻm màu hoang phế và khắc khá sâu vào đó, không hiểu dáng dấp và đường nét chúng có dấu hiệu gì riêng biệt của bút thiếp Gothic, chứng tỏ do bàn tay thời trung cổ viết, nhất là ý nghĩa rùng rợn và định mệnh bao hàm trong đó, khiến tác giả vô cùng sửng sốt.

Tác giả thầm hỏi, thử đoán xem linh hồn đau khổ nào đã không chịu từ giã cõi trần trước khi vạch dấu tội lỗi và bất hạnh lên vầng trán ngôi nhà thờ cổ.

Từ đó, người ta quét vôi, hoặc cạo sạch tường, (tôi không còn nhớ bức tường nào) và dòng chữ đã biến mất. Vì gần hai trăm năm nay, người ta vẫn hành động như vậy đối với những nhà thờ kỳ diệu thời trung cổ. Việc hủy hoại đến từ mọi phía, từ trong ra cũng như từ ngoài vào. Linh mục quét vôi, kiến trúc sư cạo sạch, rồi đến dân chúng phá hủy.

Cho nên, ngoài kỷ niệm mong manh mà tác giả cuốn sách này gửi gắm ở đây, ngày nay chẳng còn tí gì về từ ngữ huyền bí khắc trong tòa tháp âm u nhà thờ Đức Bà nữa, chẳng còn tí gì về cái số phận xa lạ nó đã buồn rầu ghi lại một cách tóm tắt. Người viết từ ngữ đó trên tường đá biến khỏi giữa bao thế hệ từ nhiều thế kỷ nay, rồi đến lượt từ ngữ đó biến khỏi tường nhà thờ, và cả nhà thờ nữa có lẽ cũng sắp biến khỏi mặt đất.

Cuốn sách này được viết dựa trên từ ngữ đó.

Tháng hai năm 1831

LỜI GHI THÊM VÀO LẦN XUẤT BẢN HOÀN CHỈNH (1832)

Thật sai lầm khi đưa tin lần xuất bản này có thêm nhiều chương mới. Phải nói là *mới in*. Đúng thế, nếu hiểu mới là mới viết thì các chương thêm vào lần xuất bản này không phải mới. Chúng được viết cùng với cả cuốn truyện, cùng thuộc một thời gian và cùng sinh ra từ một tư tưởng, chúng xưa nay vẫn là một thành phần của bản thảo *Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà*. Hơn nữa, tác giả không hiểu sao đột nhiên lại đưa thêm được những đoạn phát triển mới vào một tác phẩm loại này. Không thể tùy tiện làm như vậy. Theo tác giả, có thể nói một cuốn truyện nhất thiết phải sinh ra với đủ mọi chương của nó; một vở kịch sinh ra với đủ mọi cảnh của nó. Đừng tưởng có thể độc đoán sắp đặt số lượng chương hồi cho cái chính thể, cái tiểu vũ trụ huyền bí ta vẫn gọi là kịch hoặc truyện. Ghép nối hoặc hàn gắn đều không tốt với những tác phẩm loại này, chúng phải vọt ra liền mạch và nguyên vẹn từ đầu. Việc đã làm xong, đừng thay đổi ý kiến, đừng sửa chữa gì nữa. Sách sản xuất rồi, giới tính tác phẩm thuộc phái khỏe hoặc phái yếu được thừa nhận và xác định rồi, đứa trẻ đã cất tiếng chào đời, thế là nó sinh ra rồi, nó đấy, sinh ra như thế đó, bố mẹ không còn làm gì được nữa, nó thuộc về khí trời và ánh nắng, cứ để mặc nó sống hoặc chết như vậy. Cuốn sách của anh hỏng rồi ư? Kệ nó. Đừng thêm chương vào cuốn sách hỏng. Nó không hoàn chỉnh ư? Chỉ có thể vừa đẻ vừa hoàn chỉnh nó được thôi. Cái cây mọc cong queo? Không uốn thẳng được đâu. Cuốn truyện anh ốm yếu? Nó không sống nổi? Không trả lại cho nó sức sống đang thiếu được đâu. Vở kịch anh sinh ra què quặt? Hãy nghe tôi, đừng lắp chân gỗ vào.

Cho nên tác giả đặc biệt quan tâm đến việc để công chúng hiểu rõ các

chương thêm vào đây không phải được viết riêng cho tới lần tái bản này. Nếu chúng chưa được công bố trong các lần xuất bản trước, đó là vì một lí do rất giản đơn. Vào thời kỳ cuốn *Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà* in lần đầu, hồ sơ đựng ba chương này thất lạc mất. Do đó phải viết lại hoặc bỏ qua. Tác giả nghĩ: trong số các chương chỉ hai chương có chút quy mô quan trọng nào đó, là những chương về nghệ thuật và lịch sử, chúng không thể làm tổn hại đến bối cảnh của tình tiết và cuốn truyện, công chúng sẽ không thấy được hai chương đó thiếu mặt và chỉ có mình tác giả biết rõ bí mật của thiếu sót. Tác giả liền quyết định bỏ qua. Vả lại, nếu cần thú nhận, tính lười biếng khiến tác giả thoái thác nhiệm vụ viết lại ba chương thất lạc. Thà viết quyển truyện mới còn nhanh hơn.

Bây giờ, các chương đã tìm thấy và nhân dịp này, tác giả liền trả chúng về chỗ cũ.

Vậy giờ đây là tác phẩm nguyên vẹn, như tác giả mơ ước, như tác giả đã viết, dù hay hoặc dở, sống lâu hoặc chết yểu, nhưng đúng theo ý muốn.

Các chương tìm thấy chắc ít giá trị trước mắt những người vốn rất đứng đắn, nhưng chỉ cần tìm tình tiết, cốt truyện trong cuốn *Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà*. Tuy nhiên có thể nhiều độc giả khác lại không thấy là vô ích việc nghiên cứu tư tưởng mỹ học và triết học ẩn náu trong cuốn sách, trong khi đọc *Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà*, họ lại rất thích thú tìm kiếm xem sau cuốn truyện còn có cái gì khác ngoài cốt truyện và xin bỏ qua cho lời nói hơi kiêu kì, họ rất thích thú theo dõi luận thuyết của nhà sử học và mục đích của nhà nghệ sĩ qua sáng tạo nguyên vẹn của nhà thơ.

Chính vì những bạn đọc đó mà các chương thêm vào lần xuất bản này sẽ hoàn chỉnh cuốn *Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà*, tạm cho là *Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà* bõ công được hoàn chỉnh.

Trong một chương, tác giả trình bày và phát triển ý kiến về sự suy đồi hiện nay của kiến trúc và về cái chết mà tác giả cho là giờ đây hầu như không tránh

khỏi của nghệ thuật - chúa tể này, một quan niệm đáng tiếc đã mọc rễ trong đầu óc mình và được suy nghĩ kỹ. Nhưng tác giả thấy cần phải nói ở đây là mình rất mong một ngày kia, tương lai sẽ bảo mình nhầm. Tác giả biết nghệ thuật, dưới mọi hình thức, hoàn toàn có thể hy vọng ở các thế hệ trẻ mà tài năng đang nẩy mầm tại các lò xưởng chúng ta. Hạt giống nằm giữa luống cày, mùa màng chắc chắn sẽ tốt đẹp. Tác giả chỉ sợ có thể thấy lý do ở tập hai* lần xuất bản này, màu mỡ đã bị hút hết khỏi miếng đất cổ xưa của nền kiến trúc, qua bao thế kỷ, từng là mảnh đất tốt nhất của nghệ thuật.

Tuy nhiên, hiện nay giới thanh niên nghệ sĩ, có rất nhiều sức sống, nhiệt huyết và có thể nói cả thiên hướng nữa, cho nên trong các trường học, đặc biệt là kiến trúc ở ta, vào giờ này, các giáo sư, vốn đều đáng ghét, không những không ngờ mà còn hoàn toàn trái ngược với ý muốn, đang đào tạo những học trò thực là xuất sắc, trái hẳn với anh thợ gốm mà Horace từng nói, anh ta dự định làm bình hai quai hóa ra lại sản xuất nồi đất. *Currit rota, urceus exit**.

Nhưng trong mọi trường hợp, dù tương lai kiến trúc ra sao, các kiến trúc sư trẻ một ngày kia giải quyết vấn đề nghệ thuật của họ thế nào, đang khi chờ đợi công trình mới, ta hãy giữ gìn lấy công trình cổ xưa. Nếu có thể, hãy giáo dục lòng yêu mến kiến trúc dân tộc cho nhân dân. Tác giả xin tuyên bố, đó là một mục tiêu chính của cuốn sách; một mục tiêu chính của đời mình.

Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà có lẽ mở ra vài triển vọng thực sự về nền nghệ thuật thời trung cổ, nền nghệ thuật kỳ diệu đến nay nhiều người không biết hoặc tệ hại hơn nhiều người còn phủ nhận. Nhưng tác giả không hề nghĩ là nhiệm vụ tự đặt cho mình đã hoàn thành. Tác giả từng nhiều lần bênh vực nền kiến trúc cổ xưa, đã lớn tiếng tố cáo vô số hành động báng bổ, phá hoại, nghịch đạo. Tác giả sẽ không hề mệt mỏi. Tác giả quyết tâm luôn luôn trở lại vấn đề này nên sẽ trở lại. Tác giả càng kiên trì bảo vệ các di tích lịch sử như bọn chủ trương phá bỏ tượng thánh ở nhà trường và học viện từng kiên quyết tấn công. Vì thực đau

lòng khi thấy nền kiến trúc trung cổ đó rơi vào bất cứ tay ai, thấy cái cách bọn thợ vườn đang đối xử với những hoang tàn của nền nghệ thuật lớn đó. Thật xấu hổ cho chúng ta, những kẻ thông minh, đang nhìn họ làm và chỉ hò hét phản đối suông. Và đây không chỉ nói tới các việc xảy ra ở tỉnh lẻ, mà đang xảy ra ở giữa Paris, ngay trước nhà ta, dưới cửa sổ nhà ta, giữa thành phố lớn, giữa thành phố học thức, giữa trung tâm báo chí, ngôn luận, tư tưởng. Để kết thúc lời ghi này, chúng tôi không thể cưỡng lại nhu cầu tố cáo một vài hành động phá hoại văn hóa ngày nào cũng được trù định, bàn cải, khởi đầu, tiếp tục thi công yên ổn đến cùng trước mắt ta, trước mắt quần chúng nghệ sĩ Paris, chống lại mọi chỉ trích đã phải sửng sốt trước thói táo tợn đó. Họ vừa phá hủy xong tòa Tổng giám mục, một dinh thự với thẩm mỹ nghèo nàn nên thiệt hại không đến nỗi lớn; nhưng cùng một khối với tòa Tổng giám mục, họ phá luôn cả tòa Giám mục, một di tích hiếm hoi của thế kỷ mười bốn mà vị kiến trúc sư phá hủy không biết phân biệt với cái khác. Ông ta nhổ cả lúa lẫn cỏ dại; cũng như nhau cả thôi. Người ta đang bàn san phẳng nhà nguyện Vincennes tuyệt đẹp, lấy đá để xây pháo đài gì đó, tuy Daumesnil* không cần đến. Trong khi sửa chữa hết sức tốn kém và phục hồi lâu đài Bourbon, túp lều nát đó, họ để mặc gió mưa phá hủy những cửa kính đẹp đẽ của nhà thờ Sainte-Chapelle. Từ vài hôm nay, giàn giáo đã dựng lên quanh chiếc tháp ở nhà thờ Saint-Jacques-de-la-Boucherie; rồi một sáng nào đó, cuốc sẽ bổ vào. Có một gã thợ nề đang xây gian trắng xóa ở giữa dáy tháp cổ kính của tòa Saint-Germain-des-Prés, tu viện phong kiến ba tháp chuông. Cứ tin rằng sẽ còn tên thợ nề khác phá đổ Saint-Germain d’Auxerre. Tất cả lũ thợ nề đó tự xưng là kiến trúc sư, được tòa thị chính hoặc thường dân trả lương và mặc áo lam hàn lâm viện sĩ. Tất cả tác hại mà khiếu tham mỹ giả có thể gây cho khiếu thẩm mỹ thực, họ đều đã làm. Vào lúc chúng tôi viết bài này, cảnh tượng thật tang thương! Một gã loại đó đang nắm lấy cung Tuileries*, một gã loại đó đang rạch vào giữa mặt Philibert Delorme* và tất nhiên, không phải là một vụ tai tiếng xoàng xĩnh trong thời buổi này, khi thấy tòa kiến trúc nặng nề

của vị đó rất trắng trợn đến nằm ngang sõng soài trước một trong những mặt nhà tinh tế nhất của thời Phục hưng.

Paris

Ngày 20 tháng mười năm 1832

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

QUYỂN MỘT
- I GIAN ĐẠI SẢNH
- II PIERRE GRINGOIRE
- III ĐỨC HỒNG Y GIÁO CHỦ
- IV THẦY JACQUES COPPENOLE
- V QUASIMODO
- VI LA ESMERALDA

QUYỂN HAI
- I TỪ CHARYBDE SANG SCYLLA
- II QUẢNG TRƯỜNG GRÈVE
- III BESOS PARA GOLPES
- IV NHỮNG PHIỀN TOÁI KHI THEO ĐUỔI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẸP QUA CÁC PHỐ VÀO BUỔI TỐI
- V TIẾP TỤC CÁC PHIỀN TOÁI
- VI CÁI VÒ VỠ
- VII ĐÊM TÂN HÔN

QUYỂN BA
- I NHÀ THỜ ĐỨC BÀ
- II PARIS DƯỚI TẦM CHIM BAY

QUYỂN BỐN
- I TẤM LÒNG VÀNG
- II CLAUDE FROLLO
- III IMMANIS PECORIS CUSTOS IMMANIOR IPSE
- IV CON CHÓ VÀ CHỦ NÓ
- V TIẾP THEO CHUYỆN CLAUDE FROLLO
- VI MẤT LÒNG NGƯỜI

QUYỂN NĂM
- I ABBAS BEATI MARTINI
- II CÁI NÀY SẼ GIẾT CÁI KIA

QUYỂN SÁU
- I NHẬN XÉT VÔ TƯ VỀ NỀN PHÁP CHẾ XƯA KIA

II HANG CHUỘT
III CHUYỆN CHIẾC BÁNH RÁN MEN BỘT NGÔ
IV GIỌT LỆ RỎ VÌ GIỌT NƯỚC
V KẾT THÚC CHUYỆN CHIẾC BÁNH
QUYỂN BẢY
I NỖI NGUY HIỂM KHI TIẾT LỘ BÍ MẬT CHO CON DÊ
II LINH MỤC VÀ TRIẾT GIA LÀ HAI NGƯỜI
III GIÀN CHUÔNG
IV ANAΓKH
V HAI KẺ MẶC ÁO THÂM
VI HIỆU QUẢ CÓ THỂ GÂY RA BỞI BẢY CÂU CHỬI ĐỔNG GIỮA TRỜI
VII QUỶ ĐỘI LỐT THẦY TU
VIII LỢI ÍCH CỦA DÃY CỬA SỔ MỞ RA SÔNG
QUYỂN TÁM
I ĐỒNG TIỀN BIẾN THÀNH LÁ KHÔ
II TIẾP THEO CHUYỆN ĐỒNG TIỀN BIẾN THÀNH CHIẾC LÁ KHÔ
III ĐOẠN CUỐI CHUYỆN ĐỒNG TIỀN BIẾN THÀNH LÁ KHÔ
IV LASCIATE OGNI SPERANZAI
V NGƯỜI MẸ
VI BA TRÁI TIM ĐÀN ÔNG CẤU TẠO KHÁC NHAU
QUYỂN CHÍN
I CƠN SỐT
II GÙ, CHỘT, THỌT
III ĐIẾC
IV SÀNH VÀ PHA LÊ
V CHIẾC CHÌA KHÓA CỔNG ĐỎ
VI TIẾP THEO CHUYỆN CHIẾC CHÌA KHÓA CỔNG ĐỎ
QUYỂN MƯỜI
I GRINGOIRE NẢY RA NHIỀU Ý KIẾN HAY LIÊN TIẾP TRÊN PHỐ BERNARDIN

II ĐI MÀ LÀM ĂN MÀY
III VUI CHƠI MUÔN NĂM
IV NGƯỜI BẠN VỤNG VỀ
V NƠI TƯ THẤT MÀ NGÀI LOUIS PHÁP QUỐC TỚI CẦU KINH
VI ĐOẢN KIẾM NGẠO ĐỜI
VII CHÂTEAUPER TỚI CỨU VIỆN
QUYỂN MƯỜI MỘT
I CHIẾC GIÀY NHỎ
II LA CREATURA BELLA BIANCO VESTITA (DANTE)
III ĐÁM CƯỚI CỦA PHOEBUS
IV ĐÁM CƯỚI CỦA QUASIMODO

QUYỂN MỘT

I
GIAN ĐẠI SẢNH

Cách đây ba trăm bốn mươi tám năm sáu tháng mười chín ngày, dân Paris thức dậy theo tiếng chuông ầm vang khắp nơi giữa ba lần tường thành của Khu thành cũ, Khu đại học - khu phố mới.

Tuy nhiên, mùng 6 tháng giêng năm 1482 chẳng phải là một ngày lịch sử cần ghi lại. Không có gì quan trọng về sự kiện từ sáng sớm đã làm sôi động các chuông nhà thờ cùng thị dân Paris. Không phải cuộc tấn công của dân Paris. Không phải cuộc tấn công của dân Picard hoặc dân Bourguignon, cũng chẳng phải đám rước tráp thánh tích, hoặc loạn học trò ở vườn nho Laas, hoặc cuộc xa giá của *đức hoàng đại hùng cường chúng ta,* hoặc chỉ là trò treo cổ ngoạn mục bọn trộm cắp trai và gái ở Tòa pháp đình Paris, càng không phải có vị sứ thần mũ mãng cân đai diêm dúa nào đột nhiên tới, như thường có vào thế kỷ XV. Mới cách đây hai ngày, kỵ đoàn cuối cùng loại đó, của sứ thần Flandre tới bàn chuyện hôn nhân giữa Thái tử và Marguerite de Flandre*, đã kéo vào Paris, làm đức hồng y Bourbon rất buồn bực; để vui lòng đức vua, ngài đành tươi tỉnh đón tiếp tất cả bọn thị trưởng ô hợp quê mùa xứ Flandre và thết họ tại lâu đài Bourbon một chầu *morality, satire, và farce hay tuyệt*, trong khi mưa tầm tã ướt sũng cả màn che cửa lộng lẫy. Mùng 6 tháng giêng, ngày làm *xúc động toàn thể dân chúng Paris,* như sử gia Jehan de Troyes nói, từ thời xa xưa, đã long trọng gấp đôi, nhờ gộp ngày lễ vua vào ngày Hội cuồng đãng*.

Hôm đó có đốt lửa liên hoan ở quảng trường Grève, lễ trồng cây tháng năm* ở nhà nguyện Braque và diễn *mystère** ở Tòa pháp đình. Nhân viên của ngài đô trưởng mặc nhung y lộng lẫy bằng vải lông thú màu tím, đeo thánh giá lớn màu

trắng trên ngực, từ hôm qua đã đi rao tù và khắp các ngã tư.

Cho nên từ sáng sớm, nhà cửa và hàng quán đều đóng lại, nam nữ thị dân đông nghịt từ khắp nơi kéo đến một trong ba địa điểm kể trên. Ai nấy đều đã dự tính, người đi dự lửa liên hoan, kẻ đến lễ trồng cây, người tới xem diễn *mystère*. Phải khen cái nết khôn ngoan lâu đời của dân lêu lổng đất Paris, cho nên cần phải nói phần lớn đám đông đều đi dự lửa liên hoan đang rất hợp thời, hoặc tới xem *mystère* sẽ diễn ở gian đại sảnh Tòa pháp đình rất kín đáo và ấm cúng, thế là bọn tò mò đã hẹn nhau để mặc cây tháng năm tội nghiệp, chớm nở hoa, một mình run rẩy trước bầu trời tháng giêng trong nghĩa địa nhà nguyện Braque.

Dân chúng kéo tới đông nhất trên các đường phố quanh Tòa pháp đình, vì biết tin sứ thần xứ Flandre, vừa tới hôm kia, dự định sẽ xem biểu diễn *mystère* và bầu Cuồng đãng giáo hoàng, việc này cũng sẽ tiến hành ở gian đại sảnh.

Hôm đó không dễ gì vào nổi gian đại sảnh, tuy hồi đó đã nổi tiếng là tòa nhà kín mái lớn nhất trên đời. (Quả thực sử gia Sauval còn chưa đo gian đại sảnh của lâu đài Montargis). Dân tò mò đứng ở cửa sổ, thấy quảng trường Tòa pháp đình đông nghịt người, trông giống như mặt biển, có năm sáu dãy phố hệt những cửa sông, mỗi lúc lại đổ ra các đợt sóng đầu người mới. Làn sóng người không ngừng dâng to, đập vào những góc nhà nhô ra đây đó như mũi đất giữa lưu vực lô xô của quảng trường. Chính giữa mặt tiền cao vút, kiểu Gothic*, của Tòa pháp đình, hai dòng người không ngừng lên xuống cầu thang lớn, gẫy gập ở tam cấp ngang chừng, tòa thành những lớp sóng rộng chạy theo hai dốc hai bên, và tôi có thể nói, chiếc cầu thang lớn liên tục tuôn xuống quảng trường như thác đổ vào hồ. Tiếng thét, tiếng cười, tiếng giậm của hàng nghìn bàn chân làm thành tiếng ồn ào và náo động ầm ĩ. Thỉnh thoảng, tiếng ồn ào, náo động đó lại rộ lên, dòng người xô đẩy nhau về phía cầu thang lớn bị dồn lại, sôi động, quay cuồng. Đó là sự đột nhập của một cung thủ hoặc của con ngựa gã cảnh vệ. Đoàn cảnh binh đang xông đến để giữ gìn trật tự; truyền thống tuyệt diệu mà Đoàn cảnh

binh đã truyền lại cho Tòa đô thống. Tòa đô thống truyền lại cho Đoàn kỵ hiến binh và Đoàn kỵ hiến binh truyền lại cho Sở cảnh sát Paris.

Ở cửa ra vào, cửa sổ, cửa mái, trên cả mái nhà, nghìn nghịt hàng nghìn khuôn mặt hiền lành thị dân, bình thản và lương thiện, nhìn tòa nhà, nhìn đám đông và không đòi hỏi gì hơn nữa; vì rất đông dân Paris vốn quen bằng lòng với cảnh người xem người, nên đã là chuyện rất kỳ lạ khi họ thấy sau bức tường còn sắp diễn ra trò gì đó.

Nếu chúng ta, những người của năm 1830, trong ý nghĩ được phép hòa lẫn với dân Paris của thế kỷ mười lăm và cùng họ lôi kéo, chen chúc, xô đẩy nhau, bước vào gian phòng mênh mông của Tòa pháp đình, rất chật hôm mùng 6 tháng giêng năm 1482, cảnh tượng sẽ không phải không hấp dẫn và lý thú, và ta sẽ thấy quanh ta toàn những vật cổ quá hóa ra có vẻ rất mới.

Nếu độc giả đồng ý, chúng tôi xin thử hình dung lại trong đầu óc cái ấn tượng mà bạn đọc cùng chúng tôi phải cảm thấy, khi bước qua ngưỡng cửa gian đại sảnh, giữa đám đông hỗn tạp cả thường phục lẫn nhung y.

Thoạt đầu là tai ù, mắt hoa. Trên đầu, hai tầng vòm hình cung nhọn, lát gỗ chạm khắc, sơn màu thanh thiên, thếp vàng hoa huệ; dưới chân nền đá hoa xen kẽ trắng đen. Cách vài bước, một cột trụ lớn, rồi cái nữa, lại cái nữa; tất cả bày dọc gian phòng, đỡ lấy hai tầng vòm giao nhau ở khoảng giữa bề ngang căn nhà. Quanh bốn cột đầu tiên là các quầy bán hàng, sáng choang ánh thủy tinh và trang kim, quanh ba cột cuối là dãy ghế dài gỗ sồi được mài mòn và sạch bóng bằng ống quần dân kiện cáo và áo chùng quan biện lý. Quanh gian phòng, dọc dãy tường cao, giữa cửa ra vào, cửa sổ, hàng cột, là một dãy dài bất tận các tượng của tất cả vua Pháp, kể từ Pharamond; nào vua đại lãn, tay thõng thượt, mắt nhìn xuống; nào vua vũ dũng và hiếu chiến, đầu cùng tay hùng hổ hướng lên trời. Rồi các ô kính muôn hồng nghìn tía ở dãy cửa sổ dài hình cung nhọn: các cánh cửa sang trọng, chạm trổ tinh vi, ở cửa lớn gian phòng; và tất cả, vòm

mái, cột trụ, tường nhà, khung cửa, gỗ lát, cửa, tượng, từ chân xuống dưới đều phủ lớp màu vàng xanh lộng lẫy, đã hơi cũ vào lúc ta trông thấy, chúng hầu như hoàn toàn biến mất dưới lớp bụi bặm và mạng nhện của năm công nguyên 1549, mà sử gia Breul theo tập quán vẫn còn khâm phục.

Bây giờ ta hãy hình dung gian phòng mênh mông thuôn dài đó, sáng cái ánh lờ mờ của một ngày tháng giêng, chật ních đám đông sặc sỡ và ồn ào đang men theo dọc tường để xô đến và xoay quanh bảy cột trụ, như vậy ta đã có được ý niệm mơ hồ về bức toàn cảnh mà chúng tôi sẽ gắng miêu tả chính xác hơn về những chi tiết lạ lùng.

Nếu Ravaillac không ám sát vua Henri IV, chắc chắn sẽ không có hồ sơ vụ án Ravaillac đặt ở phòng lục sự Tòa pháp đình; sẽ không có bọn tòng phạm lo lắng chuyện thủ tiêu các hồ sơ; từ đó, không có bọn đốt phòng lục sự để đốt hồ sơ, và phải đốt Tòa pháp đình để đốt phòng lục sự; tóm lại cuối cùng sẽ không có vụ hỏa hoạn năm 1618. Tòa pháp đình cũ sẽ còn đứng đó với gian đại sảnh: tôi chỉ việc nói với bạn đọc: “Cứ đến đó mà xem”; và cả hai ta sẽ bớt việc, tôi thì phải viết mà bạn lại phải đọc những trang miêu tả như thế này. - Điều đó chứng minh cái chân lý mới mẻ này: các sự kiện lớn đều để lại hậu quả khôn lường.

Đã đành đầu tiên rất có thể Ravaillac không có tòng phạm, sau nữa nếu tình cờ có chăng, chúng cũng không dính dáng gì vào vụ hỏa hoạn năm 1618. Còn hai cách giải thích khác nữa xem ra rất hợp lý. Thứ nhất là ngôi sao lớn bùng cháy, rộng một bộ, cao một khuỷu như mọi người đều biết đã từ trên trời rơi xuống Tòa pháp đình vào quá nửa đêm ngày mồng 7 tháng ba. Thứ nhì là bài thơ tứ tuyệt của Théophile:

Tất nhiên, quả là trò đáng buồn
Ở Paris, Pháp luật phu nhân
Vì chứng ăn quá nhiều gia vị,

Tòa pháp đình, châm lửa đốt luôn.

Dù có nghĩ gì về ba cách giải thích chính trị, vật lý, thi ca của vụ cháy Tòa pháp đình năm 1618, sự việc, chắc chắn đáng buồn vẫn là vụ cháy. Hiện nay chẳng còn sót lại được mấy tí, nhờ tai họa đó, nhất là nhờ mọi lần trùng hưng liên tiếp khác nhau đã kết liễu nốt những đám cháy còn để lại, chẳng còn sót lại mấy tí của ngôi nhà đầu tiên các vua Pháp ngự, của tòa lâu đài đàn anh so với điện Lourve, ngay từ thời vua Philippe le Bel đã khá cổ xưa rồi, khiến người ta tìm kiếm ở đó vết tích các dinh thự lộng lẫy do vua Robert xây dựng và Helgaldus miêu tả. Hầu hết cái đó đã tiêu tan. Còn đâu cung tể tướng, nơi vua Saint Louis hợp cẩn? Đâu vườn ngự uyển Người ngồi xử án, "mặc áo giáp lót lông thú, áo pha len cộc tay, ngoài khoác áo choàng bạch đàn đen, nằm trên thảm, cùng Joinville"? Đâu là cung hoàng đế Sigismond? Đâu cung vua Charles VI? Đâu cung Jean Vô Thổ*? Đâu là cầu thang Charles VI hạ chiếu ân xá? Đâu thềm điện mà Marcel từng chém đầu Robert de Clermont và nguyên soái Champagne, ngay trước mặt Thái tử? Đâu cửa cung từng là nơi xé tan các chỉ dụ của ngụy giáo hoàng Benedict, từ nơi đó các kẻ mang dụ tới đành quay trở về, chúng bị chế giễu bằng chụp mũ tế, khoác áo lễ, rồi được toàn Paris làm lễ tạ tội? Đâu là gian đại sảnh, được thếp vàng, sơn lam, với vòm cung nhọn, tượng, cột, vòm mái mênh mông chi chít những chạm trổ? Đâu là cung thếp vàng? Đâu con sư tử đá chầu trước ngự môn, đầu cúi gầm, đuôi cụp giữa chân, như đàn sư tử của ngai vua Solomon, mang tư thế nhẫn nhục thích hợp với ý nghĩa bạo lực trước công lý? Đâu các cửa điện huy vàng? Các ô kính lộng lẫy? Các đóng sắt bịt chạm trổ làm nản lòng cả Biscornette? Các đồ vàng bạc tinh vi của du Hancy?... Thời gian đã làm gì, con người đã làm gì đối với mọi kỳ quan đó? Tất cả cái đó, tất cả lịch sử xứ Gauloise, tất cả nền nghệ thuật Gothic còn để lại cho ta được những gì? Các vòm cung tròn thấp nặng của de Brosse tiên sinh, vị kiến trúc sư vụng về của chính môn Saint-Gervai, đó là cho nghệ thuật; còn với lịch

sử, ta có những kỷ niệm lắm lời của chiếc cột trụ lớn, còn vang các câu lảm nhảm của bọn Patru*.

Thật chẳng còn lại được bao nhiêu. - Ta hãy trở lại gian đại sảnh đích thực của Tòa Pháp đình cổ đích thực.

Ở hai đầu của tòa nhà hình bình hành khổng lồ này, một bên là chiếc bàn đá hoa trứ danh, rất dài, rất rộng và rất dày, chưa hề thấy bao giờ, như sổ hộ tịch cũ từng ghi, theo kiểu cách khiến Gargantua* thèm rỏ dãi, *đời thủa nào có khúc đá hoa to thế;* bên kia là nhà nguyện mà vua Louis XI sai khắc tượng mình quỳ trước Đức mẹ đồng trinh, và bất chấp hai hốc rỗng không bỏ lại, giữa dãy tượng vua, ngài cứ hạ lệnh cất đi các tượng của vua Charlemagne và vua Saint Louis, hai vị thánh mà ngài cho là rất được trên trời tín nhiệm đặt làm vua nước Pháp. Nhà nguyện đó còn mới, xây chưa được sáu năm, hoàn toàn theo kiểu thẩm mỹ duyên dáng của lối kiến trúc tinh tế, điêu khắc diệu huyền, chạm trổ tinh vi và sâu sắc, ở ta có đánh dấu giai đoạn cuối thời đại Gothic và còn tiếp tục mãi đến giữa thế kỷ XVI, trong vẻ hoa mỹ kỳ ảo thời Phục hưng. Đặc biệt chiếc cửa sổ hoa thị trổ trên cổng chính quả là một kiệt tác tinh vi và diễm lệ; như một ngôi sao bằng ren.

Giữa phòng, đối diện với cửa lớn là chiếc bục che gấm kim tuyến kê sát tường, có lối vào đặc biệt bằng một cửa sổ hành lang của gian phòng thếp vàng, nó được dựng lên để dành cho sứ thần xứ Flandre và các đại thần khác được mời tới xem diễn kịch.

Theo tập quán, bàn đá hoa sẽ là nơi diễn kịch. Từ sáng, bàn đã được sửa soạn xong; tấm đá hoa lớn, chằng chịt vết chân luật sư, đỡ một sàn gỗ khá cao, mặt trên mà cả phòng có thể trông thấy dùng làm sân khấu, còn phía dưới khuất sau màn che dùng làm phòng hóa trang cho diễn viên. Cái thang kê hớ hênh bên ngoài, nối liền sân khấu với phòng hóa trang; bậc dựng thẳng đứng tha hồ đi lên đi xuống. Không một nhân vật bất ngờ nào, không tình tiết, không kịch tính nào

lại không buộc phải leo qua cái thang đó. Quả là thời thơ ấu hồn nhiên, đáng kính của nghệ thuật mà máy móc!

Bốn viên cảnh vệ của pháp quan Tòa pháp đình đứng ở bốn góc bàn đá, đó là những kẻ canh gác bắt buộc có mặt ở mọi cuộc vui dân chúng, vào ngày lễ tết cũng như ngày hành hình.

Kịch chỉ bắt đầu diễn khi chiếc đồng hồ lớn treo nơi Tòa pháp đình vang lên giữa trưa đánh xong tiếng thứ mười hai. Chắc diễn kịch như vậy thì quá muộn; nhưng phải chiều theo giờ giấc của sứ thần.

Thế mà cả đám đông đã chờ suốt từ sáng. Vô số kẻ hiếu kỳ hiền lành đó rét run cầm cập từ tờ mờ sáng ở trước bậc thềm lớn Tòa Pháp đình; một số còn khẳng định đã nằm suốt đêm trên ngưỡng cửa lớn, để chắc chắn vào lọt được đầu tiên. Đám đông không ngừng lớn dần và như nước tràn, bắt đầu dâng lên dọc tường, loang quanh cột, ngập cả gờ tường, đầu cột, thành cửa sổ, khắp mọi nơi nhô ra của tòa nhà, khắp chỗ nổi lên của điêu khắc. Cho nên sự bứt rứt, nóng ruột, buồn chán, tự do của một ngày vui thả cửa và điên cuồng, các vụ cãi cọ luôn mồm luôn miệng vì cái khuỷu tay nhọn hoặc chiếc đế giầy đóng cá sắt, sự mệt mỏi phải chờ đợi lâu, đã làm cho tiếng ồn ào của đám dân chúng tù hãm, quây kín, chen chúc, xô đẩy, ngột ngạt, trở nên ngoa ngoắt và chua chát, từ khá sớm trước khi sứ thần đến. Chỉ còn nghe thấy tiếng than vãn và nguyền rủa bọn sứ thần, thị trưởng, hồng y giáo chủ Bourbon, pháp quan Tòa pháp đình, lệnh bà Marguerite d’Autriche, cảnh vệ cầm roi, cái rét buốt, nóng bức, thời tiết xấu, giám mục Paris, Cuồng đãng giáo hoàng, hàng cột, dãy tượng, cửa ra vào đóng kín, cửa sổ mở toang; tất cả đều là trò vui cho lũ học trò và lính hầu tản mạn trong đám đông, đang châm chọc và đùa nghịch trước mọi bất bình đó và có thể nói, càng kích động thêm nỗi tức giận chúng.

Ngoài ra còn một nhóm quỷ sứ vui nhộn đã đập vỡ kính cửa sổ, táo tợn leo ngồi lên bờ tường, từ đó chúng hết nhòm ngó lại chế giễu cả phía trong lẫn phía

ngoài, cả đám đông trong gian đại sảnh lẫn đám đông ngoài quảng trường. Qua cử chỉ nhạo báng, tiếng cười ha hả, tiếng bạn bè giễu cợt gọi nhau từ đầu đến cuối phòng, ta dễ dàng nhận thấy các giáo sinh trẻ đó không chia buồn, chia mệt với khán giả, và để vui thú riêng, họ rất biết lợi dụng cảnh tượng trước mắt để giúp họ kiên nhẫn chờ đợi một cảnh tượng khác.

- Ôi giời ơi, cậu đấy à. *Joannes Frollo de Molendino.* - Một người gọi, một gã nhỏ bé tóc hung, mặt mũi xinh xẻo, tinh quái, đang bám vào gờ nóc cột. - Cậu đúng tên là Jehan Cối Xay, hai chân hai tay cứ như bốn cánh cối xay quay trước gió. Cậu đến đây từ bao giờ thế?

- Đội ơn quỷ dữ, Joannes Frollo đáp, đến đã hơn bốn tiếng rồi, mà mình rất mong chỗ đó sẽ được tính vào thời gian ở luyện ngục. Tôi đã nghe tám ca sĩ của vua Sicily ngâm ngợi tiết đầu của buổi đại lễ hồi bảy giờ tại nhà nguyện Sainte-Chapelle.

- Ca sĩ chết tiệt gì mà giọng còn nhọn hơn mũ chóp! Trước khi làm lễ cho ngài thánh Jean, lẽ ra nhà vua phải hỏi xem ngài thánh Jean có thích tiếng La tinh được cầu nguyện bằng giọng xứ Provençal không đã.

- Chính để nuôi lũ ca sĩ phải gió đó của vua Sicily mà nhà vua đã làm như vậy! Một bà giả cất tiếng the thé trong đám đông ở dưới chân cửa sổ. Thử hỏi các vị, ai lại một nghìn đồng livre tiền Paris một buổi lễ bao giờ! Mà lại là trích từ tiền thuế cá biển ở các chợ Paris!

- Im đi, con mụ kia! - Một nhân vật to béo và bệ vệ nói, đang bịt mũi cạnh mụ hàng cá; - nhất định là phải làm lễ rồi. Các người lại muốn nhà vua ốm lại hay sao?

- Ăn nói khá lắm, thầy* Gille Lecornu, ông lái áo bào lông thú của đức vua ơi! - Gã học trò bé nhỏ ngồi bám nóc cột nói.

Lũ học trò phá lên cười trước cái tên xấu xí của ông lái áo bào lông thú tội nghiệp của đức vua.

- Lecornu! Gille Lecornu!* - Nhiều kẻ gọi ầm lên.

- *Cornutus et hirsutus**, - một người khác hùa theo.

- Này, tất nhiên rồi! - Thằng quỷ sứ ngồi ở nóc cột tiếp lời. - Có gì mà cười kia chứ? Thầy Gille Lecornu đáng kính, anh em với thầy Jehan Lecornu pháp quan hoàng cung, con trai thầy Mahiette Lecornu, đệ nhất trấn môn rừng Vincennes, tất cả đều là thị dân Paris, đều lấy vợ từ đời bố đến đời con.

Càng thêm vui nhộn. Ông lái áo bào lông thú to béo, không thèm trả lời nửa câu, gắng tránh con mắt mọi người tứ phía nhìn mình; nhưng ông có toát mồ hôi, thở phì phò cũng vô ích; như cái nêm đóng vào gỗ, ông càng cố càng nêm chặt hơn bộ mặt to béo trúng phong, đỏ dừ tức tối và giận dữ, vào giữa các bà vai người chung quanh.

Cuối cùng, một người đứng đó, to béo, thấp lùn và cũng trịnh trọng như ông ta, liền can thiệp.

- Thật láo lếu! Học trò mà ăn nói như vậy với một vị thị dân à! Thời trước thì người ta đã lấy củi phang cho một trận rồi thiêu sống luôn.

Tất cả lũ học trò thét toáng lên.

- Ái chà chà! Thằng cha nào dám lên giọng như vậy đấy? Con cú mèo xúi quẩy nào đấy?

- A, tao nhận ra rồi, - một gã nói. - Thầy Andry Musnier đấy mà.

- Vì ông ta là một trong bốn lái sách tuyên thệ của Khu đại học! - Gã khác tiếp lời.

- Cái gì cũng bốn trong cửa hàng đó, - gã thứ ba nói, - bốn quốc gia, bốn học viện, bốn ngày lễ, bốn biện lý, bốn tuyển hầu, bốn lái sách.

- Nếu thế, - Jehan Frollo nói tiếp, - càng phải làm loạn chúng nó lên.

- Musnier, ta đốt sách của thầy.

- Musnier, ta đánh đập gã đầy tớ của thầy.

- Musnier, ta giày vò vợ thầy.

- Tức mụ Oudarde to bẹo phì nộn.

- Nhưng tươi tắn và vui vẻ như gái góa.

- Quỷ tha ma bắt chúng mày! - Thầy Andry Musnier làu bàu.

- Thầy Andry - Jean nói, vẫn bám trên nóc cột - câm mồm đi, nếu không tao nhảy xuống đầu bây giờ!

Thầy Andry ngước mắt nhìn, trong giây lát như đo chiều cao chiếc cột, trọng lượng thằng quỷ, thầm nhân trọng lượng đó với bình phương của tốc độ rồi nín lặng.

Jehan đã làm chủ chiến trường, tiếp tục với vẻ đắc thắng.

- Tao sẽ làm thế đấy, mặc dù tao là em của phó chủ giáo.

- Các vị ở Khu đại học mới đẹp mặt chứ! Cũng chẳng thèm tôn trọng quyền lợi của chúng ta vào một ngày như hôm nay! Thế mà ở Khu phố mới, có lẽ trồng cây tháng năm và lửa liên hoan. Khu thành cũ có kịch, Cuồng đãng giáo hoàng và sứ thần xứ Flandre; còn Khu đại học chẳng có quái gì cả!

- Thế mà quảng trường Maubert cũng khá rộng đấy chứ! - Một giáo sinh ngồi chồm hỗm trên thành cửa sổ nói.

- Đả đảo hiệu trưởng, các tuyển hầu và biện lý! - Joannes thét lên.

- Tối nay phải lấy sách của thầy Andry nhóm lửa liên hoan ở Champ-Gaillard mới được, - gã kia tiếp lời.

- Cả giá sách bọn ký lục! - Gã đứng cạnh hùa theo.

- Cả roi bọn phụ giáo!

- Cả ống nhổ bọn khoa trưởng!

- Cả bàn trà bọn biện lý!

- Cả thúng bánh bọn tuyển hầu!

- Cả ghế đẩu lão hiệu trưởng!

- Đả đảo! - Anh chàng Jehan bé nhỏ lại hùa theo! - Đả đảo thầy Andry, bọn phụ giáo và bọn ký lục, bọn thần học, bọn thầy thuốc và bọn nghiên cứu thư tín giáo hoàng; bọn biện lý, tuyển hầu và lão hiệu trưởng!

- Thế này thì đến ngày tận thế rồi! - Andry bịt tai, khẽ nói.

- A, hiệu trưởng đây rồi! Lão ấy đang đi qua quảng trường, - một gã đứng trên cửa sổ reo lên.

Ai nấy vội quay lại nhìn ra quảng trường.

- Có đúng là ngài hiệu trưởng đáng kính của chúng ta, thầy Thibaut đó không? - Jehan Frollo cối xay hỏi, vì bám vào cái cột phía trong, nên không nhìn thấy gì ở bên ngoài.

- Phải, phải, - tất cả trả lời, - đúng lão ta, đúng lão ta rồi, thầy hiệu trưởng Thibaut.

Quả thực, đó là hiệu trưởng cùng tất cả quan lại Khu đại học long trọng tới yết kiến sứ thần và lúc đó đang đi ngang qua quảng trường Tòa pháp đình. Lũ học trò chen chúc ở cửa sổ, đón tiếp họ đi qua bằng các lời lẽ cay độc và tràng vỗ tay nhạo báng. Hiệu trưởng dẫn đầu đoàn người, chịu đòn trước tiên; kể cũng khá đau.

- Chào ngài hiệu trưởng! Ái chà chà! Chào ngài nhé!

- Cái tay cờ bạc khọm này, lão làm thế nào mà đến được đây? Chả nhẽ lão chừa đánh xúc xắc rồi sao?

- Xem lão ta lóc cóc cưỡi con la kia! Tai la còn ngắn hơn tai lão.

- Ái chà chà! Xin ngài hiệu trưởng Thibaut! *Tybalde aleator!** Lão ngốc! Quân cờ bạc khọm!

- Cầu Chúa phù hộ cho Ngài! Ngài có đánh bạc suốt đêm qua không?

- Ồ! Cái mặt già khọm, da chì, nhợt nhạt, thiểu não chỉ vì ham mê cờ bạc và

xúc xắc!

- Ngài đi đâu, *Tybulde ad dados**, mà quay lưng lại Khu đại học và cưỡi la tới Khu phố mới thế?

- Chắc lão đi tìm một khu căn nhà ở phố Thibautodé. - Jehan Cối Xay hét lên.

Lũ học trò gào to như sấm nhắc lại câu nhạo báng và vỗ tay ran.

- Ngài đi tìm nhà ở phố Thibautodé, phải không ngài hiệu trưởng, tay cờ bạc chung lưng với quỷ sứ?

Rồi đến lượt các học quan khác.

- Đả đảo bọn phụ giáo! Đả đảo bọn môn lại.

- Này, Robin Poussepain, cái lão kia là lão nào vậy?

- Đó là Gilbert de Suilly, *Gilbertus de Soliaco*, chánh văn phòng trường trung học d'Autun.

- Này, giày tao đây: mày đứng đó tiện tay hơn; ném vào giữa mặt nó cho tao.

- *Saturnalitias mittimus ecce nuces**.

- Đả đảo sáu nhà thần học mặc áo lễ trắng!

- Đó mà là nhà thần học à? Tao cứ tưởng sáu con ngỗng trắng của Thánh bà Geneviève cho Khu phố mới, cho thái ấp Roogny.

- Đả đảo bọn thầy thuốc!

- Đả đảo những cuộc tranh luận chủ yếu và nhạo báng.

- Cho lão cái mão đây, lão chánh văn phòng trường Sainte-Geneviève! Chính lão đã phi pháp làm hại ta.

- Đúng thế đấy! Lão đem chỗ của ta ở quốc gia Normandy trao cho thằng nhỏ Ascanio Falzaspada - người tỉnh Bourges, vì nó người Ý.

- Thế là bất công, - lũ học trò nói. - Đả đảo chánh văn phòng trường Sainte-Geneviève!

- Này! Này Joachim de Ladehor! Này! Louis Dahuille! Này! Lambert Hoctement!

- Quỷ bóp cái lão biện lý quốc gia Đức đi!

- Bóp luôn cả bọn tư tế ở nhà nguyện Sainte-Chapelle với cả mũ xám của chúng: *cum tunices grisis**.

- *Seu de pellibus grisis fourratis?**

- Ái chà chà! Bọn giáo sư nghệ thuật! Đủ các thứ áo chùng thâm đẹp! Đủ các thứ áo chùng đỏ đẹp!

- Thành cái đuôi đẹp gớm cho lão hiệu trưởng.

- Cứ như quận công xứ Venice đi dự đám cưới ngoài biển.

- Này Jehan! Lũ thầy dòng ở Sainte-Geneviève kìa!

- Kệ xác lũ thầy dòng!

- Tu viện trưởng Claude Choart! Tiến sĩ Claude Choart! Có phải ông định tìm cô Marie La Giffarde đó không?

- Cô ta ở phố Glatigny kia.

- Nó dọn giường cho trùm dâm đãng.

- Nó trả bốn đồng denier; *quatuor denarios.*

- *Aut unum bombum**. Ông có muốn nó trả cả công cho ông không?

- Các bạn ơi! Thầy Simon Sanguin, tuyển hầu xứ Picard, đèo vợ ở mông la.

*Post equitem seclet atra eura**.

- Cố lên, thầy Simon!

- Chào ngài tuyển hầu!

- Ngủ ngon nhé, tuyển hầu phu nhân!

- Liệu họ có sung sướng được thấy mọi cái đó không, - Joannes de Molendino thở dài nói, vẫn ngồi chót vót giữa đám lá trên nóc cột.

Trong khi ấy Andry Musnier, lái sách tuyên thệ Khu đại học, ghé tai nói với thầy Gille Lecornu; ông lái áo bào lông thú của đức vua:

- Thưa ông, tôi đã bảo đến lúc tận thế rồi mà. Không bao giờ lại thấy học trò ngỗ nghịch quá như vậy. Chính các phát minh khốn nạn của thế kỷ này đã làm hư hỏng hết. Pháo binh, đại bác, thần công và nhất là ấn loát, một thứ dịch hạch khác của nước Đức. Không còn bản viết tay, không còn sách nữa! Nghề in giết nghề sách. Đúng là tới lúc tận thế rồi.

- Cứ nhìn vào đà tiến bộ của vải nhung thì tôi cũng thấy thế, - bác lái da lông thú nói.

Giữa lúc đó, chuông đồng hồ điểm giữa trưa.

- A! - Tất cả đám đông đồng thanh reo lên. Lũ học trò nín lặng.

Rồi họ xô đẩy nhau hỗn loạn, tha hồ đạp chân húc đầu, ai nấy mặc sức ho ran, loạt soạt khăn tay, mỗi người tự thu xếp, chiếm chỗ, kiễng chân, tụ tập, thế rồi im phăng phắc; mọi cần cổ vươn mãi ra, mọi cái mồm há hốc, mọi cặp mắt đều nhìn phía bàn đá. Vẫn chẳng có gì. Bốn cảnh vệ của pháp quan vẫn đứng đó, im lìm và cứng đơ như bốn pho tượng quét sơn. Mọi cặp mắt vẫn quay lại nhìn cái bục dành cho sứ thần Flandre. Cửa vẫn đóng, bục vẫn trống không. Từ sáng, đám đông chờ đợi ba điều: buổi trưa, sứ thần xứ Flandre, vở kịch. Chỉ có mình buổi trưa đến đúng giờ.

Thế này thì thật quá đáng.

Mọi người đợi thêm một, hai, ba, năm, mười lăm phút; cũng chẳng có gì. Bục vẫn vắng ngắt, sân khấu im ắng. Thế rồi tức giận thay thế cho kiên nhẫn. Đúng là giọng nói tức tối mới lan đi nhẹ nhàng. “Diễn kịch đi!” - mọi người khẽ kêu lên. Các đầu óc sục sôi. Cơn dông tố mới đang ầm ì sôi động, phảng phất trên đầu đám đông. Chính Jehan Cối Xay dấy lên tia lửa đầu tiên.

- Diễn kịch đi thôi, kệ xác bọn sứ thần! - Hắn lấy hết hơi sức gào lên, quằn quại như con rắn quanh đầu cột.

Đám đông vỗ tay, nhắc lại:

- Diễn kịch đi, mặc xác bọn sứ thần!

- Diễn ngay kịch cho mọi người xem đi; nếu không, theo tao, cứ treo cổ lão pháp quan Tòa pháp đình lên, thay cho hài kịch và morality, - gã học trò lại thét lên.

- Đúng đấy, - dân chúng gào lên, - ta hãy bắt đầu treo cổ bọn cảnh vệ trước đã.

Tiếp theo là tiếng hoan hô nhiệt liệt. Bốn gã khốn khổ tội nghiệp tái mặt nhìn nhau. Đám đông chuyển động về phía chúng và bốn gã đã thấy chiếc hàng rào gỗ mỏng mảnh ngăn cách với bên ngoài đang cong lại và phình ra trước đám đông xô đẩy.

Giây phút thật nguy nan.

- Làm cỏ! Làm cỏ sạch! - Tứ phía reo lên.

Vừa vặn lúc đó, tấm màn che phông hóa trang mà chúng tôi đã tả ở trên, được nhấc lên và một người bước ra, chỉ nhìn thấy người đó đám đông đột nhiên ngừng ngay lại và như bùa phép biến tức giận thành tò mò.

- Im lặng! Im lặng!

Người đó rất lúng túng và run như cầy sấy, bước tới rìa bàn đá, chào đi chào lại mãi, càng đến gần càng như người gập gối chào.

Trong lúc đó, yên tĩnh dần dần trở lại. Chỉ còn tiếng lao xao mà bất cứ đám đông im lặng nào cũng có. Y nói:

- Thưa quý vị thị dân nam nữ, chúng tôi được hân hạnh xướng tụng và trình diễn trước Đức hồng y một vở morality tuyệt tác, mang tên: *Sự phán xét tốt lành của Đức Bà đồng trinh Mary.* Chính tôi đóng vai Jupiter. Đức ông hiện đang tháp tùng đoàn sứ thần rất đáng kính của Ngài công tước d'Autriche, đoàn sứ thần giờ này lại đang bận nghe diễn văn của ngài hiệu trưởng trường Đại học, ở

cổng Baudet. Chừng nào Đại đức giáo chủ tới, chúng tôi xin bắt đầu.

Rõ ràng, ít nhất cũng phải có sự can thiệp của Jupiter mới cứu nổi bốn viên cảnh vệ khốn khổ của pháp quan Tòa pháp đình. Nếu chúng tôi được cái hạnh phúc bịa đặt câu chuyện rất thật này, do đó phải chịu trách nhiệm trước Đức Bà phê bình, lúc nầy không hề chống lại chúng tôi nếu ai đó nhắc tới câu ngạn ngữ cổ điển: *Nec deus intersit**. Vả lại, bộ quần áo của thượng đế Jupiter rất đẹp và cống hiến phần không nhỏ vào việc làm nguôi đám dân chúng đang mải mê ngắm nghía nó. Jupiter mặc áo giáp phủ nhung đen tán đinh vàng chói; ngài trùm mũ sắt bịt mặt đơm khuy bạc mạ vàng; và nếu không có lượt phấn hồng và bộ râu to xù mỗi thứ, che một nửa mặt, nếu không có cuốn bìa vàng chóe, điểm kim nhũ, lòa xòa dải lụa trang kim ngài cầm trong tay mà con mắt thông thạo dễ dàng nhận thấy ngay đó là sét, nếu không có đôi chân màu da thịt và quấn băng theo kiểu Hy Lạp, với cách ăn mặc trang nghiêm đó, ngài đã có thể xứng đáng so sánh với một cung thủ xứ Breton của đội quân ngài Berry.

II
PIERRE GRINGOIRE

Tuy nhiên, trong khi hắn nói, vẻ bằng lòng thán phục đồng loạt do bộ quần áo gợi lên, tan dần theo lời nói; và khi hắn đi tới câu kết luận vô phúc: “Chừng nào Đại đức giáo chủ tới, chúng tôi xin bắt đầu”, tiếng hò hét như sấm dậy liền át hắn lời hắn.

- Bắt đầu lập tức đi thôi! Diễn đi! Diễn ngay đi thôi! - Dân chúng gào lên. Và nghe thấy tiếng *Johannes de Molendino* vang to hơn mọi giọng, chọc thủng tiếng ồn ào như tiếng sáo trong dàn nhạc om sòm ở Nime:

- Bắt đầu ngay đi thôi! - Gã học trò rít lên.

- Đả đảo Jupiter và giáo chủ Bourbon! - Robin Poussepain cùng các giáo binh khác trèo lên cửa, chửi ầm lên.

- Diễn ngay vở morality đi! - Đám đông hùa theo. - Ngay lập tức! Ngay tức khắc! Chém đầu và treo cổ bọn kép hát cùng giáo chủ!

Thần Jupiter tội nghiệp, ngơ ngác, run sợ, tái mét mặt dưới lớp phấn hồng, đành hạ uy sấm sét, cầm lấy chiếc mũ sắt bịt mặt; rồi hắn chào và lắp bắp nói: “Đức ông... các sứ thần... lệnh bà Marguerite de Flandre...” Hắn không biết nói gì hơn. Trong thâm tâm, hắn sợ bị treo cổ.

Chờ thì bị dân đen treo cổ, không chờ thì giáo chủ treo cổ, cả hai bên đều là vực thẳm, tức giá treo cổ.

May thay có người tới cứu nguy cho hắn và gánh lấy trách nhiệm.

Một người đứng bên kia hàng rào, giữa khoảng trống quanh bàn đá, chưa ai trông thấy, vì dáng người cao và gầy khuất sau chiều ngang chiếc cột hắn tựa, đã

hoàn toàn tránh mọi tia mắt, người đó, như ta nói, cao lớn, gầy gò, xanh xao, tóc hung, còn trẻ, mặc dầu trán và má nhăn nheo, mắt sáng long lanh, miệng tươi cười, mặc áo vải xéc đen, đã sờn rách và nhẵn bóng vì cũ, lại gần bàn đá và vẫy gọi gã nạn nhân khốn khổ. Nhưng hắn đang cuống quít nên không nhìn thấy.

Người mới tới tiến thêm bước nữa.

- Jupiter! - Anh ta gọi, - anh bạn Jupiter thân yêu ơi!

Gã kia vẫn chẳng nghe thấy.

Cuối cùng chàng tóc hung cao lớn sốt ruột, gần như quát lên trước mũi hắn:

- Michael Giborne!

- Ai gọi đấy! - Jupiter hỏi, như giật mình bừng tỉnh.

- Tôi, - người mặc áo đen đáp.

- A! - Jupiter thốt lên.

- Cứ diễn ngay đi, - chàng trai nói. - Hãy chiều lòng dân chúng. Rồi tôi sẽ xin với ngài pháp quan, ngài sẽ xin lại với đức giáo chủ.

Jupiter thở phào.

- Thưa quý thị dân, - hắn gân cổ gào lên trước đám đông tiếp tục ê hắn, - chúng tôi xin bắt đầu diễn ngay.

- *Evoe, Jupiter! Plaudite, cives**! - Lũ học trò reo lên.

- Noël! Noël!* - Dân chúng hò theo.

Thế là tiếng vỗ tay vang dậy như sấm và Jupiter đã quay vào sau màn che mà gian phòng còn rung chuyển tiếng hoan hô.

Trong lúc đó, con người vô danh đã thần kỳ chuyển bão táp thành sóng lặng gió êm, như ông lão Corneille thân yêu của ta từng nói, đã khiêm tốn quay lại chỗ bóng tối chân cột, và chắc sẽ đứng đó vô hình, bất động và câm lặng như trước, nếu không bị hai thiếu nữ kéo lại, họ đứng ở hàng đầu khán giả, đã trông thấy chàng bàn bạc với Michael Giborne - Jupiter.

- Thầy ơi, - một cô gọi, vẫy chàng lại gần...

- Thôi im đi, chị Liénarde ơi, - cô bạn đứng cạnh nói, cô ta xinh đẹp, tươi tắn và rất bạo dạn vì ăn mặc rất đẹp. - Anh ta không phải giáo sinh mà là người thế tục, cho nên không được gọi là thầy ơi, mà phải gọi ông ơi.

- Ông ơi, - Liénarde gọi.

Kẻ vô danh bước lại gần hàng rào.

- Các cô cần gì tôi ạ? - Chàng ta niềm nở hỏi.

- Ồ, không! - Liénarde ngượng ngùng nói, - chị bạn em là Gisquette la Gencienne muốn nói với anh thôi ạ.

- Không đâu, - Gisquette đỏ mặt cãi lại; - chính Liénarde gọi anh: thầy ơi; em mới bảo nó là phải gọi: ông ơi.

Hai cô gái nhìn xuống. Chàng kia không mong gì hơn được bắt chuyện nên tươi cười nhìn hai cô:

- Thế các cô không cần gì đến tôi à?

- Ồ, không! - Gisquette trả lời.

- Không ạ, - Liénarde đáp.

Chàng trai tóc hung cao lớn bước lên định bỏ đi. Nhưng hai cô tò mò lại không muốn bỏ lỡ thời cơ.

- Ông ơi, - Gisquette vội nói, bồng bột như cống được thoát nước hoặc như đàn bà đã thuận lòng, - thế ra ông quen anh lính sắp đóng vai Đức Bà đồng trinh trong vở kịch?

- Chắc cô định nói sắm vai Jupiter? - Chàng vô danh hỏi lại.

- À! Vâng, - Liénarde đỡ lời, - nó thật là ngốc! Thế anh quen Jupiter à?

- Michael Giborne phải không? - Chàng vô danh hỏi lại, - thưa tiểu thư, vâng.

- Râu anh ta mới rậm chứ! - Liénarde nói.

- Vở họ sắp diễn đó, liệu có hay không? - Gisquette rụt rè hỏi.

- Thưa cô, rất hay, - chàng vô danh không chút do dự trả lời luôn.

- Thế sắp diễn vở gì vậy? - Liénarde hỏi.

- Thưa cô, xin thưa đó là vở morality: Sự phán xét tốt lành của Đức Bà đồng trinh.

- Ồ! Vở khác rồi, - Liénarde nói.

Tiếp theo là phút im lặng ngắn ngủi. Chàng vô danh lên tiếng:

- Vở morality này mới tinh, chưa từng diễn bao giờ.

- Hóa ra không phải vở đã diễn cách đây hai năm, - Gisquette nói, - vào cái hôm nghênh tiếp ngài Khâm sai của giáo hoàng và có cả ba cô gái đẹp sắm vai...

- Các nàng tiên cá, - Liénarde nói.

- Và tất cả trần truồng, - chàng trai nói.

Liénarde e thẹn cúi nhìn xuống. Gisquette nhìn cô và cũng cúi theo. Chàng vô danh tươi cười nói tiếp:

- Vở này cũng sẽ vui lắm. Hôm nay là một vở morality viết riêng cho lệnh bà tiểu thư xứ Flandre.

- Thế họ có hát dân ca không? - Gisquette hỏi.

- Xì! - Chàng vô danh nói, - làm gì có trong vở morality! Không nên lẫn lộn thể loại như vậy. Giá là một vở sotie thì đã đành.

- Thật đáng tiếc, - Gisquette nói. - Hôm đó ở vòi nước Ponceau có những ông bà dữ tợn đánh nhau, họ còn làm nhiều động tác, vừa hát những bài thánh ca ngắn và dân ca.

- Cái đó thích hợp với một vị khâm sai của giáo hoàng nhưng lại không thích hợp với công chúa, - chàng vô danh lạnh nhạt nói.

- Gần họ lại còn nhiều nhạc cụ trầm đua nhau chơi, đánh những giai điệu rất du dương. - Liénarde nói.

- Còn để giải khát khách qua đường, - Gisquette tiếp lời, - vòi nước chia làm ba miệng phun ra nào rượu vang, nào sữa, nào rượu mùi, ai muốn uống tùy thích.

- Còn ở dưới vòi nước một tí, - Liénarde nói luôn, - ở nhà thờ Ba ngôi lại có cảnh thương khó bằng người mà không nói.

- Ừ, mình nhớ ra rồi! - Gisquette reo lên: - Chúa đóng đinh câu rút và hai tên vô lại bên phải và bên trái!

Đến đây, các cô gái ba hoa, sôi nổi, nhớ tới cuộc nghênh đón ngài Khâm sai của giáo hoàng đua nhau cùng nói:

- Còn ở đằng trước, chỗ cổng Họa sĩ, có nhiều người khác ăn mặc rất sang trọng.

- Còn ở vòi nước Saint-Innocent, lại có gã đi săn đuổi theo con hươu cái giữa tiếng chó sủa và tiếng kêu ầm ĩ!

- Còn ở cửa hàng thịt Paris là những giá treo cổ tượng trưng cho nhà ngục Dieppe!

- Còn khi ngài Khâm sai đi qua, này Gisquette, có nhớ không, mọi người xông lên và tất cả bọn người Anh đều bị treo cổ.

- Còn cạnh cổng Châtelet, có rất nhiều nhân vật lộng lẫy!

- Còn trên cầu Hối đoái, phía trên san sát là người!

- Còn khi ngài Khâm sai đi qua, trên cầu họ thả tới hơn hai trăm tá đủ loại chim; thật là tuyệt, Liénarde nhỉ.

- Hôm nay còn hay hơn, - anh chàng tiếp chuyện, như buộc phải kiên nhẫn nghe họ kể, cuối cùng xen vào.

- Anh tin chắc là vở này hay à? - Gisquette hỏi.

- Tin chắc chứ, - chàng trai trả lời; - rồi anh ta hơi huênh hoang nói tiếp: - Thưa quý cô, chính tôi là tác giả đó.

- Thực ư, - các thiếu nữ hết sức sửng sốt hỏi.

- Thực mà! - Thi sĩ khẽ hắng giọng đáp; - tức là chúng tôi có hai người: Jehan Marchand thì xẻ ván, dựng khung sân khấu và lát gỗ, còn tôi viết vở. Tên tôi là Pierre Gringoire.

Tác giả "Cid" cũng không thể xưng danh kiêu hãnh hơn: Pierre Corneille.

Bạn đọc hẳn nhận thấy thời gian đã trôi qua khá lâu, kể từ lúc Jupiter chui vào sau tấm màn che cho tới khi tác giả vở morality mới, bất thần xưng danh trước sự khâm phục ngây thơ của Gisquette và Liénarde. Có điều kỳ lạ: tất cả đám đông, vài phút trước còn sôi sục, giờ đây thật từ tốn, tin vào lời gã kép hát; nó chứng minh cái chân lý vĩnh cửu và hằng ngày vẫn được thử thách tại các nhà hát ở ta, rằng cách tốt nhất khiến công chúng kiên nhẫn chờ đợi là khẳng định sắp bắt đầu ngay lập tức.

Dù sao, gã học trò Joannes vẫn không ngủ.

- Ái chà chà! - Hắn đột nhiên thét lên giữa không khí im ắng chờ đợi tiếp sau phút nhốn nháo.

- Này Jupiter, Đức Bà đồng trinh, lũ hề xiếc của quỷ sứ! Chúng mày định xỏ à? Diễn đi! Diễn đi thôi! Bắt đầu ngay đi, không chúng ông lại ra tay bây giờ.

Nhưng chẳng cần phải làm đến như vậy.

Tiếng nhạc khí trầm bổng nổi lên ở phía trong sân khấu, rồi tấm màn vén lên; bốn nhân vật quần áo và phấn son sặc sỡ đi ra, trèo lên cái thang thẳng đứng của sân khấu, tới sàn trên, liền xếp hàng trước công chúng, cúi rạp xuống chào; khúc hòa tấu liền im bặt. Vở kịch bắt đầu.

Sau khi đón nhận tiếng vỗ tay rào rào đáp lại cử chỉ cúi chào, giữa im lặng thiêng liêng, bốn nhân vật cất tiếng giáo đầu, mà chúng tôi sẵn sàng tha cho bạn đọc khỏi phải nghe. Vả lại, đến nay cũng vẫn thế thôi, công chúng thường chú ý đến quần áo họ mặc hơn vai trò họ sắm; mà thực ra, thế là phải. Cả bốn người

đều mặc áo bào nửa vàng nửa trắng, chỉ khác nhau ở loại vải; cái thứ nhất bằng gấm thêu kim tuyến và ngân tuyến, cái thứ hai bằng lụa, cái thứ ba bằng len, cái thứ tư bằng vải. Nhân vật thứ nhất tay phải cầm kiếm, nhân vật thứ hai cầm hai chìa khóa vàng, người thứ ba cầm cái cân, người thứ tư cầm cái mai; và để giúp cho đầu óc lười biếng không nhìn thấy rõ qua những trang trí trong suốt đó, ta có thể đọc các dòng chữ thêu to đen dưới vạt áo gấm, *Ta tên là Quý tộc*; dưới vạt áo lụa, *Ta tên là Tăng lữ*; dưới vạt áo len, *Ta tên là Hàng hóa*; dưới vạt áo vải, *Ta tên là Cày bừa*. Hai biểu tượng nam giới được chỉ dẫn rõ ràng cho mọi khán giả đứng đắn biết bằng vạt áo ngắn hơn và chiếc mũ mềm đội trên đầu, còn hai biểu tượng nữ giới, mặc áo dài hơn, đội khăn.

Cũng phải hết sức vô tình ác ý mới không nhận ra, qua đoạn thơ giáo đầu, là Cày bừa kết hôn với Hàng hóa và Tăng lữ kết hôn với Quý tộc, cả hai cặp vợ chồng sung sướng đó đều có chung một thái tử bằng vàng tuyệt đẹp mà họ dự định chỉ gán ghép cho cô nàng nào đẹp nhất. Cho nên họ đi lang thang khắp nơi để tìm kiếm và cầu gặp giai nhân, sau khi lần lượt loại bỏ nữ vương tước Golconde, quận chúa xứ Trébisonde, công chúa của Đại hãn nước Thát đát, vân vân và vân vân..., Cày bừa và Tăng lữ, Quý tộc và Hàng hóa tới ngồi nghỉ trên tấm bàn đá hoa ở Tòa pháp đình, tôn ra trước mặt đám thính giả hiền lành tất cả các tục ngữ, châm ngôn, như vẫn thường phung phí ở các cuộc thi cử hồi đó của Viện nghệ thuật về ngụy biện, phương thức, hình tượng và hồi cảnh, nơi các thầy giành lấy mũ mão văn bằng học sĩ.

Quả là mọi cái đó đều hay tuyệt.

Tuy nhiên, trong đám đông mà bốn vai biểu tượng đang đua nhau tuôn ra hàng tràng ví von, không có vành tai nào chăm chú, trái tim nào hồi hộp, con mắt nào ngơ ngác, cái cổ nào vươn ra bằng con mắt, vành tai, cái cổ và trái tim của tác giả, thi sĩ, chàng Pierre Gringoire trung thực, một lát trước đây, đã không nén nổi vui sướng xưng danh với hai cô gái xinh đẹp. Chàng bước xa các cô vài

bước, trở lại đứng sau cột, từ đó chàng lắng nghe, ngắm nhìn, thưởng thức. Tiếng vỗ tay hoan hỉ chào đón khúc giáo đầu vẫn còn vang động trong lòng và chàng hoàn toàn đắm mình vào cảnh say sưa ngây ngất khi tác giả thấy tư tưởng mình từ miệng kép hát được gieo từng tiếng một xuống đám thính giả đông đảo đang im phăng phắc. Vinh dự thay Pierre Gringoire!

Nói ra thật đau lòng, nhưng phút say sưa đầu tiên đó chẳng mấy chốc bị quấy rối, Gringoire vừa mới ghé môi vào chiếc cốc đầy men hoan lạc và thắng lợi đó, một giọt chua cay đã hòa lẫn ngay vào.

Một gã ăn mày rách rưới, bị át giữa đám đông, chẳng kiếm chác được gì, và chắc không tìm thấy khoản bồi thường đầy đủ ở trong túi những người chung quanh, đã nghĩ cách trèo lên một chỗ để thu hút các cặp mắt và của bố thí. Cho nên, vào lúc ngâm những câu thơ đầu tiên của khúc giáo đầu, hắn liền bám vào những cột của chiếc bục dành riêng và đã trèo lên tới gờ đỉnh cột chắn phía dưới hàng lan can, rồi ngồi đó, áo quần rách rưới và vết loét ghê tởm trên cánh tay phải, hắn cầu mong các ông các bà chú ý rủ lòng thương hại. Thực ra, hắn chẳng nói câu nào.

Vì hắn im lặng nên đoạn giáo đầu được trót lọt, và chắc cũng sẽ không có sự hỗn độn nào đáng kể, nếu ma quỷ không xui khiến gã học trò Joannes từ trên cột, chợt nhìn thấy thằng ăn mày và mọi trò vè của nó. Gã thanh niên kỳ cục phá lên cười như điên, bất chấp chuyện ngăn trở vở kịch và phá rối im lặng chung, hắn vui vẻ kêu lên:

- Kìa! Cái lão hành khất đang xin ăn!

Ai từng ném hòn đá xuống cái ao đầy ếch nhái hoặc bắn phát súng vào giữa đàn chim, chắc hiểu được hiệu quả câu nói kệch cỡm đó giữa lúc mọi người đang chăm chú xem. Gringoire giật nẩy người như bị truyền điện. Đoạn giáo đầu ngừng lại, mọi người nhấp nhổm quay đầu nhìn thằng ăn mày, nó không chút bối rối, thấy ngay đây là dịp may hiếm có để gặt hái, nên toét miệng cười

phấn chấn, lim dim đôi mắt:

- Lạy ông lạy bà, bố thí cho con!

- Ơ này, chết thật, hóa ra Clopin Trouillefou. - Joannes nói. - Ái chà chà! Anh bạn, thế ra cái vết loét ở cẳng chân làm phiền nên anh bạn mới chuyển nó lên cánh tay chứ gì?

Nói xong, hắn khéo léo như khỉ, vứt đồng chinh vào chiếc mũ phớt bẩn trong cánh tay đau của tên ăn mày chìa ra. Nó lặng lẽ nhận cả tiền lẫn câu nói cay độc, và tiếp tục kêu van thê thảm.

- Lạy ông lạy bà, bố thí cho con!

Trò đó đâm ra mua vui rất nhiều cho thính giả và vô số khán giả, với Robin Poussepain cùng cả bọn học sinh đầu têu, vui vẻ vỗ tay hoan hô cuộc đối thoại kỳ quái vừa ứng tác, ngay nửa chừng giáo đầu, giữa gã học trò giọng the thé và gã ăn mày lải nhải van xin.

Gringoire rất bực mình. Thoạt đầu sửng sốt rồi trấn tĩnh lại, chàng ra sức quát tháo bảo bốn vai trò trên sân khấu: - Cứ diễn đi! Khổ lắm, cứ diễn tiếp đi! - Không thèm khinh bỉ liếc nhìn hai thằng phá quấy.

Giữa lúc đó, chàng thấy có người kéo vạt áo; chàng quay lại, hơi cáu kỉnh, rồi vội gượng cười. Tất nhiên, phải thế thôi. Vì đó là cánh tay xinh đẹp của Gisquette la Gencienne luồn qua hàng rào, tìm cách làm chàng chú ý tới.

- Thưa ông, - cô gái hỏi, - họ có diễn tiếp không ạ?

- Có chứ, - Gringoire trả lời, hơi bực mình vì câu hỏi.

- Thưa ông, - cô nói tiếp, - nếu vậy nhờ ông vui lòng cắt nghĩa hộ...

- Những điều họ sắp diễn chứ gì? - Gringoire ngắt lời. - Đây, thế này nhé!

- Không, - Gisquette nói, - cắt nghĩa những điều họ vừa mới diễn kia.

Gringoire giật nảy người, như có ai chọc vào vết thương rỉ máu.

- Cái con bé ngu ngốc, gàn dở chết tiệt! - Chàng lẩm bẩm nói.

Kể từ lúc này, Gisquette biến khỏi đầu óc chàng.

Trong khi đó, các đào kép đã tuân theo mệnh lệnh của chàng, còn công chúng thấy họ diễn tiếp lại lắng nghe, kể ra cũng bỏ sót mất khối chỗ hay, vào cái khúc nối ghép giữa hai đoạn của vở kịch bị bất thần ngắt quãng. Gringoire thầm chua chát nghĩ vậy. Thế nhưng trật tự dần dần trở lại, gã học trò lặng thinh, tên ăn mày đếm tiền trong mũ và vở kịch lại lôi cuốn mọi người.

Thực tình đó là một tác phẩm rất hay, nếu sửa chữa qua loa, chắc hẳn đến nay vẫn có thể còn dùng được tốt. Phần giao đãi, hơi dài và hơi rỗng, nghĩa là đúng theo quy tắc, thật đơn giản và trong thánh thất ngây thơ của thâm tâm. Gringoire khâm phục vẻ sáng sủa của nó. Nhưng mọi người đều đoán biết, bốn nhân vật biểu tượng có hơi mệt mỏi, vì sau khi đi khắp ba phần thế giới mà vẫn chưa tìm ra được người xứng đáng để gửi gắm thái tử vàng. Giữa lúc đó là lời ca ngợi của con cá kỳ diệu, với muôn vàn ám chỉ tinh tế về vị hôn phu trẻ trung của Marguerite de Flandre, lúc này đang vô cùng buồn bã ẩn dật ở Ambroise, và hoàn toàn không ngờ Cày bừa và Tăng lữ, Quý tộc và Hàng hóa đã vì mình vừa dạo quanh thế giới. Vị thái tử kể trên quả là trẻ, là đẹp, là khỏe, và nhất lại là con của sư tử Pháp (nguồn gốc đẹp đẽ của mọi đức tính đế phương!). Tôi xin tuyên bố hình ảnh ví von táo bạo đó thật tuyệt diệu, và lịch sử tự nhiên của sân khấu, vào một ngày của biểu tượng và chúc hôn thi đế vương, không hề sợ hãi một thái tử con của sư tử. Chính những pha trộn hiếm hoi và cầu kỳ đó đã xác nhận nhiệt tình. Dù sao, gọi là để góp phần phê bình, thi sĩ chỉ nên phát triển ý thơ tài tình đó dưới hai trăm câu thôi. Đã đành, theo lệnh ngài đô trưởng, vở kịch phải kéo dài từ mười hai giờ trưa đến bốn giờ chiều, cho nên nhất định phải nói năng gì đó. Vả lại, mọi người đều kiên nhẫn nghe.

Bỗng nhiên, giữa lúc cô nương Hàng hóa và lệnh bà Quý tộc đang cãi nhau, khi ngài Cày bừa ngâm câu thơ bay bướm:

Khó thấy trong rừng con vật nào đắc thắng hơn;

thì cánh cửa chỗ bục dành riêng, từ nãy đến giờ vẫn ngang chướng đóng kín, bỗng mở ra càng ngang chướng hơn; và giọng nói sang sảng của viên mõ tòa bất thần rao lên: *Đức ông hồng y giáo chủ Bourbon*.

III
ĐỨC HỒNG Y GIÁO CHỦ

Tội nghiệp thay Gringoire! Tiếng pháo kéo to tướng nhất loạt nổ ran trong ngày lễ Saint-Jean, tiếng vang rền của hai mươi xạ thủ súng hỏa mai, tiếng nổ của khẩu thần công kỳ diệu ở Tháp Billy vào ngày chủ nhật 29 tháng chín năm 1465, trong lần vây hãm Paris, một lúc giết chết bảy tên Bourguignon, tiếng nổ của tất cả thuốc súng tồn kho ở cổng đền vào giữa giờ phút long trọng và bi tráng này, cũng không làm chàng điếc tai bằng cái câu ngắn ngủi từ miệng mõ tòa tuôn ra: *Đức ông hồng y giáo chủ Bourbon.*

Chẳng phải Pierre Gringoire sợ hoặc khinh bỉ đức hồng y giáo chủ. Chàng vốn không có thói hèn nhát hoặc thói láo xược đó. Là phần tử chiết trung chân chính như ta thường gọi ngày nay, Gringoire thuộc loại tâm hồn cao thượng và kiên quyết, mực thước và bình tĩnh, bao giờ cũng *biết giữ phải chăng, stare in dimidio rerun**, đầy lý tính và triết lý tự do mà vẫn biết coi trọng giáo chủ. Nòi giống quý báu và không bao giờ đứt đoạn của những triết gia, đã được sự khôn ngoan giống như một Ariane* khác, trao cho cuộn chỉ để họ tháo gỡ từ buổi khai thiên lập địa mà đi qua mê cung của nhân tình thế thái. Thời nào cũng gặp lại họ, bao giờ họ cũng giống nhau, nghĩa là luôn luôn gặp, tùy theo mỗi thời. Và chưa cần kể tới anh chàng Pierre Gringoire đại diện cho họ vào thế kỷ thứ mười lăm, nếu ta có thể trả lại cho chàng cái thanh danh xứng đáng đó, chắc hẳn chính tinh thần họ đã động viên cha Du Breul khi cha viết vào thế kỷ thứ mười sáu những lời cao cả ngây thơ này, xứng đáng với mọi thế kỷ: “Đứng về quốc gia, tôi là dân Paris, còn đứng về ngôn ngữ, tôi là Parrhisian, vì *parrhisia* theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là tự do ăn nói: tôi cũng sử dụng quyền tự do ăn nói ngay

cả với chư vị hồng y giáo chủ, chú bác và anh em với đức quận công Conty; tất nhiên là vẫn tôn trọng địa vị cao quý của các vị và không hề xúc phạm đến ai trong đám tùy tòng, vốn rất đông".

Cho nên chẳng phải vì thù ghét giáo chủ hoặc khinh bỉ sự có mặt của người mà Pierre Gringoire có cảm giác khó chịu. Trái hẳn lại, anh chàng thi sĩ thừa đủ lương tri và mang chiếc áo khoác quá tã rồi, nên không thể không đặc biệt quan tâm tới việc nhiều ví von trong đoạn giáo đầu, đặc biệt là sự ngợi ca thái tử con trai sư tử Pháp, được lọt vào tai đại đức ông. Nhưng quyền lợi vốn không thống trị trong bản chất cao thượng của thi sĩ. Nói giả dụ thực thể của thi sĩ được thể hiện bằng con số mười, chắc chắn nhà hóa học, như Rabelai nói, trong khi phân tích và bào chế, sẽ thấy nó gồm một phần quyền lợi lẫn chín phần tự ái. Thế mà, đúng lúc cửa mở ra cho giáo chủ đi vào, chín phần tự ái của Gringoire, đang sưng phồng và nung mủ trước làn gió của quần chúng ái mộ, đang trong tình trạng phát triển thần tốc, có thể nói nó đè bẹp luôn mất tăm chút phần tử quyền lợi tí tẹo mà vừa nãy ta đã nhận thấy trong cấu tạo của thi sĩ: tóm lại, đó là vị thuốc quý, là vật dìm nặng của thực tế và nhân đạo mà không có nó, thi sĩ không thể chạm chân xuống đất. Gringoire vui sướng cảm thấy, nhìn thấy, có thể nói sờ thấy toàn thể cuộc họp mặt, đã đành họ toàn là người hèn hạ, nhưng sá gì khi họ đang sững sờ, mê mệt, gần như nghẹt thở trước những tràng dài từ dằng dặc vô biên, mỗi lúc lại tuôn ra từ mọi phần của vở chúc hôn thi. Tôi khẳng định chính chàng cũng lấy phần vui sướng chung, và trái với La Fontaine, trong buổi trình diễn vở hài kịch của ông là *Florentin* đã hỏi: *Không biết cái thằng mất dạy nào đã viết vở sử thi này?* Gringoire sẽ sẵn sàng hỏi ngay người đứng bên cạnh: *Kiệt tác này của ai vậy?* Bây giờ ta có thể thấy việc giáo chủ tới đột ngột và không đúng lúc như vậy đã tác động thế nào đến anh ta.

Điều này ta lo sợ còn diễn ra tệ hơn thế. Thính giả đã náo động khi đức ông bước vào. Mọi cái đầu đều quay nhìn phía bục. Không còn nghe thấy gì nữa -

Giáo chủ! Giáo chủ! Mọi cái mồm xôn xao. Đoạn giáo đầu khốn khổ ngừng lại lần thứ hai.

Hồng y giáo chủ dừng lại một lát trên ngưỡng bục. Trong khi ngài nhìn thính giả khá lạnh lùng, sự huyên náo càng tăng. Ai cũng muốn nhìn rõ ngài. Cứ thế họ đua nhau nghểnh mãi cổ qua vai người khác.

Quả thực đây là một nhân vật cao cấp đáng xem hơn tất cả trò vè khác, Charles, hồng y giáo chủ Bourbon, tổng giám mục và bá tước Lyon, trưởng chủ giáo Gauloise, vừa là thông gia với vua Louis XI vì Pierre, ông anh của ngài, lãnh chúa Beaujeu, đã lấy công chúa đầu của đức vua lại vừa có họ ngoại với vua Charles Quả cảm, qua bà mẹ của ngài là Agnès de Bourguignon. Thế mà nét chủ yếu, nét đặc sắc và riêng biệt trong tính nết của vị trưởng chủ giáo Gauloise lại chính là ý thức đình thần và sùng bái kẻ cường quyền. Ta có thể thấy rõ vô vàn khó khăn, do hai bên thông gia đó gây cho giáo chủ, và đủ mọi thứ đá ngầm tạm thời, mà chiếc thuyền tinh thần của ngài phải lắt léo vượt qua, để khỏi xô vào cả Louis lẫn Charles, một thứ Charybde và Scylla*, từng nuốt chửng công tước Nemours và nguyên soái Saint-Paul. Nhờ giời, ngài đã vượt qua cơn sóng gió và tới Rome yên ổn. Nhưng mặc dù cập bến, và chính vì đã cập bến, ngài không bao giờ yên tâm khi nhớ lại đủ thứ may mắn của cuộc đời chính trị bấy lâu rất gay go và cần mẫn. Cho nên ngài thường hay nói là năm 1476 đối với ngài *vừa đen vừa trắng;* ngụ ý cũng năm đó đã tạ thế cả thân mẫu của ngài là nữ công tước Bourbonnai lẫn ông anh họ của ngài là công tước Bourguignon và đám tang này làm vơi nỗi buồn đám tang kia.

Tóm lại đây là một người tốt. Ngài sống cuộc đời giáo chủ đầy hoan lạc, sẵn sàng vui thú với món rượu vang cung tiến Challuau, không ghét cô Richarde la Garmoise và cô Thomasse La Saillarde, thích bố thí cho gái đẹp hơn bà già và vì mọi lý do đó, rất được đám *bình dân* Paris ưa chuộng. Ngài đi đâu cũng vây quanh cả một triều đình nho nhỏ những giám mục và tu viện trưởng thuộc dòng

dõi cao quý, đàng điếm, tục tĩu và nếu cần thì chè chén nhậu nhẹt ngay; và đã nhiều lần các bà sùng đạo thật thà ở nhà thờ Saint-Germain d'Auxerre, buổi tối đi ngang qua cửa sổ sáng đèn của tòa nhà Bourbon, đã bất bình khi nghe thấy cũng vẫn những giọng nói ban ngày vừa cầu kinh vãn khóa cho họ, nay lại chạm cốc loảng xoảng, ngẫm lại câu tục ngữ lưu linh của Benoît XII, vị giáo hoàng đã thêm một mũ miện thứ ba vào ngọc miện giáo hoàng:

- *Bibamus papaliter.**

Chắc nhờ tiếng tăm giành được rất xứng đáng đó mà khi bước vào, giáo chủ đã tránh khỏi mọi đón tiếp hằn học của đám đông, trước đó một lúc đang rất bất bình và rất ít sẵn sàng tôn trọng một giáo chủ vào đúng hôm họ sắp bầu một giáo hoàng. Nhưng dân Paris không hay thù oán, hơn nữa, trong khi buộc vở thánh kịch phải diễn sớm, các thị dân hiếu đức đã đánh bại được giáo chủ và họ thấy thắng lợi này đủ rồi. Vả lại đức hồng y giáo chủ Bourbon vốn bảnh trai, mặc rất vừa vặn cái áo thụng đỏ rất đẹp; tức là ngài đã được lòng tất cả đàn bà, do đó chiếm một nửa đám thính giả rồi. Tất nhiên, chỉ vì phải chờ xem diễn kịch mà đi la ó một vị giáo chủ thì thật bất công và vô duyên, nhất là ngài lại bảnh trai và mặc áo thụng đỏ thật vừa vặn.

Cho nên ngài bước vào, chào cử tọa bằng nụ cười cha truyền con nối của những quý nhân dành cho dân chúng, thong thả bước tới ghế bành nhung đỏ chói, có vẻ như đang nghĩ chuyện đâu đâu. Đoàn tùy tùng, cái bây giờ ta gọi là ban tham mưu các giám mục và linh mục, theo sau cũng ùa lên bục, làm khán giả càng náo động và tò mò hơn. Mạnh ai người nấy chỉ trỏ, kể tên, những ai dù chỉ biết một người trong đoàn; người thì kể tên Alaudet, giám mục Marseille, nếu tôi nhớ đúng; kẻ lại chỉ trỏ trưởng giáo hội Saint-Denis; kẻ kể tên Robert de Lespinasse, tu viện trưởng Saint-Germain-des-Prés vốn là anh em phóng đãng của một cô tình nhân của vua Louis XI: cứ thế với vô số nhầm lẫn và líu la líu lô. Còn lũ học trò thì chửi đổng. Hôm nay là ngày lễ của chúng, ngày hội cuồng

đãng, ngày hội phóng dật, ngày chè chén say sưa hàng năm của giới luật sư và trường học. Hôm nay tha hồ mà bậy bạ không ai cấm đoán và chẳng có gì là thiêng liêng hết. Hơn nữa, trong đám đông lại còn những mụ mồm loa mép giải như Simone Quatrelivres, Agnès la Gadine, Robine Piédebou... Dù sao ít nhất cũng được tha hồ chửi đổng và được văng tục dăm ba câu vào một ngày đẹp đẽ như thế này, cùng đàn đúm với giáo sĩ và gái đĩ! Cho nên chúng không chịu đứng ngoài và lẫn trong tiếng ồn ào là tiếng la hét kinh người nguyền rủa và văng tục, của tất cả các miệng lưỡi tháo khoán, miệng lưỡi giáo sinh và học trò cả năm bị kìm giữ vì sợ thanh sắt nung của Saint Louis. Tội nghiệp thay vua Saint Louis, họ bất chấp tất cả ngay giữa Tòa pháp đình của ngài. Đối với các vị vừa trèo lên bục ngồi, mỗi đứa trong bọn chúng tìm cách công kích một vị áo chùng thâm hoặc xám, hoặc trắng, hoặc tím. Còn Joannes Frollo de Molendino, với tư cách là em phó chủ giáo, hăng hái đả kích vào cái áo đỏ, gương mặt láo xược nhìn chằm chằm đức giáo chủ, miệng hát nhặng xị: *Cappa replete mero**.

Mỗi chi tiết đó, mà ở đây chúng tôi vạch trần ra trước nỗi kinh ngạc của bạn đọc, đã hoàn toàn bị tiếng ồn ào chung át đi, nên mất hút trước khi vang tới bục dành riêng. Vả lại, đức giáo chủ cũng chẳng thèm để ý, vì theo phong tục, hôm đó tha hồ tự do. Hơn nữa, vẻ mặt khó đăm đăm chứng tỏ ngài đang bận tâm tới mối lo khác, nó bám sát gót chân và gần như cùng lúc bước lên bục với ngài. Đó là đoàn sứ thần xứ Flandre.

Không phải ngài là nhà chính trị thâm trầm hoặc định kiếm chác gì nhờ hậu quả có thể có trong cuộc hôn nhân giữa lệnh bà em họ ngài, Marguerite de Bourguignon, với điện hạ em họ ngài, Charles, thái tử Vienne; tính hòa hiếu giả dối giữa công tước d’Autriche và vua Pháp lâu bền đến đâu, chuyện vua Anh sẽ coi việc khinh miệt công chúa của ngài ra sao, giáo chủ ít bận tâm đến và mỗi tối vẫn thưởng thức món rượu vang cung tiến Challuau, mà không ngờ chỉ vài chai thứ rượu vang đó (tất nhiên đã được quan ngự ý Coictier kiểm tra và sửa

chữa lại đôi chút) do vua Louis XI thân ái biếu vua d'Édouard IV, đã giúp vua Louis XI loại trừ d'Édouard IV vào một sáng nào đó. *Đoàn sứ thần vô cùng kính mến của ngài công tước d'Autriche* không làm giáo chủ lo lắng gì hết, nhưng lại làm phiền mặt khác. Như chúng tôi đã nói sơ qua ở trang đầu quyển một này, quả tình có hơi bực mình cho ngài Charles de Bourbon, phải bắt buộc niềm nở và linh đình đón tiếp bọn thị dân dấm dớ đó; hồng y giáo chủ như ngài mà phải tiếp bọn thẩm phán; dân Pháp như ngài, quen yến tiệc truy hoan, mà phải tiếp bọn dân Flandre chuyên nốc bia; mà lại phải tiếp đón công khai. Chắc chắn, để làm vui lòng đức vua, chưa bao giờ ngài phải nhăn nhó vô vị bằng lần này.

Cho nên ngài quay về phía cửa, điệu bộ lịch sự nhất trần đời (vì ngài đã tập luyện mãi) khi mõ tòa sang sảng rao lên: *Quý vị sứ thần của ngài công tước d'Autriche.* Không cần phải nói là toàn thể gian phòng đều làm như vậy.

Thế là từng đôi một đi tới, vẻ long trọng trái hẳn với không khí hăng hái của đoàn tăng lữ Charles de Bourbon, với bốn mươi tám sứ thần của Maximilien d'Autriche, dẫn đầu là đức cha tinh thần Jehan, tu viện trưởng ở Saint-Bertin, chưởng án quan huân chương hiệp sĩ Kim trùy và Jacques de Goy, tức ngài Dauby, tại pháp quan thành phố Gand. Đám đông im phăng phắc, cố nhịn cười để lắng nghe những cái tên kỳ cục và mọi chức vị thị dân mà mỗi nhân vật đó lạnh lùng bảo cho mõ tòa, sau đó được rao hỗn độn cả tên lẫn chức vị, thường bị thiếu sót, trước đám đông. Đó là thầy Loys Roelof, thẩm phán thành phố Louvain; ông Clays d'Etuelde, thẩm phán Bruxelles; ông Paul de Baeust, tức Voirmizelle, tổng đốc xứ Flandre; thầy Jehan Coleghen, thị trưởng thành phố d'Angve; thầy George de la Moere, đệ nhất thẩm phán tòa Kuere thành phố Gand; thầy Gheldolf van der Hage, đệ nhất thẩm phán cũng thành phố trên; rồi Bierbecque, và Jehan Pinnock, và Jehan Dymaerzelle, v.v...; pháp quan, thẩm phán, thị trưởng; rồi lại thị trưởng, thẩm phán, pháp quan; tất cả đều đứng đơ,

trịnh trọng, sột soạt, lộng lẫy gấm nhung, đầu đội mũ mềm nhung đen tết ngù to bằng kim tuyến Chypre; tóm lại toàn dân Flandre khá giả, mặt mũi trịnh trọng và nghiêm nghị, của loại gia đình mà họa sĩ Rembrandt từng lột tả rất mạnh mẽ và trang nghiêm, nổi bật trên cái nền tối đen của bức tranh *Tuần đêm;* đó là các nhân vật đã ra mặt lộ cái vẻ mà Maximilien d'Autriche, như từng nói trong chỉ dụ của ngài, đã có lý để *tin cậy hoàn toàn vào ý thức, lòng quả cảm, kinh nghiệm, sự chính trực và ưu thế tốt đẹp nhất của họ.*

Tuy nhiên, có một nhân vật ngoại lệ. Đó là một khuôn mặt thanh tú, thông minh, giảo quyệt, một thứ mõm khỉ và mồm nhà ngoại giao, được giáo chủ tiến lên ba bước và cúi rạp người chào, mặc dù ông ta chỉ mang tên là *Guillaume Rym, cố vấn và tổng trấn thành phố Gand.*

Lúc đó còn ít người biết Guillaume Rym là người thế nào. Đó là một tài năng hiếm hoi mà gặp được thời buổi cách mạng thì chắc sẽ chói lọi nổi lên trên các sự kiện, nhưng ở vào thế kỷ mười lăm, y đã bị hạn chế trong các âm mưu hắc ám và phải *sống bằng phá hoại ngầm,* như công tước Saint-Simon nói. Tóm lại, ông ta được vị đệ nhất công binh châu Âu trọng vọng, ông thân cận mưu mô với Louis XI và thường dúng tay vào các việc bí mật của nhà vua. Đám đông không hề biết mọi chuyện đó, cho nên họ ngạc nhiên về thái độ kính cẩn của giáo chủ đối với bộ mặt ẻo lả của vị pháp quan xứ Flandre.

IV
THẦY JACQUES COPPENOLE

Trong khi vị tổng trấn thành phố Gand cùng đức ông cúi rạp người chào nhau và trao đổi vài câu thật khẽ, một người cao lớn, mặt to bè, vai vạm vỡ, bước tới, cùng sóng đôi đi vào với Guillaume Rym; trông họ như con chó gộc cạnh con cáo. Cái mũ phớt trùm đầu và chiếc áo vét da nổi lên giữa đám nhung lụa vây quanh. Tưởng đó là một tên mã phu lầm đường, viên mõ tòa liền ngăn lại:

- Này, anh bạn! Đứng lại.

Người mặc áo vét da huỳnh vai đẩy bật hắn ra.

- Cái lão này muốn gì kia chứ? - Bác ta nói, giọng oang oang, làm cả phòng chú ý tới cuộc đấu khẩu kỳ lạ. - Anh không thấy tôi cùng đi với đoàn à?

- Tên ông là gì? - Mõ tòa hỏi.

- Jacques Coppenole.

- Chức vụ?

- Lái quần chẽn, ở hiệu *Ba dây chuyền,* tại Gand.

Viên mõ tòa lùi phắt lại. Xướng danh các thẩm phán và thị trưởng, còn tạm được; chứ một gã lái quần chẽn, thì gay go quá. Giáo chủ như ngồi trên gai. Toàn dân đang nghe và nhìn. Đã hai ngày nay, đức ông phải cố liếm sạch đàn gấu xứ Flandre đó cho tạm tươm tất để ra mắt công chúng và cuộc xưng danh kỳ quái này thật gian nan. Trong khi đó, Guillaume Rym đã mỉm cười khôn khéo, bước lại gần mõ tòa:

- Cứ xướng là thầy Jacques Coppenole, tập sự viên của các thẩm phán thành

phố Gand, - ông ta bảo hắn rất khẽ.

- Này mõ tòa, giáo chủ nói ta nhắc lại, hãy xướng danh thầy Jacques Coppenole, tập sự viên của các thẩm phán ở thành phố Gand lừng danh.

Thật sai lầm. Nếu chỉ một mình thì Guillaume Rym đã gạt bỏ được khó khăn; nhưng Coppenole đã nghe thấy giáo chủ nói.

- Ồ Lạy Chúa, không! - Bác nói giọng như sấm. - Jacques Coppenole, lái quần chẽn. Nghe thấy chưa, mõ tòa? Không hơn, không kém. Lạy Chúa! Lái quần chẽn. Thế cũng đủ đẹp rồi. Ngài đại công tước đã nhiều lần nhờ quần chẽn của ta mà thành công.

Tiếng cười, tiếng vỗ tay ran lên. Một câu pha trò lập tức được Paris hiểu ngay và do đó bao giờ cũng được hoan nghênh.

Xin nói thêm Coppenole là người bình dân và đám công chúng vây quanh bác cũng là bình dân. Cho nên sự cảm thông giữa họ và bác rất nhanh, như truyền điện, và có thể nói hết sức dễ dàng. Câu nói thách thức kiêu ngạo của bác lái quần chẽn xứ Flandre, làm nhục các triều thần, đã dấy động trong mọi tâm hồn thứ dân một thứ tình cảm tự hào còn mơ hồ và mập mờ vào thế kỷ thứ mười lăm. Thật bình đẳng cái bác lái quần chẽn vừa đối đầu với đức giáo chủ đó. Ý nghĩ này rất thú vị đối với những kẻ tội nghiệp quen khúm núm và vâng dạ trước bọn tay chân cảnh vệ của pháp quan thuộc tu viện trưởng Sainte-Geneviève, vị giáo sĩ tùy tùng giáo chủ.

Coppenole kiêu hãnh chào đức ông, đức ông đáp lễ người thị dân đầy quyền lực đáng gờm của vua Louis XI. Sau đó, trong khi Guillaume Rym, *con người khôn ngoan và hóm hỉnh*, như lời sứ giả Philippe de Comine nói, mỉm cười giễu cợt và trịch thượng nhìn họ, cả hai ai về chỗ người nấy, giáo chủ thì hết sức bối rối và lo lắng, còn Coppenole lại điềm đạm và kiêu kỳ, chắc vẫn thầm nghĩ dù sao danh hiệu lái quần chẽn của mình cũng chẳng thua kém gì ai, và Marie de Bourguignon, mẹ của Marguerite mà hôm nay Coppenole đưa đi gả chồng: hắn

không sợ đức giáo chủ bằng sợ bác lái quần chẽn: vì không phải một giáo chủ có thể xúi dân chúng thành phố Gand nổi loạn chống lại những sủng thần của con gái Charles Quả cảm, không phải một giáo chủ có thể dùng lời lẽ để động viên quần chúng chống lại nước mắt và lời cầu nguyện của họ, khi lệnh bà xứ Flandre phải tới tận chân đài tử hình để van xin dân chúng tha tội cho bọn sủng thần; trong khi bác lái quần chẽn chỉ cần giơ khuỷu tay bọc da là đủ làm rơi đầu hai vị quý ngài lãnh chúa tối cao, Guy d'Hymbercourt và chưởng ấn quan Guillaume Hugonet!

Tuy nhiên, chưa phải đã hết chuyện đối với vị giáo chủ tội nghiệp và ngài còn phải uống nốt đến đáy chén cái cặn rượu cay đắng của trò đánh bạn xúi quẩy này.

Bạn đọc chắc chưa quên tên ăn mày láo xược đã trèo lên ngồi bám vào ria bục của giáo chủ, ngay từ lúc mở màn giáo đầu. Các quý khách kéo đến không hề làm hắn nao núng và trong khi cả giáo sĩ lẫn sứ thần đang chen chúc nhau như cá mòi xứ Flandre chính cống nêm chặt, trên dãy ghế khán đài, hắn vẫn ung dung và ngang tàng khoanh chân trên đầu cột. Thái độ láo xược đó thật ít thấy và lúc đầu, không ai để ý tới, vì còn mải nhìn đi chỗ khác. Còn hắn ta cũng chẳng nhìn thấy gì hết trong gian phòng; hắn lắc lư cái đầu, vẻ vô tư như dân xứ Neapolitan và theo thói quen máy móc, thỉnh thoảng lại kêu van giữa tiếng ồn ào: "Lạy ông lạy bà, bố thí cho con". Và dĩ nhiên, trong cả đám khán giả, chắc chắn là người duy nhất không thèm ngoảnh đầu lại xem cuộc cãi cọ giữa Coppenole và mõ tòa. Thế mà, tình cờ lại xui khiến bác lái quần chẽn thành phố Gand, người được dân chúng lập tức nhiệt liệt mến phục và đang thu hút mọi cặp mắt chăm chú, tới ngồi đúng hàng ghế đầu của bục, ngay trên đầu thằng ăn mày; và mọi người không phải ít ngạc nhiên lúc thấy vị sứ thần xứ Flandre, sau khi quan sát tên dấm dớ ngồi dưới mắt mình, liền thân ái vỗ cái vai phủ áo rách. Tên ăn mày quay lại, cả hai bộ mặt đều lộ vẻ kinh ngạc, hàm ơn, tươi cười,

v.v...; rồi, bất chấp cả khán giả, bác lái quần chẽn và thằng sâu quảng khẽ nói chuyện với nhau, tay cầm trong tay, trong khi mớ quần áo rách rưới của Clopin Trouillefou phơi bày trên nền dạ vàng kim tuyến phủ chiếc bục trông giống như con sâu đục quả cam.

Cảnh tượng kỳ quái, mới mẻ này làm cả phòng lại điên cuồng, vui sướng ồn ào hẳn lên, khiến giáo chủ ngay đó liền nhận thấy; ngài hơi cúi xuống, và từ chỗ ngồi đó, chỉ có thể thấp thoáng trông thấy cái áo choàng bỉ ổi của Trouillefou, cho nên rất dễ tưởng là thằng ăn mày đang xin bố thí, ngài liền tức giận vì sự cả gan lớn mật đó và quát lên:

- Ông pháp quan tòa pháp đình đâu, quẳng cái thằng khốn nạn kia xuống sông cho ta.

- Lạy Chúa! Đức ông giáo chủ ơi - Coppenole nói, vẫn nắm tay Clopin - đây là một anh bạn thân của tôi.

- Noël! Noël! Đám đông gào lên. Kể từ phút đó, bác Coppenole đã được *dân chúng hết sức tín nhiệm, ở Paris cũng như ở Gand; vì những kẻ tầm cỡ như thế phải được tín nhiệm, khi họ lộn xộn phá quấy như vậy, theo lời Philippe de Comine.*

Giáo chủ cắn môi. Ngài ghé sát tu viện trưởng Sainte-Geneviève ngồi cạnh, và khẽ bảo:

- Ngài đại công tước phái đến chỗ chúng ta những sứ thần quả là ngộ nghĩnh, để làm mai mối cho lệnh bà Marguerite!

- Đức ông đã phí phạm lịch sự vô ích với lũ mõm lợn xứ Flandre đó, - tu viện trưởng trả lời. - *Margaritas ante porcos!**

- Nên nói là: *Porcos ante Margaritam!** - giáo chủ mỉm cười đáp.

Cả cái tiểu triều đình áo chùng đó lấy làm thích thú về trò chơi chữ. Giáo chủ cảm thấy hơi nguôi giận, thế là hết nợ với Coppenole vì ngài cũng đã có câu pha trò được hoan nghênh.

Giờ đây, những ai trong bạn đọc có khả năng tổng hợp một hình ảnh và một tư tưởng, như cách nói hiện nay, cho phép chúng tôi được hỏi liệu các bạn đã hình dung được thật rõ ràng chưa cái cảnh tượng đang diễn ra ở trong căn phòng hình bình hành bốn cạnh rộng rãi của gian đại sảnh Tòa pháp đình, vào lúc chúng tôi ngăn trở sự chú ý của các bạn ở giữa phòng, tựa lưng vào tường phía tây, là cái bục rộng rãi, lộng lẫy, phủ gấm kim tuyến, ở đó long trọng bước vào, qua cái cửa nhỏ hình cung nhọn, các nhân vật bệ vệ, lần lượt được xướng danh bằng giọng the thé của viên mõ tòa. Trên hàng ghê đầu, đã đầy đủ các vị tai to mặt lớn, tùm hum mũ bằng da chồn trắng, vải nhung và vải điều. Chung quanh cái bục vẫn giữ được không khí im lặng, uy nghiêm, còn ở dưới, đằng trước, tứ phía là dân chúng đông nghịt, náo động ầm ĩ. Hàng nghìn cặp mắt dân chúng chĩa vào mỗi khuôn mặt trên bục, hàng nghìn giọng nói thì thầm bàn tán từng tên tuổi. Tất nhiên, cảnh tượng đó gợi tính tò mò và rất xứng đáng được khán giả theo dõi. Nhưng còn đằng kia, ở mãi cuối phòng, một thứ sàn gỗ với bốn gã múa may, ăn mặc sặc sỡ, ở trên và bốn người khác ở dưới là cái gì vậy? Người mặc áo choàng đen, mặt tái xanh, đứng cạnh sàn gỗ, là ai vậy? Than ôi! Bởi bạn đọc thân mến, đó là Pierre Gringoire và khúc giáo đầu của chàng.

Tất cả chúng ta quên bẵng chàng từ lâu.

Mà đó lại chính điều chàng ta lo sợ.

Kể từ lúc giáo chủ bước vào, Gringoire không ngừng lo lắng cho số phận của đoạn giáo đầu. Thoạt tiên, chàng thúc giục các đào kép đã ngừng diễn, hãy tiếp tục và nói to lên: rồi thấy chẳng ai buồn nghe, chàng bảo họ ngừng lại, và suốt gần mười lăm phút ngừng diễn, chàng luôn luôn giậm chân, cựa quậy, ơi ới gọi Gisquette và Liénarde, khuyến khích người chung quanh đòi diễn tiếp đoạn giáo đầu; tất cả đều vô ích. Chẳng ai rời mắt khỏi giáo chủ, các sứ thần và cái bục, trung tâm duy nhất của cả cái chu vi rộng rãi những tia mắt nhìn. Chẳng cần nhận thấy, thật đáng tiếc phải nói ra điều này, là khúc giáo đầu bắt đầu hơi làm

phiền khán giả giữa lúc đức ông tới góp phần mua vui một cách ghê gớm đến thế. Dù sao, ở bục cũng như ở bàn đá, vẫn là một cảnh tượng duy nhất: Xung đột giữa Cày bừa và Tăng lữ, giữa Quý tộc và Hàng hóa. Và rất nhiều kẻ thấy tốt nhất là nên xem mọi người đang sống, thở hít, hoạt động, chen vai thích cánh, bằng xương và bằng thịt, qua đám sứ thần xứ Flandre, qua cái triều đình tăng lữ, sau tấm áo chùng giáo chủ, sau manh áo ngắn Coppenole, hơn là bọn vẽ mặt bôi hề, mũ mãng cân đai, ngâm vịnh thơ ca hoặc tạm nói là phủ lên hình nhân nhồi rơm những áo vàng áo trắng do Gringoire gán cho.

Tuy nhiên, khi thấy trật tự dần dần trở lại, nhà thơ của chúng ta liền nghĩ ra một chiến thuật, đã cứu nguy tất cả.

- Thưa ông, - chàng quay lại nói với người đứng cạnh, một ông to béo, bệ vệ, nét mặt nhẫn nại, - hay ta làm lại từ đầu?

- Làm cái gì kia? - Ông ta hỏi.

- Vở mystère chứ còn gì nữa! - Gringoire trả lời.

- Cái đó tùy ông, - ông kia đáp.

Thấy được câu tán thành lơ lửng như vậy là đủ, Gringoire tự thu xếp làm lấy công việc của mình, liền gào lên, cố hòa vào đám đông:

- Diễn lại vở mystère từ đầu đi thôi! Diễn lại từ đầu đi thôi.

- Quái quỷ! - Joannes de Molendino nói, - ở đằng kia chúng nó kêu la cái gì vậy? (Vì Gringoire một mình hò hét bằng bốn người) Này các bạn ơi! Vở mystère đã chẳng diễn xong rồi là gì? Thế mà chúng nó lại còn diễn lại từ đầu. Thật bố láo.

- Không! Không diễn nữa! - Tất cả lũ học trò thét lên. - Đả đảo vở mystère! Đả đảo!

Nhưng Gringoire hăng lên, càng gào to hơn:

- Diễn lại từ đầu!

Tiếng gào thét làm giáo chủ chú ý.

- Này ông pháp quan Tòa pháp đình, - ngài bảo một người cao lớn mặc đồ đen đứng cạnh đó vài bước, - lũ quỷ quái kia ở trong bình nước phép hay sao mà làm ầm ầm như vỡ chợ vậy?

Vị pháp quan Tòa pháp đình là thứ quan tòa lưỡng tính, một loài dơi của ngành tư pháp, vừa là chuột vừa là chim, vừa là quan tòa vừa là lính tráng. Ông ta bước lại gần đức ông, chỉ e ngài nổi trận lôi đình, lắp bắp bẩm về sự vô lễ của dân chúng: rằng buổi trưa đã tới trước đức ông, rằng bọn đào kép buộc phải khai diễn, không chờ được đức ông.

Giáo chủ cười phá lên.

- Ồ không sao, đến ông hiệu trưởng trường đại học cũng phải làm như vậy thôi. Ngài Guillaume Rym, ngài thấy thế nào?

- Thưa đức ông, - Guillaume Rym trả lời, - ta nên bằng lòng đã thoát nợ được một nửa vở kịch. Như vậy là có lợi rồi.

- Bọn vô lại đó có thể diễn tiếp vở kịch chứ ạ? - Viên pháp quan hỏi.

- Cứ diễn, cứ diễn tiếp đi, - giáo chủ nói, - ta thì thế nào cũng được. Trong lúc diễn, ta sẽ đọc sách kinh.

Viên pháp quan bước tới trước bục và khoát tay ra hiệu im lặng rồi nói to:

- Hỡi thị dân, lê dân và cư dân, để làm vừa lòng những người muốn diễn lại từ đầu cũng như kẻ muốn chấm dứt, đức ông hạ lệnh cứ diễn tiếp.

Cả hai phe đều phải chịu như vậy. Tuy nhiên cả tác giả lẫn công chúng còn thù mãi giáo chủ.

Các nhân vật trên sân khấu liền diễn tiếp khúc minh họa. Gringoire hy vọng ít nhất mọi người cũng lắng nghe phần tác phẩm còn lại. Hy vọng đó chẳng mấy chốc cũng xẹp xuống như mọi ảo tưởng khác; tuy rằng khán giả đã trở lại im lặng như cũ; nhưng Gringoire không nhận thấy, vào lúc giáo chủ hạ lệnh diễn

tiếp, cái bục còn lâu mới đầy đủ số người và sau các sứ thần xứ Flandre, còn lục tục kéo tới những nhân vật mới trong đoàn khách mà tên tuổi và chức vụ, được viên mõ tòa xướng lên liên tục, chen ngang vào đối thoại kịch, gây tai hại vô cùng. Đúng thế, thử tưởng tượng tiếng the thé của viên mõ tòa chen vào những câu mở ngoặc như sau giữa hai vần thơ và đôi khi giữa hai nửa câu thơ:

Thầy Jacques Charmolue, biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện!

Jehan de Harlay, kỵ sĩ, cận vệ sự vụ hiệp sĩ của đoàn tuần đêm đô thành Paris!

Ông Galiot de Genoilhac, hiệp sĩ, lãnh chúa Brussac, đoàn trưởng pháo binh ngự lâm quân!

Thầy Dreux-Raguier, kiểm soát viên thủy lợi và lâm nghiệp của đức hoàng thượng ở Pháp, Champagne và Brie!

Ông Louis de Gravin, hiệp sĩ, cố vấn và thị vệ quốc vương, thủy sư đô đốc Pháp quốc, quan kiếm lâm rừng Vincennes!

Thầy Denis Le Mercier, giám đốc Viện người mù Paris!

Cứ thế mãi quả thực không chịu nổi.

Khúc hòa tấu kỳ lạ làm vở kịch rất khó theo dõi càng khiến Gringoire cáu kỉnh, nhất là chàng không thể giấu giếm rằng tình tiết đang mỗi lúc một phát triển tới cao trào và vở kịch chỉ cần được lắng nghe là đủ. Quả thật, khó mà tưởng tượng nổi một cốt kịch khác tài tình và bi tráng hơn. Bốn nhân vật của đoạn giáo đầu, lâm vào cảnh lúng túng chết người, đang than vãn thì đích thân Vénus giáng lâm, *vera incessu paluit dea** nàng mặc chiếc váy ngắn xinh đẹp vẫn được treo làm huy hiệu trên chiếc thuyền của đô thành Paris. Nàng tự đến, đòi lấy Thái tử đã ước hẹn cho người đẹp nhất. Jupiter, mà ta nghe tiếng sấm sét ầm vang trong phòng hóa trang, tán thành và nữ thần đã định mang Thái tử đi, nói toạc ra nghĩa là lấy chàng, thì một cô gái trẻ, mặc gấm trắng và tay cầm đóa hoa cúc Marguerite (nhân cách hóa lờ mờ công chúa xứ Flandre) tới tranh giành

với Vénus. Kịch tính đạt tới cao trào và diễn biến phức tạp. Sau khi tranh cãi, Vénus, Marguerite và dàn hát đế đồng ý là sẽ tới nhờ sự xét xử công bằng của Đức mẹ đồng trinh. Còn một vai trò đặc sắc nữa, đó là Dom Pèdre, vua xứ Mésopotamie. Nhưng trải qua bấy nhiêu đứt đoạn, thật khó mà hiểu nổi là vai trò đó ích lợi gì. Mọi nhân vật đều trèo thang leo lên.

Nhưng thế là hỏng bét. Không một vẻ đẹp nào của vở kịch được cảm thụ, thưởng thức. Từ khi giáo chủ bước vào, có thể nói một sợi dây vô hình và ma quái đã đột nhiên kéo tất cả các cặp mắt đang hướng về bàn đá quay lại nhìn cái bục, đang hướng về đầu phòng phía nam quay lại góc tây. Không còn làm gì khán giả tỉnh nổi cơn say. Mọi cặp mắt đều chăm chút nhìn vào đó, và những hành khách mới tới, cùng tên tuổi chết dẫm, cùng mặt mũi, cùng quần áo, luôn luôn trở thành trò vui. Thật chán quá. Trừ Gisquette và Liénarde, hai cô thỉnh thoảng quay đầu lại khi Gringoire kéo tay áo, trừ ông to béo kiên nhẫn đứng cạnh, còn chẳng ai chịu quay lại xem vở kịch tội nghiệp bị bỏ rơi. Gringoire chỉ còn thấy những khuôn mặt trông nghiêng.

Chàng hết sức cay đắng thấy bao vinh quang và thi ca xây dựng lên lần lượt sụp đổ từng mảng! Thế mà đã có lúc đám dân chúng này suýt nổi loạn chống lại ngài pháp quan, chỉ vì nóng lòng muốn xem tác phẩm của chàng! Bây giờ được xem rồi thì họ lại không thèm ngó tới nữa. Ai dám ngờ được buổi trình diễn này từng bắt đầu trong tiếng hoan hô nhất loạt! Vẫn là ngọn triều lên xuống muôn thủa của làn sóng ủng hộ bình dân! Ai dám ngờ họ từng định treo cổ các cảnh vệ của pháp quan! Chàng sẵn sàng trả giá đắt để được tiếp tục sống giờ phút ngọt ngào đó!

Tuy nhiên, cuộc độc thoại tai hại của viên mõ tòa ngừng lại. Khách đã đến đầy đủ và Gringoire thở phào. Các đào kép hiên ngang diễn tiếp. Nhưng phải chăng ngài Coppenole, bác lái quần chẽn đã đột nhiên đứng dậy kia kìa, và Gringoire nghe bác tuyên đọc bài diễn văn gớm ghiếc sau đây, giữa sự chăm chú

lắng nghe của dân chúng:

- Thưa quý vị thị dân và quý tộc thành Paris, Lạy Chúa, thật tôi không hiểu chúng ta đang làm gì ở đây. Rõ ràng ở góc đằng kia, trên cái sàn, tôi thấy mấy người hình như đang muốn nện nhau. Tôi không biết có phải đó là cái mà các vị gọi là vở mystère hay không, nhưng xem ra thì chán lắm. Họ chỉ khích bác nhau bằng mồm, có thế thôi. Từ nãy đến giờ, tôi vẫn chờ họ choảng nhau. Thế mà chẳng thấy gì cả. Đó là bọn hèn nhát, chỉ biết làm xước da nhau bằng chửi bới. Đáng lẽ phải mời các võ sĩ ở Luân Đôn hoặc Rotterdam tới; nếu vậy thì hay quá! Các vị sẽ được xem các quả đấm thôi sơn, từ ngoài quảng trường còn nghe thấy. Còn bọn này thật thảm hại. Ít ra chúng cũng phải cho ta xem một điệu vũ momerie hoặc một trò nhảy nhót khác! Họ đã nói với tôi khác kia. Họ hứa cho tôi xem hội cuồng đãng, có bầu giáo hoàng, ở Gand chúng tôi cũng có bầu cuồng đãng giáo hoàng và nhờ giời, chúng tôi cũng không đến nỗi lạc hậu trong chuyện này. Nhưng chúng tôi làm như sau. Một đám đông được tụ họp lại ở đây. Rồi lần lượt từng người thò đầu ra khỏi lỗ hổng và nhăn mặt dọa người khác. Ai nhăn mặt xấu nhất, được mọi người hoan nghênh, thì bầu làm cuồng đãng giáo hoàng. Như thế đấy. Vui ghê lắm kia. Các vị có đồng ý là ta sẽ bầu cuồng đãng giáo hoàng ở đây theo kiểu xứ tôi không? Dù sao cũng đỡ chán hơn là nghe cái bọn ba hoa kia. Nếu bọn chúng cũng tới nhăn mặt ở lỗ cửa thì coi như họ cũng tham gia trò chơi. Thưa quý vị thị dân, các ngài thấy thế nào? Ở đây cũng tạm đủ các mẫu mặt kỳ cục của cả nam lẫn nữ để ta có thể vui cười theo kiểu xứ Flandre, còn mặt mũi chúng tôi thì cũng khá xấu xí để có thể hy vọng nhăn mặt ra trò.

Gringoire muốn đáp lại. Chàng kinh ngạc, tức giận, khinh bỉ đến nghẹn lời. Thế nhưng, lời đề nghị của bác lái quần chẽn bình dân lại được thị dân, họ khoái chí được gọi là *quý tộc*, nhiệt liệt hoan nghênh, cho nên mọi phản đối đều vô ích. Chỉ còn mặc cho trôi theo dòng nước. Gringoire đưa hai tay che mặt, chẳng

được may mắn có tấm áo choàng để trùm lấy đầu như l’Agamemnon của Timanthe*.

V
QUASIMODO

Trong chớp mắt, mọi cái đã sẵn sàng để thực hiện ý định của Coppenole. Thị dân, học trò và luật sư bắt tay vào việc. Tòa nhà nguyện nhỏ ở trước tấm bàn đá được chọn làm sân khấu nhăn mặt. Tấm kính vỡ ở cửa sổ hoa thị xinh đẹp phía trên cửa ra vào, để lộ thông thống một vòng tròn bằng đá, và mọi người quy định kẻ dự thi sẽ thò đầu qua. Muốn lên tới đó, chỉ cần trèo lên hai cái thùng to, không biết nhặt đâu về và chồng tạm lên nhau. Để cho cái mặt nhăn giữ được vẻ mới tinh và nguyên xi, mỗi người dự thi, dù đàn ông hay đàn bà (vì thế bầu cả nữ hoàng) sẽ buộc phải che mặt và đứng nấp trong nhà nguyện cho đến khi ra mắt. Chỉ lát sau, nhà nguyện đã chật ních người dự thi và cánh cửa khép lại.

Từ chỗ ngồi, Coppenole sai phái, chỉ dẫn, thu xếp mọi việc. Giữa lúc ồn ào, giáo chủ cũng cáu kỉnh không kém gì Gringoire, lấy cớ bận việc và phải làm lễ chiều, đã cùng đoàn tùy tùng rút lui, còn đám đông, náo động là thế khi đoàn đến, nay chẳng hề xúc động lúc đoàn đi. Chỉ mình Guillaume Rym nhận thấy cuộc tháo chạy của đức ông. Giống như mặt trời, sự chú ý của quần chúng tiếp tục cái vòng quay; bắt đầu từ đầu phòng đằng kia, sau khi ngừng lại một lát ở giữa, bây giờ nó đã ở đầu này. Tấm bàn đá, cái bục gấm đã hết thời; nay đến lượt tòa nhà nguyện của Louis XI. Từ giờ cứ việc tha hồ vui chơi phá phách. Chỉ còn lại toàn dân xứ Flandre và lũ vô lại.

Bắt đầu thi nhăn mặt. Khuôn mặt đầu tiên lộ ra ở lỗ cửa, mắt lộn mí đỏ lòm, mồm ngoác ra như mõm thú và trán nhăn lại tựa ủng kỵ binh đế quốc, làm mọi người phá ra cười nôn ruột, đến nỗi Homère cũng có thể tưởng cả bọn lê dân

này đều là thiên thần. Trong lúc đó gian đại sảnh chẳng kém gì đỉnh núi Olympe và đấng Jupiter tội nghiệp của Gringoire hiểu rõ hơn ai điều đó. Một khuôn mặt nhăn thứ hai, thứ ba tiếp theo, rồi cái nữa, cái nữa và cứ thế tiếng cười, tiếng hò hét vui sướng tăng mãi. Trong trò này có cái gì đó đặc biệt cuồng loạn, vô cùng say mê và hấp dẫn, rất khó nói cho độc giả ngày nay ở các thính phòng hiểu nổi. Hãy tưởng tượng hàng loạt bộ mặt, lần lượt hiện ra với đủ mọi hình thức hình học, từ tam giác đến hình thang, từ hình nón đến khối đa diện; đủ mọi vẻ mặt con người từ giận dữ đến dâm ô; đủ mọi lứa tuổi, từ nếp nhăn trẻ sơ sinh tới nếp nhăn bà lão hấp hối; đủ mọi hình dáng hư ảo, tôn giáo, từ thần Faune đến quỷ Belzébuth; đủ mọi mặt súc vật, từ mõm thú đến mỏ chim, từ thủ lợn đến mồm chó. Hãy hình dung đủ loài ma quái ở cầu Mới. Những ác mộng kinh hoàng dưới bàn tay nhà điêu khắc Germain Pilon, bỗng hiện lên thành xương thành thịt và lần lượt tới nhìn thẳng vào mặt bạn với cặp mắt đỏ như than hồng; đủ thứ mặt nạ của hội khiêu vũ trá hình ở Venice liên tiếp hiện ra trước ống nhòm của bạn; tóm lại, cả một ống kính vạn hoa bằng người.

Cuộc vui cuồng loạn mỗi lúc một mang vẻ xứ Flandre. Tenier* xem ra cũng chẳng thấm vào đâu. Hãy hình dung trận đánh trong tranh của Salvator Rosa với cảnh rượu chè phè phỡn. Không còn ai là học trò, sứ thần, thị dân, đàn ông, đàn bà; không còn Clopin Trouillefou, Gille Lecornu, Marie Quatrelivres, Robin Poussepain. Tất cả hòa tan trong cảnh phóng túng. Gian đại sảnh chỉ còn là một lò lửa lớn nghịch ngợm và vui cười, mà mỗi cái mồm là một tiếng thét, mỗi con mắt là một ánh chớp, là một tư thế. Tất cả gào lên, thét lên. Bao nhiêu khuôn mặt quái gở lần lượt tới nhe răng há miệng ở lỗ cửa hoa thị giống như bấy nhiêu bùi nhùi rơm vứt thêm vào đống lửa. Và từ tất cả đám đông sôi sục bốc lên, như hơi lò lửa, một thứ ồn ào lanh lảnh, the thé, đinh tai nhức óc, rít lên như tiếng cánh ruồi bay.

- Ôi chao! Chết tiệt!

- Nhìn xem cái mắt kia kìa!

- Trông chẳng ra làm sao cả.

- Đến lượt cái khác thôi!

- Guillemette Maugerepui, hãy nhìn xem cái mõm bò tót, chỉ còn thiếu có cặp sừng nữa thôi! Có phải chồng chị đó không?

- Cái khác!

- Ôi giáo hoàng! Mặt gì nhăn nhúm thế kia?

- Ê ê! Đồ ăn gian. Chỉ được giơ mặt ra thôi.

- Cái con Perrette Callebotte trời đánh! Nó chẳng từ cái gì.

- Noël! Noël!

- Chết cười đi được!

- Thằng cha này thì không chui lọt tai! v.v., v.v...

Tuy nhiên, cũng phải công bằng với anh bạn Jehan của chúng ta. Giữa không khí ngày hội quỷ đó, vẫn thấy anh ta đứng trên đầu cột, tựa gã thủy thủ trên cột buồm. Anh ta múa may như phát điên phát cuồng. Mồm anh ta há hốc, phát ra tiếng thét không nghe thấy, chẳng phải bị át đi tiếng ồn ào chung dù ầm ầm đến đâu chăng nữa, mà chắc vì đã đạt tới giới hạn của những âm cao có thể nghe thấy, khoảng mười hai nghìn rung động của Sauveur hoặc tám nghìn của Biot*.

Còn Gringoire, phút chán nản đầu tiên đi qua, bắt đầu trấn tĩnh lại. Chàng vẫn cứng rắn trước bọn đào kép, những cái máy nói. Rồi rảo bước đi lại trước bàn đá, chàng bỗng nảy ra ý định chơi ngông, là cũng tới ló mặt ở lỗ cửa nhà nguyện, dù chỉ để có cái thích thú là nhăn mặt chế giễu lũ dân chúng vô ơn - Không thể được, cái đó không xứng đáng với ta; không cần trả thù! Ta phải chiến đấu tới cùng, chàng thầm nhủ. Quyền lực của thi ca rất lớn đối với nhân dân; ta sẽ giành lại họ. Rồi sẽ thấy ai thắng ai, trò nhăn mặt hay là văn chương.

Than ôi! Chàng vẫn là khán giả duy nhất của tác phẩm mình.

Còn tệ hơn cả lúc nãy. Chỉ thấy toàn lưng là lưng.

Chúng tôi lầm. Cái ông to béo kiên nhẫn mà chàng đã hỏi ý kiến vào lúc nguy kịch, vẫn quay mặt về phía sân khấu. Còn Gisquette và Liénarde, hai cô ả đã chuồn đi từ lâu.

Gringoire xúc động tận đáy lòng trước vị khán giả duy nhất trung thành. Chàng tới gần, khẽ lắc tay ông và nói: vì con người trung thực đó đứng tựa hàng rào, đang thiu thiu ngủ.

- Thưa ngài, - Gringoire nói, - xin đa tạ ngài.

- Thưa ngài, - ông to béo ngáp và hỏi lại, - sao ạ?

- Tôi thấy điều làm phiền ngài, - thi sĩ nói tiếp, - là tất cả tiếng ồn ào này làm ngài không thể nghe được thoải mái. Nhưng xin cứ yên tâm: ngài sẽ lưu danh hậu thế. Xin ngài cho biết quý tính cao danh?

- Xin tự giới thiệu: Renault Château, quan chấp án của tòa Châtelet ở Paris.

- Thưa ngài, ở đây ngài là đại biểu duy nhất của thi ca. - Gringoire nói.

- Thưa ngài, ngài thật thà quá, - quan chấp án tòa Châtelet trả lời.

- Ngài là người duy nhất đã hạ cố xem vở kịch đến nơi đến chốn. - Gringoire nói tiếp. - Ngài thấy nó thế nào?

- Ờ! Ờ! - Vị pháp quan to béo còn ngái ngủ trả lời, - kể ra thì cũng vui vui đấy.

Thế là Gringoire đành bằng lòng với lời khen, vì tiếng vỗ tay như sấm ran xen lẫn tiếng hoan hô dậy đất, chấm dứt câu chuyện giữa hai người. Cuồng đãng giáo hoàng đã được bầu xong.

- Noël! Noël! Noël! - Dân chúng tứ phía gào lên hoan hô.

Quả thật là kỳ diệu cái mặt nhăn lúc đó đang sáng ngời lỗ cửa hoa thị. Sau hàng loạt các mặt ngũ lăng, lục giác và dị dạng lần lượt hiện ra ở lỗ cửa, không cái nào đạt tới lý tưởng của sự kỳ quái đã thành hình trong trí tưởng tượng được

kích thích vào ngày hội cuồng dật, đúng là phải có nổi cái nhăn mặt cao siêu vừa làm đám đông lóa mắt đó mới giành được cử tri. Chính ngài Coppenole cũng vỗ tay; cả Clopin Trouillefou cũng dự thi - và chỉ có Chúa mới biết bộ mặt hắn đã vươn lên tới đỉnh cao của sự xấu xí - đành chịu thua. Chúng tôi cũng thúc thủ. Chúng tôi không định giúp độc giả có một ý niệm về cái mũi bè bè thành ba mặt tam giác, cái mồm vành móng ngựa, con mắt trái ti hí che lấp bởi chùm lông mày đỏ quạch rậm rì trong khi con mắt phải hoàn toàn biến mất dưới cái mụn cóc to tướng, hàm răng khấp khểnh, hổng đôi ba chỗ như lỗ châu mai pháo đài, cặp môi sần chai có chiếc răng mọc đâm ra như ngà voi, cái cằm vênh váo, và nhất là vẻ mặt toát ra từ mọi cái đó, một thứ hỗn hợp tinh quái, kinh ngạc và buồn rầu. Nếu có thể, xin cứ tưởng tượng về cái toàn thể đó.

Tiếng hoan hô nhất tề nổi lên. Mọi người đổ xô vào nhà nguyện. Họ long trọng đưa ra vị cuồng đãng giáo hoàng may mắn. Nhưng lúc đó sự ngạc nhiên và khâm phục mới đạt tới đỉnh cao. Cái mặt nhăn chính là mặt thật của hắn.

Hoặc đúng hơn là cả người hắn là một khối nhăn. Một cái đầu to tướng lởm chởm tóc đỏ quạch; giữa đôi vai là cái bướu kếch xù làm đằng trước ngực như nhô ra; hệ thống đùi và chân vòng kiềng bẻ quẹo rất kỳ quái, chỉ có thể chạm nhau ở đầu gối, và nhìn thẳng đằng trước, trông giống như hai lưỡi hái kề nhau ở chỗ tay cầm; hai bàn chân to bè, hai bàn tay lớn khủng khiếp; và cùng với cả hình thù quái dị này, còn là một dáng đi đáng sợ, rất mạnh mẽ, nhanh nhẹn và quả cảm, một ngoại lệ kỳ lạ khác với luật lệ muôn thủa cho rằng sức mạnh cũng như vẻ đẹp là kết quả của hài hòa. Đó là đức giáo hoàng do bọn cuồng đãng vừa bầu lên.

Có thể nói đây là một gã khổng lồ bị tháo rời từng mảnh và được hàn lại vụng về.

Khi tên quỷ hiện ra trên ngưỡng cửa nhà nguyện, bất động, mập mạp, chiều ngang gần bằng chiều cao, *vuông vắn ở cái nền*, giống như một vĩ nhân* với áo

ngoài nửa đỏ nửa tím, thêu hình tháp chuông bằng ngân tuyến, nhất là với vẻ xấu xí hoàn hảo, đám dân chúng nhận ngay ra hắn và đồng thanh reo lên:

- Tên Quasimodo, thằng kéo chuông! Tên Quasimodo, thằng gù nhà thờ Đức Bà! Quasimodo, thằng chột! Quasimodo, thằng khoèo chân! Noël! Noël!

Thấy ngay gã đáng thương có vô khối biệt hiệu.

- Các bà có chửa hãy cẩn thận! - Bọn học trò thét lên.

- Cả những ai định có chửa nữa, - Joannes nói tiếp.

Các bà quả nhiên vội che mặt.

- Ôi! Con khỉ khốn nạn, - một bà nói.

- Vừa xấu lại vừa ác, - bà khác nói.

- Nó là quỷ đấy, - bà thứ ba xen vào.

- Tôi chẳng may lại ở gần nhà thờ Đức Bà; suốt đêm, tôi nghe thấy nó cứ lảng vảng trên ống máng.

- Với lũ mèo.

- Nó luôn luôn ở trên nóc nhà chúng tôi.

- Nó gieo tai họa qua ống khói.

- Tối hôm vừa rồi, nó tới trợn mắt nhe răng ở cửa mái nhà tôi. Tôi cứ tưởng là người nào. Sợ quá đi mất!

- Tôi tin chắc nó đi dự dạ hội phù thủy. Có lần nó để chổi lên chậu rác của tôi.

- Eo ôi! Cái mặt thằng gù gớm ghiếc!

- Trời! Cái linh hồn độc ác!

- Tởm!

Trái lại, bọn đàn ông vui thích và vỗ tay.

Quasimodo, đối tượng của đám đông ồn ào, vẫn đứng sững trên ngưỡng cửa

nhà nguyện, vẻ mặt âm thầm và nghiêm trang, mặc cho mọi người ngắm nghía.

Một gã học trò, hình như Robin Poussepain thì phải, đến quá gần và cười ngay vào mũi nó. Quasimodo chỉ khẽ nắm lấy thắt lưng hắn và quẳng ra xa mười bước qua đám đông. Không thèm nói nửa lời.

Ngài Coppenole thích thú, lại gần hắn.

- Lạy Chúa! Cha mẹ ơi! Suốt đời tao chưa thấy ai xấu xí tuyệt diệu như mày. Mày xứng đáng ngôi giáo hoàng ở Rome cũng như ở Paris.

Bác nói và vui vẻ đặt tay lên vai hắn. Quasimodo không động đậy. Coppenole nói tiếp:

- Mày là thằng ngợm khiến tao ngứa ngáy muốn chè chén với mày một bữa, dù có phải tốn tới một đồng douzain mới bằng mười hai đồng denier tiền Tour. Mày thấy thế nào?

Quasimodo không trả lời.

- Lạy Chúa! - Bác lái quần chẽn nói, - hay là mày điếc?

Quả nó điếc thật.

Nhưng nó bắt đầu khó chịu trước điệu bộ của Coppenole, và đột nhiên quay lại phía bác ta, răng nghiến ken két, khiến con người khổng lồ xứ Flandre phải lùi lại, như con chó gộc trước con mèo.

Thế là bao quanh nhân vật quái dị đó bỗng thành hình một vòng tròn sợ hãi và kính nể ít nhất cũng tới mười lăm bước đường bán kính. Một bà lão bảo cho ngài Coppenole biết là Quasimodo bị điếc.

- Điếc à! - Bác lái quần chẽn cười sằng sặc kiểu dân xứ Flandre. - Lạy Chúa! Đúng là một đức giáo hoàng hoàn mỹ.

- Này! Tôi biết nó, - Jehan reo lên, cuối cùng từ nóc cột tụt xuống để tới xem Quasimodo gần hơn, - nó là tên kéo chuông của ông anh phó chủ giáo của tôi.

- Chào Quasimodo!

- Người với ngợm! - Robin Poussepain, vẫn còn đau vì bị quắng ngã, nói. - Nó xuất hiện: đó là thằng gù. Nó bước đi: đó là thằng khoèo. Nó nhìn ta: đó là thằng chột. Ta nói với nó: đó là thằng điếc. - Thế đấy, tên Polyphème* này, nó dùng lưỡi làm gì?

- Lúc nào thích thì nó nói. Nó điếc vì kéo chuông mãi. Nó không câm đâu, - bà lão nói.

- Nó còn thiếu mất cái đó. - Jehan nhận xét.

- Và nó thừa mất một mắt, - Robin Poussepain thêm vào.

- Không đúng, - Jehan nói thật chí lý. - Một thằng chột còn hoàn thiện hơn thằng mù nhiều. Nó biết nó thiếu cái gì.

Trong lúc đó, tất cả lũ ăn mày, tôi tớ, ăn cắp, hợp sức với học trò, đã linh đình tìm thấy trong ngăn tủ của các luật sư, chiếc mũ miện bằng bìa cứng và chiếc áo chùng cà tàng của Cuồng đãng giáo hoàng. Quasimodo lẳng lặng để cho họ mặc với vẻ ngoan ngoãn kiêu hãnh. Rồi họ đặt hắn ngồi lên chiếc kiệu sặc sỡ. Mười hai quan viên của hội cuồng đãng khiêng kiệu lên vai; và khuôn mặt u buồn của tên quỷ bỗng hớn hở một niềm vui chua chát và kênh kiệu, khi thấy tất cả đầu những người tuấn tú, hiên ngang và cân xứng đều dưới đôi chân dị hình của mình. Rồi đám rước ầm ĩ và rách rưới kéo đi, theo tục lệ, diễu qua dãy hành lanh bên trong Tòa pháp đình, trước khi ra phố và ngã tư.

VI
LA ESMERALDA

Chúng tôi vui mừng được báo với bạn đọc là trong suốt thời gian đó, Gringoire và vở kịch vẫn đứng vững. Các đào kép được chàng thúc đít vẫn không ngừng diễn, còn chàng không ngừng nghe. Chàng bất chấp tiếng ồn ào và quyết định diễn tới cùng, vẫn hy vọng rốt cục rồi công chúng sẽ phải quay lại xem. Ánh hy vọng đó bừng lên khi chàng thấy Quasimodo, Coppenole và đám rước Cuồng đãng giáo hoàng đinh tai nhức óc đã ầm ĩ kéo ra khỏi phòng. Đám đông nô nức chạy ùa theo sau, “Thôi được, chàng thầm nhủ, thế là tất cả bọn lộn xộn cút rồi”. - Đáng tiếc, tất cả bọn lộn xộn lại là công chúng. Trong chớp mắt, gian đại sảnh vắng tanh.

Thực tình mà nói, cũng còn lại vài khán giả, người đứng tản mạn, kẻ tụ họp quanh dãy cột, gồm đàn bà, ông già hoặc trẻ con, đã chán ồn ào và xô đẩy nhau. Dăm gã học trò ngồi cưỡi lên thành cửa sổ và nhìn ra quảng trường.

- Kể ra cũng còn đủ khán giả để xem xét nốt vở kịch của mình. Họ tuy ít, nhưng là công chúng tinh hoa, công chúng học thức, - Gringoire nghĩ bụng.

Một lát sau, bỗng thiếu mất bản giao hưởng đáng lẽ phải gây được hiệu quả mạnh nhất khi Đức Bà đồng trinh giáng lâm. Gringoire mới biết là dàn nhạc của mình đã bị đám rước Cuồng đãng giáo hoàng lôi tuột đi mất rồi. - Thôi, cho qua, chàng nhẫn nhục nói.

Chàng tới gần đám thị dân mà chàng cho là đang bàn tán vở kịch của mình. Đây mẩu chuyện chàng bất chợt nghe được:

- Ngài Cheneteau, ngài có biết cái lâu đài Navarre vốn là của ông Nemour

không?

- Có, trước mặt nhà nguyện Braque chứ gì.

- Thế mà ty thuế vừa cho Guillaume Alexandre, họa sĩ trang trí bản viết tay, thuê với giá sáu đồng livre tám xu tiền Paris mỗi năm đấy.

- Tiền thuê nhà đắt lên ghê thật!

- Thôi được! - Gringoire thở dài thầm nhủ, đã có người khác nghe vậy.

- Các bạn ơi, - đột nhiên một gã kỳ cục ngồi trên cửa sổ kêu, - *Esmeralda! Esmeralda!* ngoài quảng trường kia kìa!

Cái tên đó tạo nên hiệu quả kỳ dị. Mọi người còn lại trong phòng đổ xô ra cửa sổ, trèo lên tường để nhìn, và reo lên: *Esmeralda! Esmeralda!*

Cùng lúc bên ngoài vang lên tiếng vỗ tay ran.

- Thế này là thế nào kia chứ, con Esmeralda à? - Gringoire nói, thất vọng chắp hai tay. Ồ! Trời ơi! Bây giờ đến lượt cửa sổ rồi chắc.

Chàng quay nhìn tấm bàn đá và thấy vở kịch đã ngừng diễn. Đúng vào lúc Jupiter phải ra trò với sấm sét trong tay. Thế mà Jupiter vẫn đứng im lìm dưới sân khấu.

- Michael Giborne! - Thi sĩ nổi giận quát lên, anh đứng làm gì đó? - Đến vai anh rồi chứ? Vậy lên đi!

- Chán quá, - Jupiter nói, - một thằng học trò lấy mất thang rồi.

Gringoire nhìn. Sự việc quả đúng như vậy. Mọi giao lưu bị gián đoạn giữa chỗ thắt và chỗ mở của kịch tính.

- Thằng mất dạy! - Chàng lẩm bẩm nói. - Nó lấy cái thang làm gì kia chứ?

- Để xem con Esmeralda, - Jupiter trả lời thảm hại. - Nó bảo: Đây rồi, có cái thang để không! Rồi xách luôn đi.

Đó là đòn cuối cùng. Gringoire nhẫn nhục chịu đòn.

- Quỷ tha ma bắt chúng mày đi! - Chàng bảo bọn đào kép, - nếu tao không ra

gì thì chúng mày cũng sẽ chẳng ra sao.

Thế là chàng rút lui, đầu cúi gằm, nhưng là người cuối cùng, như vị tướng đã chiến đấu quyết liệt.

Vừa đi xuống dãy cầu thang khúc khuỷu của Tòa pháp đình, chàng vừa làu bàu trong miệng:

- Cái lũ dân Paris này quả là một đám đông hỗn tạp hết sức ngu ngốc và đần độn; họ đến để nghe thánh kịch mà chẳng chịu nghe gì cả! Họ chú ý đến tất cả mọi người, cả Clopin Trouillefou, cả giáo chủ, cả Coppenole, cả Quasimodo, cả quỷ sứ! Nhưng lại không hề chú ý đến Đức Bà đồng trinh. Đồ ngu, tao mà biết thế này thì rồi có khối Đức Bà đồng trinh mà xem! Còn mình, mình đến đây để nhìn khuôn mặt lại thấy toàn lưng là lưng! Là thi sĩ mà lại thắng lợi như một gã bào chế! Đúng là Homère đã phải ăn mày ở các thị trấn Hy Lạp và Nason* chết lưu đày ở Moscou. Nhưng quỷ ăn thịt cũng được, miễn mình hiểu nổi dân chúng đó thích thú cái gì ở con Esmeralda! Trước hết, cái tên đó là cái gì? Là trò bói toán cát hung kiểu Ai Cập!

QUYỂN HAI

I
TỪ CHARYBDE SANG SCYLLA

Tháng giêng, đêm xuống sớm. Phố xá đã tối om khi Gringoire rời Tòa pháp đình. Chàng thích đêm tối như vậy; chàng muốn đi ngay vào một ngõ tối và vắng để tha hồ nghĩ ngợi, để triết nhân xoa dịu nỗi đau của thi nhân. Vả lại, triết học đã trở thành nơi ẩn náu duy nhất, vì chàng không biết ở đâu bây giờ. Vở kịch diễn thì đã rành rành chết yểu, chàng không dám trở về căn nhà thuê ở phố Kho - trên sông, - ngay trước Bến cỏ, vì đã tính là ngài đô trưởng phải trả tiền cho vở chúc hôn thi, để chàng trả cho bác Guillaume Doulx-Sire, nhân viên bao thuế bò dê vào phố của Paris, số nợ sáu tháng tiền thuê nhà, tức mười hai xu tiền Paris, nó bằng mười hai lần giá trị của những gì chàng có trên đời này, kể cả quần chẽn ngắn, áo sơ mi và chiếc mũ trùm đầu. Đứng trú tạm dưới cửa tò vò con của căn nhà tối tăm viên quản ngân khố khu Sainte-Chapelle, sau khi suy nghĩ một lát về nơi tạm trú đêm nay, với đủ các hè đường Paris tha hồ lựa chọn, chàng sực nhớ tuần trước, ở phố Hàng Giày cũ, mình đã nhắm sẵn một bậc thềm để leo lên lưng lừa ở trước cửa nhà viên cố vấn Tối cao pháp viện và thầm nhủ thềm đá này có lúc sẽ thành cái gối vô cùng tuyệt diệu cho một gã ăn mày hoặc thi sĩ. Chàng tạ ơn thượng đế đã ban cho mình ý nghĩ hay ho đó; nhưng đang lúc sắp sửa đi qua quảng trường Tòa pháp đình để sang dãy mê cung khúc khuỷu của Khu thành cũ, ngoằn ngoèo mọi phố cũ cùng thời, nào phố Hàng Thùng, phố Hàng Da cũ, nào phố Hàng Giày cũ, Phố Do Thái v.v... hiện nay vẫn còn nguyên với dãy nhà mười tầng, chàng chợt thấy đám rước Cuồng đãng giáo hoàng cũng vừa ở Tòa pháp đình đi ra và kéo ùa ngang qua đường, hò hét ầm ĩ, đuốc sáng trưng và cả dàn nhạc của chàng, Gringoire. Lòng tự ái bị tổn thương

lại quặn đau khi nhìn thấy cảnh tượng này; chàng lủi trốn. Trong nỗi niềm chua chát về vở kịch bị thất bại, mọi điều gợi nhớ đến ngày hội đều làm chàng cáu kỉnh và rớm máu vết thương lòng.

Chàng đi qua cầu Saint-Michel; trẻ con đang chạy tung tăng trên đó, chơi pháo hoa và pháo thăng thiên.

- Pháo với phiếc chết tiệt!

Gringoire rủa thầm và rẽ sang cầu Hối đoái. Trước cửa dãy nhà ở đầu cầu có treo ba bức hình vẽ hoàng thượng, thái tử và công chúa Marguerite de Flandre, và sáu bức nhỏ hơn có chân dung công tước d'Autriche, giáo chủ Bourbon, rồi ngài Beaujeu, rồi lệnh bà Jeanne de France, rồi ngài con hoang Bourbon và một vị nào đó nữa; tất cả sáng choang dưới ánh đuốc. Đám đông đứng ngắm nghía.

- May mắn thay họa sĩ Jehan Fourbault!

Gringoire thở dài thườn thượt, thầm nhủ và quay lưng lại dãy hình lớn, hình con. Trước mắt là một căn phố; phố tối om, vắng ngắt, làm chàng hy vọng thoát khỏi mọi tiếng ồn ào cũng như ánh sáng đêm hội. Chàng đi vào phố. Lát sau, chàng vấp phải một vật, loạng choạng và té ngã. Hóa ra bó cây tháng năm, mà bọn giáo sinh của giới luật đã đặt từ sáng trước cửa nhà quan chánh án tòa Tối cao pháp viện, nhân dịp ngày lễ long trọng. Gringoire dũng cảm chịu đựng cuộc chạm trán mới này. Chàng đứng dậy và ra bờ sông. Để lại sau cái tháp nhỏ dân sự và tháp lớn hình sự, rồi men theo bức tường lớn của khu vườn ngự uyển, trên bãi sỏi không lát đá, bùn ngập tới mắt cá chân, chàng tới mỏm phía tây Khu thành cũ và đứng ngắm nghía một lát cù lao Chú đưa bò qua sông, đến nay đã biến mất dưới bức tượng con ngựa bằng đồng thau và cầu Mới. Hòn đảo nhỏ hiện trong bóng đêm, như một khối đen sì, ở phía bên kia ngòi nước hẹp, trắng bệch, ngăn đôi. Nhờ ánh đèn sáng leo lét, có thể thấp thoáng thấy một căn lều trông như tổ ong của chú đưa bò qua sông trú ngụ ban đêm.

- Sung sướng thay chú đưa bò sang sông! - Gringoire thầm nghĩ, - chú mày

chẳng cần nghĩ tới tên tuổi mà cũng không làm chúc hôn thi! Chú mày mặc xác cả vua chúa kết hôn lẫn các nữ công tước Bourguignon! Chú mày còn cóc cần loại hoa nào khác loại cúc Marguerite trong bãi cỏ đầu xuân thường để cho bò gặm! Còn ta, thi nhân, ta bị la ó, ta rét run, ta nợ mười hai xu và đế giày ta mỏng tang đến nỗi có thể dùng làm kính đèn lồng cho chú mày. Cảm ơn, hỡi chú đưa bò qua sông! Căn lều của chú mày làm ta vui mắt và giúp ta quên Paris!

Chàng bừng tỉnh khỏi cơn cảm khái gần như trữ tình trước tiếng pháo kép Saint-Jean đột nhiên từ căn lều thơ mộng đó nổ đùng. Đó là chú đưa bò sang sông cũng tham gia vui chơi ngày hội và đốt pháo hoa.

Tiếng pháo làm Gringoire sởn gai ốc.

- Hội hè phải gió! - Chàng nguyền rủa, - mầy định đeo đuổi tao đến tận đâu nữa? Chao, trời ơi, đến tận túp lều của chú đưa bò qua sông.

Rồi chàng nhìn dòng sông Seine dưới chân và nảy ra ý định khủng khiếp: - Ôi! - Chàng thầm nhủ, - ta sẽ vui lòng trầm mình ngay, nếu nước không quá lạnh!

Thế là chàng liền có ngay một quyết định tuyệt vọng. Đã không thoát khỏi Cuồng đãng giáo hoàng, các tranh vẽ của Jehan Fourbault, bó cây tháng năm, pháo hoa lẫn pháo đùng, thì nên mạnh dạn lao vào giữa trung tâm hội hè, tới thẳng quảng trường Grève.

- Ít nhất, - chàng thầm nghĩ, - may ra ta cũng có được mẩu củi của đống lửa liên hoan mà sưởi ấm rồi chưa chừng còn kiếm được cả vài mẩu vụn của ba tấm huy hiệu lớn làm bằng đường của hoàng gia, chắc họ đã dựng trên quầy ăn công cộng của đô thành.

II
QUẢNG TRƯỜNG GRÈVE

Đến nay, quảng trường Grève chỉ còn lại chút vết tích ít ỏi so với thời xưa. Đó là cái tháp con xinh đẹp dựng lên ở góc phía bắc quảng trường đã bị vùi dập dưới lớp vôi quét bẩn thỉu, nó mài mòn cả các góc cạnh điêu khắc sắc nét, có lẽ cái tháp rồi ra cũng sẽ biến mất hẳn, bị chìm ngập dưới dòng lũ của nhà cửa mới xây đang nuốt phăng rất nhanh chóng mọi tòa nhà cũ ở Paris.

Những người, như chúng ta, không bao giờ đi ngang qua quảng trường Grève mà không thương hại và không thiện cảm đoán nhìn cái tháp con tội nghiệp đó, bị nghẹt giữa hai căn lều thời Louis XV chúng ta có thể dễ dàng hình dung trong trí óc toàn bộ dãy dinh thự quanh quảng trường và thấy lại nguyên vẹn cái quảng trường cổ Gothic của thế kỷ mười lăm.

Cũng như hiện nay, đó là một hình thang không đều, một cạnh là bến sông còn ba cạnh kia là một loạt nhà cao, hẹp và tối! Ban ngày, có thể ngắm nhìn vẻ đa dạng của những dinh thự, tất cả đều chạm trổ bằng đá hoặc gỗ, chúng giới thiệu đầy đủ các kiểu mẫu kiến trúc nhà ở khác nhau của thời trung cổ, ngược từ thế kỷ mười lăm lên thế kỷ mười một, từ chiếc cửa sổ kính bắt đầu truất phế hình cung nhọn, tới hình cung tròn roman từng bị hình cung nhọn thay thế và hiện nay, ở phía dưới hình cung nhọn đó, nó vẫn chiếm giữ tầng gác một của tòa nhà cổ ở tháp Roland, ngay góc quảng trường trông ra sông Seine, phía phố Hàng Da. Ban đêm, khối dinh thự này chỉ hiện lên đường viền ren đen của dãy góc nhọn những mái nhà trập trùng bao quanh quảng trường. Vì sự khác biệt căn bản nhất giữa thành phố hồi đó và thành phố bây giờ là hiện nay, các mặt nhà đều thông ra quảng trường và phố xá, còn hồi đó lại là các đầu hồi. Từ hai

thế kỷ nay, nhà cửa đều xoay hướng ở giữa, về phía đông quảng trường, sừng sững một kiến trúc nặng nề và lai tạp gồm ba tòa nhà xây kề nhau. Người ta gọi nó bằng cái tên, chúng cắt nghĩa lịch sử, việc sử dụng và kiến trúc của nó: *Nhà thái tử* vì Charles V, thái tử, từng ở đó: *Thương phẩm*, vì nó dùng làm Tòa đô chính; *Nhà cột* (domus ad piloria), vì có dãy cột lớn đỡ ba tầng gác. Thành phố tìm thấy ở đó tất cả những gì cần thiết cho một đô thành tốt lành như Paris; một nhà nguyện để cầu Chúa; *một phòng cãi* để mở phiên tòa biện hộ và nếu cần thì bắt bẻ người của nhà vua; và trên tầng dưới nóc là *một kho vũ khí* đầy súng đạn. Vì thị dân Paris biết rằng không phải bất cứ trường hợp nào cũng chỉ cần cầu nguyện và biện hộ cho quyền tự trị của Khu thành cũ là đủ nên họ luôn dự trữ sẵn một kho thóc ở Tòa đô chính và dăm khẩu súng hỏa mai chính cống đã hoen gỉ.

Ngay từ hồi đó, quảng trường Grève đã mang vẻ rùng rợn mà đến nay nó vẫn còn giữ nguyên, do ý nghĩ đáng ghét tự gợi lên và do Tòa đô chính u ám của Dominique Boccador, đã thay thế cho Nhà cột. Phải nói một đài treo cổ và một giàn bêu tù thường trực, mà thời đó người ta gọi là cái cân và cái thang, được dựng cạnh nhau, ngay giữa lòng đường lát đá, đã góp phần không nhỏ khiến mọi người không thèm nhìn vào cái bãi tàn khốc đó, nơi bao kẻ tràn đầy sức khỏe và sinh lực đã từng hấp hối; nơi năm mươi năm sau lại nảy sinh *cơn sốt Saint-Vallier*, cái bệnh khủng bố bằng xử giảo, ghê tởm nhất trong mọi thứ bệnh, vì không phải do Chúa mà chính do con người gây ra.

Nhân tiện xin nói thêm, quả là điều an ủi khi nghĩ cách đây ba trăm năm, tội tử hình còn chất chồng những bánh sắt phơi thây, đài treo cổ bằng đá, tất cả các dụng cụ nhục hình thường trực và chôn chặt ở lòng đường, ở quảng trường Grève, khu chợ, quảng trường Thái tử, ngã tư giảo đài Croix-du-Trahoir, chợ Heo, đài treo cổ Montfaucon gớm ghiếc, rào chắn cảnh binh, bãi Chuột, cổng Saint-Denis, Champeaux, cổng Baudet, cổng Saint-Jacques, chưa kể vô vàn giảo

đài của những đô trưởng, giám mục, tăng hội, tu viện trưởng, tăng viện trưởng đầy pháp quyền; chưa kể những vụ xử dìm trôi sông Seine, sau khi lần lượt mất hết mọi mảnh giáp trụ, mọi cực hình thừa mứa, mọi hình phạt kỳ quái và ngông cuồng, mọi nhục hình mà cứ năm năm một lần phải làm lại chiếc giường da ở tòa Đại Châtelet, hiện nay quả là điều an ủi khi thấy quyền bá chủ già cỗi của xã hội phong kiến đã gần như bị đuổi ra khỏi vòng pháp luật và khỏi thành phố, bị truy lùng từ đạo luật này tới đạo luật khác, bị xua đuổi từ chỗ này sang chỗ khác, cái quyền đó chỉ còn lại ở đô thành bát ngát Paris chúng ta một xó xỉnh ô nhục quảng trường Grève, một máy chém tồi tàn, lén lút, thấp thỏm, nhục nhã, hình như lúc nào cũng lo ngay ngáy bị bắt quả tang, vì nó chuồn thật nhanh sau khi đã chém đầu!

III
BESOS PARA GOLPES*

Khi tới quảng trường Grève, Pierre Gringoire rét cóng cả người. Chàng đã đi đăng phía cầu Thợ xay để tránh cái đám đông trên cầu Hối đoái và tránh các tranh vẽ của Jehan Fourbault; nhưng tất cả bánh xe cối xay của đức giám mục đã bắn tóe nước khi chàng đi qua, nên áo ngoài ướt sũng. Hơn nữa, chàng có cảm tưởng vở kịch thất bại còn khiến mình rét hơn. Cho nên chàng vội đến gần đống lửa liên hoan đang bốc cháy ngùn ngụt giữa quảng trường. Nhưng một đám đông nghịt đã vây quanh.

Dân Paris chết tiệt! Gringoire thầm nhủ, vì chàng đang thích độc thoại như một thi sĩ kịch chân chính, thế là họ lại án ngữ mất đống lửa! Mà mình đang rất cần một chỗ sưởi ấm. Giày thì ướt sũng, còn lũ cối xay khỉ gió đó lại ào ào hắt nước vào mình! Quỷ tha cái lão giám mục Paris cùng tất cả cối xay của lão! Không biết giám mục thì cần đến cối xay làm gì kia chứ! Dễ thường lão muốn trở thành giám mục xay lúa chắc? Nếu lão cần được nguyền rủa, mình sẵn sàng nguyền rủa, cả tòa nhà thờ lẫn mọi cối xay của lão! Thử xem lũ dân ba chạ kia có sắp xéo đi không! Không biết họ làm gì ở đó! Họ đang sưởi; thú vị thật! Họ xem đốt lửa liên hoan; vui vẻ thật!

Chàng đến gần xem sao và thấy vòng người to rộng hơn nhiều, không phải để sưởi, còn đám đông đang nghìn nghịt kéo đến cũng không phải chỉ cốt xem vẻ đẹp của ngọn lửa liên hoan đang bốc cháy.

Trên khoảng trống rộng rãi để chừa giữa đám đông và đống lửa, một cô gái đang nhảy múa.

Cô gái đó là người, hay tiên hay thiên thần, mặc dù là triết gia hoài nghi, là thi nhân châm biếm, thì ngay phút đầu, Gringoire cũng không thể xác định, vì cảnh tượng huy hoàng làm chàng lóa mắt.

Cô ta không cao lớn, mặc dù có vẻ như vậy, vì dáng người thanh mảnh vươn lên hết sức ngạo nghễ. Nước da nâu, nhưng ban ngày hắn ánh lên màu hồng tươi đẹp của dân Andalous* và dân La Mã. Bàn chân nhỏ nhắn cũng là chân người Andalous, vì xỏ vừa khít vừa thoải mái vào đôi giày xinh xắn. Cô ta nhảy múa, xoay tròn, quay tít, trên tấm thảm Ba Tư cũ, trải tạm dưới chân; và mỗi lần quay tròn, khuôn mặt rạng rỡ của cô lại lướt qua đôi mắt to đen ngời sáng như ánh chớp.

Xung quanh cô, mọi người há hốc mồm, chăm chú xem; và quả thực là một con người siêu phàm khi cô cứ thế nhảy múa theo tiếng trống rền trên đôi cánh tay tròn lẳn và thanh tao giơ cao quá đầu, với dáng người mảnh dẻ, lả lướt và nhanh nhẹn như ong vò vẽ, trong chiếc áo nịt kim tuyến phẳng phiu, áo dài sặc sỡ phồng bay, với đôi vai trần, cặp chân thon thỉnh thoảng lộ ra dưới váy, mái tóc huyền, cặp mắt rực lửa.

- Quả thực, - Gringoire thầm nghĩ, - đây là một xà nương, một thần nữ, một tiên cô, một yêu tinh trên đỉnh núi Ménaléen!

Giữa lúc đó, một bím tóc của “xà nương” tuột ra và một vật bằng đồng vàng buộc vào đó rơi xuống đất.

- Ồ không! - Chàng nói, - cô ta là dân Bohémienne*.

Thế là tan biến mọi ảo mộng.

Cô ta lại nhảy tiếp. Cô nhặt hai thanh kiếm dưới đất, gí mũi kiếm vào trán rồi xoay ngược với chiều người quay tít. Đúng là gái Bohémienne chính cống. Nhưng dù Gringoire vỡ mộng đến đâu, toàn bộ cảnh tượng đó cũng không thiếu vẻ huyền ảo và quái dị; ngọn lửa liên hoan chói lọi và đỏ rực chiếu sáng cô ta, lung linh rực rỡ trên các khuôn mặt của đám đông đang quây tròn, trên vầng

trán nâu cô gái, và hắt quầng sáng nhạt nhấp nhô bóng người về cuối quảng trường, soi mặt tiền cũ kỹ, đen nhẻm và răn reo của tòa Nhà cột phía bên này, và các xà đá của đài treo cổ phía bên kia.

Giữa hàng nghìn khuôn mặt nhuộm ánh lửa đỏ hồng, có một khuôn mặt hình như còn ngắm cô vũ nữ say mê hơn cả mọi người. Đó là một khuôn mặt đàn ông khắc khổ, điềm đạm và u ám. Người này bị đám đông vây quanh che lấp mất quần áo và có vẻ chưa quá băm nhăm tuổi; nhưng y đã hói trán; hai thái dương chỉ lơ thơ vài túm tóc thưa lốm đốm hoa râm; vầng trán rộng và cao bắt đầu nhăn nheo; nhưng đôi mắt nâu lại sáng ngời cái ánh thanh xuân kỳ lạ, cái sức sống nồng cháy, cái ham mê đắm đuối. Đôi mắt không rời cô Bohémienne và trong khi cô gái mười sáu tuổi cuồng nhiệt nhảy múa để mua vui cho mọi người thì sự mơ màng của hắn ta như mỗi lúc càng thêm u uất. Thỉnh thoảng, nụ cười và tiếng thở dài lại gặp nhau trên cặp môi hắn, nhưng nụ cười đau đớn hơn tiếng thở dài.

Cuối cùng cô gái mệt phờ dừng lại và đám đông hoan hô nhiệt liệt.

- Djali, - cô gái gọi.

Và Gringoire thấy chạy lại một con dê con xinh đẹp, trắng toát, nhanh nhẹn, tinh ranh, bóng loáng cặp sừng vàng óng, đôi chân vàng óng, chiếc vòng cổ cũng vàng óng, mà từ nãy đến giờ chàng chưa nhìn thấy vì nó vẫn ngồi xổm ở góc thảm và xem cô chủ nhảy múa.

- Djali, giờ đến lượt em, - cô vũ nữ nói.

Rồi cô ngồi xuống và duyên dáng chìa cái trống cho con dê.

- Djali, - cô hỏi, - bây giờ là tháng mấy?

Con dê giơ chân trước và gõ một cái vào mặt trống. Quả thực đang tháng giêng. Đám đông hoan hô.

- Djali, - cô gái hỏi tiếp, xoay sang mặt trống bên kia, - hôm nay là ngày bao nhiêu?

Djali giơ chiếc chân nhỏ vàng chóe và gõ sáu tiếng lên mặt trống.

- Djali, - cô gái Ai Cập lại hỏi, xoay tiếp mặt trống, - bây giờ là mấy giờ?

Djali gõ bảy tiếng. Giữa lúc đó, chuông đồng hồ Nhà cột dóng lên bảy tiếng.

Dân chúng kinh ngạc.

- Đúng là nó có yêu thuật, một giọng nói rùng rợn vang lên giữa đám đông. Đó là giọng người hói trán vẫn nhìn chằm chằm cô gái.

Cô ta giật mình, quay lại; nhưng tiếng vỗ tay ran lên và át hẳn tiếng nói rầu rĩ.

Tiếng vỗ tay xóa hẳn tiếng nói đó trong đầu óc cô nên cô tiếp tục hỏi con dê.

- Djali, Ngài Guichard Grand-Remy, đại úy khinh binh đô thành, đã làm gì trong đám rước ngày lễ thánh Chandeleur?

Djali đứng thẳng hai chân sau và kêu be be, đi rất nghiêm trang duyên dáng, khiến cả đám đông quây tròn phải phì cười vì lối bắt chước thói sủng tín vụ lợi của vị đại úy khinh binh.

- Djali, - cô gái hỏi tiếp, càng bạo dạn vì đã thành công hơn, - ngài Jacques Charmolue, biện lý hoàng gia tại hội pháp viện, rao giảng như thế nào?

Con dê liền ngồi xổm và kêu be be, hai chân trước múa may trông thật kỳ cục, cho nên nếu không tính đến thứ tiếng Pháp và tiếng Latinh rất tồi, thì cử chỉ, giọng nói, điệu bộ, thật giống hệt Jacques Charmolue.

Đám đông càng vỗ tay ầm ĩ.

- Trò phỉ báng! Tội phạm thượng! - Giọng người hói trán vang lên.

Một lần nữa, cô Bohémienne lại quay lại.

- A! - Cô nói, - hóa ra cái lão khốn nạn này! - Rồi chìa môi dưới ra khỏi môi trên, cô ngúng nguẩy bĩu môi theo thói quen, xoay gối quay ngoắt người đi và chìa chiếc trống, đi xin tiền thưởng của đám đông.

Hào lớn, hào con, nào xu, nào chinh rào rào ném xuống như mưa. Đột nhiên,

cô tới trước mặt Gringoire. Chàng dại dột thọc ngay tay vào túi làm cô dừng lại.

- Quỷ quái! - Nhà thơ nói, thấy trong đáy túi là thực tế rỗng không. Tuy nhiên cô gái xinh đẹp vẫn đứng đó, nhìn chàng bằng đôi mắt mở to, chìa cái trống ra và chờ đợi. Gringoire toát mồ hôi hột.

Nếu có cả nước Peru trong túi, chắc chắn chàng sẽ cho luôn cô vũ nữ; nhưng Gringoire không có nước Peru, vả lại ngay châu Mỹ hồi đó cũng chưa được tìm ra.

May thay, một sự việc bất ngờ tới cứu chàng.

- Con cào cào Ai Cập kia, mày có cút đi không? Một giọng the thé thét lên từ xó tối om của quảng trường.

Cô gái sợ hãi quay lại. Đó không phải giọng người hói trán; mà là giọng đàn bà, một giọng sùng đạo và độc ác.

Thế nhưng, tiếng thét làm cô gái khiếp sợ lại khiến lũ trẻ chơi đùa quanh đó vui thích.

- Đó là mụ tu kín ở Tháp Roland, - chúng reo lên cười ầm ĩ, - đó là mụ tu dòng Túi đang gào lên! Hay là mụ ta chưa ăn gì, ta mang lại cho mụ ít thức ăn thừa của quầy ăn thành phố đi! - Cả bọn đổ xô về phía Nhà cột.

Trong khi đó, Gringoire lợi dụng lúc cô vũ nữ hốt hoảng liền chuồn thẳng. Tiếng trẻ hò reo làm chàng nhớ cả mình cũng chưa ăn gì. Chàng vội chạy tới quầy ăn. Nhưng lũ ranh con nghịch ngợm nhanh chân hơn; chàng tới nơi thì chúng đã vét sạch. Ngay đến mẩu bánh tồi tàn năm xu một cân cũng chẳng còn. Trên tường chỉ còn những bó hoa huệ mảnh dẻ, lẫn với tường vi, do Mathieu Biterne vẽ từ năm 1434. Bữa ăn như thế thì đạm bạc quá.

Chưa ăn gì mà ngủ là chuyện phiền; chưa ăn gì mà còn biết ngủ đâu, lại càng ít vui tươi hơn. Gringoire đang lâm vào bước đó. Không cơm ăn, không nhà ở; sinh kế bốn bề thúc bách và chàng cảm thấy chuyện sinh kế thực là khốn khổ. Từ lâu chàng đã phát hiện ra chân lý là Jupiter, trong lúc quá yếm thế, đã sáng

tạo ra loài người và trong suốt cuộc đời nhà hiền triết, số phận đã vây hãm triết lý của y. Còn chàng, chưa bao giờ chàng bị vây hãm triệt để như thế này; chàng nghe dạ dày kêu gọi đầu hàng và thấy hết sức vô vị khi chính số phận hẩm hiu lại dùng cái đói để đánh bại triết lý của mình.

Chàng đang mỗi lúc một thêm mơ mộng buồn rầu thì đột nhiên bừng tỉnh khi có tiếng hát kỳ dị, tuy rất êm ái, cất lên. Đó là tiếng hát cô gái Ai Cập.

Tiếng hát cũng giống như điệu múa và sắc đẹp của cô. Nó khó tả mà đáng yêu: có thể nói, đó là cái gì trong sáng, âm vang, thanh thoát, bay bổng. Tiếng hát liên tiếp bừng nở, các giai điệu, các tiết tấu bất ngờ, rồi các câu nhạc giản dị xen lẫn với những âm cao vút, lanh lảnh, rồi các chuyển giọng cách quãng làm chim họa mi cũng không sánh kịp, nhưng vẫn du dương như thường, rồi các ngân rung bát độ mềm mại lúc dâng lên khi hạ xuống như cặp vú cô ca sĩ trẻ. Gương mặt xinh đẹp của cô linh động kỳ lạ với mọi biến thái của bài hát, từ cảm hứng cuồng loạn tới vẻ trang trọng thanh khiết nhất. Có thể nói có khi như con điên, lúc là bà hoàng.

Lời ca thuộc một ngôn ngữ xa lạ với Gringoire, và hình như, cả cô cũng không hiểu, vì tình cảm diễn tả qua điệu hát rất ít phù hợp với ý nghĩa của lời. Ví dụ như bốn câu thơ sau đây qua miệng cô hát, thật vô cùng vui nhộn:

Un cofre de gran riqueza
Hallaron dentro un pilar,
Dentro del, nuevas banderas
*Con figuras de espantar.**

Rồi lát sau, Gringoire cảm thấy ứa nước mắt khi nghe giọng cô hát đoạn thơ này:

Alarabes de cavallo

Sin poderse menear,

Con espadas, y los cuellos,

*Ballestas de buen echar.**

Tuy nhiên, tiếng hát vẫn ngời sáng niềm vui và cô hát như chim hót, bình thản và vô tư.

Tiếng hát cô gái khuấy động tâm hồn mơ mộng của Gringoire, như con thiên nga khuấy động mặt nước. Chàng lắng nghe, say sưa, và quên hết mọi thứ. Sau nhiều giờ, đây là giây phút đầu tiên, chàng không cảm thấy đau khổ.

Khoảng cách này thật ngắn ngủi.

Vẫn giọng đàn bà, đã ngắt quãng điệu nhảy của cô gái, lại tới cắt đứt tiếng hát.

- Con *ve sầu* âm phủ kia, mày có câm mồm ngay đi không? - Mụ vẫn từ trong xó tối om ở quảng trường thét lên.

Con ve sầu tội nghiệp ngừng bặt, Gringoire bịt hai tai.

- Ôi! - Chàng kêu lên, - cái cưa mẻ khốn nạn làm gẫy cây đàn lyr tao rồi!

Cả các khán giả khác cũng thốt lên như chàng; nhiều người rủa:

- Cái con mụ tu kín chết tiệt!

Và mụ già phá đám vô hình ắt sẽ phải hối hận về tội trêu trọc cô Bohémienne, nếu đám đông lúc đó không mải quay sang xem đám rước Cuồng đãng giáo hoàng, sau khi diễu qua nhiều phố và ngã ba ngã tư, đang đổ ra quảng trường Grève, với đầy đủ lửa đuốc và tiếng ồn.

Đám rước mà bạn đọc đã thấy từ Tòa pháp đình kéo ra, vừa thành hình trên đường đi, vừa thu thập thêm tất cả những ai du côn xỏ lá, vô công rồi nghề và lang thang trộm cắp, vẫn thường xuyên có mặt ở Paris, cho nên khi tới quảng trường Grève, đám rước đã có vẻ hùng hậu lắm.

Dẫn đầu là xứ Ai Cập. Quận công Ai Cập cưỡi ngựa, dẫn đầu, có các bá tước đi chân, giữ dây cương cùng bàn đạp hộ, theo sau là đàn ông đàn bà Ai Cập lộn xộn, với lũ con nhỏ kiệu trên vai đang hò hét; tất cả, nào quận công, bá tước, dân cùng đinh, đều ăn mặc rách rưới, tả tơi. Rồi tới vương quốc tiếng lóng; tức là cả bọn trộm cắp ở Pháp, xếp hàng theo trật tự thứ bậc; cấp bé đi trước. Cứ như thế chúng diễu hành hàng bốn, với đủ loại huy hiệu khác nhau về cấp bậc của cái đoàn thể kỳ quái này, hầu hết đều què quặt, đứa thì thọt, đứa thì cụt, rồi ăn mày bán chuyên giả danh thất nghiệp, ăn mày đeo vỏ hến vờ làm hành giả, ăn mày vờ bị chó dại cắn phải đến nhà thờ chữa bệnh, ăn mày ngậm xà phòng xùi bọt mép giả động kinh, đứa giả chốc đầu, giả ốm yếu, giả đói rách, giả què chống nạng, bọn cắt túi, bọn giả sâu quảng, phủ thũng, giả bị bỏng, giả lái buôn phá sản, giả phế binh, giả hủi, bọn lỏi con, bọn nghiện ngập; sự điểm duyệt đến Homère cũng mệt nhoài. Ở giữa đoàn tuyển thủ của bọn hủi và bọn nghiện ngập thấp thoáng thấy vua xứ tiếng lóng, Đại vương Coësre, ngồi xổm trong chiếc xe ba gác nhỏ do hai con chó to kéo. Sau vương quốc tiếng lóng tới đế quốc Galilée*, Guillaume Rousseau, hoàng đế đế quốc Galilée, đường bệ bước đi trong chiếc áo bào đỏ tía hoen rượu vang, phía trước là bọn hề đang múa may quay cuồng các chiến vũ, hộ tống chung quanh là các gã mang chùy, các phò tá, và các thư lại văn phòng thanh toán. Cuối cùng là giới luật sư, với những cành cây tháng năm đầy hoa, với áo dài đen, với bản nhạc om sòm ầm ĩ, và những cây nến to tướng bằng sáp vàng. Giữa đám đông đó, các đại quan viên của hội đoàn Cuồng đãng, khiêng trên vai cái cáng gắn đầy nến, nhiều hơn cả tráp thánh tích Sainte-Geneviève vào thời dịch hạch. Và trên càng chễm chệ ngôi vị tân giáo hoàng cuồng đãng, tay mang pháp trượng, mình mặc áo lê, đầu đội mũ giáo chủ, tức tên kéo chuông nhà thờ Đức Bà, thằng gù Quasimodo.

Mỗi đoàn của đám rước lố lăng này đều có âm nhạc riêng. Bọn Ai Cập khua ầm ĩ phách và trống Phi châu. Bọn nói lóng, thuộc loại rất ít khiếu nhạc, thì mới

dừng lại ở đàn cò, kèn và tù và cổ lỗ của thế kỷ mười hai. Đế quốc Galilée cũng chẳng tiến bộ gì hơn; chỉ thấy trong dàn nhạc cây đàn rebec tồi tàn của thời nghệ thuật ấu trĩ, có độc ba dây *rề-la-mi*. Thế nhưng tất cả dàn nhạc phong phú của thời đại đã được triển khai trong điệu nhạc chướng tai tuyệt mỹ, tấu quanh giáo hoàng cuồng đãng. Toàn tiếng đàn rebec vút cao, tiếng đàn rebec lanh lảnh, tiếng đàn rebec đứt đoạn, chưa kể đến sáo, tiêu và bộ đồng. Than ôi! Bạn đọc hẳn còn nhớ, đó chính là dàn nhạc của Gringoire.

Thật khó lòng hình dung được mức độ hớn hở đến kiêu kỳ và thỏa mãn trên bộ mặt buồn rầu và ghê sợ của Quasimodo, trên chặng đường từ Tòa pháp đình tới quảng trường Grève. Đây là lần đầu tiên hắn được thỏa mãn lòng tự ái, như chưa bao giờ hưởng qua. Đến nay, hắn chỉ được biết toàn tủi nhục, khinh rẻ đối với hoàn cảnh hắn, toàn ghê tởm đối với thân hắn. Cho nên mặc dù điếc, hắn vẫn thưởng thức như một giáo hoàng chính cống mọi hoan hô của đám đông, mà hắn căm ghét vì cảm thấy mình bị họ căm ghét, dù cho thần dân chỉ là lũ ô hợp những bọn điên khùng, bại liệt, trộm cắp, ăn mày, cũng chẳng sao! Họ vẫn cứ là thần dân, và hắn cứ là chúa tể. Và hắn thực tâm thích thú mọi hoan hô giễu cợt đó, mọi kính nể nhạo báng đó, mà phải nói đám đông kể ra cũng hơi có phần hãi thực sự. Vì gã gù vốn khỏe; vì gã khoèo vốn nhanh nhẹn; vì gã điếc vốn độc ác; ba đức tính làm giảm vẻ tức cười.

Kể ra, ta cũng khó tin được là vị tân giáo hoàng cuồng đãng tự mình hiểu nổi những cảm giác mà hắn cảm thấy và những cảm giác do hắn gây ra. Trí tuệ ẩn náu trong thân hình tàn tật nhất định tự nó cũng thiếu hụt và câm lặng. Cho nên những điểm cảm thấy lúc này, đối với hắn, đều hoàn toàn mơ hồ, không rõ và vô định. Chỉ thấy lóa lên niềm vui sướng, tràn trề kiêu ngạo. Chung quanh khuôn mặt u ám và đau khổ bỗng tỏa sáng.

Cho nên mọi người không khỏi kinh ngạc và khiếp sợ khi thấy một người từ đám đông chạy tới rồi tức giận giằng khỏi tay Quasimodo chiếc pháp trượng

bằng gỗ thếp vàng, biểu hiện của quyền lực giáo hoàng cuồng đãng, giữa lúc hắn đang say sưa đắc chí diễu qua trước Nhà cột.

Người này, gã táo tợn đó, chính là nhân vật hói trán một lát trước đây còn đứng lẫn trong đám đông để xem cô Bohémienne và làm cô bé tội nghiệp lạnh toát người vì những lời đe dọa, hằn học. Hắn mặc áo giáo sĩ. Khi hắn bước ra khỏi đám đông, Gringoire từ nãy vẫn không để ý tới, bỗng nhận ra.

- Kìa! - Chàng ngạc nhiên thốt lên, - hóa ra đức cha Claude Frollo, phó chủ giáo, thầy dạy ta về Hermès*. Trời ơi, cha định làm gì cái thằng chột khốn nạn đó không biết? Không khéo bị nó nuốt sống mất.

Quả nhiên, một tiếng thét khủng khiếp vang lên. Gã Quasimodo ghê gớm từ trên cáng lao vọt xuống và các bà quay mặt đi để khỏi nhìn hắn xé xác phó chủ giáo.

Hắn nhảy xổ tới linh mục, nhìn ông ta rồi quỳ xuống.

Linh mục giật chiếc mũ miện, bẻ gãy pháp trượng, xé toạc áo lễ đính trang kim của hắn.

Quasimodo vẫn quỳ đó, cúi đầu và chắp tay.

Rồi giữa họ xảy ra cuộc đối thoại kỳ lạ bằng dấu hiệu và cử chỉ, vì cả hai đều không nói gì. Linh mục đứng thẳng, tức giận hằm hằm, hách dịch; Quasimodo chỉ quỳ rạp, nhẫn nhục, van xin. Thế mà chắc chắn Quasimodo chỉ cần dí ngón tay cái cũng đủ khiến linh mục chết bẹp.

Cuối cùng, phó chủ giáo lay mạnh cái vai vạm vỡ của Quasimodo, và ra hiệu cho hắn đứng dậy đi theo mình.

Quasimodo đứng lên.

Thế là sau phút ngơ ngác ban đầu, hội đồng cuồng đãng liền định bảo vệ vị giáo hoàng đột nhiên bị truất phế. Bọn Ai Cập, dân nói lóng và tất cả đám luật sư tới sủa nhao nhao quanh linh mục.

Quasimodo đứng chắn trước linh mục, giơ nắm đấm lực sĩ nổi gân cuồn cuộn và nghiến răng kèn kẹt như con hổ nổi khùng nhìn đám người vây quanh.

Linh mục trở lại cái vẻ nghiêm trang lầm lì, ra hiệu cho Quasimodo và lặng lẽ đi thẳng.

Quasimodo đi trước mở đường, gạt phắt đám đông chạy tán loạn.

Khi cả hai đã ra khỏi đám dân chúng và quảng trường, lũ người hiếu kỳ và nhàn rỗi vội nhâu nhâu định đuổi theo xem. Quasimodo liền chặn hậu và bước giật lùi để đi theo phó chủ giáo, hắn lực lưỡng, cáu kỉnh, kỳ quái, sừng sộ, chân tay co lại giữ thế thủ, liếm chiếc răng nanh lợn lòi, gầm gè như thú dữ, khiến đám đông phải ngả nghiêng xiêu dạt vì một cử chỉ hoặc cái nhìn.

Đám đông đành để hai người đi vào một phố hẹp, tối om và không ai dám liều mạng đuổi theo, chỉ riêng ảo ảnh Quasimodo nghiến răng kèn kẹt đủ chắn lối vào phố.

- Thật là kỳ diệu, - Gringoire nói; - nhưng mình biết lấy đâu ra cái ăn bây giờ?

IV
NHỮNG PHIỀN TOÁI KHI THEO ĐUỔI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẸP QUA CÁC PHỐ VÀO BUỔI TỐI

Tình cờ Gringoire lại đi theo cô Bohémienne. Chàng thấy cô ta cùng con dê đi vào phố Hàng Dao; chàng bèn đi theo vào phố Hàng Dao.

- Sao lại không? - Chàng thầm nhủ.

Vốn là triết gia lang thang trên vỉa hè Paris, Gringoire nhận thấy không có gì thuận lợi hơn cho chuyện mơ mộng bằng đi theo một người đàn bà đẹp mà không biết người đó đi đâu. Trong việc tự nguyện từ bỏ quyền tự do ý chí, trong cái ý lông bông phụ thuộc vào một ý bông lông khác, ý bông lông này tự nó cũng không hề biết, còn xen lẫn ý thức độc lập kỳ dị và phục tùng mù quáng một cái gì đó trung gian giữa nô lệ và tự do làm Gringoire thích thú, chàng chủ yếu vốn có một tính cách ba phải, dao động và phức tạp, luôn luôn cực đoan, thường xuyên lơ lửng giữa mọi khuynh hướng nhân sinh và lấy cái nọ để trung lập cái kia. Chàng sẵn sàng tự ví mình với ngôi mộ Mahomet, bị thu hút ngược chiều bởi hai hòn đá nam châm và suốt đời do dự giữa trên cao và dưới thấp, giữa vòm mái và lòng đường, giữa rơi ngã và leo trèo, giữa đỉnh trời và tâm đất.

Nếu còn sống đến ngày nay, chắc chắn Gringoire sẽ là điểm trung gian tuyệt diệu giữa cổ điển và lãng mạn!

Nhưng tiếc thay, chàng không đến nỗi quá cổ sơ để sống ba trăm năm. Sự vắng mặt chàng tạo nên khoảng trống mà ngày nay càng cảm thấy rất rõ.

Tóm lại, để theo dõi khách qua đường như vậy (và nhất là khách đàn bà), điều Gringoire đang sẵn sàng làm, không còn hoàn cảnh nào thích hợp hơn là

đang lúc không biết ngủ đâu.

Cho nên chàng đăm chiêu tư lự theo sau cô gái rảo bước cạnh con đê xinh đẹp lóc cóc chạy, vừa nhìn thị dân ra về và các quán rượu đóng cửa, đó là những nhà hàng duy nhất mở cửa hôm đó.

- Dù sao, - chàng loáng thoáng nghĩ, - cô ta cũng phải có chỗ ở tại đâu đó: dân Bohémienne vốn tốt bụng. Biết đâu đấy?...

Và trong những chấm lửng kèm theo câu hỏi đầy ngụ ý đó, đầu óc chàng cũng nảy ra bao ý nghĩ khá thú vị.

Trong lúc đó, thỉnh thoảng đi ngang qua những đám thị dân cuối cùng đang đóng cửa, chàng lại nghe lỏm được vài mẩu chuyện làm đứt đoạn mạch liên tưởng ước đoán tươi vui.

Vừa rồi là hai ông già bắt chuyện với nhau.

- Thầy Thibaut Fernicle, ngài có thấy rét không?

(Điều này Gringoire thừa biết ngay từ đầu mùa đông rồi).

- Rét thật, thầy Boniface Disome ạ! Liệu mùa đông này có giống ba năm trước đây không, vào năm 80 giá củi tới tám xu một bó?

- Ồ! Có thấm gì hả thầy Thibaut, dạo đầu mùa đông năm 1407, trời còn băng giá suốt từ ngày lễ Saint-Martin tới ngày lễ Chandeleur! Mà rét cóng đến nỗi trong phòng xử án, ngòi bút viên lục sự cứ viết được ba chữ lại đông mực! Đâm ra ngưng trệ cả việc ghi chép biên bản của tòa án.

Lát sau là những bà láng giềng đứng ở cửa sổ tay cầm nến bị sương làm nổ lách tách.

- Này chị La Boudraque, chồng chị có kể lại cái chuyện tai hại đó không?

- Không. Chuyện gì thế hả chị Turquant?

- Con ngựa của ông Gille Godin, quản lý văn khế ở tòa Châtelet hoảng sợ vì các sứ thần Flandre và đám rước của họ, đã xô ngã ngài Philippot Avrillot, dòng

Célestin.

- Thật à?

- Lại chả thật.

- Ngựa của thị dân! Thế thì quá lắm. Giá như ngựa của kỵ binh thì cũng còn đỡ!

Rồi cửa sổ khép lại. Nhưng Gringoire vẫn bị lạc mất dòng suy nghĩ rồi.

May thay, chàng nhanh chóng tìm lại và dễ dàng nối tiếp dòng suy nghĩ, nhờ cô Bohémienne, nhờ Djali, vẫn đi trước mặt; đó là hai sinh vật thanh cao, trang nhã và duyên dáng, khiến chàng phải ngắm nhìn từ cặp chân xinh xắn, hình dáng đẹp đẽ đến cử chỉ yêu kiều, gần như hòa hợp làm một trước mắt chàng chiêm ngưỡng; với vẻ thông minh và thân thiện, cả hai tưởng như đều là con gái; với vẻ nhẹ nhàng, thanh thoát, yểu điệu trong dáng đi, cả hai đều giống như dê.

Nhưng phố xá mỗi lúc một thêm tối om vắng ngắt. Lệnh giới nghiêm đã điểm từ lâu, và chỉ thỉnh thoảng lắm mới lại gặp một khách đi đường trên phố, một ánh sáng nơi cửa sổ. Gringoire theo sau cô gái Ai Cập, bước vào khu phố bàn cờ chằng chịt ngõ hẻm, ngã tư và ngõ cụt, vây quanh nhà mồ cũ Saint-Innocent, không khác gì cuộn chỉ bị con mèo làm rối.

- Phố xá gì mà lại rắc rối thế này.

Gringoire thầm nhủ, lạc giữa trăm nghìn lối ngõ luôn luôn quay về chỗ cũ, nhưng ở đó cô gái xem chừng rất quen thuộc đường đi, không chút lưỡng lự và mỗi lúc một bước nhanh hơn. Mỗi khi rẽ sang một phố khác, nếu chàng không nhìn thấy khối bát giác của giàn bêu tù ở phố Chợ, với nóc trổ thủng nổi bật thành một riềm đen trên khung cửa sổ còn sáng đèn ở phố Verdelet, chàng đã hoàn toàn không còn biết mình đang ở đâu. Từ nãy đến giờ, chàng bắt đầu làm cô gái phải để ý; cô đã nhiều bận lo ngại quay đầu lại nhìn; có lần cô còn dừng hẳn lại, lợi dụng ánh đèn từ hàng bánh mì hé cửa, để nhìn chàng chằm chằm

suốt từ đầu tới chân; rồi Gringoire thấy cô nhìn xong, lại khẽ bĩu môi như chàng từng biết và bỏ đi.

Cái bĩu môi làm Gringoire suy nghĩ. Rõ ràng nét nhăn mặt duyên dáng đó đầy vẻ khinh khỉnh và chế nhạo. Cho nên chàng bắt đầu cúi đầu, đếm gạch lát đường và đi theo hơi cách xa một tí, đến một góc phố rẽ làm khuất bóng cô gái, chàng bỗng nghe tiếng cô kêu thét lên.

Chàng vội rảo bước chạy tới.

Phố xá tối om. Tuy nhiên, nắm xơ gai tẩm dầu cháy trong lồng sắt, đặt dưới chân tượng Đức mẹ đồng trinh ở đầu phố, đủ cho Gringoire thấy rõ cô Bohémienne đang giãy giụa trong cánh tay hai gã đàn ông đang cố bịt miệng để cô đừng kêu. Con dê con tội nghiệp, hết sức hoảng sợ, chúc sừng kêu be be.

- Ôi tuần canh, cứu chúng tôi với!

Gringoire kêu ầm và mạnh dạn bước tới. Một trong hai người đang giữ cô gái, liền quay lại nhìn chàng. Đó là khuôn mặt khủng khiếp của Quasimodo.

Gringoire không bỏ chạy, nhưng cũng không tiến thêm bước nào.

Quasimodo chạy lại, gạt tay một cái đủ khiến chàng lộn cổ ngã lăn ra đường, rồi vội chạy vụt vào bóng tối, ôm theo cô gái nằm rũ trên cánh tay hắn như dải lụa. Kẻ tòng phạm bước theo hắn, còn con dê tội nghiệp rên rỉ kêu be be cũng chạy theo cả bọn.

- Cứu tôi với! Chúng nó giết người! - Cô Bohémienne khốn khổ gào lên.

- Đứng lại! Lũ khốn kiếp, thả ngay con đĩ đó ra cho tao!

Đột nhiên vang lên tiếng gầm như sấm của một kỵ sĩ từ ngã tư bên cạnh vụt lao ra.

Đó là một đại úy cung thủ ngự lâm quân, trang bị từ đầu đến chân, tay cầm siêu đao.

Chàng giằng cô Bohémienne khỏi tay Quasimodo đang ngơ ngác, đặt vắt

ngang yên ngựa và giữa lúc tên gù ghê gớm sực tỉnh hoàn hồn, xông tới để giành lại con mồi thì mười lăm mười sáu cung thủ, vẫn theo sát đại úy, ùa tới, tay cầm gươm. Đó là một phân đội ngự lâm quân đi tuần tra, theo lệnh của ngài Robert d'Estouteville, đô trưởng Paris.

Quasimodo bị bao vây, bắt giữ, trói chặt. Nó gầm lên, sùi bọt mép, cắn cấu và nếu là ban ngày, chắc chắn chỉ riêng vẻ mặt, càng kinh sợ hơn vì tức giận, cũng đủ làm cả phân đội bỏ chạy. Nhưng ban đêm, nó bị tước mất vũ khí ghê gớm nhất là sự xấu xí.

Trong lúc xô xát, kẻ tòng phạm đã lủi mất.

Cô Bohémienne duyên dáng ngồi dậy trên yên ngựa viên sĩ quan, hai tay vịn lên đôi vai chàng trai trẻ và đăm đăm nhìn chàng vài giây, như vui sướng vì bộ mặt tươi cười và sự cứu giúp của chàng đối với cô. Rồi cô lên tiếng đầu tiên hỏi chàng, giọng nói dịu dàng lại càng ngọt ngào thêm:

- Thưa ngài hiến binh, tên ngài là gì ạ?

- Đại úy Phoebus de Châteauper, xin hân hạnh thưa quý nương! - Viên sĩ quan ưỡn thẳng người, đáp.

- Cảm ơn, - cô gái nói.

Rồi trong khi đại úy Phoebus vuốt đôi ria kiểu dân Bourguignon, cô gái đã tụt xuống ngựa, như mũi tên rơi xuống đất và chạy mất.

Một tia chớp cũng không biến nhanh bằng.

- Đếch ra làm sao! - Đại úy thốt lên, thít chặt thêm dây trói Quasimodo, - giá tao giữ được con đĩ còn hay hơn.

- Thưa đại úy, đành vậy thôi! - Một hiến binh nói, - con chim bông lau bay đi rồi, chỉ còn con dơi ở lại.

V
TIẾP TỤC CÁC PHIỀN TOÁI

Gringoire bị ngã choáng váng, vẫn nằm giữa lòng đường, trước tượng Đức mẹ đồng trinh từ bi ở đầu phố. Dần dần chàng tỉnh lại; thoạt đầu chàng chập chờn vài phút, không phải không êm ái trong cơn nửa mê nửa tỉnh, với hình ảnh mờ ảo của cô Bohémienne cùng con dê hòa hợp với sức nặng của quả tống Quasimodo. Tình trạng đó kéo dài không lâu. Một cảm giác lạnh toát ở phần thân thể tiếp xúc với lòng đường, đột nhiên làm chàng tỉnh lại và phục hồi trí nhớ.

- Sao lại lạnh thế này? - Chàng bỗng tự hỏi. Lúc đó chàng mới thấy mình đang nằm mấp mé rãnh nước.

- Con quỷ gù chết tiệt! Chàng làu bàu và định dậy. Nhưng khắp người tê dại và đau đớn, chàng đành phải nằm tại chỗ. Dù sao cũng còn bàn tay tự do: chàng bịt mũi và nhẫn nhục chịu đựng.

- Bùn Paris, - chàng thầm nghĩ (vì chàng đinh ninh chắc rãnh nước từ nay sẽ là nhà. *Nếu không suy nghĩ, còn biết làm gì khác ở nhà?** Bùn Paris đặc biệt thối. Chắc nó chứa nhiều muối khoáng diêm tiêu bốc hơi. Dù sao đó cũng là ý kiến của thầy Nicolas Flamel* và phái luyện đan...

Chữ luyện đan làm chàng sực nhớ tới phó chủ giáo Claude Frollo. Chàng nhớ lại cảnh xô xát vừa nhìn thấy, cảnh cô Bohémienne giẫy giụa giữa hai người, việc Quasimodo có thêm tòng phạm, rồi khuôn mặt u ám, kiêu kỳ của phó chủ giáo chợt mơ hồ hiện qua trí óc chàng. - Kỳ lạ thật! - Chàng thầm nghĩ: - dựa vào dữ kiện và luận cứ đó, chàng bắt đầu xây dựng tòa lâu đài kỳ ảo những giả

thuyết, cái dinh thự bằng con bài giấy của bọn triết gia. Rồi đột nhiên một lần nữa trở lại với thực tế, chàng kêu lên: - Ái chà chà! Rét quá!

Quả thực chỗ nằm mỗi lúc thêm bất ổn. Mỗi phân tử nước rãnh lấy đi một phân tử nhiệt lượng toát ra từ thân Gringoire và sự cân bằng giữa nhiệt độ cơ thể chàng và nhiệt độ rãnh nước bắt đầu xuất hiện một cách khó chịu.

Bỗng nhiên chàng lại gặp điều phiền muộn có tính chất khác hẳn.

Một đám trẻ, cái lũ ranh con chân đất, bất kể thời nào, vẫn thường lang thang khắp vỉa hè Paris, dưới cái tên vĩnh cửu là *nhóc con* và ngay hồi chúng ta còn bé, cũng thường bị chúng ném đá mỗi chiều tan học, chỉ vì quần ta mặc không rách, một bầy trẻ nhỏ tinh quái đó ùa chạy tới ngã tư nơi Gringoire đang nằm, vừa cười vừa thét, hình như bất chấp cả giấc ngủ của bà con phố phường. Chúng nó kéo lê một thứ túi méo mó; và chỉ riêng tiếng guốc của chúng cũng đủ làm một xác chết phải choàng dậy. Gringoire cũng chưa phải hoàn toàn chết thật, nên vội nhổm ngay dậy.

- Ới ông Hennequin Dandèche ơi! Ới ông Jehan Pincebourde ơi! - Chúng reo ầm lên; - lão già Eustache Moubon buôn sắt ở góc phố chết rồi. Bọn này vớ được cái đệm rơm của lão, bọn này sẽ nhóm lửa liên hoan. Hôm nay là ngày sứ thần xứ Flandre!

Thế là chúng vứt cái đệm rơm trúng ngay vào người Gringoire mà chúng không nhìn thấy khi vừa chạy tới. Đồng thời một đứa liền rút mớ rơm, chạy đến châm ở ngọn đèn trước tượng Đức mẹ đồng trinh từ bi.

- Chết cha rồi! - Gringoire làu bàu, - bây giờ có lẽ mình sẽ nóng điên lên mất!

Giờ phút thật nguy ngập. Chàng sắp bị hãm giữa lửa và nước; bằng một cố gắng phi thường, một cố gắng của gã làm bạc giả sắp bị bỏ vạc dầu và đang tìm cách trốn chạy, chàng đứng phắt dậy, hất cái đệm rơm vào lũ nhóc rồi chạy thẳng.

- Lạy Đức mẹ đồng trinh! - Lũ trẻ kêu lên; - lão buôn sắt sống lại rồi!

Và chúng bỏ chạy toán loạn.

Tấm đệm rơm liền làm chủ chiến trường Belle-forêt, cha Le Juge và Corrozet khẳng định là hôm sau, chiếc đệm được thu nhặt rất long trọng bởi xứ đạo và mang tới bảo tàng của nhà thờ Thánh bà Opportune, nơi đây người coi đồ thánh đã giữ làm kỷ vật khá quý báu cho mãi tới năm 1789, cùng với phép lạ vô biên của tượng Đức mẹ đồng trinh ở đầu phố Mauconseil; vào đúng cái đêm đáng ghi nhớ mùng 6 rạng mùng 7 tháng giêng năm 1482, chỉ cần có mặt Người, Đức mẹ đã trừ tà cho hương hồn Eustache Moubon, lão ta muốn đánh lừa ma quỷ nên lúc sắp chết đã tinh quái giấu kỹ linh hồn mình trong tấm đệm rơm.

VI
CÁI VÒ VỠ

Sau khi quàng chân lên cổ chạy được một lát, chẳng còn biết đâu vào đâu, húc đầu vào đủ mọi góc phố, nhảy qua mọi rãnh nước, vượt mọi ngõ hẻm, mọi phố cụt, mọi ngã ba ngã tư, tìm lối trốn chạy và lẩn thoát qua mọi ngóc ngách của phố Chợ cũ kỹ, lo sợ hoảng hốt tìm kiếm cái mà tiếng Latinh của các hiến chương gọi là *tota via, cheminum et viaria**, nhà thơ của chúng ta đột nhiên dừng lại, thoạt tiên thở hổn hển, rồi như bị chẹn cổ họng bởi một lẽ loanh quanh vừa mới nảy ra trong đầu.

- Hỡi ngài Pierre Gringoire, - chàng tự nói với mình, vừa lấy ngón tay dí vào trán, - tôi thấy hình như ngài đang chạy tựa thằng rồ. Lũ nhãi ranh cũng sợ ngài không kém gì ngài sợ chúng. Thưa ngài, tôi thấy hình như ngài đã nghe thấy tiếng guốc chúng chạy về phía nam, trong khi ngài chạy về phía bắc. Vậy thì sẽ xảy ra một trong hai điều như sau: hoặc là chúng đã trốn chạy; nếu thế chính là cái giường êm ấm mà ngài chạy đi tìm suốt từ sáng tới giờ, và chính Đức mẹ đồng trinh đã màu nhiệm gửi tới để thưởng cho ngài về vở thánh kịch viết dâng Người, có kèm theo cả điệu ngợi ca lẫn vũ khúc; hoặc là lũ trẻ không chạy đi, và trong trường hợp đó, chúng đã châm bùi nhùi vào tấm đệm, như vậy đúng là ngọn lửa tuyệt diệu mà ngài đang cần để thụ hưởng, hong khô và sưởi ấm. Cả hai trường hợp, lửa ấm hoặc giường êm, tấm đệm đó đều là quà tặng của trời. Đấng tối linh Đức mẹ đồng trinh ở đầu phố Mauconseil, có lẽ bắt Eustache Moubon phải chết cũng chỉ vì việc đó; thế mà ngài lại điên rồ chạy trốn trước gã dân Pháp, bỏ lại đằng sau cái mà ngài đang tìm kiếm ở đằng trước, ngài đúng là một thằng ngốc!

Thế là chàng bèn quay lại, vừa ngó nghênh sục sạo, mũi hếch lên ngửi hít, tai vểnh ra nghe ngóng, cố tìm lại chiếc đệm phúc đức. Nhưng toi công vô ích. Chỉ thấy toàn những nhà cửa, phố cụt, ngã tư ngã năm nối liền nhau, khiến chàng cứ lưỡng lự, bần thần tìm mãi không ra, càng lúng túng và loay hoay giữa các ngõ hẻm tối om, rắc rối hơn cả lúc bước vào mê cung của lâu đài Tournell. Cuối cùng chàng nản lòng và trịnh trọng thốt lên:

- Những ngã ba ngã tư chết tiệt! Đúng là do quỷ sứ làm ra theo hình đinh ba của nó.

Lời than tạm an ủi chàng và vừa vặn một ánh lửa đỏ, thấp thoáng ở cuối cái ngõ hẻm dài và hẹp, càng làm chàng phấn chấn tinh thần thêm.

- Lạy Chúa tôi! - Chàng nói, - kia rồi! Đúng là tấm nệm rơm đang cháy.

Rồi tự so sánh với người lái đò chìm thuyền trong đêm, chàng thành kính nguyện cầu:

- Salve, salve marisstella!*

Chàng đọc đoạn kinh cầu phúc đó với Đức mẹ đồng trinh hoặc với cái đệm rơm? Đó là điều chúng ta hoàn toàn không biết được.

Vừa đi vài bước vào ngõ hẻm dài dặc, dốc tuột, không lát đá, mỗi lúc một lầy lội và dốc hơn, chàng liền nhận ra một điều khá kỳ lạ. Ngõ không phải vắng. Đây đó suốt ngõ có những hình khối mơ hồ và dị dạng, đang bò, tất cả đang kéo về phía ánh lửa bập bùng cuối phố, như đàn sâu bọ nặng nề ban đêm tha từng nhánh cỏ tới ngọn lửa mục đồng.

Không gì phiêu lưu bằng cứ mò mẫm hú họa thế này. Gringoire tiếp tục bước đi và lát sau đuổi kịp một con trong đàn dòi bọ đang uể oải lết theo bầy. Lại gần, chàng thấy đó chỉ là một gã què hai chân khốn khổ đang chống hai tay để lăng người đi, như con niềng niễng bị thương chỉ còn hai cẳng. Đúng lúc chàng tới gần loài nhện mặt người này thì nó thảm thiết van xin:

- *La buona mancia, signor! La buona mancia*!*

- Quỷ bắt mày đi, - Gringoire nói, - và bắt nốt cả tao nữa, nào tao có hiểu mày nói gì!

Rồi chàng đi tiếp.

Chàng đến gần một khối di động khác và ngắm nhìn. Đó là một gã què lê, đã thọt chân lại cụt tay, què cụt đến nỗi có cả một hệ thống phức tạp những nạng và chân gỗ chống đỡ, khiến hắn giống hệt một giàn giáo thợ nề biết đi. Gringoire vốn quen ví von cao thượng và cổ điển, liền thầm so sánh hắn với cái kiềng sống của Vulcain*.

Cái kiềng sống đó đi qua, chào chàng, nhưng ngả mũ ngang cằm Gringoire, như cái đĩa cạo râu, rồi thét vào tai:

- *Senor caballero, para comprar un pedaso de pan*!*

- Hình như thằng này cũng đang nói, - Gringoire thầm nhủ: - nhưng ngôn ngữ nó khó quá và nếu nó hiểu được thì quả nó sung sướng hơn mình.

Rồi bất thần nghĩ sang chuyện khác, chàng vỗ trán nói:

- Ờ nhỉ, không biết sáng nay họ định nói gì với Esmeralda?

Chàng định rảo bước; nhưng lần thứ ba lại bị cái gì đó ngáng đường. Cái đó, hoặc đúng hơn người đó, là một gã mù, một kẻ mù nhỏ bé với khuôn mặt Do Thái râu ria, cầm cái gậy quơ vào không gian chung quanh và được một con chó to lôi đi, lè nhè van xin bằng giọng Hung:

- Facitote Caritatem*.

- May quá! - Pierre Gringoire nói, - cuối cùng hóa ra cũng có người nói được thứ tiếng của con chiên. Chắc cái mặt mình cũng có vẻ ưa bố thí lắm, nên mới có người hỏi xin đang lúc túi tiền lép kẹp. Anh bạn ơi (chàng quay lại phía kẻ mù), tuần trước, tôi đã bán tới cái áo sơ mi cuối cùng; vì anh chỉ biết có thứ tiếng nói của Cicero, nên nó nghĩa là: *Vendidi hebdomade nuper transita meam*

ultimam chemisam.

Nói xong chàng quay lưng lại người mù, và đi tiếp; nhưng gã mù liền rảo bước theo, rồi gã bại liệt, gã què hai chân cũng vội ùa tới, ầm ĩ tiếng bát đọi và tiếng nạng khua lòng đường. Rồi cả ba chen nhau bám sát gót chàng Gringoire tội nghiệp, hát bài ca của chúng:

- *Caritatem*! - Tên mù hát.

- *La buona mancia!* - Tên cụt hai chân hát.

Và tên thọt cao giọng nhất nhắc lại cái câu du dương:

- *Un pedaso de pan*!

Gringoire phải bịt tai.

- Ôi, thật loạn xạ! - Chàng kêu lên.

Chàng bỏ chạy. Tên mù chạy theo. Tên thọt cũng chạy. Tên què hai chân cũng chạy nốt.

Thế rồi, càng vào sâu trong phố, nào què hai chân, nào mù lòa, thọt cẳng cứ nhung nhúc vây quanh chàng, lại thêm bọn cụt tay, chột mắt, bọn hủi lở loét, đứa từ trong nhà, đứa từ dãy ngõ đâm ngang, đứa từ cửa sổ các nhà hầm kéo ra, chúng gào thét, gầm rú, rên rỉ, tất cả đều bước thấp bước cao, láo nháo, kéo ùa về phía ánh sáng và lội bì bõm trong bùn như ốc sên sau cơn mưa.

Gringoire vẫn bị ba kẻ lẵng nhẵng bám sát và chưa biết rồi sẽ ra sao, chàng ngơ ngác đi giữa đám đông, tránh bọn thọt, bước qua bọn què, hai chân vướng víu giữa cái tổ kiến què cụt này, như gã thuyền trưởng người Anh sa lầy vào đám cua càng.

Chàng chợt nghĩ hay là thử quay lại. Nhưng muộn quá rồi. Cả đoàn người đã khép chặt sau lưng và ba tên ăn mày vẫn áp sát. Chàng đành đi tiếp, vừa bị xô đẩy bởi dòng người cuồn cuộn lẫn nỗi sợ đến chóng mày chóng mặt, tất cả khiến chàng như đang qua cơn mộng mị khủng khiếp.

Mãi sau chàng mới tới cuối phố. Phố đổ ra một quảng trường rộng bát ngát, ở đây trăm ngàn ánh sáng rải rác le lói trong màn sương mờ ảo ban đêm. Gringoire vội chạy ra quảng trường, hy vọng nhờ đôi chân nhanh nhẹn thoát khỏi ba bóng ma tàn tật vẫn bám riết.

- *Ondè vas, hombre!** - Tên bại liệt quát to, vứt đôi nạng và đuổi theo với cặp giò khỏe mạnh nhất, vạch những bước thẳng tắp trên lòng đường Paris. Trong lúc đó, tên cụt hai chân đã đứng thẳng dậy bằng đôi chân, chụp luôn vào đầu Gringoire cái thùng nẹp đai sắt nặng trịch và tên mù long lanh đôi mắt sáng rực nhìn vào mặt chàng.

- Tôi đang ở đâu thế này? - Nhà thơ hoảng sợ hỏi.

- Ở cung điện thần kỳ*, - một bóng ma thứ tư xán lại gần, trả lời.

- Trời ơi, rõ ràng ta thấy người mù đang nhìn, người què đang chạy, - Gringoire thốt lên; - nhưng đấng Cứu thế ở đâu?

Chúng đáp lại bằng chuỗi cười rùng rợn.

Nhà thơ khốn khổ đưa mắt nhìn quanh. Quả thực chàng đang ở giữa Cung điện thần kỳ kinh sợ, nơi không người lương thiện nào dám đặt chân tới vào giờ này; một vùng thần bí mà các sĩ quan ở Châtelet* và các cảnh vệ đội hiến binh lần mò vào thì sẽ vụn như cám; một khu phố của bọn trộm cắp, cái mụn cóc kinh tởm giữa khuôn mặt Paris; cái cống sáng loáng tuôn ra và tối tối đổ về cả một rãnh ứ đọng tội lỗi, ăn mày ăn xin, lêu lổng du đãng, lúc nào cũng tràn ngập đầy đường phố các kinh thành; các tổ ong khổng lồ tối tối trở về đủ loại ong độc của xã hội cùng các của cải vơ vét được; cái bệnh xá giả danh mà kẻ Bohémienne, tên thầy tu phá giới, gã học trò hư hỏng, bọn vô hại đủ các quốc tịch, nào Tây Ban Nha, Ý, Đức, đủ mọi tôn giáo, nào Do Thái, Cơ Đốc, Hồi giáo, ngẫu tượng giáo mình đầy vết thương giả tạo, ban ngày đi ăn xin, đến đêm biến thành trộm cướp; tóm lại, cái buồng quần áo mênh mông, nơi thay đổi mũ mãng của tất cả diễn viên thời đó, trong tấn hài kịch vĩnh cửu mà trộm cắp, đĩ

điếm và giết người thường diễn ra trên đường phố Paris.

Đó là một quảng trường rộng lớn, méo mó và lát đá mấp mô như một quảng trường ở Paris hồi đó. Đây đó sáng những ánh lửa, chung quanh tụ tập lúc nhúc các nhóm người kỳ quái. Bọn họ đi đi lại lại, gào thét. Vang lên tiếng cười lanh lảnh, tiếng trẻ con the thé, tiếng đàn bà. Bàn tay, mái đầu của đám đông sẫm đen cắt trên nền ánh sáng thành muôn nghìn cử chỉ lạ lùng. Thỉnh thoảng, dưới đất, trước ánh lửa lung linh xen lẫn cái bóng to lớn không ra hình thù, lại thấy chạy qua một con chó trông giống người, một con người trông giống chó. Ranh giới giữa các loài và các giống hình như bị xóa bỏ giữa khu phố này, như ở dưới thủ đô âm phủ. Đàn ông, đàn bà, súc vật, lứa tuổi, đực cái, khỏe mạnh, ốm đau, tất cả đều chung đụng với nhau trong đám dân chúng này; tất cả đều hòa hợp, xen kẽ, trộn lẫn, chồng chất vào nhau; mỗi cái riêng đều dự vào cái chung.

Nhờ ánh lửa bập bùng và leo lét mờ chiếu, tuy đang bối rối, Gringoire vẫn nhìn thấy ở tứ phía chung quanh quảng trường bát ngát, những dãy nhà cũ kỹ, gớm ghiếc, với mặt trên mốc rêu nhăn nhúm, xiêu vẹo, mỗi cái trổ một hoặc hai cửa sổ mái còn sáng đèn, trong đêm tối trông giống những đàn bà già khổng lồ, quay vòng tròn, quái đản và nhăn nhó, đang nheo mắt nhìn đêm hội phù thủy.

Thật đúng là một thế giới mới, xa lạ, khác thường cổ quái, lê lết, nhung nhúc, kỳ dị.

Gringoire mỗi lúc thêm sợ hãi, bị kẹt giữa ba tên ăn mày như ba gọng kìm, đinh tai nhức óc vì hàng loạt khuôn mặt khác lổn nhổn đang gầm sủa quanh mình, anh chàng Gringoire xúi quẩy cố định thần để nhớ xem hôm nay có phải thứ bảy không. Nhưng chỉ phí công vô ích; trí nhớ và suy nghĩ của chàng đã đứt quãng; rồi nghi ngờ hết thảy, phân vân giữa điều nhìn thấy với điều cảm thấy, chàng tự đặt câu hỏi không sao trả lời nổi:

- Nếu có ta thì điều đó có không? Nếu có điều đó, thì liệu có ta không?

Giữa lúc này, một tiếng quát rành rọt thét lên từ đám đông rào rào vây quanh:

- Ta dẫn nó đến trước nhà vua! Dẫn nó đến trước nhà vua!

- Lạy Đức mẹ đồng trinh! - Gringoire khẽ nói, - nhà vua ở đây, chắc phải là con dê đực.

- Dẫn nó đi! Dẫn nó đi! - Đám đông nhắc lại.

Họ lôi chàng đi. Mạnh ai người nấy tóm chặt lấy chàng. Nhưng ba tên ăn mày không chịu bỏ ra và giằng lấy chàng ở tay bọn khác, thét ầm:

- Nó là của chúng tao!

Cái áo cộc đã ốm o của nhà thờ thở hơi cuối cùng trong trận giằng co nảy.

Lúc đi ngang qua quảng trường rùng rợn, chàng dần dần hết choáng váng. Đi được vài bước, ý thức về thực tế liền trở lại. Chàng bắt đầu làm quen với không khí chung quanh. Thoạt tiên với đầu óc nhà thơ, hoặc có lẽ giản dị và tầm thường hơn, với cái dạ dầy lép kẹp, có thể nói một màn khói, một làn hơi nước đã dựng lên, lan ra giữa mọi vật và chàng, khiến chàng chỉ nhìn thấy chúng thấp thoáng qua màn sương mờ ảo của cơn ác mộng, qua bóng tối mộng mị làm run rẩy mọi đường nét, làm méo mó mọi hình thù, làm các đồ vật chất thành đống to phình, làm nở phồng mọi sự vật thành quái tượng và con người thành bóng ma. Dần dần, thay thế cho ảo giác đó là cái nhìn bớt hốt hoảng và bớt phóng đại. Thực tế hiện ra rõ ràng chung quanh, đập vào mắt, và vào chân, và lần lượt phá tan từng mảnh toàn bộ vẻ thơ mộng khủng khiếp mà lúc đầu chàng tưởng bị vây quanh. Chàng đành phải thừa nhận không phải mình đang bước dưới suối vàng mà trong bùn, không phải chen vai thích cánh với quỷ sứ mà với bọn ăn cắp; không phải linh hồn mà chính tính mệnh mình đang lâm nguy (vì chàng thiếu cái của quý hòa giải thưởng đứng trung gian khá hiệu nghiệm giữa tên cướp và người lương thiện: túi tiền). Cuối cùng, quan sát cuộc chè chén gần hơn và bình tĩnh hơn, chàng rơi từ đêm dạ hội phù thủy vào quán rượu.

Quả thực Cung điện thần kỳ chỉ là một quán rượu, nhưng quán rượu của bọn trộm cướp, đỏ rực máu cũng như rượu nho.

Cuối cùng, khi đoàn người rách rưới áp giải chàng tới đích, cảnh tượng bày ra trước mắt không sẵn sàng gợi cho chàng hứng thơ, dù chỉ là thơ âm phủ. Hoàn toàn chỉ là thực tế tầm thường và phũ phàng của quán rượu. Nếu chúng ta không đang ở thế kỷ mười lăm thì có thể nói Gringoire đang từ Michel-Ange* tụt xuống Callot*.

Xung quanh đống lửa lớn đang cháy trên nền lát đá tròn rộng, ngọn lửa lém lên những chân kiềng đỏ rực lúc đó còn bỏ không, dăm cái bàn một kê đây đó hỗn độn chẳng cần có tên hầu bàn giỏi đo đạc nào thèm sửa sang lại thành hình bình hành hoặc ít nhất cũng chăm nom cho nó khỏi cắt góc quá chướng mắt. Trên bàn lấp lánh vài cốc rượu vang và rượu bia chảy tràn, và xung quanh các cốc rượu đang tụ tập vô số khuôn mặt lưu linh đỏ rực ánh lửa và men say. Đây là một tên lính già, tiếng lóng gọi là thằng già phế binh, đang huýt sáo cởi bỏ những dải băng buộc vết thương vờ rồi duỗi thẳng cái đầu gối lành lặn và khỏe mạnh, từ sáng đến giờ vẫn băng bó chằng chịt. Trái lại, kia là một gã giả phù và sâu quảng đang chuẩn bị cái cẳng chân của Chúa cho ngày mai bằng lá bạch khuất và máu bò. Cách hai bàn là tên ăn mày đeo vỏ hến vờ làm hành giả với đầy đủ quần áo hành hương, đang ngâm nga khúc bi ca Nữ thánh hoàng hậu, không quên lải nhải kêu van lè nhè. Chỗ khác, một tên nhóc giả bị chó dại cắn đang học cách mắc bệnh động kinh ở một lão ăn mày già dạy hắn nghệ thuật xùi bọt mép bằng cách nhai xà phòng. Ngay cạnh, một tên giả mắc bệnh thủy thủng đánh rắm, làm bốn năm mụ mẹ mìn phải bịt mũi, chúng ngồi cùng bàn đang tranh nhau một đứa bé vừa dỗ đi ngủ tối. Toàn là những tình huống mà hai thế kỷ sau, như sứ giả Sauval nói: Triều đình thấy tức cười đến nỗi được dùng làm trò giải trí cho nhà vua và giáo đầu cho vũ kịch hoàng cung Ban Đêm, gồm bốn hồi và trình diễn ở sân khấu lâu đài Tiểu Bourbon. Một nhân chứng từng được nhìn tận mắt vào năm 1653 nói thêm. “Chưa bao giờ những biến hóa đột ngột của Cung điện thần kỳ lại được trình diễn hay như vậy. Benserade dẫn ta vào

kịch bằng những vần thơ khá tình tứ".

Khắp nơi vang dậy tiếng cười ha hả và lời ca tục tĩu. Mạnh ai người ấy nói, chê bai và chửi rủa, không thèm nghe nhau. Cốc chén chạm nhau và cãi cọ cũng bắt đầu từ đó, thế rồi cốc chén rạn vỡ làm rách thêm quần áo.

Một con chó to ngồi đè lên đuôi nhìn ngọn lửa. Dăm đứa trẻ cũng dự vào cuộc chè chén. Đứa bé bị dỗ đi vừa khóc vừa kêu. Một đứa khác bụ bẫm, chừng bốn tuổi, ngồi trên chiếc ghế dài quá cao, bỏ thõng chân, mặt bàn cao ngang cằm, không nói năng gì. Đứa thứ ba lấy ngón tay trịnh trọng dí lên mặt bàn chỗ mỡ bò cháy từ cây nến xuống. Đứa cuối cùng, bé tẹo, ngồi xổm trên bùn, gần như lấp hẳn trong chiếc chảo, cầm mảnh ngói nạo chảo, phát ra tiếng kêu đến làm mất vía Stradivarius*.

Một thùng rượu đặt cạnh đống lửa, và một tên ăn mày ngồi trên thùng rượu. Đó là đức vua ngự trên ngai.

Ba tên vớ được Gringoire dẫn chàng tới trước cái thùng và cả tiệc rượu liền im bặt giây lát, trừ cái chảo có thằng bé ngồi.

Gringoire nín thở không dám ngước nhìn.

- *Hombre, quita ta sombrero,** - một trong ba tên đã vớ được chàng nói; và trước khi kịp hiểu câu đó nghĩa là gì, hắn đã lột luôn mũ của chàng. Thực ra chỉ là cái mũ cà khổ, nhưng vẫn còn tạm dùng để che nắng che mưa, Gringoire đành thở dài.

Lúc đó, đức vua ngự trên thùng rượu liền hỏi chàng:

- Thằng vô lại kia, mày là ai?

Gringoire giật mình. Giọng nói, mặc dù gằn xuống để đe dọa, vẫn làm chàng nhớ tới một giọng khác, vừa sáng nay đã giáng đòn đầu tiên vào vở kịch của chàng, bằng cách lè nhè van xin giữa đám thính giả: *Lạy ông lạy bà, bố thí cho con!* Chàng ngẩng đầu. Quả nhiên là Clopin Trouillefou.

Clopin Trouillefou mang phù hiệu đức vua, vẫn y nguyên quần áo rách rưới không hề thêm bớt. Vết thương ở cánh tay đã biến mất. Hắn cầm roi dây da trắng, hồi đó bọn tuần canh thường dùng để dẹp đám đông, được gọi là *boullayes*. Hắn đội trên đầu thứ mũ có vành và kín ở trên; nhưng thật khó phân biệt đó là mũ bông trẻ con hoặc vương miện, vì cả hai đều giống nhau. Tuy nhiên, không hiểu sao Gringoire bỗng lại chớm hy vọng khi nhận ra đức vua của Cung điện thần kỳ chính là tên ăn mày chết tiệt ở gian đại sảnh.

- Thưa ngài, - chàng lắp bắp nói... - Bẩm đức ông... Tâu điện hạ... Không biết tôi phải gọi ông bằng gì? - Cuối cùng chàng nói, đã lên tới đỉnh cao; không biết nên tôn xưng hơn nữa hoặc tụt xuống.

- Đức ông, bệ hạ hoặc anh bạn, tùy mày muốn gọi tao là gì cũng được. Nhưng nhanh lên. Mày có cần nói gì để bào chữa hay không?

- Bào chữa! - Gringoire thầm nghĩ, đáng sợ thật. Chàng lắp bắp nói:

- Tôi là người sáng nay...

- Quỷ tha ma bắt mày! - Clopin ngắt lời, đồ vô lại, tên mày là gì, nói ngay đi. Nghe đây. Mày đang đứng trước ba vị quốc vương hùng cường: tao là Clopin Trouillefou, vua xứ Thunes, người kế vị Khất cái đại vương Coësre, chúa tể tối cao vương quốc tiếng lóng; lão già vàng bủng mày thấy ngồi kia, đầu chít khăn lau, đó là Mathias Hungadi Spicali, quận công xứ Ai Cập và xứ Bohême; còn lão béo không nghe ta nói và đang vuốt ve con đĩ, đó là Guillaume Rousseau, hoàng đế xứ Galilée. Chúng tao đang xét xử mày. Mày bước vào vương quốc tiếng lóng mà lại không phải dân nói lóng, mày đã vi phạm đặc quyền của thành phố chúng tao. Mày sẽ bị trừng phạt, trừ phi mầy là đại bợm, cắt túi, ăn mày giả ốm, ăn mày giả bị bỏng, theo tiếng nói người lương thiện tức là ăn cắp, ăn mày, du đãng. Mày có thuộc loại đó không? Thử biện bạch đi. Hãy chứng minh tư cách của mày xem nào.

- Chao ôi! - Gringoire thốt lên, - tôi lại không có được cái vinh dự đó. Tôi là

tác giả...

- Thế là đủ rồi, - Trouillefou nói luôn, không để chàng kịp hết lời. - Mày sẽ bị treo cổ. Thưa các ngài thị dân lương thiện! Như vậy kể cũng bình thường thôi, vì các ngài xử người chúng tôi ở chỗ các ngài thì chúng tôi lại xử người của các ngài ở đây. Luật lệ các ngài dùng với ăn mày, ăn mày sẽ dùng lại với các ngài. Nếu luật lệ tàn ác thì lỗi là ở các ngài. Thỉnh thoảng cũng nên để mọi người nhìn thấy một khuôn mặt lương thiện nhăn nhó trên sợi dây thòng lọng gai: cái đó làm cho sự việc sẽ cao quý hơn. Thôi nhé, anh bạn, hãy vui vẻ cởi bộ quần áo tã đưa cho cô ả kia. Tao sẽ sai treo cổ mày để mua vui cho cánh ăn mày, còn túi tiền của mày để họ mua rượu. Nếu cần giối giăng thì đây kia, trong cối đá, có pho tượng Chúa cha bằng đá rất tốt, bọn tao thó được ở nhà thờ Saint-Pierre-aux-Boeuf. Mày có bốn phút để trút linh hồn vào đầu lão ta.

Lời hắn nói thật khủng khiếp.

- Chà, khá lắm! Clopin Trouillefou thuyết pháp như một đức thánh cha giáo hoàng, - hoàng đế xứ Galilée vừa thốt lên, vừa đập vỡ cái cốc vại để kê chân hắn.

- Thưa quý vị hoàng đế và quốc vương, - Gringoire điềm đạm nói (chính tác giả cũng không hiểu sao anh ta lại trở nên cương quyết và nói năng dõng dạc đến thế), - các vị lầm rồi. Tôi tên là Pierre Gringoire, tôi là nhà thơ đã viết vở thánh kịch sáng nay được trình diễn tại gian đại sảnh Tòa pháp đình.

- A, thế ra là mày, thằng thi sĩ! - Clopin nói, - Lạy Chúa, lúc đó tao cũng ở đấy! Này, anh bạn, chả lẽ chỉ vì sáng nay mày làm chúng tao chán ngấy mà tối nay mày khỏi bị treo cổ hay sao?

Thật khó mà thoát nạn. Gringoire thầm nghĩ. Tuy nhiên, chàng vẫn cố một lần cuối; chàng nói:

- Nhưng tôi cũng không hiểu tại sao các nhà thơ lại không được xếp cùng bọn với ăn mày, Aesopus từng là du đãng; Homerus từng là ăn mày; Mercurius

từng là ăn cắp...*

Clopin ngắt lời:

- Thế ra mày định ăn nói quắt quéo để làm rối óc chúng tao phải không? Thôi đi hãy cúi đầu chịu treo cổ, đừng có lắm lời nữa!

- Thưa quốc vương xứ Thunes, xin lỗi điện hạ, - Gringoire cãi lại, quyết đấu tranh đến cùng. - Ngài cũng cần nghe đã... Khoan nào!... Hãy nghe tôi.. Ngài không thể không nghe tôi nói mà đã vội kết tội...

Tuy nhiên, giọng chàng thiểu não đã bị át trước tiếng ồn ào vây quanh. Thằng bé càng nạo chảo hăng hái hơn bao giờ hết; tệ hơn nữa, một mụ già lại vừa đặt lên cái kiềng cháy đỏ một sanh đầy mỡ, kêu xèo xèo trên ngọn lửa như tiếng lũ trẻ hò reo đuổi theo một ông địa.

Trong lúc đó, Clopin Trouillefou như đang bàn bạc một lát với quận công Ai Cập và hoàng đế xứ Galilée, gã này đã say mèm. Rồi hắn thét lên the thé:

- Im lặng nào!

Song cái chảo và cái sanh rán mỡ lại không chịu nghe lời hắn, mà cứ tiếp tục song ca, nên hắn nhảy từ trên thùng xuống đá cái chảo cùng đứa bé lăn lông lốc văng xa đến mười thước, đá luôn cái sanh đổ tung tóe hết mỡ xuống đống lửa, rồi trịnh trọng leo lên ngai, không thèm để ý đến tiếng khóc nức nở của thằng bé lẫn tiếng mụ già càu nhàu vì bữa ăn thế là đi tong, đang biến thành ngọn lửa sáng trắng đẹp đẽ.

Trouillefou ra hiệu, thế là quận công, hoàng đế các trùm sỏ và lũ ăn mày giả hủi tiến tới vây quanh hắn thành hình móng ngựa, còn Gringoire vẫn bị giữ chặt đứng giữa. Đó là một vòng bán nguyệt những khố rách, áo ôm, trang kim, chàng nạng, rìu búa, cẳng chân loạng choạng, cánh tay trần to tướng, mặt mũi quái gở, phờ phạc và ngu độn. Giữa cuộc họp bàn tròn những ăn mày, Clopin Trouillefou, như vị thủ lĩnh của nghị viện, vị quốc vương của triều đình, vị giáo hoàng của tuyển cử hội, chế ngự mọi người trước hết bằng tất cả chiều cao chiếc

thùng, sau đó bằng cái vẻ thật kiêu kỳ, dữ tợn và khủng khiếp, làm tròng mắt long sòng sọc và nét mặt man rợ càng tôn thêm vẻ thú vật của nòi giống ăn mày. Trông y như chiếc thủ lợn rừng giữa đám mõm lợn nhà.

- Nghe đây, - hắn vừa bảo Gringoire vừa đưa bàn tay sần sùi xoa cái cằm méo nó, - không có lý gì mày lại không bị treo cổ. Kể ra mày cũng sẽ thấy khó chịu đấy; dĩ nhiên thôi, chỉ tại lũ thị dân chúng mày chưa quen mà. Chúng mày coi đó là chuyện quá to tát. Dù sao, tụi tao cũng không muốn làm hại mày. Đây là một cách để thoát nạn hiện nay. Mày có muốn nhập bọn với chúng tao không?

Đề nghị đó quả thực tác động mạnh đến Gringoire, chàng đang thấy cuộc đời sắp chấm dứt và bắt đầu tuyệt vọng. Chàng vội bám chặt lấy nó.

- Tất nhiên tôi rất muốn, muốn lắm, - chàng nói.

- Mày bằng lòng gia nhập dân đoản kiếm à? - Clopin hỏi lại.

- Gia nhập dân đoản kiếm ư? Xin bằng lòng. - Gringoire trả lời.

- Mày chấp nhận là thành viên của dân miễn thuế chứ? - Vua xứ Thunes hỏi thêm.

- Là dân miễn thuế.

- Thần dân của vương quốc tiếng lóng.

- Của vương quốc tiếng lóng.

- Hành khất?

- Hành khất.

- Từ trong thâm tâm?

- Từ trong thâm tâm.

- Báo trước cho mày biết, - nhà vua nói tiếp, - cũng không vì thế mà mày thoát khỏi tội treo cổ.

- Ma quỷ! - Nhà thơ thốt lên.

- Có điều là sau này mới bị treo cổ, một cách long trọng hơn, - Clopin thản

nhiên nói tiếp, - do phí tổn của đô thành Paris tốt bụng, trên đài treo cổ bằng đá rất đẹp và bởi những người dân lương thiện. Đó cũng là điều an ủi cho mày.

- Ngài nói đúng, - Gringoire đáp.

- Lại còn nhiều lợi lộc khác nữa. Với tư cách là dân miễn thuế, mày sẽ không phải nộp thuế bùn, thuế người nghèo, thuế đèn phố mà bọn thị dân Paris phải trả.

- Đồng ý như vậy, - nhà thơ nói. - Tôi bằng lòng. Tôi là ăn mày, dân nói lóng, dân miễn thuế, dân đoản kiếm, tùy ngài muốn sao cũng được. Và tâu quốc vương xứ Thunes, tôi đã như thế từ lâu rồi, vì tôi là triết gia; chắc ngài cũng biết là *et omnia in philosophia, omnes in philosopho continentur**.

Vua xứ Thunes cau mày, bảo:

- Anh bạn, anh cho ta là người thế nào? Mày ba hoa cái thứ tiếng lóng Do Thái nước Hung gì đấy? Tao không biết Do Thái, không cần phải là Do Thái mới thành kẻ cướp được. Tao cũng không thèm ăn cắp nữa. Tao đã vượt lên trên cái đó, tao giết người. Cắt cổ à, ừ; cắt hầu bao ư, không.

Gringoire cố lựa lời xin lỗi giữa những câu nói ngắn ngủi, mỗi lúc một thêm hổn hển vì tức giận đó:

- Xin Đức ông tha tội. Đó không phải tiếng Do Thái mà tiếng Latinh.

- Tao đã bảo mày tao không phải là dân Do Thái. - Clopin nổi giận nói tiếp, - tao sẽ treo cổ mày, đồ Do Thái giáo chết tiệt! Kể cả cái thằng ăn mày bé nhỏ giả lái buôn phá sản xứ Judée đứng cạnh mày, tao chỉ chờ ngày thấy nó bị đóng đinh lên mặt quầy, như đồng tiền giả vốn chính là nó!

Vừa nói vậy, hắn vừa chỉ gã Do Thái người Hung bé nhỏ râu ria, từng đón đường Gringoire bằng câu *facitote caritatem*, nó không biết thứ tiếng nào khác nên đang ngạc nhiên nhìn sự tức giận của vua xứ Thunes đổ vấy lên đầu mình.

Cuối cùng, đức ông Clopin nguôi giận.

- Đồ ba que xỏ lá! - Hắn bảo nhà thơ, - thế mày bằng lòng làm hành khất chứ?

- Tất nhiên, - nhà thơ trả lời.

- Chỉ bằng lòng chưa đủ, - Clopin quàu quạu nói. - Thiện chí cũng không góp thêm được củ hành nào vào nồi canh, mà chỉ dùng để lên thiên đường, còn thiên đường và xứ tiếng lóng lại là hai chuyện khác nhau. Muốn được nhận vào xứ tiếng lóng, phải chứng tỏ mình cũng biết một món gì, do đó mày phải lục túi bù nhìn.

- Tôi xin lục tất cả những gì ngài muốn. - Gringoire nói.

Clopin vẫy tay. Vài dân tiếng lóng bước ra khỏi đám người quây tròn và lát sau quay lại. Họ khiêng tới hai cái cột, chân cột đóng đế ngang, để dễ dựng đứng trên mặt đất. Hai đầu cột nối liền bằng xà ngang, tất cả hợp thành cái giá treo cổ lưu động xinh đẹp mà Gringoire may mắn được nhìn thấy dựng lên ngay trước mặt chỉ trong nháy mắt. Chẳng còn thiếu thứ gì, kể cả sợi thừng đu đưa duyên dáng dưới xà ngang.

- Không biết chúng định giở trò gì thế này? - Gringoire lo lắng, thầm hỏi. Nhưng chàng lập tức hết lo khi nghe tiếng chuông lắc. Đó là hình nộm mà bọn hành khất dùng sợi thừng treo cổ lên, một thứ bù nhìn đuổi chim, mặc áo đỏ, đeo đầy mình mõ và chuông nhỏ đủ để trang bị ba mươi con la giống Castilla. Mấy trăm cái chuông nhỏ đó rung lên chốc lát theo sợi dây thừng đu đưa, rồi im dần và cuối cùng tắt hẳn, khi hình nhân trở lại bất động theo định luật của chiếc đồng hồ quả lắc, đã từng hạ bệ những đồng hồ nước và đồng hồ cát.

Lúc đó, Clopin mới chỉ cho Gringoire chiếc ghế đẩu cũ khập khiễng đặt dưới hình nộm:

- Trèo lên đi.

- Chết mất! - Gringoire kêu lên, - tôi đến ngã gãy cổ thôi. Cái ghế của đức ông khập khiễng như câu thơ ngũ lục của Martial; một chân sáu còn chân kia là

năm.

- Trèo lên, - Clopin bảo.

Gringoire bước lên ghế và cuối cùng giữ được thăng bằng sau khi lắc lư cả đầu lẫn tay.

- Bây giờ, - vua xứ Thunes nói tiếp, - mày hãy bắt chéo chân phải sang chân trái rồi kiễng chân trái lên.

- Tâu đức ông, - Gringoire nói, - thế ra ngài nhất định bắt tôi phải ngã què cẳng à?

Clopin lắc đầu.

- Anh bạn, nghe đã, anh nói nhiều quá. Nói tóm lại, hãy làm như sau: Mày hãy đứng kiễng chân, đứng như tao nói; như vậy mày sẽ với tới túi áo người nộm; mày hãy lục soát rồi móc lấy ví tiền trong đó; nếu làm xong mọi việc mà không nghe thấy tiếng chuông nào, thế là được; mày sẽ làm hành khất. Chúng tao chỉ còn mỗi việc đánh đòn mày trong tám ngày.

- Lạy Chúa! Tôi xin chịu, - Gringoire nói. - Thế nhỡ tôi làm rung chuông thì sao?

- Thì sẽ bị treo cổ. Hiểu chưa?

- Tôi vẫn chẳng hiểu gì cả. - Gringoire trả lời.

- Hãy nghe thêm lần nữa, mày hãy lục túi hình nộm và móc lấy ví tiền; chỉ cần đang làm mà có tiếng chuông kêu là mày sẽ bị treo cổ. Thế nào, hiểu chưa?

- Thôi được, - Gringoire nói; - tôi hiểu rồi. Rồi sau thì sao?

- Nếu móc được túi tiền mà không làm chuông kêu, mày sẽ là hành khất và được đánh đòn trong tám ngày liền. Bây giờ chắc hiểu rồi chứ?

- Không, thưa đức ông, tôi càng không hiểu. Như thế, tôi được lợi gì? Một đằng phải treo cổ, một đằng bị đánh đòn...

- Thế còn hành khất? - Clopin nói, - được làm hành khất thì sao? Dễ thường

xoàng đấy hắn? Vì lợi ích của mày mà chúng tao đánh đòn, để dạn đòn dần.

- Xin đa tạ ngài, - nhà thơ trả lời.

- Thôi, nhanh lên, - nhà vua giậm chân lên cái thùng kêu vang như tiếng trống cái. - Lục túi hình nộm đi, mà làm mau lên. Tao bảo trước lần cuối, chỉ cần nghe thấy tiếng chuông là mày sẽ thế chân thằng bù nhìn.

Lũ dân nói lóng hoan hô lời lẽ của Clopin và quây tròn xung quanh giá treo cổ, cười vang nhẫn tâm, khiến Gringoire thấy mình làm trò vui cho chúng quá nhiều, đâm hết cả sợ. Thế là không còn hy vọng gì hết, trừ cái may mắn mong manh sẽ thành công trong việc ghê gớm buộc phải làm. Chàng quyết định liều một phen, nhưng trước hết không thể không thiết tha cầu khẩn người nộm sắp bị móc túi và có lẽ nó còn dễ mủi lòng thương hại hơn bọn hành khất. Trăm ngàn chuông nhỏ với quả lắc đồng nhỏ xíu, giống như bấy nhiêu miệng rắn độc há hốc, sẵn sàng cắn và rít lên.

- Ôi! - Chàng thầm nói, - lẽ nào cuộc sống ta lại phụ thuộc vào từng tiếng rung của những chuông này! Ôi! - Chàng chắp tay khấn, - hỡi chuông, đừng buông lời! Hỡi khánh, đừng đánh tiếng! Hỡi lục lạc, đừng lúc lắc!

Chàng thử van xin Trouillefou lần cuối.

- Thế nhỡ gió thổi thì sao? - Chàng hỏi.

- Mày vẫn cứ bị treo cổ như thường, - hắn trả lời không do dự.

Thấy không còn thể lần khân, trì hoãn, lẩn tránh được nữa, chàng đành dũng cảm hành động. Chàng bắt chéo chân sang chân trái, đứng kiễng chân trái và giơ tay lên; nhưng đúng lúc sờ vào hình nộm, người chàng vốn chỉ đứng lò cò một chân, liền loạng choạng trên chiếc ghế khập khiễng ba chân; bất giác chàng định vịn vào hình nộm, liền bị mất thăng bằng và ngã phịch xuống đất, choáng váng vì trăm ngàn tiếng chuông từ người nộm vang lên tàn nhẫn, nó bị bàn tay vịn vào, liền quay tròn rồi hiên ngang đu đưa giữa hai cột.

- Chết tôi rồi! - Chàng thét lên, ngã lăn quay, mặt úp xuống đất như chết rồi.

Lúc đó, chàng vừa nghe thấy tiếng chuông khủng khiếp vang trên đầu, lẫn tiếng cười quái đản của lũ ăn mày, cùng tiếng Trouillefou sai bảo:

- Dựng ngay thằng ngốc đó dậy cho tao, rồi lập tức treo cổ nó lên.

Chàng nhổm dậy. Thằng bù nhìn đã được tháo ra để nhường chỗ cho chàng.

Lũ nói lóng bắt chàng trèo lên ghế. Clopin lại gần, đặt dây thòng lọng vào cổ rồi vỗ vai bảo:

- Vĩnh biệt anh bạn nhé! Bây giờ đừng hòng thoát nạn, dù sao mày cũng sẽ chết không kịp ngáp.

Cặp môi Gringoire khẽ thốt lên *xin tha tội*. Chàng đưa mắt nhìn quanh. Nhưng chẳng còn hy vọng, mọi người đều cười.

- Bellevigne de l'Étoile, hãy trèo lên xà ngang, - vua xứ Trouillefou bảo gã hành khất đồ sộ đang bước ra khỏi hàng.

Bellevigne de l'Étoile nhanh nhẹn trèo lên dóng gỗ bắc ngang và lát sau, Gringoire ngước cặp mắt khiếp hãi nhìn thấy hắn ngồi xổm ở cái xà trên đầu.

- Bây giờ, - Clopin Trouillefou nói tiếp, - hễ tao vỗ tay thì mày, Andry le Rouge, mày sẽ lấy đầu gối hất đổ cái ghế, François Chante-Prune, mày sẽ đánh đu vào chân thằng khốn kiếp: còn Bellevigne, mày nhảy lên vai nó; và cả ba đứa cùng một lúc, hiểu chưa?

Gringoire rùng mình.

- Sẵn sàng cả chưa?

Clopin Trouillefou hỏi ba tên nói lóng đang sẵn sàng nhảy xổ vào Gringoire như ba con nhện xông vào con ruồi. Gã nạn nhân tội nghiệp chờ đợi hãi hùng giây lát, trong khi Clopin ung dung lấy chân đá hất vào đống lửa mấy cành nho chưa cháy tới.

- Sẵn sàng cả rồi chứ? - Hắn hỏi lại và xòe tay định vỗ. Chỉ một giây nữa, thế là xong.

Nhưng hắn bỗng dừng lại, như nảy ra một ý định đột ngột.

- Khoan đã! - Hắn nói; - tao quên mất!... Theo tục lệ, ta không thể treo cổ một người trước khi hỏi xem có mụ đàn bà nào muốn lấy nó không. Này bạn, đó là dịp may cuối cùng cho mày. Mày phải kết hôn hoặc với con ăn mày hoặc với dây thòng lọng.

Luật lệ Bohémienne này, đối với độc giả, có vẻ quái gở thật đấy, nhưng hiện nay vẫn còn được ghi lại đầy đủ trong pháp chế cổ nước Anh. Hãy đọc *Burington's Observations* thì rõ.

Gringoire thở phào. Đây là lần thứ hai trong vòng nửa giờ, chàng sống lại. Cho nên chàng cũng không tin tưởng lắm.

- Này! - Clopin trèo lên thùng thét to. - Hỡi bọn đàn bà, lũ giống cái, trong chúng mày, kể từ mụ phù thủy đến con mèo cái của mụ, có đứa khốn kiếp nào muốn lấy thằng khốn kiếp này không? Nào, Colette la Charonne! Élisabeth Trouvain! Simone Jodouyne! Marie Piédebou! Thonne la Longue! Bérarde Fanouel! Michelle Genaille! Claude Ronge-Oreille! Mathurine Girorou! Nào! Isabeau la Thierrye! Lại đây rồi xem đi! Một thằng đàn ông cho không! Đứa nào muốn lấy hả?

Gringoire trông thiểu não như vậy, hắn chẳng ngon mắt lắm. Các mụ ăn mày xem ra rất ít xúc động về đề nghị đó. Anh chàng khốn khổ thấy họ đáp:

- Không! Không! Cứ treo cổ nó lên, bọn tôi càng thích.

Tuy nhiên có ba mụ bước ra khỏi đám đông, và đến đánh hơi anh chàng xem sao. Đầu tiên là một ả phục phịch mặt vuông trăn trặn. Nó chăm chú ngắm cái áo ngắn tã nát của vị triết gia. Tấm áo khoác vải thô đã cũ và còn thủng lỗ chỗ hơn cả chiếc chảo rang hạt dẻ. Ả cau mặt:

- Đồ tã rách! - Nó làu bàu và hỏi Gringoire: - Áo choàng đâu?

- Tôi đánh mất rồi, - Gringoire đáp.

- Mũ đâu?

- Họ lột rồi.

- Giày đâu?

- Nó sắp mòn hết đế rồi.

- Túi tiền đâu?

- Chao ôi! - Gringoire ấp úng nói, - một xu dính túi cũng chả có.

- Thế thì hãy chịu treo cổ và nói cảm ơn đi! - Mụ ăn mày nói, rồi quay lưng đi.

Mụ thứ hai, già, đen nhẻm, nhăn nheo, xấu xí, xấu đến mức làm bẩn cả cung điện thần kỳ, đi vòng quanh Gringoire. Chàng gần như run lên chỉ lo mụ ta không vời đến. Nhưng mụ ta lẩm bẩm:

- Hắn gầy quá; - rồi mụ bỏ đi.

Ả thứ ba là một đứa con gái khá tươi trẻ và không đến nỗi xấu lắm.

- Cứu tôi với! - Anh chàng khốn khổ khẽ van xin. Nó thương hại ngắm nghía chàng giây lát, rồi cúi nhìn xuống, sửa lại nếp váy và đứng đó lưỡng lự, chàng dõi theo mọi cử chỉ; đây là tia hy vọng cuối cùng. Nhưng rồi cô gái bảo:

- Không! Không! Guillaume Longuejoue đánh tao mất.

Nó quay trở lại đám đông.

- Này bạn ơi, mày không may rồi. - Clopin nói.

Rồi hắn đứng lên thùng, hỏi:

- Không ai mua à? - Hắn rao lên, bắt chước giọng mõ tòa bán đấu giá, làm mọi người cười rộ, - một lần, không ai mua à? Hai lần, ba lần!

Rồi quay lại giá treo cổ, hắn gật đầu:

- Cho qua.

Bellevigne de l’Étoile, Andry le Rouge, François Chante-Prune lại gần

Gringoire.

Giữa lúc đó, một tiếng reo lên từ đám dân nói lóng:

- Esmeralda! Esmeralda!

Gringoire giật mình và quay lại phía vừa cất tiếng reo. Đám đông giãn ra nhường lối cho một khuôn mặt sáng ngời, trong trắng.

Đó là cô Bohémienne.

- Esmeralda! - Gringoire thốt lên xúc động kinh ngạc vì cái tên thần kỳ đó đột ngột nối liền mọi kỷ niệm trong ngày của chàng.

Nhân vật hiếm có này, bằng vẻ quyến rũ và sắc đẹp, như chinh phục được cả Cung điện thần kỳ. Dân nói lóng cả nam lẫn nữ nhẹ nhàng dạt sang bên để nhường lối và khuôn mặt tàn bạo của chúng bỗng tươi tỉnh trước cái nhìn cô gái.

Cô nhanh nhẹn bước tới gần nạn nhân. Con dê Djali xinh đẹp theo sau. Gringoire đang như người sắp chết. Cô lặng lẽ nhìn chàng một lát.

- Bác sắp treo cổ người này à? - Cô nghiêm trang hỏi Clopin.

- Ừ, cô em ạ, - vua xứ Thunes trả lời, - trừ phi cô lấy hắn làm chồng.

Cô khẽ bĩu môi dưới thật duyên dáng.

- Tôi bằng lòng lấy, - cô nói.

Đến đây, Gringoire càng tin chắc từ sáng đến giờ mình toàn sống trong mơ và đây là mơ tiếp.

Quả thực, kịch biến tuy duyên dáng nhưng quá mạnh mẽ.

Họ tháo thòng lọng, cho nhà thơ bước xuống ghế. Chàng phải ngồi thụp xuống vì quá xúc động.

Quận công Ai Cập không nói nửa lời, mang tới cái vò đất sét. Cô Bohémienne trao nó cho Gringoire.

- Anh hãy đập xuống đất đi, - cô bảo chàng.

Cái vò vỡ tan.

- Hỡi chú em, - quận công Ai Cập liền đặt hai tay lên trán họ, - cô ta là vợ của chú; hỡi cô em, chú ấy là chồng của cô. Trong vòng bốn năm. Cô chú đi thôi.

VII
ĐÊM TÂN HÔN

Lát sau, nhà thơ của chúng ta đã ở trong một căn phòng nhỏ mái khum hình cung nhọn, thật kín đáo, thật ấm áp, chàng ngồi trước bàn, không mong gì hơn là được vay tạm vài món ở chạn thức ăn treo gần đó, chàng thấy hiện lên trong tương lai chiếc giường êm ái và được đối diện với cô gái đẹp. Cuộc phiêu lưu xảy ra cứ như chuyện thần thông. Chàng bắt đầu nghiêm túc tự cho mình là một nhân vật của chuyện thần tiên; thỉnh thoảng chàng lại nhìn xung quanh như để tìm xem cỗ xe bằng lửa thắng hai con quái vật hoang đường có cánh*, vật duy nhất có thể đưa chàng nhanh chóng như vậy từ đáy địa ngục lên thiên đường có còn đỗ ở đó không. Đôi khi chàng lại trân trân nhìn vào lỗ rách cái áo ngắn để bám chặt lấy thực tế và khỏi hoàn toàn xa rời mặt đất. Lý trí chàng lơ lửng giữa khoảng không tưởng tượng, chỉ còn biết bám vào sợi chỉ đó.

Cô gái như không hề để ý tới chàng, cô đi lại, xếp dọn mấy cái ghế đẩu, nói năng với con dê, thỉnh thoảng lại bĩu môi. Cuối cùng, cô đến ngồi gần bàn và Gringoire có dịp tha hồ ngắm nghía.

Hỡi bạn đọc, bạn đã từng là trẻ thơ và có lẽ bạn sẽ rất sung sướng nếu còn được như vậy. Chắc bạn đã hơn một lần (còn riêng tôi, tôi từng bỏ ra suốt ngày những ngày hữu ích nhất của đời mình) đuổi theo từ bụi này tới bụi kia, ở cạnh dòng nước chảy, vào ngày nắng, một con chuồn chuồn xinh đẹp xanh sẫm hoặc xanh nhạt, nó bay ngoắt đi ngoắt lại thoăn thoắt, để hôn mọi đầu cành. Chắc bạn còn nhớ đầu óc và con mắt bạn từng âu yếm tò mò đến thế nào, để theo dõi cơn xoáy lốc xinh xẻo đó đang rít lên vo ve, với đôi cánh đỏ rực và xanh lơ, chính giữa phấp phới một hình thù huyền ảo càng mờ tỏ hơn bởi chính dáng bay vùn

vụt. Sinh vật bay lượn đó rung đôi cánh để mơ hồ xuất hiện, có vẻ thật hão huyền, không tưởng, chẳng thể sờ mó, chẳng thể trông thấy. Nhưng cuối cùng, chuồn chuồn tới đậu ở cành sậy, và bạn có thể nín thở ngắm nhìn đôi cánh dài bằng the, cái áo dài men sứ, hai khối mắt pha lê, bạn sẽ ngạc nhiên biết chừng nào, chỉ lo sợ hình thù đó lại bay đi mất hút, sinh vật đó lại trở thành hão huyền! Bạn hãy nhớ lại cảm giác đó và bạn sẽ dễ dàng hiểu rõ điều Gringoire cảm thấy khi ngắm nhìn cô gái Esmeralda, dưới hình thù có thể trông thấy và sờ mó được, mà cho đến nay chàng mới chỉ thấp thoáng thấy qua cơn bão lốc của nhảy múa, ca hát và ồn ào. Càng đắm chìm mơ mộng, chàng càng lơ đãng nhìn cô gái và thầm nhủ: - Thế ra Esmeralda là như thế này ư? Một tuyệt thế giai nhân. Một vũ nữ múa rong! Quá nhiều và quá ít! Chính cô ta sáng nay đã kết liễu vở kịch của mình, chính cô ta tối nay lại cứu vớt đời mình. Là ma quỷ ám ảnh! Là thần tiên phù trợ! - Quả thực là cô gái đẹp! - Và phải yêu mình đến mê cuồng mới lấy mình như vậy, - Đúng thế, chàng nói rồi đột nhiên đứng dậy, với ý định về thực tiễn vốn là nền tảng tính nết và triết lý của chàng, quả tình mình không hiểu sự thể sao lại xoay ra thế này, nhưng đúng mình là chồng cô ta! Mang ý nghĩa đó trong đầu và trên mắt, chàng lại gần cô gái một cách thật lính tráng và trai lơ, khiến cô gái phải lùi lại.

- Anh định làm gì tôi vậy? - Cô hỏi.

- Esmeralda yêu quý, sao em còn phải hỏi anh như vậy? - Gringoire trả lời, giọng say mê đến nỗi chính chàng nghe tiếng mình nói cũng phải ngạc nhiên.

Cô gái Ai Cập mở to mắt.

- Tôi không hiểu anh định nói gì.

- Còn phải nói gì nữa? - Gringoire nói, càng bồng bột hơn, thầm nghĩ hóa ra mình lại gặp được một người đoan trang của Cung điện thần kỳ, bởi cô em hiền ngoan, anh chẳng phải là của em đó sao? Em chẳng là của anh đó ư?

Và hoàn toàn ngây thơ, chàng ôm ngang người nàng. Chiếc áo cô

Bohémienne tuột khỏi tay chàng như làn da con chạch. Cô nhảy phắt tới cuối phòng, cúi xuống và ngẩng lên, tay cầm con dao găm nhỏ, trước khi Gringoire kịp nhận thấy con dao từ đâu ra; cô tức giận kiêu kỳ, môi cong lên, cánh mũi phập phồng, má đỏ rực như táo chín, trông mắt long lanh tóe lửa. Đồng thời, con dê trắng nhỏ đứng chắn trước cô, cũng hiên ngang giương trán, vểnh cặp sừng xinh đẹp, vàng chóe và nhọn hoắt, chĩa về phía Gringoire. Tất cả chỉ trong nháy mắt.

Chuồn chuồn biến thành ong và chỉ chờ châm đốt.

Vị triết gia của chúng ta dừng lại sửng sốt, ngơ ngác hết nhìn con dê lại nhìn cô gái.

- Lạy Đức mẹ đồng trinh! - Cuối cùng chàng thốt lên khi đã hết ngạc nhiên, - đúng là hai ả vui tính!

Đến lượt cô gái cũng lên tiếng:

- Kể ra anh chàng dấm dớ này cũng táo gan thật!

- Xin lỗi cô nương, - Gringoire mỉm cười nói. - Nhưng tại sao cô lại lấy tôi làm chồng?

- Thế cứ để mặc anh bị treo cổ à?

- Hóa ra, - nhà thơ nói hơi có vẻ thất vọng, - cô lấy tôi không ngoài ý định muốn cứu tôi thoát khỏi giá treo cổ?

- Vậy anh còn muốn có ý định gì khác nữa?

Gringoire cắn môi, - Chao ôi, - chàng tự nhủ, ta chưa hề chiến thắng về phương diện Cupido* như ta tưởng. Nếu vậy, hà tất phải đập vỡ cái vò tội nghiệp làm gì?

Lúc đó con dao găm của Esmeralda và cặp sừng con dê vẫn ở tư thế phòng thủ.

- Cô Esmeralda, - nhà thơ nói, - ta hãy hòa giải thôi. Tôi không phải là thư ký

lục sự tòa án Châtelet và sẽ không gây rắc rối vì cô đã mang dao găm trong người như vậy giữa đô thành Paris, ngay giữa mũi lính tuần cảnh và lệnh nghiêm cấm của Ngài đô trưởng. Tất nhiên, cô thừa biết cách đây tám hôm, Noël Lescripvain đã bị phạt mười xu tiền Paris vì tội mang dao trong người. Song đó không phải là việc của tôi, và tôi xin đi ngay vào chuyện. Tôi xin thề sẽ không lên thiên đường nếu tôi xán lại gần cô mà chưa được cô bằng lòng và cho phép: nhưng xin cô hãy cho tôi ăn chút gì.

Thực tình, Gringoire cũng như ông Despréaux rất ít "dục tình". Chàng không thuộc loại kỵ binh và pháo thủ xung phong chiếm đoạt các cô gái. Về phương diện ái tình cũng như mọi công việc khác, chàng luôn sẵn sàng theo thuyết biết điều và vừa phải; cho nên một bữa ăn ngon, tay đôi vui vẻ, nhất là đang lúc đói, đối với chàng là giờ giải lao tuyệt diệu giữa mở đầu và đoạn kết thúc của một cuộc phiêu lưu tình ái.

Cô gái Ai Cập không trả lời. Cô khẽ bĩu môi khinh khỉnh, ngẩng cao đầu như chim, rồi phì cười và con dao găm xinh xắn biến mất như nó đã xuất hiện, khiến Gringoire không kịp thấy con ong đã giấu cái nọc ở đâu.

Lát sau, trên bàn đã có ổ bánh mì đen, khoanh thịt mỡ, vài quả táo răn rúm và bình rượu bia, Gringoire ngồi ăn ngấu nghiến. Cứ nghe tiếng dĩa sắt và đĩa sứ chạm nhau hối hả, có thể nói tất cả tình yêu của chàng đã biến thành cảm giác ngon miệng.

Cô gái ngồi trước mặt lặng lẽ nhìn chàng ăn, rõ ràng đang bận nghĩ chuyện khác nên thỉnh thoảng lại tủm tỉm cười, bàn tay êm dịu vuốt ve cái đầu thông minh của con dê đang khẽ nép mình bên đầu gối cô.

Cây nến vàng soi sáng khung cảnh ngốn ngấu và mơ mộng đó.

Khi tiếng kêu gào đầu tiên của dạ dày đã dịu rồi, Gringoire mới hơi ra vẻ xấu hổ khi thấy chỉ còn lại quả táo.

- Cô Esmeralda, cô không xơi gì à?

Cô gái lắc đầu từ chối và cặp mắt tư lự lại đăm đăm nhìn lên vòm mái căn phòng.

Không biết cô ta nghĩ ngợi cái quái gì? Gringoire thầm hỏi và nhìn theo phía cô nhìn; - chẳng lẽ thằng lùn tạc bằng đá đang nhăn mặt trên trần vòm mái kia lại khiến cô phải chăm chú như vậy sao. Than ôi! Ta đáng đem so sánh với nó ư!

Chàng cất tiếng: - Thưa cô!

Cô hình như không nghe thấy.

Chàng càng nói to hơn: - Cô Esmeralda!

Phí công vô ích. Cô gái nghĩ đâu đâu và tiếng nói Gringoire không đủ sức kéo cô trở về. May thay, con dê lại xen vào. Nó khẽ kéo tay áo cô chủ: - Djali, mày muốn gì? - Cô gái Ai Cập sốt sắng hỏi, như giật mình sực tỉnh.

- Nó đói đấy, - Gringoire nói, - thích thú được bắt chuyện.

Esmeralda bẻ vụn bánh và cho Djali ăn từ tốn trong lòng bàn tay.

Dù sao Gringoire cũng không cho cô có thời giờ trở lại mơ mộng. Chàng tế nhị dò hỏi.

- Thế ra cô không muốn coi tôi là chồng hay sao?

Cô gái nhìn chàng chằm chằm và đáp:

- Không.

- Thế là tình nhân được không? - Gringoire hỏi.

Cô gái bĩu môi đáp:

- Không.

- Vậy là bạn nhé? - Gringoire hỏi tiếp.

Cô vẫn nhìn chằm chằm và sau một lát suy nghĩ, liền đáp: - Có lẽ được.

Câu có lẽ được, vốn quen thuộc với triết gia, càng khuyến khích Gringoire thêm.

- Cô có hiểu thế nào là tình bạn không? - Chàng hỏi.

- Có, - cô gái Ai Cập trả lời. - Đó như thể là anh trai với em gái, hai tâm hồn gần nhau mà không hòa vào nhau, hai ngón tay trên bàn tay.

- Thế còn tình yêu? - Gringoire hỏi tiếp.

- Ồ! Tình yêu ư! - Cô nói, giọng run lên và mắt ngời sáng. - Đó là hai mà hóa một. Một trai và một gái hòa hợp thành một thiên thần. Đó là trời xanh.

Lúc nói vậy, cô múa rong đẹp vô cùng, khiến Gringoire hết sức sửng sốt, chàng thấy cô hoàn toàn phù hợp với kiểu say sưa gần như Đông phương trong lời nói. Cặp môi hồng tinh khiết hé cười; vầng trán ngây thơ và bình thản đôi lúc lại đăm đăm tư lự, như tấm gương nhòa hơi thở; và từ cặp mi đen dài rũ xuống, tỏa ra một thứ ánh sáng ngời ngời, làm khuôn mặt trông nghiêm đượm màu hoan lạc lý tưởng, mà Raphaen từng tìm ra ở giao điểm thần bí của các sắc thái trinh bạch, mẫu tử và thần thánh.

Gringoire vẫn cứ hỏi tiếp.

- Vậy phải như thế nào mới làm đẹp lòng cô?

- Phải là nam nhi.

- Thế tôi, tôi là gì? - Chàng hỏi.

- Nam nhi phải đầu đội mũ, ta cầm gươm đi giày có đinh thúc ngựa bằng vàng.

- Thôi được, không cưỡi ngựa, chẳng thành nam nhi. Thế cô có yêu ai không?

- Yêu như người tình?

- Phải, như người tình.

Cô tư lự một lát rồi nói, giọng khác thường: - Sắp tới đây tôi mới biết.

- Sao không phải ngay tối nay? - Nhà thơ lại âu yếm hỏi. - Sao không yêu ngay tôi?

Cô nghiêm trang nhìn chàng.

- Tôi chỉ có thể yêu một người che chở nổi cho tôi.

Gringoire đỏ mặt và thôi không nói nữa. Rõ ràng cô gái ám chỉ việc chàng đã chẳng giúp đỡ được bao nhiêu, khi cô lâm nạn hai giờ trước đây. Kỷ niệm đó lu mờ trước bao chuyện xảy ra trong buổi tối, trở lại với chàng. Chàng đưa tay vỗ trán.

- Thưa cô, đúng thế, đáng lẽ tôi phải bắt đầu từ đó. Cô tha lỗi cho tính đãng trí điên rồ của tôi. Thế cô làm thế nào mà thoát khỏi nanh vuốt của Quasimodo?

Câu hỏi làm cô Bohémienne rùng mình.

- Ôi chao! Thằng gù kinh tởm! - Cô nói, lấy tay che mặt, và cô run lên như bị cóng lạnh.

- Đúng thế, thật kinh tởm! - Gringoire nói, vẫn bám theo ý nghĩ của mình; - nhưng cô làm thế nào mà thoát khỏi tay hắn?

Esmeralda mỉm cười, thở dài và nín lặng.

- Cô có biết tại sao hắn đi theo cô không? - Gringoire nói, muốn gợi hỏi khác đi.

- Tôi không biết, - cô gái đáp. Rồi cô bồng bột hỏi thêm: - thế còn anh, tại sao anh cũng đi theo tôi?

- Nói thật tình, tôi cũng chẳng biết nốt, - Gringoire đáp.

Im lặng chốc lát. Gringoire lấy dao gọt cạnh bàn. Cô gái mỉm cười và như nhìn thấy gì đó qua bức tượng. Đột nhiên cô khe khẽ cất tiếng hát:

Quando las pintadas aves

*Mudas están, y la tierra...**

Cô bất thần nín bặt và vuốt ve Djali.

- Con dê của cô xinh thật, - Gringoire nói.

- Em gái tôi đấy, - cô đáp.

- Tại sao họ lại gọi cô là Esmeralda? - Nhà thơ hỏi.

- Tôi cũng chẳng biết nữa.

- Cũng không biết nữa à?

Cô rút trong ngực ra cái túi con thuôn dài đeo nơi cổ bằng sợi dây xâu chuỗi hạt trân châu. Cái túi sặc mùi long não. Ngoài bọc lụa xanh và ở giữa gắn một mặt thủy tinh xanh to giả ngọc bích.

- Có lẽ do cái này, - cô nói.

Gringoire định cầm cái túi. Cô lùi lại.

- Đừng sờ vào. Túi bùa đấy: anh sẽ xúc phạm đến bùa ngải, hoặc bùa ngải sẽ làm hại anh.

Nhà thơ lại tò mò hơn.

- Ai cho cô túi bùa thế?

Cô đặt ngón tay lên miệng và giấu túi bùa vào ngực. Chàng thử hỏi thêm nhưng cô trả lời hờ hững.

- Cái tên Esmeralda có nghĩa là gì?

- Tôi không biết, - cô đáp.

- Nó là tiếng nước nào?

- Có lẽ tiếng Ai Cập.

- Tôi cũng ngờ là như vậy. - Gringoire nói. - Cô có phải quê ở Pháp không?

- Tôi cũng chẳng biết.

- Thế bố mẹ cô đâu?

Cô liền hát theo một điệu cổ:

Bố tôi là chim.

Mẹ tôi là chim

Tôi qua sông chẳng cần thuyền

Tôi qua sông chẳng cần tàu

Mẹ tôi là chim

Bố tôi là chim.

- Thôi được, - Gringoire nói. - Thế cô tới Pháp hồi mấy tuổi?

- Lúc còn bé tí tẹo.

- Tới Paris hồi nào?

- Hồi năm ngoái. Lúc bọn tôi qua cổng Giáo hoàng kéo vào thành, tôi thấy chim bông lau bay ngang trời; lúc đó là cuối tháng tám; tôi có bảo: mùa đông rét lắm đấy.

- Mùa đông năm đó rét thật, - Gringoire nói, thích thú vì đã gợi được chuyện; - suốt mùa đông đó, tôi cứ phải hà hơi sưởi ngón tay. Thế ra cô có tài tiên đoán?

Cô ta trở lại ít lời.

- Không.

- Cái người gọi là quận công Ai Cập đó là trùm bộ tộc à?

- Phải.

- Ấy chính người đó làm lễ cưới cho chúng ta đấy, - nhà thơ rụt rè nói.

Cô lại khẽ bĩu môi xinh xắn như thường lệ.

- Tôi cũng chưa biết tên anh là gì nữa.

- Tên tôi là? Nếu cô muốn biết thì xin thưa: Pierre Gringoire.

- Tôi biết một cái tên khác đẹp hơn, - cô nói.

- Đồ quỷ quái! - Nhà thơ thốt lên. - Không sao, tôi cũng chẳng giận cô đâu.

Thế này nhé, có khi cô sẽ yêu tôi nếu biết rõ tôi hơn; vả lại cô đã rất tin cậy mà kể chuyện đời cô, cho nên tôi cũng phải kể qua chuyện tôi cho cô nghe. Như vậy cô biết tôi tên gọi Pierre Gringoire và là con trai quan trưng thuế tòa lục sự thành Gonesse. Bố tôi bị bọn Bourguignon treo cổ và mẹ tôi bị bọn Picard mổ bụng hồi vây hãm Paris cách đây hai mươi năm. Như vậy là lên sáu tuổi tôi đã mồ côi, chỉ còn biết lấy lòng đường Paris làm đế giầy. Tôi không hiểu mình đã vượt qua khoảng cách từ sáu tuổi lên mười sáu bằng cách nào. Chỗ này bà hàng hoa quả cho quả mận, nơi kia ông chủ quán ăn vứt cho mẩu bánh; buổi tối, lại bị lính kích thủ tóm cổ nhét ngồi tù, ở đó tôi có được bó rạ để nằm. Mọi cái đó không ngăn cản tôi lớn lên và gầy nhom, như cô thấy đấy. Mùa đông, tôi tới sưởi nắng dưới vòm cổng của lâu đài Sens và tôi rất buồn cười là đống lửa ngày lễ Saint-Jean lại dành riêng cho tiết đại thử. Tới mười sáu tuổi, tôi muốn kiếm chút địa vị. Tôi lần lượt thử đủ mọi nghề. Tôi đi lính; nhưng không đủ dũng cảm. Tôi đi tu, nhưng lại không đủ đức tin. Hơn nữa, tôi lại không biết uống rượu. Thất vọng, tôi vào học việc thợ xẻ nhưng lại không đủ sức khỏe. Tôi mong được làm thầy giáo hơn; đã đành lúc đó tôi không biết đọc, nhưng đó không phải là lý do. Ít lâu sau, tôi nhận ra mình thiếu điều kiện để làm bất cứ việc gì; và thấy mình chẳng được tích sự gì hết. Tôi bèn nghiễm nhiên trở thành nhà thơ và soạn nhạc. Đó là một địa vị lúc nào cũng kiếm được khi người ta vô công rồi nghề, mà thế còn hơn là đi ăn cắp, như vài đứa trẻ tuổi con cái nhà đầu trộm đuôi cướp từng khuyên tôi. Một hôm tình cờ tôi gặp cha Claude Frollo, phó chủ giáo nhà thờ Đức Bà. Ông ta quan tâm đến tôi và nhờ ông mà hôm nay tôi mới trở thành học giả thực thụ, biết tiếng Latinh từ bộ Bổn phận của Cicero tới Văn điếu tang của các cha dòng Célestin, và không còn mù mịt đối với cả triết học kinh viện lẫn thi ca, âm nhạc và cả luyện bạn đọc nữa, môn đầu trò của các trò làm bộ làm tịch. Chính tôi là tác giả vở thánh kịch sáng nay được trình diễn thành công rực rỡ và được dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh ngay giữa gian đại sảnh Tòa pháp đình. Tôi còn viết một quyển sách sẽ vào khoảng sáu trăm

trang, bàn về ngôi sao chổi kỳ diệu năm 1465 đã làm mọi người phát điên. Tôi còn nhiều thành tựu khác. Cũng hơi biết nghề mộc pháo binh, tôi còn góp phần chế tạo khẩu thần công to tướng của Jean Maugue, mà cô hẳn biết nó đã vỡ toác ở cầu Charenton vào hôm thử súng và làm chết hăm tư kẻ tò mò. Cô xem đấy, tôi đâu phải là món hôn nhân xoàng. Tôi còn biết khối trò vè rất dễ thương, rồi tôi sẽ dạy cho con dê của cô; chẳng hạn, bắt chước giám mục Paris, cái lão thầy tu hổ mang khốn kiếp có dãy cối xay té ướt hết khách qua đường suốt dọc cầu Thợ xay. Hơn nữa, vở thánh kịch còn đem lại cho tôi rất nhiều tiền mặt, nếu họ chịu trả tiền. Cuối cùng, thưa cô, tôi sẵn sàng chờ cô sai bảo, cả bản thân tôi lẫn trí tuệ, lẫn tài năng khoa học, tài năng văn học của tôi, tôi sẵn sàng sống chung tùy theo ý muốn của cô, hoặc làm vợ chồng nếu cô thích, hoặc làm anh em nếu cô thấy thế lại hay hơn.

Gringoire nín lặng, chờ đợi hiệu quả bài diễn văn đối với cô gái. Cô đăm đăm nhìn xuống đất.

Phoebus, cô khẽ thốt lên. Rồi quay lại nhà thơ, cô hỏi:

- *Phoebus* nghĩa là gì?

Tuy thấy lời diễn thuyết của mình chẳng liên quan gì đến câu hỏi đó, Gringoire vẫn không hề bực mình được dịp trổ tài thông thái. Chàng hắng giọng cắt nghĩa:

- Đó là tiếng Latinh, có nghĩa là *mặt trời*.

- Mặt trời! - Cô gái nhắc lại.

- Đó là tên một cung thủ rất điển trai, vốn là thần, - Gringoire nói thêm.

- Thần! - Cô gái Ai Cập nhắc lại. Và giọng cô nói vẻ tư lự say đắm.

Vừa vặn lúc đó, một chiếc vòng trên tay cô gái tuột ra và rơi xuống. Gringoire vội cúi xuống nhặt. Khi ngửng lên, cô gái và con dê đã biến mất. Chàng nghe thấy tiếng cài then. Đó là chiếc cửa con chắc hẳn thông sang buồng bên cạnh, khóa trái phía bên kia.

- Không biết cô ta có để cho mình cái giường nào không? - Triết gia của chúng ta tự hỏi.

Chàng đi quanh buồng. Chỉ có chiếc hòm gỗ khá dài là tạm có thể ngủ được, chưa kể nắp hòm lại chạm trổ, làm cho khi ngả lưng xuống, Gringoire cảm thấy gần giống như cảm giác của Micromégas* nằm trên dãy núi Alpes.

- Thôi được, - chàng nói, cố thích ứng với hoàn cảnh. - Phải tập cho quen đi. Nhưng quả đây là đêm tân hôn kỳ lạ. Thật đáng tiếc. Vụ hôn nhân theo kiểu đập vỡ vò này đúng là có vẻ ngây thơ và cổ lỗ làm mình đâm ra thích thú.

QUYỂN BA

I
NHÀ THỜ ĐỨC BÀ

Chắc chắn đến nay Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà vẫn còn là một tòa nhà hùng vĩ và thiêng liêng. Nhưng mặc dù nó cổ xưa mà vẫn giữ được vẻ đẹp, ta khó lòng nén tiếng thở dài, không thể không bực mình trước vô số điêu tàn, phá phách mà thời gian và con người lần lượt bắt tòa nhà cổ kính phải chịu đựng, không thèm tôn trọng cả Charlemagne từng đặt viên đá đầu tiên lẫn Philippe-Auguste đã đặt viên cuối cùng.

Trên khuôn mặt bà chúa già nua của những nhà thờ lớn ở ta, bên cạnh nếp nhăn bao giờ cũng thấy luôn vết sẹo. *Tempus edax, homo edacior**. Câu mà tôi sẵn sàng dịch như sau: *Thời gian thì mù lòa, con người lại ngu ngốc*.

Nếu được rảnh rỗi để cùng bạn đọc lần lượt ngắm nghía từng vết phá hoại khác nhau in dấu lên tòa nhà thờ cổ xưa, ta sẽ thấy tội của thời gian ít hơn, còn tội của con người nặng hơn, nhất là người làm nghệ thuật. Tôi nhấn mạnh là *người làm nghệ thuật*, vì có những kẻ đã mang danh kiến trúc sư từ hai thế kỷ nay.

Trước hết, chỉ xin đưa ra vài dẫn chứng chủ yếu; chắc chắn hiếm có những trang kiến trúc nào đẹp đẽ hơn mặt trước nhà thờ. Ở đây lần lượt và đồng thời có ba cổng khoét hình cong nhọn; một dãy hăm tám khám tượng quốc vương xây trổ kiểu thêu ren; cái cửa sổ hoa thị lớn ở chính giữa với hai bên cửa sổ, như linh mục trợ tế và phó trợ tế; dãy hành lang cao vút và mảnh khảnh, có cửa tò vò hình tam điệp, đỡ lấy một nóc bằng lặng trên hàng cột thon; cuối cùng hai tòa tháp đen và to, với mái hiên lợp đá đen, những bộ phận hài hòa của một chỉnh thể tuyệt mỹ, chồng lên nhau thành năm tầng gác đồ sộ, tất cả triển khai rành

rành trước mắt, xô bồ mà ổn định, với vô vàn ổn định, với vô vàn chi tiết về tạc tượng, điêu khắc và chạm trổ, mạnh mẽ hòa hợp cùng vẻ hùng vĩ tinh thần của toàn thể. Có thể nói đây là bản giao hưởng đá dài đặc; là tác phẩm khổng lồ của một người và một dân tộc, một chỉnh thể hoàn tất thống nhất và phức tạp như trường ca Iliad* và dân ca Romanceros* vốn cùng chị em với nó; là sản phẩm của sự chung đúc tất cả sức lực một thời đại, mà trên mỗi hòn đá nổi bật hàng trăm ngàn cách khác nhau, khi tài hoa người thợ được uốn nắn theo thiên tài nghệ sĩ; tóm lại, đây là một thứ sáng tạo của nhân loại. Mãnh liệt và phong phú như sáng tạo của thiên thần, mà hầu như nó đã đoạt lấy hai tính chất: Đa dạng, vĩnh cửu.

Và điều chúng tôi nói ở đây về mặt tiền, cũng phải nói như vậy về toàn thể ngôi nhà thờ; và điều nói về ngôi nhà thờ lớn Paris này, cũng phải nói như vậy về mọi nhà thờ Cơ Đốc giáo thời trung cổ. Tất cả nằm trong ngành nghệ thuật tự nó đã đến lúc hoàn chỉnh, hợp lý và cân đối. Đo kích tấc ngón chân cái, tức là đo chiều cao người khổng lồ.

Hãy trở lại với mặt tiền của nhà thờ Đức Bà như nó còn lại hiện nay, khi chúng ta tới cúng bái chiêm ngưỡng tòa nhà thờ lớn uy nghiêm và bề thế, mà theo lời các nhà biên niên sử, nó làm ta run sợ; *quae mole sua terrorem incutit spectantibus**.

Mặt tiền hiện nay thiếu mất ba vật quan trọng. Trước hết là cái thềm mười một bậc, xưa kia nâng nó lên cao khỏi mặt đất; sau là một dãy pho tượng ở bên dưới, từng được đặt vào các khám ở ba cổng và dãy tượng ở phía trên gồm hăm tám vị vua cổ xưa nhất của nước Pháp, bày dọc hành lang ở gác một, kể từ vua Childebert tới vua Philippe-Auguste, tay cầm quả “vương cầu”.

Bậc thềm là do thời gian làm mất đi, thời gian đã nâng cao mặt đất Khu thành cũ theo một tiến trình chắc chắn và chậm chạp. Nhưng trong khi nền đường Paris cứ dâng lên, lần lượt ngốn dần mười một bậc thềm từng giúp cho tòa nhà

hùng vĩ cao thêm, thời gian có lẽ làm lợi hơn là làm thiệt cho nhà thờ, vì chính thời gian đã phủ lên mặt tiền một màu xám của thế kỷ, làm cho tuổi già các dinh thự lại chính là tuổi đẹp nhất.

Nhưng ai đã lấy đi hai dãy tượng? Ai để lại các khám rỗng không? Ai đã khoét vòm cung nhọn mới, lai tạp, vào ngay chính cổng giữa? Ai dám lắp vào đó cái cửa gỗ nhạt nhẽo và nặng nề, chạm trổ theo kiểu Louis XV ngay cạnh các hoa văn của Biscornette? Chính là con người; các kiến trúc sư, các nghệ sĩ ngày nay.

Nếu ta lại vào bên trong nhà thờ, ai đã lật nhào thánh Christophe khổng lồ, một pho tượng rất nổi tiếng trong các tượng, nổi tiếng ngang với gian đại sảnh tòa pháp đình nếu đem so sánh nó với các gian đại sảnh khác, ngang với tháp chuông Strasbourg nếu đem so sánh nó với các gác chuông khác? Lại còn vô số tượng được bày ở khắp các khoảng giữa hai cột của gian tiền đường và gian hát thánh ca, đủ cả tượng quỳ, tượng đứng, tượng cưỡi ngựa, nào đàn ông, đàn bà, trẻ con, vua chúa, giám mục, cảnh sát, bằng đủ thứ đá thường, đá hoa, vàng, bạc, đồng, cả sáp nữa, ai đã tàn bạo quét sạch mọi cái đó? Không phải thời gian đâu.

Và ai đã thay cái bàn thờ Gothic cổ đầy những tráp thánh tích và hòm thánh vật lộng lẫy bằng cái quách đá hoa nặng trịch, chạm trổ mặt thần tiên và mây, trông như được cóp nhặt kệch cỡm ở tu viện Val-de-Grâce hoặc lâu đài phế binh Invalides? Ai đã ngu ngốc đem chôn cái của lỗi thời bằng đá nặng nề đó vào nền đá lát kiểu carlovingien của Hercandus? Phải chăng đó là vua Louis XIV đã thực hiện ước nguyện của vua Louis XIII?

Và ai đã lắp các kính trắng lạnh lẽo thay vào những miếng kính “lộng lẫy muôn màu”, từng làm con mắt kinh ngạc của cha ông ta phải phân vân giữa cửa sổ hoa thị ngoài cổng lớn và các vòm cung nhọn nơi hậu cung? Còn người hát thánh ca của thế kỷ mười sáu sẽ nói sao, khi nhìn thấy màu vôi vàng gớm ghiếc

mà các tổng giám mục phá hoại thẩm mỹ thường bôi bẩn các nhà thờ? Anh ta sẽ nhớ ra đó là màu sắc của tên đao phủ quét lên các dinh thự vô đạo; anh ta sẽ nhớ tới lâu đài Tiểu Bourbon cũng phết vàng khè vì tội phản nghịch của nguyên soái, "thật là vàng khè, sử gia Sauval nói, và quét kỹ đến nỗi hơn một thế kỷ sau còn chưa phai màu". Anh ta sẽ tưởng nơi thánh thất đã trở nên ô uế và đành bỏ chạy.

Và nếu trèo lên nhà thờ, không thèm dừng lại trước trăm ngàn phá phách đủ loại, ta phải hỏi ai đã xâm phạm đến gác chuông nhỏ xinh đẹp, xây tựa trên giao điểm của chiếc cửa kính; gác chuông đó không kém phần thon mảnh, táo bạo so với gác chuông bên cạnh (cũng bị phá rối) của nhà nguyện Sainte-Chapelle và cao vút, nhọn hoắt, âm vang, trổ thủng, chọc thẳng lên trời cao hơn hẳn các tháp khác. Một kiến trúc sư đầy khiếu thẩm mỹ (1787) đã xén cụt nó rồi và tưởng chỉ cần che đậy vết thương đó bằng lá thuốc cao to rộng bằng chì, trông giống cái vung nồi.

Nghệ thuật thời trung cổ bị đối xử như vậy trên hầu khắp các đất nước, nhất là ở Pháp. Qua vết tích tàn phá, có thể phân biệt ba loại vết thương, cả ba đều hủy hoại với mức độ nặng nhẹ khác nhau: Trước hết là thời gian đã dần dà xói lở đây đó và làm hoen ố khắp các bề mặt; rồi đến các cuộc cách mạng chính trị và tôn giáo, vốn bản chất mù quáng và giận dữ, đã ào ào xông tới, xé rách bộ áo ngoài phong phú gồm những điêu khắc và chạm trổ, đập vỡ cửa sổ hoa thị, phá tan sợi dây chuyền những hoa văn và tượng nhỏ, tước đoạt các pho tượng, khi thì bá tước mũ giáo chủ lúc lại tước vương miện; cuối cùng là thói thời thượng càng ngày càng thô bỉ và ngu ngốc, kể từ những bước chệch đường hỗn loạn và tráng lệ thời Phục hưng, cứ liên tiếp thay thế nhau trong cảnh suy thoái tất yếu của kiến trúc. Thói thời thượng còn tác hại hơn cả cách mạng. Nó thẳng tay xâm phạm, đánh vào bộ khung xương của nghệ thuật, nó cắt bỏ, xén gọt, đảo lộn, giết chết dinh thự, về hình thức cũng như biểu tượng, về sự hợp lý cũng như vẻ

đẹp của nó. Thế rồi, nó còn trùng tu; một tham vọng mà cả thời gian lẫn cách mạng ít nhất đều không có. Theo thị hiếu tốt đẹp, nó trắng trợn gán ghép lên các vết thương của kiến trúc Gothic, những vật ba vạ nhất thời khốn kiếp, những dải băng đá hoa, những kim khí tô điểm cầu kỳ, đúng là nham nhở như hủi với những khối hình trứng, xoáy ốc, cuộn tròn, rồi màn trướng, hoa dây, tua viền, lửa đá, mây đồng, thần ái tình béo tốt, hài đồng mũm mĩm, cái thị hiếu tốt đẹp đó bắt đầu tàn phá bộ mặt nghệ thuật trong phòng cầu nguyện của Catherine de Médicis và hai thế kỷ sau, làm nó quằn quại và nhăn nhó tắt thở luôn trong khuê phòng của Dubarry phu nhân.

Cho nên, để tóm tắt những điểm chúng tôi vừa trình bày, có ba loại tàn phá hiện nay đang hủy hoại nền kiến trúc Gothic. Nếp nhăn, mụn cóc ngoài da, là công trình của thời gian; bạo hành, chà đạp, toác thịt, gãy xương, là công trình của cách mạng. Kể từ Luther* tới Mirabeau*. Cưa cắt, mổ xẻ, bẻ gãy tay chân, trùng tu, đó là việc làm theo kiểu Hy Lạp, La Mã và Bộ lạc man rợ của các giáo sư, theo lời Vitruve* và Vignole*. Nghệ thuật tráng lệ này do người Vandale* sinh ra, và bị các viện hàn lâm đã giết chết. Cùng với các thế kỷ, các cuộc cách mạng, ít nhất chúng cũng tàn phá một cách vô tư và cao cả, còn kéo tới tiếp tay cả một bầy những kiến trúc sư nhà trường, có môn bài, đã tuyên thệ và thề thốt, họ làm giảm giá trị vì thói nhận định và lựa chọn thiếu thẩm mỹ, họ thay thế các diềm ren Gothic bằng lá rau diếp kiểu Louis XV, vì vinh quang vĩ đại nhất của đền Parthénon*. Đó là cú đá của con lừa đối với con sư tử ngắc ngoải. Đó là cây sồi già đang cành lá xum xuê nhưng buồn thay, lại bị loài sâu châm đốt, cắn xé.

Thật xa lắc kể từ hồi đó tới thời mà Robert Cenalis, đem so sánh Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà với ngôi đền trứ danh thờ Diane ở Éphèse, từng *được các tín đồ đa thần giáo ngày xưa hết sức quý chuộng* và khiến Érostrate* lưu danh bất tử, thấy ngôi nhà thờ lớn xứ Gauloise “còn tuyệt hơn về chiều dài, chiều rộng, chiều cao và cấu trúc”*.

Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà cũng hoàn toàn không thể gọi là một công trình hoàn tất, được xác định, xếp hạng. Nó không là nhà thờ roman, nhưng cũng chưa phải nhà thờ Gothic. Tòa nhà đó không phải là một điển hình. Không giống tu viện Tournus, Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà không hề có khung nhà trang nghiêm và nặng nề, vòm mái tròn và rộng, vẻ trần trụi và lạnh lùng, sự giản dị uy nghiêm của những tòa nhà lấy hình cung tròn làm động lực. Không giống nhà thờ lớn Bourges, nó không phải là sản phẩm đẹp đẽ, nhẹ nhàng, đa dạng, rầm rì, lổn nhổn, nở rộ của hình cung nhọn. Không thể xếp nó vào gia đình cổ xưa của những nhà thờ âm u, huyền bí, thấp và như bị hình cung tròn đè bẹp; chúng gần như theo kiểu Ai Cập, trừ trần nhà; chúng toàn mang tính chất tượng hình, đạo giáo, tượng trưng trong trang trí, chúng nặng về hình thoi và chữ chi hơn hoa lá, nặng về hoa lá hơn súc vật, nặng về súc vật hơn người, chúng là tác phẩm của giám mục hơn của kiến trúc sư, là bước chuyển biến đầu tiên của nghệ thuật, còn in đậm dấu vết thẩm quyền và quân sự, bắt rễ từ thời Cận đế quốc* và dừng lại ở Guillaume, kẻ chinh phục. Cũng không thể xếp tòa nhà thờ đó vào một gia đình khác, gồm những nhà thờ cao vút thanh thoát, đầy dãy cửa kính hoa và tượng; chúng mang hình nét sắc nhọn, dáng vẻ táo bạo; đứng về biểu tượng chính trị, chúng là công xã và thị dân, đứng về tác phẩm nghệ thuật, chúng lại tự do, tùy tiện, cuồng nhiệt; chúng thuộc bước biến chuyển thứ hai của khoa học kiến trúc, không còn tượng hình bất động và đạo giáo nữa, mà là nghệ sĩ tiến bộ và bình dân, nó bắt đầu từ thời quân Thập tự chinh trở về và chấm dứt vào thời vua Louis XI. Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà không phải thuần chủng La Mã như loại thứ nhất, cũng không phải thuần chủng Ả Rập như loại thứ hai.

Đó là một tòa nhà của thời quá độ. Kiến trúc sư Saxon vừa dựng xong các cột đầu tiên của gian giữa nhà thờ thì hình cung nhọn, từ cuộc Thập tự chinh trở về, đã tới chiếm lĩnh, ngự trên nóc cột roman to rộng, đáng lẽ chỉ đỡ lấy hình cung

tròn. Hình cung nhọn từ đó làm chủ, xây dựng nốt phần nhà thờ còn lại. Tuy nhiên, buổi đầu còn thiếu kinh nghiệm và rụt rè, nó phình ra, tỏa rộng, tự hạn chế và không dám vút nhọn lên thành mũi tên và mũi dao trổ, như sau này nó sẽ thực hiện trong bao nhà thờ lớn kỳ diệu. Có thể nói nó còn chịu ảnh hưởng của sự tiếp cận với các cột roman nặng nề.

Tuy nhiên, các dinh thự của thời gian quá độ từ roman chuyển sang Gothic đó không kém phần quý giá trong việc nghiên cứu, nếu so chúng với các điển hình thuần túy. Chúng biểu hiện một sắc thái nghệ thuật, nếu không có chúng, thì cũng sẽ tiêu vong. Đó là việc lai ghép hình cung nhọn lên hình cung tròn.

Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà đặc biệt là một mẫu mực kỳ lạ của loại hình đó. Mỗi bề mặt, mỗi hòn đá của tòa nhà đáng kính này không những là một trang lịch sử đất nước mà còn của lịch sử khoa học và nghệ thuật. Cho nên ở đây chỉ xin đưa ra những chi tiết chủ yếu: trong khi cái cổng Đỏ nhỏ bé gần như đạt tới giới hạn về sự tinh vi Gothic của thế kỷ mười lăm, hàng cột của gian giữa nhà thờ, bằng hình khối và vẻ bề thế, lại ngược lên tới thời tu viện Carlovingiennes* Saint-Germain-des-Prés. Tưởng như đã trải qua sáu thế kỷ, từ cái cổng tới hàng cột. Ngay cả các pháp sư điểm kim cũng thấy những nét tượng trưng trên cổng lớn là một toát yếu mỹ mãn về pháp thuật của họ, còn nhà thờ Saint-Jacques-de-la-Boucherie lại là thứ chữ tượng hình rất hoàn chỉnh. Cho nên, tu viện roman, nhà thờ điểm kim, nghệ thuật Gothic, nghệ thuật Saxon, cái cột tròn nặng nề làm nhớ tới Grégoire VII, vẻ tượng trưng điểm kim từ đó Nicolas Flamel mở đầu trước cả Luther, vẻ thống nhất kiểu giáo hoàng, sự phân ly của giáo hội, tu viện Saint-Germain-des-Prés, nhà thờ Saint-Jacques-de-la-Boucherie, tất cả đều hòa tan, hỗn hợp, trộn lẫn ở nhà thờ Đức Bà. Tòa nhà thờ trung tâm đầy sinh lực này là một quái vật thần thoại giữa bao nhà thờ cổ đại của Paris; đầu nó thuộc cái này, chân tay thuộc cái kia, mông thuộc cái nọ: gần như thuộc của mọi cái.

Chúng tôi xin nhắc lại, các kiến trúc lai tạp đó, không phải kém hấp dẫn đối

với nghệ sĩ, người nghiên cứu đồ cổ, nhà sử học. Chúng cho thấy khoa kiến trúc quả rất cổ xưa, vì chúng cũng chứng minh cho các di tích khổng lồ, các kim tự tháp Ai Cập, các chùa chiền đồ sộ Ấn Độ, là các sản phẩm vĩ đại nhất của kiến trúc đều là công trình xã hội hơn công trình cá nhân; là con đẻ của nhân dân lao động hơn hoa tay của thiên tài; là tồn trữ một dân tộc để lại; là tích tụ của những thế kỷ gom góp; là lớp cặn sau những lần bốc hơi liên tiếp của xã hội loài người; nói tóm lại, là những hình thức tạo thành. Mỗi đợt sóng thời gian chất chồng một chất phù sa, mỗi chủng tộc phủ một lớp lên tòa nhà, mỗi cá nhân góp vào một hòn đá. Như bầy hải ly, như đàn ong, như loài người vẫn thường làm vậy. Tháp Babel*, tượng trưng vĩ đại nhất của kiến trúc, là một tổ ong.

Các dinh thự lớn, cũng như các núi lớn, là công trình của nhiều thế kỷ. Thường thì chúng vẫn lơ lửng mà nghệ thuật đã thay đổi, *pendent opera interrupta**; chúng vẫn bình thản tiếp diễn tùy theo nghệ thuật đổi thay. Nghệ thuật mới nhận lấy tòa nhà ở nơi nó gặp, ghi tạc vào đó, đồng hóa với nó, tùy thích phát triển nó và nếu có thể được thì hoàn thành nó. Sự việc cứ diễn ra ổn thỏa, dễ dàng thuận lợi, tuân theo một quy luật tự nhiên và êm thấm. Đó là sự lai ghép tự nhiên, một dòng nhựa chảy, một loại cây hồi sinh. Tất nhiên, trong sự hàn gắn liên tiếp của nhiều nền nghệ thuật trên nhiều tầm cao ở cùng một tòa nhà, có thể tìm thấy chất liệu cho khối cuốn sách dày cộm và đôi khi cho lịch sử thế giới của nhân loại. Con người, nghệ sĩ, cá nhân lu mơ trước những khối đồ sộ không tên tác giả; trí tuệ loài người kết tụ và tổng hợp ở đó. Thời gian là nhà kiến trúc, nhân dân là người thợ nề.

Ở đây nếu chỉ xét tới nền kiến trúc cơ đốc giáo châu Âu, cô em của những tòa nhà to lớn phương Đông, ta sẽ nhận thấy nó xuất hiện như một tổng thể bao la, chia làm ba vùng rất dứt khoát, chồng chất lên nhau: vùng roman*, vùng Gothic, vùng Phục hưng, mà ta sẵn sàng gọi là vùng Hi-La. Tầng roman, vốn cổ xưa nhất và sâu xa nhất, bao gồm hình cung tròn; hình cung này được xây dựng

trên nóc cột Hi Lạp, lại tái hiện ở tầng cận đại và ưu việt của thời Phục hưng. Hình cung nhọn đứng giữa hai cái đó. Các dinh thự hoàn toàn thuộc về một trong ba tầng đó đều hết sức riêng biệt, đơn nhất và hoàn chỉnh. Đó là tu viện Jumièges, đó là nhà thờ lớn Reims, đó là Sainte-Croix d'Orléans. Nhưng cả ba vùng đều dính dấp và hòa lẫn nhau ở ngoài rìa, như các màu sắc trên bản phân tích ánh nắng. Từ đó mà có những kiến trúc phức tạp, những dinh thự của từng sắc thái và của từng thời kỳ quá độ. Có cái chân thì roman, ở giữa Gothic, đầu lại Hi-La. Chả là người ta phải bỏ ra sáu trăm năm để xây dựng nó. Loại này vốn hiếm hoi. Tháp canh Étampes là một kiểu mẫu. Nhưng các tòa nhà làm theo hai kiểu thường thấy nhiều hơn. Đó là Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà, kiến trúc hình cung nhọn nhưng các cột đầu tiên lại thâm nhập vào vùng roman, nơi mà cổng Saint-Denis và gian giữa tu viện Saint-Germain-des-Prés từng lao vào. Đó là gian tăng xá xinh đẹp bán Gothic Bocherville với tầm roman lên tới bán thân. Đó là nhà thờ lớn Rouen, nếu không dìm cái mỏm chóp tháp chuông chính giữa vào vùng Phục hưng* thì đã hoàn toàn Gothic rồi.

Tóm lại, mọi sắc thái, mọi dị biệt đó ảnh hưởng tới bề mặt của dinh thự. Chính nghệ thuật đã thay da. Còn bản thân cấu tạo của nhà thờ cơ đốc giáo không bị đụng chạm tới. Vẫn là dãy xà kèo bên trong, vẫn là các phần sắp xếp hợp lý. Bất kể cái vỏ ngoài của tòa nhà thờ lớn được chạm trổ và thêu thùa thế nào, là vẫn luôn luôn thấy, ít nhất cũng dưới dạng thức mầm mống và sơ khai, cái cốt cách bên trong của đại giáo đường La Mã. Bao giờ nó cũng phát triển trên nền đất theo cùng một quy luật, vẫn hai gian bất di bất dịch cắt nhau thành hình chữ thập, đầu trên xây tròn thành hậu cung để làm nơi của dân hát thánh ca; vẫn vĩnh viễn là những gian bên, dành cho các cuộc rước bên trong nhà thờ, cho các gian nguyện ngắm, một thứ hành lang dọc nơi gian chính tỏa ra, qua các hàng cột. Quy định như vậy rồi, số lượng các gian nguyện, cổng, tháp chuông, chóp lầu, cứ thay đổi bất tận, tùy theo thích thú của từng thế kỷ, từng dân tộc, từng nghệ thuật. Một khi nơi cúng lễ đã đầy đủ và đảm bảo, kiến trúc tha hồ

muốn làm gì thì làm. Tượng thánh, kính cửa, hoa thị, hoa văn, đường răng cưa, đỉnh cột, phù điêu, chúng kết hợp mọi sáng tạo đó theo đối số thích nghi. Do đó mà các dinh thự có vẻ ngoài thiên hình vạn trạng nhưng thực chất bên trong vẫn vô cùng trật tự và thống nhất. Thân cây cố định, cành lá thì tùy nghi bay bướm.

II
PARIS DƯỚI TẦM CHIM BAY

Chúng tôi vừa thử phục hồi đầy đủ tòa Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà cho các bạn đọc xem, chúng tôi đã sơ lược chỉ ra phần lớn vẻ đẹp của nó ở vào thế kỷ mười lăm mà hiện nay không còn; nhưng chúng tôi bỏ sót mất cái chính, đó là hoàn cảnh Paris hồi đó đứng từ trên đỉnh tháp nhà thờ nhìn xuống.

Sau khi mò mẫm hồi lâu trên cầu thang xoáy ốc tối om, chọc ngang thước thợ bức tường dày của gác chuông, cuối cùng ta bất thần bước lên một trong hai sân thượng cao, chan hòa ánh nắng và khí trời, quả thực ta thấy dưới mắt từ phía đồng loạt bày ra một bức tranh đẹp đẽ; một cảnh tượng rất riêng biệt, có thể dễ dàng hình dung cho những ai trong bạn đọc từng may mắn nhìn thấy một thành phố Gothic hoàn chỉnh, toàn diện, thuần nhất, hiện nay còn sót lại vài cái, như Nuremberg ở Bavière, Vittoria ở Tây Ban Nha; hoặc cả những mẫu nhỏ hơn, miễn được giữ gìn tốt, như Vitré ở Bretagne, Nordhausen ở Phổ.

Paris, cách đây ba trăm năm mươi năm, Paris của thế kỷ mười lăm đã là một thành phố khổng lồ. Dân Paris chúng ta nói chung thường nhầm lẫn về khoảng đất đai mà ta tưởng được mở rộng thêm từ đó đến nay. Kể từ vua Louis XI, Paris không mở mang thêm được hơn một phần ba. Tất nhiên, nó mất đi vẻ đẹp nhiều hơn được lợi về sự to tát.

Như ta đã biết, Paris sinh ra trên hòn đảo cù lao cổ của Khu thành cũ, trông giống cái nôi. Bãi sỏi trên cù lao là tường thành đầu tiên, sông Seine là con hào đầu tiên của nó, Paris giữ nguyên tình trạng cù lao như vậy qua nhiều thế kỷ, với hai cái cầu, một ở phía bắc, một ở phía nam, và hai đầu cầu, vừa làm cổng ô lẫn pháo đài, Đại Châtelet bên hữu ngạn Tiểu Châtelet bên tả ngạn. Sau đó, kể từ

các đời vua đầu tiên, vì quá chật chội trong hòn đảo và không còn chỗ cựa quậy, Paris vượt qua dòng nước. Thế là, ở bên ngoài Đại và Tiểu Châtelet, một dãy tường thành và tháp đầu tiên liền xâm chiếm lấy vùng quê ở đôi bờ sông Seine. Tới thế kỷ vừa qua, vẫn còn lại vài di tích của hàng rào cổ xưa đó; bây giờ, chỉ còn lại kỷ niệm về nó và đây đó, một cái tên quen gọi, như cổng Baudet hoặc Baudoyer, *Porta Bagauda*. Dần dần, làn sóng nhà cửa luôn bị xô đẩy từ giữa lòng thành phố ra bên ngoài, liền tràn ngập, gặm nhấm, mài mòn và xóa bỏ bức hàng rào này. Philippe-Auguste bèn xây một con đê mới. Nhà vua giam Paris vào giữa một dãy tròn những tháp lớn, cao to và vững chắc. Trải hơn một thế kỷ, nhà cửa cứ chen chúc, tụ tập và dâng cao trong lưu vực đó, như nước dâng trong bể chứa. Nhà cửa bắt đầu trở nên sâu thẳm, chồng gác này lên tầng kia, trèo lên nhau, vọt lên cao như nhựa cây bị dồn ép, rồi mạnh nhà nào nhà nấy nghểnh cổ cao hơn láng giềng để kiếm chút khí trời. Phố xá ngày càng trũng xuống và co hẹp, mọi quảng trường đều đầy ắp và mất tăm. Cuối cùng, nhà cửa nhảy vọt qua bức tường Philippe-Auguste và vui vẻ tỏa ra khắp cánh đồng, hỗn độn và bừa bãi như được trốn thoát, ở đó, nó thênh thang, xén ruộng làm vườn, tha hồ thoải mái. Từ năm 1367, thành phố mở rộng ra phía ngoại ô, đến nỗi lại cần có một hàng rào mới, nhất là ở bên hữu ngạn, Vua Charles V đã xây nó. Nhưng một thành phố như Paris luôn luôn trào dâng tựa nước lũ. Chỉ có những thành phố như vậy mới trở thành kinh đô. Đó là mảnh đất lòng chảo, nơi tụ hội của mọi dốc núi địa lý, chính trị, đạo đức, tinh thần của một nước, mọi sườn dốc tự nhiên của một dân tộc; cũng có thể nói, đó là những giếng của văn minh và còn là những ống máng nữa, nơi cả thương mại, kỹ nghệ lẫn trí tuệ, dân cư, tất cả những gì là nhựa, sức sống, tâm hồn của một quốc gia, không ngừng thẩm lậu và tích tụ từng giọt, từng giọt từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Do đó, hàng rào Charles V lại chung số phận với hàng rào Philippe-Auguste. Ngay từ cuối thế kỷ mười lăm, nó đã bị giày xéo vượt qua và khu ngoại ô càng chạy ra xa hơn. Vào thế kỷ mười sáu, tưởng như nó tụt lùi trông thấy và càng ngày càng tụt sâu vào

phố xá cũ, chỉ vì một thành phố mới đã mọc dày đặc ở phía bên ngoài. Cho nên, ngay từ thế kỷ mười lăm, chỉ tính tới lúc đó, Paris đã tiêu hao cả ba vòng đồng tâm tường rào, mà vào thời Julien Bội giáo, có thể nói, nó được phôi thai từ Đại Châtelet và Tiểu Châtelet. Thành phố cường thịnh lần lượt làm rạn vỡ bốn vòng tường vây, như đứa trẻ lớn lên làm rách toạc quần áo năm cũ. Dưới thời vua Louis XI, giữa biển nhà cửa, đôi chỗ ta còn thấy nhô lên vài dãy tháp hoang tàn của các hàng rào cũ, như chỏm đồi trong nạn lụt, như quần đảo của Paris cổ chìm ngập dưới Paris mới.

Từ đó, Paris vẫn còn thay đổi, thật đau khổ cho con mắt chúng ta; nhưng nó chỉ vượt thêm một hàng rào nữa, hàng rào Louis XV, cái bức tường khốn nạn bằng bùn và đờm rãi, xứng đáng với ông vua xây dựng nó, xứng đáng với nhà thơ ca ngợi nó:

*Bức tường vây quanh Paris làm Paris rên rỉ**.

Vào thế kỷ mười lăm, Paris còn chia làm ba khu phố hoàn toàn khác nhau và tách biệt, mỗi khu đều có riêng bộ mặt đặc trưng, phong tục tập quán, quyền lợi, lịch sử; Khu thành cũ, Khu Đại học, Khu phố mới, Khu thành cũ chiếm cứ hòn đảo, vốn cổ xưa nhất, nhỏ nhất, và là bà mẹ của hai khu kia, chen giữa chúng, có thể tạm ví như một bà già bé nhỏ ở giữa hai cô con gái to lớn, xinh đẹp. Khu Đại học trải rộng bên tả ngạn sông Seine, từ viện Tournell tới tháp Nesle, những địa điểm tương xứng với Chợ rượu vang và Trường tiền của Paris bây giờ. Hàng rào của nó cắt xén khá rộng vùng quê này mà Julien từng xây cung Therme. Núi Sainte-Geneviève còn nằm trong đó. Điểm chót của vòng cung tường thành này là cổng Giáo hoàng, nghĩa là gần khoảng đất bây giờ của điện Panthéon. Khu phố mới, to nhất trong ba khu của Paris, ở bên hữu ngạn. Bến sông, ngày xưa bị sạt vỡ hoặc đứt quãng nhiều chỗ, chạy dọc sông Seine, từ tháp Billy tới tháp Bois, nghĩa là từ chỗ bây giờ là Kho thóc đẩy tới chỗ bây giờ là điện Tuileries. Bốn điểm mà sông Seine cắt ngang hàng rào kinh đô đó là viện Tournell và tháp

Nesle bên tả ngạn, tháp Billy và tháp Bois bên hữu ngạn, chúng hoàn toàn có thể gọi là *bốn tòa tháp của Paris*. Khu phố mới còn thọc sâu vào vùng quê hơn cả Khu Đại học. Điểm cao nhất của hàng rào Khu phố mới (hàng rào Charles V), ở chỗ cổng Saint-Denis và cổng Saint-Martin, mà địa điểm đến nay không thay đổi.

Như chúng tôi vừa trình bày, mỗi phần ba to rộng đó của Paris là một thành phố, nhưng là thứ thành phố không hoàn chỉnh vì quá đặc biệt, một thành phố không thể tách rời hai cái kia. Cho nên, cũng là ba vẻ mặt hoàn toàn riêng biệt. Khu thành cũ nhiều nhà thờ. Khu phố mới nhiều dinh thự. Khu Đại học nhiều trường học. Ở đây, nếu bỏ qua các đặc điểm thứ yếu của Paris cổ và mọi thói tùy tiện của quyền hạn lục lộ, chỉ nhìn chung và chỉ tính đến những đại thể cùng những nét lớn giữa mớ hỗn độn các pháp chế thị xã, có thể nói; cù lao thuộc về giám mục, hữu ngạn thuộc về thị trưởng, tả ngạn thuộc về hiệu trưởng trường đại học. Trên hết là Đô trưởng Paris, một võ quan của hoàng gia chứ không phải của tòa đô chính. Khu thành cũ có nhà thờ Đức Bà. Khu phố mới có điện Louvre và tòa đô chính. Khu đại học có trường Sorbonne. Khu phố mới có chợ. Khu thành cũ có nhà thương. Khu đại học có đồng có Pré-aux-Clercs. Tội trạng học trò phạm phải bên tả ngạn, ở đồng cỏ Pré-aux-Clercs, người ta sẽ xử ở hòn đảo, chỗ Tòa pháp đình và trừng phạt bên hữu ngạn, ở giảo đài Montfaucon. Trừ phi ngài hiệu trưởng, cảm thấy khi đại học mạnh và nhà vua lại yếu, can thiệp vào; vì đó là một đặc quyền của học trò được treo cổ ở khu của họ.

Nhân thể cũng xin nói phần lớn các đặc quyền này, mà có cả những đặc quyền to lớn hơn nữa, tước đoạt được của nhà vua, nhờ vào nổi loạn và phản nghịch. Đó là tiến trình từ xa xưa. Nhà vua chỉ nhà ra khi dân chúng giành giật. Có một hiến chương cổ nói về sự trung thành một cách ngây thơ: *Civibus fidelitas in reges, quae famen aliquoties seditionibus interrupta, multa peperit privilegia**.

Hồi thế kỷ mười lăm, sông Seine chảy xung quanh năm hòn đảo ở trong hàng rào Paris: cù lao Louvier, lúc đó đầy cây cối mà nay chỉ còn củi; cù lao Bò và cù lao nhà thờ Đức Bà, cả hai hoang vắng, không có lấy một túp lều, cả hai đều là thái ấp của giám mục (tới thế kỷ thứ mười bảy người ta xây hai cù lao đó thành một, mà ta gọi là cù lao Saint-Louis); cuối cùng Khu thành cũ và đầu kia là cù lao Chú đưa bò qua sông để nay bị vùi dập dưới nền đất đắp của cầu mới. Khu thành cũ hồi đó có năm chiếc cầu; ba chiếc ở bên phải, cầu nhà thờ Đức Bà và cầu Hối đoái bằng đá, cầu đá và cầu Saint-Michel, bằng gỗ; cầu nào cũng đầy nhà cửa. Khu đại học có sáu cổng do Philippe-Auguste xây: kể từ tháp Tournell, đó là cổng Saint-Victor, cổng Bordelle, cổng Papale, cổng Saint-Jacques, cổng Saint-Michel, và cổng Saint-Germain. Khu phố mới có sáu cổng do Charles V xây; kể từ tháp Billy, đó là cổng Saint-Antoine, cổng Đền, cổng Saint-Martin, cổng Saint-Denis, cổng Montmartre, cổng Saint-Honoré. Tất cả các cổng đó đều chắc chắn, lại đẹp nữa, mà không kém vẻ hùng vĩ. Một con hào rộng, sâu, chảy xiết vào mùa đông nước lũ, tắm chân dãy tường thành vây quanh khắp Paris, được sông Seine cung cấp nước. Ban đêm, các cổng khép lại, người ta ngăn con sông ở hai đầu phố bằng xích sắt to tướng, thế là Paris ngủ yên.

Nhìn dưới tầm chim bay, cả ba khu phố, Khu thành cũ, Khu đại học, Khu phố mới, mỗi khu hiện ra trước mắt như miếng vải dệt xoắn xít các phố xá hỗn độn kỳ lạ. Tuy nhiên, thoạt nhìn, thấy ngay cả ba mảnh khu phố đó họp lại thành khối duy nhất. Lập tức ta thấy hai dãy phố dài song song, không đứt quãng, không rối loạn, gan thẳng tắp, đồng thời chạy suốt từ đầu này tới đầu kia của ba khu phố từ nam lên bắc, vuông góc với sông Seine, nối liền các khu phố, pha trộn, hòa tan, đổ rót, chuyên chở không ngừng dân cư của khu này vào trong tường thành của khu kia và biến cả ba khu thành một. Phố thứ nhất chạy từ cổng Saint-Jacques tới cổng Saint-Martin; nó mang tên phố Saint-Jacques ở Khu đại học, phố Do Thái ở Khu thành cũ, phố Saint-Martin ở Khu phố mới; nó vượt

sông hai lần dưới cái tên cầu Nhỏ và cầu nhà thờ Đức Bà. Phố thứ hai, mang tên phố Hàng Đàn ở tả ngạn, phố Hàng Thùng ở cù lao, phố Saint-Denis ở hữu ngạn, cầu Saint-Michel trên một nhánh sông Seine, cầu Hối đoái ở nhánh bên kia, chạy từ cổng Saint-Michel ở Khu đại học tới cổng Saint-Denis ở Khu phố mới. Tóm lại, dưới bao cái tên khác nhau, đó vẫn chỉ là hai căn phố, nhưng là hai phố mẹ, hai phố sinh sôi, hai động mạch của Paris. Mọi tĩnh mạch khác của ba khu thành phố đều từ đó chảy ra hoặc đổ về.

Ngoài hai phố chính bắt chéo đó, xuyên ngang Paris suốt chiều rộng, chung cho cả kinh thành, mỗi Khu phố mới và Khu đại học còn có phố lớn riêng, chạy suốt chiều dọc, song song với sông Seine và cắt vuông góc khi gặp hai phố động mạch. Cho nên ở Khu phố mới, ta xuôi thẳng tuột từ cổng Saint-Antoine tới cổng Saint-Honoré; ở Khu đại học, từ cổng Saint-Victor tới cổng Saint-Germain. Hai phố lớn đó, chạy ngang qua hai phố đầu tiên, họp thành tấm mạng trên đó chạy dài bắt chéo và đan dệt tứ phía tất cả hệ thống chằng chịt phố xá Paris. Trên bản vẽ hệ thống rối rắm này, nếu quan sát kỹ, ngoài ra còn nhận thấy hai chùm phố lớn nữa, chạy loang rộng dần từ cầu tới cổng, như hai bó lúa xòe ra, một ở Khu đại học, một ở Khu phố mới.

Hình thế trắc địa này, cho đến nay, vẫn còn lại phảng phất đôi chỗ.

Giờ đây, vào năm 1482, đứng trên đỉnh tháp nhà thờ Đức Bà nhìn xuống, toàn cảnh đó xuất hiện dưới dáng vẻ ra sao? Đó là điều chúng tôi gắng trình bày dưới đây.

Đối với khách ngoại cảnh hổn hển leo lên tới đỉnh tháp này, trước hết là cảnh huy hoàng những nóc nhà, ống khói, phố xá, cầu cống, quảng trường, mái nhọn, gác chuông. Tất cả đồng thời đập ngay vào mắt, nào đầu hồi gọt đẽo nóc nhọn, tháp canh mọc cheo leo ở góc tường, tháp đá trắng của thế kỷ mười một, bia đá đen của thế kỷ mười lăm, tháp canh lâu đài tròn và trần trụi, tháp nhà thờ vuông vắn và chạm trổ, cái lớn, cái nhỏ, cái thấp lùn, cái cao vút. Tầm mắt cứ mải mê

ngắm mãi chiều sâu hun hút của dãy mê cung, ở đây mọi cái đều độc đáo, hợp lý, tài tình, xinh đẹp, mọi cái đều xuất phát từ nghệ thuật, từ bất cứ căn nhà nào có mặt tiền sơn và chạm, mái ngoài, cửa tò vò thấp, gác xây nhô ra, tới hoàng cung Lourve, hồi đó còn một dãy cột tháp. Nhưng đây mới là những mảng khối chính, phân biệt được khi cặp mắt bắt đầu làm quen với dãy lâu đài nhấp nhô.

Đầu tiên là Khu thành cũ. Như lời sử gia Sauval nói - văn ông lủng củng nhưng đôi khi may mắn cũng gặp được câu hay - *cù lao ở Khu thành cũ hình thành như một con thuyền lớn ngập lún trong bùn và theo dòng nước tới mắc cạn giữa dòng sông Seine*. Chúng tôi vừa trình bày là vào thế kỷ mười lăm, con thuyền đó cặp bến ở hai bờ sông bằng năm chiếc cầu. Hình dáng chiếc thuyền này cũng từng khiến các thầy ký làm huy chương chú ý tới; vì theo Favyn và Pasquier, chính ở đó, chứ không phải trong vụ vây hãm của dân Normand, mà có con thuyền trang trí trên chiếc huy hiệu cổ của thành Paris. Đối với người biết tìm hiểu thì huy hiệu của đại số học, là ngôn ngữ. Lịch sử toàn vẹn của nửa sau thời trung cổ được viết trên huy hiệu, cũng như lịch sử của nửa trước được viết bằng tính tượng trưng của nhà thờ roman. Đó là thứ chữ thượng hình của thời phong kiến kế tiếp thứ chữ tượng hình của xã hội thần quyền.

Tóm lại, Khu thành cũ xuất hiện trước tiên dưới mắt ta, đuôi thuyền hướng về đông còn mũi thuyền hướng về tây. Quay nhìn về mũi thuyền, ta thấy trước mắt một dãy dài bất tận các mái nhà cũ, phía trên là vòm mái tròn to rộng của gian trước nhà nguyện Sainte-Chapelle, giống cái mông con voi chở tòa tháp. Tuy nhiên, ở đây, ngọn tháp đó vút lên cao nhất, được xây rất công phu, tỉ mỉ, kỳ khu nhất, có thể nhìn thấy bầu trời qua cái chóp chạm trổ như ren thêu. Trước nhà thờ Đức Bà, sát ngang đây, là ba dãy phố đổ vào sân thánh đường một quảng trường, một quảng trường xinh đẹp san sát nhà cửa cũ kỹ. Phía nam quảng trường là mặt tiền nhăn nheo, cau có của nhà thương đang nhìn xuống, mái nhà như mọc đầy mụn nhọt. Rồi bên phải, bên trái, phía đông, phía tây, trên

mảnh đất thật chật hẹp của Khu thành cũ, sừng sững dựng lên các tháp chuông của đủ loại nhà thờ, gồm mọi niên đại, hình dáng, quy mô, từ tháp chuông thấp bé, mọt ruỗng kiểu roman của nhà thờ Saint-Denis-du-Pas, *carcer Glaucini** tới tháp chuông cao vút thanh tú của nhà thờ Saint-Pierre-aux-Boeuf và Saint-Landry. Sau nhà thờ Đức Bà, về phía bắc, là dãy tu viện với hành lang Gothic; phía nam là lâu đài bán roman của giám mục, phía đông là mỏm đất vắng vẻ của Bãi hoang. Giữa dãy nhà cửa chồng chất ngổn ngang này, qua những ống khói cao bằng đá trổ thủng xây trên mái, cao hơn cả những cửa sổ cao nhất của các dinh thự, mắt ta còn thấy thêm tòa lâu đài của thành phố tặng Juvénal des Ursins dưới thời vua Charles VI; xa hơn là dãy lều quét nhựa đường ở chợ Palus; xa nữa là hậu cung mới xây của nhà thờ Saint-Germain-le-Vieux, nối dài thêm với một mẩu phố Febves vào năm 1458; rồi đây đó một ngã tư đông nghịt người, một giàn bêu tù dựng nơi góc phố, một đoạn dài của con đường Philippe-Auguste, lát đá đẹp đẽ, giữa đường kẻ vạch dành cho ngựa đi, tới thế kỷ mười sáu không may bị thay thế bởi lối rải sỏi thảm hại mang tên *con đường Liên minh*, rồi một sân sau vắng vẻ có tháp cầu thang sáng mờ thường thấy ở thế kỷ mười lăm, mà đến nay còn sót lại một chiếc ở phố Bourdonnai. Cuối cùng, bên phải là nhà nguyện Sainte-Chapelle, về phía tây, là Tòa pháp đình với dãy tháp xây trên bờ sông. Rừng cây vườn ngự uyển trải dài ở mỏm phía tây Khu thành cũ che lấp cù lao Chú đưa bò qua sông. Từ trên đỉnh tháp nhà thờ Đức Bà này khó mà nhìn thấy mặt nước của các nhánh sông ở hai bên Khu thành cũ. Nhà che lấp cầu, cầu che lấp dòng Seine.

Rồi khi cặp mắt vượt quá dãy cầu, nơi các mái nhà lô lộ xanh rêu bị hơi nước làm xám mốc quá sớm, khi cặp mắt nhìn sang trái, về phía Khu đại học, thì tòa lâu đài đập vào mắt trước tiên chính là dãy tháp to và thấp của Tiểu Châtelet, cánh cổng toang hoác nuốt chửng một góc cầu Nhỏ; và nếu con mắt lướt dọc bờ sông từ đông sang tây, tu viện Tournell tới tháp Nesle, ta sẽ thấy một dãy dài các nhà cửa có rui mè chạm trổ, cửa kính sặc sỡ, chất chồng các tầng gác bên lề

đường, một dãy khúc khuỷu dài dặc những đầu hồi nhà thị dân, thỉnh thoảng cắt quãng bởi một đầu phố và đôi lúc bởi mặt tiền hoặc phía sườn của một dinh thự lớn bằng đá, có đủ sân và vườn, tòa ngang dãy dọc nghênh ngang bề thế giữa đám nhà cửa cùng đinh chen chúc chật chội, như một đại lãnh chúa giữa đám lê dân. Dọc bến sông có khoảng năm, sáu dinh thự như vậy, từ trú xá Lorraine cùng chiếm chung với trường trung học Bernardin một khoảng đất lớn ở sát cạnh viện Tournell, tới lâu đài Nesle, có tòa tháp chính ở ven Paris, có dãy mái nhọn mỗi năm ba tháng tha hồ in những hình tam giác đen sì lên vừng hồng chói lọi của mặt trời lặn.

Phía bờ sông Seine này xem ra không buôn bán sầm uất bằng bờ bên kia, học trò ở đây tụ tập nhau làm ồn hơn là thợ thuyền, và thực ra bến sông chỉ kéo dài từ cầu Saint-Michel tới tháp Nesle. Phần bờ sông Seine còn lại, chỗ là bãi sỏi trơ trụi, như ở phía bên kia trường trung học Bernardin, chỗ lại chen chúc nhà cửa dầm chân xuống nước, như ở khoảng giữa hai chiếc cầu. Các bà thợ giặt làm ầm ĩ ở đó; suốt từ sáng đến tối, dọc theo bờ sông, họ gào thét, nói năng, hát hỏng, họ đập vải, hệt như ngày nay. Đó chẳng phải một nơi kém vui nhộn của Paris.

Khu đại học rõ ràng họp thành một khối. Từ đầu đến cuối là một tổng thể đồng nhất và chặt chẽ. Nhìn từ trên cao, ta thấy hàng nghìn mái nhà san sát, nhấp nhô, dính kết, hầu hết chung một yếu tố hình học, có vẻ là sự kết tinh của cùng một thực chất. Các khe phố khúc khuỷu chia cắt dãy nhà từng khoang, không đến nỗi quá chênh lệch.

Bốn mươi hai trường trung học được phân bố khá đều đặn, nên đâu đâu cũng có; vòm mái trăm hình nghìn vẻ và vui mắt của các dinh thự đẹp đẽ đều chung một nguồn gốc nghệ thuật với những mái nhà tầm thường nép phía dưới, cho nên cuối cùng chỉ là số nhân bình thường hoặc lập phương của cùng một hình thù hình học. Chúng bổ sung mà không phá rối, chúng thêm thắt mà không đè nặng lên cái toàn thể. Hình học là cân xứng. Đây đó dăm ba lâu đài tráng lệ

cũng nhô lên kiều diễm trên các kho thóc đẹp đẽ bên tả ngạn, trú xá Nover, trú xá Rome, trú xá Reimsoe, nay không còn nữa, rồi điện Cluny, đến nay vẫn còn, để làm yên lòng các nghệ sĩ, cách đây vài năm nó vừa bị truất phế cái tháp một cách ngu xuẩn. Gần Cluny có tòa lâu đài La Mã, vòm cổng xây cuốn xinh đẹp, đó là cung Thermes de Julien. Còn thêm vô số tu viện không kém đẹp đẽ và to lớn so với lâu đài, nhưng lại đậm vẻ thiêng liêng và trang trọng hơn. Đập trước tiên vào mắt là: trường trung học Bernardin có ba gác chuông; tu viện Sainte-Geneviève hiện còn lại tòa tháp vuông, khiến ta càng thêm luyến tiếc những chỗ khác; tòa Sorbonne, nửa trường học, nửa tịnh xá, còn sót lại gian giữa thánh đường tuyệt diệu, tu viện tứ giác Mathurine đẹp đẽ, tu viện Saint-Benoît kề ngay cạnh trong khoảng thời gian giữa lần xuất bản thứ bảy và thứ tám của cuốn sách này, họ đã kịp thời đóng cửa các sân khấu ở trong đó; tu viện Cordelier có ba đầu hồi to cao chồng lên nhau: tu xá Augustin, với gác chuông duyên dáng cắt trên nền trời Paris một đường viền ren thứ hai tiếp sau tháp Nesle, kể từ phía tây lại. Các trường trung học đúng là cái vòng nối tiếp các tu viện với thế giới bên ngoài, còn về mặt kiến trúc, trung gian giữa lâu đài và tu xá, nghiêm trang mà thanh nhã, điêu khắc không phóng túng bằng ở lâu đài, kiến trúc không khắc khổ bằng ở tu viện. Các tòa nhà đó, với nghệ thuật Gothic hòa hợp hết sức chính xác sự phong phú và tính tiết kiệm, rủi thay, đến nay hầu như chẳng còn lại gì. Các nhà thờ vốn rất nhiều vẻ đẹp lộng lẫy ở Khu đại học, xếp hàng đứng đó với đủ lứa tuổi của nền kiến trúc, từ hình cung tròn ở nhà thờ Saint-Julien tới hình cung nhọn ở nhà thờ Saint-Séverin các nhà thờ chế ngự tất cả, và như một hòa điệu, thỉnh thoảng lại chọc lên trời những nét cắt muôn hình nghìn vẻ của các đầu hồi cao vút vát nhọn, các gác chuông trổ thủng, các tháp thon mảnh mà đường nét cũng chỉ là sự phóng đại đẹp đẽ một góc nhọn mái nhà.

Nền đất Khu đại học vốn mấp mô. Ngọn núi Sainte-Geneviève ở hướng đông nam làm thành cái bong bóng khổng lồ và đứng trên đỉnh tháp nhà thờ Đức Bà này, quả lạ mắt là cái cảnh phố xá chật hẹp, khúc khuỷu, chen chúc nhau (bây

giờ gọi là Khu Latinh) những nhóm nhà cửa rải ra từ phía trên mỏm cao đó, hỗn độn xô nhau lao từ vách núi gần thẳng đứng xuống tận bờ sông, có cái như muốn ngã lăn xuống, có cái lại định leo lên, cái nọ níu lấy cái kia. Một làn sóng bất tận ngàn vạn chấm đen, chen chúc trên lòng đường làm rối cả mắt. Đó là đám dân chúng, nhìn từ cao và từ xa.

Cuối cùng, chen giữa các mái nhà, ngọn tháp dinh thự bạt ngàn nhấp nhô đang lượn vòng uốn khúc và khoanh vùng một cách thật kỳ dị cái giới hạn cuối cùng của Khu đại học, thỉnh thoảng ta lại thấy hiện lên một mảnh tường lớn rêu phong, một tháp tròn to bè, một cổng ô có tường trổ răng cưa, tượng trưng cho pháo đài: đó là hàng rào Philippe-Auguste. Xa xa xanh rờn các đồng cỏ, xa xa mất hút các con đường, dọc đường lác đác dăm căn nhà ngoại ô, càng về xa càng ít đi. Vài vùng ngoại ô đó thật quan trọng. Tính từ viện Tournell trở đi, trước hết là thị trấn Saint-Victor, với chiếc cầu một nhịp bắc ngang sông Bièvre, với tu viện còn đọc được lời văn bia của Louis le Gros, *epitaphium Ludovici Grossi**, với nhà thờ có gác chuông bát giác kèm bốn gác chuông nhỏ kiểu thế kỷ mười một (ở Étampe cũng có một gác chuông như vậy; nó chưa bị phá sập); rồi thị trấn Saint-Marceau, đã có tới ba nhà thờ và một nhà tu kín. Sau đó, bỏ lại bên trái chiếc cối xay gió Gobelin với bốn bức tường trắng, ta tới ngoại ô Saint-Jacques có cây thánh giá chạm trổ đẹp đẽ trồng giữa ngã tư có nhà thờ Saint-Jacques du Haut-Pas hồi đó xây kiểu Gothic, nhọn hoắt và duyên dáng, có nhà thờ Saint-Magloire xinh đẹp kiểu thế kỷ mười bốn mà Napoléon từng biến thành kho chứa cỏ, rồi nhà thờ Đức Bà des-Champs có hình vẻ khảm đá màu kiểu byzantines. Cuối cùng bỏ lại ở giữa đường tu viện dòng Charles, một tòa nhà phong phú đồng thời với Tòa pháp đình, có dãy vườn nhỏ chia từng khoanh và cái cảnh hoang phố Vauvert đầy ma thiêng quỷ dữ, tầm mắt ta hướng nhìn phía tây liền bắt gặp ba gác chuông nhọn kiểu roman của nhà thờ Saint-Germain-des-Prés. Thị trấn Saint-Germain, lúc đó đã là công xã lớn, ở phía sau có tới mười lăm, hai mươi dãy phố. Gác chuông nhọn hoắt nhà thờ Saint-Sulpice đánh dấu

một góc thị trấn. Ngay cạnh là tường vây bốn mặt của hội chợ Saint-Germain, mà nay là chợ; rồi giàn bêu tù của tu viện trưởng, một tháp tròn nhỏ xinh đẹp, đội chóp nón bằng chì. Lò ngói ở xa hơn rồi phố Lò bánh dẫn tới lò bánh hoàng gia, rồi cối xay gió trên đỉnh gò, rồi trại hủi, một gian nhà nhỏ bé lẻ loi, xấu xí. Nhưng hấp dẫn nhất và khiến cặp mắt phải dừng lại lâu, đó là bản thân tu viện. Rõ ràng tu xá này, mang dáng dấp nguy nga của cái vừa là thánh đường vừa là thái ấp, tòa lâu đài này của tu viện trưởng mà các giám mục Paris sẽ sung sướng được ngủ lại một đêm, tòa nhà ăn mà kiến trúc sư đã tạo nên không khí, vẻ đẹp cùng cửa sổ hoa thị lộng lẫy như một nhà thờ lớn, căn nhà nguyện thanh nhã của Đức mẹ đồng trinh, gian nhà ngủ đồ sộ, những thửa vườn rộng rãi, cửa rào song sắt, cầu treo, dãy tường trổ răng cưa hé cho nhìn thấy các đồng cỏ xanh rờn chung quanh, các sân lấp lánh bóng quân sĩ xen lẫn áo lễ giáo chủ thêu kim tuyến, tất cả tập hợp và châu tuần quanh ba tòa tháp cao vút hình cung tròn, được xây thật vững vàng trên hậu cung kiểu Gothic, làm nổi lên một bóng dáng huy hoàng phía chân trời.

Rồi cuối cùng, sau khi nhìn ngắm hồi lâu Khu đại học ta quay sang hữu ngạn, phía Khu phố mới, cảnh tượng đột nhiên thay đổi hẳn tính chất. Đúng thế, Khu phố mới, lớn hơn Khu đại học nhiều, cũng không thuần nhất. Thoạt nhìn, thấy nó chia thành nhiều mảng khác nhau rõ rệt. Trước hết, về hướng đông, ở mảnh thành phố đến nay vẫn mang tên cái đầm lầy mà Camulogène làm cho César phải sa lầy, ta thấy san sát lâu đài. Dãy phố này chạy ra mãi tận bờ sông. Bốn dinh thự gần liền nhau. Jouy, Sens, Barbeau, cung Hoàng hậu, soi bóng mái đá đen chen lẫn tháp nhỏ thon mảnh xuống dòng sông Seine. Bốn dinh thự đó chiếm khoảng đất từ phố Nonaindière tới tu xá Célestin, với chiếc gác chuông xinh xắn chĩa lên trời đường nét đầu hồi và tường trổ răng cưa. Dăm ba túp lều xám nghiêng mình xuống dòng nước trước dãy lâu đài tráng lệ đó, không hề che lấp các góc xinh đẹp của mặt tiền, các cửa sổ vuông to rộng với thành cửa bằng đá. Các vòm cửa hình cung nhọn chồng chất tượng, các gờ nổi cạnh của những

bức tường bao giờ cũng vuông góc, cùng mọi chi tiết kiến trúc bất ngờ xinh đẹp khác, chúng làm cho nghệ thuật Gothic có vẻ thay đổi kết cấu trên từng công trình. Sau dãy dinh thự đó, là tòa lâu đài thần kỳ Saint-Paul, rộng bát ngát và trăm hình nghìn vẻ tỏa lan tứ phía, khi bị xẻ dọc, rào giậu, và trổ răng cưa như tòa thánh lúc bị cây to che lấp như tu viện; nơi đây, vua Pháp có thể thừa chỗ để tiếp đón vô số vương hầu vào loại như Hoàng thái tử và quận công Bourguignon với đủ loại hầu cận và tùy tòng, chưa kể các đại lãnh chúa, rồi hoàng đế mỗi khi người tới thăm Paris, cả sư tử trong những dinh cơ riêng nằm trong hoàng cung. Ở đây cũng xin nói thêm, mỗi điện vương hầu hồi đó gồm ít nhất mười một phòng, từ gian tiền sảnh tới phòng cầu nguyện, chưa kể các hành lang buồng tắm nước, buồng tắm hơi, cùng mọi "nơi phụ" khác, mà tòa nhà nào cũng có; chưa kể vườn tược riêng cho mỗi tân khách của nhà vua; chưa kể các gian bếp, hầm rượu, buồng đầy tớ, buồng ăn chung trong nhà; các sân gia cầm có tới hai trăm phòng thí nghiệm thông thường, từ gian lò bánh tới gian ngự tửu; hàng nghìn trò chơi, như đánh cầu vồ, đánh cầu vợt, trò xỏ vòng; các chuồng chim, bể cá, vườn động vật, chuồng ngựa, chuồng bò; các thư viện, binh công xưởng và lò đúc. Một hoàng cung hồi đó, một điện Lourve, một cung Saint-Paul là như vậy. Một thành bang trong thành bang.

Từ đỉnh tháp ta đang đứng, lâu đài Saint-Paul bị bốn tòa nhà lớn vừa kể trên che khuất mất ít nhiều, nhưng nó vẫn còn hết sức nguy nga, tráng lệ.

Mặc dù được nối liền khéo léo với chính điện bằng các hành lang dài có cửa kính và bằng hàng cột, tòa lâu đài vẫn nổi bật lên ba dinh thự mà vua Charles V đã kết hợp với hoàng cung; đó là dinh Tiểu Muce, có hàng lan can chạm trổ uốn lượn đẹp đẽ viền lấy mái nhà; dinh tu viện trưởng Saint-Maur, mang hình dáng pháo đài với tháp lớn, lan can ném đá, lỗ châu mai, các khung chắn sắt và trên chiếc cửa rộng kiểu Saxon là huy hiệu của tu viện trưởng giữa hai lỗ đục của chiếc cầu treo; dinh bá tước Étampe, với chiếc tháp canh chính đổ nát ở phần

trên, tròn vành vạnh, sứt mẻ như mào gà sống; đây đó, dăm ba cây sồi già mọc chụm lại như bắp xúp lơ khổng lồ, bầy thiên nga đùa giỡn dưới ao nước trong vắt, lăn tăn bóng râm và ánh nắng; vô số sân để lộ từng khoảng ngoạn mục; chuồng sư tử với hình cung nhọn thấp trên trụ cột ngắn kiểu Saxon, với cửa rào sắt và tiếng gầm liên miên; vượt qua mọi cái đó là gác chuông long lở của tu viện Ave Maria; bên trái là dinh ngài đô trưởng thành Paris, sừng sững bốn tháp nhỏ trổ thủng tinh vi; về cuối, ở giữa chính cung Saint-Paul với vô số mặt tiền, vô số tô điểm được lần lượt thêm thắt vào thời Charles V, các đắp điếm hỗn tạp mà thói ngông của các kiến trúc sư đã chồng chất lên suốt hai thế kỷ nay, với đủ loại hậu cung của thánh đường, đủ loại đầu hồi của hành lang, hàng nghìn chong chóng quay theo chiều gió, và hai tháp cao kề sát nhau, mái chóp nón, với trổ răng cưa, hệt như mũ nhọn uốn cong vành.

Cứ tiếp tục leo lên các tầng của dãy lâu đài xếp bậc thang mở rộng xa xa trên nền đất, rồi vượt qua một khe sâu đào giữa các nóc nhà của Khu phố mới, đó là chỗ vượt ngang phố Saint-Antoine, và vẫn chỉ hạn chế vào các tòa nhà chính, mắt ta liền bắt gặp điện Angoulême, một kiến trúc rộng lớn của nhiều thời đại, có những phần mới tinh và trắng toát, hòa hợp với toàn thể không hơn gì miếng vải đỏ trên tấm áo xanh lam. Tuy nhiên mái nhà hết sức nhọn và cao của tòa lâu đài hiện đại, lởm chởm ống máng chạm trổ, phủ tấm chì khảm đồng đỏ chóe rực rỡ uốn thành muôn đường nét kỳ dị, mái nhà khảm đồng kỳ cục đó vươn lên duyên dáng giữa đống hoang tàn xám xịt của dinh thự cũ, với dãy tháp to cao cũ kỹ, phình ra theo năm tháng như các thùng rượu tự sụp xuống vì hư nát và vỡ toác từ trên xuống dưới, trông giống các bụng phệ cởi phanh khuy áo. Đằng sau tua tủa dựng lên một rừng mái nhọn hoắt của các lâu đài ở cung Tournell. Dù ở Chambord hoặc ở Alhambra, không đâu bày ra được cái cảnh kỳ lạ, khoáng đãng, ngoạn mục, bằng cái rừng mái nhọn, gác chuông, ống khói, chong chóng, hình xoáy ốc, đinh ốc, đèn lồng trổ thủng như khoét bằng đầu tròn, lầu tạ, tháp nhỏ hình thoi, hoặc như người ta thường gọi hồi đó là tiểu tháp, rất khác nhau về

hình khối, chiều cao và dáng vẻ. Trông cứ như một bàn cờ đá khổng lồ.

Bên phải cung Tournell là khóm tháp khổng lồ đen như mực, cái nọ lồng vào cái kia, như thể được bó lại bằng con hào vòng tròn, là tháp canh chính nhiều lỗ châu mai hơn cửa sổ, cái cầu treo lúc nào cũng kéo dựng lên, cửa chấn song lúc nào cũng hạ chắn xuống, đó là pháo đài Bastille. Những mỏ đen ngòm thò ra khỏi bờ tường khía răng cưa, trông xa tưởng như các ống máng, đó là nòng đại bác.

Phía dưới đống đạn thần công, dưới chân tòa lâu đài ghê gớm là cổng Saint-Antoine, lấp ló giữa hai tháp.

Bên kia cung Tournell, tới tận tường thành Charles V, là tấm thảm mịn màng các vườn tược và cây cảnh hoàng gia, với những khoảng đất xanh rờn hoa lá xum xuê trải rộng ở giữa nổi lên chằng chịt các hàng cây, lối đi ngang dọc, của khu vườn trứ danh Dédalus mà vua Louis XI đã ban cho Coictier. Thiên văn đài của vị bác sĩ dựng lên giữa dãy mê cung, như chiếc cột lớn đơn độc có căn nhà nhỏ trên, đỉnh cột. Trong phòng quan sát này đã tiến hành những cuộc chiêm tinh ghê gớm.

Chỗ đó, nay là quảng trường Hoàng cung.

Như chúng tôi vừa kể, khu lâu đài mà chúng tôi cố gợi để bạn đọc có được một ý niệm, bằng cách chỉ kể những cái chính, khu lâu đài đó chiếm khoảng đất mà hàng rào Charles V cắt góc với sông Seine ở phía đông. Trung tâm Khu phố mới là một dãy nhà dân chúng. Ba chiếc cầu ở Khu thành cũ cũng bắc sang hữu ngạn vào ngay chỗ đó và cầu dẫn đến nhà dân chúng rồi mới tới lâu đài. Đám nhà cửa thị dân này chen chúc như lỗ tổ ong mang vẻ đẹp riêng. Có những mái nhà ở kinh thành nom giống như các lớp sóng đại dương, cảnh tượng đó thật hùng vĩ. Thoạt tiên là các phố xá dọc ngang hỗn độn, tạo nên trăm nghìn khuôn mặt tươi vui cho khu phố. Quanh chợ trông giống ngôi sao trăm cánh. Các phố Saint-Denis và Saint-Martin, tỏa ra vô số cành nhánh, chạy ngược lên cạnh nhau

như hai cây to quyện cành lá vào nhau. Sau đó các đường nét khúc khuỷu, các phố Hàng thạch cao, phố Hàng thủy tinh, phố Thợ dệt, v.v... luồn lách khắp nơi. Ở đây cũng có dinh thự tráng lệ nhô trên làn sóng hóa đá của mặt biển hồi nhà. Phía đầu cầu Hối đoái, sau đó thấp thoáng sông Seine sủi bọt dưới các bánh xe của cầu Thợ xay, là điện Châtelet, không còn cái tháp kiểu La Mã như dưới thời Julien Bội giáo, mà là kiểu tháp phong kiến của thế kỷ mười ba, xây bằng đá rất rắn có cuốc đến ba giờ liền cũng chẳng nậy được sâu bằng nắm đấm. Đó là tháp chuông vuông vắn rườm rà của nhà thờ Saint-Jacques-de-la-Boucherie, với các góc tường đầy điêu khắc, trông thật đẹp, tuy nó chưa được hoàn thành vào thế kỷ mười lăm. Hồi đó, đặc biệt nó còn thiếu bốn con quái vật, mà hiện nay được dựng trên nóc nhà, trông giống bốn con nhân sư, khiến Paris mới tìm cách đoán ra điều bí ẩn của Paris cổ; nhà điêu khắc Rault chỉ xây bốn con quái vật đó mãi vào năm 1526 và chỉ kiếm được hai chục francs tiền công. Đó là nhà cột, trông ra quảng trường Grève, mà chúng tôi từng giới thiệu qua loa với độc giả rồi. Đó là nhà thờ Saint-Gervai, bị chiếc cổng xây đúng khiếu thẩm mỹ làm hỏng từ đó; nhà thờ Saint-Méry, với hình cung nhọn cũ còn phảng phất hình cung tròn; nhà thờ Saint-Jean nổi tiếng nhờ nóc gác chuông tuyệt đẹp; đó là bao nhiêu đền đài khác vui lòng pha trộn vẻ kiều diễm vào giữa đám đông phố xá tối tăm, chật hẹp và sâu hun hút. Thêm vào là các cây thánh giá bằng đá chạm, mọc nhan nhản khắp ngã ba ngã tư, còn nhiều hơn cả giá treo cổ; nghĩa trang Innocent, với hàng rào kiến trúc hiện lên thấp thoáng xa xa ở phía trên các nóc nhà; giàn bêu tù Khu chợ, với cái nóc nhô lên ở giữa hai ống khói của phố Mầm nho; chiếc cầu thang ở Croix-du-Trahoir, giữa ngã tư lúc nào cũng đen nghịt người; dãy nhà tồi tàn xây vòng tròn ở Chợ gạo; các đoạn hàng rào cũ Philippe-Auguste hiện ra đây đó, mất hút giữa các nhà cửa, dãy tháp chằng chịt dây leo, cổng đổ nát, tường xiêu vẹo nghiêng ngả; bến sông với trăm nghìn cửa hàng và cửa hiệu cứa cổ khách mua; sông Seine chật ních thuyền bè từ Bến cỏ tới Tòa án giám mục; như thế, ta đã có được một hình ảnh hỗn độn về cái hình thang trung tâm của Khu

phố mới vào năm 1482.

Cùng hai khu phố đó, một bên gồm lâu đài, một bên gồm nhà cửa, còn thêm yếu tố thứ ba tạo nên bộ mặt của Khu phố mới, đó là một dãy dài tu viện, bao quanh hầu như gần hết chu vi Khu phố mới, từ đông sang tây, ở phía sau cửa hàng rào pháo đài đang khép kín Paris, và tạo nên một hàng rào thứ hai bên trong, gồm toàn nhà tu và nhà nguyện. Chẳng hạn, ngay sát cạnh khu vườn của cung Tournell, giữa phố Saint-Antoine và phố Đền cũ là tu viện Sainte-Catherine bát ngát cây cối, chỉ có tường thành Paris bao quanh. Giữa phố Đền cũ và phố Đền mới, là tòa Đền, với dãy tháp u ám, cao to, sừng sững, cô quạnh, giữa khoảng đất rộng rào tường răng cưa. Giữa phố Đền mới và phố Saint-Martin là tu viện Saint-Martin, một nhà thờ nguy nga, phòng thủ kiên cố, xung quanh là vườn tược, với vòng đai các tháp, vành mũ lầu chuông, nếu so về hùng vĩ và huy hoàng thì chỉ thua có các nhà thờ Saint-Germain-des-Prés. Giữa hai phố Saint-Martin và Saint-Denis trải dài khu nhà thương Thánh ba ngôi. Cuối cùng, giữa phố Saint-Denis và phố Montorgueil là tu viện Con gái Chúa. Ngay cạnh hiện lên dãy mái xiêu vẹo và dãy tường đổ nát của Cung điện thần kỳ. Đó là cái khâu phàm tục duy nhất xen lẫn vào giữa dãy xích tu viện thiêng liêng này.

Cuối cùng, khu thứ tư tự nổi bật lên giữa đám mái nhà bên hữu ngạn, và chiếm góc tây của hàng rào cùng bờ sông phía hạ lưu, là một dãy mới các lâu đài cùng dinh thự chen chúc dưới chân điện Lourve. Tòa Lourve cổ của Philippe-Auguste, tòa lâu đài đồ sộ với chiếc tháp lớn tập hợp quanh mình hăm ba tháp chủ yếu, chưa kể các tháp nhỏ trông xa như gắn vào tầng nóc kiểu Gothic của điện Alençon và điện Tiểu Bourbon. Con giao long gồm toàn tháp này, tên lính canh khổng lồ của Paris, lúc nào cũng ngẩng cao hăm tư cái đầu lên, với cặp mông đồ sộ, căng phồng hoặc xếp vẩy ngói đá đen, tuôn chảy trăm ngàn ánh kim khí, kết thúc hình thế Khu phố mới một cách kỳ lạ ở phía tây.

Đó chính là khu nhà thị dân bát ngát, cái người La Mã gọi là *insula*, viền cả bên phải lẫn bên trái bởi hai khối lâu đài, một khối là điện Lourve, khối kia là cung Tournell, phía bắc chắn ngang bằng một vòng đai dài các tu viện và nhà cửa, vườn tược xum xuê, tất cả đều hỗn hợp và hòa tan trước mắt nhìn; phía trên cửa trăm ngàn dinh thự đó, với mái ngói đỏ xen kẽ mái đá đen tạo thành bao nhiêu dây xích kỳ lạ, là các gác chuông chạm trổ, tô điểm, vẽ vời của bốn mươi tư tòa nhà thờ bên hữu ngạn; rồi hằng hà sa số đường ngang ngõ dọc: với ranh giới một bên là hàng rào những tường cao có tháp vuông (dãy tường rào của Khu đại học đều có tháp tròn), còn bên kia sông Seine với cầu bắc ngang và vô số thuyền bè qua lại: Khu phố mới vào thế kỷ mười lăm như thế đó.

Phía bên kia dãy tường rào, vài khu ngoại ô chen chúc nơi cổng ô, nhưng ít hơn và thưa hơn ở vùng ngoại ô Khu đại học. Đằng sau pháo đài Bastille là hai chục túp lều túm tụm quanh các điêu khắc kỳ lạ của xóm Croix-Faubin và hàng cột xây cuốn của tu viện Saint-Antoine des Champs; rồi làng Popincourt, lấp giữa ruộng lúa; rồi xóm Courtille, la liệt quán rượu vui vẻ; thị trấn Saint-Laurent với nhà thờ có gác chuông trông xa như nhập vào dãy tháp nhọn của cổng Saint-Martin, ngoại ô Saint-Denis có trại hủi Saint-Ladre rộng rãi; đi qua cổng Montmartre là tòa Grange-Batelière với dãy tường trắng xóa; sau đó là Montmartre, sườn dốc đá vôi, hồi đó nhà thờ nhiều gần bằng cối xay gió, nay chỉ còn lại cối xay, vì bây giờ xã hội chỉ cần có bánh cho phần xác thôi. Cuối cùng, phía bên kia điện Lourve, là ngoại ô Saint-Honoré chạy dài giữa đồng cỏ, hồi đó lớn lắm rồi, là Tiểu Bretagne xanh um, là Chợ heo trải dài, giữa chợ quay tròn cái lò khủng khiếp để luộc bọn làm bạc giả. Giữa xóm Courtille và thị trấn Saint-Laurent, mắt ta liền nhận ra vòm mái một tòa nhà sừng sững giữa cánh đồng vắng vẻ, một thứ dinh thự trông xa giống dãy cột hoang phế dựng trên cái nền sụt lở. Đó chẳng phải đền Parthénon, cũng chẳng phải đền thờ Jupiter Olympien. Đó là đài treo cổ Montfaucon.

Bây giờ, nếu việc liệt kê từng ấy dinh thự, dù chúng tôi gắng kể sơ sài, không đến nỗi phá tan cái hình ảnh chung về Paris cổ, mà chúng tôi dần dần xây dựng trong tâm trí bạn đọc, xin tóm tắt bằng vài câu. Ở giữa là cù lao Khu thành cũ, hình dáng giống con rùa khổng lồ, thò những cái cầu lởm chởm vẩy ngói như cẳng chân, từ dưới chiếc mu xám các mái nhà. Bên trái là hình thang nguyên khối, rắn chắc, đông đặc, chen chúc, lổn nhổn của Khu đại học. Bên phải là hình bán nguyệt rộng rãi của Khu phố mới, với vườn tược và lâu đài xen lẫn nhau nhiều hơn. Cả ba khối, Khu thành cũ, Khu đại học, Khu phố mới đều chằng chịt bạt ngàn phố xá. Con sông Seine "dòng Seine nuôi dưỡng" như cha Du Breul thường gọi, vắt ngang, bị tắc nghẽn nào cù lao, nào cầu, nào thuyền bè. Khắp chung quanh là đồng bằng bát ngát, vá víu muôn mảnh cây trồng, rải rác xóm làng xinh đẹp; bên trái là Issy, Vanvres, Vaugirard, Montrouge, Gentilly với tháp tròn, tháp vuông, v.v...; bên phải là hai chục làng khác từ Conflan tới Thành phố giám mục. Phía chân trời, một đường viền những đồi núi quây tròn như bờ lưu vực. Cuối cùng, xa xa, về phía đông là Vincennes cùng bảy tháp tứ giác; phía nam, Bicêtre cùng dãy tháp nhỏ nhọn hoắt; phía bắc, Saint-Denis và gác chuông nhọn; phía tây, Saint-Cloud và tháp canh. Đó là Paris, nhìn từ đỉnh tháp của nhà thờ Đức Bà, bằng mắt đàn quạ sống vào năm 1482.

Tuy nhiên, đó chính là thành phố mà Voltaire bảo *trước Louis XIV nó chỉ có bốn tòa nhà đẹp*: tòa Sorbonne, tòa Val-de-Grâce, tòa Lourve hiện đại và không nhớ cái thứ tư là cái gì, hình như tòa Luxembourg thì phải. May thay, không phải vì thế mà Voltaire không viết *Candide* và trong số tất cả những người kế tiếp nhau giữa cái dòng nhân loại dài dặc, ông vẫn là người có cái cười quái quỷ nhất. Vả lại, điều đó chứng tỏ rằng dù có thể là một thiên tài vĩ đại, người ta vẫn không hiểu gì về một ngành nghệ thuật mà mình không quen. Molière đã chẳng tưởng mình làm vinh dự ghê gớm cho Raphaël và Michel-Ange đó ư, bằng cách gọi họ là *các Ngài yêu kiểu luống tuổi*!

Ta trở lại với Paris và thế kỷ mười lăm.

Hồi đó, thành phố không chỉ xinh đẹp mà thôi; đó là một thành phố đồng đều, một sản phẩm kiến trúc và lịch sử của thời trung cổ, một cuốn sử bằng đá. Đó là một thành bang chỉ gồm có hai lớp, lớp roman và lớp Gothic, vì lớp La Mã đã mất đi từ lâu, trừ cung Thermes de Julien, nơi nó còn thọc được qua cái củi dày thời trung cổ. Còn lớp Celtique thì ngay đào giếng cũng chẳng tìm thấy mẫu nữa.

Năm mươi năm sau, khu thời Phục hưng mang cái xa xỉ hào nhoáng trong thói chơi ngông và trong các hệ thống của nó, mang sự lạm dụng các hình cung tròn La Mã, các cột Hy Lạp và các hình tò vò thấp kiểu Gothic, mang nền điêu khắc rất tao nhã hoa văn và hình hoa lá, mang tính kiến trúc tà giáo đồng thời với Luther, mang chúng vào trộn lẫn với tính thống nhất rất nghiêm ngặt mà lại đa dạng đó, Paris có lẽ càng đẹp hơn lên, mặc dù hòa hợp với con mắt và trí tuệ. Nhưng thời buổi huy hoàng đó không kéo dài. Thời Phục hưng chẳng phải vô tư; nó không chỉ bằng lòng xây dựng, nó còn muốn đập phá. Đúng là nó đang cần rộng chỗ. Cho nên cái Paris kiểu Gothic chỉ hoàn hảo trong một phút. Người ta vừa mới hoàn thành nhà thờ Saint-Jacquesde-la-Boucherie thì đã bắt đầu phá hủy điện Lourve cổ.

Từ đó, thành phố lớn cứ biến dạng từng ngày, Paris Gothic từng xóa bỏ Paris roman, đến lượt nó lại tự xóa bỏ. Nhưng liệu có thể nói là cái Paris nào đã được thay thế?

Có Paris của de Catherine de Médicis, với cung Tuileries*, Paris của Henri II với tòa Đô chính, hai dinh thự còn mang thị hiếu thẩm mỹ lớn; Paris của Henri IV với quảng trường Hoàng cung: mặt tiền bằng gạch với các góc tường bằng đá và mái đá đen, những tòa nhà ba màu; Paris của Louis XIII với tu viện Val-de-Grâce: một kiến trúc nặng nề và thấp lùn, vòm mái hình quai giỏ, cột không hiểu sao lại phình ra, còn mái thì gù lên; Paris của Louis XIV với lâu đài phế

binh Invalide: đồ sộ, lộng lẫy, vàng son và lạnh lẽo; Paris của Louis XV, với nhà thờ Saint-Sulpice: nào đầu cột xoáy ốc, hai dãy lụa thắt nút, rồi mây bay, bún sợi và rau diếp uốn lượn, tất cả đều bằng đá; Paris của Louis XVI, với nhà thờ Panthéon: một kiểu bắt chước tồi của nhà thờ Saint-Pierre ở Rome: (tòa nhà tự dồn ép lại vụng về, nên không sửa sang được đường nét); Paris của nền Cộng hòa, với trường Y học: một thị hiếu nghèo nàn kiểu Hi La, giống tòa Colisée hoặc tòa Panthéon, cũng như hiến pháp năm thứ ba giống với luật lệ Minos, trong kiến trúc thường gọi là *thị hiếu messidor**; Paris của Napoléon với quảng trường Vendôme: cái này thì cao cả, một cột đồng đúc bằng súng đại bác; Paris của nền Quân chủ trùng hưng, với sở Chứng khoán: hàng cột trắng tinh đỡ lấy bờ tường nhẵn thín, tất cả đều vuông vắn và trị giá hai mươi triệu.

Gắn liền với mỗi kiến trúc tiêu biểu đó, cùng chung một thị hiếu, cách thức và phong độ, là một số nhà cửa rải rác ở mọi khu phố, mà con mắt sành sỏi dễ dàng phân biệt và xác định được niên đại. Khi biết nhìn, người ta tìm ra tinh thần thế kỷ và dung nhan quốc vương ngay ở cả chiếc vồ gõ cửa.

Như vậy, Paris hiện thời không có khuôn mặt chung nào cả. Đó là một tập mẫu sưu tầm của nhiều thế kỷ và cái đẹp nhất thì mất rồi. Kinh đô chỉ phát triển về nhà cửa; mà nhà cửa nào có ra gì! Cứ theo đà này, Paris sẽ đổi mới năm mươi năm một lần. Cho nên ý nghĩa lịch sử của kiến trúc nơi đây đang mất đi từng ngày. Các đền đài đó ngày càng hiếm và ta thấy nó như dần dần mất tăm, chìm ngập dưới nhà cửa. Cha ông ta có một Paris bằng đá; con cháu ta sẽ có một Paris bằng thạch cao.

Còn đối với các dinh thự hiện đại của Paris mới, chúng tôi sẵn sàng không muốn nhắc tới. Không phải vì chúng tôi biết ngưỡng mộ đúng đắn, nhà thờ Saint-Geneviève của ngài Soufflot chắc chắn là cái bánh ngọt Savoie đẹp nhất bằng đá đến nay chưa hề có. Lâu đài Quốc dân quân cũng là mẫu bánh rất đặc biệt. Vòm mái Chợ gạo là chiếc mũ lưỡi trai kỵ mã Anh vào cỡ lớn. Các tháp

nhà thờ Saint-Sulpice là hai cái kèn lớn, hình thù của nó cũng như mọi cái khác thôi; chiếc máy điện báo cong queo và nhăn nhó tạo thành một chướng ngại đáng yêu trên mái. Saint-Roch có chiếc cổng mà vẻ huy hoàng chỉ có thể sánh với Saint-Thomas d'Aquin. Nó cũng có bức chạm nổi Chúa đóng đinh trên cây thánh giá để dưới hầm và một mặt trời bằng gỗ thếp vàng. Đó là những vật hết sức kỳ diệu. Chiếc đèn lồng của mê cung ở vườn cây cũng rất tài tình. Còn tòa nhà sở Chứng khoán, với hàng cột kiểu Hy Lạp, cửa ra vào và cửa sổ hình cung tròn La Mã, vòm mái lớn hình cung thấp Phục hưng, chắc chắn đó là một kiến trúc rất nghiêm túc và rất tinh túy. Bằng chứng là nó được xây một tầng thấp che mái mà Athènes chưa hề có, đường nét thẳng tắp đẹp đẽ, ngắt quãng đây đó thật duyên dáng bởi các ống khói lò sưởi. Xin nói thêm, nếu buộc kiểu kiến trúc một dinh thự phải phù hợp với mục đích sử dụng, làm sao chỉ cần trông vào hình dáng dinh thự là thấy ngay mục đích đó tự bộc lộ ra, ta sẽ không việc gì phải quá thán phục một tòa nhà không sao phân biệt được đó là hoàng cung hoặc nhà hội đồng hương thôn, tòa thị chính, trường trung học, trường tập ngựa, viện hàn lâm, kho hàng thương chính, tòa án, viện bảo tàng, trại lính, nhà mồ, đền miếu, nhà hát. Trong khi chờ đợi, đó là sở Chứng khoán? Ngoài ra, một tòa nhà phải thích hợp với khí hậu. Tòa nhà này chắc hẳn được xây dựng đặc biệt cho bầu trời giá rét và mưa nhiều ở ta. Mái nhà bằng phẳng như ở phương Đông, cho nên vào mùa đông, gặp lúc tuyết rơi, người ta lại phải quét mái, vì chắc hẳn mái làm ra cốt để được quét dọn. Còn về mục đích sử dụng như chúng tôi vừa nói ở trên, tòa nhà hoàn thành thật tuyệt diệu; nó là sở Chứng khoán ở Pháp cũng như tòa đền xưa kia ở Hy Lạp. Quả thực kiến trúc sư đã khá vất vả để tìm cách che cái mặt đồng hồ treo, nó làm hỏng cả vẻ thanh tao của những đường nét đẹp đẽ ngoài mặt tiền, nhưng ngược lại, ta lại có hàng cột chạy chung quanh tòa nhà, mà dưới đó, vào những ngày đại lễ trang trọng thiêng liêng, các tay buôn bán chứng khoán và môi giới thương mại có thể đàng hoàng phát triển học thuyết.

Rõ ràng đó là những dinh thự rất nguy nga. Thêm vào còn vô số phố phường

đẹp đẽ, vui nhộn và đa dạng như phố Rivoli, và tôi tin rằng, từ trên khinh khí cầu nhìn xuống, một ngày kia Paris sẽ bày ra trước mắt các đường nét phong phú, các chi tiết rực rỡ, các cảnh sắc khác lạ, một cái gì đó thật hùng vĩ trong sự giản dị và thật bất ngờ trong cái đẹp, nó là đặc điểm của một bàn cờ.

Tuy nhiên, dù bạn thấy Paris hiện giờ tuyệt vời đến thế nào chăng nữa, cũng hãy thử trở lại Paris thế kỷ mười lăm, hãy tái tạo nó trong đầu óc, nhìn trời đất qua dãy rào kỳ lạ những mái nhọn, đỉnh tháp, gác chuông, hãy tỏa ra giữa thành phố bát ngát, vấp vào mũi các cù lao, dồn lại trước các nhịp cầu sông Seine với từng vũng nước xanh xanh vàng vàng, còn chuyển động hơn cả là da rắn, hãy tách hẳn cái dáng trông nghiêng của Paris cổ trên nền chân trời xanh lam, làm cho đường viền chung quanh thành phố thấp thoáng hiện lên trong màn sương mù mùa đông thường quấn quít vào vô số ống khói, hãy dìm nó vào đêm sâu và ngắm nhìn trò kỳ ảo của bóng đêm và ánh sáng trong mê cung các dinh thự âm u; hãy phóng xuống một ánh trăng để mơ hồ soi chiếu nó và làm cho những cái đầu lớn của các tháp ngoi lên khỏi mù sương; hoặc dựng lại bóng đen thẫm đó, làm trăm nghìn góc nhọn của mái nhà và đầu hồi thức tỉnh khỏi bóng tối, rồi làm nó nổi bật lên, răng nhe tua tủa hơn cả hàm cá mập trên nền trời màu đồng lúc chiều tà - Rồi hãy thử so sánh xem.

Còn nếu bạn lại muốn tiếp nhận từ thành phố cổ một cảm giác mà thành phố mới không còn cung cấp được nữa, thì chờ buổi sáng một ngày lễ lớn, lúc mặt trời mọc vào hôm lễ Phục sinh hoặc lễ Đức Chúa thánh thần hiện xuống, hãy trèo lên một đỉnh cao để có thể từ đó nhìn thấy khắp kinh đô, rồi tham dự vào lúc thức dậy của những chuông nhà thờ. Hãy ngắm nhìn muôn nghìn nhà thờ nhất loạt rung lên theo một tín hiệu phát đi từ giữa bầu trời, vì chính mặt trời phát tín hiệu đó. Thoạt tiên là tiếng vang rải rác, loang từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, như cái phút nhạc công báo hiệu cho nhau sắp bắt đầu; rồi đột nhiên, hãy nhìn xem, vì hình như đôi lúc tai cũng nhìn được, nhìn xem từ mỗi gác

chuông đồng thời dựng lên một thứ như là cột tiếng động, khối hòa âm. Đầu tiên tiếng rung của mỗi chuông bay thẳng lên, trong veo và có thể nói cách biệt với mọi tiếng khác, trên bầu trời lộng lẫy buổi sáng. Rồi dần dần vang to lên, nó hòa tan, xen lẫn, xóa nhòe lẫn nhau, hỗn hợp tạo thành dàn nhạc tuyệt vời. Chỉ còn một khối âm thanh vang động không ngừng tỏa lên từ vô số lầu chuông, nó bay lên, múa lượn, xông xáo, quay cuồng trên kinh thành và loang rộng cái vòng tròn ầm ĩ rung rinh mãi quá chân trời. Tuy nhiên, biển hòa âm này không hề hỗn độn. Dù rộng lớn và sâu thẳm đến đâu, nó vẫn không mất vẻ trong suốt. Ta sẽ thấy mỗi nhóm âm thanh, thoát ra từ dãy chuông, uốn lượn riêng rẽ; ta có thể theo dõi cuộc đối thoại lần lượt trầm hùng và cao vút, tiếng mõ réo và tiếng chuông rền; ta sẽ thấy âm vực nhảy cách quãng bát độ từ gác chuông này sang gác chuông khác; ta sẽ thấy nó bay lên phơi phới, nhẹ nhàng và lảnh lót từ cái chuông bạc, thấy nó rơi xuống gục ngã và khập khiễng từ cái chuông gỗ; ta thán phục âm giai phong phú luôn luôn hạ xuống dâng lên giữa bao thanh âm khác của bảy chuông nhà thờ Saint-Eustache; ta sẽ thấy chạy ngược lại các thanh âm trong vắt và vút nhanh, chúng ngoặt ngoẹo lóe sáng dăm ba lần rồi tắt ngấm như ánh chớp. Đằng kia tu viện Saint-Martin hát lên the thé, rè rè; ở đây giọng làu bàu, rùng rợn của tòa Bastille; đầu nọ giọng trầm của tháp Lourve to cao, cái chuông ngự ở Hoàng cung không ngừng tung ra tám hướng những điệu âm chói ngời, trên đó buông rơi đều đặn các âm thanh nặng nề của lầu chuông nhà thờ Đức Bà, làm nó lóe sáng như đe dưới búa. Thỉnh thoảng, ta sẽ thấy lướt qua đủ loại thanh âm vẳng tới từ bộ chuông ba chiếc của nhà thờ Saint-Germain-des-Prés. Rồi đôi lúc, khối tiếng động cao cả này còn mở ra để lọt vào khúc vĩ thanh của nhà thờ Ave-Maria, nó bừng nở và lấp lánh như chùm sao. Phía dưới, tận đáy dàn nhạc, ta sẽ mơ hồ nhận thấy tiếng hát bên trong của các nhà thờ, toát ra khỏi lỗ trổ vang rung của vòm mái.

Rõ ràng, đây là vở nhạc kịch rất đáng được nghe. Bình thường, tiếng vang nổi lên từ Paris ban ngày, đó là thành phố đang nói, ban đêm, đó là thành phố

đang thở; bây giờ là thành phố đang hát. Hãy lắng tai nghe khúc toàn tấu của các lầu chuông, hãy gieo lên toàn bộ bản nhạc đó tiếng thầm thì của nửa triệu con người, tiếng dòng sông than thở triền miên, tiếng gió thổi bất tận, tiếng tứ tấu trầm và xa của bốn khu rừng mọc trên dãy đồi ở cuối chân trời như các dàn đại phong cầm bát ngát, hãy dìm tất cả âm thanh quá thấp hoặc quá cao của chiếc chuông trung tâm vào bản nhạc đó và vào cái bảng lảng nhàn nhạt, rồi hãy nói xem, liệu trên đời này, hỏi có cái gì phong phú hơn, vui tươi hơn, chói lọi hơn, rực rỡ hơn mớ âm thanh hỗn tạp của các chuông lớn chuông bé này, hơn cái lò lửa âm nhạc, hơn mười ngàn giọng chuông đồng cùng hát lên trong các ống sáo bằng đá cao ba trăm bộ, hơn cái thành bang đã trở thành dàn nhạc, hơn bản giao hưởng ầm vang như bão táp.

QUYỂN BỐN

I
TẤM LÒNG VÀNG

Mười bốn năm trước khi xảy ra câu chuyện đang kể đây, vào một sáng đẹp trời của ngày lễ Quasimodo, trong nhà thờ Đức Bà, sau buổi lễ, một sinh vật được đặt lên dát giường kê bên trái tiền đường, trước mặt *bức tranh lớn* vẽ thánh Christophe, có khuôn mặt tạc bằng đá của ngài hiệp sĩ Antoine des Essarts quỳ gối ngước lên nguyện ngắm từ năm 1413, nhưng rồi sau họ quyết định triệt hạ cả ông thánh lẫn tín đồ. Trên tấm dát giường đó thường đặt những trẻ vô thừa nhận, để tùy mọi kẻ từ thiện ai thích cứ việc đem về nuôi. Trước dát giường còn có chiếc thau đồng đựng tiền bố thí.

Loại sinh vật nằm trên tấm ván lúc buổi sáng ngày lễ Quasimodo vào năm Thiên Chúa 1467, xem ra gợi thú tò mò đến cao độ cho một đám khá đông đang tụ tập xung quanh. Đám đông phần lớn gồm người phái đẹp. Nhưng hầu hết là bà già.

Ở hàng đầu và đang cúi sát xuống giường, ta thấy có bốn bà mặc áo choàng xám, một loại áo chùng, chắc hẳn thuộc một hội thánh mộ đạo nào đó. Tôi chẳng có lý do gì mà không ghi vào sử sách tên bốn bà kín đáo và đáng kính đó để lưu danh hậu thế. Đó là Agnès la Herme, Jehanne de la Tarme, Henriette la Gaultière, Gauchère la Violette, cả bốn đều góa chồng, cả bốn đều là các bà thực thà ở nhà nguyện Étienne-Haudry, được phép của bề trên và đúng với luật lệ của Pierre d’Ailly, vừa rời nhà để đến nghe giảng.

Tuy nhiên, nếu các bà tu dòng Hiếu khách vốn tính nết chân thực có tạm thời tuân theo các luật lệ của Pierre d’Ailly, quả tình họ đã hớn hở vi phạm các luật lệ Michel de Brache và của đức hồng y ở Pise, vẫn cấm đoán dã man họ không

được nói.

Sao nó lại thế này hả chị? - Agnès hỏi Gauchère, ngắm đứa bé nằm phơi đó, đang rên la, giãy giụa trên chiếc giường gỗ, và quá sợ hãi trước con mắt mọi người.

- Nếu trẻ con đẻ ra bây giờ đều thế này cả thì rồi con người sẽ ra sao? - Jehanne thốt lên.

- Tôi không sành về con trẻ, nhưng cứ nhìn thằng bé này cũng đủ có tội rồi. - Agnès tiếp lời.

- Chị Agnès này, nó chẳng phải là đứa trẻ nữa.

- Đúng là con khỉ thiếu tháng, - Gauchère nhận xét.

- Đúng là một phép lạ, - Henriette la Gaultière bảo.

- Nếu vậy, đây là phép lạ thứ ba kể từ hôm chủ nhật *Loetare** - Agnès nói. Vì phép lạ thứ hai trong tháng mới xảy ra cách đây có tám ngày, khi kẻ chế giễu người hành hương bị Chúa phạt tại nhà thờ Đức Bà Aubervillier.

- Cái của nợ vô thừa nhận này đúng là một quái vật gớm ghiếc, - Jehanne nói thêm.

- Nó gào thét đến người hát kinh cũng phải điếc tai, - Gauchère tiếp lời. - Đồ nhóc to mồm, mày có câm đi không!

- Vậy mà của nợ này là do đức ông ở Reims gửi cho đức ông ở Paris đấy! - La Gaultière chắp tay lại, nói.

- Tôi nghĩ đây chỉ là một con thú, một con vật, sản phẩm của một tên Do Thái với một con mụ lợn xề, - Agnès La Herme nói. - Tóm lại nó chẳng có vẻ gì của Chúa, cần vứt xuống sông hoặc quăng vào lửa.

- Chỉ mong sẽ chẳng có ai nhận nuôi nó, - La Gaultière bảo.

- Chao ôi, Lạy Chúa! - Agnès thốt lên, hay ta đem thằng bé ôn vật này tới bú nhờ mấy mụ vú tội nghiệp ở đằng kia, tại căn nhà trẻ vô thừa nhận ở cuối hẻm

chạy ra sông, ngay cạnh dinh cơ đức giám mục! Tôi thà để cho ma cà rồng nó bú còn hơn.

- Cái chị La Herme này, thật ngây thơ quá! - Jehanne xen vào. - Thế chị không thấy thằng nhóc quái vật này ít nhất cũng lên bốn rồi, nó có lẽ thích cái xiên nướng chả hơn cái bú tí của chị.

Đúng thế, "thằng nhóc quái vật" không phải là trẻ sơ sinh. (Chính bản thân tôi cũng rất lúng túng, không biết gọi nó bằng cách nào khác hơn). Đó là một khối nhỏ rất gồ ghề và quẫy rất mạnh, nhét trong bao tải có in dấu hiệu của ngài Guillaume Chartier, lúc đó đang là giám mục ở Paris, với cái đầu thò ra ngoài bao. Cái đầu hình thù cũng méo mó. Chỉ thấy một rừng tóc đỏ hoe, một con mắt, cái mồm và hàm răng. Mắt khóc, mồm gào, còn răng chỉ muốn cắn. Toàn bộ thân hình nó giãy giụa trong bao tải, làm kinh ngạc cả đám đông, họ không ngừng lũ lượt thay phiên nhau kéo tới vây quanh.

Phu nhân Aloïse de Gondelaurier, một bà giàu có và quyền quý, tay dắt cô con gái xinh đẹp khoảng sáu tuổi, cái sừng bằng vàng trên mũ bà kéo theo tấm voan dài, bà dừng lại lúc đi ngang qua chiếc giường, đứng nhìn giây lát sinh vật khốn nạn đó, còn cô con gái xinh xắn Fleur-de-Lys de Gondelaurier, mặc toàn nhung lụa, đưa ngón tay xinh xẻo chỉ từng chữ để đánh vần tấm bảng luôn treo cạnh dát giường: TRẺ VÔ THỪA NHẬN.

-Thực tình, ta tưởng ở đây chỉ bày trẻ con, - bà nói, ghê tởm quay mặt đi.

Lúc quay đi, bà vứt vào chậu thau một đồng tiền bạc, nó kêu đánh keng một tiếng giữa mớ tiền lẻ, làm các bà thực thà tội nghiệp ở nhà nguyện Étienne-Haudry tròn xoe mắt.

Lát sau, nhà bác học nghiêm nghị Robert Mistricolle, đệ nhất bí thư của nhà vua, đi ngang qua, nách kẹp cuốn sách lễ lớn, tay kia khoác bà vợ (bà Guillemette la Mairesse), như vậy, là có luôn bên mình hai món điều hòa, cả tinh thần lẫn thế tục. Ngài quan sát vật đó rồi bảo:

- Trẻ vô thừa nhận! Chắc nhặt được ở bên bờ Cửu tuyền âm ty!

- Chỉ thấy nó có độc một mắt, - bà Guillemette nhận xét. - Còn bên kia là cái mụn cóc.

- Không phải mụn cóc đâu, - thầy Robert Mistricolle nói. - Đó là quả trứng chứa bên trong một quái vật khác giống hệt như vậy, quái vật đó lại mang quả trứng nhỏ khác chứa đựng một quái vật khác nữa, và cứ thế nối tiếp mãi.

- Tại sao ông lại biết là như vậy? - Guillemette la Mairesse hỏi.

- Tôi biết rất rõ, - ngài đệ nhất bí thư đáp.

- Thưa ngài đệ nhất bí thư, - Gauchère hỏi, - ngài tiên đoán ra sao về đứa trẻ gọi là nhặt được này?

- Những tai họa hết sức lớn, - Mistricolle đáp.

- Chao ôi, Lạy Chúa! - Một bà già trong đám đông thốt lên. - Chả trách năm ngoái có dịch hạch hoành hành, giờ lại nghe nói quân Anh sắp lũ lượt đổ bộ ở Harefleu.

- Như thế có lẽ hoàng hậu sẽ không đến Paris vào tháng chín này, - một bà khác tiếp lời. - Hàng họ đang ế ẩm quá rồi!

- Tôi cũng đồng ý, - Jehanne de La Tarme hùa theo, - đối với đám dân hèn Paris thì tốt hơn hết là nên để thằng bé yêu quái này nằm trên đống củi hơn là trên phản.

- Một đống củi cháy đỏ rực! - Bà già nói thêm.

- Thế là khôn ngoan hơn cả. - Mistricolle bảo.

Từ nãy đến giờ, một linh mục trẻ đứng nghe mấy nữ tu sĩ bàn tán và ông đệ nhất bí thư phán bảo. Khuôn mặt ông ta khắc khổ, vầng trán rộng, cái nhìn sâu thẳm, ông lặng lẽ gạt đám đông, ngắm nghía *thằng bé yêu quái*, rồi để tay lên nó. Thật vừa đúng lúc. Vì các bà mộ đạo đã thèm thuồng nghĩ tới *đống củi cháy đỏ rực*.

- Tôi nhận nuôi đứa trẻ này, - linh mục nói.

Ông bọc nó vào áo chùng của mình rồi đem đi.

Đám đông kinh ngạc nhìn theo. Lát sau ông đã mất hút, qua cổng Đỏ dẫn từ nhà thờ tới nhà tu.

Khi hết sững sờ, Jehanne de la Tarme mới ghé tai bảo La Gaultière.

- Chị ơi, tôi đã bảo mà, gã giáo sinh trẻ đó, ông Claude Frollo đó là phù thủy.

II
CLAUDE FROLLO

Đúng thế, Claude Frollo không phải là nhân vật tầm thường.

Ông ta thuộc một gia đình trung lưu mà lối nói không thích đáng của thế kỷ trước thường vẫn gọi là đại tư sản hoặc tiểu quý tộc, gia đình này thừa hưởng của anh em Paclet khu thái ấp Tirechappe, trực thuộc giám mục Paris, mà hăm mốt căn nhà đã là đối tượng cho biết bao vụ kiện tụng trước tòa vào hồi thế kỷ mười ba. Vì là chủ nhân của lãnh địa, Claude Frollo là một trong số *trăm bốn mươi mốt* lãnh chúa được coi là có đất phát canh trong vùng Paris và ngoại thành; do đó từ lâu vẫn thấy tên ông được ghi theo tư cách này, giữa lâu đài Tancarville của ngài François Le Rez và trường trung học Tour, trong cuốn Pháp điển lưu trữ tại Saint-Martin-des-Champs.

Từ nhỏ, Claude Frollo đã được cha mẹ chuẩn bị cho bước vào hàng giáo phẩm. Chàng được học đọc tiếng Latinh, được dạy luôn phải nhìn xuống và nói nhỏ. Ngay từ bé, ông bố đã bắt chàng tới lưu trú ở trường trung học Torchi bên Khu đại học. Chàng lớn lên ở đây, giữa cuốn sách lễ và bộ từ điển.

Thực ra đó là một đứa trẻ u buồn, nghiêm trang, đứng đắn, học rất chăm và mau hiểu biết. Chàng không hò hét lúc ra chơi, ít đua đòi nhậu nhẹt trên phố Fouarre, chẳng biết *dare alapas et capillos laniare** là gì, và không hề có mặt trong cuộc bạo loạn năm 1463 mà các nhà chép sử đã trịnh trọng ghi dưới tiêu đề: “Cuộc nổi loạn thứ sáu ở Khu đại học”. Chàng ít khi chế giễu các học trò tốt nghiệp ở Montagu vì những *cappettes** trở thành tên gọi bọn chúng, hoặc những học trò được học bổng ở trường trung học Dormans vì cái đầu hớt trọc và tấm áo choàng ba mảnh bằng dạ màu xanh lá cây, xanh da trời và tím, *azurini coloris*

*et bruni** như đã ghi trong hiến chương của đức hồng y ở Quatre-Couronnes.

Ngược lại, chàng rất chăm chỉ tới các trường lớn, trường nhỏ ở phố Jean-de-Beauvai. Người học trò đầu tiên mà tu viện trưởng ở Saint-Pierre de Val trông thấy, khi ông bắt đầu giảng về giáo quy, đó là Claude Frollo, chàng luôn luôn đứng lì ở chân cột ngay trước bục giảng của trường Saint-Vendregesile, tay cầm nghiên mực bằng sừng, miệng ngậm ngòi bút, hí hoáy viết trên đầu gối sờn vải, còn mùa đông thì hà hơi vào ngón tay cho đỡ lạnh. Người thính giả đầu tiên mà ngài Miles d'Islier, tiến sĩ pháp lệnh luật, trông thấy mỗi sáng thứ hai hớt hải tới, khi cửa trường sếp Saint-Denis vừa mở ra, đó là Claude Frollo. Cho nên, mới mười sáu tuổi, cậu học sinh trẻ đã có thể đương đầu với một ông cha ở nhà thờ về môn thần học huyền bí, với một ông cha ở giáo nghị hội về môn thần học giáo quy, với một vị tiến sĩ ở Sorbonne về môn thần học kinh viện.

Học xong môn thần học, chàng lao vào môn pháp lệnh luật. Từ cuốn *Người chủ mọi phán quyết,* chàng nhảy sang bộ *Pháp lệnh tập của Charlemagne*, rồi trong cơn thèm khát học hỏi, chàng lần lượt ngốn hết cuốn pháp lệnh này tới cuốn khác, nào pháp lệnh của Théodore, giám mục Hispale, rồi pháp lệnh của Bouchard, giám mục Worms, pháp lệnh của Yves, giám mục Chartres; rồi pháp lệnh của Gratien, tiếp nối với bộ pháp lệnh tập của Charlemagne; rồi tuyển tập của Grégoire IX; rồi thông điệp Super Specula của Honorius III, chàng tìm hiểu, chàng làm quen với cả một thời kỳ của dân luật lẫn giáo luật rộng lớn và hỗn tạp, chúng chống đối nhau và hình thành giữa buổi lộn xộn thời trung cổ, một thời kỳ do giám mục Théodore mở ra năm 618 và giáo hoàng Grégoire chấm dứt năm 1227.

Tiêu hóa xong môn pháp lệnh luật, chàng lao vào y khoa và văn nghệ. Chàng nghiên cứu môn dược thảo, môn thuốc cao. Chàng chuyên trị các bệnh sốt, các loại vết thương, sưng tấy, mụn nhọt. Jacques d'Espars cho chàng đỗ y sĩ vật lý, Richard Hellain cho chàng đỗ y sĩ giải phẫu. Chàng cũng theo học hết các cấp

bậc cử nhân, cao học và tiến sĩ nghệ thuật. Chàng học ngôn ngữ, tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp, tiếng Do Thái, ba yếu địa hồi đó ít ai dám xông vào. Thật là một cơn sốt tiếp thu và tích lũy vốn liếng khoa học. Năm mười tám tuổi, chàng đã hoàn thành bốn khoa đại học. Chàng trẻ tuổi đó hình như cho cuộc đời chỉ có mục đích duy nhất là: kiến thức.

Vào khoảng thời gian đó, mùa hè quá nóng của năm 1466 làm phát sinh bệnh dịch hạch lớn, làm chết hơn bốn chục ngàn nhân mạng ở lãnh địa tử tước Paris, và trong đó, theo lời sử gia Jean de Troye, có "tiên sinh Arnoul, chiêm tinh hoàng gia, một người rất tử tế, khôn ngoan và dễ thương". Khu đại học loang đi tiếng đồn là phố Tirechappe đặc biệt bị bệnh dịch hoành hành nặng nhất. Đó chính là nơi ở của gia đình Claude ngay giữa lãnh địa. Cậu học sinh hốt hoảng chạy vội về nhà. Bước qua cửa, bố và mẹ đã chết từ hôm qua. Một đứa em trai nhỏ xíu mới đẻ còn sống, bị bỏ mặc trong nôi, đang la khóc. Cả gia đình chỉ còn sót lại có thế với Claude. Anh thanh niên bế đứa em, ra đi tư lự. Từ trước tới giờ, chàng chỉ sống trong sách vở, nay bắt đầu sống với cuộc đời.

Tai họa này là một khủng hoảng trong đời sống của Claude. Mồ côi cha mẹ, mười chín tuổi đã là anh cả, làm chủ gia đình, chàng đột ngột bị lôi tuột ra khỏi mơ mộng học đường để rơi xuống thực tế đời sống. Thành ra, lòng đầy thương cảm, chàng đem hết say mê và tận tụy dồn cho đứa bé em trai; tình người đó thật là điều kỳ lạ và êm dịu đối với chàng, một người xưa nay chỉ biết yêu mê sách vở.

Tình cảm này phát triển tới mức độ đặc biệt. Ở một tâm hồn tươi mới như vậy, nó như mối tình đầu. Từ nhỏ đã cách biệt với cha mẹ, rất ít khi gần gũi họ, sống thầm kín và gần như giam hãm trong sách vở, trước hết chỉ khao khát có học tập và nghiên cứu, từ trước đến giờ hoàn toàn chú trọng có mỗi trí thông minh, nó càng phát triển trong khoa học, và trí tưởng tượng, nó càng mở rộng trong văn học, gã học trò tội nghiệp chưa có thời giờ cảm thấy vị trí của trái tim.

Chú em trai mất cha mất mẹ, thằng nhỏ đó, đột nhiên từ trên trời rơi vào tay, biến chàng thành con người khác. Chàng chợt thấy còn bao thú khác trên đời, ngoài những lý luận ở Sorbonne và câu thơ của Homerus, thấy con người cần yêu thương, cuộc sống không có tình thương và tình yêu chỉ là một bộ máy khô dầu, cót két và chói tai; nhưng đang ở vào lứa tuổi chỉ biết thay đổi một ảo tưởng này bằng ảo tưởng khác, chàng lại tưởng chỉ duy nhất cần thiết có tình cảm máu mủ và gia đình, chỉ cần tình yêu em trai là đầy đủ cho cả cuộc đời.

Cho nên chàng bập vào yêu đứa em Jehan với niềm say mê của một cá tính vốn thâm trầm, nồng nhiệt, tập trung. Đứa bé tội nghiệp yếu đuối, xinh xắn, hồng hào, tóc hung và quăn, đứa em mồ côi không nơi nương tựa nào khác ngoài đứa anh mồ côi, làm chàng xáo động hết tâm tư; vốn hay tư lự, chàng lo nghĩ về Jehan với lòng xót thương vô hạn. Chàng chăm sóc, chăm nom nó như đối với một vật hết sức mỏng manh và nương nhẹ. Đối với đứa trẻ, chàng còn hơn một người anh, mà trở thành người mẹ.

Chú bé Jehan chết mẹ khi còn bú. Claude gửi nó cho bà vú nuôi. Ngoài thái ấp Tirechappe, chàng còn thừa hưởng của gia đình bên nội thái ấp Moulin, thuộc khu vực tháp vuông Gentilly. Ấp Moulin là một cối xay dựng trên đồi, gần lâu đài Winchestre (Bicêtre). Ở đó có bà thợ xay đang nuôi đứa con bụ bẫm; nơi này lại không xa Khu đại học. Claude ẵm bé Jehan tới đó gửi nuôi.

Từ đó, cảm thấy phải đèo bòng thêm gánh nặng, chàng sống rất nghiêm túc. Việc chăm lo đứa em không phải chỉ là trò giải trí mà còn trở thành mục đích của học tập. Chàng quyết tâm hiến mình trọn vẹn cho một tương lai được Chúa chứng giám, và ngoài hạnh phúc cùng tiền đồ của chú em, chàng sẽ không bao giờ có vợ con nào khác. Cho nên hơn bao giờ hết, chàng càng gắn chặt với cái nghiệp tu hành. Tư cách, kiến thức, địa vị cận thần đối với giám mục Paris, khiến các cánh cửa giáo hội mở rộng trước mắt chàng. Hai mươi tuổi, do lệnh đặc miễn của đức giáo hoàng chàng trở thành linh mục và được cử làm thầy tư

tế trẻ nhất ở nhà thờ Đức Bà, giáo đường mang danh *altare pigrorum** vì ở đó làm lễ muộn nhất.

Ở nhà thờ Đức Bà, càng vùi đầu thêm vào sách vở thân yêu, chỉ rời ra khoảng một giờ để chạy tới ấp Moulin, chàng nhanh chóng được cả tu viện kính trọng và khâm phục vì kiến thức lẫn lối sống khắc khổ, vốn hiếm thấy vào tuổi này. Từ tu viện, danh tiếng bác học của chàng lan ra ngoài dân chúng; theo thói thường hồi đó, dân chúng dễ biến tiếng tăm bác học thành tiếng tăm phù thủy.

Hôm ngày lễ Quasimodo, đúng lúc chàng vừa làm lễ xong ở bàn thờ của bọn lười, nơi đó ở ngay cạnh cửa của dân hát thánh ca sát liền với chính điện mé tay phải, gần tượng Đức mẹ đồng trinh, chàng chợt chú ý tới đám đông bà già đang léo nhéo quanh chiếc giường trẻ vô thừa nhận.

Chàng liền đến gần đứa nhỏ khốn nạn đang bị ghét bỏ và hăm dọa. Cảnh cùng cực, hình thù quái gở, sự ruồng bỏ, nỗi lo lắng cho chú em, ý tưởng kỳ quái đột nhiên nảy ra trong óc là nếu mình chết, chú em Jehan thân yêu cũng rất có thể bị vứt bỏ khốn khổ trên chiếc giường đặt trẻ vô thừa nhận, mọi cái đó cùng lúc ập vào tâm tư; chàng liền thấy cảm thương vô hạn và bế đứa trẻ đi.

Lúc nhấc thằng bé ra khỏi bao tải, chàng thấy nó quả thực dị tướng. Thằng quỷ con tội nghiệp có mụn cóc trên mắt trái, cổ rụt, xương sống cong queo, xương ức nhô ra, chân khoèo; nhưng coi nó khỏe mạnh; tuy không hiểu nó bi bô thứ ngôn ngữ gì, nhưng tiếng hét tỏ ra đầy sức lực, khỏe khoắn, Claude thấy nó xấu xí càng thêm thương; vì yêu quý em trai, chàng tâm nguyện sẽ nuôi thằng bé này, để mai sau, dù chú Jehan có phạm lỗi lầm gì cũng sẽ được chuộc lại bằng công việc từ thiện này, do chàng làm vì cậu em. Đó cũng là thứ đầu tư bằng nghĩa cử, được thực hiện vì chú em; đây là món hàng từ thiện chàng muốn tích trữ sẵn, phòng một ngày kia, gặp lúc cậu em túng thiếu, có thể đem loại tiền duy nhất này ra để trả suất quá giang nhập cảnh thiên đường.

Chàng làm lễ rửa tội cho đứa con nuôi và đặt tên là *Quasimodo*, muốn qua đó

ghi nhớ cái ngày gặp thằng bé, hoặc giả muốn dùng tên đó để chỉ rõ tất cả đặc điểm, thiếu sót và quái dị bẩm sinh của đứa nhỏ tội nghiệp. Thật thế, Quasimodo chột mắt, gù lưng, chân khèo, chỉ là một thứ *gần đủ*.

III
IMMANIS PECORIS CUSTOS IMMANIOR IPSE*

Đến năm 1482, Quasimodo thế là đã lớn. Từ vài năm nay, nó trở thành gã kéo chuông của nhà thờ Đức Bà, nhờ công cha nuôi Claude Frollo, ông này đã làm tới phó chủ giáo ở Josas, nhờ ơn bề trên là ngài Louis de Beaumont, giữ chức giám mục Paris vào năm 1472, sau khi Guillaume Chartier từ trần, nhờ ở quan thầy là Olivier Con Hoẵng, đội ơn Chúa vốn là thợ cạo của vua Louis XI.

Thế là Quasimodo trở thành người kéo chuông của nhà thờ Đức Bà.

Thời gian trôi qua đã tạo nên mối dây hết sức mật thiết nối liền gã kéo chuông với nhà thờ. Vĩnh viễn bị ngăn cách với thế giới bên ngoài bởi hai tai họa là sinh ra vô thừa nhận và hình thù quái dị, từ nhỏ bị giam hãm trong hai vòng tròn không thể vượt qua đó, gã khốn khổ đã quen không nhìn thấy gì hết trong đời sống ở bên ngoài dãy tường nhà thờ luôn trùm bóng râm che chở nó. Tùy theo mỗi tuổi nó lớn lên và trưởng thành, nhà thờ Đức Bà đối với nó lần lượt là vỏ trứng, cái tổ, căn nhà, tổ quốc, vũ trụ.

Chắc chắn đã có một thứ hòa hợp bí hiểm và kiên quyết giữa con người đó cùng tòa nhà thờ. Hồi còn bé tí nó đã lê la vặn vẹo và nhảy chồm chồm dưới vòm mái âm u, với khuôn mặt người và tay chân thú vật, nó giống con vật bò sát tự nhiên trên nền đá lát ẩm và u tối, mà những đỉnh cột kiểu roman hắt bóng xuống thành bao hình thù kỳ quái.

Sau đó, khi lần đầu nó bất giác níu lấy sợi dây thừng trên tháp, rồi đánh đu lên và làm rung chuông, Claude, ông bố nuôi, thấy việc đó giống như kết quả của một đứa trẻ đã biết mở miệng và tập nói.

Cứ thế, dần dà, nó luôn luôn phát triển theo ý hướng của giáo đường, nó sống ở đó, ngủ tại đó, hầu như không bao giờ ra ngoài, suốt ngày chịu đựng một áp lực bí hiểm, nó trở nên giống hệt tòa nhà thờ, gắn chặt vào đó, và có thể nói dính liền như một bộ phận của tòa nhà. Xin phép được dùng hình ảnh là các góc lồi của nó khớp với các góc lõm của nhà thờ và nó không chỉ là kẻ trú ngụ, mà nó là nội dung tự nhiên của tòa nhà. Hầu như có thể nói, nó khuôn theo hình dáng tòa nhà, như con ốc sên uốn theo hình cái vỏ. Đó là nơi trú ẩn, cái hang lỗ, cái vỏ của nó. Giữa nó và ngôi nhà thờ cổ có một mối đồng cảm tự nhiên rất sâu sắc, với bao tương quan từ lực, bao tương quan vật chất, khiến nó dính chặt vào nhà thờ như con rùa dính chặt vào mai. Tòa thánh đường gồ ghề là vỏ cứng của nó.

Tưởng cũng không lưu ý trước bạn đọc là đừng nên hiểu theo nghĩa đen chữ các hình ảnh mà tác giả buộc phải dùng ở đây, để diễn tả sự ngẫu hợp kỳ lạ, cân xứng, tức khắc, hầu như đồng nhất giữa con người và tòa nhà. Cũng chẳng cần nói tới mức độ hiểu biết kỹ càng của nó đối với toàn bộ ngôi nhà thờ, trải qua một thời gian chung sống lâu dài và thân thiết như vậy. Chỗ ở này là riêng của nó. Không có ngóc ngách nào Quasimodo không chui vào, chẳng có nơi cao tít nào nó chưa leo tới. Đã nhiều lần, nó trèo lên mặt tiền nhiều tầng mà chỉ cần bám vào các mấu điêu khắc nhô ra. Các tháp chuông mà người ta thường thấy nó bám ở bên ngoài, trèo lên như con thằn lằn leo tường thẳng đứng, hai tháp chuông sóng đôi khổng lồ, rất cao, rất nguy hiểm và đáng sợ, chẳng hề làm nó chóng mặt ghê hãi, lẩy bẩy choáng váng; cứ trông các tòa tháp thật ngoan ngoãn dưới bàn tay nó, rất dễ leo trèo, ta có cảm tưởng nó đã chế ngự được tòa tháp. Nhảy nhót, leo trèo, nô giỡn mãi như vậy giữa các vực thẳm của tòa giáo đường khổng lồ, nó hầu như biến thành khỉ và sơn dương, như trẻ con vùng biển Calabrai biết bơi trước khi biết đi, còn nhỏ xíu đã đùa với sóng biển.

Hơn nữa, không chỉ thân thể, mà cả tinh thần của nó hình như cũng được cấu

tạo rập khuôn theo nhà thờ. Tâm hồn nó ở vào trạng thái nào, uốn theo nếp quen nào, biểu lộ dưới dạng thức nào qua cái vỏ dị dạng của cuộc sống bán khai, đó là điều rất khó khẳng định. Quasimodo sinh ra đã chột mắt, gù lưng, khoèo chân, Claude Frollo đã kiên nhẫn gắng công gắng sức mới dạy được nó biết nói. Nhưng oan nghiệt vẫn bám chặt lấy đứa con hoang tội nghiệp. Kéo chuông tại nhà thờ Đức Bà từ năm mười bốn tuổi, nó bị thêm một tật nguyền mới giáng xuống, để hoàn tất nỗi đau khổ; tiếng chuông đã làm thủng màng tai, nó bị điếc. Cánh cửa duy nhất mà tạo hóa vẫn còn mở rộng để nó tiếp xúc với ngoại giới, đột nhiên đóng lại vĩnh viễn.

Cánh cửa đóng lại ngăn chặn nốt tia ánh sáng và vui sướng duy nhất còn len lỏi được vào tâm hồn Quasimodo. Tâm hồn đó liền rơi vào đêm tối dày đặc. Nỗi buồn, cũng như tật nguyền của gã khốn khổ, thế là trọn vẹn, không sao chữa nổi. Hơn nữa, tật điếc còn làm cho nó hầu như câm. Vì, để khỏi làm trò cười cho kẻ khác, từ lúc biết mình bị điếc, nó kiên quyết nín lặng, chỉ thỉnh thoảng hé miệng khi có độc một mình. Nó cố tình không nói, làm Claude Frollo mất bao công phu mới khiến nó mở mồm. Do đó dẫn tới tình trạng mỗi khi bắt buộc phải cất lời, miệng lưỡi nó thật lóng ngóng, vụng về, như cái cửa đã gỉ mất bản lề.

Nếu bây giờ ta thử len lỏi vào tâm hồn Quasimodo qua lần vỏ dày và cứng đó; nếu ta dò mỗi chiều sâu của cơ cấu hư hỏng đó; nếu ta có dịp soi đuốc ngó qua các bộ phận đục mờ đó, khám phá phần bên trong tăm tối của sinh vật mờ đục đó, soi sáng các ngõ ngách u ám, các hẻm cụt phi lý và đột nhiên rọi một ánh sáng chói lọi lên linh hồn bị trói buộc dưới đáy cái hang động đó, chắc chúng ta sẽ thấy linh hồn khốn khổ này ở trong một tình trạng nghèo nàn, cằn cỗi và còi cọc như tội nhân ở nhà tù Venice, gục xuống chết giả trong cái hộp bằng đá quá thấp và quá hẹp.

Chắc chắn tinh thần cũng ốm yếu trong một thân thể tàn tật. Quasimodo mơ hồ cảm thấy trong con người nó đang mù quáng chuyển động một linh hồn cấu

tạo theo hình thể của nó. Cảm giác về mọi đối tượng bị bẻ quéo rất nhiều trước khi tới tư duy. Đầu óc nó là môi trường đặc biệt; các ý nghĩ xuyên qua đã thoát ra đều trở thành méo mó. Cảm nghĩ xuất phát từ sự bẻ queo như vậy, tất nhiên phải ngang ngược và sai lạc.

Từ đó nảy sinh trăm ngàn ảo tưởng thị giác, trăm ngàn phán đoán hàm hồ, trăm ngàn ý nghĩ lông bông lầm lạc, lúc điên dại, lúc ngu ngốc.

Hậu quả đầu tiên của cơ cấu tai hại này là làm rối loạn con mắt nhìn sự vật. Hầu như không có cảm quan thu nhận tức khắc nào cả. Thế giới bên ngoài, đối với nó, hình như xa xôi hơn nhiều so với mọi người.

Hậu quả thứ hai của nỗi bất hạnh là nó trở thành độc ác.

Thật vậy, nó độc ác vì nó man rợ; nó man rợ vì nó xấu xí. Trong bản chất nó, cũng có sự sắp đặt hợp lý, như ở chúng ta.

Sức lực nó phát triển đến kỳ lạ là một nguyên nhân nữa của tính độc ác. *Malus puer robustus**, như triết gia Hobbe từng nói.

Tuy nhiên, cứ công bằng mà nói, có lẽ tính độc ác vốn không phải bẩm sinh ở nó. Từ bước chân đầu tiên đi vào giữa mọi người, nó đã cảm thấy, rồi nhìn thấy, mình bị chửi mắng, hành hạ, xua đuổi. Lời nói của người đời với nó bao giờ cũng chỉ là chế giễu hoặc nguyền rủa. Lớn lên, nó chỉ thấy toàn thù hằn vây bọc chung quanh. Nó chấp nhận. Nó thu thập sự độc ác của mọi người. Nó nhặt lấy thứ vũ khí mà họ đã đả thương nó.

Tóm lại, nó chỉ miễn cưỡng quay mặt lại tiếp xúc với mọi người. Tòa nhà thờ là đủ với nó rồi. Nhà thờ đầy rẫy tượng đá, nào vua chúa, thần thánh, linh mục, ít nhất cũng không cười vào mũi nó và chỉ nhìn nó bằng cặp mắt bình thản và ân cần. Các tượng khác, tượng quái vật và quỷ sứ cũng chẳng thù hằn gì Quasimodo. Về mặt này, nó giống hệt lũ đó. Chúng chế giễu bọn người khác thì đúng hơn. Thần thánh là bạn và ban phước lành cho nó; quái vật cũng là bạn và chở che nó. Cho nên, nó thường than thở rất lâu với các bạn đó. Cho nên, đôi

khi nó ngồi xổm hàng giờ liền trước một pho tượng, một mình trò chuyện với tượng. Nếu có ai chợt đến, nó bỏ chạy như kẻ tình nhân bị bắt gặp đang dạo khúc tình ca.

Nó thấy nhà thờ không chỉ là xã hội, mà còn là vũ trụ, còn là toàn bộ thiên nhiên. Nó không mơ ước rặng cây bên đường nào khác ngoài các khung cửa kính luôn luôn vẽ hoa, không mơ bóng râm nào khác ngoài vòm lá bằng đá đầy chim chóc, xum xuê tỏa rộng trên đỉnh dãy cột kiểu Saxons, không mơ núi non nào khác ngoài dãy tháp khổng lồ của nhà thờ, không mơ biển cả nào khác ngoài Paris đang rì rầm dưới chân tòa tháp.

Cái nó yêu thương nhất trong tòa nhà mẫu tử, cái làm thức tỉnh tâm hồn nó và mở rộng đôi cánh tội nghiệp mà tâm hồn vẫn giữ gìn khép nép khổ sở trong hang động, cái làm nó đôi khi sung sướng, đó là các quả chuông. Nó yêu mến, vuốt ve, trò chuyện, thông cảm với chúng. Nó yêu thương tất cả, từ chuông nhỏ trên tháp nhọn tới chuông lớn trên cổng chính. Gác chuông nhỏ, cũng như hai tòa tháp, đối với nó là ba cái lồng lớn nhốt bầy chim do nó nuôi và chỉ hót cho nó nghe. Mặc dù chính các chuông đó đã làm nó điếc, nhưng bà mẹ thường lại yêu hơn đứa con nào từng làm khổ mình nhất.

Quả thực bây giờ nó chỉ còn nghe được các tiếng chuông thôi. Với tư cách đó, quả chuông lớn được nó yêu thương hơn cả. Nó thích nhất quả chuông đó trong đám con gái ồn áo, tung tăng quanh nó những ngày hội. Quả chuông lớn mang tên Marie. Nó chỉ có một mình trong tòa tháp phía nam cùng cô em Jacqueline nhỏ bé hơn, nhốt trong cái lồng nhỏ bé hơn cạnh đó. Chuông sở dĩ mang tên Jacqueline, vì đó là tên bà vợ của Jean de Montagu, người đã cúng chuông cho nhà thờ, nhưng không vì thế mà tránh khỏi rơi đầu ở Montfaucon. Trong tháp thứ hai có sáu chuông khác, và cuối cùng còn sáu chuông nhỏ nhất ở trên gác chuông nhỏ cùng quả chuông gỗ, chỉ đánh lên từ chiều thứ năm giải tội tới sáng ngày trước lễ Phục sinh. Như vậy Quasimodo có một hậu cung mười

lăm quả chuông, nhưng chuông lớn Marie được sủng ái nhất.

Khó tưởng tượng nổi niềm vui của nó vào những ngày chuông gióng vang lừng. Lúc phó chủ giáo thả nó ra và bảo: Đi đi! Nó liền leo lên thang cuốn các gác chuông, còn nhanh hơn kẻ khác chạy xuống. Nó hổn ha hổn hển lao vào gian phòng chót vót treo chiếc chuông lớn, nó kính cẩn và yêu thương ngắm nhìn quả chuông một lát; rồi nó dịu dàng trò chuyện với chuông, đưa tay vuốt ve như với con tuấn mã sắp chạy chặng đường dài. Nó than vãn cho sự vất vả sắp tới của chuông. Xong những vuốt ve ban đầu, nó bảo bọn phụ việc đứng ở tầng dưới tòa tháp bắt đầu. Bọn này đu mình vào dây chuông, ống cuốn dây kêu rít và cái vỏ kim khí khổng lồ từ từ chuyển động. Quasimodo hồi hộp nhìn theo. Tiếng va chạm đầu tiên giữa quả lắc và vỏ đồng làm rung chuyển cả giá gỗ treo chuông. Quasimodo run rẩy cùng chuông. A ha! Nó reo lên, cười vang khoái trá. Rồi nhịp chuông mau hơn, đà chuông càng bay bổng hơn, con mắt Quasimodo càng mở to hơn, lóe ánh lân tinh và lửa đỏ. Cuối cùng, chuông bắt đầu đổ hồi rộn rã, cả tòa tháp rung lên, cùng với kèo gỗ, lá chì, đá tảng, tất cả cùng lúc gầm vang, từ cột móng tới vòm mái hình cỏ ba lá. Quasimodo liền sùi hết bọt mép, đi đi lại lại, từ chân tới đầu cùng run rẩy theo tòa tháp Quả chuông mặc sức hùng hổ, lần lượt há mõm đồng với hai vách tháp, phả ra luồng gió bão táp cách xa bốn dặm còn nghe thấy. Quasimodo đứng trước cái mõm há hốc đó; nó thụp xuống, rướn lên theo nhịp chuông qua lại, nó hít thở luồng gió cuốn tung, lần lượt hết ngó xuống quảng trường sâu thẳm đông người ở dưới chân hắn hai trăm bộ, lại nhìn chiếc lưỡi đồng khổng lồ từng giây tới thét vào tai nó. Đó là lời nói duy nhất nó nghe được, tiếng động duy nhất làm xáo động sự im lặng mênh mông trong nó. Người nó nở nang trong tiếng chuông như con chim tắm nắng. Đột nhiên, tiếng chuông cuồng loạn nhập vào nó; mắt nó ánh lên kỳ dị; nó đợi tiếng chuông ập tới như con nhện chờ ruồi, rồi bất thần lao mình nhảy bổ tới. Thế là, treo mình trên vực thẳm, lao theo nhịp chuông đu bổng tít, nó nắm lấy hai tai con quái vật bằng đồng, đầu gối kẹp chặt, gót chân thúc như thúc ngựa.

Đem hết áp lực và sức nặng thân mình làm tăng thêm đà chuông rung cuồng nộ. Trong khi đó, tòa tháp lay động, còn nó thét lên, nghiến răng kèn kẹt, mái tóc đỏ hoe dựng đứng, ngực thở phì phò như bễ lò rèn, mắt tóe lửa, quả chuông quái gở đang cười hổn hển hí lên và lúc đó, không còn là hồi chuông nhà thờ Đức Bà, không còn là Quasimodo nữa, chỉ còn là một giấc mơ, một cơn lốc, một trận bão; là choáng váng cưỡi lên tiếng động, là linh hồn bám trên lưng ngựa bay; là quái vật kỳ dị nửa người nửa chuông; là một Astolphe* kinh khủng phóng trên con thần mã kỳ diệu bằng đồng và sống động.

Sự hiện diện của con người kỳ quái này thổi khắp giáo đường một luồng sinh khí lạ lùng. Cứ theo lời đồn mê tín phóng đại của dân chúng, tưởng như chính nó toát ra một luồng khí thần bí làm sống dậy mọi khối đá của giáo đường và làm rung động các hầm sâu của ngôi nhà thờ cổ. Chỉ cần biết có nó ở đó là tưởng như trông thấy trăm ngàn pho tượng trên hành lang và cổng chính đang sống và hoạt động. Mà quả thực, tòa nhà thờ giống như một sinh vật ngoan ngoãn, biết nghe lời nó; tòa nhà đợi lệnh nó mới cất to tiếng; Quasimodo như ông thần bếp ám ảnh và ngự trị khắp ngôi nhà. Có thể nói chính nó khiến tòa nhà đồ sộ hô hấp. Đúng là nó có mặt khắp nơi, nó phân thân ra khắp các xó xỉnh trong nhà. Lúc thì mọi người kinh hoàng nhìn thấy chót vót trên nóc tháp một gã lùn kỳ quái đang leo trèo, bò ngoằn ngoèo bằng tứ chi, luồn ra bên ngoài tụt xuống vực thẳm, đu từ mô đá này sang mô đá khác và chui tọt vào lục lọi bên trong một cây san hô bằng đá tạc; đó là Quasimodo đi kiếm tổ quạ. Lúc lại đụng phải một thứ quái vật sống, ngồi xổm và cau có trong một góc thánh đường tối om; đó là Quasimodo đang tư lự. Khi chợt thấy dưới gác chuông một cái đầu to tướng và một mớ tay chân lủng củng đang hùng hổ đánh đu ở đầu sợi dây thừng; đó là Quasimodo kéo chuông vào buổi lễ chầu hoặc buổi lễ văn. Ban đêm, thường thấy một bóng ma quái đản thất thểu trên dãy lan can mỏng manh trổ hình thêu ren, chạy viền nóc tháp và bao quanh hậu cung thánh đường; lại vẫn thằng gù nhà thờ Đức Bà. Thế là theo lời các bà ở quanh khu đó, khắp tòa

nhà thờ bỗng có vẻ kỳ quái, dị thường, khủng khiếp; đây đó hiện lên những mắt mở trừng, mồm há hốc; rồi tiếng chó sủa, nào mãng xà, kỳ lân bằng đá vươn cổ há mõm suốt ngày đêm canh gác quanh tòa nhà thờ khổng lồ, nếu lại là đêm Giáng sinh, trong khi quả chuông lớn như rên rỉ kêu gọi tín đồ tới dự buổi lễ rực sáng nửa đêm, mặt tiền âm u của nhà thờ bỗng bao phủ một không khí khiến ta có cảm tưởng chiếc cổng lớn đang nuốt đám đông, còn ở cửa hoa thị đang nhìn họ. Mà mọi cái đó đều do sự có mặt của Quasimodo. Nếu ở Ai Cập, người ta đã coi nó là thần linh của ngôi đền; thời trung cổ cho nó là quỷ sứ; thực ra nó là linh hồn nhà thờ Đức Bà.

Đến độ mà những ai từng biết có Quasimodo đã sống ở đó, sẽ thấy nhà thờ Đức Bà, giờ đây sao mà hoang vắng, thê lương, chết chóc. Như có cái gì đó đã tiêu vong. Thân xác đồ sộ nay trống rỗng, chỉ còn bộ xương; linh hồn rời đi rồi, chỉ còn lại vị trí cũ của nó, có thế thôi. Như chiếc sọ người, trên đó vẫn còn hai lỗ của đôi mắt, nhưng đã mất vẻ nhìn.

IV
CON CHÓ VÀ CHỦ NÓ

Tuy nhiên, có một nhân vật mà Quasimodo đặt riêng ra ngoài mối thù hận và tính độc ác của nó đối với mọi người, một nhân vật nó yêu thương rất mực, có khi còn hơn cả ngôi nhà thờ: đó là Claude Frollo.

Chuyện cũng đơn giản thôi. Claude Frollo đã đưa nó về, nhận làm con, rồi nuôi nấng, dạy bảo. Còn bé tí, nó đã quen níu chân Claude Frollo để trốn lũ trẻ và đàn chó sủa cắn đuổi nó. Claude Frollo dạy nó nói, đọc, viết. Cuối cùng Claude Frollo còn cho nó làm gã kéo chuông. Mà đem cái chuông lớn gả cho Quasimodo, tức là đem Juliette gả cho Roméo.

Cho nên lòng biết ơn của Quasimodo thật sâu xa, say đắm, vô bờ, và mặc dù vẻ mặt cha nuôi luôn u ám, nghiêm khắc, lời nói thường cộc lốc, nghiệt ngã, hách dịch, lòng biết ơn đó không hề suy suyển giây phút nào. Quasimodo là tên nô lệ phục tùng nhất, gã đầy tớ ngoan ngoãn nhất, con chó tinh nhanh nhất của phó chủ giáo. Khi gã kéo chuông khốn khổ bị điếc, hắn và Claude Frollo liền tạo ra một thứ ngôn ngữ điệu bộ, bí hiểm, chỉ hai người hiểu với nhau. Do đó, phó chủ giáo là con người duy nhất Quasimodo còn giao thiệp được. Trên đời này, nó chỉ còn tiếp xúc với hai thứ, nhà thờ Đức Bà và Claude Frollo.

Không có gì go sánh nổi uy quyền của phó chủ giáo đối với gã kéo chuông hoặc sự tận tụy của gã kéo chuông với phó chủ giáo. Chỉ cần Claude ra hiệu và Quasimodo có ý muốn làm vừa lòng ông ta là nó sẵn sàng nhảy ngay từ ngọn tháp nhà thờ Đức Bà xuống đất. Quả là một điều đáng chú ý về tất cả sức mạnh thể lực đó, nó phát triển tới mức hết sức phi thường ở Quasimodo và được mù quáng trao vào tay kẻ khác sử dụng. Trong đó rõ ràng có lòng tận tâm của người

con và tình quyến luyến của đầy tớ; cả sự mê hoặc một linh hồn bởi một linh hồn khác. Đó là một thể chất hèn kém, vụng về và ngượng ngập đang cúi đầu, ngước mắt van lơn trước một trí tuệ sâu sắc, mãnh liệt và siêu việt. Sau hết và trên hết là lòng biết ơn. Một lòng biết ơn được đẩy tới giới hạn tột cùng, khiến ta không còn biết so sánh với gì. Đức tính này không thuộc loại có những chứng minh tốt đẹp nhất ở con người Cho nên có thể nói Quasimodo yêu phó chủ giáo hơn bất cứ con chó, con ngựa, con voi nào từng yêu chủ nó.

V
TIẾP THEO CHUYỆN CLAUDE FROLLO

Năm 1482, Quasimodo tuổi trạc hai mươi, còn Claude Frollo khoảng ba mươi sáu: người lớn lên, kẻ già đi.

Claude Frollo không còn là cậu học sinh tầm thường của trường trung học Torchi, người đỡ đầu hiền dịu cho một đứa nhỏ, chàng triết gia trẻ tuổi và mơ mộng biết rất nhiều và cũng nhiều điều không biết. Đó là một tu sĩ khắc khổ, nghiêm nghị cau có; một kẻ chăm lo phần hồn; vị phó chủ giáo ở Josas, tay chân thứ hai của giám mục, gánh vác việc cai quản hai địa phận Montlhéry và Châteaufort cùng một trăm bảy mươi tư cha xứ nông thôn. Đó là một nhân vật bệ vệ, âm thầm, khiến lũ trẻ hát thánh ca mặc áo trắng và áo lễ, các giáo sĩ và thầy dòng ở Saint-Augustin, các giáo sinh thần tụng ở nhà thờ Đức Bà phải run sợ mỗi khi ông ta thong thả đi qua dưới vòm mái hình cung nhọn cao vút nơi chính điện, uy nghiêm, trầm mặc, hai tay khoanh lại và đầu cúi gục trước ngực, cả khuôn mặt chỉ còn trông thấy cái trán hơi cao.

Tuy vậy, đức cha Claude Frollo vẫn không ngừng học tập và chăm lo việc giáo dục cậu em nhỏ, hai việc của đời ông. Nhưng cùng với thời gian, đôi chút cay đắng đã xen vào những chuyện dịu ngọt đó. Như sử gia Paul Diacre từng nói, để lâu ngày, mỡ ngon nhất cũng có mùi. Thằng bé Jehan Frollo biệt hiệu *Cối Xay*, mang tên nơi nó được nuôi nấng, không lớn lên theo ý hướng của Claude định sẵn. Ông anh hy vọng em mình sẽ là học sinh mộ đạo, ngoan ngoãn, giỏi giang, vẻ vang. Nhưng đứa em lại giống cái cây non đánh lừa sự cố gắng của người làm vườn và khăng khăng chỉ quay về phía có không khí và ánh nắng ập tới, đứa em chỉ lớn lên, xum xuê, mọc toàn cành lá tươi tốt, um tùm, về

phía lười biếng, ngu dốt và điếm đàng. Đúng là thứ quỷ sứ, rất bừa bãi, làm đức cha Claude phải cau mày, nhưng nó cũng rất vui vẻ và tế nhị làm ông anh phải mỉm cười. Claude gởi em tới học cùng trường trung học Torchi, nơi ông đã học tập và nghiền ngẫm vào những năm còn trẻ; ông đau lòng thấy học đường này, xưa kia từng treo gương tên họ Frollo, nay lại ghê sợ cũng cái tên họ đó. Đôi khi ông trách mắng Giăng rất nghiêm khắc và rất lâu, còn cậu em gắng ngồi nghe. Dù sao, thằng bé hư hỏng cũng có lòng tốt, như thường thấy trong mọi tấn hài kịch. Nhưng mắng mỏ xong, nó vẫn chứng nào tật ấy, tiếp tục nghịch ngợm, phá phách. Khi thì nó nghênh tiếp bằng cách trêu chọc một chú *lính tò tê* (tên gọi bọn vừa mới tới Khu đại học); đó là truyền thống quý báu còn được trân trọng giữ mãi tới ngày nay. Lúc nó lại cầm đầu một lũ học trò xông vào quán rượu theo cách cổ điển, *quasi classico excitati** rồi "múa gậy tấn công" phang chủ quán và vui nhộn cướp phá, đập vỡ cả đấu đong rượu dưới hầm. Sau đó là tờ trình văn vẻ bằng tiếng Latinh do viên phụ giáo trường Torchi lật đật mang đến cho đức cha Claude với lời phê đau đớn: "*Rixa, prima causa vinum optimum potatum**. Cuối cùng thật ghê tởm đối với một đứa trẻ mười sáu tuổi khi họ nói rất nhiều lần nó còn quá trớn tới chơi bời tận dưới phố Glatigny.

Rốt cục, đau khổ và thất vọng vì chuyện tình cảm thế gian, Claude càng hăng say lao mình vào vòng tay khoa học, cô em ít nhất cũng không cười vào mũi ta và bao giờ cũng trả công ta chăm sóc, mặc dù đồng tiền đôi khi hơi rỗng. Cho nên, ông ta ngày càng thêm thông thái và đồng thời, như một hậu quả tất nhiên, ngày càng thêm cứng rắn ở cương vị linh mục, ngày càng thêm buồn bã ở cương vị con người. Ở mỗi người chúng ta đều có ít nhiều sự song hành giữa trí tuệ, tập quán và tính cách. Chúng phát triển không ngừng và chỉ đứt đoạn ở các bước ngoặt lớn đường đời.

Vì Claude Frollo, từ thời niên thiếu đã đi qua gần hết cái vòng tròn của những kiến thức nhân bản thực nghiệm, hình thức và hợp pháp, cho nên ông

buộc phải đi xa hơn nữa, trừ phi muốn dừng lại *ubi defuit orbis** và tìm thêm thức ăn mới cho hoạt động không hề thỏa mãn trí tuệ của mình. Biểu tượng cổ xưa con rắn cắn đuôi thích hợp nhất với khoa học. Hình như Claude Frollo đã trải qua điều đó. Nhiều kẻ đứng đắn, cam đoan sau khi tận thu phần *fas* của kiến thức nhân loại ông ta dám thâm nhập vào cõi *nefas**. Họ nói ông lần lượt nếm hết mọi quả táo trên cây trí tuệ, rồi cuối cùng cắn cả vào trái cấm, chẳng hiểu vì đói hay vì chán ngán. Như bạn đọc đã thấy, ông ta, đã từng lần lượt tham dự các hội thảo của những nhà mỹ thuật học noi gương Saint-Hilaire, các cuộc tranh luận của những nhà nghiên cứu thư tín giáo hoàng noi gương Saint-Martin, các hội đầm của những nhà y học tin vào nước thánh ở nhà thờ Đức Bà, *ad cupam Nostrae Dominae** tất cả các món ăn hợp pháp và hợp lệ mà bốn nhà bếp lớn, mệnh danh bốn đại học phân khoa, có thể nấu nướng và bưng mời trí tuệ, ông ta đã ngốn hết và chán ngấy trước khi nguôi cơn đói; cho nên ông càng đào thêm về phía trước, thấp hơn, bên dưới mọi khoa học hoàn tất, vật chất, hạn chế đó: có lẽ ông đã liều thử thách cả linh hồn mình và ngồi vào hang động trước cái bàn bí mật của các thuật sĩ luyện đan, các nhà chiêm tinh, nhà điểm kim mà Averroë, Guillaume de Paris và Nicolas Flamel cầm đầu vào thời trung cổ, nó còn lan tràn sang phương Đông, dưới ánh sáng chiếc giá nến bảy ngọn, cho tới Solomon, Pythagore và Zoroastre.

Ít nhất đó cũng là điều người ta phỏng đoán, dù đúng hay sai.

Có điều chắc chắn phó chủ giáo thường hay tới thăm nghĩa địa Saint-Innocent, đã đành đó là nơi chôn cất bố mẹ ông cùng các nạn nhân khác của trận dịch hạch năm 1466; nhưng xem ra ông hâm mộ các cây thập tự trên mộ song thân ít hơn nhiều so với các hình thù kỳ quái trên phần mộ của Nicolas Flamel và bà vợ Claude Pernelle, xây ngay cạnh.

Có điều chắc chắn người ta thường thấy ông đi dọc đường Lombard và lén lút bước vào căn nhà nhỏ ở góc phố Văn sĩ và phố Marivault. Căn nhà này do

Nicolas Flamel xây, rồi chết ở đó vào năm 1417, từ bấy đến nay vẫn bỏ hoang, giờ bắt đầu sụp đổ, do bọn điểm kim và bọn luyện đan ở mọi nước đã làm hỏng tường chỉ vì khắc tên vào đó. Thậm chí vài kẻ láng giềng còn cam đoan một lần nhìn qua cửa sổ hầm nhà, họ thấy phó chủ giáo Claude đào, bới, xúc đất ở dưới hai căn nhà hầm mà trên cột chống nguệch ngoạc do chính Nicolas Flamel tự tay viết. Họ đoán Flamel chôn hòn đá điểm kim dưới hầm đó và suốt hai thế kỷ, từ Magistri tới cha Pacifique, bọn điểm kim vẫn không ngớt đào bới nền đất, cho tới khi căn nhà bị moi móc, sục sạo kinh khủng, cuối cùng biến thành tro bụi dưới chân họ.

Còn điều chắc chắn nữa là phó chủ giáo say mê một cách lạ lùng cái cánh cổng tượng trưng của nhà thờ Đức Bà, một thứ trang sách cúng của phù thủy viết bằng đá bởi giám mục Guillaume de Paris, ông này chắc bị đày địa ngục vì tội đã treo một tiêu đề hiểm độc như vậy trên bài thơ thần thánh mà phần còn lại của tòa nhà thờ vĩnh viễn hát ca. Phó chủ giáo Claude cũng mang tiếng đã tìm hiểu tỉ mỉ pho tượng khổng lồ của thánh Christophe và bức tượng đài bí hiểm hồi đó dựng ngay trước cổng sân nhà thờ mà dân chúng nhạo báng gọi là *Monsieur Legris*. Nhưng điều mọi người đều công nhận nhìn thấy, đó là những giờ dài dặc ông thường ngồi trên lan can sân thượng nhà thờ để ngắm dãy điêu khắc tạc trên cổng thành, khi quan sát các trinh nữ điên rồ với cây đèn lộn ngược, lúc nhìn các trinh nữ khôn ngoan với cây đèn thẳng đứng; lần khác lại thấy ông tính toán góc độ tia mắt con quạ đứng trên khung cửa phía tay trái nhìn vào một điểm bí mật trong nhà thờ, chắc là nơi giấu hòn đá điểm kim, nếu nó không có ở dưới hầm nhà Nicolas Flamel. Nhân thể xin nói thêm, đấy cũng là số phận đặc biệt của nhà thờ Đức Bà vào hồi đó, khi nó được cả Claude lẫn Quasimodo, hai kẻ dị biệt đến thế, cùng yêu mến ở hai trình độ khác nhau và hết sức sùng bái: được quý mến vì vẻ đẹp, tầm vóc, nét hài hòa toát ra từ cái toàn thể tráng lệ của tòa nhà bởi một người, một thứ nửa người nửa ngợm sống bằng bản năng và man rợ; được quý mến bởi một kẻ khác, có óc tưởng tượng thông

thái và say mê, vì ý nghĩa, huyền thoại, nội dung nó chứa đựng, vì biểu tượng rải rác sau các điêu khắc ở ngoài mặt tiền, như trên tấm giấy da vẫn ẩn hiện hàng chữ cũ sau khi bị chùi đi để viết hàng chữ mới; tóm lại, vì điều bí hiểm mà nó mãi mãi thách thức trí thông minh con người.

Cuối cùng, có điều chắc chắn phó chủ giáo đã thu xếp cho mình, trên một trong hai tháp nhìn xuống quảng trường Grève, ngay cạnh gian treo chuông, một căn phòng nhỏ rất bí mật, không ai được bước vào, ngay cả đức giám mục nếu không được phép, như lời đồn đại. Căn phòng này xưa kia được xây sát nóc tháp, giữa các tổ quạ, do giám mục Hugo de Besançon*, hồi sinh thời thường hay luyện trò ma quái ở đây. Không ai biết căn phòng chứa đựng những gì: nhưng ban đêm, từ bãi sỏi khu Terrain, qua khung cửa sổ nhỏ sau lưng tháp, người ta thường thấy một ánh lửa hồng, nhấp nháy, kỳ dị, thoắt ẩn thoắt hiện chập chờn theo từng quãng ngắn thời gian đều đặn, như nhịp theo chiếc bể thổi hổn hển và do ngọn lửa hơn là ánh đèn chiếu sáng. Trong bóng tối, ở độ cao đó, ánh lửa gây cảm giác kỳ lạ và mấy mụ đàn bà kháo nhau: Phó chủ giáo đang thổi bể đấy, hỏa ngục đang cháy bập bùng trên đó.

Dù sao, mọi cái đó chưa có gì là bằng chứng rõ rệt về phù thủy; nhưng cũng đủ khói để phỏng chừng có lửa; cho nên phó chủ giáo liền vang danh tên tuổi. Tuy nhiên, chúng tôi cũng phải nhận là các khoa học Ai Cập, các phép chiêu hồn, ảo thuật, dù vô tội và hồn nhiên nhất, đều không có kẻ thù nào quyết liệt, kẻ tố cáo nào thẳng tay, bằng các vị chức sắc ở nhà thờ Đức Bà. Dù ghê tởm thật tình hoặc chơi trò *vừa ăn cướp vừa la làng*, các đầu óc thông thái trong giáo hội vẫn ngang nhiên coi phó chủ giáo như một linh hồn đã lưu lạc tới nơi tiền sảnh của địa ngục, lạc lõng trong ngõ ngách của giáo lý bí mật, mày mò trong đêm tối của khoa học huyền bí. Còn dân chúng cũng không lầm: đối với người sắc sảo đôi chút, Quasimodo là quỷ sứ và Claude Frollo, thầy phù thủy. Rõ ràng gã kéo chuông phải phục vụ phó chủ giáo trong thời gian nào đó, rồi sẽ được đem linh

hồn ông ta đi, như món tiền công được lĩnh. Cho nên, dù sống hết sức khắc khổ, phó chủ giáo vẫn bị đám con chiên mộ đạo coi là nặng mùi khó ngửi; và không có cái mũi mộ đạo nào, dù ít kinh nghiệm nhất, lại không đánh hơi thấy phó chủ giáo là phù thủy.

Tuổi mỗi lúc một cao, nếu kiến thức khoa học của ông đã hình thành những vực thẳm thì ngay cõi lòng cũng vậy. Ít nhất người ta có thể tin chắc điều đó, khi ngắm khuôn mặt chỉ thấy thấp thoáng một linh hồn như ẩn sau đám mây u ám. Tại sao ông ta có vầng trán hói như vậy, cái đầu luôn cúi gằm, lồng ngực luôn phập phồng thở dài? Tư tưởng bí ẩn nào làm ông nhếch mép cười với bao cay đắng, cùng lúc với cặp lông mày nhìn lại gần như đôi bò mộng sắp húc nhau? Tại sao mớ tóc sót lại đã sớm hoa râm? Ngọn lửa nội tâm lúc lóe sáng trong khóe mắt, đến độ con mắt giống như cái lỗ đục bên thành lò lửa, đó là ngọn lửa gì?

Các triệu chứng của mối quan tâm tinh thần mãnh liệt đó đặc biệt đạt tới mức cao căng thẳng, vào lúc xảy ra câu chuyện này. Đã nhiều lần, đứa trẻ hát thánh ca phải sợ hãi bỏ chạy, khi nó gặp ông một mình trong nhà thờ, vì khóe mắt ông quá long lanh quái dị. Đã nhiều lần, giữa chính điện, vào giờ có khóa lễ, người quỳ bên cạnh đã nghe ông thốt ra những lời lẽ thêm thắt mơ hồ xen lẫn vào tiếng hát kinh *ad omnem tonum**. Đã nhiều lần, chị lao công ở khu Terrain nhận "giặt giũ quần áo cho chức sắc tu viện", kinh hãi nhận thấy các vết móng tay và ngón tay quắt lại in trên áo ngoài của ngài phó chủ giáo ở Josas.

Thế mà ông ta còn nghiêm khắc hơn gấp đôi và chưa bao giờ gương mẫu như vậy. Do cương vị và tính nết, ông thường xa lánh đàn bà; nay ông càng thù ghét họ hơn bao giờ hết. Chỉ nghe tiếng áo lụa đàn bà sột soạt, ông đã vội kéo mũ trùm sụp xuống tận mắt. Ông khắt khe về phương diện sống khắc khổ và kín đáo đến mức khăng khăng cấm cả lệnh bà Beaujeu, con gái vua, không được bước vào nhà thờ, trong dịp bà đến thăm tu viện Đức Bà vào tháng chạp năm

1481; ông nhắc lại với giám mục, cái điều luật trong Hắc thư; đề ngày trước hôm lễ thánh Saint-Barthélemy năm 1334, nghiêm cấm mọi phụ nữ không được vào tu viện, “bất kể ai, già hay trẻ, phu nhân hay nàng hầu”. Do đó, đức giám mục buộc phải dẫn chỉ dụ của khâm sai Odo miễn cho một vài bà lớn, *aliquae magnates mulieres, quae sine scandalo evitari non possunt**. Thế mà phó chủ giáo vẫn còn phản đối, vạch ra chỉ dụ của đức khâm sai, ban hành từ năm 1207, có trước cuốn Hắc thư những một trăm bảy năm, do đó đã bị vô hiệu hóa. Và ông từ chối không tiếp kiến công chúa.

Ngoài ra còn thấy ít lâu nay ông càng căm ghét gấp bội bọn đàn bà Ai Cập và Dangari. Ông thỉnh thoảng cầu đức giám mục ban pháp lệnh tuyệt đối cấm bọn đàn bà Bohémienne tới nhảy múa và đánh trống tại quảng trường sân trước nhà thờ, đồng thời lục tìm trong các văn khố ẩm mốc của giáo hội pháp viện, với mục đích thu thập các trường hợp phù thủy đàn ông và đàn bà bị tội hỏa thiêu hoặc treo cổ vì đồng lõa làm trò ma thuật với dê đực, lợn nái và dê cái.

VI
MẤT LÒNG NGƯỜI

Như đã nói ở trên, phó chủ giáo và gã kéo chuông ít được cảm tình của đám dân chúng to đầu và thấp cổ ở quanh khu vực nhà thờ. Khi Claude và Quasimodo cùng ra phố, việc này thường xảy ra luôn, lúc mọi người thấy cả hai đi ngang qua, chủ đi trước tớ theo sau, trên đường phố râm mát, chật hẹp và tối tăm của khu phố nhà thờ Đức Bà, vô khối lời độc địa, câu hát chế giễu, nói xỏ tục tằn, liền nhằm vào họ mà xỉa xói, trừ phi Claude Frollo, việc này ít khi xảy ra, bước đi đầu ngửng cao nhìn thẳng, phô vầng trán nghiêm nghị và gần như cao cả trước mặt những kẻ nhạo báng chưng hửng.

Hai người ở trong khu phố cũng giống như các "thi sĩ" trong thơ của Régnier:

Đủ loại người chạy bám sau thi sĩ
Như kim tước hót đuổi theo chim cú.

Khi thì thằng nhóc con tinh quái liều mạng tìm cái thú khôn tả là chọc mũi kim vào bướu thằng gù. Lúc lại có cô gái đẹp, nghịch ngợm và trơ trẽn quá đáng đi sát chạm cả vào áo chùng thâm linh mục, hát ngay vào mặt cha mấy câu châm chọc: *Đáng kiếp, đáng kiếp, quỷ sứ bị tóm cổ rồi*. Đôi khi, một nhóm lúc nhúc các bà già, ngồi xổm rải rác dưới bóng râm, trên bậc thềm ngoài cổng, xôn xao ầm ĩ khi thấy phó chủ giáo và gã kéo chuông đi qua, làu bàu đón chào họ bằng câu nói mỉa mai: "Hừ! Linh hồn của lão này cũng giống hệt thể xác của thằng kia!" hoặc giả một lũ học sinh và lính tráng đang đánh cờ chó, đồng loạt

cùng đứng dậy và chào to một cách cổ điển bằng tiếng Latinh: *Eia! Eia! Claudius cum claudo!**

Nhưng thường thường cả linh mục lẫn gã kéo chuông hình như đều không nghe thấy tiếng chửi rủa. Quasimodo quá điếc, còn Claude quá mơ mộng để nghe thấy hết những lời đẹp đẽ đó.

QUYỂN NĂM

I
ABBAS BEATI MARTINI*

Danh tiếng của đức cha Claude vang xa. Do đó, xấp xỉ vào dịp ông từ chối không tiếp lệnh bà Beaujeu, có một cuộc viếng thăm khiến ông nhớ mãi.

Đó là buổi tối. Sau khóa lễ, ông liền trở về căn phòng đúng quy cách của tu viện Đức Bà. Có lẽ ngoại trừ vài chiếc bình thủy tinh bỏ xó một góc, đựng thứ bột khá khả nghi rất giống thuốc súng, căn phòng không có vẻ gì khác thường và bí mật. Đúng là trên tường đây đó có vài hàng chữ, nhưng đều là châm ngôn thuần túy khoa học hoặc mộ đạo, trích ở các tác giả nổi tiếng. Phó chủ giáo ngồi xuống trước chiếc tủ lớn chất đầy sách chép tay, dưới ánh sáng cây đèn lồng ba ngọn, ông chống khuỷu tay lên quyển sách mở rộng của d'Honorius d'Autun. *De praedestinatione et libero arbitrio** và trầm ngâm suy nghĩ, lật từng trang tập sách khổ to vừa lấy xuống, ấn phẩm duy nhất trong phòng. Đang lúc mơ màng thì có tiếng gõ cửa.

- Ai đó? - Nhà bác học quát hỏi với giọng dịu dàng của con chó đói bị giành mất khúc xương.

Có tiếng đáp bên ngoài:

- Bạn của ngài. Jacques Coictier đây.

Ông liền ra mở cửa.

Đúng là quan ngự y, một người trạc ngũ tuần, vẻ mặt đanh ác chỉ dịu bớt ở cái nhìn giảo quyệt. Cùng đi với một người nữa. Cả hai mặc áo dài màu đá đen lót lông điêu thử, thắt lưng và cài khuy, đội mũ cùng một thứ vải và đồng màu. Bàn tay họ khuất trong tay áo, bàn chân họ khuất dưới tà áo, cặp mắt họ khuất

sau chiếc mũ.

- Nhờ ơn Chúa phù hộ! Thưa quý ông, tôi không ngờ lại được hân hạnh quý ông quá bộ đến thăm vào giờ này, - phó chủ giáo nói, dẫn họ vào phòng.

Vừa nói lịch thiệp như vậy, ông vừa nhìn quan ngự y lẫn người bạn đi cùng bằng cặp mắt lo ngại và thăm dò.

- Đến thăm nhà bác học lớn như đức cha Claude Frollo de Tirechappe thì có bao giờ quá muộn, - quan ngự y Coictier đáp, giọng xứ Franc-comtois kéo dài từng câu, đầy vẻ oai vệ như chiếc áo đuôi tôm.

Thế là giữa quan ngự y và phó chủ giáo bắt đầu những câu mào đầu tâng bốc, mà vào thời đó, theo tục lệ, thường đi trước mọi câu chuyện giữa các nhà thông thái, tuy không phải vì thế họ không ghét nhau thậm tệ. Vả lại, bao giờ cũng thế thôi, bất cứ mồm miệng bác học nào khen một bác học khác, đều là hũ mật đắng ngọt xớt.

Lời tán tụng của Claude Frollo đối với Jacques Coictier trước hết liên quan tới vô số quyền lợi vật chất mà quan ngự y đáng kính biết khai thác từ mỗi căn bệnh của nhà vua, trong suốt thời gian hành nghề đáng thèm muốn, một công cuộc luyện đan tốt đẹp và chắc chắn hơn theo đuổi việc tìm kiếm hòn đá điểm kim.

- Thật tình, thưa ngài bác sĩ Coictier, tôi rất sung sướng nghe tin về sự bổ nhiệm cháu của ngài, đức ông đáng kính Pierre Versé vào chức vụ giám mục. Thưa có phải đức cha đó là giám mục ở d’Amiens?

- Vâng thưa ngài phó chủ giáo, đó cũng là nhờ ơn trên của Chúa thương xót ban cho.

- Hôm lễ Giáng sinh, lúc dẫn đầu đoàn đại biểu Thẩm kế viện, trông ông thật uy nghi; ông có nhận thấy thế không, ông viện trưởng?

- Ồ, thưa cha, mới là phó viện trưởng thôi đấy ạ!

- Thế còn tòa nhà tráng lệ của ông ở phố Saint-André-des-Arcs hiện nay ra sao? Đúng là một điện Lourve. Tôi rất thích cây mơ chạm trên cửa với lối chơi chữ thú vị *À L'ABRI-COTIER.**

- Thưa cha, chết nỗi là tòa nhà xây cất tốn kém quá chừng. Xây xong thì tôi đến sạt nghiệp.

- Ô hay! Thế còn các khoản lợi tức của ông bỏ đâu, nào ở Ngục thất, nào ở Pháp đình, lại còn tiền cho thuê bao nhiêu nhà cửa, quầy hàng, văn phòng, cửa tiệm ở Clôture nữa? Đúng là vắt được cái vú tốt sữa quá.

- Đất đai của tôi ở lâu đài Poissy năm nay chẳng thu hoạch được gì cả.

- Nhưng các món thuế của ông ở Triel, de Saint-James, de Saint-Germain-en-Laye vẫn thu được đầy đủ.

- Chỉ được trăm hai chục đồng livre, mà cũng không phải tiền Paris.

- Lại còn nhiệm vụ cố vấn nhà vua của ông nữa. Khoản này thì không suy suyển được rồi.

- Vâng, nhưng ông bạn đồng nghiệp Claude ơi, cái thái ấp Poligny chết tiệt ấy, tiếng thì to mà đổ đồng mỗi năm chỉ được chừng sáu chục đồng écus vàng thôi.

Trong lời đức cha Claude ca tụng Jacques Coictier có cái giọng châm biếm, chua cay và ngấm ngầm chế giễu, kèm theo nụ cười buồn, độc địa, của một người cao cả và đau khổ, trong chốc lát đùa cợt với sự thịnh vượng trọc phú tầm thường. Còn người này thì lại không nhận thấy gì hết.

- Thật tình mà nói, tôi rất mừng thấy ông thật dồi dào sức khỏe, - cuối cùng Claude nói, siết chặt tay quan ngự y.

- Cảm ơn thầy Claude.

- A, thế còn đức vua bệnh nhân của ông hiện nay ra sao? - Đức cha Claude chợt hỏi.

- Người bệnh trả chẳng đủ công cho thầy thuốc, - quan ngự y đáp, liếc mắt nhìn người bạn cùng đi.

- Thật ư, ông bạn Coictier? - Người đó nói. Câu nói thốt ra bằng giọng ngạc nhiên và trách móc, làm phó chủ giáo sực chú ý tới người khách lạ, tuy thực tình, kể từ lúc hắn bước qua ngưỡng cửa vào phòng, ông không hề một phút nào không theo dõi. Phải có cả trăm ngàn lý do để nể mặt bác sĩ Jacques Coictier, quan ngự y đầy thế lực của nhà vua Louis XI, mới khiến ông chịu tiếp y có người lạ đi theo như thế này. Cho nên, nét mặt ông chẳng có gì niềm nở khi Jacques Coictier bảo:

- Đức cha Claude, nhân thể xin giới thiệu đây là một bạn đồng nghiệp, vốn hâm mộ danh tiếng của ngài, muốn đến thăm.

- Ngài đây cũng nghiên cứu khoa học chăng? - Phó chủ giáo hỏi, xoi mói nhìn ông khách đi theo Coictier. Ông bắt gặp dưới đôi lông mày người khách lạ một cặp mắt cũng không kém phần sắc sảo và nghi kỵ, so với cái nhìn của mình.

Dưới ánh đèn yếu ớt không cho phép nhận dạng kỹ, đó là một ông già trạc sáu mươi, người tầm thước, trông khá ốm yếu nhu nhược, nét mặt nhìn nghiêng, tuy rất thị dân, vẫn đầy vẻ kiên cường và nghiêm nghị, tròng mắt lóe sáng dưới chòm lông mày sâu thẳm như tia sáng dưới đáy hang; và dưới chiếc mũ kéo xuống tận mũi, thoáng động đậy một vầng trán rộng thiên tài.

Chính y tự trả lời câu hỏi của phó chủ giáo, giọng trầm trầm:

- Bẩm thầy, tôi được nghe danh thầy nên xin tới đây để thỉnh giáo. Tôi chỉ là một quý tộc tầm thường ở tỉnh nhỏ, phải cởi giày trước khi bước vào nhà học giả. Tôi xin phép tự giới thiệu. Tên tôi là lão Tourangeau.

“Quý tộc gì mà tên tuổi lạ lùng làm vậy!” Phó chủ giáo thầm nghĩ. Nhưng ông cảm thấy đang đứng trước một cái gì quan trọng và nghiêm chỉnh. Linh tính của một đầu óc rất thông minh khiến ông đoán đang có một đầu óc cũng không kém thông minh ở dưới chiếc mũ lót lông thú của lão Tourangeau; ngắm nghía

khuôn mặt nghiêm nghị đó, nụ cười giễu, mà sự có mặt của Jacques Coictier làm nảy nở trên vẻ mặt ông u ám, đã dần dần tan biến như bình minh làm sáng chân trời đêm. Ông ủ rũ, im lặng ngồi xuống ghế bành lớn, khuỷu tay lại tì lên chỗ cũ trên bàn, bàn tay đỡ lấy trán. Trầm ngâm giây lát rồi ông ra hiệu mời hai vị khách ngồi và nói với lão Tourangeau:

- Thưa ngài, ngài muốn hỏi ý kiến tôi về môn khoa học nào vậy?

- Thưa cha, tôi đang ốm, ốm nặng, - lão Tourangeau đáp. - Nghe đồn cha là Esculape* tái sinh, cho nên tôi tới thỉnh ý cha về y khoa.

- Y khoa à? - Phó chủ lão lắc đầu nói. Ông suy nghĩ giây lát rồi tiếp lời: - Này lão Tourangeau, tôi gọi theo đúng tên của ngài, xin ngài hãy quay đầu lại. Ngài sẽ thấy câu trả lời của tôi viết sẵn trên tường rồi.

Lão Tourangeau làm theo và đọc thấy phía trên đầu mình một dòng chữ trên tường: *Y học là con đẻ của giấc mơ* - JAMBLIQUE.*

Trong lúc đó, bác sĩ Jacques Coictier đã bực mình vì câu hỏi của người cùng đi, càng bực mình gấp bội khi nghe cha Claude trả lời. Ông ghé tai lão Tourangeau nói thầm, rất khẽ để phó chủ giáo khỏi nghe thấy:

- Tôi đã bảo ông trước, y là thằng điên mà. Đấy, cứ đòi gặp cho kỳ được!

- Bác sĩ Jacques ạ, rất có thể thằng điên này, nó có lý đấy! - Lão ta cũng khẽ trả lời, còn mỉm cười chua chát.

- Tùy ông! - Coictier lạnh lùng đáp. Rồi quay lại bảo phó chủ giáo: - Đức cha Claude, xem ra ngài nhanh nhẹn trong công việc thật, ngài cũng chẳng cần kiêng nể gì Hippocrate*, hơn con khỉ đối với hạt dẻ. Y học là một giấc mơ! Nếu bọn bán thuốc và thầy lang có mặt ở đây, tôi chắc họ sẽ bảo nhau róc thịt ngài. Hóa ra ngài phủ nhận ảnh hưởng của bùa ngải đối với máu huyết, thuốc cao đối với da thịt! Ngài phủ nhận cả cái kho y dược vĩnh cửu, toàn thảo mộc và kim khí, mang tên thế giới này, được chế sẵn cho thứ bệnh nhân vĩnh cửu, mang tên con người.

- Tôi không phủ nhận dược khoa cũng không phủ nhận bệnh nhân, - đức cha Claude lạnh lùng đáp. - Tôi chỉ phủ nhận thầy thuốc.

- Thế ra bệnh đau khớp chẳng phải là thứ hắc lào nội tạng hay sao, - Coictier sôi nổi nói, - vết thương đạn pháo chẳng chữa khỏi bằng đắp con chuột nướng, rồi máu người trẻ truyền đúng cách sẽ chẳng làm trẻ lại các mạch máu già hay sao; hóa ra hai với hai không phải là bốn, cũng như bệnh kinh giật chẳng kế tiếp bệnh sài uốn ván hay sao?

Phó chủ giáo thản nhiên đáp:

- Có những thứ mà tôi nghĩ một cách khác.

Coictier giận đỏ mặt.

- Thôi thôi, ông bạn Coictier, đừng có nóng, - lão Tourangeau nói. - Ngài phó chủ giáo đây là bạn cả mà.

Coictier nguôi giận, còn lầu bầu trong miệng:

- Dù sao cũng là thằng điên!

- Chúa ơi là Chúa, bẩm thầy Claude, thầy làm tôi khó nghĩ quá, - lão Tourangeau nín lặng một lát rồi nói. - Tôi có hai điều muốn thỉnh giáo thầy, một là sức khỏe, hai là bản mệnh tôi.

- Thưa ngài, - phó chủ giáo nói luôn, - nếu đó là ý định của ngài, có lẽ tốt hơn ngài chẳng nên nhọc công leo cầu thang lên đây làm gì. Tôi không tin vào y học. Tôi cũng chẳng tin vào khoa chiêm tinh.

- Thật vậy ư? - Lão ngạc nhiên thốt lên.

Coictier cười gượng.

- Có đúng là y điên không, - ông khẽ bảo lão Tourangeau. - Khoa chiêm tinh mà y cũng chẳng tin!

- Làm thế nào mà tin được mỗi tia sáng ngôi sao lại là một sợi dây nối liền với đầu một con người, - đức cha Claude nói tiếp.

- Thế thầy tin vào cái gì? - Lão Tourangeau kêu lên.

Phó chủ giáo lưỡng lự một chút, rồi bất giác mỉm cười rầu rĩ như để tự cải chính câu trả lời: - *Credo in Deum**.

- *Dominum nostrum,** - lão Tourangeau làm dấu thánh giá, nói thêm.

- Amen, - Coictier tiếp lời.

- Thưa cha đáng kính, - lão già lại nói - lòng tôi rất vui sướng được thấy ngài sùng đạo như vậy. Tuy nhiên, đã là đại bác học như ngài, chẳng lẽ ngài lại bác học tới mức không còn tin vào khoa học nữa sao?

- Không, - phó chủ giáo nói, - nắm lấy cánh tay lão Tourangeau, khóe mắt u buồn lóe lên tia chớp hứng khởi, - không, tôi không phủ nhận khoa học. Tôi bò sát bụng tận đất suốt bấy lâu nay, móng tay cào vào đất, qua vô vàn ngõ ngách trong hang động, cũng chỉ để được nhìn thấy, xa xa trước mắt, tận cuối con đường hầm tối om, một ánh sáng, một ngọn lửa, một cái gì đó, có lẽ ánh phản quang của phòng thí nghiệm trung tâm chói ngời, nơi kẻ kiên nhẫn và người hiền triết bắt gặp Chúa.

- Tóm lại, - Tourangeau ngắt lời, - ngài cho cái gì là có thật và chắc chắn?

- Thuật điểm kim.

Coictier kêu lên:

- Lạy Chúa! Đức cha Claude, tất nhiên thuật điểm kim có thể tin được, nhưng tại sao lại phỉ báng y học và chiêm tinh?

- Vô ích, cái khoa học về người của ông! Cũng vô ích, cái khoa học về trời của ông! - Phó chủ giáo ngạo mạn nói.

- Như thế là tiêu phí cả Épidaurus lẫn Chaldée*, - quan ngự y giễu cợt hỏi lại.

- Thưa ông Jacques, xin nói để ông rõ. Đây là những lời thành thực. Tôi không phải ngự y và hoàng thượng cũng không ban cho tôi khu vườn Dédalus để tới đó quan sát các tinh tú. Xin ông đừng giận và hãy nghe tôi. Thử hỏi ông

đã tìm ra được sự thật nào từ khoa chiêm tinh, tôi không nói tới y học, vì đó là cái trò quá điên rồ rồi. Hãy kể cho tôi nghe các mặt hay của lối viết chữ cổ Hy Lạp hàng dọc, các khám phá của con số ziruph và con số zephirod mà bọn phù thủy Do Thái gán cho mười đức thiêng thần linh.

- Liệu ngài có phủ nhận năng lực giao cảm của xương quai xanh* và khoa học huyền bí đang xuống dốc không? - Coictier hỏi.

- Sai hết, thưa ông Jacques! Không một công thức nào của ngài đạt tới chân lý. Còn thuật điểm kim lại có những khám phá. Liệu ông có thể bác bỏ những kết quả như thế này không? Băng giá ở độ sâu dưới đất một ngàn năm biến thành đá pha lê. Chì là tổ tiên của mọi kim khí, (vì vàng không phải kim khí, vàng là ánh sáng), chì chỉ cần bốn thời kỳ, mỗi thời kỳ hai trăm năm, để lần lượt biến từ trạng thái chì sang trạng thái thạch tín đỏ, từ thạch tín đỏ sang thiếc, từ thiếc sang bạc. Đó chẳng phải là những dữ kiện hay sao? Nhưng tin vào xương quai xanh, tin vào đường nét đầy và tinh tú, thì cũng lố bịch như tin theo dân Trung Hoa rằng chim hoàng oanh biến thành chuột chũi và hạt lúa mì biến thành loại cá vàng!

- Tôi đã nghiên cứu thuật điểm kim, - Coictier thốt lên - và tôi xin khẳng định...

Vị phó chủ giáo sôi nổi ngắt lời ông ta.

- Còn tôi, tôi đã nghiên cứu y học, khoa chiêm tinh, và thuật điểm kim. Chỉ có đây mới là sự thật (vừa nói ông vừa cầm ở trên tủ một cái bình đựng đầy thứ bột đã nói ở trên), chỉ có đây mới là ánh sáng! Hippocratès là giấc mơ, Urania cũng chỉ là giấc mơ, còn Hermès là một tư tưởng. Vâng, đó là mặt trời, làm ra vàng, là trở thành Thượng đế. Đó là khoa học duy nhất. Xin thưa với ông, tôi đã từng tìm tòi về y học và khoa chiêm tinh! Đó chỉ là hư vô, hư vô. Thân thể con người, chỉ là bóng tối; tinh tú cũng là bóng tối nốt!

Rồi ông ngồi phịch xuống ghế đầy vẻ hăng hái và say sưa. Lão Tourangeau

lặng lẽ quan sát ông ta. Coictier gắng cười gượng, khẽ nhún vai và lẩm bẩm:

- Đồ điên!

- Nhưng mục đích kỳ diệu đó, ngài đã đạt tới chưa? - Tourangeau đột nhiên hỏi. - Ngài đã làm được ra vàng chưa?

- Nếu tôi làm được rồi thì vua Pháp sẽ mang tên là Claude, chớ không phải là Louis, - phó chủ giáo đáp, thong thả dằn từng tiếng như người mải suy nghĩ.

Lão già cau mày.

- Tôi đã nói gì nhỉ? - Đức cha Claude nói tiếp, mỉm cười khinh bỉ. - Cái ngai vàng nước Pháp có thấm tháp gì, nếu tôi dựng lại cả đế quốc phương Đông!

- May thay! - Lão già nói.

- Ôi, tội nghiệp thằng điên, - Coictier lẩm bẩm.

Phó chủ giáo nói tiếp, như thể tự trả lời những ý nghĩ của mình:

- Nhưng không, tôi còn đang bò toài; tôi xây xước cả mặt mũi, chân tay lúc trườn trên sỏi đá đường hầm. Tôi mới thoáng thấy chứ chưa được nhìn ngắm! Tôi chưa đọc được, mới đang đánh vần!

- Nhưng khi đã biết đọc, thầy sẽ làm ra vàng chứ? - Lão giả hỏi.

- Chắc hẳn như vậy! - Phó chủ giáo nói.

- Nếu vậy, Đức bà chứng giám là tôi đang rất cần tiền và tôi rất muốn học cách đọc trong cuốn sách của ngài. Bẩm cha đáng kính, xin cha cho biết, liệu khoa học của cha có thù địch hoặc làm mất lòng Đức bà không?

Đáp lại câu hỏi của lão già, đức cha Claude chỉ bình thản ngạo mạn trả lời:

- Tôi là phó chủ giáo của ai?

- Bẩm thầy, đúng là như vậy. Vậy thầy có vui lòng chỉ giáo cho tôi không? Thầy cho tôi được cùng đánh vần với.

Claude tỏ vẻ uy nghiêm, đường bệ như Giáo hoàng Samuel, nói:

- Này ông già, cần nhiều năm tháng hơn số năm tháng còn lại của ông, để

theo đuổi cuộc hành trình vượt qua các điều huyền bí. Đầu tóc ông bạc trắng rồi! Người ta chỉ ra khỏi hang động khi tóc đã bạc, nhưng phải bước vào từ lúc còn xanh. Khoa học một mình nó đủ sức, đào sâu, làm ủ rũ, khô héo các khuôn mặt người; nó không cần tuổi già mang tới thêm các khuôn mặt nhăn nhúm nữa. Tuy nhiên, nếu vào tuổi ông mà còn muốn ghép mình học tập và mày mò tìm hiểu vần chữ ghê gớm của bậc học giả, thì xin mời tới đây, được lắm, tôi sẽ gắng giúp. Hỡi ông già tội nghiệp, tôi sẽ không bảo ông phải đi thăm các gian nhà mồ trong kim tự tháp được Hérodotus ngày xưa nhắc tới, cũng như tòa tháp bằng gạch ở Babylone, hoặc lăng tẩm vĩ đại bằng đá trắng trong ngôi đền Ấn Độ Eklinga. Tôi cũng như ông, chưa hề được thấy các kiến trúc xứ Chaldéen xây dựng theo hình thể thiêng liêng của tháp Sikra, hoặc ngôi đền Solomon đã tiêu hủy, hoặc cánh cửa đá ở lăng vua Israël đã gãy nát. Chúng ta đành bằng lòng với những trích đoạn trong cuốn sách của Hermès hiện có ở đây. Tôi sẽ giảng cho ông nghe về pho tượng thánh Christophe, biểu tượng người gieo mạ và biểu tượng hai thiên thần trên cổng chính ở nhà nguyện Sainte-Chapelle, một vị tay để trong bình, còn một vị tay để trong mây.

Tới đây Jacques Coictier, đang lúng túng vì lời đối đáp hăng say của phó chủ giáo, bỗng lại hăng tiết và chen vào ngắt lời, bằng giọng đắc ý của kẻ thông thái bài bác đối thủ:

- *Erras, amice Claudi**. Biểu tượng không phải là con số. Ngài đã coi Orpheus là Hermès.

- Chính ông mới lầm, - phó chủ giáo nghiêm trang cãi lại - Dédalus là nền móng, Orpheus là bức tường, còn Hermès là tòa nhà. Hermès là tất cả.

Rồi quay lại bảo Tourangeau:

- Tùy ông muốn tới đây lúc nào cũng được, tôi sẽ chỉ ông xem các vẩy vàng vụn còn sót lại dưới đáy là của Nicolas Flamel, rồi ông sẽ đem so với vàng của Guillaume de Paris. Tôi sẽ giảng cho ông nghe các mặt huyền bí của từ Hy Lạp

*peristera**. Nhưng trước hết, tôi sẽ để ông lần lượt đọc các vần chữ cái bằng đá hoa, các trang bằng đá hoa cương của cuốn sách. Chúng ta sẽ đi từ chiếc cổng của giám mục Guillaume và của Saint-Jean le-Rond tới nhà nguyện Sainte-Chapelle rồi tới nhà riêng Nicolas Flamel ở phố Marivault, tới mộ ông ta ở nghĩa trang Saint-Innocent. Tới hai bệnh viện của ông ta ở phố Montmorency. Tôi sẽ để ông đọc các chữ tượng hình chi chít trên bốn giá sắt lớn ở ngoài cổng bệnh viện Saint-Gervais và ở phố Hàng sắt. Chúng ta sẽ cùng đánh vần những mặt tiền của các nhà thờ Saint-Côme, Sainte-Geneviève-des-Ardent, Saint-Martin, Saint-Jacques-de-la-Boucherie...

Suốt từ nãy đến giờ, lão Tourangeau, tuy ánh mắt rất thông minh, xem ra không hiểu nổi đức cha Claude nữa. Lão ngắt lời phó chủ giáo:

- Chúa ơi là Chúa! Vậy các sách của ngài là loại sách gì thế?

- Đây là một cuốn, - phó chủ giáo nói.

Rồi mở cửa phòng, ông giơ tay chỉ ngôi nhà thờ Đức Bà mênh mông đang in bóng đen thẫm trên nền trời cao, với hai tòa tháp, các sườn nhà bằng đá và chiếc mông khổng lồ, giống con nhân sư vĩ đại có hai đầu, ngồi giữa thành phố.

Phó chủ giáo lặng lẽ ngắm tòa nhà đồ sộ trong giây lát, rồi thở dài, giơ tay phải chỉ cuốn sách in mở trên bàn, còn tay trái chỉ ngôi nhà thờ, và buồn rầu đưa mắt nhìn từ cuốn sách tới nhà thờ, nói:

- Than ôi! Cái này sẽ giết cái kia.

Coictier vội vã lại gần cuốn sách, bất giác kêu lên:

- Ô kìa! Cái này thì có gì ghê ghớm đâu: GLOSSA IN EPISTOLAS D. PAULI. *Norimbergae, Antonius Koburger, 1474**. Có gì mới lạ đâu? Đây là cuốn sách của Pierre Lombard, vị thánh sư về Châm ngôn. Hay là vì nó được in ra chăng?

- Ông nói đúng, - Claude trả lời. Ông ta như đang mê mải trầm ngâm suy tưởng, ông đứng đó, ngón tay trỏ gập lại đặt trên cuốn sách ấn hành ở nhà in nổi

tiếng tại Nuremberg. Rồi ông bí mật nói tiếp:

- Than ôi! Than ôi! Việc nhỏ đánh bại việc lớn, chiếc răng thắng khối to. Con chuột sông Nil giết con cá sấu, con cá mập giết con cá voi, cuốn sách sẽ giết tòa nhà!

Hồi chuông tắt lửa trong tu viện vang đúng lúc bác sĩ Jacques khẽ nhắc lại cái điệp khúc bất tận với ông bạn cùng đi: - Ông ta điên rồi.

Lần này ông bạn cũng phải trả lời: - Có lẽ đúng thật.

Lúc đó đã đến giờ không một người ngoài nào được ở lại tu viện. Hai ông khách ra về. Lão Tourangeau chào phó chủ giáo và nói:

- Thưa ngài, tôi rất quý trọng các học giả cùng các nhà tư tưởng lớn và tôi đặc biệt kính mến ngài. Ngày mai, xin mời ngài tới cung Tournell và hỏi tu viện trưởng ở Saint-Martin de Tour.

Phó chủ giáo sững sờ quay trở vào, bây giờ mới hiểu lão Tourangeau là nhân vật thế nào, và sực nhớ tới đoạn văn trong cuốn Pháp điển của nhà thờ Saint-Martin de Tour: *Abbas beati Martini, SCILICET REX FRANCIAE, est canonicus de consuetudine et habet parvam praebendam quam habet sanctus Venantius et debet sedere in sede thesaurarii**. Người ta quả quyết bắt đầu từ đó, phó chủ giáo thường có dịp hội họp với Louis XI, khi hoàng thượng tới Paris và danh tiếng đức cha Claude làm lu mờ cả Olivier Con Hoẵng lẫn Jacques Coictier, ông này vì thế, theo cách riêng, càng mạnh tay với nhà vua.

II
CÁI NÀY SẼ GIẾT CÁI KIA

Bạn đọc gái sẽ thứ lỗi cho tác giả phải ngừng lại giây lát ở đây, để tìm xem tư tưởng nào đã ẩn náu dưới lời lẽ bí hiểm của phó chủ giáo: *Cái này sẽ giết cái kia. Cuốn sách sẽ giết tòa nhà*.

Theo ý chúng tôi, tư tưởng đó có hai mặt. Trước hết, đó là một tư tưởng của linh mục. Là sự sợ hãi của giáo quyền trước một động lực mới, nghề in... Là nỗi kinh hoàng và choáng váng của kẻ phụng sự đền miếu trước máy in chói sáng của Gutenberg. Là tòa giảng và sách chép tay, lời nói miệng và lời viết ra hoảng sợ trước lời nói đem in; đại khái giống nỗi khiếp hãi của con chim tước trông thấy thiên thần Légion xòe ra sáu triệu cánh. Là tiếng kêu của nhà tiên tri sớm nghe thấy xào xạc và nhung nhúc đám nhân loại được giải phóng, trông thấy trong tương lai trí tuệ sẽ hủy hoại đức tin, dư luận sẽ hạ bệ tín ngưỡng, thế giới lay chuyển La Mã. Là dự đoán của triết gia trông thấy tư tưởng con người bốc hơi bởi máy in, bay thoát khỏi chiếc bình thần học. Là nỗi kinh sợ của người lính khi xem xét chiếc đầu cừu phá thành bằng đồng và nói: tòa tháp sẽ sụp đổ. Như thế có nghĩa một lực lượng sắp thay thế một lực lượng khác. Như thế có nghĩa: Máy in sẽ giết nhà thờ.

Nhưng đằng sau tư tưởng đó, có lẽ là tư tưởng khởi đầu và đơn giản nhất, theo ý chúng tôi, còn một tư tưởng khác, mới hơn, một hệ luận của tư tưởng thứ nhất, khó nhận thấy nhưng dễ bài bác, một quan điểm cũng triết học tương tự, không phải riêng của linh mục, mà của nhà bác học và nghệ sĩ. Đó là mối linh cảm khi thấy tư tưởng con người đã thay đổi hình thái, cũng sẽ thay đổi luôn cả cách thức biểu hiện, thấy ý tưởng căn bản của mỗi thế hệ sẽ không còn viết ra

với cùng một chất liệu và cùng một phương thức, thấy cuốn sách bằng đá, vốn rất vững chắc và lâu bền, sẽ nhường chỗ cho cuốn sách bằng giấy, còn vững chắc và lâu bền hơn. Theo tương quan đó, công thức mơ hồ của phó chủ giáo mang ý nghĩa thứ hai; nó có nghĩa một nghệ thuật sắp hạ bệ một nghệ thuật khác. Nó muốn nói: ấn loát sẽ giết kiến trúc.

Thật vậy, từ khởi thủy cho đến thế kỷ mười lăm theo công nguyên, kiến trúc là cuốn sách lớn của nhân loại, biểu hiện chủ yếu của con người ở mọi trạng thái phát triển khác nhau, về mặt năng lực cũng như trí tuệ.

Khi trí nhớ của các chủng tộc đầu tiên cảm thấy quá chồng chất, khi hành lý kỉ niệm của nhân loại trở nên quá nặng và lộn xộn làm cho lời nói trần trụi và biết bay có nguy cơ rơi vãi dọc đường, người ta bèn ghi nó lên mặt đất bằng cách dễ thấy, bền bỉ và tự nhiên nhất. Người ta ghi ấn mỗi tập quán bằng một đền đài.

Các đền đài đầu tiên chỉ là những tảng đá tầm thường *mà sắt chưa đụng tới*, như lời Moïse nói. Kiến trúc cũng bắt đầu như mọi thứ văn tự. Đầu tiên là vần chữ cái. Người ta dựng đứng một tảng đá, thế là có một chữ, và mỗi chữ là một tượng hình, và trên mỗi tượng hình có một nhóm ý tưởng như cái chóp trên đầu cột. Các chủng tộc đầu tiên đã làm như vậy, ở khắp nơi, cùng một lúc, trên toàn thế giới. Các tảng đá dựng đứng của giống người Celtes cũng tìm thấy ở Sibérie châu Á, ở đồng cỏ châu Mỹ.

Về sau, người ta góp thành từ. Đá chồng chất lên đá, người ta ghép các vần đá lại, ngôn từ tìm các cách sắp xếp. Các huyệt đá nằm, đá đứng của người Celtes, gò nấm của người Étrusque, mộ đá của người Do Thái đều là những từ. Có một số, nhất là gò nấm, là danh từ riêng. Kể cả đôi khi, sẵn có nhiều đá và bãi biển rộng, người ta viết thành câu. Vùng đá chồng chất mênh mông ở Karnac là cả một công thức đầy đủ rồi.

Cuối cùng họ viết thành sách. Tập quán đã sản sinh các biểu tượng, rồi biến

mất sau biểu tượng như thân cây biến mất dưới vòm lá; mọi biểu tượng mà nhân loại tin tưởng đó, ngày càng nhiều lên, tăng thêm, giao hòa, phức tạp hơn mãi; các đền đài đầu tiên không còn đủ chứa đựng hết; các đền đài đó mới chỉ diễn đạt được tập tục cổ sơ, cũng còn đơn giản, trần trụi và nằm sát mặt đất như các kiến trúc thôi. Biểu tượng cần triển khai trong đền đài. Lúc đó, kiến trúc phát triển cùng với tư tưởng nhân loại; nó trở thành khổng lồ, mọc nghìn đầu, nghìn tay, và cố định dưới một dạng thức vĩnh cửu, trông thấy được, sờ mó được, tất cả cái biểu tượng phiêu diêu đó. Trong khi Dédale, vốn là sức lực, thì đo lường, trong khi Orphée, vốn là trí tuệ, lại ca hát, thì cây cột là một chữ, vòm cung là một vần, kim tự tháp là một từ, chúng cùng lúc chuyển động theo định luật kỷ hà và định luật thi ca, chúng quy tụ, kết hợp, pha trộn, thăng giáng, chất chồng trên mặt đất, ngất nghểu giữa trời cao, tới khi chúng tuân theo tư tưởng tổng quát của thời đại đọc cho mà viết nên các cuốn sách tuyệt diệu, cũng tức là các đền đài miếu mạo tuyệt vời: Chùa Eklinga, miếu Rhamseïon của Ai Cập, đền Solomon.

Tư tưởng mẹ, ngôn từ, không phải chỉ có trong nội dung của mọi đền đài, mà còn ở hình thức. Chẳng hạn ngôi đền Solomon không chỉ đơn giản là tờ bìa bọc cuốn kinh thánh, mà chính là cuốn kinh thánh đích thân. Trên mỗi bức tường, đồng tâm của tòa đền, các tu sĩ có thể đọc thấy ngôn từ được diễn tả và biểu lộ trước mắt, do đó họ theo dõi được các biến đổi từ điện này sang điện khác, tới khi nắm được nó trong các khám thờ cuối cùng dưới hình thức cụ thể nhất, cũng lại là kiến trúc: tráp đựng Pháp điển. Như vậy là ngôn từ chứa đựng trong đền đài, nhưng hình ảnh lại ở vỏ ngoài, như khuôn mặt người trên quan tài một xác ướp.

Không chỉ riêng hình khối của kiến trúc mà cả địa thế chọn lựa để xây cũng bộc lộ tư tưởng tiêu biểu cho nó. Tùy theo biểu tượng định diễn đạt cần tráng lệ hoặc âm u. Hy Lạp dựng trên đỉnh núi một ngôi đền hài hòa đẹp mắt, Ấn Độ

khoét sâu lòng núi để chạm trổ các chùa hình thù kỳ dị dưới hang, có từng dãy voi đá hoa cương khổng lồ chống đỡ.

Như vậy, trong vòng sáu ngàn năm đầu của thế giới, từ ngôi chùa lâu đời nhất ở Hindoustan tới nhà thờ Cologne, kiến trúc đã là thứ văn tự vĩ đại của nhân loại. Mà điều đó đúng đến nỗi không chỉ các biểu tượng tôn giáo, mà mọi tư tưởng nhân loại đều có trang riêng trong cuốn sách vĩ đại đó và có tòa kiến trúc riêng.

Mọi nền văn minh đều bắt đầu bằng thần quyền và kết thúc bằng dân chủ. Quy luật tự do tiếp theo nền nhất thống được viết trong kiến trúc. Bởi vì, xin nhấn mạnh vào điểm này, đừng tưởng rằng công cuộc xây cất chỉ có khả năng xây dựng đền miếu, chỉ thể hiện các huyền thoại và sự tượng trưng giáo quyền, chỉ ghi chép các biểu đồ bí hiểm của định luật bằng những tượng hình trên trang sách đá. Nếu như vậy, vì trong mọi xã hội loài người đều có lúc biểu tượng thần thánh bị hư mòn và tiêu ma trước tư tưởng tự do, lúc con người lẩn tránh tu sĩ, lúc sự phát triển của triết học và thiết chế gặm nhấm bộ mặt của tôn giáo, nếu như vậy thì kiến trúc sẽ không thể diễn đạt nổi tình trạng tinh thần mới của con người, các trang sách, đã đặc chữ mặt này, sẽ trống không mặt kia, tác phẩm sẽ bị sai lệch, cuốn sách sẽ thiếu sót. Nhưng không phải thế.

Có thể lấy thời trung cổ làm ví dụ, vì nó gần ta hơn nên dễ nhìn rõ hơn. Suốt thời kỳ đầu, trong khi chế độ giáo quyền tổ chức châu Âu, trong khi Vatican tập hợp và sắp xếp quanh mình các thành phần của một La Mã dựng lên bằng thứ La Mã đổ vỡ nằm xung quanh điện Capitole, trong khi Cơ đốc giáo đi tìm, giữa đống hoang tàn của nền văn minh trước đó, mọi tầng lớp của xã hội và xây dựng lại bằng tàn tích đó một thế giới với trật tự mới, lấy giáo quyền làm nền tảng, trước hết người ta nghe thấy âm vang từ đám hỗn độn đó, rồi dần dần trông thấy dưới hấp lực của Cơ đốc giáo, dưới bàn tay các man tộc, từ đống hoang tàn các kiến trúc đã chết, Hy Lạp và La Mã, xuất hiện nền kiến trúc bí hiểm roman, chị

em với các kiến trúc thần linh ở Ai Cập và Ấn Độ, biểu tượng bất hủ của Cơ đốc giáo thuần nhất, tượng hình bất diệt của nền thống nhất giáo hoàng. Đúng là toàn bộ tư tưởng hồi đó được viết trong phong cách roman âm u. Ở khắp nơi, và toát ra uy quyền, nhất thống, thâm nghiêm, chuyên chế, tức giáo hoàng Grégoire VII; khắp nơi là linh mục, không hề có người thường; khắp nơi là đẳng cấp, không hề có dân chúng. Nhưng rồi cuộc thập tự chinh xảy ra. Đó là phong trào dân chúng rộng lớn; và bất kể phong trào dân chúng rộng lớn nào, dù nguyên nhân và mục đích ra sao, cũng đều luôn toát lên tinh thần tự do từ lớp cặn lắng cuối cùng. Cái mới liền xuất hiện. Thế là mở đầu thời kỳ bão tố của loạn Jacqueries, loạn Pragueries và loạn Liên đoàn. Quyền hành lung lay, nền nhất thống rạn nứt. Chế độ phong kiến yêu cầu được chia sẻ với chế độ giáo quyền và trong khi chờ đợi, dân chúng chắc chắn sẽ nổi dậy và sẽ chiếm phần béo bở nhất, như thường lệ. *Quia nominor leo**. Do đó quyền lãnh chúa trồi lên dưới giáo quyền, quyền công xã trồi lên dưới quyền lãnh chúa. Bộ mặt châu Âu thay đổi. Thế là bộ mặt kiến trúc cũng thay đổi theo. Cũng như nền văn minh, nó giở sang trang, và tinh thần mới của thời đại thấy kiến trúc sẵn sàng viết theo lời nó đọc. Kiến trúc từ các cuộc thập tự chinh trở về với hình cung nhọn, như các dân tộc trở về với nền tự do. Thành ra, trong khi La Mã dần dần tan rã, nền kiến trúc roman cũng chết theo. Tượng hình rời bỏ giáo đường để tái tô điểm cho các huy hiệu trên vọng lâu, nâng cao uy danh chế độ phong kiến. Ngay cả giáo đường, tòa nhà xưa kia nặng nề giáo lý như vậy bây giờ cũng bị xâm chiếm bởi thị dân, công xã, tự do, cũng thoát khỏi linh mục và rơi vào tay nghệ sĩ. Nghệ sĩ, tùy ý xây dựng nhà thờ. Vĩnh biệt những huyền bí, huyền thoại, quy tắc. Bây giờ là phóng túng và tùy hứng. Miễn sao linh mục có giáo đường và bàn thờ, thế là được. Còn bốn bức tường thuộc về nghệ sĩ. Cuốn sách kiến trúc không thuộc về giáo quyền, tín ngưỡng La Mã nữa; bây giờ là của tưởng tượng, thi ca, dân chúng. Từ đó dẫn tới vô vàn biến đổi nhanh chóng của nền kiến trúc chỉ mới có ba thế kỷ, đó là những biến đổi thật rõ rệt sau sự bất động trí tuệ của nền kiến

trúc roman đã có tới sáu, bảy thế kỷ. Trong khi đó, nghệ thuật tiến những bước khổng lồ. Thiên tài và tính độc đáo của nhân dân làm công việc xưa kia của giám mục. Mỗi chủng tộc đi ngang qua đều ghi lại dòng chữ riêng lên cuốn sách; nó xóa bỏ các tượng hình roman cổ lỗ trên mặt tiền nhà thờ, và nhiều lắm cũng chỉ thấy giáo lý ngoi lên đây đó dưới biểu tượng mới vừa được thiết lập. Tấm thảm che của dân chúng chỉ cho phép thấy thấp thoáng bộ xương tôn giáo.

Thật khó tưởng tượng nổi sự phóng túng hồi đó của kiến trúc sư, ngay cả đối với giáo hội. Đó là các nóc cột quấn quýt những nam nữ tu sĩ lõa lồ ăn nằm với nhau, như ở gian phòng Lò sưởi trong Tòa pháp đình tại Paris. Đó là cuộc phiêu lưu của Nóe được chạm trổ *đầy đủ rõ ràng* như dưới cổng lớn nhà thờ ở Bourges. Đó là lão tu sĩ say khướt có cặp tai lừa, tay cầm chén rượu, đang cười vào mũi cả một tập thể, như trên bồn rửa tay trong tu viện ở Bocherville. Vào thời đó, đối với tư tưởng viết bằng đá, có một đặc quyền hoàn toàn so sánh được với quyền tự do báo chí hiện nay. Đó là quyền tự do kiến trúc.

Nền tự do đó đi rất xa. Đôi khi, một cánh cổng, một mặt tiền, một nhà thờ nguyên vẹn dám biểu lộ một ý nghĩa tượng trưng hoàn toàn xa lạ với tín ngưỡng, hoặc thậm chí thù nghịch với giáo hội. Từ thế kỷ mười ba với Guillaume de Paris, còn Nicolas Flamel vào thế kỷ mười lăm, cả hai đều viết những trang phản loạn: Saint-Jacques de La Boucherie đúng là một nhà thờ chống đối.

Lúc bấy giờ tư tưởng chỉ tự do bằng cách đó cho nên chỉ được viết hoàn toàn trọn vẹn trên các cuốn sách đó, mang tên đền đài. Không có hình thức đền đài, tư tưởng sẽ bị bàn tay đao phủ đưa ra đốt giữa nơi công chúng dưới hình thức sách chép tay, nếu nó khờ dại làm liều như vậy. Tư tưởng kiểu cổng nhà thờ hẳn đã chứng kiến cuộc xử giảo tư tưởng kiểu sách. Vì chỉ còn con đường đó, tức xây dựng, cho nên muốn ló mặt, tư tưởng từ khắp nơi liền đổ xô tới. Do đó mới có số lượng khổng lồ những nhà thờ trải khắp châu Âu, số lượng to tát đến nỗi

khó lòng tin, ngay khi đã kiểm tra rồi. Mọi lực lượng vật chất, lực lượng tinh thần trong xã hội đều quy tụ vào một điểm: kiến trúc. Vì vậy vin cớ xây dựng nhà thờ Chúa, nghệ thuật phát triển theo quy mô rực rỡ.

Hồi đó, ai sinh ra là thi sĩ đều trở thành kiến trúc sư. Tài năng rải rác trong đám đông, bị dồn ép khắp nơi dưới chế độ phong kiến như dưới *mai rùa* kết bằng các tấm khiên đồng, chỉ còn lối thoát về phía kiến trúc, tài năng đó đổ dồn vào nghệ thuật này và trường ca Iliad liền mang hình thức giáo đường. Mọi nghệ thuật khác đều vâng lời và phục tùng môn kiến trúc. Đó là những người thợ của công trình lớn. Kiến trúc sư, thi sĩ, vị chủ nhân đã thâu tóm trong tay môn điêu khắc để chạm trổ các mặt tiền, môn hội họa để tô điểm các kính cửa, môn âm nhạc để rung chuông và thổi gió vào đại phong cầm. Ngay cả nền thi ca đích thực tội nghiệp, vẫn khăng khăng sống vất vưởng trong sách chép tay, nếu muốn tồn tại cũng buộc phải tới nép mình trong đền đài dưới hình thức bài ngợi ca hoặc tản văn; dù sao cũng vẫn như vai trò của bi kịch Eschyle trong ngày hội lễ giáo quyền ở Hy Lạp, hoặc tích sang thế kỷ trong đền Solomon.

Như vậy, cho tới thời Gutenberg, kiến trúc là thứ văn tự chủ yếu, văn tự phổ biến. Cuốn sách bằng đá bắt đầu từ phương Đông, tiếp tục qua thời cổ đại Hy Lạp và La Mã, được thời trung cổ viết nốt trang cuối cùng. Dù sao, hiện tượng nền kiến trúc bình dân tiếp theo nền kiến trúc đẳng cấp, mà ta vừa nhận thấy ở thời trung cổ, còn nảy sinh, cùng với mọi trào lưu tương tự trong trí tuệ con người, vào các thời đại lớn khác của lịch sử. Cho nên, chỉ xin sơ lược nêu ra ở đây một quy luật, cần được phát triển trong nhiều cuốn sách; vào thời tiền Đông phương, cái nôi của những thời cổ đại, sau nền kiến trúc Ấn Độ là nền kiến trúc Phénicie, bà mẹ phương phi của nền kiến trúc Ai Cập; vào thời cổ đại, sau nền kiến trúc Ai Cập mà kiểu cách và đền đài khổng lồ chỉ là một biến thể, là nền kiến trúc Hy Lạp, mà kiểu cách La Mã chỉ là một tiếp nối được chất nặng thêm vòm mái kiểu Carthaginoi; vào thời hiện đại, sau nền kiến trúc roman là nền

kiến trúc Gothic. Và nếu tách đôi tính cách của ba loại đó, người ta sẽ tìm thấy trên ba cô chị, tức các nền kiến trúc Ấn Độ, Ai Cập, roman cùng một biểu tượng; đó là thần quyền, đẳng cấp, nhất thống, giáo điều, huyền thoại, Chúa; còn đối với ba cô em, tức các nền kiến trúc Phénicie, Hy Lạp, Gothic, bất kể sự khác biệt về hình thức gắn liền với bản chất, cũng vẫn chung một ý nghĩa, đó là tự do, dân chúng, con người.

Dù gọi là tăng thống, pháp sư hoặc giáo hoàng, trong các đền đài Ấn Độ, Ai Cập hoặc roman, bao giờ cũng có bóng dáng tu sĩ, toàn tu sĩ thôi. Trong các kiến trúc của dân chúng lại không như vậy. Nó phong phú hơn và bớt thiêng liêng. Trong kiến trúc Phénicie, có bóng dáng nhà buôn; trong kiến trúc Hy Lạp, có người cộng hòa; trong kiến trúc Gothic, có thị dân.

Tính cách chung của mọi nền kiến trúc thần quyền là sự bất biến, thù ghét tiến bộ, gìn giữ đường nét cổ truyền, thường xuyên gò ép mọi hình thức của con người và thiên nhiên vào thói bất thường không hiểu nổi của biểu tượng. Đó là những cuốn sách tối tăm chỉ riêng kẻ sành sỏi mới đọc nổi. Vả lại, mọi hình thức, cả hình thức dị dạng cũng mang một ý nghĩa, khiến nó trở nên bất khả xâm phạm. Đừng đòi hỏi các công trình xây dựng Ấn Độ, Ai Cập, roman phải sửa đổi đường nét hoặc cải tiến hình thù. Mọi sự hoàn thiện đều trở thành báng bổ. Trong các nền kiến trúc đó, hình như thói giáo điều cứng nhắc lan tràn trên đá thành một sự hóa đá thứ hai. - Ngược lại, tính cách chung của mọi xây dựng bình dân là sự đa dạng, tiến bộ, độc đáo phong phú, thường xuyên năng động. Các kiến trúc đó đã khá tách rời tôn giáo để nghĩ tới cái đẹp, để trang hoàng, không ngừng tu sửa các tượng và hoa văn tô điểm bên ngoài. Nó hợp với thời đại. Nó mang nhân tính để luôn luôn kết hợp với biểu tượng thần thánh, mà nó vẫn còn dựa vào để sáng tạo. Kết quả là các đền đài dễ thâm nhập trước mọi linh hồn, mọi trí tuệ, mọi tưởng tượng, tuy vẫn còn tượng trưng nhưng dễ hiểu như thiên nhiên. Giữa kiến trúc thần quyền và nền kiến trúc này, có sự khác biệt của

ngôn ngữ thần thánh so với ngôn ngữ dung tục, của tượng hình so với nghệ thuật, của Solomon so với Phidias.

Nếu tóm tắt hết sức sơ lược những gì tác giả đã trình bày tới đây, bỏ qua trăm ngàn chứng cứ lẫn trăm ngàn chi tiết bất đồng, ta có kết luận như sau: Cho tới thế kỷ mười lăm, kiến trúc là cuốn sổ đăng bạ chủ yếu của nhân loại trong khoảng thời gian này, không có tư tưởng nào phức tạp lại xuất hiện trên thế giới mà không biến thành kiến trúc, mọi tư tưởng bình dân cũng như mọi quy tắc tôn giáo đều có đền đài riêng; tóm lại nhân loại không nghĩ ra được điều gì quan trọng mà lại không viết bằng đá. Tại sao vậy? Vì mọi tư tưởng, dù tôn giáo, dù triết học, đều mong muốn tồn tại, vì một tư tưởng đã khuấy động một thế hệ vẫn muốn khuấy động nhiều thế hệ khác và lưu lại dấu vết. Thế mà sự bất tử của sách viết tay lại mỏng manh xiết bao! Còn đền đài là cuốn sách chắc chắn, bền vững và lâu dài hơn nhiều! Muốn tiêu diệt ngôn ngữ viết chỉ cần bó đuốc và tên tàn bạo. Còn muốn phá hủy ngôn ngữ - kiến trúc, phải có cách mạng xã hội, cách mạng trần gian. Bọn man di đã xéo qua điện Colisée, trận hồng thủy có lẽ đã tràn ngập dãy Kim tự tháp.

Tới thế kỷ mười lăm, mọi sự đều thay đổi.

Tư tưởng con người tìm ra một phương tiện để tồn tại không những bền vững và lâu dài hơn kiến trúc, mà còn đơn giản và dễ dàng hơn. Kiến trúc bị phế truất. Thay vào chữ bằng đá của Orphée là chữ bằng chì của Gutenberg.

Cuốn sách sẽ giết tòa nhà.

Việc phát minh ra nghề in là biến cố lớn nhất trong lịch sử. Đó là cuộc cách mạng mẹ. Đó là phương thức diễn đạt của nhân loại đang đổi mới hoàn toàn, đó là tư tưởng con người đang cởi bỏ một hình thức để khoác một hình thức khác, đó là cuộc lột xác trọn vẹn và dứt khoát của con rắn tượng trưng, tiêu biểu cho trí tuệ, kể từ thời Adam.

Dưới hình thức ấn loát, tư tưởng càng bất tử hơn bao giờ; nó là thứ bốc hơi,

không nắm bắt được không hủy diệt nổi. Nó hòa vào không khí. Vào thời kỳ của kiến trúc, tư tưởng biến thành ngọn núi và dũng mãnh chiếm đoạt một thế kỷ và một địa điểm. Bây giờ nó biến thành đàn chim tung bay khắp bốn phương và đồng thời chiếm lĩnh mọi điểm không trung và không gian.

Tác giả xin nhắc lại, ai mà không thấy, bằng cách đó, tư tưởng càng trở nên bất hủ? Vốn đã rắn chắc, nó còn trở thành trường tồn. Nó chuyển từ hữu hạn sang bất diệt. Người ta có thể phá hủy một khối lượng, như làm thế nào tiêu trừ nổi sự biến hóa? Nếu xảy ra nạn hồng thủy, ngọn núi sẽ chìm từ lâu dưới làn sóng nhưng chim vẫn bay, và chỉ cần chiếc thuyền nổi trên mặt nước tai họa, chim sẽ đậu xuống, cùng nổi trôi với thuyền, cùng chứng kiến nước rút, còn thế giới mới, thoát khỏi cảnh hoang tàn, lúc tỉnh dậy, sẽ thấy tư tưởng của thế giới bị chìm ngập, đang chắp cánh và sống động, bay lượn ngay trên đầu.

Rồi khi nhận thấy phương thức diễn đạt đó không những bền vững nhất, mà còn đơn giản, tiện lợi, phổ cập hơn với mọi người, khi nghĩ phương thức đó không lôi theo hành lý cồng kềnh và không lỉnh kỉnh những đồ nghề nặng nề, khi so sánh tư tưởng buộc phải biến thể thành đền đài, phải huy động đến bốn, năm ngành nghệ thuật khác và hàng tấn vàng, rồi cả một núi đá, một rừng kèo cột, hàng đoàn thợ thuyền, khi so sánh nó với tư tưởng viết thành sách, chỉ cần ít ngày, ít mực và cây bút, tại sao còn ngạc nhiên là trí tuệ con người đã rời bỏ kiến trúc để chuyển sang ấn loát? Hãy đột nhiên cắt ngang dòng nước nguồn của con sông bằng một dòng kênh đào dưới mực nước, con sông sẽ thoát khỏi dòng.

Cho nên, các bạn đã thấy từ ngày phát minh nghề in, môn kiến trúc cứ khô héo dần, gầy mòn và xơ xác. Ta thấy rõ ràng nước đang rút, nhựa sống đang biến mất, tư tưởng các thời đại và các dân tộc rời bỏ kiến trúc. Sự nguội lạnh còn rất ít nhận thấy vào thế kỷ mười lăm, hồi đó máy in còn quá yếu kém, cho nên nhiều lắm mới chỉ bòn rút được chút sinh lực thừa thãi của môn kiến trúc hùng mạnh. Nhưng từ thế kỷ mười sáu, bệnh tình khoa kiến trúc đã rõ ràng; nó

không chủ yếu biểu hiện xã hội nữa; nó thảm hại biến thành nghệ thuật cổ điển; từ tính chất Gauloise, châu Âu, bản xứ, nó trở thành Hy La, từ chân thực và hiện đại, nó trở thành giả cổ đại. Chính sự suy đồi này được mệnh danh là Phục hưng. Tuy nhiên, đây là suy đồi tráng lệ, vì tài trí Gothic cổ xưa, vầng thái dương lặn sau cỗ máy in vĩ đại ở Mayence còn chiếu rọi chùm tia nắng cuối cùng thêm một thời gian nữa, vào đống chồng chất lai căng những vòm mái kiểu Latinh và hàng cột kiểu Corinthienne.

Chúng ta đã lầm tưởng mặt trời lặn là rạng đông.

Trong khi đó, lúc kiến trúc chỉ còn là một nghệ thuật như mọi nghệ thuật, lúc đó không còn là nghệ thuật toàn diện, nghệ thuật bá chủ, nghệ thuật độc tài, thì nó cũng chẳng còn đủ sức cầm giữ các nghệ thuật khác. Nhưng nghệ thuật này bèn tự giải phóng, bẻ gãy cái ách của kiến trúc, rồi mỗi ngành đi mỗi ngả. Mỗi ngành đều thủ lợi sau vụ ly hôn. Sự cách biệt làm lớn mạnh tất cả. Điêu khắc trở thành tạc tượng, vẽ tranh trở thành hội họa, hát bè trở thành âm nhạc. Như thế một đế quốc tan rã khi Hoàng đế Alexandre của nó chết và các phiên trấn liền trở thành vương quốc.

Từ đó mới có Raphaël, Michel-Ange, Jean Goujon, Palestrina, những huy hoàng của thế kỷ mười sáu chói lọi.

Đồng thời với nghệ thuật, tư tưởng tự giải phóng khắp nơi. Nhóm tà giáo thời trung cổ đã đục khoét sâu rộng vào lý thuyết công giáo. Thế kỷ mười sáu phá vỡ sự thống nhất tôn giáo. Trước nghề in, phong trào cải cách tôn giáo mới chỉ là vết nứt rạn, nghề in biến nó thành cách mạng. Cứ bỏ nghề in đi, tà giáo sẽ bực tức. Dù là định mệnh hay ơn phước Gutenberg cứ là người mở đường cho Luther.

Trong lúc đó, khi mặt trời trung cổ đã lặn hẳn, khi tài năng Gothic đã vĩnh viễn tắt ngấm nơi chân trời nghệ thuật, môn kiến trúc cũng ngày một lu mờ, phai nhạt, chết mòn. Cuốn sách in, con mọt đục phá tòa nhà, hút kiệt và nuốt chửng

nó. Môn kiến trúc xác xơ dần, trụi hết lá, gầy đi trông thấy. Nó hóa ra ti tiện, nghèo nàn, vô dụng. Nó chẳng còn gợi nổi nghĩa gì nữa, ngay cả kỷ niệm về nghệ thuật một thời đã qua. Còn trơ trọi một mình, bị các nghệ thuật khác bỏ rơi, vì tư tưởng loài người đã bỏ rơi nó, kiến trúc chỉ lôi cuốn được thợ thuyền chứ không phải nghệ sĩ. Kính cửa thường thay cho kính cửa màu. Thợ đẽo đá thế chân nhà điêu khắc. Vĩnh biệt mọi nhựa sống, mọi tính độc đáo, mọi sinh lực và trí tuệ. Nó sống lê lết từ cóp nhặt này sang cóp nhặt khác, như mụ ăn mày thiểu não nơi xưởng họa. Michel-Ange, ngay từ thế kỷ mười sáu hình như đã cảm thấy nó sắp chết, từng nảy ra ý định cuối cùng, một ý định tuyệt vọng. Vị khổng lồ của nghệ thuật đó chồng chất điện Panthéon lên trên điện Parthénon, và tạo nên nhà thờ Saint-Pierre de Rome. Một tác phẩm lớn xứng đáng là sáng tạo duy nhất, sáng tạo độc đáo cuối cùng của nền kiến trúc, chữ ký của một nghệ sĩ vĩ đại bên dưới cuốn sổ đăng bạ khổng lồ bằng đá đang khép lại. Michel-Ange chết đi, nên kiến trúc thảm hại sống sót lay lắt trong tình cảnh bóng ma và bóng tối, liệu còn làm được gì nữa? Nó giữ rịt lấy nhà thờ Saint-Pierre de Rome để sao chép, để nhại lại. Đó là cái tật. Quả thật tội nghiệp. Mỗi thế kỷ đều có một thứ Saint-Pierre de Rome riêng; thế kỷ mười sáu có nhà thờ Val-de-Grâce, thế kỷ mười tám có nhà thờ Sainte-Geneviève. Mỗi đất nước đều có một thứ Saint-Pierre de Rome riêng. Luân Đôn có cái của nó. Pétersbourg cũng có cái của nó. Paris có hai hoặc ba cái. Di chúc vô nghĩa, trò lẩn thẩn dối giá của một nghệ thuật lớn đã suy tàn, đang trở lại thành trẻ con trước khi chết.

Nếu không bàn tới các đền đài tiêu biểu như ta vừa nhắc tới mà chỉ nhận định tình hình chung của nghệ thuật từ thế kỷ mười sáu tới thế kỷ mười tám, ta sẽ thấy cùng một hiện tượng thoái hóa và hao tổn như vậy. Từ François II, hình thức kiến trúc của tòa nhà cứ mờ nhạt dần và để mặc cho hình thức kỷ hà nổi lên, như bộ xương người ốm gầy mòn. Đường nét đẹp của nghệ thuật nhường chỗ cho đường nét lạnh lùng và khắc khổ của người đo đạc. Đền đài chẳng còn là đền đài, chỉ là khối đa diện. Tuy nhiên, kiến trúc vẫn lo lắng che giấu sự trơ

trẽn đó. Đây là đầu hồi Hy Lạp sáp nhập vào đầu hồi La Mã và ngược lại. Vẫn điện Panthéon, đặt vào điện Parthénon, một thứ Saint-Pierre de Rome. Kia là dãy nhà gạch thời Henri IV với góc nhà bằng đá; rồi quảng trường Hoàng cung, quảng trường Thái tử. Đây dãy nhà thời Louis XIII, nặng nề, to bè, thấp lùn, co quắp, mang vòm mái như chiếc lưng gù. Kia kiến trúc thời Mazarine, mô phỏng xấu xí kiểu Ý thời Tứ quốc. Đây cung điện thời Louis IV, một thứ doanh trại dài ngoẵng dành cho đình thần, cứng nhắc, lạnh lẽo, buồn chán. Cuối cùng kia là thời Louis XV với lá diếp quăn và sợi bún, cùng đủ thức nốt ruồi, đủ loại u bướu làm biến dạng thứ kiến trúc già cỗi lỗi thời, móm mém và đỏm dáng. Từ François II tới Louis XV, căn bệnh tăng theo cấp số nhân. Nghệ thuật chỉ còn da bọc xương. Nó hấp hối thảm hại.

Trong khi đó, nghề in ra sao? Tất cả sức sống đang rời bỏ kiến trúc đều đến với nó. Kiến trúc càng suy sụp, ấn loát càng phình ra và lớn lên. Vốn liếng sức lực mà tư tưởng con người dùng vào việc xây nhà, từ nay để in sách. Cho nên, ngay từ thế kỷ mười lăm, nghề in lớn lên ngang tầm với nền kiến trúc suy tàn, tranh chấp rồi giết chết nó. Sang thế kỷ mười bảy nghề in đã tạm thời làm chúa tể, đủ đắc thắng, đủ vững vàng thắng lợi để tưng bừng khoản đãi thế giới một thế kỷ văn học lớn. Tới thế kỷ mười tám, nghỉ ngơi đã lâu dưới triều vua Louis XIV, nghề in lại cầm lấy thanh kiếm cũ của Luther, đem trang bị cho Voltaire, rồi sôi sục chạy đi đánh phá châu Âu cổ xưa mà biểu tượng kiến trúc đã bị máy in giết chết. Vào lúc thế kỷ mười tám sắp kết thúc, nghề in đã tiêu diệt hết. Qua thế kỷ mười chín, nó sẽ xây dựng lại.

Và bây giờ thử hỏi trong hai nghệ thuật đó, ngành nào thực sự tiêu biểu cho tư tưởng nhân loại từ ba thế kỷ nay? Nghệ thuật nào diễn đạt được tư tưởng đó? Nghệ thuật nào bộc lộ được, không chỉ các cố tật văn chương và kinh viện, mà cả trào lưu rộng rãi, sâu xa, phổ cập của tư tưởng đó? Nghệ thuật nào thường xuyên bao trùm không đứt đoạn và không khiếm khuyết lên trên nhân loại đang

tiến bước như con quái vật nghìn chân? Kiến trúc hay ấn loát?

Đó là ấn loát. Xin đừng nhầm lẫn, kiến trúc đã chết, chết hẳn rồi, do sách in giết chết, bị giết vì không lâu bền bằng, bị giết vì giá đắt hơn. Mỗi nhà thờ là một tỉ bạc. Giờ đây thử tưởng tượng phải bỏ ra bao nhiêu vốn liếng để viết lại cuốn sách kiến trúc; để lại tung ra mặt đất hàng ngàn đền đài nhung nhúc; để quay lại với thời kỳ nhan nhản những đền đài, đến nỗi theo lời một nhân chứng được nhìn tận mắt, có thể nói thế giới khi vùng dậy đã "trút bỏ quần áo cũ để mặc tấm áo trắng toàn nhà thờ". *Erat enim ut si mundus, ipse excutiendo semet, rejecta vetustate, candidam ecclesiarum vestem indueret.* (GLABER RADULPHUS)*.

Cuốn sách làm xong rất nhanh, giá rẻ, mà có thể đi rất xa! Làm sao lại ngạc nhiên là toàn bộ tư tưởng nhân loại đã chảy theo triền dốc đó? Như vậy không phải bảo rằng kiến trúc không còn có ở đây đó một đền đài đẹp đẽ, một tác phẩm riêng rẽ. Dưới triều đại ấn loát, thỉnh thoảng vẫn có, chẳng hạn một cột trụ do cả một quân đội xây bằng súng đại bác đúc lại, như dưới triều đại kiến trúc vẫn có những trường ca Iliad và Romanceros, des Mahabâhrata và Niebelungen, do cả một dân tộc làm nên bằng các sử thi chồng chất đúc thành. Một kiến trúc sư thiên tài có thể tạo ra bất ngờ lớn vào thế kỷ hai mươi, như Dante từng tạo ra vào thế kỷ mười ba. Nhưng kiến trúc sẽ không còn là nghệ thuật xã hội, cộng đồng, thống trị. Bài thơ lớn, đền đài lớn, tác phẩm lớn của nhân loại sẽ không còn được xây cất, mà sẽ được in ra.

Và từ nay, nếu ngẫu nhiên môn kiến trúc có hồi phục thì cũng sẽ thôi ngự trị. Kiến trúc sẽ chịu đựng luật lệ của văn chương như ngày xưa văn chương từng chấp nhận luật lệ của kiến trúc. Vị trí tương ứng của hai ngành nghệ thuật sẽ đảo ngược. Có điều chắc chắn trong thời đại kiến trúc, thi ca, đành rằng hiếm hoi, vẫn giống các đền đài. Ở Ấn Độ, Vyasa cũng rậm rạp, kỳ lạ, khó hiểu như ngôi chùa, ở phương Đông Ai Cập, thi ca cũng như đền đài, có đường nét vĩ đại và

bình dị; ở Hy Lạp cổ, đó là vẻ đẹp, vẻ an nhàn, bình thản; ở châu Âu Cơ đốc giáo, là vẻ uy nghiêm công giáo, vẻ thơ ngây bình dân, những cây cỏ xum xuê và xanh tốt của thời kỳ đổi mới. Kinh thánh giống kim tự tháp, trường ca Iliad giống điện Parthénon, nhà thơ Homère giống nhà điêu khắc Phidias. Dante ở thế kỷ mười ba, đó là nhà thờ roman cuối cùng; Shakespeare ở thế kỷ mười sáu, đó là giáo đường Gothic cuối cùng.

Như vậy, để tóm tắt một cách không tránh khỏi thiếu sót và vá víu những điều tác giả đã trình bày cho tới nay, nhân loại có hai cuốn sách, hai sổ đăng bạ, hai chúc thư, đó là kiến trúc và ấn loát, cuốn kinh thánh bằng đá và cuốn kinh thánh bằng giấy. Có lẽ, lúc ngắm hai cuốn kinh thánh đó mở rộng trước những thế kỷ, người ta có thể nuối tiếc vẻ hùng vĩ hiển nhiên của văn tự bằng đá, các chữ cái khổng lồ hiện thành cột trụ, cổng tháp, đài bia, một loạt núi non nhân tạo bao phủ thế giới và quá khứ. Từ kim tự tháp cho tới gác chuông, từ Chéops đến Strasbourg. Phải đọc lại quá khứ trên các trang đá hoa. Phải chiêm ngưỡng và luôn luôn lần giở những trang sách viết bằng kiến trúc; nhưng không nên phủ nhận sự vĩ đại của các đền đài do ấn loát đến lượt dựng lên.

Đền đài này thật đồ sộ. Tôi không nhớ nhà thống kê nào đã tính nếu đem chồng lên nhau tất cả sách in máy từ thời Gutenberg người ta sẽ lấp đầy khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng, nhưng chúng tôi không định nói đến thứ hùng vĩ đó. Tuy nhiên, khi tìm các thu lượm trong tư tưởng mình một hình ảnh tổng quát về toàn bộ sản phẩm ấn loát có tới ngày nay, phải chăng cái toàn bộ đó cũng xuất hiện trước mắt ta như một kiến trúc mênh mông dựa trên toàn thế giới, được nhân loại không ngớt bồi đắp, có cái đỉnh khổng lồ khuất trong làn sương dày đặc của tương lai? Đó là tổ kiến của trí tuệ. Đó là tổ ong, nơi mọi trí tưởng tượng, như đàn ong vàng óng, đem mật tới. Đền đài có ngàn tầng lầu. Đây đó, ta thấy mở vào cầu thang các hang động âm u của khoa học, chúng cắt ngang giữa lòng tòa nhà. Trên khắp bề mặt tòa đền, nghệ thuật đã chan hòa rực rỡ chói mắt

đủ loại hoa văn, các cửa sổ hoa thị và đường viền đen. Ở đó, mỗi tác phẩm cá nhân, dù bất thường và riêng biệt đến đâu, cũng có vị trí và sự nổi bật của nó. Sự hài hòa được kết hợp bằng cái toàn thể. Từ nhà thờ lớn của Shakespeare tới ngôi đền của Byron, hàng ngàn chuông nhỏ, hỗn độn trà trộn tại nơi trung tâm của tư tưởng toàn cầu. Dưới nền nhà, người ta viết lại vài danh vị cũ của nhân loại mà kiến trúc không ghi nhận. Bên trái cửa vào, người ta gắn tấm phù điêu cổ bằng đá hoa trắng của Homère, còn bên phải là cuốn kinh thánh bằng nhiều thứ tiếng đang ngẩng cao bảy cái đầu. Con giao long Romancero giương vây phía xa xa, cùng vài hình thù lai căng khác nhau là các kinh Védas và Niebelungen. Tóm lại, tòa đền kỳ diệu đó vẫn chưa hoàn thành. Máy in, cỗ máy khổng lồ đó, không ngừng hút hết nhựa sống của trí tuệ trong xã hội, cũng liên tục nhả ra các vật liệu mới để tiến hành sự nghiệp. Toàn thể nhân loại đang trên giàn giáo. Mỗi trí tuệ là một thợ nề. Kẻ yếu kém nhất cũng biết bịt lỗ hổng hoặc đặt viên đá. Nhà văn Rétif de la Bretonne xách tới một gùi gạch vôi vụn. Ngày nào cũng có tầng lầu mới xây lên. Ngoài sự đóng góp độc đáo và cá nhân của mỗi nhà văn, lại còn những công cuộc tập thể. Thế kỷ mười tám cung cấp bộ *Bách khoa toàn thư,* cuộc cách mạng cung cấp tờ báo *Tân văn*. Tất nhiên, đó cũng là một kiến trúc cứ lớn dần và chồng lên nhau theo đường xoáy ốc bất tận; ở đó cũng có sự pha trộn ngôn ngữ, sự hoạt động liên tục, lao động không mỏi, đóng góp cật lực của toàn thể nhân loại, nơi trú ẩn hứa hẹn của trí tuệ chống lại nạn hồng thủy mới, chống lại cuộc tràn ngập của man di. Đó là tòa tháp Babel thứ hai của nhân loại.

QUYỂN SÁU

I
NHẬN XÉT VÔ TƯ VỀ NỀN PHÁP CHẾ XƯA KIA

Vào năm Thiên Chúa 1482, nhà quý tộc Robert d'Estouteville quả là một nhân vật vô cùng sung sướng, ngài vốn thụ phong hiệp sĩ, tên gọi Beyne, nam tước của Yvri và Saint-Andry ở la Marche, cố vấn kiêm thị thần nhà vua, và là đô trưởng Paris. Đã gần bảy mươi năm qua, kể từ ngày mùng 7 tháng mười một năm 1465, năm có sao chổi* khi ông được nhà vua ban cho chức vụ hậu hĩnh là đô trưởng Paris, một chức vụ được tiếng về lãnh quyền hơn chức quyền, như Joannes Loemnoeu từng nói, *dignitas quae cum non exigua potestate politiam concernente, atque praerogativis multis et juribus conjuncta est**.

Thật là chuyện tuyệt vời vào năm 82 khi một quý tộc được nhà vua tín nhiệm, ông ta được sắc phong lâu rồi, từ hồi con gái riêng của vua Louis XI kết hôn với ngài con hoang họ Bourbon. Cùng ngày với Robert d'Estouteville thay thế Jacques de Villier làm đô trưởng Paris, ngài Jean Dauvet thay ngài Hélye de Thorrettes làm đệ nhất chánh án tòa án Jean Jouvenel des Ursins hất cẳng Pierre de Morvillier làm chưởng ấn Pháp quốc, Regnault des Dorman gạt Pierre Puy giành chức chủ sự văn phòng thỉnh cầu của hoàng cung. Nhưng kể từ ngày Robert d'Estouteville giữ chức đô trưởng Paris, các chức vụ chánh nhất, chưởng ấn, chủ sự đó đã qua tay bao người! Chiều theo sắc phong, chức vụ đô trưởng đã giao ông trị nhậm và tất nhiên, ông nắm nó thật chặt. Ông *bám rịt*, ông hòa mình, ông hóa thân vào chức vụ đó. Đến mức ông thoát khỏi cái tật thay đổi người xoành xoạch của Louis XI, một ông vua đa nghi, keo kiệt và siêng năng, chủ trương luôn luôn bổ nhiệm và thải hồi quan chức, để duy trì quyền binh mềm dẻo. Hơn thế nữa, vị hiệp sĩ can trường còn xin cho con trai được thừa kế

chức vụ, cho nên từ hai năm nay, nhà quý tộc Jacques d'Estouteville, kỵ sĩ, đã có tên ghi cạnh tên bố đứng đầu số quân lương của tòa đô chính Paris! Thực là ân huệ hiếm có và đặc biệt! Quả tình Robert d'Estouteville là quân nhân tốt, đã công khai phất cờ chống lại *Liên đoàn bảo vệ công ích** và đã cung tiến hoàng hậu một con nai vô cùng kỳ diệu bằng mứt kẹo, vào hôm lệnh bà tới Paris hồi năm 14... Ngoài ra, ông còn kết giao thân tình với Tristan l'Hermite, chưởng quản hiến binh tại hoàng cung. Quả thực cuộc sống của ông Robert rất dễ chịu, sung sướng. Trước hết, lương cao bổng hậu, lại còn đèo thêm, dính vào, như các chùm nho thừa bám vào cành nho, các lợi tức về mọi phòng lục sự hình và hộ thuộc tòa đô chính cộng thêm lợi tức hình và hộ tại tòa án Embas ở Châtelet, chưa kể vài món thuế lặt vặt về cầu ở Mantes và Corbeil, rồi lợi tức về thuế hái táo ở Paris, thuế củi, và thuế muối. Cộng thêm vào đó cái thú được trưng diện trong các cuộc thi ngựa qua phố phường, được khoe bộ giáp trụ đẹp đẽ phủ bên ngoài tấm áo nửa đỏ nửa nâu của thẩm phán quan và cảnh sát trưởng, mà hiện giờ chúng ta còn được ngắm nó khắc trên mộ ông tại tu viện Valmont ở Normandy và chiếc mũ sắt bẹp rúm ở Montlhéry. Hơn nữa, chẳng phải chuyện xoàng khi ông có toàn quyền đối với các cảnh vệ, viên gác cổng và tuần canh ở tòa Châtelet, hai thẩm phán ở tòa Châtelet, *auditores Castelleti** mười sáu ông cẩm ở mười sáu quận, viên giám mục ở Châtelet, bốn cảnh sát lão luyện; trăm hai mươi kỵ hiến binh, trăm hai mươi cảnh vệ mang roi, các thứ lính tuần canh khác đủ loại. Chẳng phải chuyện tầm thường khi ông có quyền thi hành đủ các bản án lớn hoặc nhỏ, có quyền thi hành nhục hình trên giàn bêu tù, giá treo cổ hoặc ngựa kéo lê, không kể quyền hành tối thiểu được xét xử trước tiên, *in prima instantia** trên lãnh địa tử tước Paris như được ghi trong Pháp điển và được bày tòa án quý tộc thừa nhận sắc phong thái ấp. Còn gì thú vị bằng tưởng tượng cảnh ngài Robert d'Estouteville hằng ngày ngồi xét xử và tuyên án trong tòa Đại Châtelet, dưới vòm cung nhọn rộng và nặng nề của Philippe-Auguste! Rồi tối tối theo lệ thường, ông trở về ngôi nhà đẹp đẽ ở phố Galilée bên trong

vòng rào hoàng cung Pale Roayan, ngôi nhà thủa hưởng bằng hồi môn của bà vợ, Ambroise de Loré phu nhân, để nghỉ ngơi sau bao khó nhọc vì đã tống cổ một kẻ khốn nạn nào đó đi ngủ đêm ở "căn nhà nhỏ bé trên phố Escorcherie, mà các đô trưởng và thẩm phán ở Paris muốn dùng làm nhà giam; căn nhà mười một bộ, rộng bảy bộ bốn tấc và cao mười một bộ"*.

Không những ông Robert d'Estouteville có quyền xử án theo ý riêng với tư cách đô trưởng và tử tước Paris, mà còn có quyền để mắt và thò nanh vuốt vào các vụ án lớn của nhà vua. Không có cái đầu nào hơi cao cấp mà không qua tay ông trước khi rơi vào tay đao phủ. Chính ông đã tới ngục Bastille để tìm Saint-Antoine rồi giải ra Chợ, tìm ngài Nemour để giải ra quảng trường Grève, tìm ngài Saint-Paul giãy giụa kêu la, khiến ngài đô trưởng rất thích thú vì vốn không ưa quan nguyên soái.

Tất nhiên, mọi cái đó thừa thãi để tạo nên đời sống sung sướng và danh giá, để một ngày kia ngài xứng đáng lưu danh trên một trang quan trọng của cuốn sử thú vị về những đô trưởng Paris, trong đó còn đọc thấy Oudard de Villeneuve có ngôi nhà trên phố Hàng thịt; Guillaume de Hangest mua cả đại lẫn tiểu Savoie, Guillaume Thiboust ở cùng dãy nhà trên phố Clopin cho các nữ tu sĩ ở nhà thờ Sainte-Geneviève, Hugues Aubriot ngụ tại dinh Porc-épic, cùng nhiều chuyện gia đình khác.

Tuy nhiên, với rất nhiều lý do là cần kiên nhẫn và vui vẻ để sống ở đời, ông Robert d'Estouteville vẫn thức dậy rất bực bội và cau có vào sáng hôm mùng 7 tháng giêng năm 1482. Tại sao lại cau có bực bội? Chính ông cũng không hiểu nữa. Phải chăng vì trời u ám? Vì cái khóa thắt lưng cũ rích ở Montlhéry cài không chặt và bó lấy tấm thân phì nộn của đô trưởng một cách quá lính tráng chăng? Vì ngài trông thấy bọn đàng điếm đang kéo đi ngoài phố, ngay dưới cửa sổ nhà mình, mỗi tốp bốn đứa, áo dài mặc trần không áo lót, mũ không chóp, kè kè túi dết và chai rượu, còn làm bộ trêu chọc ông? Phải chăng vì mơ hồ linh cảm

thấy ba trăm bảy mươi đồng livre mười sáu xu tám denier sang năm sẽ bị nhà vua tương lai Charles VIII cắt xén từ số lợi tức của tòa đô chính? Xin tùy bạn đọc lựa chọn nguyên nhân; còn tác giả nghiêng về phía tin rằng ông ta bực bội chỉ vì lý do đơn giản là ông ta bực bội.

Vả lại, hôm đó là hôm sau ngày hội, một ngày đáng chán với tất cả mọi người, nhất là với nhà chức trách có nhiệm vụ quét sạch mọi rác rưởi, theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, của ngày hội ở Paris để lại. Hơn nữa, ông còn phải tới ngồi xử án tại tòa Đại Châtelet. Thế mà ta thường nhận thấy các vị thẩm phán bao giờ cũng tìm cách khiến ngày phiên tòa trùng với ngày cáu kỉnh, để luôn có sẵn một kẻ mà nhân danh nhà vua, cứ việc tiện lợi đổ hết luật lệ và công lý lên đầu.

Trong lúc đó, phiên tòa đã khai mạc không có ông ta. Theo thường lệ, các phụ tá về hình, về hộ và về việc tư cứ làm việc; và mới tám giờ sáng, dăm chục nam nữ thị dân đã chen chúc, xô đẩy trong góc tối tòa án Embas ở Châtelet, giữa hàng rào gỗ sồi vững chắc và bức tường, khoan khoái dự tấn trò khá xôm và vui vẻ xử án hình, án hộ, do thầy Florian Barbedienne, thẩm phán ở Châtelet, phụ tá ngài đô trưởng, xét xử khá lộn xộn và hoàn toàn tùy tiện.

Gian phòng nhỏ, thấp, trần vòm. Cuối phòng kê chiếc bàn chạm hoa huệ, cùng chiếc ghế bành lớn gỗ sồi có chạm trổ, dành cho đô trưởng và đang bỏ trống, bên trái là ghế đẩu của thẩm phán, thầy Florian. Viên lục sự đang ghi chép, ngồi ở phía dưới. Trước mặt là công chúng, trước cửa và trước bàn có rất đông cảnh vệ, mặc nhung phục lót lông thú màu tím thêu thập tự trắng. Hai cảnh vệ của tòa án Parloir-aux-Bourgeoi, mặc áo nâu kiểu Toussaint, nửa đỏ nửa xanh, đứng gác trước cửa nhỏ đóng kín, ở cuối phòng, sau bàn. Chiếc cửa sổ tò vò duy nhất, trổ hẹp trong bức tường dày, chiếu ánh sáng trắng bệch tháng giêng vào hai hình thù kỳ quặc, con quỷ quái dị bằng đá chạm trên đầu cột chống vòm mái và viên thẩm phán ngồi ở cuối phòng, trên nền hoa huệ.

Đúng thế, hãy hình dung thầy Florian Barbedienne, thẩm phán ở Châtelet, ngồi trước bàn xử án, giữa hai chồng hồ sơ, chống khuỷu tay, chân giẫm lên vạt áo dài bằng dạ nâu trơn, mặt khuất trong cổ áo lông cừu trắng, với cặp lông mày như sắp rời ra, một khuôn mặt đỏ nhừ, quàu quạu, mắt hấp him, hai má núng nính oai vệ đầy mỡ, chảy dài xuống dưới cằm.

Ông thẩm phán lại điếc nữa. Nhược điểm nhẹ đối với một thẩm phán. Không phải vì thế mà thầy Florian không xử thẳng tay và đâu vào đó. Chắc chắn một thẩm phán chỉ cần ra vẻ lắng nghe là đủ; thế mà ông thẩm phán đáng kính lại làm tròn đầy đủ nhiệm vụ đó, điều kiện cần thiết duy nhất để phán xử công minh, không một tiếng động nào có thể làm ông đãng trí.

Hơn nữa, trong tòa án, có một kẻ đang kiểm soát gắt gao mọi hành động, cử chỉ của quan thẩm phán, đó là anh bạn Jehan Frollo cối xay của chúng ta, cậu học trò bé nhỏ hôm trước, người *bộ hành* mà ai ai cũng luôn luôn chắc chắn bắt gặp khắp nơi ở Paris, trừ trước bàn giảng giáo sư.

Hắn khẽ nói với gã bạn Robin Poussepain đang cười cợt bên cạnh, trong khi hắn bình phẩm những cảnh xảy ra trước mắt:

- Này, Jehanneton bụi bậm kia kìa. Đứa con gái xinh đẹp của thằng cha đại lãn ngoài chợ Mới!

- Đây rồi xem, thế nào lão ta cũng trừng phạt con bé! Lão chẳng còn có tai mắt gì nữa. Mười lăm xu bốn denier tiền Paris, vì tội đeo những hai chuỗi hạt! Kể hơi đắt. *Lex duri carminis** - Ai thế kia nhỉ? Robin Chief-de-Ville, thợ áo giáp chăng? - Đã từng dự thi và đỗ bằng thợ cả trong nghề ư? - Đó là tiền vào cửa của hắn ta. - Ồ kìa! Hai quý tộc giữa đám vô lại! Aiglet de Soins, Hutin de Mailly. Hai kỵ sĩ, *corpus Christ**. Chà! Họ chơi xúc xắc. Bao giờ mới thấy mặt hiệu trưởng của chúng ta ở đây nhỉ. Một trăm đồng livre tiền Paris là tiền phạt nộp cho nhà vua! Lão Barbedienne nện bừa như thằng điếc - hắn chẳng điếc sẵn là gì! - Mình chỉ muốn thành ông phó chủ giáo, nếu việc đó cấm được mình

đánh bạc, đánh bạc ban ngày, đánh bạc ban đêm, sống vì cờ bạc, chết vì cờ bạc, đem cả linh hồn ra đánh bạc sau khi đã gán cả áo lót! - Lạy Đức mẹ, sao lắm con gái thế! Hết con này đến con khác, hỡi bầy chiên của ta! Ambroise Lécuyère! Isabeau la Paynette! Bérarde Gironin! Lạy Chúa, mình quen hết tụi nó! Phạt! Cứ phạt! Có thế mới chừa cái tội đeo thắt lưng vàng! Phạt mười xu tiền Paris, này mấy ả làm dáng! - Ồ! Cái mõm già lão thẩm phán, hắn đã điếc lại ngu! Ồ! Florian đồ bị thịt! Ồ! Barbedienne con vạc! Kìa hắn ngồi vào bàn! Hắn ăn bên nguyên, hắn ăn vụ án, hắn chén, hắn nhai, hắn nhồi, hắn nhét, phạt vạ, di vật, phí tổn, án phí, tiền, thù lao, ngoại phụ, tiền bồi thường tổn thất, tra khảo, giam cầm, tù ngục và cộng thêm tụng phí, tất cả đối với lão chỉ là bánh ngọt Giáng sinh và bánh hạnh nhân ngày lễ Saint-Jean! Xem kìa con lợn! - Thôi được! Lại thêm một mụ đa tình nữa! Thibaut Thảm lông bò, không hơn không kém! - Vì tội đi ra từ phố Glatigny!

- Thằng nào thế kia? Gieffroy Mabonne, cung thủ hiến binh. - Nó réo gọi tên Chúa cha. - Phạt mụ Thảm lông bò! Phạt thằng Gieffroy! - Phạt cả hai đứa! Lão giả điếc! Có lẽ lão lẫn lộn hai việc mất rồi! Đánh cuộc mười ăn một là thế nào lão cũng phạt con đĩ về tội chửi đổng và phạt gã hiến binh về tội làm tình. Xem kìa, Robin Poussepain! Chúng sắp dẫn ai vào thế kia? Sao lắm cảnh vệ thế! Ôi Thượng đế! Cả bầy chó săn đều đủ mặt. Chắc là con mồi to nhất của cuộc săn. Một con lợn lòi. - Đúng là con lợn lòi, Robin, con lợn lòi thật! - Mà lại là con kếch xù nữa! *Hercle**! Đúng là ông hoàng hôm qua, vị Cuồng đăng giáo hoàng, gã kéo chuông, tên chột, tên gù, cái mặt nhăn nhó của chúng ta! Đúng là Quasimodo.

Quả thật nó...

Đúng là Quasimodo bị cột kỹ, buộc ghì, trói gô, thít chặt và canh gác cẩn mật. Toán cảnh vệ giải nó do chính vị hiệp sĩ đội trưởng chỉ huy, mặc áo thêu huy hiệu Pháp quốc trên ngực và thêu huy hiệu thành phố trên lưng. Trừ sự tàn

tật, Quasimodo chẳng còn gì trong người để biện minh cho những gươm giáo, súng ống tua tủa như vậy. Nó ủ rủ, lặng lẽ và bình tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng nó mới thâm hiểm và tức tối liếc con mắt độc nhất nhìn mớ dây trói chằng chịt trên người.

Nó nhìn chung quanh cũng bằng con mắt đó nhưng ngầu đục và lờ mờ, đến nỗi bọn đàn bà cũng chỉ trỏ cho nhau xem để cười.

Trong khi đó, quan thẩm phán Florian chăm chú giở tập hồ sơ tố giác Quasimodo, do viên lục sự đưa lên, lão xem qua rồi ra vẻ suy nghĩ một lát. Nhờ sự thận trọng này đã thành thói quen, mỗi lần sắp hỏi cung, lão biết trước tên tuổi, nghề nghiệp, tội trạng của bị can, đáp lại bằng câu định sẵn về lời khai định sẵn và thoát khỏi mọi rắc rối của cuộc hỏi cung, mà không để lộ mình điếc. Hồ sơ vụ án đối với lão cũng giống con chó đối với người mù. Nếu tình cờ tật điếc thỉnh thoảng có lộ ra bằng cái câu chất vấn khó hiểu hoặc câu hỏi lí nhí, có người cho là sâu sắc, có kẻ lại nghĩ là ngu xuẩn. Trong cả hai trường hợp, danh dự tòa án đều không hề tổn thất; vì một thẩm phán thà được tiếng ngu xuẩn hoặc sâu sắc, còn hơn điếc. Cho nên, lão tìm mọi cách che giấu tật điếc trước mắt mọi người, thường thường lão thành công đến mức chính mình cũng có ảo tưởng không điếc. Điều đó thật ra cũng dễ hơn ta tưởng. Mọi anh gù đều vươn cổ lên, mọi anh ngọng đều ba hoa, mọi anh điếc đều nói nhỏ. Còn về phần lão, lão chỉ thấy tai mình hơi nghễnh ngãng. Đó là nhượng bộ duy nhất lão có thể chấp nhận trước dư luận công chúng, vào những lúc thành khẩn và tự vấn lương tâm.

Sau khi nghiền ngẫm kỹ vụ Quasimodo, lão ngả đầu ra ghế và lim dim đôi mắt, cho có vẻ thêm oai nghiêm và vô tư, thành ra lúc đó lão vừa điếc lại vừa mù. Nếu không có hai điều kiện này, lão đã chẳng thành một thẩm phán hoàn hảo. Với thái độ oai vệ đó, lão bắt đầu thẩm vấn:

- Họ tên?

Nhưng đây là trường hợp chưa được “pháp luật quy định”, trường hợp một

người điếc thẩm vấn một người điếc.

Không có gì báo trước cho Quasimodo biết câu hỏi đó nhằm vào mình, nên hắn cứ tiếp tục nhìn chằm chằm ông thẩm phán. Ông này, cũng điếc và không gì báo trước cho biết là can phạm điếc, tưởng hắn đã trả lời, như mọi can phạm thường làm như vậy, nên hỏi tiếp đầy vẻ đĩnh đạc máy móc và ngớ ngẩn:

- Tốt lắm! Bao nhiêu tuổi?

Quasimodo cũng chẳng trả lời câu hỏi đó. Ông thẩm phán tưởng hắn đã trả lời, lại hỏi tiếp:

- Bây giờ tới nghề nghiệp?

Vẫn im lặng như thường. Nhưng cử tọa bắt đầu xì xào và nhìn nhau.

- Thế là đủ, ông thẩm phán cho là can phạm trả lời xong câu hỏi thứ ba, cứ nghiễm nhiên nói tiếp: "Can phạm bị buộc tội trước tòa: *thứ nhất*, làm náo động ban đêm; *thứ nhì*, có hành động bất chính với một người đàn bà điên, in praejudictum meretricis*, *thứ ba*, chống đối và gian manh đối với các cung thủ ngự lâm quân. Can phạm hãy giải thích mọi việc đó. - Lục sự, ông đã ghi đầy đủ những lời can phạm cung khai từ nãy đến giờ chưa?"

Nghe câu hỏi bất ngờ đó, cử tọa phá lên cười, từ lục sự tới công chúng, cười ầm ĩ, điên cuồng, lan tràn, đồng loạt, làm cả hai gã điếc cũng phải nhận thấy. Quasimodo nhô cái bướu lên, quay lại, nét mặt khinh khỉnh, còn thầy Florian, cũng ngạc nhiên không kém và cho rằng can phạm đã trả lời hỗn láo làm cho mọi người cười, cứ xem nó nhún vai thế kia đủ rõ, liền tức giận tra hỏi:

- Anh hề kia, anh vừa trả lời một câu hỏi đáng tội treo cổ đấy. Anh có biết anh đang nói với ai không?

Câu hỏi cáu kỉnh càng không làm trận cười chung giảm bớt. Mọi người thấy câu hỏi quá ngô nghê và vớ vẩn, trận cười lây sang cả hai cảnh vệ tòa án Parloir-aux-Bourgeoi, loại quân hầu đầy tớ ngu độn như nhau. Riêng có Quasimodo vẫn giữ vẻ nghiêm trang, vì lẽ nó chẳng hiểu gì về mọi chuyện đang xảy ra chung

quanh. Ông thẩm phán, càng tức tối hơn, tưởng mình phải tiếp tục theo giọng điệu cũ, hy vọng làm can phạm run sợ, do đó tác động tới cử tọa và kéo họ trở lại trang nghiêm như cũ.

- Tên lưu manh trộm cướp kia, như thế là ngươi dám xúc phạm tới vị thẩm phán tòa Châtelet, vị pháp quan phụ trách cảnh sát nhân dân địa hạt Paris, có nhiệm vụ điều tra về hình sự, thường sự và mọi vụ phạm pháp, kiểm soát mọi ngành nghề và ngăn cấm đầu cơ độc quyền, duy trì đường sá, cấm chỉ buôn bán lẻ gà vịt nhà nuôi hay gà vịt rừng, kiểm tra đo lường củi đốt và các loại gỗ khác, tẩy uế thành phố sạch bùn rác, tẩy uế không khí sạch bệnh truyền nhiễm, luôn luôn chăm nom mọi lợi ích công cộng, tóm lại một câu là không có lương bổng, cũng chẳng hy vọng thù lao gì! Ngươi có biết ta tên là Florian Barbedienne, phụ tá chính thức của ngài đô trưởng, hơn nữa còn kiêm chánh cẩm, điều tra viên, kiểm soát viên và thanh tra viên với quyền hạn ngang nhau ở tòa đô chính, tòa án, quản thủ và chung thẩm!...

Chẳng có lý do gì khiến người điếc nói với một người điếc phải ngừng lời. Có trời mà biết Florian đang khua mái chèo cao đàm hùng biện, sẽ ghé bến vào lúc nào và ở đâu, nếu cánh cửa nhỏ ở cuối phòng không đột nhiên mở ra để đích thân ngài đô trưởng bước vào.

Thấy đô trưởng tới, thầy Florian không hề lúng túng ngừng lời, mà quay gót nửa vòng, đột nhiên hướng về đô trưởng những lời biện thuyết vừa mới giáng xuống đầu Quasimodo trước đó:

- Bẩm đức ông, - lão nói, - tôi trân trọng yêu cầu tòa kết án can phạm có mặt tại đây, vì tội xúc phạm nặng và kỳ quặc đối với tòa.

Rồi lão hổn hển ngồi xuống, lau mô hôi rỏ từng giọt lớn như nước mắt trên trán, làm ướt cả tập hồ sơ trải trước mặt. Robert d’Estouteville cau mày rồi giơ tay đe Quasimodo thật oai nghiêm và đầy ý nghĩa, làm gã điếc cũng hiểu đôi chút.

Ông đô trưởng nghiêm khắc hỏi:

- Tên vô lại kia, mày phạm tội gì mà phải giải tới đây?

Gã khốn nạn cho rằng đô trưởng hỏi tên nó bèn phá vỡ thói quen im lặng và trả lời bằng giọng khàn khàn từ trong cổ họng:

- Quasimodo.

Câu trả lời chẳng ăn nhập gì với câu hỏi làm mọi người cười ầm lên, khiến ông Robert tức đỏ mặt, thét lên:

- Đồ mặt dày mày dạn, mày dám trêu cả tao nữa ư?

- Kéo chuông ở nhà thờ Đức Bà, - Quasimodo đáp, tưởng thẩm phán hỏi nó làm nghề gì.

- Kéo chuông à! - Ông đô trưởng từ sáng dậy đã cáu kỉnh sẵn, như đã kể ở trên, cho nên chẳng cần những câu trả lời kỳ quặc như vậy chọc tức thêm. - Kéo chuông hả? Tao sẽ cho gậy gộc nó rung chuông ngay trên lưng mày giữa ngã tư thành phố. Đồ vô lại, mày hiểu chưa?

- Nếu tòa muốn biết tuổi tôi, - Quasimodo đáp, - hình như tôi được hai mươi tuổi vào ngày lễ Saint-Martin này.

Thế này thì quá lắm, ông đô trưởng không chịu đựng nổi nữa.

- A, thằng khốn nạn! Mày dám nhạo báng cả tòa. Cảnh vệ cầm roi, hãy điệu tên này tới giàn bêu tù ở quảng trường Grève, đánh cho nó một trận rồi quay cho nó một giờ. Lạy Chúa! Cho nó biết tay ta và ta truyền bản án này phải được đi rao, cùng bốn lính kèn kèm theo, tại bảy khu vực lãnh địa thuộc đất đai tử tước Paris.

Viên lục sự liền thảo luôn bản án.

- Lạy Chúa chết tiệt! Xử với xiếc hay thật! - Gã học trò nhỏ Jehan Frollo cối xay đứng trong đó thốt lên.

Ông đô trưởng quay lại, cặp mắt nảy lửa hằm hằm nhìn Quasimodo:

- Hình như thằng khốn kiếp còn rủa Chúa chết tiệt nữa! Lục sự, phạt thêm mười hai denier tiền Paris vì tội chửi rủa và chia cho xưởng Saint-Eustache một nửa số tiền đó. Ta đặc biệt tôn sùng thánh Eustache.

Vài phút sau, bản án thảo xong. Nội dung thật giản dị và ngắn. Thủ tục tại tòa đô chính và lãnh địa tử tước Paris hồi đó chưa được chánh án Thibaut Baillet và luật sư hoàng gia Roger Barmne nghiên cứu. Khi đó, thủ tục chưa bị ngăn cản bởi một rừng rậm các mánh khóe và lề thói mà hai nhà luật học đó dựng lên từ đầu thế kỷ mười sáu. Mọi cái lúc bấy giờ còn rõ ràng, minh bạch. Người ta đi thẳng tới đích và lập tức thấy ngay bánh xe quay tù, đài treo cổ hoặc giàn bêu tù ở cuối mỗi con đường không bụi rậm, chẳng ngả rẽ. Ít nhất cũng biết mình đi đâu.

Lục sự trình bản án cho đô trưởng, ông này áp triện rồi đi ra, tiếp tục tới các công cán tại các tòa khác, với tâm trạng, khiến hôm đó, khắp các nhà tù ở Paris phải chật ních tội nhân, Jehan Frollo và Robin Poussepain cùng che miệng cười. Quasimodo nhìn mọi việc, thái độ vừa thản nhiên vừa kinh ngạc.

Trong khi đó, vào lúc thầy Florian Barbedienne đến lượt mình phải đọc bản án để ký tên, viên lục sự thấy thương hại gã tội nhân khốn khổ và hy vọng xin giảm nhẹ cho nó, nên ghé sát tận tai viên thẩm phán rồi chỉ Quasimodo và bảo:

- Anh ta bị điếc.

Y hy vọng cảnh đồng bệnh tương liên sẽ khiến thầy Florian quan tâm cứu giúp tội nhân. Nhưng trước hết, chúng ta đã nhận thấy thầy Florian không muốn người ta biết mình điếc. Sau nữa, ông nặng tai đến nỗi không nghe thấy một lời nào của viên lục sự nói với mình; nhưng ông ta ra vẻ nghe rõ và đáp:

- Ra thế à! Nếu vậy lại khác. Nào tôi có biết đâu. Trong trường hợp này, phạt thêm nó một giờ bêu tù nữa.

Rồi lập ký bản án được sửa đổi như vậy.

Robin Poussepain vốn thù ghét Quasimodo, bảo:

- Hay lắm, thế cho nó chừa cái thói hung bạo với mọi người.

II
HANG CHUỘT

Xin mời bạn đọc trở lại quảng trường Grève, mà hôm qua ta đã cùng Gringoire rời đi để theo sau Esmeralda.

Lúc đó mười giờ sáng. Tất cả đều sặc mùi hôm sau ngày hội. Mặt đường đầy rác rưởi, dải lụa, giẻ rách, lông cắm mũ, sáp ở đuốc rỏ xuống, thức ăn thừa dân chúng bỏ lại. Rất nhiều thị dân đi *lượn phố*, như ta thường nói, lấy chân đá những thanh củi đã tắt của đám lửa liên hoan, say sưa ngắm ngôi Nhà cột, nhớ lại những màn cửa đẹp treo đó hôm qua, bây giờ chỉ còn lại cái thú cuối cùng ngắm mấy chiếc đinh. Bọn bán rượu táo và rượu bia lăn thủng qua đám đông. Vài khách bộ hành vội vã qua lại. Người bán hàng đứng trước cửa tiệm để trò chuyện hoặc gọi nhau í ới. Ngày hội, các sứ giả, Coppenole, Cuồng đãng giáo hoàng, được nhắc tới trên mọi cửa miệng. Ai nấy đua nhau chê bai và cười đùa. Trong khi đó bốn cảnh vệ cưỡi ngựa tới đứng gác ở bốn góc giàn bêu tù, đã lôi kéo được một đám khá đông dân chúng đang tản mạn trên quảng trường, lại tụ tập quanh họ, đám này đành cam chịu đứng yên tại đó và rất buồn chán, với hy vọng được xem một vụ xử tội nhẹ.

Sau khi ngắm cảnh tượng linh hoạt và ồn ào diễn ra khắp mọi nơi trên quảng trường, nếu bây giờ bạn đọc đưa mắt nhìn ngôi nhà cổ xưa, nửa Gothic, nửa roman, ở tháp Roland, nơi góc bờ sông phía tây, bạn đọc có thể nhận thấy trong một góc của mặt tiền tòa nhà, một cuốn kinh công cộng lớn được tô điểm lộng lẫy, có mái hiên nhỏ che mưa và chấn song sắt ngăn kẻ cắp, nhưng vẫn có thể giở từng trang. Cạnh cuốn kinh là khung cửa sổ tò vò hẹp, có hai thanh sắt bắt chéo chữ thập chắn ngang, mở ra quảng trường, chiếc cửa duy nhất để lọt chút

không khí và ánh sáng vào căn phòng nhỏ không cửa, được xây lấn vào trong bức tường dày của tầng dưới tòa nhà cổ; căn phòng tràn đầy vẻ bình yên càng lạnh lẽo hơn, vẻ lặng lẽ càng ảm đạm hơn, nếu so với quảng trường công cộng đông đúc và náo nhiệt nhất Paris, đang chen chúc, ồn ào khắp chung quanh.

Căn phòng đó nổi tiếng ở Paris từ ba thế kỷ nay, do Roland phu nhân ở tháp Roland để tang cha tử trận trong thập tự chinh, đã sai khoét vào trong vách tường tòa nhà riêng rồi mãi mãi tự giam mình tại đây; tòa nhà lâu đài đã được đem cúng cho kẻ nghèo và Chúa, bà chỉ giữ lại căn phòng đó, cửa ra vào được bịt kín còn cửa sổ bỏ ngỏ suốt mùa hè cũng như mùa đông. Quả thực, người đàn bà buồn khổ đã chờ đợi cái chết suốt hai mươi năm trong căn nhà mồ làm sẵn, ngày đêm cầu nguyện cho vong linh cha, bà ngủ ngay trên đống tro, không có lấy hòn đá gối đầu, bà khoác bao tải đen, sống toàn bằng của bố thí sau khi đã bố thí hết của cải, nhờ lòng thương xót của khách qua đường để lại cho mẩu bánh và bát nước trên thành cửa sổ. Khi chết, lúc dời sang nhà mồ khác, bà vĩnh viễn để lại quyền thừa hưởng căn phòng cho các phụ nữ đau buồn, các bà mẹ, vợ góa hoặc gái chưa chồng cần luôn luôn cầu nguyện cho người khác hoặc cho mình, và muốn tự chôn sống trong nỗi đau khổ lớn hoặc nặng lòng sám hối. Các kẻ khó thời đó đã long trọng đưa ma bà bằng nước mắt và lời chúc phúc, nhưng họ rất lấy làm tiếc là cô gái mộ đạo đã không được suy tôn thành thánh chỉ vì thiếu kẻ nâng đỡ. Trong bọn họ, có vài kẻ hơi kém đức tin, hy vọng việc này sẽ được thực hiện trên thiên đường còn dễ hơn ở La Mã, nên họ chỉ cầu nguyện Chúa xót thương người chết mà chẳng cần tới giáo hoàng, số đông đành chỉ tưởng nhớ bà Roland linh thiêng và giữ mớ quần áo rách làm thánh tích. Để tưởng niệm bà, về phần mình, thành phố cũng làm một cuốn sách kinh công cộng, được gắn cạnh cửa sổ căn buồng, để khách qua đường thỉnh thoảng dừng lại, dù chỉ định cầu nguyện thôi, mà cầu nguyện lại buộc phải nhớ tới bố thí, do đó các bà tu kín nghèo được thừa hưởng căn buồng của bà Roland, không đến nỗi bị chết đói và bỏ quên hẳn.

Ở các thành phố thời trung cổ, loại nhà mồ đó thực ra không hiếm lắm. Ngay giữa dãy phố đông đúc nhất, ngay giữa cái chợ màu sắc sặc sỡ và ầm ĩ nhất, có khi đứng dưới chân ngựa, dưới bánh xe, người ta thường gặp một nhà hầm, một cái giếng, một gian nhà nhỏ tường bịt kín và rào chấn song, dưới đó một người ngày đêm cầu nguyện, tự ý hiến mình để suốt đời kêu xin chuộc tội giải oan. Trước cảnh tượng kỳ lạ đó, cái buồng giam kinh khủng, một khâu nối tiếp giữa nhà ở và nhà mồ, giữa nghĩa trang và khu phố, con người tách khỏi cộng đồng người sống và từ nay coi như thuộc về người chết, ngọn đèn cháy nốt giọt dầu cuối cùng trong bóng tối đó, mảnh đời còn lại leo lét dưới hố đó, hơi thở, tiếng nói, lời cầu nguyện vĩnh viễn trong cái hộp đá đó, khuôn mặt mãi mãi ngoảnh về thế giới bên kia, con mắt đã sáng ánh mặt trời khác, vành tai áp vào vạch mộ đó, linh hồn giam hãm trong thể xác, thể xác giam hãm trong hầm tối và dưới hai lớp vỏ da thịt và đá cứng đó là một linh hồn đau khổ rì rầm, mọi cái đó đã gợi cho chúng ta bây giờ bao nhiêu ý nghĩa, nhưng hồi đó không hề được đám đông để ý. Lòng mộ đạo thiếu suy xét và thiếu tinh tế của thời đó không nhìn thấy lắm khía cạnh như vậy trong một hành vi tôn giáo. Họ hiểu sự việc gộp chung một khối và tôn sùng, thờ kính, nếu cần thì phong thần sự hy sinh đó, nhưng không ai phân tích các đau đớn và cũng rất ít mủi lòng thương hại. Thỉnh thoảng họ đem lại ít thực phẩm cho kẻ tu khổ hạnh khốn nạn, nhìn qua lỗ hổng xem còn sống hay chết, chẳng cần biết tên tuổi hắn ta, cũng chẳng nhớ rõ hắn bắt đầu chết từ bao năm nay rồi, nếu có khách lạ hỏi gì về bộ xương còn sống đang mục nát trong hầm, người chung quanh chỉ trả lời, nếu là đàn ông: - “một lão tu kín”; nếu là đàn bà: - “một mụ tu kín”.

Thời đó, người ta nhìn nhận mọi cái đều như vậy, không siêu hình, không quá đáng, không kính phóng đại, bằng mắt thường. Kính hiển vi còn chưa được phát minh, cho những gì thuộc về vật chất cũng như tinh thần.

Tuy nhiên, dù không mấy ai còn chiêm ngưỡng, các tỉ dụ về lối tự giam hãm

như vậy ngay giữa đô thị thực ra vẫn khá phổ biến, như đã nói ở trên, ở Paris có khá nhiều biệt phòng như vậy để cầu Chúa và sám hối: hầu hết đều có người tu ở rồi. Quả thực, giáo hội luôn chăm lo, không để các phòng đó vắng người, để như vậy hóa ra gieo tiếng tín đồ bớt mộ đạo, cho nên khi thiếu kẻ tu khổ hạnh, họ nhốt người hủi vào. Ngoài biệt phòng ở quảng trường Grève, còn có một cái ở Montfaucon, một cái ở nhà xác tại nghĩa trang Innocent, một cái khác tác giả không còn nhớ ở đâu, hình như ở nhà Clichon thì phải. Còn nhiều biệt phòng nữa ở nhiều nơi khác, còn thấy dấu vết trong truyện cổ, vì thiếu công trình kiến trúc. Khu đại học cũng có một biệt phòng riêng. Trên đồi Sainte-Geneviève, một người thuộc loại cùng khổ thời trung cổ, trong ba mươi năm liền, đã tụng bảy bài thánh ca khổ hạnh trên một đống phân, dưới suối nước ngầm, cứ tụng đi tụng lại mãi, ban đêm càng tụng to hơn, *magna voce per umbras**, và bây giờ nhà sưu tầm đồ cổ tưởng còn nghe thấy tiếng người đó khi bước vào phố *Giếng biết nói*.

Trở lại câu chuyện về căn phòng ở tháp Roland, xin nói ngay nó chưa bao giờ vắng bóng nữ tu kín. Từ ngày bà Roland chết, căn phòng rất hiếm lúc bỏ không một hoặc hai năm. Nhiều bà đã tới đó than khóc thân nhân, người yêu hoặc tội lỗi cho đến lúc chết. Thói tinh quái của dân Paris, gặp cái gì cũng dính vào, ngay cả những chuyện ít liên quan tới họ, cho rằng ở đó rất ít thấy quả phụ.

Theo thời thượng hồi đó, một chú thích bằng tiếng Latinh được ghi trên tường, chỉ cho khách qua đường có học biết về tác dụng tu hành của biệt phòng. Tập quán này được duy trì mãi tới giữa thế kỷ mười sáu, dùng một câu châm ngôn ngắn viết trên cửa ra vào để giải thích một tòa nhà. Cho nên tại Pháp, ta còn đọc thấy ngay phía trên khung cửa xép của nhà giam ở tư dinh lãnh chúa Tourville: Sileto et spera*; tại Ái Nhĩ Lan, dưới huy hiệu treo trên cổng lớn của lâu đài Fortescue: Forte scutum, salus ducum* tại Anh trên cổng chính tòa lâu đài hiếu khách của các bá tước Cowper: Tuum est*. Vì thời đó mỗi tòa nhà là

một tư tưởng.

Vì căn phòng xây kín ở tháp Roland không có cửa ra vào, cho nên người ta khắc bằng chữ lớn kiểu roman ở phía trên cửa sổ hai từ:

TU, ORA*

Dân chúng vốn thực tế, chẳng cần nhìn sự vật quá tinh tế và sẵn sàng dịch *Ludovico Magno** thành *Cổng Saint-Denis*, đã gọi căn hầm tối đen và ẩm thấp đó là *Hang chuột**. Một chú giải có lẽ không cao cả bằng cái tên Latinh nhưng trái lại, thú vị hơn.

III
CHUYỆN CHIẾC BÁNH RÁN MEN BỘT NGÔ

Vào thời kỳ xảy ra chuyện này, biệt phòng ở tháp Roland đang có người ở. Nếu bạn đọc muốn biết đó là ai, xin hãy lắng nghe câu chuyện giữa ba người đàn bà mau mồm mau miệng; trong khi bạn đọc đang chú ý tới Hang chuột, cả ba cũng đi về đúng phía đó, ngược từ điện Châtelet lên quảng trường Grève, dọc theo bờ sông.

Hai trong ba bà ăn mặc kiểu thị dân khá giả của Paris, cổ áo trắng mỏng, váy len dệt sọc xanh đỏ, bít tất dệt trắng điểm đường thêu chỉ màu bó sát chân, giày múi vuông bằng da vàng gót đen và nhất là chiếc mũ, một thứ sừng trang kim, chằng chịt dải lụa và viền ren, mà phụ nữ vùng Champagne hiện giờ vẫn đội, cạnh tranh với bọn lính thị vệ hoàng gia Nga, tất cả cho biết họ thuộc tầng lớp nhà buôn giàu, đứng giữa hai hạng người mà lũ gia nô gọi là *con mụ* và *phu nhân*. Họ không đeo nhẫn, không đeo thánh giá vàng và cũng dễ dàng nhận thấy không phải vì họ nghèo, mà chỉ do hồn nhiên sợ bị phạt. Bà bạn cùng đi, ăn mặc gần giống như vậy, nhưng trong cách trang sức và điệu bộ có vẻ hao hao thuộc loại vợ chưởng khế tỉnh nhỏ. Cứ nhìn lối thắt dây lưng cao quá hông cũng đủ rõ bà từ lâu chưa tới Paris. Lại thêm cổ áo xếp nếp, giày thắt dải lụa, sọc váy may theo chiều ngang chứ không phải chiều dọc, cùng ngàn cái lố lăng khác mà khiếu thẩm mỹ phải bực mình.

Hai bà kia bước đi theo kiểu đặc biệt dân Paris, muốn cho dân tỉnh nhỏ thấy thế nào là Paris. Bà tỉnh nhỏ dắt một cậu bé mập mạp, tay cầm chiếc bánh rán to.

Tác giả rất bực mình phải nói thêm, đang giữa mùa lạnh như thế, cậu bé lại

dùng lưỡi thay khăn tay.

Cậu bé cứ để lôi đi, *non passibus aequis** như Virgile đã nói, và chốc chốc lại vấp ngã, khiến bà mẹ gắt mắng om sòm. Quả tình cậu nhìn chiếc bánh hơn nhìn mặt đường. Chắc hẳn có lý do gì nghiêm trọng ngăn cậu bé không cắn (chiếc bánh), vì cậu chỉ âu yếm nhìn nó thôi. Nhưng lẽ ra bà mẹ phải cầm lấy chiếc bánh. Quả là ác nghiệt khi bắt thằng bé bụ bẫm phải làm một thứ Tantale*.

Trong lúc đó, cả ba *chị* (vì hồi đó tiếng *bà* chỉ dành cho phụ nữ quý tộc) cùng nói:

- Này chị Mahiette, ta đi nhanh lên, - bà trẻ nhất, cũng to béo nhất, nói với bà tỉnh nhỏ. - Khéo không tới nơi muộn mất. Ở Châtelet, họ bảo tôi là tên đó sẽ lập tức được dẫn thẳng tới giàn bêu tù.

- Ồ hay, chị Oudarde Musnier, chị nói gì vậy, - bà người Paris kia nói. - Nó sẽ bị bêu hai giờ. Còn khối thời gian. Này Mahiette, chị được xem bêu tù bao giờ chưa?

- Rồi, xem ở Reims, - bà tỉnh nhỏ đáp.

- Úi chà, giàn bêu tù ở Reims, ra cái quái gì! Một cái chuồng tồi tàn chỉ để bêu toàn lũ dân quê. Thấm vào đâu!

- Ở chợ Hàng da, ở Reims, ai bảo chị là toàn lũ dân quê? - Mahiette hỏi vặn. - Ở đó, tôi từng thấy vô số tội nhân ghê gớm, từng giết cả cha lẫn mẹ. Toàn lũ dân quê! Thế chị gọi chúng tôi là người thế nào, hả chị Gervaise?

Rõ ràng bà tỉnh nhỏ sắp cáu, tự ái cho giản bêu tù của tỉnh mình. Vừa may Oudarde Musnier, vốn ý tứ, kịp thời lái câu chuyện:

- Này, chị Mahiette, chị thấy các sứ thần xứ Flandre thế nào? Liệu ở Reims có những vị tao nhã như vậy không?

- Thú thật chỉ ở Paris mới được gặp những người Flandre như họ, - Mahiette đáp.

- Chị có thấy ở sứ quán có vị sứ thần làm nghề bán quần chẽn không? - Oudarde hỏi.

- Có, - Mahiette nói. - Trông ông ta như thần Saturne.

- Còn cái ông to béo, mặt mũi trông như cái bụng để trần? - Gervaise hỏi tiếp. - Cả cái ông loắt choắt, mắt ti hí viền vải tây đỏ, mặt mày nhăn nheo cau có.

- Chỉ có đàn ngựa là đẹp nhất, được phủ vải choàng theo kiểu xứ họ, - Oudarde nói.

- Chà! Chị ơi, - bà tỉnh nhỏ Mahiette đến lượt mình lên mặt, ngắt lời, - nếu chị được xem lễ đăng quang thì thôi hết nói, lễ cử hành ở Reims vào năm 61, cách đây mười tám năm, với đoàn ngựa của hoàng thân và của đoàn tùy giá đức vua! Thôi thì đủ loại vải choàng ngựa; thứ bằng dạ Damas, thứ bằng dạ mịn kim tuyến lót lông điêu thử trắng, đen; có loại bằng nhung, lót lông chồn trắng; có loại đính toàn đồ kim hoàn và tua lục lạc lớn bằng vàng và bạc! Tốn không biết bao nhiêu tiền của! Lại còn bao nhiêu thị đồng tuấn tú ngồi trên ngựa!

- Dù thế chăng nữa người Flandre vẫn cứ có đầy đủ ngựa đẹp như thường, - bà Oudarde lạnh lùng cãi lại, - hôm qua họ còn dự bữa dạ tiệc rất thịnh soạn với ngài thị trưởng, tại tòa đô chính, quan khách được thết nào kẹo viên, rượu quế, gia vị và mọi của ngon vật lạ.

- Này chị hàng xóm, chị nói gì lạ vậy? - Gervaise thốt lên. - Các sứ thần dự tiệc với đức hồng y, ở điện Tiểu Bourbon đấy chứ.

- Không phải, ở tòa đô chính!

- Đúng mà, ở điện Tiểu Bourbon.

- Chính là ở tòa đô chính, - Oudarde bực bội cãi lại, - vì bác sĩ Scourable đọc diễn văn chào mừng bằng tiếng Latinh khiến các sứ thần rất hài lòng. Chính chồng tôi là lái sách tuyên thệ đã nói với tôi.

- Chắc chắn ở điện Tiểu Bourbon, - Gervaise đáp lại chẳng kém gay gắt, - vì thầy quản sự của đức hồng y đã tặng các vị khách như sau: mười hai chai nửa lít rượu quế trắng, hồng và đỏ; hăm bốn hộp bánh hạnh nhân kẹp Lyon nướng vàng, cũng từng ấy bánh cuốn thừng mỗi chiếc hai cân, và sáu thùng nhỏ rượu nho xứ Beaune, trắng và hồng, thứ rượu nho ngon nhất hiện có. Chắc như vậy đủ rõ ràng rồi. Tôi được biết là nhờ nhà tôi làm chỉ huy đại đội ở tòa án Parloir-aux-Bourgeoi, sáng nay, ông ta có so sánh các sứ thần xứ Flandre với các sứ thần của Prêtre-Jean và của Hoàng đế xứ Trébisonde đã từ miền Lưỡng hà tới Paris dưới triều tiên đế, tai họ đeo vòng.

- Rõ ràng họ dự tiệc tại tòa đô chính, - bà Oudarde cãi lại, dửng dưng trước mọi lời phân bày đó, - chưa bao giờ lại lắm thịt và kẹo đến thế.

- Tôi nói để chị biết chính Le Sec, tuần cảnh thành phố, đã hầu bàn cho họ tại điện Tiểu Bourbon, đúng là chị nhầm mất rồi.

- Tôi đã bảo ở tòa đô chính kia mà!

- Chị ơi, ở điện Tiểu Bourbon kia! Chính người ta đã dùng đèn chiếu để soi sáng chữ *Hy vọng* ghi trên cổng lớn.

- Ở tòa đô chính! Ở tòa đô chính! Chả thế mà có cả Husson le Voir thổi sáo!

- Tôi đã bảo không phải!

- Còn tôi bảo đúng thế!

- Nhất định không phải!

Bà béo Oudarde sắp đáp lại và vụ cãi vã chưa chừng dẫn tới chỗ túm tóc nhau, nếu Mahiette không đột nhiên reo lên:

- Xem kìa, một bọn người đang tụ tập ở đầu cầu đằng kia! Họ xúm lại xem cái gì ở giữa đám ấy.

- Đúng thế, tôi nghe có tiếng trống, - Gervaise nói. - Có lẽ con bé Esmeralda đang làm trò với con dê. Mau lên, Mahiette! Đi nhanh lên, kéo theo cả cháu nhỏ

nữa. Chị lên đây để thăm cảnh lạ Paris. Hôm qua chị đã thấy các sứ thần Flandre; hôm nay phải xem con bé Ai Cập.

- Con bé Ai Cập! - Mahiette thốt lên, bỗng quay gót trở lại, nắm chặt lấy cánh tay thằng con. - Lạy Chúa phù hộ! Nó ăn cắp con tôi mất! - Eustache, lại đây.

Rồi bà chạy dọc bờ sông về phía quảng trường Grève, tới khi bỏ lại chiếc cầu khá xa phía sau. Còn đứa bé bị lôi xềnh xệch, ngã khuỵu xuống; bà thở hổn hển, dừng lại. Oudarde và Gervaise chạy theo tới nơi.

- Con bé Ai Cập đó mà ăn cắp con chị ư? - Gervaise nói. - Chị bày đặt chuyện gì lạ lùng thế.

Mahiette lắc đầu, vẻ lo lắng.

- Điều lạ lùng là mụ tu kín dòng Túi cũng nghĩ hệt như vậy về bọn đàn bà Ai Cập, - Oudarde nhận xét.

- Mụ tu kín dòng Túi là ai vậy? - Mahiette hỏi.

- Ủa! - Oudarde nói, - dì phước Gudule chứ ai.

- Nhưng dì phước Gudule là ai mới được chứ? - Mahiette hỏi.

- Chị đúng là người ở Reims, cho nên mới không biết chuyện đó! - Oudarde đáp. - Đó là mụ tu kín ở Hang chuột.

- Thế à! Hóa ra chính cái mụ khốn khổ ta đem bánh này lại cho ư? - Mahiette hỏi.

Oudarde gật đầu, nói:

- Đúng thế. Lát nữa chị sẽ thấy mụ đó sau cửa sổ trông ra quảng trường Grève. Mụ ta cũng nhìn nhận giống chị về lũ lang thang Ai Cập thường đánh trống và xem bói cho dân chúng. Không hiểu sao mụ đó lại ghê sợ bọn zingari và bọn Ai Cập đến thế. Còn chị, Mahiette, tại sao thoạt trông thấy họ, chị đã bỏ chạy ngay?

- Ôi! - Mahiette nói, hai tay giữ lấy cái đầu tròn xoe của thằng bé, - tại tôi không muốn gặp phải cái cảnh đã xảy ra cho Paquette la Chantefleurie.

- Chà! Chị Mahiette ơi, chuyện này chị phải kể cho chúng tôi nghe mới được, - Gervaise nắm cánh tay bà ta nói.

- Tôi xin kể ngay, - Mahiette đáp, - đúng là tại chị ở Paris nên không biết chuyện đó! Xin nói để các chị biết - nhưng ta vừa đi vừa nói chuyện cũng được - Paquette la Chantefleurie là cô gái xinh đẹp mười tám tuổi, cũng như tôi lúc đó, tức cách đây mười tám năm, mà cũng lỗi ở cô ta nếu bây giờ cô ta không như tôi, được trở thành bà mẹ béo tốt, tươi tắn, ba mươi sáu tuổi, có chồng, có con trai. Vả lại, ngay hồi cô ta mới mười bốn tuổi, cũng đã lỡ mất rồi! Cô ta vốn là con gái của Guybertaut, làm nghề hát rong dưới thuyền ở Reims, ông ta cũng chính là người từng hát trước mặt vua Charles VII hôm lễ đăng quang, khi nhà vua xuôi thuyền trên sông Velse, từ Sillery đến Muison, có cả lệnh bà Nữ đồng trinh trên thuyền ngự*. Paquette còn bé tí thì ông bố già chết; thế là chỉ còn lại bà mẹ, em gái ông Mathieu Pradon, thợ cả làm đồ đồng, gò xoong nồi ở Paris, tại đường Parin-Garlin, vừa chết hồi năm ngoái. Kể cô ta cũng thuộc gia đình khá giả đấy chứ. Bà mẹ là người tử tế nhưng chẳng may chỉ dạy cho Paquette biết chút nghề thêu rua kim tuyến và làm đồ chơi trẻ con, cứ thế cô gái lớn bổng lên và vẫn rất nghèo. Hai mẹ con ở Reims, bên bờ sông, tại phố Folle-Peine. Xin lưu ý điểm này: tôi cho đó là điều làm Paquette khốn khổ. Năm 61, năm làm lễ đăng quang của vua Louis XI mà Chúa vẫn phù hộ đến nay, Paquette xinh đẹp, vui tươi đến nỗi ai ai cũng gọi là Chantefleurie*. - Tội nghiệp cô gái! - Cô có hàm răng đẹp, nên thích cười để khoe. Thế mà con gái hay cười sớm muộn rồi sẽ khóc; hàm răng đẹp làm hại đôi mắt đẹp. Đó chính là cô Chantefleurie. Cô ta và bà mẹ sinh sống rất chật vật. Từ khi ông chồng hát rong chết, cả hai mẹ con đều khốn đốn. Nghề thêu kim tuyến chỉ kiếm được mỗi tuần chưa đầy sáu denier, tức là không tới hai đồng liard-diều-hâu. Đâu còn thời buổi mà lão

Guybertaut chỉ hát một bài trong riêng dịp lễ đăng quang cũng kiếm được mười hai xu tiền Paris? Một mùa đông - cũng vào năm 61 đó - hai mẹ con không còn lấy thanh củi, mẩu gỗ, mà trời rất lạnh, làm da dẻ cô gái Chantefleurie càng trắng đẹp hơn, khiến bọn đàn ông gọi cô là: Paquette! Nhiều kẻ còn gọi là cô Bạch Cúc! Thế là cô gái đâm sa đọa. - Eustache, ai bảo con cắn vào cái bánh như vậy! - Chúng tôi thấy ngay cô gái hư hỏng rồi, vào cái hôm chủ nhật, khi cô ta đến nhà thờ với chiếc thánh giá bằng vàng đeo trên cổ. - Mới mười bốn tuổi đầu! Các chị có thấy ghê không? - Thoạt đầu là vị tử tước trẻ Cormontreuil, có tòa gác chuông ở cách Reims ba phần tư dặm; rồi ông Henri de Triancourt, quan dạy ngựa hoàng gia; rồi kém hơn nữa là Chiart de Beaulion, cảnh lại vũ trang; rồi cứ thế sa sút tới Guery Aubergeon, hầu bản nhà vua; rồi Macé de Frépus, thợ cạo đức Thái tử; rồi Thévenin le Moine, đầu bếp hoàng cung, rồi cứ thế ngày càng già hơn và hèn kém hơn, cô ta rơi vào tay Guillaume Racine đần hát rong và Thierry de Mer, chủ nhà thổ. Tội nghiệp cho Chantefleurie, thế là cô ta bị chuyển tay đủ hạng người. Cô đã tiêu đến xu cuối cùng của đồng tiền vàng. Thế rồi ra sao, các chị có biết không? Tới lễ đăng quang, cũng vào năm 61 đó, chính cô ta phải đón tên trùm trác táng! - Trong vòng có một năm!

Mahiette thở dài và lau giọt nước mắt ứa ra.

- Chuyện đó có gì lạ lắm đâu, - Gervaise nói,- mà chuyện cũng chẳng có ai là dân Ai Cập và trẻ con cả.

- Khoan đã! - Mahiette nói tiếp; - trẻ con ư, rồi cũng sẽ có một đứa đấy. - Năm 66, tính tới tháng này ngày lễ thánh bà Paule là mười sáu năm rồi, Paquette đẻ con gái. Cô gái khốn khổ rất vui sướng. Từ lâu cô ta vẫn mong có con. Bà mẹ, người hiền lành tử tế, bấy lâu chỉ biết nhắm mắt làm ngơ, bà mẹ đã chết. Paquette chẳng có ai trên đời để yêu thương, và cũng chẳng còn ai yêu thương cô. Trải năm năm sa đọa, Chantefleurie đã trở thành con người khốn khổ. Cô ta sống trơ trọi, trơ trọi giữa cuộc đời, bị dè bỉu, bêu riếu ngoài phố, bị cảnh binh

đánh đập trẻ con rách rưới chế giễu. Rồi tuổi hai mươi tới: mà tuổi hai mươi đã là tuổi già đối với loại đàn bà giăng hoa. Cuộc sống phóng đãng bắt đầu không đem lại tiền bạc cho cô bằng nghề thêu tua kim tuyến ngày xưa; một vết nhăn xuất hiện là một đồng écu ra đi; mùa đông trở nên khắc nghiệt với cô, từ nay củi đốt trở nên hiếm hoi trong lò bếp và bánh mì hiếm hoi trong thùng bánh. Cô không thể làm lụng được nữa, vì càng dâm đãng càng lười biếng, cô còn khốn khổ hơn nữa vì càng lười biếng lại càng dâm đãng. - Ít nhất cũng bởi lẽ đó mà cha xứ ở Saint-Remy đã giải thích tại sao loại đàn bà đó thường rét hơn và đói hơn các bà nghèo khổ khác khi trở về già.

- Phải, - Gervaise nhận xét, - thế còn dân Ai Cập đâu?

- Khoan đã nào, Gervaise! - Oudarde nói, không đến nỗi quá sốt ruột. - Nếu mở đầu mà kể hết ngay, đoạn cuối còn gì nữa! Mahiette, xin chị cứ kể tiếp. Tội nghiệp cho cô Chantefleurie!

Mahiette kể tiếp:

- Thế là cô ta rất buồn rầu, rất khổ sở, nước mắt đầm đìa đến hóp má. Nhưng sống trong tủi hổ, phóng đãng, trơ trọi, hình như cô sẽ bớt tủi hổ, phóng đãng, trơi trọi, nếu trên đời còn có gì đó hoặc ai đó khiến cô có thể yêu thương và yêu thương lại cô gái. Muốn thế phải có đứa con, vì chỉ có đứa con mới đủ thơ ngây trong việc này. - Cô gái nhận ra điều đó sau khi thử yêu một tên ăn cắp, gã đàn ông duy nhất còn đoái hoài đến cô; nhưng chỉ ít lâu sau, cô nhận thấy cả tên ăn cắp cũng khinh rẻ cô.

- Đối với loại gái giang hồ, chỉ có tình nhân hoặc đứa con mới lấp đầy trái tim họ. Nếu không, họ sẽ rất khổ. Vì không có nổi tình nhân, cô chỉ còn thèm muốn có đứa con, và không ngớt cầu xin Chúa ban ơn, vì cô vẫn luôn luôn mộ đạo. Chúa lòng lành liền thương xót và ban cho cô đứa con gái. Thôi thì tha hồ khóc lóc, vuốt ve, hôn hít. Cô ta tự cho con bú, làm tã lót bằng chiếc khăn duy nhất trên giường, chẳng còn biết đói biết rét là gì. Nhờ đó cô đẹp trở lại. Gái già

biến thành mẹ trẻ. Ong bướm trở lại dập dìu, khách làng chơi lại tới tìm kiếm Chantefleurie, món hàng của cô lại có kẻ ưa chuộng, và bấy nhiêu ghê tởm được cô ta biến thành tã lót, khăn mũ, yếm dãi, áo viền ren và mũ nhỏ xa tanh, cũng chẳng nghĩ tới chuyện sắm cho mình chiếc khăn khác. - Này cậu Eustache, tôi đã bảo không được ăn bánh kia mà - Chắc chắn con bé Agnès - đó là tên đứa trẻ, tên rửa tội, còn tên họ từ lâu cô Chantefleurie không còn nữa - chắc chắn con bé được quấn dải lụa và đồ thêu còn hơn cả công chúa xứ Dauphiné! Ngoài ra, con bé còn có đôi giầy nhỏ! Mà đến vua Louis XI chắc cũng chẳng có nổi một đôi tương tự! Chính tay người mẹ đã khâu và thêu đôi giày, dồn vào đó mọi khéo léo của thợ thêu kim tuyến và mọi chỉ vàng chỉ bạc của chiếc áo Đức mẹ đồng trinh. Đúng là đôi giày màu hồng xinh xắn chưa từng thấy. Nó dài không quá ngón tay cái tôi, và phải thấy đôi chân bé nhỏ của đứa trẻ rút ra khỏi giày, mới tin rằng nó có thể xỏ chân vào được. Quả tình hai bàn chân bé nhỏ thật nhỏ bé, xinh đẹp, đỏ hồng! Đỏ hồng hơn cả thứ vải xa tanh may giày! Chị Oudarde ạ, khi nào có con, chị sẽ thấy không gì đẹp bằng những bàn chân, bàn tay bé bỏng đó.

- Tôi không mong gì hơn, - bà Oudarde thở dài, nói.

- Hơn nữa, đứa con của Paquette không phải chỉ có đôi chân xinh xắn, - Mahiette kể tiếp. - Tôi đã trông thấy con bé hồi nó mới được bốn tháng. Thật dễ thương! Mắt nó to hơn miệng. Làn tóc tơ đen nhánh rất đáng yêu, đã quăn tít. Chỉ mười sáu tuổi, nó sẽ thành cô gái tóc huyền bảnh bao lắm! Mẹ nó mỗi ngày một thêm mê mẩn vì nó; nào vuốt ve, hôn hít, mơn trớn, tắm rửa, trang điểm, ngắm nghía nó mãi! Cô ta quay cuồng vì con, thầm cảm ơn Chúa. Nhất là đôi chân hồng hồng xinh xẻo, đúng là nỗi sững sờ triền miên, niềm vui sướng điên cuồng! Cô ta không rời môi hôn đôi chân con bé và không hiểu sao chân nó lại bé bỏng đến thế. Cô ta xỏ chân con vào đôi giày nhỏ, rồi rút ra, ngắm nghía, trầm trồ, soi qua ánh sáng, thương hại đôi chân đứa con chập chững bước đi trên

giường và sẵn sàng suốt đời quỳ gối để mang giày và tháo giày cho hai bàn chân giống như chân của Chúa hài đồng.

- Chuyện hay lắm, nhưng chẳng thấy nhắc gì đến Ai Cập cả, - bà Gervaise khẽ nói.

- Thì đây, - Mahiette đáp. - Một hôm, có lũ người cưỡi ngựa trông thật kỳ dị kéo tới Reims. Đó là bọn người nghèo khổ và hành khất đi lang thang trong xứ, do các công tước và bá tước của họ lãnh đạo. Nước da họ ngăm đen, tóc quăn tít, tai đeo khuyên bạc. Đàn bà còn xấu hơn đàn ông. Mặt mày họ đen nhẻm và luôn luôn phơi trần, mình phủ mảnh vải xác xơ, vai buộc chiếc chăn cũ bằng bao tải, tóc tết đuôi ngựa. Đàn con chạy quẩn quanh chân họ làm khi cũng phát sợ. Đúng là đoàn người bị rút phép thông công. Bọn họ đi thẳng từ miền Ai Cập tới Reims, qua Ba Lan. Nghe đồn giáo hoàng đã rửa tội cho họ và bắt họ chuộc tội bằng cách bảy năm liền phải đi lang thang khắp nơi, không được ngủ trên giường. Cho nên họ mới mang tên kẻ chuộc tội và người họ hôi thối. Hình như trước kia họ là người Hồi giáo, cho nên họ mới tin thần Jupiter, và hễ gặp các tổng giám mục, giám mục và tu viện trưởng có đội mũ mang gậy là họ đòi mười đồng livre tiền Tour. Họ dám làm như vậy vì có sắc lệnh của giáo hoàng. Họ nhân danh vua xứ Alger và hoàng đế nước Đức để tới Reims xem bói. Các chị thừa biết như thế cũng đủ để họ bị cấm không được vào thành phố. Thế là cả bọn đành vui vẻ hạ trại ở gần cổng Braine, trên ngọn đồi có cối xay, cạnh dãy phố các mỏ phấn trắng cũ. Dân thành Reims liền lũ lượt kéo đi xem đoàn người đó. Họ xem tướng tay và nói toàn chuyện tương lai kỳ lạ. Họ dám tiên đoán Judas sẽ trở thành giáo hoàng. Trong khi đó, có tin đồn ghê gớm là họ chuyên bắt cóc trẻ con, cắt túi và ăn thịt người. Kẻ khôn ngoan bảo bọn dại dột: “Đừng tới đó”, nhưng lại lén lút đến một mình. Thật là một cuộc kích động. Vì rõ ràng họ nói những điều đến đức hồng y cũng phải kinh ngạc. Các bà mẹ hết sức hãnh diện về con cái, từ khi các mụ Ai Cập đọc chỉ tay của chúng thấy đủ mọi phép

lạ, viết bằng chữ của kẻ vô thần và người Thổ Nhĩ Kỳ. Bà này có con làm hoàng đế, bà kia có con làm giáo hoàng, bà nọ có con làm đại úy. Cô gái tội nghiệp Chantefleurie cũng đâm tò mò. Cô muốn biết số mệnh con gái mình và liệu bé Agnès xinh xắn một ngày kia có trở thành hoàng hậu xứ Arménie hoặc cái gì khác không. Cô ta bèn bế con tới cho bọn Ai Cập; lũ đàn bà đó liền ngắm nghía con bé rồi vuốt ve, hôn hít nó bằng cái miệng đen ngòm, còn trầm trồ khen bàn tay xinh xắn của đứa nhỏ. Chao ôi! Người mẹ tha hồ vui sướng. Lũ chúng khen ngợi nhất là hai bàn chân xinh và đôi giày đẹp. Đứa bé chưa đầy một tuổi. Nó đã bập bẹ, cười với mẹ như con bé điên, bụ bẫm, mập mạp rồi hoa chân múa tay rất đáng yêu như tiên đồng trên thượng giới. Nó rất sợ bọn đàn bà Ai Cập, òa lên khóc. Nhưng người mẹ hôn con nhiều hơn và sung sướng ra về với lời tiên đoán tốt lành của bọn thầy bói nói về bé Agnès. Nó sẽ trở thành cô bé đẹp, hiền ngoan, một bà hoàng. Cô ta liền quay lại gian gác xép ở phố Folle-Peine, rất kiêu hãnh được bế về một bà hoàng. Hôm sau, nhân lúc con bé còn đang ngủ trên giường mẹ vì hai mẹ con nó ngủ chung với nhau, cô ta nhẹ nhàng để cửa hé mở rồi chạy đi kể cho bà láng giềng ở phố Séchesserie là sẽ có ngày con bé Agnès được mời ăn ở bàn tiệc của vua nước Anh và quận công Éthiopie, cùng vô khối chuyện hay ho khác. Khi quay về, không nghe thấy tiếng con khóc lúc lên thang gác, cô ta thầm nhủ: “May quá! Con bé vẫn ngủ”. Cô ta thấy cánh cửa mở rộng hơn lúc ra đi, nhưng người mẹ đáng thương vẫn bước vào và chạy lại giường... - đứa bé không còn đó, giường trống trơ. Không còn dấu vết gì của đứa trẻ, ngoại trừ một trong hai chiếc giày xinh đẹp. Cô ta lao ra khỏi phòng, nhảy bổ xuống cầu thang, đập đầu vào tường kêu gào: Con tôi đâu, ai bắt mất con tôi? Ai cướp mất con tôi? - Phố xá vắng tanh, căn nhà lại biệt tịch, không ai có thể chỉ cho biết điều gì. Cô ta đi khắp thành phố, lùng sục mọi ngõ ngách, suốt ngày chạy hết đó đây, điên dại, ngơ ngác, dữ tợn đánh hơi từng cửa ra vào lẫn cửa sổ như thú dữ mất con. Cô ta hớt hải, đầu tóc rối tung, trông dễ sợ, và trong khóe mắt ánh lên tia lửa làm khô hết nước mắt. Cô ta ngăn khách qua

đường, đứng lên, lại kêu lên: “Con tôi! Con tôi! Con gái bé bỏng xinh đẹp của tôi đâu? Ai đem trả con tôi tôi sẽ hầu hạ, xin hầu hạ cả con chó của họ, nếu muốn ăn tim tôi cũng được”. Cô ta gặp cha xứ Saint-Remy, nói: Thưa cha, tôi xin dùng móng tay cày đất, nhưng hãy trả con cho tôi! - Chị Oudarde, nghe thật đau lòng; chính mắt tôi thấy một ông vốn tính sắt đá, ông biện lý Ponce Lacabre, cũng phải nhỏ nước mắt. - Ôi! Tội nghiệp cho người mẹ! - Buổi tối, cô ta về nhà. Khi cô vắng nhà, bà láng giềng thoáng thấy hai mụ Ai Cập ôm cái bọc trong tay lén lên gác, rồi đi xuống khép cửa lại và vội vã lẩn trốn. Họ đi khỏi rồi, người ta nghe thấy tiếng trẻ khóc trên buồng Paquette. Người mẹ cười vang, leo lên thang như mọc cánh, đâm sầm vào cửa như đạn đại bác, bước vào... - Oudarde ạ, quả thật là một vật ghê rợn. Đáng lẽ là con bé Agnès xinh đẹp, hồng hào, tươi tắn, một ân huệ của Chúa từ bi ban cho họ, thì lại là một thứ quái vật bé nhỏ, xấu xí, thọt chân, chột mắt, bất thành nhân, đang bò lê trên sàn kêu khóc. Cô ta kinh sợ lấy tay che mắt.

- Ôi! - Cô ta thầm nhủ, - không biết có phải bọn phù thủy đã hóa phép biến con ta thành quái vật khủng khiếp này chăng? - Mọi người vội mang đứa bé thọt đi nơi khác. Nếu không người mẹ phát điên lên mất. Đó là đứa con quái đản của mụ Ai Cập nào đó đi lại với quỷ sứ. Nó khoảng bốn tuổi, nói thứ tiếng không phải tiếng người; đó là những tiếng không thể gọi là tiếng nói. - Cô Chantefleurie chỉ còn biết ôm ấp chiếc giầy nhỏ, vật duy nhất còn lại của tất cả những gì yêu mến. Cô ta ngồi chết lặng hồi lâu, chẳng hề nói năng, than thở, tưởng như chết rồi. Đột nhiên, cô run bắn người lên, cuồng dại hôn hít kỷ vật rồi khóc òa nức nở như thể trái tim vừa tan nát. Thật tình tất cả chúng ta cũng phải khóc theo. Cô ta kêu lên: “Ôi! Con gái bé bỏng của mẹ! Con gái xinh đẹp của mẹ! Bây giờ con ở đâu?” - Nghe mà não lòng. Cứ nhớ tới tôi cũng ứa nước mắt. Các chị biết đấy, con cái là tủy là xương của chúng ta.

- Eustache tội nghiệp của mẹ! Con tôi xinh trai quá đi mất! Cháu nó ngoan

lắm kia, các chị ạ! Hôm qua nó bảo tôi con muốn lớn lên làm hiến binh. Ôi! Eustache của mẹ! Nếu mẹ mà mất con...! - Cô Chantefleurie bỗng nhiên đứng dậy, chạy khắp thành Reims, gào lên: "Ở trại bọn Ai Cập! Ở trại bọn Ai Cập! Cảnh sát đâu, thiêu chết ngay bọn phù thủy!" - Bọn Ai Cập đi mất rồi. - Đêm tối đen. Không đuổi theo bọn họ được. Hôm sau, cách Reims hai dặm, trong rừng thạch thảo giữa Gueux và Tilloy, người ta tìm thấy dấu vết một đống lửa lớn, vài dải lụa của đứa con gái của Paquette, những giọt máu và phân dê. Đêm vừa qua lại đúng đêm thứ bảy. Chẳng còn gì phải nghi ngờ, đúng là bọn Ai Cập đã mở dạ hội trong rừng và đã ăn thịt con bé cùng với Diêm vương, như tụi Hồi giáo vẫn làm. Khi Chantefleurie được tin khủng khiếp đó, cô không khóc, chỉ mấp máy môi định nói mà không nói nỗi. Hôm sau, tóc cô ngả bạc. Hôm sau nữa, cô ta mất tích.

- Câu chuyện quả là kinh khủng, - Oudarde nói, - đến một gã xứ Bourguignon cũng phải khóc!

- Bây giờ tôi không còn lấy làm lạ là chị khiếp sợ bọn Ai Cập đến thế, - Gervaise tiếp lời.

- Lúc nãy, chị dắt Eustache chạy đi như vậy, xem ra rất phải, - Oudarde nói thêm, - vì bọn Ai Cập này cũng từ Ba Lan tới.

- Không phải đâu, - Gervaise nói. - Nghe nói họ từ Tây Ban Nha và Catalogne tới.

- Catalogne à? Có lẽ đúng. - Oudarde đáp. - Pologne, Catalogne, Valogne, tôi cứ lẫn lộn mãi ba tỉnh đó. Có điều chắc chắn họ đúng người Ai Cập.

- Và hẳn phải có răng khá dài để ăn thịt trẻ con, - Gervaise nói. - Tôi chẳng ngạc nhiên là con Esmeralda cũng ăn chút ít thịt trẻ con, tuy vẫn làm ra vẻ thanh cảnh. Con dê trắng của nó làm trò rất tinh quái, chắc phải có chuyện bậy bạ gì đó bên trong.

Mahiette lặng lẽ bước đi. Bà ta đang mải mê mơ tưởng, cơn mơ như nối tiếp

câu chuyện đau lòng và chỉ chấm dứt sau khi truyền đi sự rung động, từ nhịp rung này tới nhịp rung khác, đến các thớ thịt cuối cùng trong tim. Nhưng Gervaise đã cất tiếng hỏi:

- Thế người ta không biết về sau Chantefleurie ra sao à?

Mahiette không đáp. Gervaise nhắc lại câu hỏi, lắc tay bà bạn và gọi tận tên. Mahiette như sực tỉnh khỏi cơn mơ.

- Chantefleurie về sau ra sao à? - Bà ta bất giác nhắc lại câu hỏi vừa vang ngân mơ hồ bên tai; rồi gắng chú ý tới ý nghĩa câu hỏi, bà nhanh nhảu nói: - Ồ! Chẳng ai biết nữa.

Ngừng một lát, Mahiette nói tiếp:

- Có người bảo trông thấy cô ta ra khỏi Reims vào lúc chạng vạng tối, qua cửa ô Fléchembault; có kẻ lại bảo là vào lúc tảng sáng, đằng cửa ô cũ Basée. Một người nghèo tìm thấy chiếc thánh giá bằng vàng của cô ta treo trên cây thánh giá bằng đá ở thửa đất vẫn họp hội chợ. Chính vật báu này đã làm hại đời cô ta vào năm 61. Đó là tặng vật của tử tước đẹp trai Cormontreuil, người tình đầu tiên. Paquette không bao giờ muốn rời nó, dù nghèo khốn đến đâu. Cô quý nó như đời mình. Cho nên khi thấy chiếc thánh giá bỏ đó, ai cũng nghĩ cô ta chết rồi. Tuy nhiên, nhiều người ở Cabaret-les-Vantes lại nói trông thấy cô ta đi chân không trên sỏi đá, ở con đường lên Paris. Nhưng nếu nói vậy, cô ta phải ra bằng cửa ô Velse, mà mọi cái đó lại không ăn nhập với nhau. Hoặc nói đúng hơn, tôi cũng tin quả thật cô ta đã đi ra bằng cửa ô Velse nhưng là đi ra khỏi thế giới này.

- Tôi không hiểu chị định nói gì, - Gervaise bảo.

- Velse là con sông, - Mahiette trả lời, mỉm cười buồn bã.

- Tội nghiệp cho Chantefleurie! Chết đuối ư? - Oudarde run rẩy hỏi.

- Chết đuối rồi! - Mahiette nhắc lại. - Khi vừa hát vừa thả con thuyền theo dòng nước trôi ngang dưới cầu Tinqueux, có ai dám nói với ông già Guybertaut

là một ngày kia, Paquette, cô con gái thân yêu của ông, cũng sẽ đi ngang dưới cầu này, nhưng không tiếng ca mà cũng chẳng có thuyền!

- Thế còn chiếc giày nhỏ? - Gervaise hỏi.

- Cũng biến mất theo người mẹ! - Mahiette đáp.

- Tội nghiệp chiếc giày! - Oudarde nói.

Oudarde là một bà to béo và đa cảm, rất thích được cùng Mahiette than thở. Nhưng Gervaise tò mò hơn, vẫn muốn hỏi thêm.

- Còn con quái vật? - Bà ta đột nhiên hỏi Mahiette.

- Quái vật nào? - Mahiette hỏi lại.

- Con quái vật nhỏ Ai Cập mà bọn phù thủy để lại ở nhà Chantefleurie để đánh đổi lấy con bé ấy! Họ đã làm gì nó. Tôi chắc các bà cũng đem nó trôi sông nốt.

- Không đâu, - Mahiette đáp.

- Sao hả? Chắc đem thiêu sống phải không? Kể ra làm như vậy đúng hơn. Một đứa bé phù thủy.

- Không trôi sông mà cũng chẳng thiêu sống, chị Gervaise ạ. Đức tổng giám mục quan tâm đến đứa trẻ Ai Cập, đã trừ tà và ban phép lành cho nó, rồi gửi tới Paris để đặt lên chiếc giường gỗ ở nhà thờ Đức Bà làm đứa trẻ vô thừa nhận.

- Mấy ông giám mục đó thật lắm chuyện! - Gervaise làu bàu nói. - Vì họ thông thái nên họ toàn làm khác người. Này Oudarde, chị thấy chưa, ai lại đặt quỷ sứ vào chỗ trẻ vô thừa nhận bao giờ! Vì rõ ràng thằng bé quái vật là quỷ sứ rồi. - Này Mahiette, thế họ đã làm gì nó ở Paris? Tôi chắc chẳng có kẻ từ tâm nào nhận nuôi.

- Tôi không rõ, - bà dân thành Reims đáp. - Đúng vào dịp đó, chồng tôi mua được chân lục sự ở Beru, cách thành phố hai dặm, rồi chúng tôi cũng không để ý tới chuyện đó nữa; vả lại, trước mặt Beru có hai ngọn đồi Cecnay, che khuất cả

tháp chuông nhà thờ lớn thành Reims.

Vừa đi vừa nói chuyện, ba bà thị dân đáng kính đã tới quảng trường Grève. Mải trò chuyện, các bà đi thẳng không dừng lại trước cuốn kinh công cộng ở tháp Roland, cứ vô tình bước tới giàn bêu tù mỗi lúc một đông người xúm quanh. Chắc hẳn cảnh tượng đang thu hút mắt mọi người lúc đó, làm ba bà quên bẵng mất Hang chuột cùng dự tính dừng lại đó, nếu chú bé mập mạp sáu tuổi Eustache, đang bị Mahiette lếch thếch kéo đi, không đột nhiên nhắc tới vật cầm tay:

- Mẹ ơi, - nó nói, như có linh tính báo cho biết đã đi qua Hang chuột, - bây giờ con ăn bánh được chứ?

Nếu Eustache khôn ngoan hơn, nghĩa là bớt tham ăn, nó sẽ đợi thêm, và chỉ lúc quay về đến nhà, ở Khu đại học, tại nhà thầy Andry Musnier, phố Madame-la-Valence, lúc đã được hai nhánh sông Seine và năm chiếc cầu ở Khu thành cũ ngăn cách Hang chuột với chiếc bánh, tới lúc đó nó hãy rụt rè đưa ra câu nói:

- Mẹ ơi, bây giờ con ăn bánh được chứ?

Cũng câu hỏi đó, trót dại dột đưa ra lúc bấy giờ, làm Mahiette sực nhớ, kêu lên:

- Thôi chết, ta quên mất bà tu kín rồi! Chị chỉ cho tôi Hang chuột, để tôi mang bánh lại.

- Được thôi, - Oudarde nói. - Đây là chuyện làm phúc.

Đó là điều Eustache không tính tới.

- Thì đây, bánh đây này! - Nó nói, lần lượt nhún hai vai tới tận tai, trong trường hợp này, là dấu hiệu giận dỗi ghê gớm.

Ba bà quay lại, khi tới gần ngôi nhà ở tháp Roland, Oudarde bảo hai bà kia:

- Cả ba chúng ta không nên cùng một lúc nhìn vào hang, e làm bà tu kín dòng Túi sợ hãi. Hai bà hãy giả vờ đọc kinh *Dominus** trong cuốn kinh, để tôi ngó

vào cửa sổ một tí. Bà tu kín có hơi quen tôi. Khi nào tới được, tôi sẽ ra hiệu cho các chị.

Bà ta một mình đi tới cửa sổ. Lúc nhòm vào, nét mặt bà lộ vẻ vô cùng thương hại, khuôn mặt vui tươi, cởi mở, đột nhiên biến đổi hẳn sắc thái như từ dưới ánh nắng đi vào ánh trăng. Mắt bà rớm lệ, miệng mếu máo như sắp khóc. Lát sau, bà đặt ngón tay lên môi, ra hiệu cho Mahiette lại gần mà xem.

Mahiette xúc động, lặng lẽ, rón rén lại gần, như tới bên giường người hấp hối.

Quả thật là cảnh tượng buồn thảm đang diễn ra trước mắt hai người, khi họ im lìm, nín thở, nhìn qua cửa sổ chấn song của Hang chuột.

Căn phòng chật hẹp, chiều ngang rộng hơn chiều sâu, trần hình cung nhọn, nhìn bên trong khá giống chóp mũ lễ lớn của giám mục. Trên nền đá lát trống trơn, ở một góc, có người đàn bà đang ngồi, đúng ra là ngồi xổm. cằm tì lên đầu gối, hai cánh tay khoanh lại ghì chặt lấy ngực. Bà ta ngồi co quắp, mình khoác bao tải nâu hằn nếp rộng, phủ kín toàn thân, tóc dài chớm bạc xõa xuống trước mặt, chảy dài xuống tận chân; thoạt nhìn, hình thù bà ta trông thật kỳ dị, cắt trên nền tối gian phòng thành thứ hình tam giác đen sạm mà tia sáng chiếu qua cửa sổ in rõ thành hai màu, một tối một sáng: Đó là thứ bóng ma nửa sáng nửa tối, như thường thấy trong mộng và trong tác phẩm kỳ quái của Goya, mờ nhạt, bất động, rùng rợn, ngồi xổm trên mộ hoặc tựa lưng vào cửa sắt ngục tối. Nó không ra đàn bà, không ra đàn ông, cũng chẳng phải người sống, chẳng có hình khối xác định: chỉ là một hình thù; một thứ ảo ảnh hỗn hợp cả cái thật lẫn cái hư, như bóng tối và ánh sáng. Dưới làn tóc buông xõa tới đất, thấp thoáng khuôn mặt trông nghiêng hốc hác và nghiêm nghị; manh áo dài để lộ đầu bàn chân không, bíu lấy nền đá cứng lạnh. Chút hình hài lấp ló sau cái vỏ tang tóc khiến ta rùng mình.

Hình thù như gắn liền với nền đá lát có vẻ không cử động, không ý nghĩ,

không hơi thở. Sau bao tải mong manh, giữa tháng giêng, nằm sóng soài không chăn đệm trên nền đá cứng, chẳng đốt lửa, trong bóng tối ngục kín có khung cửa sổ chéo chỉ để lọt từ bên ngoài vào gió lạnh chứ không bao giờ có ánh nắng, hình thù như không khổ sở, thậm chí không cảm xúc. Có thể nói nó hóa đá cùng ngục tối, hóa băng cùng thời tiết. Đôi tay chắp lại, cặp mắt đăm đăm. Thoạt nhìn tưởng đó là bóng ma, nhìn lại, tưởng đó là pho tượng.

Tuy nhiên, cặp môi xanh xám thỉnh thoảng hé mở lại thở phào và run lên, nhưng cũng khô héo và tự động như lá lay trước gió.

Tuy nhiên từ cặp mắt ảm đạm bật ra tia nhìn, một tia nhìn khó tả, tia nhìn sâu thẳm, rùng rợn, sững sờ, luôn nhìn chằm chằm vào góc phòng mà ta đứng ngoài không trông thấy; một tia nhìn như thu hút mọi ý tưởng đen tối của linh hồn đau khổ đó vào một vật gì bí hiểm.

Đó là con người mang tên tu kín do nơi ở, và dòng Túi do khoác bao tải.

Gervaise cũng tới đứng cạnh Mahiette và Oudarde, cho nên cả ba cùng nhìn qua cửa sổ. Đầu họ ngăn bớt ánh sáng lọt vào phòng; vậy mà con người khốn khổ hình như cũng chẳng để ý gì tới ba người che khuất cửa.

Oudarde khẽ bảo:

- Đừng quấy rầy bà ta, bà ta đang say mê cầu nguyện.

Nhưng Mahiette mỗi lúc một lo ngại thêm, ngắm nhìn cái đầu hốc hác, héo úa, rối bù và cặp mắt đẫm lệ. Bà thầm thì:

- Kể cũng lạ thật.

Bà lách đầu qua chấn song cửa và nhìn được vào tận góc phòng, nơi cặp mắt con người khốn khổ vẫn đăm đăm dán vào.

Khi rút đầu ra, khuôn mặt bà đầm đìa nước mắt. Bà hỏi Oudarde:

- Chị bảo tên người đàn bà này là gì?

Oudarde trả lời:

- Chúng tôi gọi là dì phước Gudule.

- Còn tôi, - Mahiette nói, - tôi gọi là Paquette la Chantefleurie.

Rồi đặt ngón tay lên miệng, bà ra hiệu cho Oudarde đang kinh ngạc, hãy thò đầu qua cửa sổ mà xem.

Oudarde nhìn vào và thấy ở góc phòng, nơi con mắt bà tu kín đang âm thầm mê mẩn ngó nhìn, một chiếc giày nhỏ bằng vải sa tanh hồng thêu đủ thứ kim tuyến và ngân tuyến.

Sau Oudarde đến lượt Gervaise nhìn vào, thế là cả ba bà cùng ngắm nhìn bà mẹ đau khổ rồi òa lên khóc.

Tuy nhiên bà tu kín vẫn không hề để ý tới mọi cái nhìn lẫn tiếng khóc. Hai bàn tay bà vẫn chắp lại, cặp môi nín câm, đôi mắt đăm đăm và đối với những ai biết chuyện, nhìn thấy chiếc giày xinh xắn nọ, hẳn phải tan nát cõi lòng.

Cả ba bà chưa nói lời nào: họ không dám, dù chỉ nói thầm. Sự im lặng to lớn, nỗi đau khổ to lớn, niềm lãng quên to lớn mà tất cả đều biến mất, ngoại trừ một vật, làm ba người có cảm tưởng đứng trước chính diện của một ngày lễ Phục sinh hoặc Giáng sinh. Họ nín lặng, trầm ngâm, sẵn sàng quỳ xuống cầu nguyện. Họ thấy như vừa bước vào giáo đường đúng ngày Bóng tối.

Cuối cùng, Gervaise, người tò mò nhất do đó ít xúc động nhất, gắng gợi chuyện bà tu kín:

- Dì phước ơi! Dì phước Gudule ơi!

Bà gọi đi gọi lại tới ba lần, mỗi lần mỗi to hơn. Bà tu kín không nhúc nhích. Không một lời, không ngước nhìn, không hơi thở, không dấu hiệu sống.

Đến lượt Oudarde gọi dịu dàng và âu yếm hơn:

- Dì phước ơi! Dì phước Thánh bà Gudule ơi!

Vẫn im lặng và bất động như cũ. Gervaise thốt lên:

- Cái bà này thật kỳ quặc! Giá đem súng thần công tới bắn bên tai cũng chưa

chắc bà ta động lòng!

- Có khi bà ta điếc. - Oudarde thở dài nói.

- Không chừng mù nữa, - Gervaise thêm.

- Mà có khi chết rồi, - Mahiette tiếp lời.

Có điều chắc chắn nếu linh hồn chưa rời thể xác bất động, ngủ yên, hôn mê đó, ít nhất nó cũng đã rút lui và ẩn trốn tận nơi sâu thẳm mà giác quan bên ngoài không thâm nhập tới được.

Oudarde bảo:

- Thôi đành để lại chiếc bánh bên cửa sổ. Khéo không thằng nhãi nào lại lấy mất. Làm thế nào đánh thức được bà ta bây giờ?

Eustache từ nãy đến giờ mải xem con chó lớn kéo chiếc xe nhỏ vừa đi ngang qua, bỗng nhận thấy ba bà dẫn nó đi đang nhìn gì qua cửa sổ, riêng nó cũng tò mò, trèo lên một mốc đá, kiễng chân và áp khuôn mặt tròn xoe, đỏ hồng vào khung cửa, kêu lên:

- Mẹ ơi, con cũng nhìn thấy!

Nghe thấy tiếng trẻ trong trẻo, tươi mát, lanh lảnh, bà tu kín bỗng giật mình. Bà quay đầu lại, cử chỉ cứng nhắc và đột ngột như lò xo thép, hai bàn tay dài trơ xương gạt mớ tóc rũ xuống trán rồi chằm chằm nhìn đứa trẻ bằng cặp mắt kinh ngạc, chua chát, tuyệt vọng. Tia mắt chỉ thoáng qua như ánh chớp. Bà giấu mặt vào đầu gối, đột nhiên kêu lên, tiếng nói khàn khàn như xé rách lồng ngực mà thoát ra:

- Trời đất ơi! Ít nhất cũng đừng đem con của người khác đến trêu ta!

- Chào bác ạ! - Đứa trẻ nghiêm trang nói.

Nhưng phút xúc động hầu như làm bà tu kín sực tỉnh. Toàn thân run rẩy từ đầu đến chân, răng đánh lập cập, đầu hơi ngẩng lên, hai khuỷu tay kẹp lấy hông, tay nắm lấy chân như để sưởi ấm, bà nói:

- Ôi! Rét quá!

- Tội nghiệp, bà có cần chút lửa sưởi không? - Oudarde thương xót, hỏi.

Bà ta lắc đầu từ chối, Oudarde chìa cái chai, nói:

- Này, có chút rượu quế đây, uống cho ấm bụng. Bà uống đi.

Bà ta lại lắc đầu, nhìn Oudarde chằm chằm và đáp:

- Cho tôi ngụm nước.

- Không, bà ạ, nước không phải là thức uống tháng giêng, - Oudarde nài ép. - Nên uống chút rượu quế, rồi ăn chiếc bánh rán men bột ngô chúng tôi làm riêng cho bà đây.

Bà ta gạt chiếc bánh Mahiette đưa ra và bảo:

- Cho tôi bánh mì đen.

- Này bà, - đến lượt Gervaise cũng động lòng từ thiện, cởi chiếc áo len ngắn, nói - chiếc áo ngoài này ấm hơn cái của bà. Bà hãy choàng thêm lên vai.

Bà ta từ chối chiếc áo cũng như chai rượu và chiếc bánh, và đáp:

- Cho tôi cái bao tải.

- Thế bà không thấy hôm qua chả là ngày hội sao? - Bà Oudarde tốt bụng nài ép.

- Tôi biết chứ, - bà tu kín nói. - Đã hai hôm nay, cái vò của tôi hết sạch nước rồi.

Bà nín lặng giây lát rồi nói tiếp:

- Vì ngày hội nên họ quên tôi. Thế là phải. Tại sao lại bắt thiên hạ nhớ đến tôi, khi tôi chẳng nghĩ đến họ? *Than tắt thì tro lạnh*.

Rồi như mệt vì nói nhiều, bà gục đầu xuống gối. Bà Oudarde đơn giản và nhân từ tưởng câu nói cuối cùng của bà ta vẫn là than thở mình bị lạnh, nên ngây thơ đáp:

- Thế bà có cần chút lửa sưởi không?

- Lửa ư? - Bà tu kín hỏi lại, giọng kỳ lạ, thế bà có đốt được chút lửa để sưởi cho cả con bé tội nghiệp từ mười lăm năm nay vẫn nằm dưới lòng đất không?

Tay chân run lên, giọng vang động, mắt lấp lánh, bà quỳ lên. Bỗng bà giơ bàn tay trắng gầy chỉ đứa bé đang nhìn mình ngơ ngác và thét lên:

- Hãy dắt đứa bé kia đi! Con mụ Ai Cập sắp tới đấy!

Thế rồi bà ta ngã sấp mặt xuống đất, trán đập xuống sàn, như tiếng đá đụng phải đá. Ba bà kia tưởng bà ta chết mất. Nhưng lát sau, bà cựa quậy và họ thấy bà bò lê bằng đầu gối và khuỷu tay tới góc phòng có chiếc giày nhỏ. Thế là họ không dám nhìn vào, không trông thấy gì nữa, nhưng nghe rõ trăm ngàn chiếc hôn và tiếng thở dài lẫn tiếng kêu xé ruột cùng tiếng thình thịch như đập đầu vào tường. Rồi sau một tiếng đập, mạnh đến nỗi cả ba cùng lảo đảo, họ không nghe thấy gì nữa, Gervaise đánh bạo thò đầu vào cửa sổ, nói:

- Bà ta tự tử chết rồi chăng? Dì phước ơi, dì phước Gudule!

- Dì phước Gudule ơi! - Oudarde gọi theo.

- Ôi! Trời ơi! Bà ta không cựa quậy nữa! - Gervaise nói, - hay bà ta chết rồi? - Gudule! Gudule!

Mahiette từ nãy nghẹn thở không cất nổi lời, cũng cố gắng bảo:

- Khoan đã! - Rồi bà nhòm qua cửa sổ, gọi - Paquette, Paquette la Chantefleurie.

Đứa trẻ dại dột thổi vào ngòi pháo làm nó nổ trúng mắt cũng không hoảng sợ bàng Mahiette trước hậu quả của cái tên gọi được đột ngột réo lên trong căn phòng dì phước Gudule.

Bà tu kín run rẩy toàn thân, đứng thẳng trên hai bàn chân trần, mắt tóe lửa nhảy bổ lại cửa sổ, làm Mahiette, Oudarde và cả bà kia lẫn đứa trẻ cùng lùi lại tới lan can bến sông.

Trong khi đó, khuôn mặt thê thảm của bà tu kín dán chặt lấy dãy chấn song cửa sổ. Bà cười ghê rợn, kêu lên:

- Ồ! Ồ! Hóa ra con mụ Ai Cập gọi ta!

Vừa lúc đó, cảnh tượng đang diễn ra trên giàn bêu tù liền thu hút cặp mắt hốt hoảng của bà ta. Trán nhăn lại hãi hùng, bà giơ hai cánh tay trơ xương ra ngoài cửa sổ, rồi giọng rên rỉ thét lên:

- Hóa ra vẫn là mày, đứa con gái Ai Cập kia! Đồ mẹ mìn dỗ trẻ, mày gọi tao đó ư! Này quân kia! Tao nguyền rủa mày! Đồ chết tiệt, chết tiệt! Chết tiệt!

IV
GIỌT LỆ RỎ VÌ GIỌT NƯỚC

Câu nói đó có thể coi như giao điểm của hai cảnh tượng khi ấy cùng lúc đang song song diễn ra, mỗi cái trên sân khấu riêng, một là cảnh tượng bạn vừa đọc qua, trong Hang chuột, còn cảnh kia ở trên cầu thang giàn bêu tù, bạn đọc sắp được thấy dưới đây. Cảnh đầu chỉ có ba người đàn bà mà bạn đọc vừa quen biết, làm nhân chứng; cảnh sau có tất cả công chúng làm khán giả, mà trên kia ta đã thấy tụ tập ở quảng trường Grève, quanh giàn bêu tù và đài treo cổ.

Đám đông mà bốn cảnh binh từ chín giờ sáng đã tới canh gác ở bốn góc giàn và hứa hẹn một vụ xử nhục hình xứng đáng, chắc không phải treo cổ, mà chỉ đánh roi, xẻo tai, tóm lại một vụ gì đó, đám đông lớn lên rất nhanh, làm bốn cảnh binh bị xô lấn gần quá, đã nhiều lần thấy cần phải dồn họ lại, như người ta thường nói hồi đó, bằng hàng loạt gậy nện xuống và mông ngựa xô đi.

Đám lê dân, được giữ trật tự trong khi chờ đợi nhục hình công diễn, không tỏ vẻ quá sốt ruột. Họ giải trí bằng cách nhìn lên giàn bêu tù, một công trình xây dựng rất sơ sài gồm có khối vuông bằng gạch cao khoảng mười bộ, bên trong rỗng. Một bậc thềm thẳng đứng bằng đá tảng được mệnh danh rất hay là *cầu thang*, dẫn lên sân thượng, trên đó thấy chiếc bánh xe bằng gỗ sồi đặt nằm ngang. Tù nhân bị trói quỳ gối trên bánh xe, hai tay quặt ra sau lưng. Một cây trụ, do máy cuốn dây giấu ở bên trong căn nhà nhỏ làm chuyển động, kéo theo chiếc bánh xe, luôn ở vị trí nằm ngang, do đó lần lượt phơi bày mặt tội nhân ra khắp mọi phía quảng trường. Như vậy gọi là *quay bánh xe* một tội phạm.

Như bạn đọc đã thấy, giàn bêu tù ở quảng trường Grève còn kém xa vẻ ngoạn mục so với giàn ở phố Chợ. Chẳng có vẻ gì là kiến trúc. Cũng không chút đồ sộ.

Chẳng có mái với thập tự sắt, chẳng có đèn lồng bát giác, chẳng có hàng cột mảnh mai vươn lên sát mái, mở thành đỉnh cột hoa lá, chẳng có ống máng hình quái vật kỳ dị, chẳng có rui mè chạm trổ, chẳng có hình điêu khắc tinh vi khắc sâu vào đá.

Đành phải bằng lòng với bốn mặt tường đá xây cùng hai tấm lá chắn trang trí bằng gạch men, và chiếc đài treo cổ tồi tàn bằng đá, gầy guộc và trần trụi, ở ngay cạnh.

Cuộc thưởng ngoạn này thật quá tủn mủn đối với người yêu thích kiểu kiến trúc Gothic. Đúng là không ai tò mò chú ý tới đền đài bằng các vị ưa dạo chơi lang thang trong thời trung cổ, thế mà họ cũng ít quan tâm tới vẻ đẹp của giàn bêu tù.

Mãi sau tội phạm mới tới, bị trói vào sàn xe, rồi khi được đưa lên sân thượng, lúc tứ phía quảng trường đều trông thấy rõ hắn bị cột bằng dây thừng và dây da lên bánh xe giàn bêu tù, quảng trường liền nổi dậy tiếng hò hét âm vang, xen lẫn tiếng cười, tiếng reo. Mọi người nhận ra Quasimodo. Đúng là hắn. Sự thay bậc đổi ngôi thật kỳ lạ. Bị bêu riếu ngay tại cùng một quảng trường này, nơi hôm qua nó còn được chào đón, hoan hô và suy tôn làm giáo hoàng và quốc vương bọn cuồng đãng, cùng diễu hành với quận công Ai Cập, vua xứ Thunes và hoàng đế xứ Galilée. Có điều chắc chắn không một đầu óc nào trong đám đông, ngay cả bản thân hắn, lần lượt được tung hô và bị trừng trị, biết phân định rạch ròi sự khác biệt đó trong tư tưởng, Gringoire và triết lý của chàng vắng mặt trước cảnh tượng này.

Lát sau, Michel Noiret, viên thổi kèn tuyên thệ của đức đương kim hoàng thượng, hạ lệnh cho đám lê dân im lặng và tuyên bố bản án theo thông cáo và mệnh lệnh của ngài đô trưởng. Rồi y lùi lại phía sau xe cùng bọn người mặc nhung phục.

Quasimodo thản nhiên, không hề cau mày. Mọi chống cự đều vô ích, vì cái

mà hồi đó mọi người gọi bằng ngôn ngữ của tòa án hình sự là *mãnh liệt và kiên quyết của sợi dây trói,* có nghĩa là dây da và xích nhỏ, chắc hẳn đã lẩn sâu vào tận thịt tội nhân. Dù sao đó cũng là một truyền thống của tù ngục chưa chịu thất truyền, và được các còng tay còn trân trọng duy trì trong chúng ta, một dân tộc văn minh, hiền hòa, nhân đạo (nghĩa là có nhà giam và máy chém).

Quasimodo để mặc họ xô đẩy, khiêng quẳng lên bánh xe, trói đi trói lại mãi. Không thể đoán thấy gì trên nét mặt nó, ngoài vẻ ngạc nhiên man dại và ngu ngốc, vốn biết nó điếc, mọi người còn cho là nó mù nữa.

Bị bắt quỳ lên tấm ván tròn, nó lặng lẽ để mặc. Bị lột áo lót và áo ngoài trần trụi đến thắt lưng, nó cũng thây kệ. Bị trói chằng chịt bằng cả một loạt dây da cùng khóa sắt mới, nó để yên cho mà ghì mà khóa. Chỉ thỉnh thoảng nó thở phì phò, như con bê thò cái đầu ra lắc lư bên thành xe hàng thịt.

- Thằng ngốc đó chẳng biết gì hơn con bọ hung bị nhốt trong hộp! - Jehan Frollo cối xay nói với thằng bạn thân Robin Poussepain (vì dĩ nhiên hai gã học trò đã đi theo tội nhân).

Đám đông cười ầm khi cái bướu của Quasimodo phơi trần cùng bộ ngực lạc đà, đôi vai lông lá đầy chai. Trong lúc mọi người cười vui, một người mặc nhung phục của thành phố, dáng thấp lùn và khuôn mặt vạm vỡ, leo lên sân thượng và đứng cạnh tội nhân. Tên hắn nhanh chóng được truyền đi trong đám đông. Đó là thầy Pierrat Torterue, đao phủ tuyên thệ của tòa án Châtelet.

Hắn bắt đầu đặt xuống góc giàn bêu tù một chiếc đồng hồ cát sơn đen, bầu trên đầy cát đỏ đang từ từ chảy xuống bầu dưới, rồi cởi chiếc áo khoác ngắn, và mọi người thấy tay phải hắn lủng lẳng chiếc roi nhỏ vút, bằng dây da tết, dài trắng, láng bóng, thắt nút, có đính móng nhọn kim khí. Hắn đưa tay trái lơ đãng vén cao ống tay áo phải lên tới nách.

Lúc đó, Jehan Frollo nghểnh cao đầu tóc hung và xoắn vượt lên trên đám đông (nó leo lên vai Robin Poussepain để làm việc này), kêu to:

- Hỡi quý ông, quý bà! Xin mời lại xem, ở đây sắp thẳng tay quất roi thầy Quasimodo, người kéo chuông của ông anh tôi, đức phó chủ giáo ở Josas, hắn là một thứ kiến trúc kiểu Đông phương kỳ lạ, lưng hình vòm và chân kiểu cột xoắn!

Đám đông liền cười vang, nhất là trẻ con và con gái.

Thế rồi đao phủ giậm chân. Bánh xe bắt đầu quay. Quasimodo lảo đảo trong dây trói, vẻ kinh hoàng bỗng lộ trên khuôn mặt méo mó của nó làm chung quanh lại cười rộ.

Đúng là bánh xe đang quay chìa chiếc lưng gù của Quasimodo về phía Pierrat, tên này đột nhiên giơ tay lên, mớ dây da nhỏ rít trong không trung như đàn rắn, rồi hung dữ quất xuống vai kẻ khốn nạn.

Quasimodo nảy bật người, như bất thần bị thức dậy. Nó bắt đầu hiểu. Nó quằn quại trong dây trói; các thớ thịt trên mặt, méo xệch vì kinh ngạc và đau đớn, co lại rất mạnh; nhưng nó không hề kêu lên một tiếng. Nó chỉ quay mặt lại sau, sang phải, rồi sang trái, đầu lắc lư như con bò mộng bị ruồi trâu đốt vào hông.

Roi thứ hai tiếp theo roi thứ nhất, rồi roi thứ ba, lại roi nữa, roi nữa, cứ thế vụt mãi. Bánh xe không ngừng quay và roi cứ quất xuống như mưa. Lát sau máu bật ra, chảy ròng ròng trên đôi vai đen sì của gã tù, và những sợi dây da mỏng quay tít xé gió làm vung các giọt máu vào đám đông.

Quasimodo đã lấy lại vẻ thản nhiên ban đầu, ít nhất cũng bề ngoài. Thoạt tiên nó còn lặng lẽ và không lộ vẻ giãy giụa mạnh để thử giật đứt dây trói. Mọi người thấy mắt nó sáng lên, bắp thịt cứng lại, tay chân co rúm và dây da, xích nhỏ đều căng ra. Sự cố gắng thật mạnh mẽ phi thường, tuyệt vọng: nhưng các sợi dây cũ kỹ của tòa đô chính vẫn bền dai. Nó chỉ rão ra, có thế thôi. Quasimodo gục xuống rũ rượi, vẻ kinh hoàng trên nét mặt được thay thế bằng nỗi chua chát và thất vọng sâu xa. Nó nhắm con mắt độc nhất, gục đầu xuống

ngực, làm như chết.

Từ đó nó không cựa quậy nữa. Không gì khiến nó cử động được. Dù máu không ngừng rỏ giọt, dù roi vẫn điên cuồng quất thêm, dù đao phủ tức giận vẫn tự kích thích và say hành hình, dù tiếng dây da còn sắc nhọn và kêu rít hơn cả chân loài hút máu.

Sau cùng, viên mõ tòa ở Châtelet mặc đồ thâm, cưỡi ngựa ô, đứng đợi cạnh cầu thang từ lúc bắt đầu xử nhục hình, giơ chiếc gậy gỗ mun về phía đồng hồ cát. Đao phủ ngừng tay. Bánh xe ngừng quay. Mắt Quasimodo từ từ mở ra.

Hình phạt roi chấm dứt. Hai tên phụ của đao phủ tuyên thệ lau sạch đôi vai đầy máu của tội nhân, bôi một thứ thuốc mỡ gì đó khiến mọi vết thương lập tức khép miệng và khoác lên lưng nó một cái thứ áo màu vàng cắt theo kiểu áo tế. Trong lúc đó Pierrat Torterue để cho các dây da đỏ lòm, đẫm máu rỏ giọt xuống lòng đường.

Chưa phải đã hết mọi chuyện với Quasimodo. Nó còn phải chịu thêm một giờ bêu trên giàn mà thầy Florian Barbedienne đã khéo thêm vào án lệnh của ông Robert d’Estouteville; mọi cái đó góp phần vinh dự to lớn cho cái trò chơi chữ cổ lỗ vừa sinh lý lẫn tâm lý của Jean de Cumène: *Surdus absurdus**.

Đồng hồ cát được lật ngược và gã gù bị trói như vậy trên tấm ván đế công lý được thực hiện tới cùng.

Dân chúng, nhất là về thời trung cổ, ở trong xã hội, cũng giống như trẻ con ở trong gia đình, chừng nào họ vẫn còn trong tình trạng ngu dốt ban đầu, còn ấu trĩ về tinh thần và trí tuệ, ta có thể nói về họ như bàn về con trẻ:

Tuổi mày không biết xót thương.

Tác giả từng cho biết Quasimodo thường bị ghét bỏ, bởi rất nhiều lý do, đúng thế. Trong đám đông, khó tìm được một khán giả không có hoặc tưởng mình không có điều gì đáng phàn nàn về thằng gù xấu xa ở nhà thờ Đức Bà. Niềm vui thật phổ biến khi họ thấy nó bị lôi lên giàn bêu tù, rồi vụ hành hạ tàn bạo mà nó

vừa phải chịu cùng tư thế đang nằm thảm hại của nó, không hề khiến đám lê dân mủi lòng, mà còn trang bị thêm chút vui thú làm họ càng thù ghét nó ác độc hơn.

Cho nên, sau khi sự *công tố trọng tội* đã được thỏa mãn, như các vị đội mũ dải vuông vẫn hay nói ngày nay, bắt đầu tới lượt vô số các vụ trả thù riêng, ở đây cũng như trước tòa, đàn bà hay nổi khùng nhất. Ai cũng thù ghét nó, người do nó tai quái, kẻ vì nó xấu xí. Loại sau càng tức tối nó hơn.

- Úi chao! Đúng là bộ mặt phản Chúa! - Một bà nói.

- Đồ phù thủy cưỡi cán chổi! - Bà khác chửi.

- Mặt nó nhăn nhó gớm ghiếc làm sao, - bà thứ ba kêu lên, - nên mới được bầu làm giáo hoàng cuồng đãng, mà mới vừa hôm qua chứ lâu gì!

- Hay lắm, - một bà già nói tiếp. - Bây giờ nhăn mặt trên giàn bêu tù. Bao giờ thì nhăn mặt trên đài treo cổ?

- Này thằng kéo chuông khốn khiếp, bao giờ mày được đội cái chuông lớn ở trăm bộ dưới đất sâu?

- Thế mà chính thằng quỷ sứ này vẫn kéo chuông như không đó!

- Ôi! Thằng điếc! Thằng chột! Thằng gù! Con quái vật!

- Cái mặt nó còn làm đàn bà chửa sảy thai nhanh hơn mọi món thuốc!

Còn hai gã học trò, Jehan Cối Xay và Robin Poussepain, hát ầm ĩ đoạn điệp khúc dân ca cổ:

Một sợi thừng

Cho thằng bị treo cổ

Một bó củi

Cho thằng cổ quái!

Trăm ngàn câu chửi rủa trút xuống như mưa, rồi tiếng la ó, lời nguyền rủa,

tiếng cười và thỉnh thoảng dăm hòn đá.

Quasimodo điếc, nhưng nó tinh mắt, còn cơn thịnh nộ của dân chúng cũng lộ rõ trên nét mặt như trong lời nói. Vả lại, các hòn đá đủ cắt nghĩa tiếng cười.

Thoạt đầu, nó giữ được bình tĩnh. Nhưng dần dần sự nhẫn nại, đã căng thẳng dưới ngọn roi tra tấn, chùng xuống và xẹp hẳn trước lũ sâu bọ châm đốt. Con bò vùng Asturi ít quan tâm đến các mũi tấn công của người đấu bò tót, lại nổi khùng vì đàn chó và những cái châm nhỏ.

Thoạt đầu nó còn thong thả đưa mắt hăm dọa nhìn đám đông. Nhưng bị trói gô như vậy, tia mắt nó bất lực không xua đuổi nổi đàn ruồi đang chích vào vết thương. Thế là nó giằng giật dây trói và những giãy giụa điên cuồng làm bánh xe cũ kỹ ở giàn bêu tù kêu cót két trên ván. Thấy vậy, lời chế giễu và tiếng reo hò càng tăng thêm.

Thế là gã khốn khổ không rứt đứt nổi chiếc vòng cổ ghìm buộc con thú dữ, đành trở lại bình tĩnh. Nhưng thỉnh thoảng một tiếng thở dài giận dữ làm nhô tất cả lồng ngực nó. Mặt nó không có vẻ gì hổ thẹn, ửng đỏ. Nó quá xa cách trạng thái xã hội và quá gần trạng thái thiên nhiên, để biết thế nào là hổ thẹn. Vả lại, nó quái dị tới mức như vậy thì liệu có cảm thấy được nỗi ô nhục không? Nhưng phẫn nộ, căm thù, tuyệt vọng, từ từ phủ xuống khuôn mặt gớm ghiếc một đám mây mỗi lúc thêm u ám, thêm chất chứa luồng điện đang nổ tung thành muôn tia chớp trong con mắt của gã khổng lồ độc nhỡn.

Tuy nhiên, đám mây đó quang đãng được một lát, khi có con lừa đi ngang qua đám đông, do một vị linh mục cưỡi. Lúc trông thấy con lừa và vị linh mục đó còn ở rất xa, khuôn mặt kẻ tội đồ đáng thương đã dịu hẳn xuống. Thay vào cơn giận làm co rúm mặt mày là nụ cười kỳ dị, đầy vẻ hiền dịu, nhân hậu, âu yếm khôn tả. Linh mục càng tới gần, nụ cười càng rõ rệt, nổi bật, rạng rỡ hơn. Như thể gã khốn khổ chào đón một vị cứu tinh đang tới. Tuy nhiên, khi con lừa tới gần giàn bêu tù, đủ để kẻ cưỡi nó có thể nhận rõ tội nhân, linh mục liền cúi

nhìn xuống, đột nhiên quay lừa lại, thúc chạy, như vội vã gạt bỏ mọi lời van xin hèn hạ và chẳng hề quan tâm đến chuyện được chào hỏi và nhận ra bởi con quỷ khốn khổ đang trong hoàn cảnh như vậy.

Linh mục đó là phó chủ giáo đức cha Claude Frollo.

Đám mây hạ xuống càng u ám hơn trên khuôn mặt Quasimodo. Nụ cười còn sót lại trong khoảnh khắc, nhưng chua chát, thất vọng, vô cùng buồn thảm.

Thời gian trôi qua. Nó bị bêu ở đó ít nhất cũng đã một giờ rưỡi, bị đánh đập, hành hạ, chế giễu liên tục và gần như bị ném đá cho chết.

Đột nhiên, nó quay lại vùng vẫy trong dây trói với vẻ tuyệt vọng gấp bội, làm rung chuyển cả cái giàn gỗ đỡ nó và phá tan sự im lặng nó khăng khăng giữ từ nãy đến giờ, nó thét lên, giọng khàn khàn và hung dữ, giống tiếng chó sủa hơn tiếng người kêu, át cả tiếng đám đông reo hò:

- Cho tôi ngụm nước!

Tiếng thét kêu cứu không những không làm đám bình dân đông đảo thành Paris đang vây quanh cầu thang thương hại mà càng tăng thêm thích thú cho họ và cũng xin nói, nhìn chung cả đám quần chúng và nhìn vào số đông, quả thực họ cũng không kém độc ác và kém u mê, so với bè lũ hành khất kinh khủng mà tác giả đã dẫn bạn đọc tới thăm và chỉ đơn giản là tầng lớp thấp nhất trong dân chúng. Không một lời đáp lại xung quanh tội nhân khốn khổ, trừ tiếng chế giễu cơn khát của nó. Lúc đó, đúng là nó lố bịch và ghê tởm hơn là tội nghiệp, với bộ mặt đỏ nhừ đẫm mồ hôi, con mắt ngơ ngác, cái mồm sủi bọt mép vì tức giận và đau khổ, cái lưỡi thè lè nửa chừng. Cũng phải nói thêm, nếu trong đám đông có ông bà nào giàu lòng từ thiện định mang tới cho con người đau khổ khốn nạn đó một chén nước, thì xung quanh bậc thang ô nhục của giàn bêu tù, đang có một không khí thành kiến đối với kẻ tội phạm đáng phỉ nhổ và đáng nguyền rủa, đủ làm cho vị hảo tâm đó phải lùi bước.

Trong vòng vài phút, Quasimodo đưa mắt thất vọng nhìn đám đông và lại

gào lên thê thảm hơn:

- Cho tôi ngụm nước!

Mọi người cười ồ.

- Uống cái này vậy! - Robin Poussepain quát lên vứt vào mặt nó miếng bọt biển rơi dưới rãnh. - Đó, thằng điếc khốn nạn! Tao là người trả nợ mày đấy.

Một bà ném hòn đá vào đầu nó:

- Cho mày từ rày chừa cái tội rung chuông quái quỷ làm chúng tao thức giấc nửa đêm.

- Này con ơi, - một gã thọt thét lên, cố khua chiếc nạng đánh vào người nó, - mày có còn từ đỉnh tháp cao nhà thờ Đức Bà phù phép làm hại chúng tao nữa không?

- Có cái bát cho mày uống đấy! - Một ông ném cái vò vỡ vào giữa ngực nó. - Chỉ cần mày đi ngang qua mặt cũng đủ khiến vợ tao đẻ ra đứa con hai đầu!

- Còn con mèo của tao lại đẻ mèo con sáu chân! - Một mụ già rít lên, cầm hòn ngói ném nó.

- Cho tôi ngụm nước! - Lần thứ ba Quasimodo lại giãy giụa kêu lên.

Vừa lúc đó, nó thấy đám đông giãn ra. Một cô gái ăn mặc kỳ lạ bước tới. Cô gái theo sau có con dê nhỏ lông trắng, sừng vàng chóe và tay cầm chiếc trống con.

Con mắt Quasimodo lóe sáng. Đó là cô gái Bohémienne mà đêm trước nó định bắt cóc. Nó mơ hồ cảm thấy vì vụ lộn xộn đó mà giờ nó đang bị trừng trị; thực ra hoàn toàn không phải vậy, nó chỉ bị trừng phạt bởi cái tội bị điếc và bị một anh điếc khác xét xử. Nó tin chắc cô gái cũng tới để trả thù và sẽ đánh nó như mọi người.

Nó thấy rõ ràng cô ta leo nhanh lên cầu thang. Tức giận và bực bội làm nó ngột ngạt. Nó chỉ muốn có cách nào phá đổ giàn bêu tù và nếu ánh mắt nó có

thể giáng xuống như sét thì cô gái Ai Cập đã tan thành tro bụi trước khi kịp lên tới mặt bằng.

Không nói một lời, cô gái lại gần tội nhân đang vùng vẫy vô ích để né tránh, rồi tháo chiếc bình nước ở dây lưng nhẹ nhàng đưa sát vào đôi môi khô khốc của kẻ khốn khổ.

Lúc đó, trong con mắt đến nay vẫn khô khốc, cháy bỏng, mọi người thấy một giọt lệ lớn, từ từ lăn theo khuôn mặt méo mó và bấy lâu răn rúm vì thất vọng. Có lẽ đó là giọt nước mắt đầu tiên của một kẻ bất hạnh chưa lần nào rỏ lệ.

Nhưng nó quên cả uống. Cô gái Ai Cập sốt ruột khẽ bĩu môi, rồi mỉm cười ghé chiếc bình vào sát cái miệng đầy răng của Quasimodo. Nó uống từng hơi dài. Nó đang khát cháy họng.

Uống xong, kẻ khốn khổ chìa cặp môi đen sì, chắc hẳn định hôn bàn tay xinh đẹp vừa giúp đỡ nó. Nhưng cô gái, có lẽ không phải không nghi ngại và chợt nhớ tới âm mưu hung bạo đêm qua, vội rụt tay với cử chỉ khiếp sợ của đứa trẻ sợ bị con thú cắn.

Gã điếc tội nghiệp liền nhìn cô gái bằng cặp mắt đầy trách móc và buồn rầu khôn tả.

Bất kỳ ở đâu, cảnh tượng đó cũng cảm động, khi một cô gái xinh đẹp, tươi tắn, thuần khiết, duyên dáng và đồng thời rất yếu ớt, động mối từ tâm, chạy tới như vậy, để cứu giúp một kẻ chất chồng đủ nỗi khổ ải, cổ quái và độc ác. Trên giàn bêu tù, cảnh tượng đó thật siêu phàm.

Cả đám dân chúng cũng phải xúc động và vỗ tay reo hò:

- Noël! Noël!

Vừa lúc đó, qua khung cửa sổ Hang chuột, bà tu kín trông thấy cô gái Ai Cập trên giàn bêu tù và rít lên nguyền rủa thê thảm:

- Con bé Ai Cập chết tiệt kia! Đồ chết tiệt, chết tiệt!

V
KẾT THÚC CHUYỆN CHIẾC BÁNH

Esmeralda tái mặt, lảo đảo chạy xuống giàn bêu tù. Tiếng bà tu kín còn đuổi theo.

- Xuống đi! Xuống đi! Con ăn cắp Ai Cập kia, rồi mày sẽ lên lại đó!

- Bà tu kín dòng Túi lại đang giở quẻ chướng ách, - đám đông thì thầm; rồi không ai nói gì hơn. Vì loại đàn bà đó ai cũng sợ, khiến họ trở nên bất khả xâm phạm. Hồi đó, không ai muốn đụng chạm tới kẻ cầu nguyện suốt ngày suốt đêm.

Đã đến giờ đưa Quasimodo trở về. Nó được cởi trói, còn đám đông tản đi.

Tới gần cầu Lớn, Mahiette ra về cùng hai bà bạn bỗng dừng lại:

- À này, Eustache! Cái bánh đâu rồi?

- Thưa mẹ, - đứa bé đáp, - khi mẹ nói chuyện với cái bà ở trong hang, có con chó to ngoạm vào cái bánh của con. Thế là con cũng ăn luôn.

- Thế nào, cậu xơi hết cả chiếc bánh? - Bà mẹ hỏi lại.

- Thưa mẹ, con chó đấy chứ! Con đã bảo nó, nhưng nó không chịu nghe. Cho nên con cũng ngoạm luôn!

- Thằng bé này ghê gớm lắm, - bà mẹ vừa cười vừa mắng con. - Chị Oudarde, chị biết không, một mình nó đã ăn hết cả cây anh đào trong vườn nhà tôi ở Charlerange. Cho nên ông nội nó mới bảo sau này thế nào nó cũng làm đại úy. - Này cậu Eustache, lần sau không được thế nữa nhé. - Đi, ông tướng!

QUYỂN BẢY

I
NỖI NGUY HIỂM KHI TIẾT LỘ BÍ MẬT CHO CON DÊ

Vài tuần lễ trôi qua.

Lúc đó đang chiều tháng ba. Mặt trời mà Dubarta, vị thánh tổ cổ điển của lối nói ví von, còn chưa gọi là *đại công tước của các cây nến*, vẫn không vì thế kém vui tươi tỏa sáng. Đó là một ngày xuân vô cùng dịu ấm, đẹp đẽ, khiến toàn thể Paris tỏa ra khắp các quảng trường và đi dạo phố, vui chơi như hôm chủ nhật. Vào những ngày sáng sủa, ấm áp và yên tĩnh này, cổng chính nhà thờ Đức Bà cần được ngắm xem, nhất là vào một giờ nào đó. Tức là lúc mặt trời xế về tây. Ánh nắng mỗi lúc một xiên ngang, từ từ rút khỏi nền đá lát quảng trường và leo dọc lên mặt tiền thẳng đứng làm trăm ngàn vết lồi lõm hình tròn nổi bật cạnh bóng tối của chúng trong khi bông hồng lớn chính đỏ rực như con mắt của vị thần thợ rèn khổng lồ độc nhỡn bừng sáng ánh lửa bễ lò phản chiếu.

Ta đang ở vào giờ phút đó.

Đối diện với tòa nhà thờ lớn cao vút, đỏ rực nắng chiều, trên bao lơn đá xây bên trên cổng chính một ngôi nhà sang trọng kiểu Gothic ở góc quảng trường và phố Sait nhà thờ, vài cô gái đẹp đang tươi cười trò chuyện, giỡ mọi trò duyên dáng và nghịch ngợm. Cứ nhìn tấm voan dài lê thê từ trên chỏm mũ nhọn đính ngọc trai rủ xuống tận gót chân, cứ nhìn vẻ tinh xảo của chiếc áo thêu che kín vai, nhưng theo thời thượng đáng yêu hồi đó, lại để lỗ chỗ ngực trần hơi nhú lên cặp vú xinh đẹp của cô gái trinh, cứ nhìn vẻ căng phồng của lớp váy trong, còn quý giá hơn cả lớp váy ngoài (thật là cầu kỳ tuyệt diệu!), cứ nhìn nào the, nào lụa, nào nhung dùng may các thứ đó, nhất là nhìn vào bàn tay trắng nõn chứng tỏ sự nhàn rỗi và lười biếng, ta cũng dễ dàng đoán ngay họ là những quý tộc

được thừa hưởng gia tài lớn. Đó đúng là tiểu thư Fleur-de-Lys de Gondelaurier cùng các bạn, Diane de Christeuil, Amelotte de Montmichel, Colombe de Gaillefontaine, và cô bé Champchevrier, tất cả đều là con gái nhà gia thế, lúc đó đang tụ họp ở nhà bà quả phụ Gondelaurier, nguyên do vì có đức ông Beaujeu và lệnh bà phu nhân sắp tới Paris vào tháng tư này để chọn các tùy nữ danh dự cho hoàng thái tử phu nhân Marguerite, khi mọi người sẽ đến tận Picard để nghênh đón lệnh bà từ tay người Flandre. Thế là mọi địa chủ quý tộc ở trong vòng bán kính ba chục dặm đều tìm cách giành lấy đặc ân đó cho con gái mình và nhiều vị đã gửi hoặc thân dẫn con tới Paris. Các cô được cha mẹ gửi gắm dưới quyền trông nom kín đáo và đứng đắn của Aloïse de Gondelaurier phu nhân, vợ góa viên cựu chỉ huy nỏ thủ ngự lâm quân, bà cùng cô con gái độc nhất đã lui về sống tại căn nhà ở cạnh quảng trường trước sân nhà thờ Đức Bà, ở Paris.

Bao lơn, nơi các cô gái đang đứng, dẫn vào gian phòng lộng lẫy, treo thảm da thú xứ Flandre màu hung, có in hình hoa lá bằng kim nhũ. Các xà kèo rạch ngang song song trên trần nhà, được tô điểm vui mắt đủ loại chạm trổ kỳ lạ bằng sơn màu và thếp vàng. Trên các tủ chè chạm khảm, những đồ men rực rỡ lóng lánh đây đó: một đầu lợn lòi bằng sứ bày trên cái tủ bát đĩa lộng lẫy, hai tầng, chứng tỏ chủ nhà là vợ hoặc quả phụ một hiệp sĩ lãnh chúa. Trong cùng, cạnh lò sưởi cao, được tô điểm đủ loại huy hiệu suốt từ trên xuống dưới, ngồi trong ghế bành lịch sự phủ nhung đỏ là phu nhân Gondelaurier, cả mặt mày lẫn quần áo đều chưa lộ cái tuổi năm nhăm. Đứng cạnh bà là một chàng trai có vẻ mặt khá bảnh bao, tuy hơi vênh váo và làm điệu, một gã điển trai mà mọi đàn bà đều bằng lòng, mặc dù các ông nghiêm nghị và biết xem tướng lại nhún vai. Chàng kỵ sĩ trẻ tuổi mặc chiếc áo láng bóng của đại úy cung thủ ngự lâm quân, giống hệt áo của Jupiter, mà bạn đọc đã được ngắm nghía ở quyển một của tập truyện này, cho nên tác giả miễn phải miêu tả lần thứ hai.

Các tiểu thư một số ngồi trong buồng, một số ngoài bao lơn, người ngồi trên miếng đệm vuông bằng nhung Utrecht góc viền kim tuyến, kẻ ngồi trên ghế đẩu gỗ sồi chạm hoa lá, hình vẽ. Mỗi cô đặt trên đầu gối một góc của chiếc thảm lớn, để thêu, họ cùng làm chung, một đoạn thảm dài kéo lên trên chiếu trải dưới sàn.

Các cô nói chuyện thầm thì và cười rúc rích, đúng như cảnh bàn tán của các thiếu nữ khi có mặt một thanh niên trong đám. Còn chàng trai, mà riêng sự có mặt cũng đủ kích thích mọi tự ái phụ nữ, lại ra vẻ ít quan tâm; trong khi các cô gái đẹp gắng khêu gợi sự chú ý, chàng trai lại chỉ chăm chú dùng bao tay bằng da sơn dương đánh bóng chiếc khóa thắt lưng.

Thỉnh thoảng bà phu nhân già lại khẽ nói với chàng trai, còn anh ta cố gắng trả lời bằng vẻ lễ phép vụng về và gượng gạo. Cứ theo những nụ cười, những cử chỉ ra hiệu nho nhỏ của bà Aloïse, những khóe mắt liếc về phía cô con gái Fleur-de-Lys, khi bà nói nhỏ với viên đại úy, ta cũng dễ dàng nhận thấy việc đính hôn đã đâu vào đó, chắc chỉ còn chuyện cưới xin sắp tới giữa chàng trai trẻ và cô Fleur-de-Lys. Và cứ xem vẻ lạnh lùng lúng túng của viên sĩ quan, cũng dễ thấy ngay, ít nhất về phần anh ta, là ở đây chẳng có chuyện yêu đương. Tất cả vẻ mặt chàng lộ ra ý tưởng ngượng ngập và buồn chán, mà các thiếu úy doanh trại hiện nay diễn đạt thật tuyệt diệu bằng câu: Công việc khổ sai chó chết!

Bà phu nhân rất hãnh diện vì con, như một bà mẹ tội nghiệp, không nhận thấy sự thiếu sốt sắng của viên sĩ quan, càng ra sức khẽ chỉ cho chàng trai thấy sự vô cùng hoàn hảo của Fleur-de-Lys khi nàng cắm mũi kim hoặc gỡ con chỉ.

- Này, cậu em, - bà vừa bảo vừa kéo tay áo chàng để nói nhỏ vào tai, - cậu xem kìa! Con bé đang cúi xuống.

- Đúng thế ạ, - chàng trai đáp, rồi lại im lặng lơ đãng và lạnh nhạt.

Lát sau, chàng lại phải cúi xuống, nghe bà Aloïse nói:

- Có bao giờ cậu thấy được một khuôn mặt niềm nở và tươi tắn như khuôn

mặt vị hôn thê của cậu chưa! Chả có ai da lại trắng, tóc lại hung đến như vậy? Bàn tay nó mới đẹp tuyệt làm sao! Còn cái cổ, có phải đúng là động tác một thiên nga không? Lắm lúc tôi phát ghen với cậu! Con người tự do bừa bãi như cậu mà sao lại sung sướng đến thế! Có phải con bé Fleur-de-Lys của tôi đẹp đến mê người, mà cậu cũng đang mê nó phải không?

- Vâng ạ, - chàng đáp, mải nghĩ đi đâu.

- Nhưng cậu tới nói chuyện với em đi, - bà Aloïse đột nhiên đẩy vai chàng đi. - Có chuyện gì cứ nói, cứ nói đi. Sao giờ cậu đâm rụt rè thế.

Xin khẳng định với bạn đọc, rụt rè chẳng phải là tính tốt hoặc tật xấu của đại úy. Tuy nhiên chàng cũng gắng làm theo yêu cầu.

- Này cô em xinh đẹp, - chàng lại gần Fleur-de-Lys và hỏi, - đề tài tấm thảm cô đang thêu đây là gì vậy?

- Ông anh tuấn tú ơi, - Fleur-de-Lys trả lời, giọng hơi bực mình, - em đã nói với anh ba lần rồi kia mà. Đó là động Neptunus.

Rõ ràng Fleur-de-Lys nhìn thấy dáng điệu lãnh đạm và lơ đãng của viên đại úy rõ hơn mẹ nhiều. Chàng thấy cần trò chuyện thêm dăm ba câu, nên hỏi:

- Thế cả cái trò hang động này dùng cho ai?

- Cho tu viện Saint-Antoine des Champs. - Fleur-de-Lys đáp, không ngước mắt lên.

Đại úy cầm lấy một góc thảm:

- Cô em xinh đẹp ơi, thế chú cảnh binh to béo đang phùng mồm thổi kèn này là ai vậy?

- Đó là Trito, - cô gái đáp.

Câu trả lời ngắn ngủi của Fleur-de-Lys vẫn đượm cái giọng hờn dỗi. Chàng trai hiểu cần nói nhỏ vài câu vào tai cô gái, một câu lăng nhăng, một câu tán tỉnh, bất cứ câu gì. Cho nên chàng cúi xuống, nhưng óc tưởng tượng không tìm

ra được câu nào âu yếm và thân mật hơn câu này:

- Tại sao mẹ vẫn mặc cái váy cộc thêu huy hiệu như các cụ cố thời Charles VII? Này cô em xinh đẹp, cô hãy bảo bà cụ là bây giờ nó không hợp thời nữa đâu, còn cái lối thêu móc và cành nguyệt quế thêu thành huy hiệu trên áo dài làm bà cụ trông giống tấm che lò sưởi biết đi. Thật tình hiện nay không ai ngồi lên cờ hiệu nhà mình như thế nữa.

Fleur-de-Lys ngước cặp mắt đẹp đầy trách móc nhìn chàng, khẽ nói:

- Anh chỉ nói thật tình với em có thế thôi ư?

Trong khi đó, bà phu nhân Aloïse sung sướng thấy hai người cúi sát bên nhau thầm thì trò chuyện, vừa mân mê chiếc khóa cuốn kinh nhật tụng, vừa nói:

- Thật là cảnh yêu đương cảm động!

Đại úy mỗi lúc càng thêm ngượng nghịu, liền quay nhìn tấm thêu, reo lên:

- Quả là một công trình đáng yêu quá!

Nghe nói vậy Colombe de Gaillefontaine, một cô gái đẹp khác tóc hung da trắng, ăn mặc rất chỉnh tề bằng hàng gấm xanh, nhẹ nhàng ướm thử một câu, bảo với Fleur-de-Lys, hy vọng chàng đại úy điển trai đáp lại:

- Chị Gondelaurier ơi, chị đã được xem các tấm thêu ở lâu đài Roche-Guyon chưa?

- Có phải đó là lâu đài bên trong vườn Lingère của điện Lourve không? - Diane de Christeuil vừa cười vừa hỏi, cô có hàm răng đẹp nên cười luôn miệng.

- Tại đó còn có cả tòa tháp cổ lớn của tường thành cũ bọc quanh Paris, - Amelotte de Montmichel tiếp lời, một cô gái xinh tươi, tóc nâu quăn, chẳng hiểu sao lại có thói quen thở dài, như cô kia hay cười.

- Colombe yêu quý, - bà Aloïse nói, - có phải cháu muốn nói tòa lâu đài trước kia của ngài Bacqueville, dưới triều vua Charles VI không? Đúng là ở đấy có nhiều tấm thảm thêu go dọc đẹp thật.

- Charles VI! Vua Charles VI! - Viên đại úy trẻ vuốt ria, lẩm bẩm nói. - Trời ơi! Chuyện cũ rích mà phu nhân vẫn còn nhớ được.

- Quả là những tấm thêu đẹp thật, - bà Gondelaurier nói tiếp. - Bức thêu quý giá đến mức được coi là kỳ lạ!

Vừa lúc đó, Bérangère de Champchevrier, một cô bé mảnh khảnh lên bảy, đang nhìn xuống quảng trường qua các lỗ hổng hình cỏ ba lá trên bao lơn, reo lên:

- Ồ! Xem kìa, mẹ Fleur-de-Lys ơi, cô múa rong xinh đẹp đang nhảy múa trên mặt đường và đánh trống giữa đám dân quê kia kìa!

Thật thế, mọi người đều nghe thấy tiếng trống basque đang rung lên vang động.

- Chắc lại con Ai Cập xứ Bohême nào đó. - Fleur-de-Lys nói, thờ ơ quay xuống nhìn quảng trường.

- Ra xem đi! Ra xem đi! - Các cô bạn sôi nổi gọi nhau; rồi họ chạy ra ngoài sát bao lơn, trong khi Fleur-de-Lys, đang tư lự về thái độ lạnh nhạt của vị hôn phu, thong thả theo sau, còn chàng trai, mừng là nhờ có việc này mà chấm dứt được câu chuyện đang ngượng nghịu, liền quay lại cuối phòng, đầy vẻ hể hả của tên lính hết phiên canh. Mặc dù canh gác Fleur-de-Lys là một việc thích thú và đáng yêu, như trước đây chàng vẫn cảm thấy; nhưng dần dần viên đại úy thấy chán; viễn cảnh hôn nhân sắp tới mỗi ngày làm chàng thêm nguội lạnh. Vả lại, tính khí chàng bất nhất và liệu có nên nói thẳng ra là sở thích của chàng cũng hơi tầm thường. Tuy sinh trưởng nơi khá quyền quý, chàng đã tiêm nhiễm trong quân ngũ nhiều thói quen lính tráng. Chàng ưa la cà quán rượu cùng mọi chuyện tiếp theo sau đó. Chàng chỉ cảm thấy thoải mái giữa đám ăn tục nói nhảm, chơi bời lính tráng, đàn bà dễ tính và thành công dễ dàng. Không phải chàng không được gia đình giáo dục dạy dỗ, nhưng chàng sớm sống lang bạt từ nhỏ, quá trẻ đã tòng quân và hàng ngày lớp sơn quý tộc cứ bị mờ, dần vì cọ xát mạnh với

bao súng cảnh binh. Tuy thỉnh thoảng vẫn đến thăm Fleur-de-Lys, do còn chút ít sự quý trọng con người, nhưng chàng thấy ngượng nghịu gặp đôi ở nhà cô; trước hết, vì cứ ban phát mãi ái tình khắp nơi khắp chốn, chàng chỉ còn dành cho nàng quá ít; sau nữa, vì ở giữa bao nhiêu giai nhân cứng nhắc, áo quần tề chỉnh và lịch sự, chàng luôn luôn run sợ cho cái miệng quen văng tục, nhỡ đột nhiên ngứa ngáy tuôn ra dăm ba câu bậy bạ nơi hàng quán. Lúc đó, tha hồ mà đẹp mặt!

Thế nhưng, mọi cái đó ở chàng lại xen lẫn với cái thích thú lớn và lịch thiệp, ăn mặc sang trọng, cử chỉ đàng hoàng. Cứ cố thu xếp mọi chuyện đến đâu hay đến đó. Tác giả chỉ biết kể chuyện thôi.

Thế là chàng cứ đứng đực ra đó hồi lâu, không rõ có nghĩ ngợi hay không, lặng lẽ tựa vào thành lò sưởi chạm trổ; bỗng Fleur-de-Lys đột ngột quay lại, nói với chàng. Dù sao, cô gái tội nghiệp cũng không thể thật bụng hờn dỗi được.

- Này anh, có phải anh đã kể cho chúng em nghe chuyện cô Bohémienne mà anh đã cứu cách đây hai tháng, trong lần đi tuần đêm, thoát khỏi tay hàng chục kẻ gian, phải không?

- Hình như đúng thế, em ạ, - viên đại úy đáp.

- Nếu vậy, có lẽ là cô Bohémienne đang nhảy múa ở trước sân nhà thờ ngoài kia. Anh Phoebus ơi, anh thử ra xem có đúng không.

Ý muốn làm lành kín đáo lộ ra trong câu mời dịu dàng của cô gái bảo chàng lại gần mình và trong cách chú ý gọi tên tục Đại úy Phoebus de Châteauper (vì chính là chàng mà bạn đọc đã biết qua từ hồi đầu chương này) thong thả bước ra bao lơn.

- Này, - Fleur-de-Lys nói, âu yếm đặt tay lên cánh tay Phoebus, - anh hãy nhìn con bé đang nhảy múa giữa vòng người xem. Có phải đúng là cô Bohémienne anh kể chuyện đó không?

- Phải, cứ trông con dê là nhận ra ngay, - Phoebus nhìn và nói.

- Ôi! Con dê con xinh thật! - Amelotte nói, hai tay chắp lại thích thú.

- Không biết sừng nó có thực bằng vàng không? - Bérangère hỏi.

Vẫn ngồi yên trên ghế, phu nhân Aloïse hỏi:

- Nó có phải thuộc bọn Bohémienne năm ngoái tới đây bằng cửa ô Gibard không?

- Thưa mẹ, - Fleur-de-Lys nhẹ nhàng đáp, - cửa ô đó nay gọi là cửa ô Địa ngục.

Tiểu thư Gondelaurier biết đại úy thấy rất chướng tai trước lối nói cổ lỗ của mẹ mình. Quả nhiên, chàng liền lẩm bẩm giễu cợt:

- Cửa ô Gibard! Cửa ô Gibard! Để cho vua Charles VI đi qua!

- Mẹ ơi, - Bérangère kêu lên, cặp mắt luôn luôn liếc đi liếc lại, chợt nhìn lên nóc tháp chuông nhà thờ Đức Bà, - cái người mặc áo thâm đứng trên kia là ai thế?

Tất cả các cô gái đều ngước nhìn lên. Quả có một người đang đứng tựa khuỷu tay vào lan can cao chót vót của chiếc tháp phía bắc, nhìn xuống quảng trường Grève. Đó là một linh mục. Thấy rất rõ bộ quần áo và khuôn mặt ông tựa trên hai bàn tay. Hơn nữa, ông ta đứng im phăng phắc như pho tượng. Con mắt đăm đăm nhìn xuống quảng trường.

Trông tựa tựa như vẻ im lìm của con diều hâu vừa tìm ra một tổ chim sẻ rồi nhìn chằm chằm.

- Đó là ngài phó giáo chủ Josas, - Fleur-de-Lys nói.

- Mắt chị tinh thật, đứng tận đây mà cũng nhận ra ông ta! - Gaillefontaine nhận xét.

- Ông ta nhìn cô bé múa rong mới chăm chú chứ! - Diane de Christeuil nói tiếp.

- Liệu hồn cho con bé Ai Cập đó, vì ông ta không ưa Ai Cập đâu! - Fleur-de-

Lys nói.

- Đáng tiếc là ông ta lại nhìn cô gái như vậy. - Amelotte de Montmichel chêm vào, - vì cô ta múa tuyệt quá.

- Anh Phoebus ơi, - Fleur-de-Lys đột nhiên nói, - anh có quen cô Bohémienne đó thì hãy ra hiệu gọi cô ta lại đây. Chúng em sẽ vui lắm.

- Phải rồi! - Cả bọn vỗ tay reo lên.

- Có họa là điên, - Phoebus đáp. - Cô ta chắc quên tôi rồi, còn tôi cũng chẳng biết tên cô ta nữa. Tuy nhiên, nếu các cô muốn vậy, tôi cũng thử xem.

Rồi cúi người ra ngoài lan can bao lơn, chàng gọi:

- Cô bé!

Lúc đó, cô gái múa rong không đánh trống. Cô quay đầu lại phía có tiếng gọi, con mắt long lanh đăm đăm nhìn Phoebus, rồi ngừng luôn múa.

- Cô bé! - Viên đại úy lại gọi; rồi chàng ngoắt ngón tay vẫy lại.

Cô gái vẫn nhìn chàng, rồi đỏ mặt như có lửa bốc lên má, cô cắp trống vào nách, rẽ đám đông ngạc nhiên, đi thẳng tới cửa ngôi nhà có Phoebus đang gọi, từng bước một, run rẩy, cặp mắt ngơ ngác như chim bị rắn thôi miên.

Lát sau, cánh cửa rèm thêu vén lên và cô Bohémienne xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng, mặt đỏ bừng, lúng túng, hổn hển, cặp mắt to nhìn xuống và không dám bước thêm bước nữa.

Bérangère vỗ tay.

Nhưng cô múa rong vẫn đứng im trên ngưỡng cửa. Việc cô xuất hiện đặc biệt tác động đến các cô gái. Chắc chắn một ý muốn mơ hồ và vô định làm đẹp lòng viên sĩ quan đẹp trai đã đồng thời kích thích tất cả các cô, chắc chắn bộ quân phục lộng lẫy đã trở thành mục tiêu của mọi cách làm duyên làm dáng, và từ lúc có mặt chàng ở đây, giữa các cô đã có sự ghen tị ngấm ngầm, âm ỉ nào đó, mà chính các cô cũng chẳng dám hoàn toàn tự thú nhận, nhưng không vì thế mỗi

lúc nó càng không bộc lộ rõ trong cử chỉ và lời nói. Tuy nhiên, vì đều xấp xỉ đẹp ngang nhau, cho nên các cô ganh đua với lợi khí bằng nhau và mỗi người đều hi vọng chiến thắng. Cô Bohémienne đột nhiên xuất hiện liền phá vỡ thế quân bình. Cô đẹp kỳ lạ, cho nên vừa ra mắt ở ngoài cửa phòng, hình như cô đã tỏa luôn thứ ánh sáng của riêng mình. Trong căn phòng chật hẹp, dưới khung cảnh u tối của rèm che và gỗ lát, cô càng vô cùng xinh đẹp và lộng lẫy hơn ngoài quảng trường công cộng. Như ngọn đuốc vừa mang từ ngoài trời vào nơi tối. Các tiểu thư quý tộc cũng bất giác bị lóa mắt. Mỗi cô đều bị tổn thương về sắc đẹp. Cho nên, trận tuyến của họ, xin bạn đọc bỏ qua cho danh từ này, lập tức thay đổi, chẳng ai cần bảo ai nửa lời. Và họ tuyệt đối nhất trí với nhau rồi. Bản năng phụ nữ thông cảm và đáp ứng nhanh hơn trí tuệ đàn ông. Họ vừa có kẻ thù mới, tất cả cảm thấy vậy, tất cả liền liên kết. Chỉ cần một giọt rượu nho là đủ nhuộm đỏ cả cốc nước; muốn nhuộm cả một đám đông gái đẹp theo khí sắc nào đó, chỉ cần dẫn tới một cô gái đẹp hơn, - nhất là ở đó lại chỉ có một người đàn ông thôi.

Cho nên cô Bohémienne được đón tiếp lạnh lùng tuyệt vời. Các cô ngắm cô ta từ đầu tới chân, rồi nhìn nhau, và thế là đủ biết. Các cô đã tự hiểu nhau. Còn cô gái vẫn chờ người ta hỏi tới mình, xúc động không dám ngước mắt nhìn lên.

Đại úy phá tan bầu im lặng trước tiên:

- Quả thực cô bé xinh thật! Có đúng thế không? - Chàng nói, giọng ngổ ngáo kiêu kỳ.

Câu nhận xét đó, mà một người sùng bái tế nhị hơn ít ra cũng cần nói nhỏ, không phải loại làm giảm cơn ghen tuông của các cô gái đang ngắm nghía cô Bohémienne.

Fleur-de-Lys trả lời đại úy, giọng ngọt nhạt khinh khỉnh:

- Không đến nỗi.

Các cô khác thì thầm với nhau.

Cuối cùng, Aloïse phu nhân, cũng không kém phần ghen tị, ghen tị thay cho

con gái, bảo cô múa rong:

- Cô bé, lại đây.

Bérangère, cao tới ngang hông cô gái, cũng nhắc lại với vẻ nghiêm nghị tức cười:

- Cô bé, lại đây!

Cô gái Ai Cập lại gần bà mệnh phụ. Phoebus cũng tiến mấy bước đến gần cô ta và huênh hoang hỏi:

- Cô bé xinh đẹp, không biết tôi có diễm phúc lớn được cô nhận ra không...

Cô ngắt lời bằng cách mỉm cười và ngước mắt nhìn chàng dịu dàng vô hạn, nói:

- Ồ, có chứ!

- Trí nhớ cô ta tốt đấy, - Fleur-de-Lys nhận xét.

- Thế mà đêm hôm đó, cô đã vội chạy đi ngay, - Phoebus nói tiếp. - Tôi làm cô sợ hay sao?

- Ồ, không đâu! - Cô Bohémienne đáp.

Trong giọng nói khi cô thốt lên ba tiếng: “Ồ, không đâu!” tiếp sau ba tiếng: “Ồ, có chứ!” Phảng phất chút gì đó khó tả làm Fleur-de-Lys buồn lòng.

- Cô em xinh đẹp, - đại úy nói tiếp, miệng lưỡi được thoải mái trước cô gái vỉa hè, cô bỏ đi để lại ở đó một thằng ngợm nhăn nhăn nhó nhó, đã chột lại gù, tên kéo chuông của giám mục thì phải. Nghe thiên hạ nói nó là con riêng của một phó chủ giáo và bẩm sinh đã là quỷ sứ. Tên nó cũng buồn cười, nào Bốn mùa, Phục sinh nở hoa, Thứ ba béo, chẳng biết những gì nữa! Tóm lại tên của một ngày lễ có thỉnh chuông. Hóa ra nó dám bắt cóc cô, thế thì quá lắm. Không hiểu con cú vọ đó định làm gì cô? Thế nào, cô nói đi!

- Tôi cùng không biết, - cô gái đáp.

- Hỗn láo đến thế là cùng! Một tên kéo chuông mà dám bắt cóc con gái, cứ

như một vị tử tước không bằng! Một gã cùng đinh dám săn trộm muông thú của quý tộc! Đó mới là chuyện lạ. Dù sao, nó cũng đã phải trả giá đắt. Thầy Pierrat Torterue là người mã phu mạnh tay bàn chải nhất để chà xát kẻ vô lại và tôi xin nói để cô mừng, làn da tên kéo chuông đã được âu yếm chải qua bàn tay lão ta rồi.

- Tội nghiệp anh ta! - Cô Bohémienne than, câu nói trên làm cô nhớ lại cảnh tượng ở giàn bêu tù.

Đại úy phì cười, thốt lên:

- Thương hại cái đếch gì! Thương hại vớ vẩn như vậy khác gì cắm cái lông vào trôn lợn! Tôi muốn bụng to như giáo hoàng, nếu... chàng kịp dừng lại:

- Xin lỗi quý cô! - Có lẽ tôi đã buột miệng văng tục.

- Thôi đi, ông! - Gaillefontaine nói.

- Anh ấy nói cùng một giọng với cô ta! - Fleur-de-Lys khẽ nói, mỗi lúc thêm bực bội. Bực bội càng không giảm khi cô thấy viên đại úy thích chí về cô Bohémienne và nhất là về bản thân, đã quay gót một vòng và nhắc lại câu tán tỉnh lỗ mãng vừa ngây ngô vừa lính tráng.

- Đúng là cô gái đẹp thật!

- Nhưng ăn mặc khá man rợ. - Diane de Christeuil nói, cười khoe hàm răng đẹp.

Nhận xét đó là tia sáng đối với các cô. Nó làm mọi người nhìn ra khía cạnh có thể tấn công vào cô gái Ai Cập. Không thể ngoạm nổi sắc đẹp, họ vồ lấy quần áo cô ta.

- Mà đúng thế thật, này con bé, - Montmichel nói, - mày học ở đâu cái thói cứ chạy rong khắp phố mà chẳng có khăn có yếm gì hết?

- Váy gì mà ngắn cỡn đến dễ sợ. - Gaillefontaine thêm vào.

- Này cô em, - Fleur-de-Lys nói khá chua ngoa, - cô có thể bị cảnh binh bắt vì

cái thắt lưng vàng chói kia đấy.

- Này cô bé, cô bé ơi, - Christeuil lại nói, mỉm cười cay độc, - nếu chịu khó may thêm cái tay áo thì cũng đỡ bị cháy nắng đấy.

Quả thực đây là cảnh tượng xứng đáng với một khán giả thông minh hơn Phoebus, khi được thấy các cô gái xinh đẹp, có chiếc lưỡi nhiễm nọc độc và tức tối, đã uốn éo, luồn lách và quấn quýt như rắn quanh cô gái múa rong. Họ độc ác mà duyên dáng. Họ bới móc, tinh quái dùng lời nói soi mói vào bộ quần áo nghèo nàn và ngông cuồng gồm toàn mảnh rách và mảnh kim nhũ. Mọi người không ngớt cười đùa, chế giễu, nhục mạ. Lời lẽ cay độc như mưa rơi xuống cô gái Ai Cập, kèm thêm với vẻ thương hại kiêu kỳ và tia mắt độc ác. Tưởng như đó là những thiếu nữ La Mã nghịch ngợm, đang châm những mũi kim bằng vàng vào vú cô nô lệ đẹp. Họ giống đàn chó săn óng ả, mũi hếch lên, mắt đỏ ngầu, vây quanh con nai tơ tội nghiệp mà mắt chủ cấm chúng xâu xé.

Vả lại một cô gái múa rong nơi quảng trường công cộng là cái thá gì trước bọn con gái nhà quyền quý này! Họ hầu như không thèm đếm xỉa tới cô, bàn tán về cô ngay trước mặt cô, nói thẳng vào mặt cô, nói lớn tiếng, như nói tới cái gì đó khá bẩn thỉu, khá ô uế mà cũng khá xinh đẹp.

Cô Bohémienne không phải vô tình trước các mũi kim châm đó. Thỉnh thoảng má cô, mắt cô bừng đỏ xấu hổ hoặc tóe lên một ánh tức giận; môi cô ngập ngừng như muốn nói lời miệt thị; cô khẽ bĩu môi khinh bỉ, như bạn đọc từng biết, nhưng cô chỉ nín lặng. Cô đứng yên, đăm đăm nhìn Phoebus bằng con mắt nhẫn nại, buồn rầu và dịu hiền. Cái nhìn gói ghém cả hạnh phúc lẫn thương yêu. Tưởng như cô gắng nén giận, chỉ sợ bị đuổi đi.

Còn Phoebus, chàng cười cợt và về phe với cô gái, thái độ nửa ngông nghênh nửa thương hại.

- Cô bé ạ, cứ mặc họ nói! - Chàng vừa nói, vừa khua đinh thúc ngựa bằng vàng; - đúng là quần áo cô có hơi lôi thôi và man dại; nhưng xinh đẹp như cô thì

có sá gì chuyện đó.

- Trời ơi! - Cô Gaillefontaine tóc hung thốt lên, vươn cái cổ thiên nga, mỉm cười chua chát, - rõ ràng quý vị cung thủ ngự lâm quân rất dễ bốc đồng trước cặp mắt đẹp Ai Cập.

- Sao lại không? - Phoebus hỏi lại.

Nghe câu nói của viên đại úy lững lờ đáp lại như hòn đá bỗng nhiên rơi xuống chẳng ai thèm chú ý, Colombe cười, cả Diane và Amelotte và Fleur-de-Lys cũng cười, nhưng cùng với nụ cười còn có một giọt lệ trong khóe mắt Fleur-de-Lys.

Cô Bohémienne từ nãy cúi gằm mặt trước câu nói của Colombe de Gaillefontaine, lúc này ngẩng mặt lên hớn hở vui sướng và kiêu hãnh, cặp mắt lại đăm đăm nhìn Phoebus. Lúc đó, cô gái thật xinh đẹp.

Bà phu nhân già nhìn cảnh tượng đang diễn ra, thấy mếch lòng và chẳng hiểu ra sao.

- Lạy Đức mẹ đồng trinh! - Bà đột nhiên thét lên, có cái gì lục sục dưới chân tôi thế này? Trời ơi, con vật khốn nạn!

Hóa ra con dê vừa đến tìm chủ và trong khi lao tới, liền bị vướng sừng vào đống vải quần áo của bà quý phái chất dưới chân khi ngồi xuống.

Chuyện xảy ra làm thay đổi không khí. Cô Bohémienne lặng lẽ gỡ cho con vật.

- Ồ! Con dê có bốn chân vàng đây rồi.

Bérangère reo, nhảy cỡn lên vui thích.

Cô Bohémienne quỳ xuống, áp má vào cái đầu êm ái của con dê. Tựa hồ cô xin lỗi nó vì đã trót bỏ rơi như vậy.

Lúc đó, Diane ghé vào tai Colombe, bảo:

- Ồ! Trời ơi! Có thế mà không nghĩ ra từ sớm! Nó chính là con Bohémienne

có con dê cái. Họ đồn nó là phù thủy, còn con dê biết làm nhiều trò quỷ thuật lắm.

- Nếu thế, - Colombe nói, - đến lượt con dê phải làm trò vui cho chúng ta xem, làm một trò quỷ thuật.

Diane và Colombe vội vàng bảo cô gái Ai Cập:

- Này cô bé, hãy sai con dê làm trò quỷ thuật đi.

- Tôi không hiểu các cô định nói gì, - cô gái múa rong trả lời.

- Làm trò quỷ thuật, trò ma thuật, trò phù thủy chứ cái gì nữa.

- Tôi không biết làm.

Rồi cô lại vuốt ve con vật xinh đẹp, khẽ gọi:

- Djali! Djali!

Vừa lúc đó, Fleur-de-Lys nhìn thấy chiếc túi da thêu đeo nơi cổ con dê, liền hỏi cô bé Ai Cập:

- Kia là cái gì vậy?

Cô bé ngước cặp mắt mở to nhìn cô ta, rồi nghiêm nghị trả lời:

- Đó là bí mật của tôi.

“Ta cũng đang muốn xem bí mật của mày là cái gì”, Fleur-de-Lys thầm nghĩ.

Nhưng bà phu nhân đã đứng dậy, vẻ tức giận, bảo:

- Này con Bohémienne, nếu cả mày lẫn con dê đều không biết nhảy múa gì cả, thì còn đứng đó làm gì?

Cô gái không đáp, thong thả bước ra cửa. Nhưng càng tới gần cửa, bước chân càng chậm lại. Như có thỏi nam châm cực mạnh hút giữ cô ở lại. Đột nhiên, cô quay nhìn Phoebus bằng cặp mắt đẫm lệ và đứng lại.

- Trời ơi! - Đại úy kêu lên, - đừng bỏ đi như thế. Hãy quay lại đi nào, rồi nhảy múa vài điệu cho chúng tôi xem. A, này, cô em xinh đẹp, tên cô là gì?

- Esmeralda, - cô gái đáp, vẫn nhìn chàng chằm chằm.

Nghe cái tên kỳ lạ đó, các cô gái phá lên cười ầm ĩ.

- Tên con gái gì mà nghe kinh khủng vậy, - Diane nói.

- Các chị thấy chưa, - Amelotte nói, - nó đúng là đứa có pháp thuật.

- Cô bé ơi, - bà Aloïse long trọng thốt lên, - bố mẹ cô chẳng phải đã vớ được cái tên đó trong bình đựng nước thánh để đặt cho cô đâu.

Trong lúc đó, khi mọi người không để ý tới Bérangère từ vài phút rồi, cô bé đã cầm chiếc bánh hạnh nhân dứ con dê vào một góc phòng. Lát sau, cả hai đã thành bạn thân. Cô bé tò mò liền tháo cái túi đeo ở cổ con dê, mở ra và đổ xuống chiếu những thứ ở trong. Đó là những chứ cái, mỗi chữ viết riêng trên một mảnh gỗ hoàng dương nhỏ, những thứ xinh xinh này vừa lăn xuống chiếu, cô bé liền ngạc nhiên thấy, có lẽ đây là một trong những pháp thuật, con dê giơ cái chân vàng khều chữ, rồi gảy nhẹ nhàng để sắp xếp theo một trật tự riêng. Lát sau, một từ thành hình, mà con dê tựa hồ đã quen tập viết, vì nó không hề do dự lúc sắp chữ, và Bérangère đột nhiên reo lên, hai tay chắp lại, vẻ khâm phục:

- Mẹ Fleur-de-Lys ơi, lại mà xem con dê nó biết làm trò này!

Fleur-de-Lys chạy tới và giật mình. Các chữ xếp trên sàn nhà hợp thành một từ.

PHOEBUS

- Con dê nó viết đấy à? - Cô hỏi, giọng thất thanh.

- Thưa mẹ, vâng, - Bérangère đáp.

Không còn nghi ngờ gì nữa: con bé chưa biết viết. “Thì ra đó là điều bí mật!” - Fleur-de-Lys thầm nghĩ.

Trong lúc đó, nghe con bé reo lên, mọi người cùng chạy tới, đủ cả bà mẹ, các cô gái, cô Bohémienne và viên sĩ quan.

Cô Bohémienne trông thấy trò ngu dại con dê vừa làm. Mặt đỏ bừng, rồi tái xám, cô run rẩy như kẻ phạm tội trước mặt viên đại úy đang nhìn cô, mỉm cười thích thú và kinh ngạc.

- Phoebus! - Các cô gái sững sờ thầm thì với nhau, - đó là tên của đại úy!

- Cô nhớ tài lắm! - Fleur-de-Lys bảo cô Bohémienne đang run sợ. Rồi cô òa lên khóc, đôi bàn tay đẹp che lấy mặt, đau đớn nghẹn ngào thốt lên:

- Ôi! Đây là con phù thủy!

Và từ đáy lòng, cô còn nghe thấy một tiếng nói chua chát hơn bảo với mình: "Đây là một kẻ tình địch".

Cô ngã xuống, ngất thẳng.

- Con ơi! Con ơi! - Bà mẹ hốt hoảng thét lên. - Cút ngay đi, con Bohémienne quỷ sứ kia!

Trong chớp mắt, Esmeralda đã nhặt xong những chữ cái tai vạ, vẫy con Djali và đi ra một cửa, trong khi Fleur-de-Lys được đem đi cửa khác.

Còn lại một mình, đại úy Phoebus lưỡng lự giây lát giữa hai cửa, rồi đi theo cô Bohémienne.

II
LINH MỤC VÀ TRIẾT GIA LÀ HAI NGƯỜI

Linh mục mà các cô gái thấy đứng trên tòa tháp phía bắc, đang cúi nhìn quảng trường và chăm chú theo dõi điệu múa cô Bohémienne, đúng là phó chủ giáo Claude Frollo.

Bạn đọc hẳn chưa quên căn phòng bí mật mà phó chủ giáo dành cho mình trong tòa tháp đó. (Nhân tiện cũng xin nói, tác giả không hiểu đó có phải là căn phòng hiện nay vẫn có thể nhìn thấy phía bên trong, qua khung cửa sổ nhỏ hình vuông, mở về hướng đông, cao ngang đầu người, trên sân thượng từ đó mọc vút lên các tháp: căn phòng chật hẹp giờ bỏ hoang, trống rỗng và hư nát, tường long lở hiện nay còn được *trang trí* đây đó vài tranh tồi tàn, úa vàng, vẽ mặt tiền các nhà thờ lớn. Tác giả đoán là đàn dơi và lũ nhện đang tranh nhau ở chỗ xó xỉnh này, do đó, bầy ruồi đang bị trải qua cùng lúc hai cuộc chiến tranh diệt chủng).

Hàng ngày, một giờ trước khi mặt trời lặn, phó chủ giáo leo cầu thang lên tháp, giam mình trong phòng, đôi khi ở đó suốt đêm. Hôm đó, khi tới trước khung cửa tháp nơi buồng xép, lúc tra vào ổ khóa chiếc chìa nhỏ hiểm hóc luôn đeo ở bên mình, trong cái túi lủng lẳng ngang sườn, ông bỗng nghe thấy tiếng trống, tiếng sênh tiền vẳng tới. Tiếng nhạc từ phía dưới quảng trường sân nhà thờ đưa lên. Như tác giả đã kể, căn phòng chỉ có độc chiếc cửa sổ trông ra mái nhà thờ. Claude Frollo vội rút chìa khóa ra và lát sau, đã đứng trên đỉnh tháp, thái độ u ám và trầm tư, như các cô gái đã thấy.

Ông ta đứng đó, nghiêm nghị, bất động, trầm ngâm ngắm nhìn và tư lự. Toàn thể Paris trải dưới chân, với vô vàn tháp nhọn của dinh thự và chân trời vòng quanh toàn ngọn đồi thấp, với dòng sông uốn khúc dưới cầu và dân chúng lượn

nhấp nhô trên phố, với làn khí dày đặc như mây, với dãy mái nhà gợn sóng chen chúc quanh nhà thờ Đức Bà như tấm lưới đan mắt kép. Nhưng trước toàn cảnh thành phố này phó chủ giáo chỉ nhìn vào một khúc lòng đường: quảng trường sân nhà thờ; trước tất cả đám đông này, ông chỉ thấy có một khuôn mặt: cô Bohémienne.

Thật khó nói rõ cái nhìn ấy bộc lộ điều gì và ngọn lửa từ đó tóe ra do đâu mà có. Đó là cặp mắt chăm chú nhưng lại hết sức xốn xang, sôi động. Cứ nhìn vẻ bất động im lìm của toàn thân ông ta, thỉnh thoảng lại bất giác khẽ run lên, như thân cây trước gió, cứ nhìn vẻ cứng đơ của đôi khuỷu tay còn hóa đá hơn cả chiếc lan can ông ta đang tì lên, cứ nhìn nụ cười chết cứng đơ làm co rúm mặt mày, ta có thể nói ở Claude Frollo chỉ còn cặp mắt đang sống.

Cô Bohémienne đang nhảy múa. Cô xoay tròn chiếc trống trên đầu ngón tay, rồi tung lên trời khi nhảy điệu dân vũ saraband vùng Provençale; cô nhảy thật nhanh nhẹn, nhẹ nhàng, vui tươi, và không biết tới sức nặng của cặp mắt ghê gớm đang rọi thẳng xuống đầu mình.

Đám đông bâu kín quanh cô, thỉnh thoảng, một người đàn ông, mặc áo chẽn vàng pha đỏ, đi nới rộng vòng người, rồi quay về ngồi xuống ghế cách cô gái múa rong vài bước, và đặt đầu con dê lên đầu gối mình. Người này có lẽ là đồng bọn với cô Bohémienne. Từ nơi cao đang đứng, Claude Frollo không nhìn rõ nét mặt hắn.

Từ lúc trông thấy kẻ lạ mặt này, phó chủ giáo như phải chăm chú theo dõi cùng lúc cả cô gái lẫn hắn ta và nét mặt ông càng thêm u ám. Đột nhiên ông đứng thẳng người và toàn thân run lên:

- Hắn là ai nhỉ? - Ông lẩm bẩm, - lúc nào cũng chỉ thấy cô ta đi có một mình kia mà.

Thế là ông bước vào cái vòm quanh co của cầu thang cuốn và đi xuống. Đi ngang qua cửa phòng thỉnh chuông hé mở, ông lại thấy một cảnh tượng khiến

ông kinh ngạc, ông thấy Quasimodo đang cúi qua chỗ khe hở ở dưới mái hiên đá đen trông giống những mảnh sành rất to, nó cũng đang nhìn xuống quảng trường. Nó say mê chăm chú thưởng ngoạn đến mức không còn biết cha nuôi vừa đi qua. Con mắt nó hoang dại ánh lên kỳ lạ. Đó là cái nhìn đắm đuối và hiền dịu.

- Thế này thì kỳ quặc thật! - Claude thầm nhủ. - Chẳng lẽ nó ngắm cô gái Ai Cập như vậy sao?

Ông tiếp tục đi xuống. Vài phút sau, phó chủ giáo đăm chiêu bước ra quảng trường bằng cửa dưới chân tháp.

- Con Bohémienne đi đâu rồi? - Ông hỏi, chen vào đám khán giả do tiếng trống đã tụ họp nhau lại.

- Không biết nữa, - một người đứng cạnh tháp canh đáp, - nó vừa bỏ đi. Chắc nó đi nhảy múa gì đó trong căn nhà trước mặt, họ vừa gọi nó tới.

Thay thế cho cô Ai Cập, cũng trên tấm thảm mà các hình thêu hồi nãy bị mờ khuất dưới điệu múa uốn lượn quay cuồng của cô ta, phó chủ giáo chỉ còn thấy gã đàn ông mặc áo đỏ pha vàng, đến lượt hắn cũng muốn kiếm vài xu, đang đi vòng quanh, khuỷu tay khép ngang hông, đầu ngửa lên, mặt đỏ nhừ, cổ vươn ra, hàm răng cắn lấy chiếc ghế. Trên ghế, hắn buộc con mèo vừa mượn được của một bà bên cạnh, con mèo hoảng sợ kêu the thé.

- Lạy Đức mẹ! Thầy Pierre Gringoire làm gì vậy? - Phó chủ giáo thốt lên, lúc gã làm xiếc, mồ hôi nhễ nhại, đi qua trước mặt ông với chiếc ghế và con mèo ngất nghểu.

Tiếng nói nghiêm nghị của phó chủ giáo làm gã khốn khổ giật thót người, hắn liền mất thăng bằng, đánh đổ luôn cả chồng đồ nghề, cả ghế lẫn mèo đều rơi lổng chổng lên đầu người xem, giữa tiếng kêu la inh ỏi.

Chắc hẳn vì thầy Pierre Gringoire (vì đúng anh ta) sẽ còn phải rắc rối mới thu xếp ổn thỏa được với bà có con mèo cùng mọi khuôn mặt tím bầm, xây xước

đang vây quanh, nếu chàng không vội lợi dụng luôn lúc ồn ào lộn xộn để lẩn ngay vào nhà thờ, nơi Claude Frollo vừa ra hiệu cho chàng đi theo.

Bên trong nhà thờ đã tối và vắng. Hai gian bên đầy bóng đêm, các đèn trên bàn thờ sáng lóe như sao, vì vòm mái đã tối đen. Chỉ còn cửa sổ hoa thị lớn ngoài mặt tiền, óng ánh muôn màu tia nắng xiên khoai, vẫn chói sáng trong bóng tối như mớ kim cương và phản chiếu rực rỡ tới cuối gian giữa.

Cả hai đi được vài bước, đức cha Claude liền tựa lưng vào cột và đăm đăm nhìn Gringoire. Cái nhìn không làm chàng e sợ, trong lúc chàng đang hổ thẹn vì bị một nhân vật nghiêm trang và bác học bắt gặp trong bộ quần áo hề rong này. Con mắt linh mục nhìn không hề có vẻ chế nhạo và giễu cợt: nó nghiêm trang, lặng lẽ và soi mói. Phó chủ giáo lên tiếng trước:

- Lại đây, thầy Pierre. Có nhiều việc anh cần nói rõ cho tôi hiểu. Trước hết, tại sao từ hai tháng nay, không ai gặp anh ở đâu, thế rồi thình lình lại gặp anh ngay giữa ngã ba, mà ăn mặc quả thực mới đẹp đẽ làm sao, nửa vàng nửa đỏ, hệt như quả táo ở Caudebec?

- Thưa ông, - Gringoire thảm hại đáp, - quả là ăn mặc như thế này thì kỳ dị thật và ông cũng thấy tôi tiu nghỉu như mèo cụt tai. Tôi thừa hiểu mình rất bậy bạ, ai lại đi phơi bộ cánh này để cho một thầy cảnh binh nện vài gậy vào cẳng tay của một triết gia đệ tử của Pythago. Nhưng biết làm thế nào, thưa đức ông kính mến? Lỗi chỉ tại chiếc áo cũ đã hèn nhát bỏ rơi tôi hồi đầu mùa đông, mượn cớ nó đã rách tả tơi và cần được nghỉ ngơi trong sọt rác. Biết làm gì đây? Nền văn minh chưa tiến tới mức có thể đi lại trần truồng, theo ý muốn của vị tiền bối Diogénès. Hơn nữa, trời trở gió rất lạnh, và không phải giữa tháng giêng này mà có thể thành công trong việc khiến nhân loại thử bước thêm bước tiến mới đó. Chiếc áo này tự nhiên xuất hiện. Tôi liền vớ lấy và vứt lại cái áo choàng đen cũ, nó chẳng chịu khép thật kín đối với một kẻ theo khoa luyện đan như tôi. Thế là tôi đành mang bộ đồ hề rong này, như thánh Genest. Biết làm sao bây

giờ? Đây là sự lẩn tránh. Thần Apollo cũng từng phải chăn cừu cho vua Admétès.

- Anh làm cái nghề hay hớm thật! - Phó chủ giáo lại nói.

- Bẩm thầy, tôi đồng ý, tốt hơn là nên triết lý và làm thơ, thổi ngọn lửa trong lò hoặc nhận nó từ trên trời chứ không nên suy tôn lũ mèo. Cho nên lúc ngài mắng nhiếc, tôi đành thộn mặt ra như con lừa trước lò nướng thịt. Nhưng thưa ông, biết làm thế nào? Hàng ngày tôi vẫn phải sống, các vần thơ đẹp nhất lại không bằng miếng pho mát vùng Brie lúc đưa vào miệng. Thực ra tôi cũng đã làm cho lệnh bà Marguerite de Flandre một bài chúc hôn thi tuyệt diệu mà ông đã biết. Nhưng đô thành lại không trả công tôi, vin cớ nó chưa xuất sắc, làm như chỉ cần trả bốn đồng écu là có ngay được một bi kịch của Sophoclès. Thế là tôi suýt chết đói. May thay, tôi cũng được cái khá khỏe về phương diện quai hàm, cho nên tôi mới bảo cái quai hàm đó rằng: - Mày hãy làm trò xiếc và trò thăng bằng, mà tự nuôi lấy thân. *Ale te ipsam**. Một lũ đói rách trở thành bạn tốt của tôi, đã dạy tôi dăm chục trò biểu diễn sức khỏe và hiện nay mỗi tối, tôi cho hàm răng nhai miếng bánh mì mà chúng đã kiếm vào lúc ban ngày bằng mồ hôi trán đổ ra. Dù sao *concedo** tôi vẫn thừa nhận đó là cách sử dụng đáng buồn các khả năng trí tuệ của mình, và con người sinh ra không phải để suốt đời đánh trống và cắn ghế. Nhưng, thưa thầy kính mến, không phải chỉ có mỗi chuyện là sống ở đời, mà còn phải kiếm sống nữa.

Đức cha Claude lẳng lặng đứng nghe. Bỗng nhiên, con mắt sâu của ông ánh lên vẻ linh lợi và sắc sảo, khiến Gringoire có cảm tưởng như bị cái nhìn đó moi móc tận đáy lòng.

- Tốt lắm, thầy Pierre ạ, nhưng tại sao bây giờ thầy lại đánh bạn với cô gái múa rong Ai Cập?

- Ồ! Đó là vợ tôi, còn tôi là chồng cô ta, - Gringoire đáp.

Con mắt tối sầm của linh mục liền rực lửa:

- Đồ khốn kiếp, mày dám làm thế ư? - Ông thét lên, giận dữ nắm lấy cánh tay Gringoire; - phải chăng mày đã bị Chúa bỏ rơi đến mức dám xâm phạm cả cô gái sao?

- Thưa đức ông, - Gringoire đáp, - run lẩy bẩy khắp tay chân, xin thề có trời có đất là tôi chưa hề đụng tới người cô ta, nếu quả thực ngài lo ngại đến chuyện đó.

- Thế sao mày lại nói đến chuyện vợ chồng? - Linh mục hỏi.

Gringoire vội kể lại hết sức tóm tắt những điều bạn đọc đã biết, từ vụ phiêu lưu ở Cung điện thần kỳ tới đám cưới đập vỡ vò của chàng. Vả lại vụ hôn nhân này hình như chưa đi tới kết quả nào hết và đêm đêm, cô Bohémienne vẫn đánh tráo mất đêm tân hôn của chàng hệt như ngày đầu. Chàng kết luận:

- Đó là chuyện khổ tâm, nhưng lý do chỉ vì tôi không may lấy phải gái trinh.

Phó chủ giáo nghe chuyện, đã nguôi dần cơn giận, hỏi:

- Anh nói sao?

- Thật khó giải thích, - nhà thơ đáp. - Đây là chuyện mê tín dị đoan. Theo lời một tên già đời trộm cướp mà chúng tôi gọi là quận công Ai Cập bảo riêng tôi, vợ tôi vốn là đứa trẻ vô thừa nhận, hoặc thất lạc cũng thế. Cô đeo ở cổ một túi bùa mà mọi người cam đoan nó sẽ giúp cô một ngày kia gặp lại cha mẹ, nhưng bùa sẽ mất thiêng nếu cô mất trinh. Cho nên thì thế, cả hai chúng tôi vẫn còn hết sức trong trắng.

- Thầy Pierre, - Claude hỏi, vầng trán mỗi lúc thêm rạng rỡ, - như vậy thầy tin là cô gái đó chưa hề gần gụi người đàn ông nào?

- Thưa đức cha Claude, người đàn ông nào chẳng bó tay trước mê tín dị đoan? Nó đã ăn sâu trong đầu cô ta. Tôi tin chắc sự giữ gìn nghiêm ngặt như nữ tu sĩ tự bảo vệ quyết liệt đó là việc rất hiếm có trong đám con gái Bohémienne vốn rất dễ quyến rũ. Nhưng để tự vệ, cô ta có ba thứ: quận công Ai Cập nhận

che chở cho cô, chắc hẳn để chờ dịp bán cho vị tu viện trưởng nào đó; tất cả giới hành khất đều đặc biệt tôn thờ cô như Đức Bà; và con dao găm xinh xắn mà cô gái vui tính luôn giấu kín trong người bất chấp lệnh nghiêm cấm của ngài đô trưởng, và chỉ cần ôm ngang lưng cô ta là con dao đã xuất hiện trên tay. Đúng là một con ong kiêu hãnh, thưa cha!

Phó chủ giáo dồn dập chất vấn Gringoire.

Theo nhận xét của Gringoire, Esmeralda là con người vô hại và dễ thương, xinh đẹp, trừ đặc điểm hay bĩu môi; một cô gái ngây thơ và đam mê, chưa biết gì hết và ham thích mọi thứ; hiện chưa hiểu thế nào là sự khác biệt giữa đàn bà với đàn ông, ngay cả trong mơ; sinh ra như vậy đó; mê nhất là nhảy múa, sự ồn ào, thoáng rộng; một thứ đàn bà - ong, có đôi cánh vô hình dưới chân, và sống trong gió lốc. Cô mang bản chất đó vì bấy lâu vẫn sống cuộc đời lang thang. Gringoire được biết từ bé tí, cô đã đi ngang qua Tây Ban Nha và xứ Catalogne, tới tận đảo Sicile, chàng còn tin cô ta, vốn là thành viên đoàn Bohémienne, đã được dẫn tới cả vương quốc Alger, một xứ thuộc vùng Achaïe, vùng Achaïe này một phía giáp ranh với nước Albanie bé nhỏ và nước Hy Lạp, phía kia với biển Sicile, trên đường đi Constantinople. Theo lời Gringoire, bọn Bohémienne là chư hầu của vua xứ Alger, mang tư cách lãnh tụ dân tộc của người momerie trắng. Có điều chắc chắn Esmeralda từ Hung tới Pháp hồi còn rất nhỏ. Từ những lúc đó, cô gái mang theo các mẫu thổ ngữ kỳ lạ, các bài hát và ý tưởng ngoại lai, khiến ngôn ngữ của cô ta có vẻ sặc sỡ như bộ quần áo của Paris nửa Phi châu. Tóm lại, dân chúng những khu phố cô thường lui tới, đều yêu cô về tính vui vẻ, dễ thương, điệu bộ nhanh nhẹn cùng lời ca, điệu múa của cô. Khắp thành phố, cô nghĩ chỉ có hai người ghét mình, mà cô thường sợ hãi nhắc tới: bà tu dòng Túi ở tháp Roland, một bà tu kín xấu xa không hiểu sao rất thù ghét các mụ Ai Cập, lần nào cũng nguyền rủa cô gái múa rong lúc cô đi ngang qua cửa sổ phòng bà ta; và một linh mục hễ gặp là nhìn cô và nói năng đến phát sợ. Trường

hợp sau làm phó chủ giáo rất bối rối, nhưng Gringoire không hề để ý tới thái độ này, chỉ cần hai tháng qua đi đủ để nhà thơ vô tâm quên hết các chi tiết lạ lùng vào cái đêm chàng gặp cô gái Ai Cập cùng sự có mặt của phó chủ giáo trong mọi chuyện đó. Thực ra, cô gái múa rong chẳng sợ gì hết; cô không xem bói, như vậy tránh được các vụ án ma thuật thường đem ra để xét xử bọn Bohémienne. Vả lại, cô đã có Gringoire đóng vai ông anh, nếu không phải là chồng. Dù sao, triết gia rất kiên nhẫn chịu đựng loại hôn nhân tinh khiết này. Vẫn chỉ là chuyện kiếm lấy nơi ăn chốn ở. Sáng sáng, chàng từ khu ăn mày ra đi, thường cùng đi với cô gái Ai Cập, giúp cô tới các ngã tư thâu lượm mớ tiền lẻ; tối tối, chàng cùng cô trở về ở chung một mái nhà, để mặc cô khóa kín căn buồng nhỏ rồi đánh một giấc ngon lành. Chàng cho đó là cuộc sống khá êm ấm, thực dễ chịu và rất thích hợp cho sự mơ mộng. Vả lại, trong thâm tâm, thực tình triết gia không lấy gì làm chắc mình đã yêu say mê cô gái. Chàng yêu con dê cũng không kém. Con vật thật đáng yêu, hiền lành, thông minh, hóm hỉnh, một con dê tinh khôn. Vào thời trung cổ, thường hay có những con vật tinh khôn như vậy, khiến mọi người kinh ngạc và hay dẫn kẻ nuôi dạy chúng tới dàn hỏa thiêu. Tuy nhiên trò ma thuật của con dê bốn chân vàng chỉ là những trò hết sức vô tội. Gringoire giải thích cho phó chủ giáo về những chi tiết đó mà xem ra ông rất quan tâm. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần giơ cái trống cho con dê theo cách nào đó, là đủ sai nó làm trò theo ý muốn, nó được cô Bohémienne dạy cho như vậy, cô có biệt tài hiếm hoi bày những trò tinh tế, nên chỉ cần hai tháng đủ dạy con dê dùng các chữ rồi ghép thành từ *Phoebus*.

- *Phoebus*? - Linh mục hỏi, - tại sao lại *Phoebus*?

- Tôi cũng không biết, - Gringoire đáp. - Có lẽ đó là một từ mà cô gái tin có phép nhiệm màu bí mật nào đó. Cô thường khẽ nhắc tới khi có một mình.

- Anh có tin chắc đó chỉ là một từ, chứ không phải tên người không? - Claude hỏi, mắt nhìn soi mói.

- Tên ai mới được chứ? - Nhà thơ hỏi.

- Nào tôi biết đâu đấy! - Linh mục đáp.

- Thưa ông, tôi thì tôi nghĩ thế này. Bọn Bohémienne ít nhiều đều theo ma thuật Ba Tư và thờ mặt trời. Do đó mới có chữ Phoebus.

- Thầy Pierre ạ, tôi thấy có lẽ không hẳn đúng như thầy nghĩ.

- Dù sao tôi cũng chẳng cần. Mặc cho cô ta cứ việc lẩm bẩm cái từ Phoebus đó. Có điều chắc chắn Djali yêu tôi cũng gần bằng yêu cô ta.

- Djali là gì?

- Là con dê.

Phó chủ giáo đưa tay nâng cằm và có vẻ mơ mộng hồi lâu. Bỗng ông quay phắt lại nhìn Gringoire:

- Anh có dám thề với tôi anh chưa hề mảy may đụng chạm tới nó không?

- Đụng tới gì? Con dê ư? - Gringoire hỏi.

- Không, đụng tới cô gái.

- Vợ tôi? Tôi xin thề rằng chưa.

- Thế anh thường ở một mình cùng cô ta?

- Tối nào cũng vậy, khoảng một giờ.

Đức cha Claude cau mày.

- Ố! Ồ! *Solus cum sola non cogitabuntur orare Pater noster**.

- Thật tình tôi có thể đọc kinh *Pater*, rồi kinh *Ave Maria* rồi kinh *Credo in Decum patrem omnipotentem** mà cô ta cũng chẳng thèm để ý hơn con gà mái để ý tới ngôi nhà thờ.

- Anh hãy lấy bụng mẹ anh ra mà thề với tôi là anh chưa hề đụng nửa đầu ngón tay tới cô ta, - phó chủ giáo hung hăng nhắc lại.

- Tôi xin đem đầu bố tôi ra mà thề như vậy. Nhưng thưa thầy kính mến, đến

lượt tôi xin phép được hỏi lại một câu.

- Xin mời ông cứ hỏi.

- Tại sao thầy lại quan tâm đến việc đó ?

Khuôn mặt tái xanh của phó chủ giáo đỏ bừng như má cô gái. Ông nín lặng một lát không đáp rồi nói, bối rối ra mặt:

- Thầy Pierre Gringoire, hãy nghe đây. Theo tôi biết, anh chưa phạm tội. Tôi quan tâm tới anh và muốn điều hay cho anh. Nhưng chỉ cần đụng chạm một chút tới con Ai Cập quỷ sứ đó, anh sẽ thành tôi mọi quỷ Satan. Anh thừa biết thân xác bao giờ cũng làm hại linh hồn. Sẽ tai họa cho anh nếu anh đụng chạm tới con đàn bà đó! Có thế thôi.

- Tôi đã thử một lần rồi, - Gringoire gãi tai nói. - Đó là hôm đầu tiên, nhưng tôi đã bị ong châm.

- Thầy Pierre, thầy đã cả gan như vậy sao?

Và vầng trán linh mục tối sầm lại.

- Một lần khác, - nhà thơ tươi cười nói tiếp, - trước khi đi ngủ, tôi đã nhòm qua lỗ khóa và nhìn thấy rõ người đàn bà ngon lành nhất mặc đồ lót, cô ta làm cọt kẹt nan giường dưới bàn chân trần.

- Thôi cút ngay đi! - Linh mục nhìn hằm hằm, quát lên và nắm hai vai Gringoire sững sờ đẩy đi, rồi ông rảo bước đi vào dưới vòm cột âm u nhất của tòa nhà thờ.

III
GIÀN CHUÔNG

Kể từ buổi sáng Quasimodo bị đem bêu, dân chúng xung quanh nhà thờ Đức Bà nhận thấy hình như sự sốt sắng thỉnh chuông của nó đã nguội lạnh đi nhiều. Trước kia, chuông lúc nào cũng vang lên, từng hồi chuông sáng dài ngân nga từ lễ sớm tới lễ muộn, những hồi chuông lớn bay bổng nhân dịp đại lễ, những âm điệu phong phú thong dong chuông nhỏ cho đám cưới, lễ rửa tội và tất cả hòa lẫn trong không trung như tấm thêu đủ loại âm thanh du dương. Tòa nhà thờ cổ, chỗ nào cũng rung động và ngân vang, triền miên vui trong tiếng chuông. Tựa hồ ở đó luôn có mặt vị thần linh của náo động và tùy hứng, đang ca hát qua những miệng đồng. Giờ đây, thần linh đó như biến mất; nhà thờ trở nên buồn tẻ và sẵn sàng nín lặng. Các ngày lễ và đám tang vẫn thỉnh chuông bình thường, khô khan và trơ trẽn, đúng theo nghi lễ bắt buộc, không hơn. Trong hai thứ tiếng động do nhà thờ tạo nên, tiếng đại phong cầm ở trong, tiếng chuông ở ngoài, chỉ còn lại tiếng phong cầm. Tuy rằng Quasimodo vẫn ở đó. Chuyện gì đã xảy ra trong con người nó? Phải chăng thâm tâm nó vẫn còn hổ thẹn và thất vọng về vụ cực hình, ngọn roi của đao phủ không ngớt vang vọng trong tâm hồn nó, nỗi buồn bị ngược đãi dập tắt hết mọi thứ ở nó, kể cả niềm yêu mê giàn chuông? Hoặc Marie đã có tình địch trong trái tim gã kéo chuông nhà thờ Đức Bà, cho nên quả chuông lớn và mười bốn cô em bị bỏ rơi, nhường chỗ cho cái gì đó còn duyên dáng và xinh đẹp hơn chăng?

Vào năm ơn phước 1482 đó, lễ Ngự cáo lại đúng vào hôm thứ ba 25 tháng ba. Hôm đó, trời trong và nhẹ đến nỗi Quasimodo cũng thấy thương nhớ giàn chuông. Nó liền leo lên tháp chuông phía bắc, trong khi bên dưới gã trợ thủ mở

rộng các cửa nhà thờ, hồi đó là các phiến gỗ rắn đanh to lớn, bọc da, chung quanh đóng đinh sắt mạ vàng và có chạm trổ "hết sức khéo léo công phu".

Lên tới gác chuông cao, Quasimodo lắc đầu buồn bã ngắm nghía hồi lâu sáu lầu chuông. Tựa hồ đau khổ vì một cái gì xa lạ đã len vào trái tim, ngăn cách nó với giàn chuông. Nhưng khi nó đã rung chuông, cảm thấy chùm chuông chuyển động dưới tay, khi thấy, vì nó đâu còn nghe được, những âm giai run rẩy dâng lên hạ xuống trên nấc thang thanh âm như con chim chuyền cành, khi con quỷ âm nhạc, tên yêu ma này đang rung một chùm chói lọi đủ loại tiết điệu, đã nhập vào thằng điếc tội nghiệp, nó bỗng trở lại sung sướng, nó quên hết và trái tim nở rộng làm khuôn mặt nó tươi tỉnh.

Nó đi lại, vỗ tay, chạy quanh các dây thừng, nó hò hét, múa may, để động viên sáu ca sĩ như một nhạc trưởng thúc giục các danh ca thông minh. Nó bảo:

- Cố lên, Gabrielle. Dốc hết âm thanh của mày xuống quảng trường. Hôm nay ngày hội. - Thibauld, đừng có lười. Sao chậm thế. Nhanh lên, nhanh lên! Đồ ăn hại, mày han gỉ rồi sao? - Khá lắm! Nhanh nữa lên nào! Nhanh đến mức không còn nhìn thấy quả lắc. Hãy làm mọi người điếc hết như tao. Đúng thế, Thibauld cừ quá! Guillaume! - Guillaume! Mày là đứa lớn nhất, còn Pasquier bé nhất, thế mà Pasquier lại giỏi hơn. Tao đánh cuộc, những ai nghe được, đều nghe thấy nó rõ hơn mày. - Được! Được! Gabrielle của ta, to lên, to nữa lên! - Này! Lũ Chim Sẻ, cả hai chú làm gì trên đó thế? Chẳng thấy chúng mày phát ra tiếng động nhỏ nào. - Lại còn những cái mỏ bằng đồng kia, ai lại hát mà cứ như ngáp ấy! Hừ, phải làm việc đi chứ. Hôm nay ngày lễ Ngự cáo. Trời nắng đẹp. Phải có hồi chuông thật vang. - Tội nghiệp Guillaume! Cậu cả béo, hết hơi rồi phải không?

Quasimodo đang mải đốc thúc giàn chuông, cả sáu đua nhau nhào lộn và đung đưa những cái mông bóng láng như đàn la Tây Ban Nha ầm ĩ đang bị mã phu la hét thúc giục.

Bỗng nhiên, nó liếc nhìn qua khe, các miếng vải đá đen to bản, che tới độ cao nhất định bức tường thẳng đứng của tháp chuông, và thấy dưới quảng trường một cô gái ăn mặc kỳ quặc, đang đứng lại, trải xuống đất tấm thảm có con dê con tới nằm lên trên, rồi một đám người xem tới vây tròn chung quanh. Cảnh tượng đó đột nhiên thay đổi dòng suy nghĩ của nó và làm đông cứng nỗi thích thú âm nhạc như luồng gió lạnh làm đông cứng dòng nhựa đang chảy. Nó dừng lại, quay lưng lại giàn chuông, rồi ngồi xổm sau mái hiên đá đen, đăm đăm nhìn cô gái múa rong bằng cặp mắt mơ màng, âu yếm và hiền dịu, cái nhìn đã một lần làm phó chủ giáo phải kinh ngạc. Trong khi đó, giàn chuông bị bỏ quên cũng đột ngột im bặt một loạt, khiến khách ham nghe nhạc chuông phải thất vọng, họ đành vui lòng nghe hồi chuông trên cầu Hối Đoái, và ra về chưng hửng như con chó được dử miếng xương nhưng lại xơi phải cục đá.

IV
ΑΝΑΓΚΗ

Vào một sáng đẹp trời cũng hồi tháng ba đó, có lẽ là thứ bảy 29, ngày lễ Thánh Eustache, anh bạn trẻ của chúng ta là cậu học trò Jehan Frollo Cối Xay đang mặc quần áo, chợt thấy túi quần đựng tiền không phát ra một tiếng xủng xẻng nào hết. Cậu rút túi tiền ra, nói:

- Tội nghiệp cái túi tiền! Sao? Chẳng còn một chinh! Xúc xắc, bia vại và gái đẹp đã tàn nhẫn moi hết ruột mày! Thế là mày đâm ra trống rỗng, nhăn nhúm và bèo nhèo! Trông cứ như vú mụ điên! Xin hỏi quý ngài Cicero và Seneca, mà tôi thấy tác phẩm cong queo xơ xác vứt bừa bãi trên sàn, học hành thì làm được cái thá gì, dù tôi có giỏi hơn ông chánh kho bạc hoặc một lão Do Thái ngoài cầu Hối Đoái, để được biết một đồng écu vàng khắc hình vương miện bằng băm nhăm unzain trị giá mỗi đồng băm nhăm xu tám denier tiền Paris và một đồng écu vàng khắc hình trăng lưỡi liềm bằng băm sáu unzain trị giá mỗi đồng băm sáu xu sáu denier tiền Tour, nếu tôi không có lấy một đồng kẽm đen ngòm khốn kiếp để liều một ván domino! Ôi, quan chấp chính Cicero! Tai hại đó đâu có thể thoát bằng những cách nói ví von, các *quemadmodum* và các *verum enim vero*!*

Chàng buồn rầu mặc quần áo. Một ý nghĩ vụt đến lúc buộc dây giày, nhưng chàng vội gạt đi ngay: nhưng nó cứ trở lại khiến chàng mặc trái cả áo gilê, đó là dấu hiệu rõ ràng của mối xung đột nội tâm gay gắt. Sau cùng, chàng vứt mạnh mũ xuống đất, kêu lên: - Đếch cần! Muốn ra sao thì ra. Mình sẽ tới ông anh. Sẽ bị nghe chửi đấy, nhưng còn kiếm được đồng écu.

Thế là chàng vội vã khoác áo choàng lót lông, nhặt mũ và thất thểu đi ra.

Chàng xuôi dọc phố Hàng Đàn, đi về phía Khu thành cũ. Lúc đi ngang qua phố La Huchette, mùi chả nướng thơm lừng trên những cái xiên không ngừng quay, kích thích cơ quan khứu giác, chàng âu yếm nhìn tiệm thịt quay vĩ đại, một hôm đã khiến vị tu sĩ dòng thánh Catalagiron phải tha thiết thốt lên: *Veramente, queste rotisserie sono cosa stupenda**. Nhưng Jehan không có tiền ăn sáng và chàng thở dài thườn thượt, chui qua cổng Tiểu Châtelet, gồm những tháp lớn hình lá tam diệp kép rất to, trấn giữ lối vào Khu thành cũ.

Chàng cũng không còn bụng dạ nào, theo thói quen, tiện tay ném hòn đá vào pho tượng khốn nạn của Périnet Leclerc, đã dâng thành Paris thời Charles VI cho quân Anh, tội ác khiến tượng hình của hắn, bị đá ném sứt sẹo và bùn vấy đầy mặt, đã chịu hình phạt suốt ba thế kỷ ở góc phố Hàng Đàn và phố Bussy, như vĩnh viễn bêu mặt trên giàn bêu tù.

Qua cầu Nhỏ, vượt phố Neuve-Sainte-Geneviève, Jehan de Molendino tới trước nhà thờ Đức Bà. Thế là chàng lưỡng lự, đi dạo một lát quanh pho tượng ông Legri, ngần ngại nhủ thầm: - Sỉ và cầm chắc, còn tiền nong vẫn đáng ngờ!

Chàng hỏi một thầy trợ thủ từ tu viện đi ra:

- Ngài phó chủ giáo Josas đang ở đâu?

- Có lẽ ở trong phòng kín trên tháp, - thầy trợ thủ đáp, - tôi khuyên cậu không nên tới đó quấy rầy ông ta, trừ khi cậu được ai đó vào loại như giáo hoàng hoặc nhà vua phái đến.

Jehan vỗ tay:

- Ma xui quỷ khiến! Thật là dịp tốt để xem căn phòng ma thuật trứ danh!

Kiên quyết làm theo ý định, chàng mạnh bạo bước vào cửa nhỏ tối om và leo lên thang cuốn Saint-Gille dẫn lên tầng trên tòa tháp. - Phải xem nó thế nào mới được! Chàng vừa đi vừa thầm nhủ. Mẹ kiếp! Căn phòng đó chắc kỳ lạ lắm, nên ông anh đáng kính của mình mới giấu khư khư như vậy! Nghe nói ông ấy nhóm bếp địa ngục ở đó để nổi to lửa nấu món điểm kim thạch. Ôi dào! Mình có điểm

kim thạch cũng chẳng hơn gì hòn sỏi, giá mà tìm thấy trên bếp lò một đĩa trứng Phục sinh tráng mỡ lợn còn thú vị hơn bất cứ hòn điểm kim thạch nào to nhất đời!

Lên tới hành lang có dãy cột nhỏ, chàng đứng thở một lát, nguyền rủa cái cầu thang bất tận bằng không biết bao nhiêu lời tục tĩu, rồi lại tiếp tục leo lên, qua cửa hẹp tòa tháp hướng bắc, hiện nay cấm dân chúng vào xem. Lát sau, khi đã đi qua gác chuông, chàng tới sàn cầu thang nhỏ ăn sâu vào hốc tường ngang, dưới vòm có cửa thấp hình cung nhọn, mà một lỗ châu mai ở trước mặt được trổ thủng vào vách tường bao quanh cầu thang cuốn khiến chàng có thể trông thấy ổ khóa to tướng và khung sắt vững chãi của cánh cửa. Hiện nay, khách tò mò đến thăm còn nhận ra chiếc cửa đó, do hàng chữ trắng khắc trên tường đen: *Tôi yêu quý Coralie, 1829. Ký tên Ugène*. Đúng là có khắc cả chữ: *ký tên*.

- Ồ! - Cậu học trò nói - chắc là ở đây.

Chìa khóa tra trong ổ. Cánh cửa ở ngay trước mặt. Chàng khẽ đẩy, thò đầu qua khe cửa mở.

Bạn đọc chắc hẳn đã giở xem qua tập tác phẩm kỳ diệu của Rembrandt, một thứ Shakespeare của hội họa. Trong số nhiều bức tranh khắc tuyệt đẹp, đặc biệt có một bức tranh chìm, mà người ta dự đoán nó thể hiện bác sĩ Faust, khiến ta nhìn vào không thể không lóa mắt. Đó là một gian phòng tối. Ở giữa kê chiếc bàn chất đầy đồ vật ghê rợn, sọ người, bình tròn, nồi đất, compas, da dê ghi chữ tượng hình. Bác sĩ ngồi xuống trước bàn, mặc áo choàng rộng, đội mũ lót lông sụp xuống tận mắt. Chỉ trông thấy nửa người ông ta. Ông ta hơi nhổm người trên ghế bành rộng, bàn tay nắm chặt chống lên mặt bàn, đang tò mò và sợ hãi nhìn một vòng tròn sáng lớn, gồm những chữ ma quái, chói lọi, trên bức tường cuối phòng, như tia nắng chiếu vào hộp tối máy ảnh. Mặt trời huyền vi đó như rung rinh trước mắt và chiếu ánh sáng bí hiểm khắp gian phòng mờ tỏ. Thật ghê rợn và cũng thật đẹp.

Trước mắt Jehan là những thứ tương tự gian phòng của Faust, khi chàng thò đầu qua khe cửa hé mở. Đây cũng là căn buồng tối, ánh sáng lờ mờ. Cũng chiếc bàn lớn rồi côngpa, nồi cất, xương thú vật lủng lẳng trên trần, bình tròn lăn lóc dưới sàn, xương sọ ngựa lẫn lộn với những hũ bên trong rung rinh các lá bằng vàng, sọ người đặt trên trang giấy chi chít hình vẽ và chữ, từng tập sách viết tay dày cộp, mở sẵn, chồng chất lên nhau, không chút thương hại các góc da dễ gãy, tóm lại đủ mọi thứ rác rưởi của khoa học và khắp nơi, trên mớ lộn xộn này, bụi bặm và mạng nhện bám đầy; nhưng chỉ không có vòng tròn bằng chữ chói sáng, không có bác sĩ mải mê ngắm huyễn tượng rực cháy như đại bàng ngắm mặt trời.

Tuy nhiên, căn buồng không vắng người. Một ông ngồi trong ghế bành, đang cúi xuống bàn. Hắn quay lưng lại nên Jehan chỉ nhìn thấy đôi vai và chỏm đầu; nhưng chàng dễ dàng nhận ra ngay cái đầu hói mà thiên nhiên cạo trọc vĩnh viễn như thể muốn đánh dấu thiên hướng giáo sĩ không cưỡng nổi của phó chủ giáo, bằng biểu tượng ngoại hình.

Jehan nhận ra ông anh. Nhưng cửa mở ra quá nhẹ nhàng, làm đức cha Claude không hay biết gì đến việc chú em có mặt. Cậu học trò tò mò liền lợi dụng lúc đó để tha hồ ngắm nghía căn buồng hồi lâu. Một lò bếp rộng, thoạt đầu chàng chưa để ý tới, ở bên trái ghế bành, phía dưới cửa mái. Tia nắng chiếu vào từ khung cửa đó, xuyên qua một mạng nhện tròn, in hình rất khéo cái hoa thị tinh tế vào vòm cửa sổ tò vò, ở giữa là con côn trùng kiến trúc sư đang đứng im như trục bánh xe bằng ren. Trên bếp chất bừa bãi đủ thứ chai lọ, hũ sành, nồi nấu bằng thủy tinh, bình dài cổ bằng than đá. Jehan thở dài thấy chẳng có chiếc chảo con nào, thầm nghĩ:

- Đồ lề nấu bếp xem ra còn mới quá!

Hơn nữa, lò không nhóm lửa, mà hình như từ lâu cũng chẳng có lửa khói gì hết. Một mặt nạ thủy tinh Jehan thấy ở giữa đống dụng cụ luyện đan, chắc hẳn

để phó chủ giáo đeo che mặt khi pha chế những chất ghê gớm, vứt một xó, bụi bám đầy, như bị bỏ quên. Ngay cạnh, lăn lóc cái thổi lửa cũng bám đầy bụi, mặt trên dán câu chú giải khảm chữ bằng đồng: *Spira, Spera**.

Theo lề thói của các nhà điểm kim, trên tường còn ghi rất nhiều chú từ khác, câu viết bằng mực, câu khác bằng mũi nhọn kim khí. Thôi thì lộn xộn đủ thứ chữ Gothic, Do Thái, Hy Lạp, La Mã, hàng chữ nọ ngẫu nhiên chen lấn hoặc đè lên hàng chữ kia, câu mới xóa câu cũ, tất cả quấn vào nhau rối mù như cành cây trong bụi rậm, như mũi giáo trong trận xáp lá cà. Quả thực đó là sự pha trộn lung tung đủ loại triết học, đủ trò mơ mộng, đủ thứ khôn ngoan nhân loại. Thỉnh thoảng đây đó một câu chói lọi hơn, như lá cờ giữa đám giáo mác. Còn phần lớn là một câu châm ngôn ngắn Latinh hoặc Hy Lạp, được thời trung cổ diễn đạt rất hay: *Unde? inde?** - *Homo homini monstrum**. - *Astra, castra, nomen, numen**. - *Μέγα βιβλίον, μέγα κακόν**. - *Sapere aude**. - *Flat ubi vult**, vân vân... hoặc một từ bề ngoài có vẻ vô nghĩa: Αναγκοφαγία*, nhưng có lẽ ẩn giấu ý ám chỉ chua cay về chế độ tu viện; đôi khi chỉ là câu cách ngôn bình thường về kỷ luật đạo giáo diễn tả bằng câu thơ tám chân đúng niêm luật: *Coelestem dominum, terrestrem dicito domnum**. Đây đó cũng còn những chữ Do Thái *nguệch ngoạc* mà Jehan, vốn đã dốt tiếng Hy Lạp, lại càng không hiểu gì hết, và tất cả chỗ nào cũng chằng chịt những ngôi sao, hình người hoặc hình thú và hình tam giác cài nhau, chúng góp thêm phần cho bức tường bôi bẩn của căn buồng càng giống tờ giấy bị con khỉ cầm ngòi bút đẫm mực vẽ nhăng nhít.

Tóm lại, toàn bộ căn phòng có vẻ hoang tàn và đổ nát, còn tình trạng tồi tàn của dụng cụ làm ta phỏng đoán, từ khá lâu, chủ nhân đã xao lãng công việc nghiên cứu vì bận chăm lo chuyện khác.

Lúc này, chủ nhân đang cúi xuống cuốn sách chép tay to rộng, trang trí các bức họa kỳ quái, như đang dằn vặt vì một ý nghĩ luôn xen vào dòng suy tưởng. Ít nhất đó cũng là điều Jehan nhận xét, khi nghe ông ta thốt lên, với khoảnh khắc

trầm ngâm của một giấc mơ trống rỗng đang nói to thành lời:

- Phải, Manou* đã nói thế, còn Zoroastre* cũng dạy như vậy, mặt trời nảy sinh từ lửa, mặt trăng nảy sinh từ mặt trời. Lửa là linh hồn của các đại toàn thể. Các nguyên tử sơ đẳng của nó lan tràn và tuôn chảy không ngừng thành những dòng bất tận trên thế giới. Tại giao điểm của các dòng đó trong không trung, nó phát sinh ánh sáng; tại giao điểm của chúng dưới lòng đất, nó sản sinh ra vàng. - Ánh sáng, vàng, cũng là một thứ thôi. Là lửa ở trạng thái cụ thể. - Là sự khác biệt từ cái trông thấy đến cái sờ thấy, từ thể lỏng sang thể đặc của cùng một thể chất, từ hơi nước thành nước đá, không gì khác hơn. Hoàn toàn không phải chuyện mộng tưởng - đó là quy luật tổng quát của thiên nhiên. - Nhưng làm cách nào moi ra được bí mật của quy luật chung đó, trong khoa học? Đúng thế: Ánh sáng tràn ngập bàn tay ta đó chính là vàng! Vẫn chỉ là những nguyên tử đó nở phình ra theo quy luật nào đó, vấn đề chỉ là cô đặc nó theo quy luật nào đó! - Làm cách nào đây? - Có người đã nghĩ cách chôm một tia nắng. - Averroë - phải, chính là Averroë - Averroë* đã chôn một tia nắng dưới chiếc cột đầu tiên bên trái trong hậu cung cất kinh Koran, tại đại tu viện Hồi giáo ở Cordoue; nhưng tám nghìn năm sau mới có thể mở căn hầm đó để xem công cuộc thành công hay không.

- Eo ôi! - Jehan thầm nhủ, chờ có được một đồng écu như vậy thì lâu quá!

Phó chủ giáo mơ mộng nói tiếp:

- ... Kẻ khác lại nghĩ, tốt hơn nên thực hiện bằng một ánh sao Sirius. Nhưng rất khó có nổi tia sáng thuần khiết đó, vì sự hiện diện đồng thời của nhiều tinh tú khác đã trộn lẫn các ánh sáng. Flamel cho rằng giản dị hơn, nên thực hiện bằng tia lửa mặt đất. - Flamel! Đúng là cái tên tiền định. *Flamma*! - Phải, đúng là lửa. Có thế thôi. - Kim cương ở trong than đá, vàng ở trong lửa. - Nhưng làm thế nào lấy ra được? - Magistri khẳng định có một số tên của đàn bà mang vẻ đẹp hết sức hiền dịu và huyền bí chỉ cần đọc lên trong khi thực hiện... - Ta hãy đọc xem

Manou bảo sao: “Nơi đâu đàn bà được tôn trọng, thần linh đều vui vẻ; nơi đâu họ bị khinh rẻ, có cầu Chúa cũng chẳng ích gì. Miệng đàn bà bao giờ cũng tinh khiết: đó là nước trôi, là tia nắng. - Tên đàn bà phải êm ái, du dương, bay bổng; phải tận cùng bằng âm dài và giống như lời ban phước lành”. - ... Phải, nhà hiền triết nói có lý; thật vậy, Maria này, Sophia này, Esmeral... - Khốn khổ! Sao mình cứ nghĩ mãi tới chuyện đó!

Rồi ông đùng đùng gấp sách.

Ông giơ tay bóp trán, như muốn xua đuổi ý nghĩ đang ám ảnh. Rồi ông cầm lấy ở trên bàn chiếc đinh và cái búa nhỏ, cán có sơn các bùa chú kỳ lạ. Ông mỉm cười chua chát, nói:

- Ít lâu nay, ta thất bại trong mọi cuộc thí nghiệm! Một định kiến ám ảnh ta và giày vò đầu óc như chiếc vòng lửa. Ta chỉ mới khám phá được bí mật của Cassiodore*, với chiếc đèn thắp không cần bấc và dầu. Nhưng đó chỉ là chuyện tầm thường!

- Chết tiệt! - Jehan lẩm bẩm nói.

- ... Cho nên chỉ cần một tư tưởng khốn kiếp, - linh mục nói tiếp, - cũng đủ làm con người ta trở nên hèn yếu, điên rồ! Ôi, cứ để mặc Claude Pernelle cười ta, bà đã không sao khiến nổi ông chồng Nicolas Flamel rời bỏ một phút việc theo đuổi sự nghiệp lớn! Lạ thay! Ta đang cầm trong tay chiếc búa thần thông của Zéchiélé! Cứ mỗi lần vị pháp sư Do Thái ghê gớm đó ngồi trong phòng riêng, nện búa xuống chiếc đinh này, kẻ thù mà ông kết tội đủ cách xa hai ngàn dặm, vẫn thụt sâu xuống đất một sải và bị đất nuốt chửng. Ngay cả vua nước Pháp, một tối chỉ vì khinh suất đụng phải cửa căn nhà vị thần thông, cũng đã bị thụt xuống lòng đường Paris sâu tới gối. - Việc này xảy ra, chưa quá ba thế kỷ. - Thế mà ta hiện có chiếc búa, cái đinh, nhưng trong tay ta nó chẳng phải là dụng cụ gì ghê gớm hơn cái vồ trong tay người thợ dao kéo. - Cho nên, ta chỉ cần tìm câu thần chú mà Zéchiélé đã đọc, rồi đóng cái đinh này.

- Láo toét! - Jehan thầm nghĩ.

- Nào, hãy thử xem sao, - phó chủ giáo hăng hái nói tiếp. - Nếu thành công, ta sẽ thấy đầu đinh tóe lửa xanh. Emen-hétan! Emen-hétan! - Không phải rồi. Sigéani! Sigéani! Chiếc đinh này hãy đào huyệt chôn cái kẻ tên là Phoebus. Khốn nạn! Sao cứ quanh quẩn mãi một ý nghĩ dai dẳng đó.

Rồi ông giận dữ vứt búa đi. Và ông ngồi sụp xuống ghế, gục lên bàn, khuất sau chiếc ghế bành lớn, khiến Jehan không trông thấy nữa. Trong vòng vài phút, chàng chỉ thấy bàn tay ông ta co quắp đặt trên cuốn sách. Đột nhiên, đức cha Claude đứng dậy, cầm côngpa, lặng lẽ khắc lên tường những chữ cái Hy Lạp sau:

ΑΝΑΓΚΗ

- Ông anh mình điên rồi, - Jehan thầm nhủ; - cứ viết là *Fatum** có tiện hơn không. Có phải ai cũng bắt buộc phải biết tiếng Hy Lạp đâu.

Phó chủ giáo quay lại ngồi xuống ghế, hai tay ôm đầu, như người ốm đang nhức và nóng đầu thường làm.

Cậu học trò ngạc nhiên nhìn ông anh. Chàng đâu có biết, vì chàng vốn là kẻ ưa phơi trần trái tim ra ngoài, vốn chỉ tuân theo một định luật trên đời là định luật tốt đẹp của tự nhiên, cứ để mặc ham mê tuôn chảy theo sở thích, là kẻ mà mặt hồ các xúc cảm lớn bao giờ cũng khô cạn, cái mặt hồ cứ sáng sáng lại được khơi rộng thêm mương máng mới, chàng đâu có biết biển cả ham mê cả con người sẽ nung nấu và sôi sục cuồng điên đến độ nào khi ta cự tuyệt nó mọi lối thoát, biển cả đó tích tụ, dâng lên, tràn bờ, đào xới tâm can, bật thành nức nở bên trong và quằn quại âm thầm, tới khi biển phá vỡ đê, chảy lạc dòng, vỏ ngoài khắc khổ và giá băng của Claude Frollo, bề mặt đạo đức lạnh lùng, cheo leo và hiểm hóc đó vẫn đánh lừa Jehan. Cậu học trò vui nhộn không hề nghĩ vẫn có thứ nham thạch sôi sục, hung hãn và sâu lắng bên dưới vầng trán phủ tuyết của núi lửa Etna.

Không hiểu Jehan có chợt nhận thấy các ý tưởng đó không, nhưng mặc dù là người vô tâm chàng cũng hiểu mình đã trông thấy những gì không nên thấy, mình vừa bắt gặp tâm hồn ông anh trong một trạng thái riêng tư nhất và không nên để Claude biết. Thấy phó chủ giáo trở lại im lìm như cũ, chàng khẽ rụt cổ và nện gót sau cửa, như người vừa mới tới và báo hiệu mình tới.

- Vào đi! - Phó chủ giáo cất tiếng từ trong phòng, - tôi chờ từ nãy. Khóa vẫn để nguyên ở cửa đó. Thầy Jasques, cứ vào.

Cậu học trò mạnh dạn bước vào. Phó chủ giáo ngồi yên trên ghế giật mình, cuộc viếng thăm này thật bất tiện ở nơi đây.

- Ô hay! Chú Jehan đấy ư?

- Vẫn một cái tên bắt đầu bằng chữ J, - cậu học trò đáp, mặt đỏ bừng, trâng tráo và vui nhộn.

Nét mặt Claude trở lại nghiêm nghị.

- Chú đến đây có việc gì?

- Thưa anh, - cậu học trò đáp, - cố tạo vẻ mặt đứng đắn, đáng thương và nhũn nhặn, tay mân mê mũ ra bộ ngây thơ, em đến để xin anh...

- Xin gì?

- Bảo ban cho ít điều em đang rất cần.

Jehan không dám nói thêm: - Và một ít tiền em còn cần hơn nữa. - Đoạn cuối của câu nói còn được giữ lại nguyên.

- Thưa ông, - phó chủ giáo lạnh lùng nói, - tôi rất không bằng lòng về ông.

- Chao ôi! - Cậu học trò thở dài.

Đức cha Claude xoay ghế một góc vòng, đăm đăm nhìn Jehan:

- Rất may được gặp ông.

Đó là câu mào đầu ghê gớm. Jehan sẵn sàng chờ vụ va chạm mạnh.

- Jehan, ngày nào người ta cũng tới đây than phiền về chú. Tại sao có cuộc ẩu

đả mà chú vác gậy đánh vị tử tước nhỏ tuổi Albert de Ramonchamp?...

- Ồ! Có gì đâu! - Jehan đáp. - Tại cái thằng thị đồng tai ác chơi nghịch, nó phi ngựa làm bắn hết cả bùn lên bọn học trò chúng em!

- Thế còn vụ Mahiet Farget bị chú xé rách áo dài? *Tunicam dechiraverunt*, họ nói rõ như vậy.

- Ôi dào! Nó thừa biết đó chỉ là cái áo khoác tồi tàn, Montaigu.

- Đơn thưa nói là *tunicam*, chứ không phải *cappettam**. Chú có hiểu tiếng Latinh không?

Jehan không đáp. Linh mục lắc đầu, nói tiếp:

- Phải! Bây giờ học hành, chữ nghĩa như thế đấy. Tiếng Latinh biết lõm bõm, tiếng cổ Syris dốt đặc, tiếng Hy Lạp bị ghét thậm tệ chứ không phải vì dốt mà các nhà thông thái nhất phải bỏ qua một từ Hy Lạp không đọc tới, thế rồi lại nói: *Graecum est, non legitur**.

Cậu học trò ngang nhiên ngước nhìn:

- Thưa anh, anh có muốn em giảng nghĩa từ Hy Lạp viết trên tường kia sang đúng tiếng Pháp không?

- Từ nào?

- ΑΝΑΓΚΗ.

Gò má vàng sạm của phó chủ giáo hơi đỏ ửng, như luồng khói báo hiệu bên ngoài các chấn động bí mật của núi lửa. Cậu học trò hầu như không nhận thấy điều đó. Ông anh gắng gượng lắp bắp hỏi:

- Này Jehan, thế từ đó nghĩa là gì?

- ĐỊNH MỆNH.

Đức cha Claude lại tái mặt, còn cậu học trò thản nhiên nói tiếp:

- Còn từ ở dưới, cũng do bàn tay đó khắc, *Αναγνεία* nghĩa là Ô TRỌC. Anh thấy là em cũng biết tiếng Hy Lạp đấy chứ.

Phó chủ giáo nín lặng. Bài học tiếng Hy Lạp đó khiến ông trở nên mơ mộng. Cậu nhỏ Jehan, có đủ mọi tinh khôn của đứa trẻ được nuông chiều, thấy đây là lúc thuận lợi để thử hỏi xin. Chàng liền dùng giọng hết sức dịu ngọt, nói:

- Anh hiền từ của em, chả lẽ anh thù ghét đến mức làm mặt giận với em, chỉ vì cái tát và dăm quả đấm độc địa được phân phát đích đáng cho tụi ranh con nào đó ư, *quibusdam marmosetis*?* Anh thấy không, anh Claude hiền từ, em cũng thạo tiếng Latinh đấy chứ.

Nhưng mọi trò âu yếm vờ vĩnh không còn gây được hiệu quả quen thuộc đối với ông anh nghiêm khắc. Con chó ba đầu gác cửa âm ty không thèm ngoạm chiếc bánh mật ong. Vầng trán phó chủ giáo không hề nhăn một nếp nhăn:

- Chú muốn gì nào? - Ông hỏi, giọng gay gắt.

- Nếu vậy, xin đi ngay vào việc! - Jehan ngang nhiên đáp lại. - Em đang cần tiền.

Nghe câu tuyên bố trắng trợn đó, nét mặt phó chủ giáo lập tức ra vẻ phụ huynh dạy dỗ:

- Thưa chú, chú cũng biết lãnh địa của ta ở Tirechappe, nếu tính chung cả tiền thuế đất lẫn tiền cho thuê hăm mốt căn nhà, chỉ đem lại lợi tức là băm chín livre một xu sáu denier tiền Paris. Thế là gấp rưỡi so với thời kỳ anh em Paclet, nhưng cũng không phải nhiều nhặn gì.

- Em đang cần tiền, - Jehan vẫn thản nhiên nhắc lại.

- Chú cũng biết giáo hội pháp quan đã quyết định hăm mốt căn nhà của chúng ta thuộc khu vực tòa giám mục, ta chỉ có thể chuộc lại quyền khỏi bị phụ thuộc bằng cách trả cho đức ông giám mục hai đồng mác tiền bạc mạ vàng trị giá sáu đồng livre tiền Paris. Thế mà hai đồng mác đó, tôi vẫn chưa thu nhặt được. Điều đó, chú thừa biết.

- Em chỉ biết em đang cần tiền. - Jehan nhắc lại lần thứ ba.

- Thế cần tiền để làm gì?

Câu hỏi làm mắt Jehan lóe lên tia hy vọng. Chàng lại ra vẻ hiền ngoan như con mèo:

- Anh Claude thân mến ạ, em không xin tiền để tiêu pha bậy bạ. Em đâu có dùng tiền của anh để ăn chơi nơi quán rượu rồi đi dạo phố Paris với quần áo bằng gấm kim tuyến, có kẻ hầu theo sau, *cum meo laquasio**. Anh ơi, không phải thế đâu, tiền để dùng vào việc thiện.

- Việc thiện nào? - Claude hỏi, hơi ngạc nhiên.

- Có hai người bạn em đang định mua quần áo trẻ sơ sinh để cho đứa con một bà góa nghèo thuộc dòng tu Hiếu khách. Đó là công việc từ thiện. Phải tốn mất ba đồng florin, mà em cũng muốn được góp phần vào đó.

- Hai người bạn của chú tên là gì?

- Pierre l'Assommeur và Baptiste Croque-Oison*.

- Ghê thật! - Phó chủ giáo nói, hai cái tên đó đi đôi với công cuộc từ thiện như cỗ súng phóng tạc đạn đặt trên bàn thờ chính diện.

Rõ ràng Jehan đã chọn rất tồi tên hai người bạn. Nhưng biết thì đã muộn rồi.

- Vả lại, - Claude vốn tinh khôn, nói tiếp, - quần áo trẻ sơ sinh gì mà tốn tới ba đồng florin? Mà lại cho đứa con của một bà tu dòng Hiếu khách? Các bà góa dòng tu Hiếu khách có con mới đẻ từ bao giờ vậy?...

Một lần nữa, Jehan lại nói toạc ra:

- Thú thật em cần tiền để tối nay đến chơi con Isabeau la Thierrye ở Val-d'Amour!

- Đồ ô uế khốn nạn! - Linh mục thốt lên.

- *Αναγνεία*, - Jehan đáp.

Lời trích dẫn cậu học trò có lẽ đã tinh quái mượn ở trên tường gian phòng, đã tác động kỳ lạ tới linh mục. Ông cắn môi, đỏ mặt hết cả giận, bảo Jehan:

- Thôi chú về đi. Tôi sắp có khách.

Cậu học sinh cố nài lần nữa:

- Anh Claude ơi, ít nhất cũng cho em ít tiền ăn sáng.

- Về môn giáo lệnh của Gratien, chú học đến đâu rồi? - Đức cha Claude hỏi.

- Em đánh mất vở học rồi.

- Thế còn môn cổ đại học Latinh?

- Cuốn Horace của em bị mất cắp rồi.

- Vậy Aristote đến đâu rồi?

- Thật tình, anh ạ, không biết đức cha nào trong giáo hội từng nói các sai lầm của bọn tà giáo ở thời nào cũng đều trốn nấp trong bụi rậm của siêu hình học Aristote? Chán chết cái lão Aristote! Em không muốn phá tan tín ngưỡng của mình lúc đụng vào cái trò siêu hình của lão ta.

- Anh bạn trẻ này, - phó chủ giáo nói, - trong lần vừa rồi nhà vua ngự giá vào thành Paris, có một vị quý tộc tên là Philippe de Comin đã thêu trên tấm chăn phủ ngựa một câu châm ngôn mà tôi khuyên chú nên nghiền ngẫm: *Qui non laborat non manducet**.

Cậu học trò đứng lặng một lát, ngón tay bịt lỗ tai, mắt nhìn xuống đất, nét mặt giận dỗi. Đột nhiên, chàng quay lại phía Claude nhanh nhẹn như con chim chìa vôi.

- Anh ơi, thế anh từ chối không cho em ít tiền để mua mẩu bánh ở quán ăn thực ư?

- *Qui non laborat non manducet*.

Nghe phó chủ giáo cương quyết trả lời. Jehan đưa hai bàn tay ôm đầu như cô gái bưng mặt khóc, rồi tuyệt vọng thét lên: Ὀτοτοτοτοτοῖ!*

Claude thấy thế liền hỏi:

- Này ông, ông thét lên cái quái gì thế?

- Còn cái gì nữa! - Cậu học trò ngước mắt trân trân nhìn Claude bằng cặp mắt cậu đã dùng nắm tay dụi đỏ ngầu như đang khóc, - đó là tiếng Hy Lạp! Một câu thơ của Eschyle diễn tả đầy đủ nỗi đau khổ.

Nói rồi, cậu phá lên cười ran rất khôi hài, làm phó chủ giáo cũng phải mỉm cười. Chẳng qua cũng tại lỗi Claude thôi, sao ông ta lại quá nuông chiều thằng bé như vậy?

- Ôi, anh Claude hiền từ của em, - Jehan được nụ cười khuyến khích, nài thêm, - hãy nhìn đôi giày rách của em đây này. Còn thứ giày dép nào ở đời lại bi thảm hơn là giày há mõm?

Phó chủ giáo lập tức nghiêm mặt lại như cũ:

- Tôi sẽ gửi giày mới đến cho chú. Nhưng tiền thì không.

- Anh ơi, chỉ xin anh ít tiền còm thôi, - Jehan tiếp tục van nài. - Em sẽ học thuộc lòng Gratien, em sẽ hết sức tin vào Chúa, em sẽ là một Pythago chính cống về kiến thức và đạo đức. Nhưng chỉ xin anh làm ơn cho em ít tiền còm! Chẳng lẽ anh để mặc cơn đói ngoạm em bằng cái mõm dày kia, nó đang há hốc trước mặt em, đen ngòm, thối tha, sâu hút hơn cả mồm gã Thát đát hoặc lỗ mũi lão tu sĩ?

Đức cha Claude lắc cái đầu nhăn nheo:

- *Qui non laborat...*

Jehan đã không để ông nói hết câu, kêu lên:

- Đã thế đếch cần! Cứ chơi cho sướng đời! Tôi sẽ la cà quán rượu, sẽ đánh nhau, sẽ đập phá và sẽ đi chơi gái!

Nói rồi, chàng ném mũ vào tường và búng ngón tay kêu tanh tách.

Phó chủ giáo cau mặt nhìn chàng:

- Jehan, em mất hết linh hồn rồi.

- Nếu vậy, theo lời Epicur, em chỉ thiếu một cái gì đó làm bằng thứ gì đó

không tên.

- Jehan, chú phải nghiêm chỉnh nghĩ đến chuyện sửa mình.

- À này, - cậu học trò thốt lên, hết nhìn ông anh lại nhìn cái nồi cất trên lò, - ở đây cái gì cũng cong queo, cả tư tưởng lẫn chai lọ!

- Jehan, chú đang trôi tuột xuống dốc đấy. Chú có biết chú đang đi tới đâu không?

- Tới quán rượu, - Jehan nói.

- Quán rượu dẫn tới giàn bêu tù.

- Cũng chỉ là chiếc cột đèn như mọi cột đèn, mà có lẽ với cột đèn đó, Diogénès đã tìm thấy con người mong ước.

- Giàn bêu tù dẫn đến giá treo cổ.

- Giá treo cổ là cái cân một bên có người, bên kia là cả trái đất. Làm người đó kể cũng đẹp lắm chứ.

- Giá treo cổ dẫn xuống hỏa ngục.

- Cũng chỉ là đám lửa lớn.

- Jehan, Jehan, sự kết thúc sẽ tai hại.

- Nhưng lúc khởi đầu đã tốt lành.

Lúc đó, có tiếng chân người bước ngoài cầu thang. Phó chủ giáo đặt ngón tay lên môi, nói:

- Im! Đây là thầy Jasques. Này, Jehan, - ông khẽ bảo thêm, - đừng bao giờ nói với ai về những gì đã trông thấy và nghe thấy ở đây nhé. Hãy nấp nhanh vào sau cái lò kia, và đừng có lên tiếng.

Cậu học trò liền nấp vào sau lò. Ở đó, chàng bỗng nảy ra một ý kiến phong phú:

- A, anh Claude này, cho một đồng florin thì tôi không lên tiếng đâu.

- Im đi! Anh hứa sẽ cho.

- Thì cứ đưa ngay đây.

- Này, đây! - Phó chủ giáo nói, giận dữ vứt cho chàng túi tiền. Jehan chui vào sau lò và cánh cửa mở ra.

V
HAI KẺ MẶC ÁO THÂM

Người vừa bước vào mặc áo dài thâm, mặt mũi u ám. Điều làm anh bạn Jehan của chúng ta mới thoạt nhìn đã phải ngạc nhiên (ta thừa biết, tuy ngồi trong xó, chàng vẫn tùy thích tìm cách để nhìn và nghe hết mọi chuyện); đó là vẻ buồn rầu ủ rũ cả về quần áo lẫn nét mặt của kẻ mới tới. Tuy nhiên, nét mặt cũng phảng phất đôi chút hiền dịu, nhưng là vẻ hiền dịu của con mèo hoặc vị thẩm phán, một vẻ hiền dịu vờ vĩnh. Ông ta tóc gần bạc hết, da nhăn nheo, tuổi xấp xỉ sáu mươi, mắt hấp háy, lông mày trắng, môi trễ xuống, bàn tay to. Khi Jehan thấy chỉ có vậy, nghĩa là một y sĩ hoặc thẩm phán gì đó, và y lại có cái mũi cách rất xa mồm, dấu hiệu của ngu ngốc, chàng liền thu mình trong xó, buồn phiền vì sẽ phải trải qua một thời gian vô tận trong tư thế khó chịu và bên cạnh lũ người đáng ghét.

Lúc này, phó chủ giáo cũng chẳng thèm đứng dậy đón khách. Ông ra hiệu cho khách ngồi xuống ghế đẩu kê cạnh cửa, rồi sau một lát im lặng như nối tiếp những suy nghĩ từ trước, ông nói, giọng kẻ cả:

- Chào thầy Jacques.

- Chào thầy ạ! - Người mặc đồ thâm đáp.

Trong hai cách chào, một bên là *thầy Jacques*, bên kia là *thầy ạ* thật cung kính, có sự khác biệt như giữa ngài và ông, giữa *domine* và *domne*. Rõ ràng đây là cuộc tiếp xúc giữa nhà bác học và gã đồ đệ. Sau một hồi im lặng nữa, thầy Jacques vẫn không dám lên tiếng, phó chủ giáo hỏi:

- Thế nào, ông có thành công không?

- Bẩm thầy, - người kia cười buồn đáp, - đáng tiếc là tôi vẫn luyện. Tro than thì bao nhiêu cũng có. Nhưng chẳng thấy mảy may vàng.

Đức cha Claude lộ vẻ sốt ruột:

- Thầy Jacques Charmolue, tôi không nói chuyện đó, mà là vụ án xử tên phù thủy kia. Có đúng thầy bảo hắn tên là Marc Cenaine phải không, gã thủ kho ở Thẩm kế viện ấy? Hắn có thú nhận là biết ma thuật không? Việc tra hỏi đạt kết quả gì chưa?

- Đáng tiếc là chưa, - thầy Jacques đáp, vẫn với nụ cười buồn bã. - Chúng tôi chưa có được niềm an ủi đó. Hắn ta là hòn sỏi. Có đem luộc hắn ngoài chợ Heo cũng chưa chắc hắn chịu nói. Tuy nhiên, chúng tôi đang làm đủ mọi cách để đạt tới chân lý. Người hắn cũng tả tơi rồi. Chúng tôi đã thi hành tất cả các biện pháp cần thiết, như nhà hoạt kê cổ Plautus từng nói:

Advorsum stimulos, laminas, crucesque, compedesque.

*Nervos, catenas, carceres, numellas, pedicas, boias**.

Nhưng vô hiệu. Hắn ghê gớm lắm. Thật công toi.

- Thế ông không tìm thấy điều gì mới trong nhà hắn ư?

- Có chứ, mảnh giấy da này, - thầy Jacques nói, lục hầu bao. - Mảnh giấy ghi những chữ chúng tôi không hiểu. Mặc dù luật sư hình sự Philippe Lheulier cũng có biết ít chữ Do Thái, ông ta học được trong vụ Do Thái ở phố Kantersten tại Bruxelles.

Vừa nói thầy Jacques vừa mở tờ giấy da. Phó chủ giáo bảo:

- Đưa đây.

Rồi liếc nhìn tờ giấy, ông kêu lên:

- Toàn trò ma thuật, thầy Jacques ạ! *Emen-hétan!* Đó là tiếng hú của ma cà rồng đi dự dạ hội phù thủy. *Per ipsum, et cum ipso, et in ipso!** Đó là hiệu lệnh

cùm quỷ sứ dưới âm ty. *Hax, pax, max*! Đây là y khoa. Một công thức chống vết cắn của chó dại. Thầy Jacques! Ông là biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, tờ giấy này kinh tởm quá.

- Chúng tôi sẽ thẩm vấn lại người đó. Còn cái này nữa, - thầy Jacques nói, - lại lục túi xách, đây là vật tìm thấy ở nhà Marc Cenaine.

Đó là chiếc hũ cũng giống loại hũ xếp đầy mặt lò bếp của đức cha Claude. Phó chủ giáo nói:

- À! Đây là bình luyện đan.

- Xin thú thực, - thầy Jacques nói, - mỉm cười rụt rè, ngượng nghịu, tôi đã nấu thử trên lò, nhưng cũng chẳng hơn gì cái bình nấu của tôi.

Phó chủ giáo ngắm nghía chiếc bình:

- Hắn khắc gì trên bình thế này? *Och! Och!* Câu thần chú đuổi rận! Tên Marc Cenaine này thật ngu dốt! Đúng là không thể chế ra vàng bằng chiếc bình này! Chỉ đáng đặt nó trong buồng ngủ vào mùa hè, thế thôi!

- Vì ta đang bàn tới những sai lầm, - viên biện lý nói, - xin thưa tôi vừa mới xem xét chiếc cổng dưới kia, trước khi lên đây, liệu đức cha có tin chắc phần khai từ của cuốn sách vật lý được biểu hiện trên đó về phía nhà thương, còn trong bảy hình khỏa thân dưới chân Đức Bà, hình tượng có cánh ở gót chân là Mercur không?

- Chắc chứ, - linh mục đáp. - Chính Augustin Nypho viết phần khai từ, ông bác sĩ người Ý đó có con quỷ rậm râu, nó dạy ông ta đủ điều. Thôi, ta cứ xuống dưới đó, tôi sẽ cắt nghĩa cho thầy nghe ngay trên văn bản.

- Xin đa tạ thầy, - Charmolue nói, - cúi rạp người xuống tận đất. À quên, bao giờ ngài cần cho bắt con bé phù thủy?

- Con bé phù thủy nào?

- Con Bohémienne, ngài biết rồi đấy, ngày nào nó cũng tới nhảy múa trước

sân nhà thờ, bất chấp cả lệnh cấm của giáo hội pháp quan! Nó có con dê ma ám mang cặp sừng quỷ dữ, con dê biết đọc, biết viết, biết toán học như Picatrix, riêng tội đó cũng đủ treo cổ cả cái xứ Bohême rồi. Vụ án đã sẵn sàng. Đúng thế, chẳng bao lâu nó sẽ được thi hành. Thực tình, cô gái múa rong đó quả xinh đẹp! Cặp mắt huyền đẹp tuyệt! Như đôi hồng ngọc Ai Cập. Bao giờ ta bắt đầu?

Phó chủ giáo mặt tái nhợt, ấp úng nói thều thào:

- Tôi sẽ nói cho thầy biết sau.

Rồi gắng gượng nói tiếp:

- Thầy cứ lo vụ Marc Cenaine đi đã.

- Xin ngài cứ yên tâm, - Charmolue mỉm cười nói. - Lúc trở về, tôi sẽ lại sai trói nó trên giường da. Nhưng hắn ghê gớm lắm. Bàn tay Pierrat Torterue to hơn cả người tôi, thế mà hắn cũng làm anh ta mệt nhoài. Như lời Plautus tốt bụng nói:

*Nudus vinctus, centum pondo, es quando pendes per pedes**.

Tra hỏi bằng trục tời! Đó là cách tốt nhất của chúng tôi. Hắn sẽ được nếm mùi.

Đức cha Claude như đang trầm tư lơ đãng. Ông quay lại bảo Charmolue:

- Thầy Pierrat... à quên, thầy Jacques này, thầy hãy lo vụ Marc Cenaine đi đã!

- Vâng, vâng, thưa đức cha Claude. Tội nghiệp hắn ta! Hắn sẽ đau đớn như Mummol. Ai lại đi dự dạ hội phù thủy như thế bao giờ! Một gã thủ kho ở Thẩm kế viện lại đòi biết rõ bài văn của Charlemagne, *Stryga vel masca** - Còn con bé - họ gọi nó là Smelarda - tôi xin chờ lệnh ngài sau. - À lúc đi qua cửa lớn, xin ngài cũng giảng giải cho tôi hiểu ý nghĩa của bức tranh sơn vẽ người làm vườn ta thấy khi bước vào nhà thờ. Phải chăng người gieo mạ? Kìa thầy, thầy mải nghĩ gì vậy?

Đức cha Claude, lòng dạ ngổn ngang, không nghe ông ta nói nữa. Charmolue dõi theo hướng nhìn, thấy cha đang thẫn thờ ngắm tấm mạng nhện lớn che cửa mái. Lúc đó, một con ruồi dại dột đang tìm ánh nắng tháng ba, lao qua mạng lưới, bị dính luôn vào. Thấy tấm mạng rung động, con nhện lớn vụt từ ổ giữa xông ra, chồm tới vồ con ruồi, dùng hai chân trước bẻ nó làm đôi, trong khi chiếc vòi gớm ghiếc sục tìm đầu ruồi. - Tội nghiệp con ruồi! - Viên biện lý hoàng gia tại pháp viện giáo hội nói, giơ tay định cứu nó. Như sực tỉnh, phó chủ giáo run cầm cập giữ rịt cánh tay ông ta, quát lên:

- Thầy Jacques, cứ để mặc định mệnh!

Viên biện lý hốt hoảng quay lại. Tưởng như có chiếc kìm sắt kẹp chặt cánh tay mình. Mắt linh mục vẫn nhìn đăm đăm ngơ ngác, rực lửa và dán chặt vào nhóm bé nhỏ ghê tởm cả ruồi lẫn nhện. Bằng một giọng như thốt ra từ đáy lòng, linh mục nói tiếp:

- Than ôi! Đúng thế, đây là biểu tượng của mọi sự. Con ruồi đang bay, nó vui sướng, nó vừa mới sinh ra, nó tìm mùa xuân, khoảng rộng, tự do. Ôi! Đúng thế, nhưng nó vấp phải hình hoa thị phũ phàng, thế là con nhện sinh ra, con nhện gớm ghiếc! Tội nghiệp cô gái múa rong, tội nghiệp con ruồi tiền định! Thầy Jacques, cứ để mặc nó! Chẳng qua cũng là định mệnh! Chao ôi! Claude, mi là con nhện, Claude, mi cũng là con ruồi! - Mi bay tới khoa học, tới ánh sáng, tới mặt trời, mi chỉ lo sao tới được khoảng rộng, tới ánh sáng rực rỡ của sự thật muôn đời; nhưng trong khi lao vào khung cửa sổ chói lọi mở sang thế giới bên kia, thế giới của ánh sáng, trí tuệ và khoa học, hỡi con ruồi mù quáng, nhà bác học điên rồ, mi đã không trông thấy cái mạng nhện tinh vi do số mệnh giăng ra giữa mi và ánh sáng, mi liều lĩnh đâm đầu vào, hỡi gã điên khốn khổ, và bây giờ thì mi giãy giụa, vỡ đầu xẻ cánh, giữa những vòi sắt của định mệnh! - Thầy Jacques! Thầy Jacques! Cứ để mặc con nhện.

- Xin cam đoan với ngài tôi sẽ không đụng đến nó, - Charmolue nói, - ngơ

ngác nhìn ông ta. Nhưng xin ngài làm phúc buông cánh tay tôi ra. Tay ngài như gọng kìm.

Phó chủ giáo không nghe thấy gì. Ông vẫn nhìn cửa sổ nói tiếp:

- Ôi! Điên rồ! Rồi khi rứt đứt được cái mạng nhện ghê gớm đó bằng đôi cánh ruồi muỗi, mi tưởng đã vươn tới ánh sáng! Chao ôi! Còn tấm kính ở xa kia, vật chướng ngại trong suốt, bức tường thành pha lê, cứng hơn đồng thau, ngăn cách mọi triết lý với chân lý, mi làm cách nào vượt qua nổi? Ôi, khoa học chỉ là trò hư ảo! Biết bao hiền giả từ nơi xa thẳm đang bay tới đập đầu vào đó! Biết bao hệ tư tưởng hỗn độn đang vo ve húc vào tấm kính vĩnh cửu đó!

Ông nín lặng. Những ý nghĩ sau cùng bất giác đưa ông từ bản thân trở về khoa học, làm ông như bình tĩnh lại. Jacques Charmolue lôi ông trở về hẳn cõi thực tại bằng câu hỏi:

- Thưa thầy, thế bao giờ thầy mới giúp tôi chế ra vàng? Mãi tôi chưa thành công.

Phó chủ giáo mỉm cười chua chát, lắc đầu:

- Thầy Jacques, thầy hãy đọc Michel Psellus*, cuốn *Dialogus de energia et operatione doemonum**. Việc ta đang làm không phải hoàn toàn vô tội.

- Xin thầy nói khẽ chứ! Tôi chưa tin điều đó, - Charmolue nói. Khi chỉ là biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, lương mỗi năm ba chục đồng écu tiền Tour, cũng cần làm chút thuật điểm kim. Nhưng ta nói khẽ chứ.

Ngay lúc đó, tiếng hàm răng nhai từ sau lò bếp vẳng tới đôi tai lo ngại của Charmolue. Ông ta hỏi:

- Cái gì thế?

Đó là cậu học trò, quá vướng víu và buồn chán trong chỗ nấp, đã vớ được mẩu bánh cũ và khúc pho mát mốc, liền ăn ngấu nghiến, thay cho bữa sáng và để tự an ủi. Vì háu đói, chàng ngoạm từng miếng lớn nhai rau ráu, làm viên biện

lý hoảng hốt ngờ vực.

- Con mèo của tôi đấy mà, - phó chủ giáo vội nói, - chắc nó đang ăn chuột trong xó.

Câu giải thích làm cho Charmolue yên tâm. Ông mỉm cười kính cẩn, nói:

- Thưa thầy, quả thực mọi triết gia lớn đều nuôi súc vật trong nhà. Chắc ngài cũng biết lời Servius* nói: *Nallus enim locus sine genio est**.

Còn đức cha Claude, lúc đó sợ Jehan lại giở trò khác, bèn nhắc vị đồ đệ xứng đáng là còn có những hình chạm trên chiếc cổng cần nghiên cứu chúng, rồi cả hai ra khỏi buồng, làm cậu học trò thở phào vì đang thực sự lo sợ cho đầu gối sắp in dấu cắm của mình.

VI
HIỆU QUẢ CÓ THỂ GÂY RA BỞI BẢY CÂU CHỬI ĐỔNG GIỮA TRỜI

- *Te Deum Laudamus** - chú Jehan chui ra khỏi xó bếp, reo lên - thế là hai con cú vọ đi rồi. *Och! Och! Hax! Pax! Max!* Đồ chấy rận! Đồ chó dại! Đồ quỷ sứ! Thật chán ngấy những chuyện họ nói với nhau! Đầu ta ù lên như gác chuông. Lại còn món pho mát mốc nữa mới khổ chứ! Nào, ta xuống thôi, cứ cầm theo túi tiền của ông anh, rồi đổi hết tiền ra rượu!

Chàng âu yếm và ngưỡng mộ liếc nhìn vào trong cái túi quý báu, sửa lại quần áo, đánh bóng giày, phủi sạch tro bám đầy hai tay áo lót lông tồi tàn, huýt sáo, quay một vòng, quan sát xem có gì đáng lấy thêm trong gian phòng, nhặt dăm ba cái bùa bằng thủy tinh vứt trên lò bếp, rồi đẩy cửa, mà ông anh một lần cuối còn khoan dung vẫn để ngỏ và đến lượt Jehan lại để ngỏ, cũng vì muốn trêu chọc thêm lần cuối, nhảy nhót như chim.

Trong bóng tối cầu thang, chàng xô phải ai đó, hắn lầu bầu nép sang bên; đoán là Quasimodo, Jehan thấy chuyện đó thật kỳ cục, cứ ôm bụng cười cho xuống tới chân cầu thang. Ra đến quảng trường mà chàng vẫn còn cười.

Khi xuống tới đất, chàng giậm chân, nói:

- Ôi! Vỉa hè Paris tốt lành và đáng kính! Chiếc cầu thang chết tiệt làm các thiên thần leo thang của Jacob cũng phải thở dốc! Sao bỗng dưng mình lại đâm đầu chui vào mũi khoan bằng đá chọc thẳng trời đó, chỉ để ăn miếng pho mát mốc rêu và ngắm tháp chuông ở Paris qua cửa mái nhà!

Chàng đi vài bước và thấy hai con cú vọ, tức là thầy Claude và thầy Jacques

Charmolue, đang đứng ngắm một hình chạm trên cổng. Chàng rón rén lại gần và nghe phó chủ giáo khẽ bảo Charmolue:

- Chính Guillaume de Paris đã cho chạm một thằng ngốc lên phiến đá màu ngọc bích viền vàng này. Trên phiến điểm kim thạch cũng có hình thằng ngốc, loại đá đó cũng cần được thử thách và đày đọa mới trở thành hoàn hảo, như lời Raymond Lulle* nói: *Sub conservatione formae specificae salva anima**.

- Cần đếch gì chuyện đó, khi ta đã nắm được túi tiền, - Jehan thầm nhủ.

Vừa lúc đó, chàng nghe sau lưng một giọng nói oang oang chửi đổng rầm rì: - Máu Chúa! Bụng Chúa! Ác Chúa! Mình Chúa! Rốn Ma vương! Chết cha giáo hoàng! Sừng đâm sét đánh!

Jehan reo lên:

- Đúng rồi, nhất định đây là ông bạn mình, đại úy Phoebus!

Cái tên Phoebus vẳng đến tai phó chủ giáo đúng lúc ông đang cắt nghĩa cho viên biện lý hoàng gia về chuyện con rồng giấu đuôi vào chiếc bồn tắm đang bốc khói nghi ngút và ngoi lên cái đầu vua. Đức cha Claude giật mình, ngừng bặt, làm Charmolue hết sức ngơ ngác, cha quay lại và thấy chú em Jehan đang tới gặp một sĩ quan cao lớn ở trước cửa nhà Gondelaurier.

Đúng là ngài đại úy Phoebus de Châteauper. Chàng tựa lưng vào góc tường nhà vị hôn thê và chửi đổng như kẻ vô thần.

- Đại úy Phoebus, - Jehan cầm tay chàng nói, - quả thật anh chửi đổng sao mà hăng hái tuyệt vời đến thế.

- Sừng đâm sét đánh anh! - Đại úy chửi!

- Sừng đâm sét đánh cả anh nữa. - Cậu học trò chửi lại - Này, ông đại úy đáng yêu ơi, vì đâu mà tuôn ra hàng tràng những lời đẹp đẽ đó?

- Xin lỗi, anh bạn Jehan quý hóa, - Phoebus thốt lên, lắc mạnh bàn tay Jehan, - ngựa đã phi dễ gì ghìm lại. Thế mà tôi quen miệng văng tục kiểu phi nước đại.

Tôi vừa ở nhà mấy mụ đạo mạo ra, và mỗi lần ra về, ngực lại ứ đầy câu chửi, tôi phải khạc nó ra, không chết nghẹn mất, mẹ kiếp!

- Anh có đi làm chén rượu không? - Cậu học trò hỏi.

Lời mời làm đại úy nguôi giận.

- Rất sẵn sàng, nhưng tôi không có tiền.

- Tôi có đây!

- Ồ! Đưa coi xem nào!

Jehan mở phanh túi tiền trước mắt đại úy, vừa oai vệ vừa giản dị. Lúc này phó chủ giáo bỏ mặc Charmolue đứng sững sờ, tới gần hai người, dừng lại cách vài bước, theo dõi mà họ không hề hay biết, vì đang mải mê ngắm nghía túi tiền.

Phoebus reo lên:

- Jehan này, tiền trong túi chẳng khác mặt trăng đáy nước. Nhìn thấy mà không có ở đó. Chỉ có cái bóng thôi. Lạy Chúa! Đánh cuộc với chú, đây toàn đá sỏi.

Jehan lạnh lùng đáp:

- Đá sỏi cũng được, miễn là nặng túi.

Rồi chẳng thèm thêm nửa lời, nó dốc túi tiền đổ lên cột mốc ven đường, vẻ như một người La Mã đang cứu nước.

- Lạy Chúa! - Phoebus lẩm bẩm, này đồng lớn, đồng nhỏ, rồi hào, rồi xu, rồi chinh, toàn tiền thật, đến chói cả mắt!

Jehan vẫn giữ vẻ nghiêm trang, bình thản. Vài đồng kẽm lăn xuống bùn, viên đại úy phấn chấn, cúi xuống nhặt. Jehan ngăn lại:

- Sá gì, đại úy Phoebus de Châteauper!

Phoebus đếm tiền rồi trịnh trọng quay lại bảo Jehan:

- Này Jehan, cả thảy hăm ba xu tiền Paris! Đêm qua, chú lột của ai trên phố xẻo mõm thế?

Jehan hất cái đầu tóc hung và xoăn ra sau, lim dim mắt khinh bỉ, nói:

- Xoàng ra tôi cũng có một ông anh đã phó chủ giáo lại còn ngu ngốc.

- Sùng Chúa! Con người xứng đáng thay! - Phoebus thốt lên.

- Ta uống đi thôi. - Jehan nói.

- Đi đâu bây giờ? - Phoebus hỏi. - Tới quán *Quả táo bà Ève* chăng?

- Không, đại úy, tới quán *Cổ học* hơn. Một bà già cưa cái quai. Một câu đố chữ*. Tôi thích nó hơn.

- Jehan, câu đố thì làm cái đếch gì! Rượu vang ở quán *Quả táo bà Ève* ngon hơn. Với lại cạnh cửa, có giàn nho ngoài nắng, lúc ngồi uống, trông khoái mắt lắm.

- Ừ thì tới bà Ève cùng quả táo của bà ta vậy! - Cậu học trò nói, rồi nắm lấy cánh tay Phoebus - À này, đại úy mến, vừa rồi anh nói phố Xẻo mõm, nói sai bét. Bây giờ không ai cổ lỗ như vậy nữa. Mà phải gọi là phố Xẻo cổ.

Hai người bạn tới quán *Quả táo bà Ève*. Chẳng cần phải nói, trước hết họ nhặt đống tiền, còn phó chủ giáo đi sau.

Phó chủ giáo đi theo, mặt mày ủ dột sững sờ. Phải chăng đó chính là Phoebus mà cái tên đáng nguyền rủa luôn xen vào tâm trí ông, kể từ lần gặp Gringoire? Ông không biết chắc, nhưng dù sao đây cũng là một Phoebus và cái tên ma quái này đủ khiến phó chủ giáo lén lút theo sau hai anh bạn vô tư, chăm chú lo ngại lắng nghe từng lời, theo dõi từng cử chỉ nhỏ của họ. Vả lại, không gì dễ hơn lắng nghe mọi chuyện của họ, vì họ nói to, bất chấp khách qua đường cứ việc chia sẻ chuyện riêng của mình. Họ bàn chuyện đấu kiếm, trai gái rượu chè và mọi chuyện điên rồ.

Tới góc phố, từ ngã tư gần đó vẳng lại tiếng trống basque. Đức cha Claude nghe thấy viên sĩ quan bảo cậu học trò:

- Bỏ mẹ rồi! Đi nhanh lên.

- Phoebus, sao vậy?

- Tôi sợ con bé Bohémienne nó trông thấy.

- Con Bohémienne nào?

- Con bé có con dê ấy.

- Con Esmeralda ấy à?

- Phải, Jehan ạ. Tôi cứ quên bẵng cái tên quỷ quái của nó. Đi nhanh lên, không nó nhận ra mình. Tôi không muốn con bé gặp mình ngoài phố!

- Phoebus, thế anh quen nó à?

Tới đây, phó chủ giáo thấy Phoebus cười nhạo, ghé tai Jehan nói thầm vài câu. Rồi Phoebus phá lên cười và gật gù ra vẻ đắc thắng.

- Thật ư? - Jehan hỏi.

- Chứ sao! - Phoebus đáp.

- Tối nay?

- Tối nay.

- Anh có chắc nó đến không?

- Jehan, anh điên rồi sao? Chuyện đó có gì mà phải nghi ngờ?

- Đại úy Phoebus, anh là một hiến binh sung sướng!

Phó chủ giáo nghe rõ đầu đuôi câu chuyện. Răng ông đánh lập cập. Cơn rét run, hiện rõ trên mắt, chạy suốt thân thể. Ông dừng lại giây lát, tựa vào cột mốc bên đường như kẻ say, rồi đi theo vết chân hai gã hề vui vẻ.

Lúc ông đuổi kịp, họ đã nói chuyện khác. Ông nghe họ hát vang điệu ca xưa.

Trẻ con ở Petits-Carreaux

Để cho treo cổ tựa đàn bê.

VII
QUỶ ĐỘI LỐT THẦY TU

Quán rượu nổi tiếng *Quả táo bà Ève ở* trong khu đại học, nơi góc phố Rondelle và phố Bâtonnier. Quán ở một phòng của tầng trệt, khá rộng và rất thấp, vòm trần rủ xuống ở giữa, chống trên chiếc cột gỗ lớn thếp vàng, bàn bày khắp nhà, cốc vại thiếc bóng loáng treo trên tường, lúc nào cũng đông khách uống, vô số gái điếm, cửa kính trông ra phố, trước cửa có giàn nho và trên cửa là tấm bảng tôn sặc sỡ, vẽ hình quả táo cùng người đàn bà, han gỉ vì mưa nắng, lắc lư trước gió trên gióng sắt. Loại chong chóng nhìn xuống đường đó chính là biển hàng.

Đêm xuống. Ngã tư tối om. Quán rượu sáng rực ánh đèn, trông xa như bễ lò rèn trong đêm. Nghe tiếng chạm cốc, tiếng ăn uống, chửi rủa, cãi cọ lọt qua ô kính vỡ. Qua màn sương do khí nóng trong phòng tỏa lan trên mặt cửa hàng lắp kính thấy lố nhố hàng trăm khuôn mặt mờ tỏ, rồi thỉnh thoảng bật lên tiếng cười vang. Khách qua đường bận việc chẳng nhìn ngó tới khung kính ồn ào. Chỉ đôi lúc có đứa trẻ nhỏ rách rưới cố kiễng chân tới thành cửa rồi thét vọng vào trong quán tiếng reo chế nhạo xưa nay vẫn đuổi theo người say: - Kìa chất cay, hỡi thằng say, say, say!

Trong khi đó, một người đàn ông thản nhiên đi bách bộ trước quán rượu ồn ào, luôn nhìn vào trong như người lính gác không chịu xa rời chòi canh nửa bước. Hắn mặc áo choàng kéo lên tận mũi. Chiếc áo hắn vừa mua ở cửa hàng áo cũ gần quán *Quả táo bà Ève* chắc để chống cái rét đêm tháng ba, mà cũng có thể cốt che giấu bộ quần áo mặc trong. Thỉnh thoảng, dừng lại trước cửa kính mờ che lưới chì, hắn nghe ngóng, nhìn ngó và giậm chân.

Cuối cùng, cửa quán mở ra. Hình như hắn đang chờ việc này. Hai gã say bước ra. Tia sáng từ khung cửa hắt tới, nhuộm đỏ chốc lát hai khuôn mặt tươi cười. Kẻ khoác áo choàng đến nấp dưới cổng căn nhà bên kia đường để quan sát.

- Sừng đâm sét đánh! - Một gã say nói. - Sắp bảy giờ rồi. Giờ hẹn của tôi đấy.

- Tôi đã bảo anh, - gã bạn hắn nói ríu cả lưỡi, - là tôi không ở phố xấu nói, *indignus qui inter mala verba habitat*. Tôi ở phố Jean bánh mì mềm, *in vico Johannis-Pain-Mollet*. Nếu anh nói ngược lại, anh còn nhiều sừng hơn cả con độc sừng. Ai cũng biết, đã một lần cưỡi gấu thì không bao giờ biết sợ, nhưng anh chỉ được cái thích chè chén, như Saint-Jacques-de l’Hôpital.

- Anh bạn Jehan ơi, anh say rồi, - người kia nói.

Gã này bước loạng choạng, lại bảo:

- Phoebus, anh chỉ nói cho sướng miệng, nhưng chứng cớ rõ ràng là mặt Platon trông nghiêng giống hệt chó săn.

Chắc bạn đọc đã nhận rõ hai người bạn đáng quý của chúng ta, viên đại úy và cậu học trò. Người nấp rình trong bóng tối hình như cũng nhận ra họ, vì hắn thong thả bước theo chặng đường ngoắt ngoéo do cậu học trò lôi viên đại úy đi theo, ông này uống rượu tài hơn nên vẫn tỉnh táo như thường. Người khoác áo choàng thâm chăm chú lắng nghe họ và đã nắm được toàn bộ câu chuyện thú vị như sau:

- Mẹ kiếp! Này ông tú ơi, cố mà đi cho ngay ngắn. Tôi sắp phải chia tay với anh thôi. Đã bảy giờ rồi. Tôi có hẹn với một cô.

- Thì cứ mặc tôi, anh bạn ơi! Tôi thấy toàn là tinh tú lẫn tia lửa. Anh giống tòa lâu đài Dampmartin đang tức cười đến vỡ bụng.

- Mả mẹ nó chứ, này Jehan, anh điên rồ quá lắm rồi đấy. À này, Jehan, còn tiền không?

- Thưa ông hiệu trưởng, chẳng hề gì, hàng thịt bò nhỏ, *parva boucheria*.

- Jehan, này anh bạn Jehan! Anh cũng biết tôi có hẹn gặp con bé ở đầu cầu Saint-Michel, tôi chỉ có thể dẫn nó đến nhà mụ Falourdel, một mụ nhà chứa ở trên cầu và phải trả tiền phòng. Con mẹ điếm già mọc ria bạc đó không cho tôi chịu. Jehan, hãy giúp mình! Ta uống sạch túi tiền của cha xứ chưa? Anh còn sót đồng nào không?

- Biết mình đã tận dụng mọi thời giờ còn lại là một món gia vị đúng và ngon ở bàn ăn.

- Tiên sư khỉ! Thôi đừng lè nhè nữa! Này Jehan quỷ sứ, anh còn tí tiền nào không? Đéo mẹ, đưa đây, nếu không tôi lục túi cho mà xem, dù anh hủi như Giốp và ghẻ như César!

- Thưa ông, phố Galiache là dãy phố một đầu nối với phố Hàng Thủy tinh, còn đầu kia là phố Hồng Dệt.

- Thì xin vâng, anh bạn Jehan đáng quý, anh bạn tội nghiệp của tôi, phố Galiache, đúng thế, đúng lắm. Nhưng trời ơi, anh hãy tỉnh lại đi. Tôi chỉ cần một xu tiền Paris thôi, để tiêu lúc bảy giờ.

- Chung quanh hãy im lặng mà lắng nghe điệp khúc:

Khi nào chuột ăn thịt mèo,
Vua sẽ thành lãnh chúa ở Arras,
Khi nào biển to rộng,
Đóng băng, vào ngày lễ Saint-Jean,
Ta sẽ thấy trên lớp băng dân Arras ra khỏi nhà

- Này, thằng học trò trường Phản Chúa, lấy ruột mẹ mày mà thắt cổ chết đi! - Phoebus chửi, xô mạnh gã học trò say ngã lộn nhào vào tường, nằm lăn trên mặt đường Philippe-Auguste.

Vì còn sót lại chút đồng bệnh tương liên không bao giờ hết hẳn trong lòng người say, Phoebus lấy chân đạp cho Jehan lăn tới chiếc gối của kẻ nghèo mà Tạo hóa vẫn dành sẵn ở cạnh mỗi cột mốc vệ đường Paris, mà kẻ giàu khinh bỉ gọi là *đống rác*. Viên đại úy gối đầu Jehan lên đống cuống cải bắp thoai thoải, cậu học trò lập tức ngáy o o nghe thật du dương. Nhưng đại úy vẫn chưa nguôi giận trong lòng.

- Kệ xác mày, mặc cho cái xe bò quái quỷ nào đi qua hốt luôn mày đi! - Chàng rủa gã giáo sinh tội nghiệp đang nằm đó ngủ, rồi đi thẳng.

Kẻ khoác áo choàng, từ nãy vẫn theo sau, dừng lại giây lát trước gã học trò nằm lăn dưới đất, có vẻ băn khoăn bứt rứt! Rồi hắn thở dài thườn thượt và cũng bỏ đi, đuổi theo đại úy.

Nếu bạn đọc vui lòng, ta cũng đành như họ, để mặc Jehan nằm ngủ dưới con mắt thương yêu của bầu trời sao và cùng đi theo họ.

Lúc rẽ vào phố Saint-André-des-Arcs, đại úy Phoebus thấy có người đi theo. Tình cờ quay lại nhìn, chàng thấy một bóng đen men dọc dãy tường len lén bám sau. Chàng dừng, nó cũng dừng. Chàng đi, bóng đen cũng đi. Điều đó chẳng đáng lo ngại.

- Úi chao! - Chàng thầm nhủ, - mình không có lấy một xu. - Tới trước cửa trường trung học Autun, chàng dừng lại, chính trường này tạm gọi là nơi chàng đã tập tành theo một thói quen học sinh nghịch ngợm còn lại, chàng không bao giờ đi ngang qua cửa trường mà lại không xúc phạm pho tượng hồng y giáo chủ Pierre Bertrand, tạc ở bên phải cổng, như Priape từng bị nhục mạ như vậy, đã than vãn chua chát trong bài thơ phúng thích của Horace *Olim truncus eram ficulnus**. Chàng từng xúc phạm hăng hái đến mức dòng chữ *Eduensis episcopus** gần như bị xóa bỏ. Chàng bèn dừng lại trước pho tượng như thường lệ. Phố xá vắng tanh. Lúc chàng hững hờ buộc lại các sợi tua, mũi hếch lên trời, thì thấy bóng đen thong thả bước lại gần, bước chậm đến mức chàng đủ thời giờ

nhận thấy hắn khoác áo choàng, đội mũ. Tới gần chàng, hắn dừng lại. Nhưng hắn đăm đăm nhìn Phoebus bằng cặp mắt đầy thứ ánh sáng mơ hồ phát ra từ mắt mèo ban đêm.

Đại úy vốn gan dạ và sẽ chẳng thèm bận tâm đến một thằng ăn cắp thủ sẵn dao. Nhưng pho tượng biết đi, con người hóa đá đó làm chàng lạnh toát. Hồi đó, thiên hạ đang đồn không thiếu gì chuyện về con ma đội lốt thầy tu, đêm đêm vẫn lảng vảng trên đường phố Paris, làm chàng chợt mơ hồ nhớ tới nó. Chàng sững sò mấy phút, rồi gượng cười, phá tan bầu im lặng.

- Này ông, nếu ông là kẻ cắp, chắc tôi đoán đúng, trông ông giống hệt cái vẻ con cò mổ vỏ quả hạnh nhân. Tôi là con cái một gia đình bị sa sút, ông bạn ạ. Mời ông đi kiếm ăn nơi khác. Trong nhà nguyện của trường trung học này có thứ gỗ của cây thánh giá chính thống, đựng trong một thứ bằng bạc.

Bàn tay bóng đen thò ra khỏi áo choàng và nắm lấy cánh tay Phoebus chặt như móng vuốt diều hâu. Đồng thời hắn bảo:

- Đại úy Phoebus de Châteauper!

- Ma quỷ! Sao ông lại biết tên tôi, - Phoebus hỏi.

- Tôi không phải chỉ biết tên ông mà thôi, - kẻ khoác áo choàng nói, giọng như từ dưới mồ. - Tối nay, ông có một cuộc hò hẹn.

- Phải, - Phoebus kinh ngạc, đáp.

- Lúc bảy giờ.

- Khoảng mười lăm phút nữa.

- Ở nhà mụ Falourdel.

- Đúng thế.

- Cái mụ nhà chứa ở trên cầu Saint-Michel.

- Saint-Michel thượng đẳng thiên sứ, như kinh Chúa nhật từng nói.

- Đồ vô đạo! - Bóng ma càu nhàu mắng. - Hẹn với một người đàn bà phải

không?

- *Confiteor!*

- Tên là...

- Esmeralda, - Phoebus vui vẻ nói. - Chàng dần dần trở lại hết sức vô tâm.

Nghe cái tên đó, móng vuốt bóng đen liền giận dữ lay mạnh cánh tay Phoebus.

- Đại úy Phoebus de Châteauper, mi nói dối!

Lúc đó, nếu ai trông thấy khuôn mặt bừng bừng của đại úy, thấy chàng nhảy lùi phắt lại sau, thoát khỏi gọng kìm đang kẹp chặt cánh tay, thấy nét mặt hiên ngang khi chàng đặt tay lên chuôi gươm cùng vẻ im lìm buồn thảm của kẻ khoác áo choàng trước cơn thịnh nộ, có ai trông thấy cảnh tượng đó mới biết khiếp sợ. Tựa hồ cuộc xung đột giữa Don Juan và pho tượng.

- Đồ ôn dịch. - Viên dại úy quát to. - Đó là lời nói ít kẻ dám thốt vào tai một người dòng họ Châteauper! Mày thử nhắc lại xem.

Viên đại úy nghiến răng kèn kẹt. Dù là ma đội lốt thầy tu, quỷ dữ, dị đoan, lúc đó chàng đều quên hết. Chỉ còn trông thấy một người, nghe thấy một lời nhục mạ.

- Chà! Được rồi, mày biết tay tao! - Chàng nói lắp bắp, giọng uất nghẹn vì tức giận. Chàng rút gươm, nói líu cả lưỡi, vì tức giận cũng làm giọng run lên như sợ hãi: - Lại đây! Lại ngay đây! Nào! Tuốt gươm ra! Tuốt gươm đi! Máu phải đổ trên lề đường này!

Nhưng người kia không động đậy. Khi thấy địch thủ đã thủ thế và sẵn sàng chém xả, hắn mới nói, giọng vang lên chua chát:

- Đại úy Phoebus, ông quên mất cuộc hẹn hò rồi đấy.

Cơn giận của loại người như Phoebus giống hệt như cháo sữa, chỉ cần đổ nước lạnh vào là hết sôi ngay. Câu nói bình thường đó đủ khiến cây gươm sáng

quắc trong tay đại úy hạ xuống. Người kia nói tiếp:

- Đại úy, ngày mai, ngày kia, một tháng, hoặc mười năm sau, ông sẽ thấy tôi sẵn sàng tới cắt cổ ông, nhưng bây giờ ông hãy đi tới chỗ hẹn đi.

- Quả thực, - Phoebus nói như muốn kiếm cớ đầu hàng với chính mình, - tới nơi hẹn để gặp một thanh gươm và một cô gái là hai điều thú vị; nhưng tôi không hiểu tại sao lại phải bỏ điều này để chọn điều kia, trong khi tôi có thể có cả hai.

Chàng tra gươm vào vỏ. Kẻ lạ mặt nói tiếp:

- Hãy tới chỗ hẹn đi.

- Thưa ông, xin rất cảm ơn về thái độ lịch sự của ông, - Phoebus đáp, hơi lúng túng. - Đúng là ngày mai ta vẫn còn đủ thời giờ để băm vằm mổ xẻ cái tấm thân của ông lão Adam. Xin đa tạ ông đã giúp tôi có được một chốc lát vui thú. Vừa rồi tôi rất có thể chém gục ông xuống rãnh mà vẫn đủ thời giờ tới gặp người đẹp, nhất là cũng nên đàng hoàng để người đẹp chờ đợi một chút trong những trường hợp như thế này. Nhưng xem ra ông cũng là tay khá, cho nên tốt hơn hết ta nên để dành cuộc đọ sức tới ngày mai. Vậy tôi tới chỗ hẹn trước. Vào hồi bảy giờ, như ông biết đấy. - Nói tới đây, Phoebus gãi tai. - Ồ, bỏ mẹ rồi, quên mất! Tôi chẳng còn xu nào trả tiền phòng, mà mụ già lại đòi tiền trước. Con mụ sợ tôi quịt.

- Tiền đây.

Phoebus cảm thấy bàn tay lạnh toát của kẻ lạ mặt nhét vào tay mình một đồng tiền to. Chàng không thể không cầm lấy tiền và nắm chặt bàn tay đó, rồi reo lên:

- Lạy Chúa! Ông thực là người tốt bụng!

- Với một điều kiện, - người kia nói. - Hãy chứng minh tôi nhầm, còn ông nói đúng. Ông hãy giấu tôi vào nơi nào đó, để tôi có thể thấy đúng là người đàn bà ông nói tên.

- Ồ! Cái tên đó dễ lắm, - Phoebus đáp. - Ta sẽ thuê căn phòng Sainte-Marthe. Đứng ở chuồng chó ngay cạnh, ông có thể tha hồ nhìn.

- Vậy ta đi thôi, - bóng đen nói.

- Xin hầu ông, - đại úy nói. - Không biết ông có phải quỷ sứ hiện thân hay không. Nhưng tối nay, ta cứ là bạn tốt với nhau đã. Ngày mai tôi sẽ trả sạch nợ cho ông, cả nợ tiền lẫn nợ gươm.

Hai người rảo bước. Vài phút sau, tiếng nước róc rách báo cho họ biết đã tới cầu Saint-Michel, trên cầu san sát nhà cửa. Phoebus bảo người cùng đi:

- Trước hết, tôi đưa ông vào nhà, sau đó tôi đi đón người đẹp đang chờ ở gần cung Tiểu Châtelet.

Gã cùng đi không nói gì. Hắn lặng thinh từ lúc hai người đi bên nhau. Phoebus dừng lại trước một khung cửa thấp, gõ mạnh. Ánh sáng lọt qua khe cửa. Một giọng phều phào hỏi:

- Ai đó?

- Mình Chúa! Đầu Chúa! Bụng Chúa! - Viên đại úy chửi đổng.

Cửa lập tức mở, họ trông thấy một mụ già và chiếc đèn cũ, cả hai cùng run rẩy. Mụ già lưng còng, quần áo rách rưới, cái đầu lắc lư, cặp mắt ti hí, đầu quấn cái khăn tã, da mặt, da cổ, da tay nhăn nheo hết; đôi môi thụt vào trong lợi; quanh miệng mọc từng túm lông trắng trông như mõm mèo. Trong nhà cũng tồi tàn không kém gì bà lão. Tường bằng phấn vôi, xà kèo đen nhẻm trên trần, lò sưởi hỏng nát, mạng nhện giăng khắp nơi giữa một dãy lủng lẳng những bản khập khiễng, ghế gãy chân, một đứa trẻ bẩn thỉu ngồi lên trên đống tro, trong cùng là cầu thang hoặc đúng hơn chỉ là chiếc thang gỗ dẫn lên lỗ hổng trên trần. Vào tới cái hang này, kẻ đồng hành bí mật của Phoebus liền kéo cổ áo choàng lên tận mắt. Trong lúc đó, đại úy vẫn lèm bèm văng tục, vội *làm mặt trời lóe sáng trong đồng écu*, như Régnier tuyệt diệu của chúng ta từng nói, chàng bảo:

- Căn phòng Sainte-Marthe.

Mụ già gọi chàng là đức ông và cất tiền vào ngăn kéo. Đồng tiền là của người mặc áo choàng thâm đưa cho Phoebus. Mụ già vừa quay lưng đi, thằng bé tóc bù đang chơi trên đống tro đã khéo sán lại gần ngăn kéo, cầm lấy đồng tiền rồi thay vào đó là chiếc lá khô nó vừa bứt trong bó củi.

Mụ già ra hiệu cho hai vị quý tộc, mụ gọi họ như vậy, đi theo mình và leo lên chiếc thang trước mặt. Lên tới gác trên, mụ đặt đèn trên chiếc hòm, còn Phoebus vốn là khách quen, liền mở chiếc cổng thông sang một buồng xép tối om. Chàng bảo người cùng đi:

- Mời bạn vào đây.

Người mặc áo choàng làm theo, chẳng nói nửa lời. Cánh cửa khép lại sau lưng. Hắn nghe thấy Phoebus cài then lại và lát sau, cùng xuống thang với mụ già. Ánh đèn mất hút.

VIII
LỢI ÍCH CỦA DÃY CỬA SỔ MỞ RA SÔNG

Claude Frollo, (chắc hẳn bạn đọc, thông minh hơn Phoebus, đã thấy chẳng có con ma nào ngoài phó chủ giáo trong câu chuyện phiêu lưu vừa rồi). Claude Frollo mò mẫm một lát trong gian buồng tối om bị đại úy khóa trái. Đó là góc nhà mà kiến trúc sư đôi khi chừa ra ở chỗ tường liền mái. Nếu cắt dọc chuồng chó, như Phoebus gọi rất đúng, sẽ có một tam giác. Hơn nữa, nơi đó chẳng có cửa sổ lẫn mái và chiếc mái dốc nghiêng không cho phép đứng thẳng người. Claude đành ngồi xổm trên lớp bụi bậm và vôi vữa lạo xạo dưới chân. Đầu ông nóng ran. Ông đưa tay quờ quạng xung quanh và vớ được mảnh kính vỡ dưới sàn, liền áp lên trán cho dịu mát đôi chút.

Cái gì đang diễn ra trong tâm hồn tối tăm của phó chủ giáo lúc đó? Chỉ có ông ta và Chúa biết được thôi.

Theo một thứ tự định mệnh nào mà ông ta sắp xếp trong đầu óc tất cả mọi hình ảnh, mọi chuyện phiêu lưu này, từ Esmeralda, Phoebus, Jacques Charmolue, chú em yêu quý bị bỏ rơi trong đống bùn đến chiếc áo chùng thâm phó chủ giáo, có thể cả danh dự nữa, để lê la tới nhà mụ Falourdel? Tác giả không trả lời nổi. Nhưng có điều chắc chắn mọi ý tưởng đó hợp thành một khối kinh khủng trong đầu óc ông.

Ông chờ đã mười lăm phút, tưởng như mình già đi một thế kỷ. Đột nhiên, ông nghe thấy tiếng bậc thanh gỗ kêu cót két. Có người đang lên. Lỗ hổng mở ra, ánh sáng trở lại. Chiếc cửa mọt nơi ông nấp có khe hở khá rộng. Ông áp mặt vào đó. Nhờ vậy có thể trông thấy mọi việc xảy ra ở phòng bên. Mụ già mõm mèo bước ra đầu tiên khỏi lỗ hổng, tay cầm đèn, rồi Phoebus đang vuốt ria, sau

cùng là người thứ ba, một khuôn mặt xinh đẹp và duyên dáng, cô Esmeralda. Linh mục thấy cô từ dưới đất hiện lên như một hiển linh chói lọi. Claude run lên, mắt mờ đi như có mây che, mạch máu đập thình thịch, khắp chung quanh đều náo động quay cuồng. Ông không nhìn thấy, không nghe thấy gì nữa.

Lúc ông trấn tĩnh lại, chỉ còn hai người, Phoebus và Esmeralda, đang ngồi trên hòm gỗ, cạnh ngọn đèn, càng làm nổi bật đôi khuôn mặt trẻ trước con mắt phó chủ giáo, cùng chiếc giường tồi tàn ở cuối phòng.

Cạnh giường là cửa sổ, khung kính rạn vỡ như tấm mạng nhện bị mưa rơi, để lộ qua mắt lưới đứt một góc trời và vầng trăng xế xa xa, trên chiếc đệm những cụm mây mềm nhũn.

Cô gái mặt đỏ bừng, ngơ ngác, hổn hển. Cặp mi dài khép xuống rủ bóng trên đôi má ửng hồng. Viên sĩ quan, mà cô gái không dám ngước nhìn, đang hớn hở. Bằng cử chỉ vụng về và đáng yêu, cô bất giác lấy đầu ngón tay vẽ lên ghế những đường nét vẩn vơ và nhìn ngón tay mình. Không trông thấy chân cô, vì con dê nhỏ đang ngồi lên trên.

Đại úy ăn mặc rất đỏm dáng; cổ áo, tay áo đều đeo tua kim tuyến, thời đó được coi là hết sức lịch sự.

Máu sôi hai bên thái dương làm ù cả hai tai, khiến đức cha Claude phải gắng mới nghe được câu chuyện họ nói với nhau.

(Chuyện trò yêu đương vốn dĩ nhạt nhẽo. Quanh đi quẩn lại chỉ độc một câu, *anh yêu em, em yêu anh* bất tận. Một nét nhạc hết sức trơ trẽn và vô cùng nhạt nhẽo đối với kẻ ngoài cuộc đứng nghe, nếu nó không được tô điểm thêm đôi chút *luyến láy*. Nhưng Claude không hề nghe với đôi tai dửng dưng).

- Ồ! - Cô gái nói, vẫn nhìn xuống, - đức ông Phoebus, xin đừng khinh em. Em biết mình làm như thế này là không phải.

- Khinh em ư, hả cô em xinh đẹp! - Viên sĩ quan đáp, vẻ đàng điếm trịch thượng và kiểu cách, tại sao lại khinh em chứ?

- Vì đã đi theo ông.

- Về chuyện đó, cô em ơi, chúng ta chưa đồng ý với nhau đâu. Tôi không phải khinh em, mà ghét em.

Cô gái khiếp hãi nhìn chàng:

- Ghét em ư? Nào em có làm gì đâu?

- Vì em đã bắt tôi phải van xin em mãi

- Chao ôi! - Cô nói - ... vì em đang làm trái một lời nguyền... Em sẽ không tìm thấy bố mẹ... lá bùa sẽ mất linh thiêng. - Nhưng cần gì? Bây giờ em cần gì cả bố lẫn mẹ?

Cô vừa nói vừa đăm đăm nhìn đại úy bằng cặp mắt to đen, long lanh vui sướng và thương yêu.

- Ma quỷ cũng chẳng hiểu nổi em muốn nói gì, - Phoebus thốt lên.

Esmeralda nín lặng giây lát, rồi ứa nước mắt, thở dài và nói:

- Ôi! Đức ông, em yêu ông.

Toàn thân cô gái toát lên làn hương trinh bạch, vẻ đẹp đức hạnh, khiến Phoebus cảm thấy không hoàn toàn thoải mái ở bên cô ta. Nhưng cô nói làm chàng thêm bạo dạn.

- Em yêu tôi à! - Chàng sôi nổi nói, rồi quàng tay ôm ngang lưng cô gái Ai Cập. Chàng chỉ chờ cơ hội này.

Linh mục nhìn thấy, liền gại đầu ngón tay thử mũi nhọn con dao găm vẫn giấu trong ngực.

- Phoebus, - cô Bohémienne nhẹ nhàng gỡ bàn tay viên đại úy đang ghì riết ngang lưng mình, - ông tốt bụng, ông rộng lượng, ông đẹp trai. Ông đã cứu em, dù em chỉ là con bé lạc loài nghèo khổ xứ Bohême. Từ lâu em vẫn mơ tưởng một sĩ quan sẽ cứu vớt đời mình. Phoebus của em, chính ông là người em hằng mơ tưởng, trước khi được biết ông. Người trong mộng của em cũng mặc nhung

y đẹp đẽ, có khuôn mặt tuấn tú và đeo gươm như ông. Tên ông là Phoebus, cái tên thật hay. Em yêu tên ông, em yêu thanh gươm của ông, Phoebus, ông tuốt gươm cho em xem đi.

- Thật trẻ con! - Đại úy nói và mỉm cười rút gươm khỏi vỏ.

Cô gái Ai Cập nhìn chuôi gươm, lưỡi gươm, tò mò thật đáng yêu để xem xét chữ số phiên hiệu của đội ngự lâm quân và hôn thanh gươm, nói:

- Mi là gươm của một dũng sĩ. Ta yêu đại úy của ta.

Phoebus bèn lợi dụng cơ hội để gắn lên cổ xinh đẹp đang cúi xuống chiếc hôn khiến cô gái vội ngẩng lên, mặt đỏ bừng như trái anh đào. Linh mục nghiến răng ken két trong bóng tối. Cô gái Ai Cập nói tiếp:

- Phoebus, hãy để em nói hết. Ông hãy đi thử vài bước, cho em được ngắm tầm vóc cao lớn và nghe tiếng đinh thúc ngựa nện vang. Ông thật vô cùng anh tuấn!

Đại úy chiều lòng cô gái, đứng dậy, mỉm cười, khoái trá trách yêu:

- Em thật trẻ con! - À này, cô em xinh đẹp, em đã thấy tôi mặc nhung phục đại lễ lần nào chưa?

- Ồ chưa, - cô gái đáp.

- Mặc như thế mới thật đẹp!

Phoebus tới ngồi xuống cạnh cô gái, kề gần hơn lần trước.

- Này, em thân yêu...

Cô gái Ai Cập đưa bàn tay xinh đẹp bịt miệng đại úy, và nhí nhảnh thật cuồng nhiệt, duyên dáng, vui tươi:

- Không, không, em không nghe anh nói đâu. Anh có yêu em không? Em không nghe anh nói đâu. Anh có yêu em không? Em muốn anh nói xem anh có yêu em không.

- Có chứ, anh yêu em, hỡi tiên nữ đời anh! - Đại úy thốt lên, quỳ một gối

xuống. - Thể xác anh, dòng máu anh, tâm hồn anh, tất cả cho em, tất cả vì em. Anh yêu em và xưa nay chỉ mới yêu có mình em.

Viên đại úy đã bao lần nhắc đi nhắc lại câu đó, trong bao trường hợp tương tự, nên chàng nói liền một mạch không hề vấp váp lỡ quên chút nào. Nghe lời tỏ tình si mê như vậy, cô gái Ai Cập ngước mắt nhìn lên trần nhà bẩn thỉu thay thế cho bầu trời, khóe mắt tràn đầy hạnh phúc thần tiên. Cô thầm thì:

- Ôi! Đây là lúc ta có thể chết được rồi!

Còn Phoebus lại vớ luôn "cơ hội" thuận tiện để gỡ gạc thêm cái hôn nữa; làm phó chủ giáo tội nghiệp nấp trong xó tối càng đau khổ.

- Chết ư? - Viên đại úy si tình thốt lên. - Hỡi tiên nữ diễm kiều, em nói gì lạ vậy? Đây mới là lúc đáng sống, nếu không thần Jupiter cũng chỉ là thằng mất dạy! Chết vào lúc bắt đầu một câu chuyện thú vị thế này thì mẹ kiếp, quả là đùa dai! - Không phải thế đâu. Hãy nghe anh, em Similar thân yêu... Esmeralda... Xin lỗi em, em có tên Hồi giáo kỳ quặc quá làm anh quên khuấy. Nó như bụi rậm chặn đứng anh lại.

- Lạy Chúa, - cô gái tội nghiệp nói, - em lại cứ tưởng cái tên đó đẹp chính vì nó kỳ lạ! Nhưng nếu không thích, anh cứ gọi em là Goton.

- Ồ! Em yêu kiều của anh, ta không nên quá buồn phiền về chuyện vặt đó! Rồi anh cũng sẽ quen dần tên em, có gì đâu. Lúc anh thuộc lòng rồi, nó sẽ trở thành bình thường. Vậy hãy nghe anh, em Similar thân yêu, anh yêu em đắm đuối. Anh yêu em thực lòng đến kỳ lạ. Anh biết có một cô gái sẽ tức điên lên mà chết...

Cô Bohémienne nổi ghen ngắt lời:

- Ai thế?

- Cần gì đếm xỉa đến chuyện đó? - Phoebus nói. - Em có yêu anh không?

- Ôi!... - Cô thốt lên.

- Như vậy là được rồi! Em sẽ thấy anh cũng hết sức yêu em. Anh thề là tên đại úy quỷ sứ Neptunus cứ dùng đinh ba đâm chết nếu anh không làm em sung sướng nhất đời. Chúng ta sẽ có gian phòng nhỏ xinh đẹp ở nơi nào đó. Anh sẽ cho lính cung thủ diễu hành dưới cửa sổ buồng em. Cả bọn đều cưỡi ngựa và bất chấp tụi cung thủ của đại úy Mignon. Có đủ mặt lính đoản thương, lính pháo thủ, lính cung thủ. Anh sẽ dẫn em đi dự các cuộc điểm binh lớn của dân Paris ở nông trại Rully. Thật hết sức huy hoàng. Tám chục ngàn dân binh, ba chục ngàn yên cương trắng, đoản y hoặc giáp trụ; sáu mươi bảy lá cờ đuôi nheo của nghiệp đoàn; rồi cờ xí của tối cao pháp viện, thẩm kế viện, ngân khố của các tổng quản, các phụ tá sở đúc tiền; tóm lại cả một đoàn diễu hành kinh khủng. Anh sẽ dẫn em đi xem đàn sư tử trong Hoàng cung, một loại thú dữ. Các bà các cô đều thích mọi trò đó.

Từ nãy tới giờ, triền miên trong ý nghĩ tươi đẹp, các cô gái chỉ đắm đuối lắng nghe giọng chàng mà không để tâm tới ý nghĩa lời nói.

- Ồ em sẽ sống sung sướng! - Viên đại úy nói tiếp, đồng thời nhẹ nhàng cởi thắt lưng cô gái.

- Ô hay, anh làm gì thế! - Cô vội hỏi. Vụ bạo động lôi cô ra khỏi giấc mơ.

- Không, có làm gì đâu. - Phoebus đáp. - Anh chỉ bảo cần bỏ hết các quần áo phóng đãng, đầu đường xó chợ này, khi nào em đã chung sống với anh.

- Đúng thế, Phoebus ạ, tới khi nào em đã chung sống với anh! - Cô gái âu yếm đáp.

Cô trở lại tư lự và nín lặng.

Viên đại úy thấy cô gái dịu dàng nên càng táo bạo hơn, chàng ôm ngang lưng mà cô không chống cự nên từ từ cởi áo cô bé đáng thương, phanh hết cả cổ áo làm vị linh mục thở hổn hển, thấy lớp vải the được lột ra để hở chiếc vai trần cô gái, tròn và nâu, như vầng trăng ló mọc sau màn sương mù chân trời.

Cô gái để mặc Phoebus. Cô như không để ý tới. Con mắt táo tợn của viên đại

úy sáng long lanh.

Đột nhiên, cô quay lại bảo chàng, vẻ vô cùng âu yếm:

- Phoebus, anh hãy chỉ bảo cho em theo tín ngưỡng của anh.

- Theo tin ngưỡng của anh à! - Đại úy thốt lên, bật cười. - Anh mà đi chỉ bảo cho em theo tín ngưỡng của anh! Sừng đâm sét đánh! Theo tín ngưỡng của anh để làm gì kia chứ?

- Để chúng ta cưới nhau, - cô trả lời.

Vẻ mặt đại úy vừa kinh ngạc vừa khinh khỉnh, thờ ơ và đam mê nhục dục.

- Úi chao! - Chàng nói, - lại cưới nhau nữa kia à?

Cô Bohémienne tái mặt và buồn rầu gục đầu xuống ngực.

- Em yêu xinh đẹp ơi, - Phoebus âu yếm nói tiếp, - ai lại điên rồ đi làm như vậy? Cưới xin làm cái quái gì! Chả nhẽ chúng ta kém yêu nhau hay sao mà cứ phải khạc nhổ tiếng Latinh trong cửa hiệu linh mục?

Vừa nói vậy bằng giọng dịu dàng nhất, chàng vừa ngồi sát gần cô gái Ai Cập, bàn tay mơn trớn ôm ngang tấm thân rất thon thả và mềm mại, con mắt càng sáng rực và tất cả báo hiệu ngài Phoebus rõ ràng đã tiến tới cái phút mà ngay cả Jupiter cũng làm chuyện bậy bạ, khiến nhà thơ Homère tốt bụng bắt buộc phải gọi một đám mây đến cứu. Lúc đó, đức cha Claude nhìn thấy hết. Cánh cửa làm bằng mảnh ván thủng rượu mục nát nên con mắt cú vọ của cha cứ việc nhòm qua các khe hở toang hoác. Vị linh mục có nước da nâu và đôi vai rộng, bấy lâu phải sống khắc khổ thanh khiết nơi tu viện, nay run rẩy, sôi sục trước cảnh ái ân, đêm tối và khoái lạc. Cô gái trẻ đẹp quần áo hở hang trong tay chàng trai cuồng nhiệt khiến huyết quản ông như đang chảy chì sôi. Trong con người ông đang nảy sinh các chuyển động kỳ lạ. Mắt ông hau háu nhìn vào những chỗ đã tháo kim băng với nỗi ghen tuông dâm dật. Khi ấy có ai nhìn thấy khuôn mặt kẻ khốn khổ áp vào thanh gỗ mọt ruỗng, sẽ tưởng như trông thấy một con hổ nhốt trong chuồng đang ngó chó sói ăn thịt nai tơ. Cặp mắt ông bùng cháy như ngọn đèn

qua khe cửa.

Đột nhiên, Phoebus nhanh nhẹn cởi tuột cổ áo cô gái Ai Cập. Cô bé tội nghiệp, mặt vẫn tái xanh và mơ màng, giật mình sực tỉnh. Cô vội lách xa viên sĩ quan dạn gái và nhìn xuống bộ ngực cùng đôi vai trần, xấu hổ đến đỏ mặt, ngượng ngùng, nín thít, và khoanh đôi cánh tay đẹp che cặp vú. Nếu không có ngọn lửa nung đỏ đôi má, cứ nhìn cô im lặng và bất động như vậy, có thể nói đó là pho tượng tiết trinh. Đôi mắt cô nhìn xuống.

Nhưng cử chỉ của viên đại úy đã làm lộ túi bùa che nơi cổ.

- Cái này là cái gì? - Chàng hỏi, tóm luôn cái cớ đó để sán lại gần cô gái đẹp mình vừa làm cho khiếp sợ.

- Đừng sờ vào! - Cô vội đáp, - thần hộ mệnh của em đó. Nó sẽ giúp em gặp lại gia đình nếu em còn xứng đáng. Ôi! Hãy buông em ra, ông đại úy. Mẹ ơi! Mẹ đáng thương của con! Mẹ ơi! Mẹ ở đâu? Lại cứu con với! Ông Phoebus, buông tha em ra. Trả em cái cổ áo đây!

Phoebus lùi lại và lạnh lùng nói:

- Hừm, cô nương ơi! Rõ ràng cô không yêu tôi!

- Em không yêu anh ư! - Cô gái nghèo khổ tội nghiệp thốt lên, đồng thời níu lấy đại úy bắt ngồi xuống bên cạnh. - Phoebus của em, em không yêu anh ư! Con người độc ác, sao anh lại nói vậy, làm tan nát lòng em? Ồ! Mặc kệ! Anh chiếm đoạt em đi, tha hồ yêu em đi! Tùy anh muốn làm gì em cũng được. Em là của anh rồi. Cần gì tới đạo bùa! Cần gì tới mẹ! Chính anh là mẹ em, vì anh yêu em! Phoebus, Phoebus yêu quý của em, anh có nhìn thấy em không? Em đây mà, hãy nhìn em đi. Chính cô bé mà anh không nỡ hắt hủi đã tới đây, nó tự nguyện tới tìm anh. Tâm hồn, cuộc sống, thân xác, con người em, mọi cái đều riêng của mình anh, đại úy của em. Thôi, chúng ta chẳng cần làm lễ cưới, việc đó chỉ làm phiền anh. Vả lại, em là cái gì mới được chứ? Một con bé đầu đường xó chợ khốn khổ, còn anh, Phoebus của em, anh là quý tộc. Đẹp đẽ quá đi mất!

Một vũ nữ lấy một sĩ quan! Em thật điên rồ. Không, Phoebus, không, em sẽ chỉ là tình nhân, món đồ chơi, trò tiêu khiển nếu khi nào anh muốn, một con điếm của riêng anh, em sinh ra chỉ để làm việc đó, bị ô uế, rẻ rúng, bêu riếu, nhưng cần quái gì, miễn em được anh yêu. Em sẽ là người đàn bà kiêu hãnh và sung sướng nhất đời. Rồi khi em già hoặc xấu đi, Phoebus, khi em không thể yêu anh được nữa, hỡi đức ông, hãy vui lòng cho em được hầu hạ mãi. Các cô gái khác sẽ thêu khăn quàng cho anh. Còn em sẽ chỉ là con sen lo giữ sạch sẽ các tấm khăn đó. Hãy cho phép em được đánh bóng đinh thúc ngựa, chải sạch nhung y, lau chùi đôi ủng kỵ mã của anh, Phoebus của em, phải chăng anh sẽ rủ lòng thương em như vậy? Trong khi chờ đợi, hãy chiếm đoạt em đi! Này Phoebus, tất cả con người em là của anh, miễn anh yêu em! Bọn con gái Ai Cập chúng em chỉ cần có vậy, khí trời và tình yêu.

Nói vậy rồi cô gái vòng tay ôm cổ viên sĩ quan, nhìn chàng từ đầu tới chân, vẻ van nài, nụ cười duyên dáng đầy nước mắt, cọ cặp vú mới nhú vào tấm áo da và đường thêu xù xì. Tấm thân xinh đẹp gần như trần truồng quằn quại trên đùi chàng. Viên đại úy cuồng si gắn cặp môi nóng bỏng lên đôi vai đẹp kiểu châu Phi. Cô gái, mắt đắm đuối nhìn lên trần nhà, ngửa người ra sau, rùng mình run rẩy dưới nụ hôn.

Bỗng nhiên, phía trên đầu Phoebus, cô nhìn thấy một cái đầu khác, một khuôn mặt tái nhợt, xanh xám, nhăn nhó, với cái nhìn quỷ dữ. Cạnh khuôn mặt là bàn tay cầm dao găm. Đó là khuôn mặt và bàn tay linh mục. Ông ta đã phá cửa rồi đứng đó. Phoebus không thể trông thấy ông ta. Cô gái đờ người, tê cứng, câm lặng trước sự xuất hiện khủng khiếp, như con bồ câu ngửng đầu lên đúng lúc con diều hâu tròn xeo mắt nhìn vào tổ nó.

Cô gái không thét nổi một tiếng. Cô thấy lưỡi dao găm đâm phập xuống người Phoebus rồi rút lên bốc khói.

- Ôi trời ơi! - Viên đại úy thét lên và ngã xuống.

Cô gái ngất đi.

Lúc nhắm mắt lại, bao tình cảm tiêu tan hết, cô gái có cảm tưởng môi mình bị in hằn một va chạm bỏng lửa, một cái hôn còn thiêu đốt hơn sắt nung đỏ của đao phủ.

Lúc tỉnh lại, cô thấy lính tuần cảnh đã vây quanh, viên đại úy đẫm máu được khiêng đi, linh mục biến mất, cửa sổ cuối phòng trông ra sông mở toang, người ta nhặt được chiếc áo choàng đồ chừng là của viên sĩ quan, và cô nghe mọi người xung quanh kháo nhau:

- Con phù thủy đâm chết ông đại úy rồi!

QUYỂN TÁM

I
ĐỒNG TIỀN BIẾN THÀNH LÁ KHÔ

Gringoire và toàn thể Cung điện thần kỳ đang lo lắng chết người. Suốt một tháng ròng, không ai biết Esmeralda ra sao, làm cho quận công Ai Cập và lũ bạn ăn mày hết sức lo buồn, mà họ cũng chẳng biết gì hơn về con dê, nên càng làm Gringoire thêm đau khổ. Một tối cô gái Ai Cập bỗng nhiên mất tích, rồi từ đó đến nay, chẳng hề thấy tăm hơi. Mọi tìm kiếm đều vô ích. Vài gã ăn mày giả động kinh vốn ác miệng cho Gringoire biết, tối đó, họ gặp cô cùng đi với một sĩ quan ở gần cầu Saint-Michel; nhưng ông chồng theo kiểu Bohême đó là một triết gia không dễ tin, hơn nữa chàng hiểu rõ hơn ai hết vợ mình còn trinh bạch nguyên vẹn. Chàng có thể phỏng đoán sự trinh tiết kiên trì là do kết quả của hai đức tính hỗn hợp giữa đạo bùa và dòng giống Ai Cập, và chàng đã tính toán rất toán học về sức kháng cự của sự trinh tiết đó được nhân lên bậc hai. Vì vậy, chàng yên tâm về mặt này.

Cho nên chàng không giải thích nổi vụ mất tích, Gringoire buồn lo vô cùng. Nếu còn có thể gầy thêm được, chàng đã gầy thêm nhiều. Chàng xao lãng hết, cả thích thú văn học lẫn tác phẩm lớn *De figuris regularibus et irregularibus** chàng tính sẽ đưa in bằng món tiền đầu tiên có được. (Vì chàng cứ lải nhải mãi chuyện ấn loát, từ khi thấy cuốn *Didascalon* của Hugues de Saint-Victor được in bằng thứ chữ trứ danh của Vindelin de Spire).

Một hôm, chàng buồn rầu đi ngang qua viện Tournell hình sự và thấy đám đông tụ tập trước Tòa pháp đình.

- Có chuyện gì thế? - Chàng hỏi một thanh niên từ đó đi ra.

- Thưa ông, tôi cũng không rõ, - gã trẻ tuổi đáp.

- Nghe nói họ xử một người đàn bà đã ám sát một hiến binh. Hình như có cả chuyện phù thủy trong vụ này, cho nên đức giám mục và giáo hội pháp quan mới can thiệp vào, còn ông anh tôi vốn là phó chủ giáo ở Josas cũng đang bận tíu tít trong đó. Tôi lại đang cần gặp ông ta, nhưng đông người quá nên không chen vào được, thật bực mình, vì tôi đang cần tiền.

- Thưa ông, thật đáng tiếc, - Gringoire nói, - tôi rất muốn cho ông vay tiền, nhưng nếu túi tôi thủng thì cũng chẳng phải vì chứa đầy đồng écu.

Chàng không dám nói với gã trẻ tuổi là mình cũng quen ông anh phó chủ giáo đó, vì từ ngày xảy ra vụ ở nhà thờ, chàng chưa hề đến thăm lại ông ta, một sơ suất làm chàng lúng túng.

Cậu học trò đi thẳng, còn Gringoire theo đám đông leo lên bậc thềm phòng đại hình. Chàng nghĩ, để nguôi sầu, không gì bằng tham dự một phiên tòa đại hình, vì các thẩm phán thường ngu ngốc đến buồn cười. Đám dân chúng chàng đi lẫn vào, đang lặng lẽ chen vai thích cánh bước đi. Sau một hồi dò dẫm chậm chạp và vô vị trong hành lang dài tối, chạy ngoằn ngoèo trong tòa nhà như đường hầm trong ruột dinh thự cổ, chàng tới gần khung cửa thấp thông sang một gian phòng, vì dáng người cao nên chàng có thể nhìn vượt qua đầu đám đông nhấp nhô, để quan sát khắp phòng.

Phòng rộng và tối, nên càng có vẻ rộng thêm. Mặt trời đã xế, dãy cửa sổ tò vò cao chỉ còn để lọt một tia nắng nhạt yếu dần trước khi chiếu tới vòm mái, vốn là một thứ mạng lưới đồ sộ những xà kèo được chạm trổ vô vàn hình thù, chúng như đang cọ quậy hỗn độn trong bóng tối. Đây đó ở trên bàn đã có vài chiếc đèn thắp sáng và chiếu xuống đầu các lục sự đang cúi gục trên chồng giấy tờ. Phần trước gian phòng chật ních đám đông; bên phải bên trái có các ông mặc áo thụng ngồi trước bàn; cuối phòng, trên bục, rất đông thẩm phán mà các dãy trong cùng chìm trong bóng tối, với những khuôn mặt im lìm và rùng rợn. Trên

tường vô số hình hoa huệ. Trên đầu thẩm phán mờ tỏ hiện ra một tượng Chúa lớn và tua tủa những giáo cùng mác, đầu mũi như được ánh đèn nhóm lửa.

- Thưa ngài, - Gringoire hỏi một người đứng cạnh, - tại sao lại có hàng loạt các vị ngồi một dãy thế kia, như các chức sắc cao cấp của giáo hội đang họp giáo nghị hội vậy?

- Thưa ngài, - người đứng cạnh đáp, - bên cạnh phải là các cố vấn tòa đại hình, còn bên trái là các cố vấn điều tra dự thẩm, quý thầy mặc áo đen, còn quý ông mặc áo đỏ.

- Thế còn cái ông to béo mặc áo đỏ, đang toát mồ hôi, ngồi phía trên họ là ai thế? - Gringoire lại hỏi.

- Đó là quan chánh án.

- Thế còn đàn cừu ngồi sau? - Gringoire hỏi tiếp.

Như tác giả từng trình bày, Gringoire vốn không ưa tòa án. Có lẽ sự thù ghét đó đối với Tòa pháp đình có từ sau lần thất bại về vở kịch của chàng.

- Đó là quý vị hội kế viên tại Hoàng cung.

- Còn cái con lợn lòi ngồi trước mặt?

- Đó là ngài lục sự của tối cao pháp viện.

- Còn con cá sấu ngồi bên phải?

- Thầy Philippe Lheulier, tham tụng đặc biệt hoàng gia.

- Còn con mèo đen to ngồi bên trái?

- Thầy Jacques Charmolue, biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, cùng quý vị trong giáo hội thẩm phán viện.

- Thưa ngài, - Gringoire hỏi, - thế tất cả các vị mặt to tai lớn đó họp nhau để làm cái trò gì vậy?

- Họ xử án.

- Xử ai? Tôi không thấy kẻ bị cáo.

- Thưa ngài, đó là một người đàn bà. Ngài không trông thấy được đâu. Thị ngồi quay lưng lại và bị đám đông che khuất. Kia kìa, thị ngồi chỗ có một nhóm người cầm giáo ấy.

- Người đàn bà đó là ai? - Gringoire hỏi. - Ngài có biết tên thị không?

- Thưa ngài, không. Tôi cũng vừa mới tới. Tôi chỉ đoán là có chuyện phù thủy, vì giáo hội thẩm phán cũng dự phiên tòa.

- Thôi được! - Triết gia của chúng ta nói, - sắp được xem vị quan tòa ăn thịt người. Cũng chỉ là trò hề như mọi trò hề khác.

- Thưa ngài, - người đứng cạnh cãi lại, - thế ngài không thấy thầy Jacques Charmolue có vẻ rất hiền từ đó sao?

- Hừm! - Gringoire đáp. - Hiền từ mà mỏng môi hỉnh mũi thì cũng đáng ngại lắm đấy.

Tới đây, người chung quanh yêu cầu hai kẻ nói chuyện hãy im lặng. Mọi người đang nghe một lời khai quan trọng.

- Bẩm các quan lớn, - một mụ già nói, mụ già đứng giữa phòng xử, mặt lấp kín dưới quần áo trông như đống giẻ rách biết đi, - bẩm các quan lớn, chuyện này có thật cũng như tôi đích thật là mụ Falourdel, lập nghiệp từ bốn chục năm nay tại cầu Saint-Michel, có đóng đủ thuế lợi tức, thuế nhượng tài sản và địa tô, nhà tôi đối diện với nhà của Tassin-Caillart, thợ nhuộm, ở phía thượng lưu con sông. Bẩm các quan lớn, tôi nay đã già nua tội nghiệp, chứ xưa kia là con gái đẹp lắm kia đấy! Từ vài bữa nay, có người vẫn bảo tôi: này mụ Falourdel, buổi tối đừng có quay sợi nhiều, quỷ sứ thích lấy sừng nó chải guồng sợi của các bà già. Chắc chắn con ma đội lốt thầy tu năm ngoái ở Khu đền, bây giờ nó lại đang lảng vảng tại Khu thành cũ. Mụ Falourdel ạ, hãy coi chừng kẻo nó gõ cửa nhà mụ đấy. Một tối, tôi đang kéo sợi thì có người gõ cửa. Tôi hỏi ai, nó văng tục. Tôi bèn mở cửa. Hai người bước vào. Một áo thâm đi với một sĩ quan tuấn tú. Tôi chỉ nhìn thấy cặp mắt người áo thâm, trông như hai cục than hồng. Toàn

thân còn lại của hắn chỉ là áo choàng và mũ. Họ mới bảo tôi: - Căn phòng Sainte-Marthe. - Bẩm các quan lớn, đó là căn phòng trên gác, sạch sẽ nhất. Họ trả tôi một đồng écu. Tôi cất tiền vào ngăn kéo rồi nói: “Để mai mua lòng lợn ở hàng thịt mụ Gloriette”. - Chúng tôi lên gác. - Lên tới phòng trên, tôi vừa quay lưng đi, người áo thâm đã biến mất. Tôi hơi lấy làm sững sờ. Ông sĩ quan, đẹp như vị đại lãnh chúa, cùng tôi xuống nhà. Ông ấy ra đi. Khoảng quay được phần tư guồng sợi, ông ấy trở lại cùng một cô gái đẹp, một con búp bê có thể rực rỡ ngang mặt trời nếu được chải tóc cho khéo. Cô gái dắt theo con dê đực, một con dê đực lớn, tôi cũng không còn nhớ lông đen hay trắng nữa, Đó là điều khiến tôi băn khoăn. Cô gái, đối với tôi chả sao nhưng còn con dê!... Tôi không ưa những con vật đó, nó có râu, có sừng. Trông cứ như người ấy. Hơn nữa, nom nó lại có mùi dạ hội phù thủy tối thứ bảy. Nhưng tôi không nói gì. Vì trót nhận tiền rồi. Bẩm quan chánh án, như vậy là hợp lẽ, phải không ạ. Tôi đưa cô gái và đại úy lên phòng trên, rồi để mặc họ với nhau, nghĩa là cả con dê nữa. Tôi xuống nhà và tiếp tục quay sợi. - Xin thưa là nhà tôi có một tầng trệt và một tầng gác, mặt sau quay ra sông, như mọi nhà khác trên cầu, còn cửa sổ tầng trệt và cửa sổ tầng trên đều trông ra sông. - Lúc đó tôi đang quay sợi. Không hiểu sao tôi trông thấy con dê, tôi lại sực nhớ tới con ma đội lốt thầy tu, vả lại cô gái đẹp trang điểm cũng hơi man dại.

- Đột nhiên, tôi nghe thấy tiếng thét trên gác, rồi có gì ngã vật xuống sàn, và cửa sổ mở tung. Tôi chạy tới cửa sổ buồng tôi ở phía dưới và thấy khối đen lướt qua trước mắt rồi rơi xuống nước. Đó là một bóng ma mặc áo linh mục. Trời sáng trăng. Tôi trông nó rất rõ. Nó bơi về phía Khu thành cũ. Thế là tôi run cầm cập, đi gọi lính tuần cảnh. Các ông trong tiểu đội liền tới, thậm chí ngay lúc đầu họ chưa hiểu xảy ra chuyện gì, vì đang mải vui chơi nên họ còn đánh tôi nữa. Tôi phải nói cho các ông ấy hiểu. Chúng tôi lên gác và trước mắt thấy gì? Căn phòng khốn khổ của tôi đẫm máu, đại úy nằm sõng soài với lưỡi dao găm cắm ở cổ, cô gái bất tỉnh, còn con dê sợ cuống cuồng. - Thôi được, tôi nhủ, phải mất

nửa tháng để lau sàn. Phải cọ sạch, thật đến khổ. - Người ta khiêng ông sĩ quan đi, tội nghiệp cho người trẻ tuổi! Và cả cô gái nữa. - Khoan đã: Điều tồi tệ nhất là hôm sau, lúc tôi định lấy đồng écu đi mua lòng lợn, thì chỉ thấy ở đó có mỗi chiếc lá khô.

Mụ già ngừng nói. Có tiếng xì xào ghê rợn loang đi trong đám công chúng.

- Bóng ma, con dê, đó toàn là trò phù thủy, - một người đứng cạnh Gringoire nói.

- Lại còn chiếc lá khô nữa! - Một người khác thêm.

- Rõ rành rành là con phù thủy thông đồng với con ma đội lốt thầy tu để lột sạch các sĩ quan.

Cả Gringoire hầu như cũng thấy toàn bộ câu chuyện này thật ghê sợ và xác thực.

- Mụ Falourdel, - ngài chánh án oai vệ hỏi, - mụ còn gì khai trước tòa nữa không?

- Bẩm quan lớn, không ạ, - mụ già đáp, - ngoại trừ trong biên bản có ghi nhà tôi là một căn lều lụp xụp và hôi thối, nói như vậy thì quá quắt lắm. Nhà trên cầu chẳng sang trọng gì vì dân cư đông quá, nhưng ngay các ông hàng thịt cũng thích ở đó, mà họ đều là kẻ giàu có và lấy vợ rất sạch sẽ.

Ông thẩm phán mà Gringoire trông giống cá sấu, đứng lên nói:

- Im lặng! Xin quý tòa đừng nên quên là người ta tìm thấy can phạm mang dao găm. - Mụ Falourdel, mụ có mang tới đây chiếc lá khô từ đồng écu biến thành, sau khi con quỷ đưa cho mụ không?

- Bẩm quan lớn, có ạ, - mụ đáp, - tôi đã tìm thấy và đem tới đây.

Viên mõ tòa đưa chiếc lá khô cho lão cá sấu, hắn gật đầu rùng rợn rồi chuyền cho chánh án, ông này lại đưa cho biện lý hoàng gia tại giáo hội pháp viện, cứ thế nó chuyền tay khắp tòa. Thầy Jacques Charmolue nói:

- Đây là lá bạch dương. Thêm một chứng cớ về trò phù thủy.

Một cố vấn lên tiếng:

- Hỡi nhân chứng, có hai người cùng một lúc vào nhà mụ. Người mặc đồ thâm, mà thoạt đầu mụ thấy biến mất, rồi lại thấy mặc áo linh mục bơi qua sông Seine và viên sĩ quan. - Trong hai người đó, ai đã đưa tiền cho mụ?

Mụ già suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Viên sĩ quan!

Đám đông xôn xao hẳn lên - Gringoire thầm nghĩ:

- A! Thế này thì cũng đáng ngờ lắm.

Nhưng thầy Philippe Lheulier, tham tụng đặc biệt hoàng gia đã cất tiếng:

- Xin quý tòa lưu ý, trong tờ cung viết trên giường bệnh, viên sĩ quan bị sát hại có khai còn mang máng nhớ lúc người áo thâm tới gặp, rất có thể là con ma đội lốt thầy tu, và khi đại úy nói mình không có tiền, con ma còn đưa cho viên sĩ quan đồng écu mà ông ta trả mụ Falourdel. Do đó, đồng écu đúng là tiền âm phủ.

Nhận xét xác đáng này như làm tiêu tan mọi nghi ngờ của Gringoire và các kẻ hoài nghi khác ở trong phòng xử án. Lúc ngồi xuống, quan tham tụng hoàng gia còn nói thêm:

- Quý tòa đã có sẵn hồ sơ để tham khảo thêm về lời khai của Phoebus de Châteauper.

Nghe nhắc tới cái tên đó, can phạm liền đứng dậy. Đầu hắn nhô ra khỏi đám đông. Gringoire hoảng sợ nhận ra Esmeralda.

Mặt cô tái xanh; mái tóc xưa kia kết bím rất duyên dáng và dát thêm đồng tiền vàng cổ Trung Đông, nay rối bù, cặp môi tái nhợt, đôi mắt sâu hõm đến hãi hùng. Than ôi!

- Phoebus! - Cô ngơ ngác hỏi, - chàng ở đâu? Ôi quý tòa, trước khi giết tôi,

hãy làm phúc cho tôi biết liệu chàng còn sống không?

- Cô kia, im đi, - chánh án đáp. - Đó không phải là công việc của tòa.

- Ôi! Tôi van các ông, hãy cho tôi biết liệu chàng còn sống không! - Cô nói, đôi bàn tay đẹp gầy guộc chắp lại và tiếng xiềng loảng xoảng vang lên dọc thân áo can phạm.

- Thôi được! Y đang hấp hối, - viên tham tụng hoàng gia lạnh lùng đáp. - Cô đã bằng lòng chưa?

Cô gái tội nghiệp gieo mình xuống ghế, câm lặng, không giọt nước mắt, trắng bệch như khuôn mặt bằng sáp.

Chánh án cúi xuống phía một người ngồi dưới chân, hắn đội mũ kim tuyến, mặc áo dài thâm, cổ quàng dây xích, tay cầm roi.

- Mõ tòa, hãy đưa can phạm thứ hai vào.

Mọi cặp mắt đều quay lại phía chiếc cửa nhỏ vừa mở ra, làm Gringoire hết sức hồi hộp và một con dê cái xinh đẹp, sừng và chân đều dát vàng, chạy vào. Con vật trang nhã dừng lại giây lát trên ngưỡng cửa, nghểnh cổ, như đang đứng trên mỏm núi, nhìn xuống dưới là cả một chân trời bát ngát. Chợt nó nhận ra cô Bohémienne, liền nhảy qua bàn và đầu viên lục sự, chỉ hai bước đã tới bên gối cô chủ, cầu xin một lời hoặc vuốt ve; nhưng can phạm vẫn ngồi yên và con vật Djali đáng thương cũng không hề được ngó tới. Mụ già Falourdel nói:

- Ô kìa... đúng là con vật xấu xa đó, tôi nhận ra ngay cả hai mà!

Jacques Charmolue lên tiếng:

- Xin quý tòa cho phép hỏi cung con dê.

Quả đúng nó là can phạm thứ hai. Hồi đó rất bình thường là chuyện xử án phù thủy một con vật. Trong sổ kế toán của tòa đô chính vào năm 1466, ngoài những cái khác, người ta còn thấy một chi tiết kỳ quặc về tiền phí tổn cho vụ án Gillet-Soulart và con lợn nái của hắn, *cả hai bị xử tử vì tội trạng ở Corbeil*.

Trong sổ ghi đủ cả, nào tiền đào hố chôn con lợn nái, rồi năm trăm bó củi ngắn lấy ở cảng Morsant, ba hũ rượu nho và bánh mì, bữa ăn cuối cùng của can phạm cùng thân ái chia sẻ với bọn đao phủ, cho tới mười một ngày công canh giữ và chăm nuôi con lợn, mỗi ngày tốn tám denier tiền Paris. Đôi khi không phải chỉ có loài vật bị xử án. Các tập pháp lệnh thời Charlemagne và Louis nhu nhược kết tội rất nặng những con ma cháy rực dám xuất hiện trên không trung.

Nhưng ông biện lý của giáo hội pháp viện đã kêu lên:

- Nếu loài ma quỷ không ám con dê này và đã chống lại mọi phép trừ tà, cứ tiếp tục giở trò ma quái ra nữa, nếu nó làm quý tòa kinh sợ, ta báo cho nó biết trước tòa sẽ buộc phải kết án nó chịu tội xử giảo hoặc hỏa thiêu.

Gringoire lạnh toát mồ hôi. Charmolue cầm cái trống basque của cô Bohémienne để lên bàn, rồi đưa ra theo một cách nào đó trước mặt con dê và hỏi:

- Bây giờ là mấy giờ?

Con dê nhìn cái trống bằng con mắt thông minh và giơ chiếc chân bịt vàng, gõ bảy tiếng. Lúc đó quả đúng là bảy giờ. Đám đông xôn xao hoảng sợ.

Gringoire không nén nổi, kêu ầm lên:

- Thế thì nó chết mất! Ai cũng thấy rõ con dê không hiểu tí gì về việc nó đang làm.

- Công chúng ở cuối phòng hãy giữ im lặng! - Viên mõ tòa quát lên.

Jacques Charmolue vẫn dùng cách xoay chuyển cái trống để sai khiến con dê làm nhiều trò khác, như trả lời về ngày, tháng v.v... mà bạn đọc từng được chứng kiến. Rồi do một huyễn tượng thường thấy trong các vụ xử án, chính những khán giả có lẽ đã hơn một lần hoan hô các trò vô tội của con Djali ngoài ngã tư, nay lại run sợ dưới vòm mái Tòa pháp đình. Con dê rõ ràng là ma quỷ rồi.

Tệ hại hơn nữa, khi ông biện lý hoàng gia đổ xuống sàn nhà cái túi da đựng

đầy chữ rồi đeo trên cổ Djali, mọi người lại thấy con dê dùng chân xếp các chữ rời đó thành cái tên tai vạ: *Phoebus*. Các yêu thuật mà đại úy là nạn nhân như được chứng minh một cách không thể chối cãi; và trước mắt mọi người, cô Bohémienne, cô gái múa rong xinh đẹp từng bao lần làm khách qua đường mê mẩn vì vẻ duyên dáng, nay chỉ là con ma cà rồng khủng khiếp.

Hơn nữa cô gái như kẻ chết rồi. Cả các trò duyên dáng của Djali lẫn lời hăm dọa của tòa, lời nguyền rủa rì rầm trong cử tọa, không gì còn làm cô chú ý tới nữa.

Để cô tỉnh lại, viên cảnh vệ phải lay cô thật mạnh và chánh án phải trịnh trọng lên tiếng:

- Cô bé kia, cô thuộc giống người Bohémienne, chuyên nghề ma quái. Cô đã đồng lõa với con dê ma ám và bị can án trong đêm 29 tháng ba vừa qua, cùng tòng phạm với các lực lượng tối tăm, rồi dùng tà thuật và bùa phép, cô đã lấy dao găm sát thương một đại úy của đội cung thủ ngự lâm quân, tên là Phoebus de Châteauper. Cô còn khăng khăng chối cãi nữa không?

- Kinh khủng! - Cô gái lấy tay che mặt, kêu lên. - Phoebus của tôi! Ôi! Quả là địa ngục!

- Cô vẫn khăng khăng chối cãi ư? - Chánh án lạnh lùng hỏi.

- Tôi không hề phạm tội đó! - Cô gái đáp, giọng ghê gớm và đứng lên, mắt sáng long lanh.

Chánh án vẫn thản nhiên hỏi tiếp:

- Nếu vậy, cô giải thích thế nào về những sự kiện buộc tội cô?

Cô nghẹn ngào đáp:

- Tôi đã nói rồi. Tôi không biết. Đó là một linh mục. Một linh mục tôi không quen. Một linh mục quỷ sứ vẫn theo đuổi tôi.

- Đúng thế, - chánh án tiếp lời, - một con ma đội lốt thầy tu.

- Ôi các quan lớn! Hãy làm phúc thương tôi! Tôi chỉ là đứa con gái khốn khổ...

- Của xứ Ai Cập, - chánh án tiếp thêm vào.

Thầy Jacques Charmolue dịu dàng lên tiếng:

- Xét can phạm vẫn một mực ngoan cố kêu oan, xin quý tòa cho phép áp dụng tra khảo.

- Tòa chuẩn y, - chánh án nói.

Cô gái khốn khổ run bần bật. Nhưng theo lệnh bọn lính cầm giáo, cô vẫn phải đứng lên và bước đi khá vững theo sau Charmolue và các linh mục thuộc giáo hội pháp viện, giữa hai hàng giáo mác, tới khung cửa giữa đột nhiên mở ra và khép ngay sau lưng cô, khiến Gringoire buồn rầu tưởng như đó là cái mõm kinh khủng vừa nuốt chửng cô gái.

Cô vừa đi khuất, liền nghe thấy tiếng kêu be be thảm thiết. Đó là con dê con đang khóc.

Phiên tòa tạm ngừng. Một cố vấn có ý kiến là quý tòa đã mệt và nếu chờ xong nhục hình thì còn rất lâu, quan chánh án liền đáp: Một vị quan tòa phải biết hy sinh cho nhiệm vụ.

- Con bé kỳ quái thật khó chịu, bực mình, - một thẩm phán giả nói, - nó lại cam chịu tra khảo khi chưa ai ăn uống gì cả!

II
TIẾP THEO CHUYỆN ĐỒNG TIỀN BIẾN THÀNH CHIẾC LÁ KHÔ

Sau mấy bậc thềm trèo lên bước xuống trong các hành lang tối om, giữa ban ngày cũng phải thắp đèn. Esmeralda vẫn đi giữa đoàn hộ tống đang rùng rợn vây quanh, rồi bị lính cảnh vệ Tòa pháp đình đẩy vào một căn phòng khủng khiếp. Căn phòng hình tròn chiếm tầng trệt một tháp trong dãy pháp hình lớn, cho tới thế kỷ này, vẫn còn vượt cao hơn lớp dinh thự hiện đại của Paris mới phủ lên thành phố cũ. Căn hầm không có cửa sổ, cũng chẳng có cửa nào khác ngoài cửa ra vào, đã thấp lại lắp khung cửa sắt to nặng. Nhưng ánh sáng không thiếu. Một cái lò xây trong vách tường. Lò đang cháy to, chiếu đỏ rực khắp gian hầm và át mọi tia sáng ngọn đèn tồi tàn đặt trong xó. Cái bừa sắt đóng miệng lò, lúc đó được nâng lên, qua miệng lỗ hổng cháy đỏ trên nền tường đen tối, chỉ để lộ phần dưới chân song, như hàm răng đen, nhọn và thưa, làm lò lửa càng giống miệng con rồng phun lửa trong thần thoại. Dưới ánh lửa hắt ra, cô gái tù thấy quanh phòng đầy dụng cụ khủng khiếp không hiểu dùng vào việc gì. Giữa phòng là tấm đệm da trải sát đất, bên trên lủng lẳng sợi dây da thắt nút, buộc vào cái vòng đồng ngậm trong mồm con quái vật tẹt mũi, chạm trên trụ đỡ vòm mái. Nào kìm, kẹp, lưỡi cày rộng bản chất ngổn ngang trong lò và được nung đỏ trên than hồng. Ánh lửa lò đỏ như máu chiếu sáng khắp gian phòng chứa toán đồ vật ghê rợn.

Cái hang này mang tên đơn giản là *phòng tra khảo*.

Pierrat Torterue, khảo đả viên tuyên thệ, đang uể oải ngồi trên giường. Lũ tay sai, hai quái vật mặt vuông mang tạp dề da, thắt lưng vải, đang nung đám đồ sắt

trên than hồng.

Cô gái đáng thương gắng thu hết can đảm. Bước vào gian phòng, cô càng kinh sợ.

Lính cảnh vệ Tòa pháp đình đứng sang một bên, bên kia là các linh mục của giáo hội pháp viện. Viên lục sự, chiếc nghiên mực và cái bàn ở một góc. Thầy Jacques Charmolue mỉm cười rất hiền, lại gần cô gái Ai Cập, nói:

- Con ơi, con vẫn khăng khăng chối ư?

- Vâng, - cô đáp, - giọng hết hơi.

- Nếu vậy, - Charmolue nói tiếp, - ta rất đau đớn phải thẩm vấn con đến nơi đến chốn, dù ta không muốn. - Con hãy vui lòng ngồi xuống giường. - Thầy Pierrat, hãy nhường chỗ cho cô nương, rồi khép cửa lại.

Pierrat làu bàu đứng dậy, lẩm bẩm:

- Nếu khép cửa lò tắt mất.

- Anh bạn thân mến, nếu vậy cứ để ngỏ cửa, - Charmolue đáp.

Lúc đó Esmeralda vẫn đứng yên. Chiếc giường da trên đó từng quằn quại bao kẻ khốn nạn, làm cô khiếp sợ. Hãi hùng ớn lạnh đến tận xương tủy. Cô đứng đó, run hãi và sững sờ. Charmolue ra hiệu, hai tên tay sai liền túm lấy cô gái đặt ngồi lên giường. Họ không hề làm đau cô, nhưng khi hai người cùng làn da giường đụng tới người, cô thấy máu dồn hết về tim. Cô ngơ ngác nhìn khắp phòng. Cô tưởng như mọi đồ tra tấn dị hình đang từ mọi phía chuyển động và bước tới gần, để rồi trèo lên dọc người cô mà cắn xé, kìm kẹp; trong những dụng cụ đủ loại cô được thấy tới nay, chúng giống con dơi, con rết, con nhện giữa đám côn trùng và chim chóc.

- Thầy thuốc đâu? - Charmolue hỏi.

- Có tôi đây, - một người áo dài thâm cô chưa trông thấy, lên tiếng.

Cô gái run bắn người.

- Cô nương ơi, - giọng nói vuốt ve của viên biện lý giáo hội pháp viện lại vang lên lần thứ ba, cô vẫn khăng khăng chối cãi về các sự kiện cô bị cáo buộc hay sao?

Lần này, cô chỉ còn đủ sức gật đầu. Cô không nói lên lời.

- Vẫn khăng khăng chối ư? - Jacques Charmolue hỏi. - Nếu vậy, tôi rất thất vọng, nhưng buộc phải làm tròn chức trách.

- Thưa quan biện lý hoàng gia, - Pierrat đột nhiên hỏi, - ta bắt đầu từ đâu?

Charmolue lưỡng lự giây lát, cau mặt mơ hồ như thi sĩ tìm vần thơ. Cuối cùng ông nói:

- Cho kẹp chân.

Cô gái bất hạnh cảm thấy sâu xa cả Chúa lẫn loài người đều bỏ rơi mình, đành gục đầu xuống ngực như một vật bất động đã kiệt lực.

Khảo đả viên và thầy thuốc cùng lại gần cô gái. Đồng thời, hai gã tay sai bắt đầu lục lọi trong đống đồ nghề gớm ghiếc.

Nghe tiếng kìm kẹp loảng xoảng ghê rợn, cô bé khốn khổ run lên như con nhái chết bị truyền điện. Cô thầm kêu lên, rất nhỏ nên chẳng ai nghe thấy:

- Ôi! Hỡi Phoebus của em!

Rồi cô lại ngồi yên, im lìm như tượng đá. Cảnh tượng này có thể vò nát mọi trái tim trừ trái tim quan tòa. Có thể nói đó là một linh hồn tội lỗi đáng thương, bị quỷ Satan tra hỏi dưới khung cửa đỏ rực của địa ngục. Tấm thân khốn khổ mà những bánh xe và giá chống sắp nhung nhúc túm chặt, con người mà bàn tay thô bạo của đao phủ và kìm kẹp sắp hành hạ, lại là con người dịu hiền, trắng trẻo và yếu ớt đó. Tội nghiệp cho hạt kê mà công lý nhân loại sắp đem nghiền trong cối xay ghê rợn của nhục hình.

Lúc đó, bàn tay chai sần của lũ tay sai của Pierrat Torterue đã tàn nhẫn lột trần bắp chân xinh đẹp, bàn chân bé nhỏ, đã bao lần làm khách qua đường phải

thán phục trước vẻ đẹp và dễ thương ở giữa ngã ba đường phố Paris.

- Thật đáng tiếc! - Gã khảo đả viên làu bàu, ngắm các hình dáng xinh đẹp và tinh tế đó. Nếu phó chủ giáo có mặt lúc này, chắc hẳn ông sẽ nhớ tới biểu tượng con nhện và con ruồi. Lát sau, qua màn sương bao phủ trước mắt, cô gái khốn khổ thấy chiếc kẹp chân lại gần, rồi chân cô đút vào giữa các tấm ván nẹp sắt và biến mất trong dụng cụ khủng khiếp. Nỗi kinh sợ lúc đó làm cô khỏe hẳn lên. Cô giận dữ thét lên:

- Hãy tháo cái đó ra!

Và đầu óc rối bời, cô nhổm dậy:

- Tha cho tôi!

Cô lao ra khỏi giường tới quỳ xuống dưới chân ông biện lý hoàng gia, nhưng cẳng chân đã bị cùm trong tấm gỗ sồi nặng nẹp sắt, nên cô đành gục ngã trên chiếc kẹp chân, còn rã rời hơn con ong mang cục chì trên cánh.

Charmolue ra hiệu, cô gái liền bị kéo trở lại giường và hai bàn tay to gộc buộc luôn sợi dây da, thả từ trên trần xuống vào lưng ong cô gái.

- Một lần cuối, cô có chịu thú nhận về các sự kiện kết án không? - Charmolue hỏi, vẫn giữ vẻ hòa nhã thản nhiên.

- Tôi oan.

- Thưa cô. Nếu vậy làm thế nào giải thích nổi các duyên cớ buộc tội?

- Chao ôi, bẩm quan lớn, tôi không biết.

- Thế cô chối à?

- Chối hết!

- Ra tay đi, - Charmolue bảo Pierrat.

Pierrat vặn tay cầm của chiếc kích, cái kẹp chân liền xiết chặt và cô gái đáng thương thét lên khủng khiếp, thứ tiếng kêu không viết nổi bằng bất cứ ngôn ngữ nào của loài người.

- Ngừng tay! - Charmolue bảo Pierrat. - Chịu thú nhận chưa? - Ông hỏi cô gái Ai Cập.

- Xin thú hết! - Cô gái khốn khổ kêu lên. Tôi xin thú nhận. Tôi xin thú nhận! Hãy tha tôi!

Cô gái chưa hề biết lượng sức khi chấp nhận cực hình. Tội nghiệp cô bé đến nay toàn sống cuộc đời vui vẻ, ngọt ngào, êm dịu, chỉ cần đau đớn đầu tiên là đủ khuất phục.

- Lòng nhân đạo buộc tôi phải nói cho cô biết, - ông biện lý hoàng gia nói, - nếu thú nhận, cô sẽ chờ đợi cái chết.

- Tôi mong như thế lắm, - cô nói. Rồi cô ngã vật xuống giường da, ngắc ngoải, co quắp, lủng lẳng dưới sợi dây da buộc túm nơi ngực.

- Ồ, cô em xinh đẹp, hãy ngồi lên một chút nào, - thầy Pierrat nói, đỡ cô ngồi dậy. - Trông cô em cứ như con cừu vàng đeo trên cổ ngài Bourguignon.

Jacques Charmolue cất cao giọng:

- Lục sự, hãy ghi vào. - Cô gái Bohémienne, cô thú nhận có tham dự vào các bữa tiệc, dạ hội và trò ma quái âm phủ, cùng với những u hồn, quỷ dữ và ma cà rồng chứ? Trả lời đi.

- Vâng, - cô đáp, giọng nhỏ đến nỗi chìm trong hơi thở.

- Cô thừa nhận đã trông thấy con dê mà Diêm Vương cho hiện ra trên mây để triệu tập dạ hội ma quỷ và chỉ có phù thủy mới trông thấy được chứ?

- Vâng.

- Cô thú tội đã sùng bái những cái đầu Bophomet, các bái vật khốn khiếp của bọn tu sĩ dòng Templier chứ?

- Vâng.

- Đã thường xuyên gặp gỡ ma quỷ dưới hình dáng con dê nuôi trong nhà, đang kèm theo vụ án này?

- Vâng.

- Cuối cùng, cô thừa nhận và thú tội, nhờ sự giúp đỡ của yêu quái và của con quỷ thường được gọi con ma đội lốt thầy tu, là trong đêm hăm chín tháng ba vừa rồi, cô đã sát thương và ám hại một đại úy tên là Phoebus de Châteauper?

Cô ngước cặp mắt to đăm đăm nhìn quan tòa rồi bất giác trả lời, không hề rung động, lay chuyển:

- Vâng.

Rõ ràng cô gái đã hoàn toàn suy sụp.

- Lục sự hãy ghi vào, - Charmolue nói, rồi bảo bọn tra tấn: - Hãy cởi trói cho tù nhân và dẫn nó trở lại tòa.

Khi tội nhân được tháo xong kẹp chân, viên biện lý của giáo hội pháp viện liền ngắm bàn chân còn tê dại vì đau đớn. Ông nói:

- Thôi được! Không đến nỗi nào. Cô đã kịp thời kêu lên. Cô em xinh đẹp, vẫn còn có thể nhảy múa được.

Rồi ông quay lại bảo bọn hạ thủ cùng giáo hội pháp viện:

- Thế là công lý đã sáng tỏ! Thưa quý vị, ta cũng yên tâm. Cô nương đây cũng phải chứng nhận là ta đã cố gắng hành động hết sức nhẹ nhàng.

III
ĐOẠN CUỐI CHUYỆN ĐỒNG TIỀN BIẾN THÀNH LÁ KHÔ

Khi cô trở lại phòng xử án, mặt tái mét, bước khập khiễng, tiếng rào rào khoan khoái của đám đông nổi lên đón tiếp cô. Về phía công chúng, đó là nỗi thỏa mãn hết phải chờ đợi như người ta cảm thấy ở rạp hát, sau lần nghỉ giải lao cuối cùng của vở kịch, lúc màn kéo lên và hồi kết bắt đầu. Về phía quan tòa, đó là hy vọng sắp được ăn tối. Cả con dê con cũng kêu be be mừng rỡ. Nó định chạy lại với cô chủ nhưng đã bị buộc vào ghế.

Trời tối hẳn. Đèn không được thắp thêm, chiếu sáng ít ỏi đến nỗi không nhìn thấy tường gian phòng. Bóng tối phủ lên mọi đồ vật một làn sương. Chỉ còn lấp ló dăm khuôn mặt ác cảm của quan tòa. Trước mặt, ở cuối gian phòng dài, họ có thể thấy một điểm trắng mơ hồ nổi bật trên nền tối sẫm. Đó là phạm nhân.

Cô gái lê bước đến chỗ ngồi. Sau khi bệ vệ tới chỗ mình, Charmolue ngồi xuống, rồi đứng lên, và nói, không lộ vẻ quá kiêu ngạo vì đã thành công:

- Phạm nhân đã thú nhận hết tội.

- Cô gái Bohémienne, - chánh án nói tiếp, - cô đã thú nhận mọi hành vi phù thủy và sát hại Phoebus de Châteauper phải không?

Lòng dạ cô gái đau thắt. Chỉ nghe tiếng cô nức nở trong bóng tối. Cô khẽ đáp:

- Các ông muốn gì cũng được hết, nhưng hãy mau mau giết tôi đi!

- Ngài biện lý hoàng gia thuộc giáo hội pháp viện, - chánh án nói, - tòa sẵn sàng nghe ngài buộc tội.

Thầy Charmolue trưng ra cuốn sổ ghê rợn rồi vung tay làm điệu và uốn giọng quá đáng trong phán xử, để đọc cáo trạng bằng tiếng Latinh, mà mọi chứng cớ kết án đều xây dựng trên các câu văn hoa kiểu Cicéron kèm theo các trích dẫn của Plaute, tác giả hài kịch ưa thích của ông. Chúng tôi rất tiếc không thể cống hiến bạn đọc áng văn siêu việt đó. Nhà hùng biện tuyên đọc với bộ điệu tuyệt diệu. Chưa xong phần mở đầu, trán ông đã đẫm mồ hôi và mắt ông đã lồi ra khỏi đầu. Đột nhiên, đúng giữa một đoạn văn, ông ngừng bặt và con mắt, lúc thường vốn khá hiền lành, thậm chí còn hơi ngu ngốc nữa, bỗng sáng lóe. Ông thét lên (lần này bằng tiếng Pháp, vì câu nói không được ghi trong sổ):

- Thưa quý tòa, quỷ Satan đã dính dáng chặt chẽ vào vụ này vì chính nó đang theo dõi phiên xử và làm trò khỉ để nhại lại quý tòa. Xem kìa!

Vừa nói ông vừa giơ tay chỉ con dê con, nó thấy Charmolue hoa chân múa tay, lại tưởng cũng cần làm như vậy mới thích hợp, bèn ngồi thẳng lên, dùng hai chân trước và cái đầu râu xồm, cố gắng bắt chước điệu bộ bi tráng của ngài biện lý hoàng gia giáo hội pháp viện. Nếu ta còn nhớ, đó là một trong những tài khéo léo đáng yêu nhất của nó. Sự việc này, cái *chứng cớ* cuối cùng, tác động rất mạnh. Họ liền trói chân con dê và viên biện lý hoàng gia tiếp tục trổ tài hùng biện.

Bài văn rất dài, nhưng kết luận thì tuyệt diệu. Sau đây là câu cuối; cần thêm vào đó cái giọng khàn khàn và cử chỉ hổn hển của thầy Charmolue.

- *Ideo, Domni, coram stryga demonstrata, crimine patente, intentione criminis existente, in nomine sanctae ecclesiae Nostrae-Dominae Parisiensis, quae est in saisina habendi omnimodam altam et bassam justitiam in illa hac intemerata Civitatis insula, tenore praesentium declaramus nos requirere, primo, aliquandam pecuniarium indemnitatem; secundo, amendationem honorabilem ante portalium maximum Nostrae-Dominae, ecclesia cathedralis; tertio, sententiam in virtute cujus ista stryga cum sua capella, seu in trivio*

vulgariter dicto la Grève, seu in insula exeunte in fluvio Sequanae, juxta pointam jardini regalis, executatae sint!*

Ông đội lại mũ rồi ngồi xuống, Gringoire chán ngán thở dài:

- *Eheu! Bassa latinitas**.

Một người mặc áo dài thâm đứng dậy cạnh phạm nhân. Đó là luật sư của bị cáo. Các thẩm phán, đang đói, liền xì xào. Chánh án bảo:

- Luật sư, xin ông nói ngắn.

- Thưa quan chánh án, - luật sư đáp, - vì bị cáo đã thú tội, tôi chỉ còn một câu để thưa trước quý tòa. Đây là đoạn văn trong bộ luật Salique: "Nếu một con ma cà rồng ăn thịt một người, và có chứng cớ rõ ràng, nó sẽ phải phạt bồi thường tám ngàn denier, tức hai trăm đồng xu vàng". Xin quý tòa rủ lòng thương phạt vạ khách hàng của tôi như vậy.

- Điều luật đó bị hủy bỏ rồi, - quan tham tụng đặc biệt hoàng gia nói.

- Nego*, - luật sư cãi lại.

- Xin tòa biểu quyết! - Một cố vấn nói; - tội trạng đã rõ ràng, vả lại cũng khuya rồi.

Tòa nghị án nhưng không rời phòng xử. Các thẩm phán *phát biểu bằng mũ*, họ đang vội. Mọi người thấy những cái đầu đội mũ lần lượt từng người bỏ mũ xuống trong bóng tối, trước câu hỏi rùng rợn của quan chánh án khẽ hỏi họ. Cô phạm nhân khốn khổ có vẻ đang nhìn họ, nhưng con mắt mờ đục đâu còn thấy gì.

Rồi viên lục sự bắt đầu viết, sau đó, hắn đưa cho chánh án tờ giấy da dê dài.

Lúc ấy, cô gái tội nghiệp nghe thấy công chúng chuyển động, giáo mác va chạm nhau và một giọng nói lạnh lùng cất lên:

- Cô gái Bohémienne, vào một ngày còn tùy ý đức hoàng thượng định đoạt, lúc giữa trưa, cô sẽ được chở bằng xe bò, mặc áo lót, đi chân không, cổ đeo

thừng, tới trước cổng lớn nhà thờ Đức Bà và cô sẽ chuộc tội ở đó, tay cầm cây đuốc bằng sáp nặng hai cân, rồi từ đó, sẽ được dẫn tới quảng trường Grève, tại đây cô sẽ được treo cổ và tắc thở trên đài xử giảo của đô thành; còn con dê cùng chịu tội như vậy; cô còn phải bồi thường cho giáo hội pháp viện ba đồng tiền sư tử vàng, để chuộc những tội cô đã phạm và thú nhận, các tội phù thủy, ma thuật và sát nhân đối với cá nhân ông Phoebus de Châteauper. Cầu Chúa cứu vớt linh hồn cô!

- Ôi! Thật là một giấc mơ! - Cô gái thầm nói, rồi cảm thấy các bàn tay thô bạo lôi mình đi.

IV
LASCIATE OGNI SPERANZAI*

Vào thời trung cổ, khi một tòa kiến trúc được hoàn tất, phần xây dưới mặt đất cũng gần bằng phần ở trên. Trừ phi được xây trên cọc móng như nhà thờ Đức Bà, còn một dinh thự, một pháo đài, một nhà thờ bao giờ cũng có tầng hầm. Trong nhà thờ, nó giống một nhà thờ khác dưới mặt đất, thấp tối, bí hiểm, mù và câm, ở bên dưới tòa chính điện, mà phía trên đang tràn đầy ánh sáng và vang động tiếng đại phong cầm, tiếng chuông suốt ngày đêm; đôi khi nó còn làm nhà mồ. Trong dinh thự, pháo đài, đó là nhà tù, đôi lúc cũng là nhà mồ, đôi khi kiêm cả hai. Các gian hầm hùng vĩ đó, mà chúng tôi từng giới thiệu kiểu cách thiết lập và *duy trì*, không phải chỉ có nền móng, thực ra còn có gốc rễ mọc tua tủa dưới đất thành những phòng, hành lang, cầu thang, hệt như kiến trúc bên trên. Do đó, nhà thờ, dinh thự, pháo đài đều chôn nửa mình dưới đất. Các tầng hầm dinh thự là một dinh thự khác mà ta đi xuống chứ không đi lên, nó xây tầng gác ngầm ở dưới cái đống chất chồng các tầng gác ló ra bên trên tòa nhà, như rừng núi lồng bóng trong nước hồ phản chiếu các rừng núi trên bờ.

Ở pháo đài Saint-Antoine, ở Tòa pháp đình Paris, ở điện Lourve, các tòa hầm ngầm dùng làm ngục thất. Các tầng gác nhà tù này, càng xuống sâu dưới đất, càng thu hẹp và tối tăm hơn. Cũng là những khu vực mà sắc thái kinh hoàng càng phơi bày rõ hơn. Dante cũng không tìm được chỗ nào tốt hơn để miêu tả địa ngục. Các đường hầm hình phễu có phòng giam thường dẫn tới chỗ cụt trũng thấp như đáy chảo, mà Dante đã nhốt Satan, mà xã hội đang giam kẻ tử tù. Một khi kiếp sống khốn nạn bị chôn vùi ở đây, xin vĩnh biệt ánh sáng, không khí, cuộc đời, *ogni speranza*. Con người chỉ ra khỏi đó để đến đài treo cổ hoặc

giàn hỏa thiêu. Đôi khi hắn mục nát tại chỗ. Công lý nhân loại gọi đó là *bỏ quên*. Giữa mọi người và hắn, kẻ tử tù cảm thấy đè nặng trên đầu cả một đống đá xây cùng cai ngục, còn toàn thể nhà giam, tòa pháo đài đồ sộ, chỉ là cái khóa lớn phức tạp khóa chặt hắn ngăn cách với cuộc đời sinh động bên ngoài.

Có lẽ vì lo sợ xảy ra vượt ngục, Esmeralda bị kết án treo cổ, được đem giam ở một loại đáy chảo này, dưới các hầm bỏ quên được đào từ thời Saint-Louis nơi âm ngục ở viện Tournell, với Tòa pháp đình đồ sộ đè trên đầu. Tội nghiệp con ruồi chẳng sao lay chuyển nổi dù chỉ một hòn đá xây!

Tất nhiên, cả mệnh trời lẫn xã hội đều bất công như nhau, một sự xa xỉ như vậy về đau khổ và nhục hình không cần thiết phải có để đè bẹp một cô gái mảnh dẻ.

Cô ở đó, chìm nghỉm trong tối đen, bị chôn vùi, vây kín. Ai từng thấy cô cười vui và nhảy múa dưới nắng, ắt phải rùng mình khi thấy cô ở trong tình cảnh này. Giá lạnh như đêm tối, giá lạnh như thây ma, tóc không còn gợn hơi gió, tai không còn vẳng tiếng người, mắt không còn bừng tia nắng, cô gục xuống rã rời, trĩu nặng xích xiềng, ngồi xổm bên vò nước và miếng bánh mì, trên mớ rơm, giữa vũng nước từ kẽ đá rỉ ra đọng dưới chân, cô bất động tựa hồ hết thở, cô không còn biết gì đau đớn nữa. Phoebus, ánh nắng, buổi trưa, khoảng rộng ngoài trời, phố xá Paris, điệu múa được hoan hô, lời líu lo âu yếm với viên sĩ quan, rồi linh mục, mụ chủ chứa, con dao găm, vũng máu, cực hình, đài treo cổ, mọi cái đó vẫn lướt trong tâm trí cô, lúc như ảo ảnh vui tươi và chói lọi, khi thành ác mộng quái dị; nhưng đó chỉ còn là vật lộn hãi hùng và mơ hồ đang mất tăm trong bóng tối, hoặc điệu nhạc xa vời đang dạo ở mặt đất trên kia, mà không còn nghe thấy ở dưới sâu này, nơi cô gái khốn khổ rơi xuống.

Từ khi ở đó, cô không thức, không ngủ. Trong cơn hoạn nạn, giữa nhà giam, cô không phân biệt nổi thức và ngủ, thực và mộng, cũng như ngày và đêm. Mọi cái đó xáo trộn, tan vỡ, vật vờ, lan tràn hỗn loạn trong tâm trí. Cô không cảm

giác, không hay biết, không suy nghĩ nữa. Có chăng chỉ là vơ vẩn mông lung. Chưa bao giờ một người sống lại đi sâu vào cõi hư vô đến thế.

Bị tê dại, lạnh giá, cứng đơ như vậy, chỉ đôi ba lần cô gái thoáng nghe thấy tiếng một lỗ hổng mở ra đâu đó phía trên, cũng chẳng để lọt tia sáng, và từ đó một bàn tay ném xuống cho cô mẩu bánh mì đen. Tuy nhiên, đó là liên lạc duy nhất còn lại giữa cô với loài người, sự thăm viếng định kỳ ấy của người coi ngục.

Chỉ còn điều duy nhất bất giác còn làm bận đến tai cô: trên đầu, ẩm ướt rỉ qua kẽ đá mốc meo của vòm trần và từng giọt nước đều rơi xuống. Cô ngẩn ngơ lắng nghe tiếng giọt nước rỏ xuống vũng nước ngay cạnh.

Giọt nước rỏ xuống vũng nước, đó là chuyển động duy nhất còn khuấy động quanh cô, chiếc đồng hồ duy nhất đo thời gian, tiếng động duy nhất lọt trong tất cả tiếng động có trên mặt đất.

Nói đến cùng, trong vũng lầy lội tăm tối, đôi lúc cô cũng cảm thấy cái gì đó lành lạnh lướt qua bàn chân hoặc cánh tay và cô rùng mình.

Cô cũng không biết mình ở đây đã bao lâu. Cô chỉ nhớ một bản án tử hình ở đâu đó đã kết tội ai đó, rồi cô, chính cô bị dẫn đi và tỉnh lại trong đêm tối, trong im lặng, toàn thân giá lạnh. Cô chống tay bò đi, các còng sắt liền khía vào cổ chân và xích kêu loảng xoảng. Cô chợt nhận ra bốn bề đều tường đá, dưới chân là sàn gạch sũng nước và một bó rơm. Nhưng chẳng có đèn đóm, lỗ thông hơi gì cả. Cô liền ngồi lên bó rơm và thỉnh thoảng để đổi thế ngồi, cô tới bậc cuối của cầu thang đá vốn có trong nhà ngục. Có lúc cô định đếm những phút giây đen tối điểm theo giọt nước, nhưng rồi công việc buồn tẻ đó của bộ não đau ốm tự đứt quãng trong đầu và bỏ mặc cô trong nỗi bàng hoàng.

Rồi tới một ngày hoặc một đêm (vì dưới đáy mồ này, giữa trưa và nửa đêm đều cùng một màu sắc) cô nghe thấy trên đầu tiếng động mạnh hơn thường lệ, khi gã coi ngục mang bánh mì và vò nước tới. Cô ngẩng đầu và thấy tia sáng

ửng đỏ chiếu qua khe chiếc cửa hoặc thứ nắp trổ trong vòm trần ngục tối. Đồng thời then sắt nặng nề kêu rít, nắp cửa nghiến ken két trên bản lề gỉ và mở ra, rồi cô gái trông thấy cái đèn, bàn tay và nửa thân của hai người, cửa thấp quá nên không thấy được đầu họ. Ánh đèn sáng chói làm cô phải nhắm mắt.

Lúc cô mở mắt, cửa đã khép lại, chiếc đèn đặt trên bậc cầu thang, một người đàn ông trơ trọi đứng trước mặt. Chiếc áo thâm trùm đầu phủ kín từ đầu tới chân, chiếc áo giáo sinh cùng màu che nốt mặt hắn. Không nhận ra tí gì ở con người này, cả khuôn mặt lẫn bàn tay. Đây là tấm vải liệm đen dài đang đứng sững, bên trong tựa hồ có gì đang cựa quậy. Cô chăm chú nhìn bóng ma một lát. Lúc đó, cả hai không nói gì. Tưởng như hai pho tượng đối mặt nhau. Chỉ có hai vật như còn sống trong hầm: bấc đèn nổ lép bép vì không khí ẩm ướt và giọt nước trên vòm ngắt quãng tiếng lép bép rời rạc bằng tiếng lộp bộp đều đều và khiến ánh đèn rung động thành vòng đồng tâm trên vũng nước nhờn sánh.

Sau cùng, cô gái tù phá tan im lặng:

- Ông là ai?

- Một linh mục.

Cái tên gọi cùng giọng điệu lời nói làm cô giật mình. Linh mục nói tiếp, dằn từng tiếng khàn khàn:

- Cô sẵn sàng chưa?

- Để làm gì?

- Để chết.

- Ồ! Đã sắp sửa chưa? - Cô hỏi.

- Ngày mai.

Đầu cô vừa vui sướng ngẩng hẳn lên, lại gục xuống trước ngực. Cô thầm nói:

- Như vậy vẫn còn lâu! Sao không là hôm nay, họ còn đợi gì nữa cơ chứ?

- Thế ra cô đau khổ lắm ư? - Linh mục nín lặng một lát rồi hỏi.

- Tôi lạnh lắm, - cô đáp.

Cô đưa tay nắm lấy bàn chân, cử chỉ quen thuộc của kẻ khốn khổ đang bị lạnh, mà ta đã thấy bà tu kín ở tháp Roland từng làm, và răng cô đánh lập cập.

Trong mũ trùm đầu, linh mục như đang đưa mắt quan sát phòng giam.

- Không ánh sáng! Không lửa sưởi! Không nước uống! Thật khủng khiếp!

- Vâng, - cô đáp, vẻ ngơ ngác do tai họa sinh ra. - Ánh mặt trời là của mọi người. Tại sao lại chỉ dành cho tôi có ban đêm?

- Cô có biết, - linh mục lại nín lặng một lát rồi hỏi, tại sao cô ở đây không?

- Hình như trước đây tôi có biết, - cô nói, đưa ngón tay gầy xoa lông mày như để lục lại trí nhớ, - nhưng nay tôi không biết nữa.

Đột nhiên cô òa khóc như đứa trẻ:

- Thưa ông, tôi muốn ra khỏi đây. Tôi rét, tôi sợ, lại có những con vật cứ leo lên khắp người.

- Nếu vậy, hãy theo tôi.

Linh mục nói, rồi cầm cánh tay cô. Cô gái khốn khổ đã lạnh cóng thấu xương, bàn tay đó còn làm cô có cảm giác lạnh hơn.

- Ôi! - Cô thầm kêu lên, - đây bàn tay lạnh giá của tử thần. - Ông là ai vậy?

Linh mục bỏ mũ trùm đầu. Cô gái nhìn. Đó chính là bộ mặt rùng rợn lâu nay vẫn theo đuổi cô, cái đầu quỷ dữ cô thấy xuất hiện ở nhà mụ Falourdel bên trên cái đầu yêu quý của chàng Phoebus, con mắt cô thấy lần cuối lóe sáng cạnh lưỡi dao găm.

Sự xuất hiện này, bao giờ cũng oan nghiệt đối với cô, đẩy cô hết tai họa này sang tai họa khác, tới tận tử hình, làm cô bừng tỉnh khỏi cơn tê dại. Tưởng như tấm màn phủ dày đặc tâm trí bỗng rách toang. Mọi chi tiết của cuộc phiêu lưu bi thảm, từ cảnh ban đêm ở nhà mụ Falourdel tới vụ kết án cô ở viện Tournell, chúng đồng thời trở lại trong trí óc, không phải mơ hồ và hỗn độn như bấy lâu

nay, mà rõ ràng, mới mẻ, rành mạch, bồi hồi, ghê gớm. Bộ mặt u ám đang đứng trước mặt làm cô sực nhớ mọi ký ức đã gần lãng quên và hầu như lu mờ vì quá nhiều đau khổ, tựa ngọn lửa kề gần làm hiện lên rõ nét trên giấy trắng các vần chữ vô hình viết bằng thứ mực bí mật. Cô tưởng như mọi vết thương lòng đều cùng lúc toác ra và chảy máu. Cô thét lên, hai tay che mắt, toàn thân run rẩy:

- Ôi chao! Lão linh mục!

Rồi cô buông thõng hai cánh tay chán nản, vẫn ngồi nguyên đó, đầu cúi gục, mắt nhìn xuống đất, câm lặng, người cứ tiếp tục run lên.

Linh mục nhìn cô bằng con mắt diều hâu, từ lâu nó lượn tròn trên tít trời cao quanh con sơn ca tội nghiệp đang núp trong đám lúa, từ lâu nó lẳng lặng thu hẹp vòng bay khủng khiếp, rồi đột nhiên nhào xuống con mồi như tia chớp và quắp nó lủng lẳng trong móng nhọn. Cô khẽ kêu lên:

- Hãy giết ngay, giết quách tôi đi cho xong!

Rồi cô khiếp sợ rụt cổ như con cừu non đợi chiếc búa gã đồ tể bổ xuống. Mãi sau linh mục mới hỏi:

- Cô ghê sợ tôi đến thế kia ư?

Cô không trả lời. Ông nhắc lại:

- Có phải tôi làm cô ghê sợ không?

Môi cô mím lại như mỉm cười, cô đáp:

- Phải, tên đao phủ đùa giỡn kẻ tử tù. Hàng tháng nay hắn theo đuổi ta, hắn đe dọa ta, hắn làm ta kinh sợ! Lạy Chúa, nếu không có hắn, ta đã sung sướng biết bao! Chính hắn xô ta rơi xuống vực thẳm này! Trời ơi, chính hắn đã giết... Chính hắn đã giết chàng Phoebus của ta!

Tới đây, cô khóc òa và ngước mắt nhìn linh mục:

- Ôi! Quân khốn nạn! Ngươi là ai? Ta có làm gì ngươi đâu? Sao ngươi lại thù ghét ta đến như vậy? Chao ôi! Ngươi thù ghét ta vì tội gì?

- Tôi yêu em! - Linh mục kêu lên.

Nước mắt cô đột nhiên ngừng chảy. Cô nhìn ông bằng cặp mắt ngớ ngẩn. Còn ông quỳ xuống và con mắt nhìn cô như bốc lửa. Ông lại kêu lên:

- Em nghe thấy chưa, tôi yêu em.

- Yêu gì mà lạ vậy! - Cô gái tội nghiệp run rẩy thốt lên.

- Tình yêu của kẻ bị đọa đày, - linh mục nói tiếp.

Cả hai nín lặng giây lát, bải hoải vì nghẹn ngào xúc động, ông ta như cuồng dại, cô gái ngơ ngác. Lát sau linh mục trở lại bình tĩnh lạ thường, nói:

- Nghe đây, em sẽ được biết rõ hết. Tôi sẽ nói cho em hiểu cái điều đến nay tôi cũng chưa dám tự thú với mình, khi tôi dè dặt tự vấn lương tâm, vào giờ phút khuya khoắt nửa đêm tràn đầy bóng tối, tựa hồ Chúa cũng chẳng nhìn thấy ta nữa. Em nghe đây. Cô em ạ, trước khi gặp em, tôi sống sung sướng...

- Tôi cũng vậy! - Cô gái khẽ thở dài.

- Đừng ngắt lời ta. - Phải, ta sống sung sướng, hoặc ít nhất, ta cũng tưởng như vậy. Ta sống trong sạch tâm hồn tràn đầy ánh sáng tinh khiết. Không có cái đầu nào ngẩng cao kiêu hãnh và vui sướng hơn ta. Các linh mục tới học hỏi ta về sự thanh khiết, các học giả hỏi ta về học thuyết. Phải, kiến thức là tất cả đối với ta. Nó như cô em gái và ta chỉ cần một cô em gái là đủ. Nhưng cùng với tuổi tác không phải các ý tưởng khác không đến với ta. Hơn một lần, xác thịt ta xúc động khi có bóng dáng đàn bà đi qua. Sức mạnh của tình dục và máu huyết đàn ông mà từ thời thiếu niên khờ dại, ta tưởng bóp nghẹt đến trọn đời, ta đã nhiều lần lay chuyển day dứt sợi xích của những lời tâm nguyện sắt thép nó trói chặt ta, một kẻ khốn nạn, vào bệ đá lạnh lẽo bàn thờ. Nhưng ăn chay cầu nguyện, học hành, phép hành xác nơi tu viện khiến linh hồn trở lại làm chủ thể xác, rồi ta lảng tránh đàn bà. Hơn nửa, ta chỉ cần mở cuốn sách, mọi làn khói trong đầu óc liền tiêu tan trước vẻ huy hoàng của khoa học. Chỉ vài phút, ta đã thấy lùi xa mọi điều ô trọc nơi trần thế và ta liền trở lại bình tĩnh, sáng láng, thanh thản,

trước hào quang thanh tịnh của chân lý vĩnh hằng. Chừng nào ma quỷ chỉ gửi tới tấn công ta bằng các bóng dáng đàn bà mơ hồ, chỉ thấp thoáng qua lại trước mắt ta, trong nhà thờ, ngoài đường phố, trên đồng cỏ và thỉnh thoảng mới trở lại trong giấc mơ, ta vẫn chiến thắng dễ dàng. Chao ôi! Nếu ta không duy trì được chiến thắng, lỗi do nơi Chúa đã không ban cho con người và ma quỷ sức lực ngang nhau. - Hãy nghe ta kể một hôm...

Tới đây linh mục ngừng lại và kẻ tử tù nghe thấy tiếng thở dài thoát ra khỏi lồng ngực ông thành tiếng kêu rên, nức nở. Ông nói tiếp:

- ... Một hôm, ta đứng tựa cửa sổ trong phòng... Lúc đó, ta đang đọc cuốn sách gì nhỉ? Ồ! Đầu óc ta rối mù hết cả rồi. - Ta đang đọc. Cửa sổ trông xuống quảng trường. Ta nghe có tiếng trống và âm nhạc. Bực mình vì bị quấy rối đang lúc mộng tưởng, ta nhìn xuống quảng trường. Điều ta trông thấy, mọi người khác đều trông thấy, nhưng đó lại không phải cảnh tượng dành cho con mắt trần tục. Dưới kia, giữa lòng đường - lúc đó đang giữa trưa - ánh nắng chói chang, - một cô gái đang nhảy múa. Cô gái xinh đẹp đến mức Chúa cũng phải ưa thích hơn Đức mẹ và sẽ chọn làm mẹ và còn muốn được cô ta sinh ra nếu cô ta xuất hiện trước khi Chúa làm người! Mắt cô ta đen láy và sáng long lanh, giữa mái tóc huyền vài sợi hoe vàng dưới nắng chiếu trông như kim tuyến. Đôi chân biến mất trong nhịp múa như nan hoa chiếc bánh xe quay nhanh. Trên bím tóc đen cuốn quanh đầu, những kẹp kim khí lấp lánh dưới nắng, tạo thành vòng tinh tú trên trán. Tấm áo dài điểm những mảnh lấp lánh xanh lơ và dát ngàn chấm sáng như đêm hè. Đôi cánh tay mềm dẻo, nâu giòn, khoanh lại, rồi duỗi ra quanh thân mình như hai dải lụa. Vóc dáng cô ta đẹp lạ thường. Ôi! Khuôn mặt rực rỡ nổi lên như gì đó chói ngời ngay giữa ánh sáng mặt trời... - Hỡi cô gái! Đó chính là em. - Tôi sững sờ, say đắm, mê mẩn, để mặc mình cứ việc ngắm em. Tôi mải ngắm em đến mức đột nhiên rùng mình run sợ, cảm thấy số phận đã bị định đoạt.

Linh mục nghẹn ngào, lại nín lặng giây lát. Rồi ông nói tiếp:

- Ta gần như u mê, nên cố bấu víu vào cái gì đó để khỏi rơi xuống mãi. Ta sực nhớ tới cạm bẫy quỷ Satan giăng ra hại ta. Cô gái ở trước mắt có sắc đẹp siêu phàm, chỉ đến từ thượng giới hoặc dưới âm phủ. Đây không phải cô gái bình thường làm bằng chút bụi trần gian và soi sáng yếu ớt bên trong bởi tia sáng leo lét của linh hồn đàn bà. Đó là một thiên thần! Nhưng của bóng tối, của ngọn lửa, chứ không phải của ánh sáng. Đang nghĩ tới đó, ta thấy cạnh em có con dê, con vật của dạ hội phù thủy, đứng nhìn ta mà cười. Nắng trưa tạo nên cặp sừng bốc lửa. Thế là ta thoáng nhìn ra cạm bẫy của quỷ sứ, ta tin chắc em từ địa ngục tới và đinh ninh em tới để làm hại ta. Ta tin như vậy.

Tới đây, linh mục nhìn thẳng vào mặt kẻ tử tù và lạnh lùng nói tiếp:

- Giờ đây ta vẫn còn tin như vậy. Trong lúc đó sức mê hoặc tác động dần dần, điệu múa của em quay cuồng trong đầu óc, ta cảm thấy bùa phép bí ẩn đang tác quái trong người, tất cả những gì phải thức tỉnh đều thiu ngủ nơi linh hồn, và giống kẻ chết trong đống tuyết ta thích thú mặc cho giấc ngủ đó len tới. Đột nhiên, em cất tiếng hát. Khốn nạn, ta còn biết làm cách nào nữa? Tiếng hát của em còn quyến rũ hơn điệu múa. Ta muốn chạy trốn. Nhưng không nổi. Ta bị đóng đinh, mọc rễ xuống đất. Tưởng như đá dưới sàn mọc lên tận đầu gối. Ta phải đứng đó cho tới cùng. Chân ta băng giá, đầu ta sôi sục. Sau cùng, có lẽ vì thương hại ta, em ngừng hát, rồi biến mất. Ánh phản quang của hình ảnh rực rỡ cùng tiếng âm vang của khúc hát mê hồn dần dần mờ tan trong mắt, trong tai ta. Thế là ta gục xuống góc tường cửa sổ, cứng đờ và yếu là hơn pho tượng lung lay. Tiếng chuông lễ chiều lay tỉnh ta. Ta đứng lên, bỏ chạy, nhưng hỡi ôi! Trong ta có gì đó sụp đổ không sao gượng dậy nổi, có gì đó ập tới ta không sao trốn thoát.

Ông lại dừng một lát rồi nói tiếp:

- Phải, từ hôm đó, trong ta xuất hiện một con người ta vốn không quen. Ta

muốn dùng mọi phương thuốc, nào nhà tu, nhà thờ, công việc, sách vở. Rõ hão huyền! Ôi! Khoa học thật trống rỗng khi ta tuyệt vọng vùi cái đầu đầy ham mê vào đó! Cô em, liệu em có biết từ đó, ta luôn nhìn thấy gì giữa cuốn sách của ta không? Chỉ có em, bóng dáng em, hình ảnh của hiển hiện sáng ngời một hôm đã đi qua khoảng không gian trước mắt ta. Nhưng hình ảnh đó không còn màu sắc cũ; nó âm u, bi ai, tối tăm như vòng đen ám ảnh mãi con mắt kẻ dại dột đã nhìn thẳng vào mặt trời.

- Không sao rũ bỏ được hình ảnh đó, luôn luôn nghe tiếng em âm vang trong đầu óc, luôn luôn thấy chân em nhảy múa trên cuốn kinh thánh, đêm đêm mơ thấy vóc dáng em trườn trên da thịt ta, ta thèm gặp lại em, sờ mó em, xem em là ai, thử coi lại em có thật giống với hình ảnh lý tưởng còn để lại trong ta, có khi ta sẽ vỡ mộng trước thực tế chăng. Dù sao ta cũng hi vọng một cảm tưởng mới sẽ xóa bỏ cảm tưởng đầu tiên, cái cảm tưởng đầu tiên khiến ta không chịu đựng nổi nữa. Ta tìm em. Rồi gặp lại em. Tai họa! Sau khi gặp em hai lần, ta lại muốn gặp em nghìn lần, muốn gặp em mãi mãi. Thế là, - làm sao kìm hãm nổi trên dốc địa ngục đó? - thế là ta không còn là ta nữa. Đầu kia sợi dây mà quỷ sứ buộc vào đôi cánh của ta, nó đem buộc vào chân em. Ta trở nên lông bông và lang thang như em. Ta đợi em dưới cổng nhà, ta rình em nơi góc phố, ta theo dõi em trên tháp cao. Đêm đêm, ta trở về với ta, mê muội hơn, thất vọng hơn, sa đọa hơn!

- Ta vốn biết em là dân Ai Cập Bohémienne, Digan, Dingara, còn nghi ngờ gì về ma thuật nữa? Em nghe đây. Ta hi vọng một vụ án sẽ trừ tà cho ta. Một mụ phù thủy đã bỏ bùa mê cho Bruno d'Ast, ông ta đưa mụ lên giàn hỏa thiêu và đã khỏi bệnh. Ta biết chuyện đó. Ta cũng muốn thử môn thuốc đó. Thoạt tiên, ta tìm cách cấm em tới sân nhà thờ Đức Bà, hi vọng sẽ quên đi, nếu em không trở lại. Nhưng em bất cần, em cứ đến. Rồi ta nảy ra ý định bắt cóc em. Ta đã thử làm vào một đêm. Bọn ta có hai người. Ta bắt giữ được em thì gã sĩ quan khốn

nạn kia chợt tới. Hắn giải thoát cho em. Thành ra hắn mở đầu nỗi bất hạnh của em, của ta và của hắn. Cuối cùng, không còn biết làm gì và đi đến đâu, ta tố cáo em trước giáo hội pháp viện.

- Ta tưởng mình sẽ khỏi bệnh tương tư như Bruno d'Ast. Ta cũng mơ hồ nghĩ vụ án gây nên sẽ làm em rơi vào tay ta, trong nhà ngục ta sẽ nắm giữ em, chiếm đoạt em, ở đó em sẽ không thoát nổi tay ta, vì em đã nắm giữ ta từ khá lâu nên giờ đến lượt ta nắm giữ lại em. Khi đã làm điều xấu, phải làm tới cùng. Có họa điên mới dừng lại nửa chừng trong công việc tàn ác. Ở tận cùng tội lỗi có những cơn điên vui sướng. Linh mục và cô phù thủy có thể giao hoan đắm đuối trên ổ rơm ngục tối!

- Cho nên ta đã tố cáo em. Từ đó ta làm em khiếp sợ mỗi lần gặp gỡ. Âm mưu ta tính toán làm hại em, bão tố ta chồng chất trên đầu em bộc lộ thành đe dọa và sấm chớp. Tuy nhiên ta còn do dự. Mưu mô có những khía cạnh kinh khủng làm ta chùn bước.

- Có lẽ sẽ từ bỏ, có lẽ ý đồ ghê tởm đó sẽ khô cằn trong đầu óc, không khai hoa đậu quả. Ta cứ tưởng vụ án tiếp diễn hoặc chấm dứt, bao giờ cũng do ta quyết định. Nhưng mọi ý tưởng xấu xa đều ngoan cố và đều muốn trở thành hành động; và ở nơi ta tưởng có uy quyền tuyệt đối, định mệnh còn mạnh hơn ta. Than ôi! Than ôi! Chính định mệnh bắt giữ em và quẳng em vào cơ cấu kinh khủng của guồng máy do ta ám muội dựng lên! - Em nghe đây. Ta sắp tới đoạn chót.

- Một hôm, vào một ngày đẹp trời khác, ta thấy đi qua trước mặt ta một người nhắc tới tên em và cười cợt, mắt y ánh lên dâm đãng. Ôi ma quỷ! Ta liền đi theo hắn. Chuyện về sau thế nào, em đã biết.

Ông ngừng lời. Cô gái chỉ thốt lên một câu:

- Ôi Phoebus của em!

- Không. Không được nhắc tới cái tên đó. - Linh mục nói, hung hãn nắm lấy

cánh tay cô gái. - Ôi! Chúng ta chỉ là những kẻ khốn khổ, chính cái tên đó đã làm hại chúng ta. Hoặc đúng hơn, cả hai ta tự làm hại lẫn nhau, do trò chơi huyền bí của định mệnh! - Em đau đớn, phải không? Em lạnh ư, ban đêm làm em mù lòa, ngục tối vây bọc em, nhưng có lẽ em vẫn còn đôi chút ánh sáng trong thâm tâm, dù đó chỉ là mối tình trẻ con đối với gã đàn ông rỗng tuếch đang đùa giỡn trái tim em! Còn ta, ta mang ngục tối ngay trong lòng, bên trong ta là mùa đông, băng giá, thất vọng, đêm tối ở trong linh hồn. Em có hiểu ta đau khổ tới mức nào không? Ta đã tham dự vụ xử án em. Ta ngồi trên hàng ghế giáo hội pháp viện. Phải, dưới mũ nhọn linh mục, đã có những quằn quại của kẻ bị đày địa ngục. Ta ngồi đó, khi họ dẫn em tới; ta ngồi đó, khi họ tra hỏi em. - Đúng là hang chó sói! - Đó chính là tội ác của ta, đài treo cổ ta mà ta thấy nó đang từ từ dựng trên trán em. Trước mỗi nhân chứng, mỗi chứng cớ, mỗi lời biện hộ, ta đều ngồi đó, ta có thể đếm từng bước chân em trên con đường đau khổ; ta cũng có mặt ở đó khi con vật hung ác kia... - Ôi! Ta không ngờ lại xảy ra nhục hình! - Em nghe đây. Ta đi theo em vào gian phòng tra tấn. Ta trông thấy bàn tay bỉ ổi gã khảo đả lột trần và vầy vọc em. Ta thấy bàn chân em, bàn chân ta muốn đánh đổi cả một đế quốc để đặt cái hôn duy nhất lên rồi chết luôn, bàn chân ta rất khoan khoái được nó xéo lên đầu, ta thấy bàn chân bị kẹp chặt trong chiếc kẹp chân khủng khiếp, có thể biến chân người sống thành đống bùn đẫm máu. Ôi, khốn nạn! Khi nhìn thấy cảnh đó, ta đã dùng dao găm giấu trong áo lót cứa nát ngực ta, nghe tiếng em thét lên, ta đâm dao lún thịt; nghe tiếng thét thứ hai, dao đã ngập vào tim! Em nhìn xem. Hình như nó vẫn còn rớm máu.

Ông cởi áo chùng. Quả nhiên ngực ông như bị vuốt cọp cào nát và bên sườn còn vết thương khá rộng chưa hàn miệng.

Cô gái từ từ khiếp hãi lùi lại.

- Ôi! Hỡi cô gái, hãy thương ta! - Linh mục nói. - Em tưởng em đau khổ, chao ôi! Chao ôi! Em đâu biết thế nào là đau khổ. Ôi! Yêu một người đàn bà!

Làm linh mục! Bị thù ghét! Yêu người đó với tất cả tấm lòng cuồng nhiệt, sẵn sàng trả giá mỗi nụ cười người yêu bằng máu huyết, gan ruột, thanh danh, vận mệnh của mình, bằng bất tử và vĩnh cửu, bằng cuộc đời này và cuộc đời thế giới bên kia, tiếc mình chẳng phải vua chúa, thiên tài, hoàng đế, thiên sứ, thần linh, để được hiến dâng dưới chân người yêu một kẻ nô lệ mang tầm cỡ vĩ đại hơn; ngày đêm ôm ấp nàng bằng mơ mộng và ý tưởng, để rồi thấy nàng yêu mê một bộ nhung phục quân nhân! Còn mình chỉ dâng tặng chiếc áo chùng linh mục bẩn thỉu mà nàng sợ hãi và ghê tởm! Có mặt ở đó, đầy lòng ghen tuông và căm giận, trong khi nàng ban phát rộng rãi cho tên khốn nạn kiêu căng ngu dại hàng kho báu tình yêu và sắc đẹp. Trông thấy tấm thân mà vóc dáng đốt cháy tâm can mình, cặp vú dịu ấm biết bao, da thịt run rẩy và đỏ bừng dưới chùm hôn kẻ khác! Trời ơi! Yêu bàn chân, cánh tay, bờ vai nàng, nghĩ tới làn gân xanh, nước da nâu của nàng, đến mức suốt bao đêm dài phải quằn quại trên sàn đá lát của trai phòng, rồi thấy mọi vuốt ve từng mơ tưởng dành cho nàng đã kết thúc bằng cực hình tra tấn. Cuối cùng chỉ đạt tới bắt nàng nằm trên giường da! Ôi! Đó chính cái kìm thực sự nung đỏ trong lửa địa ngục! Ôi! Sung sướng thay kẻ bị cưa xác giữa hai tấm ván, kẻ bị bốn ngựa phanh thây! - Liệu em có hiểu nổi thế nào là cực hình nó hành hạ ta suốt những đêm dài, làm mạch máu sôi lên, trái tim nứt rạn, cái đầu vỡ tung, hàm răng cắn nát bàn tay; thế nào là kẻ khảo đả ác liệt nó không ngừng quay ta, như trên bếp lò đỏ rực, bằng tư tưởng yêu đương, ghen tuông và thất vọng! Cô em ơi, hãy thương ta! Hãy để ta tạm yên giây lát! Hãy phủ trút tro tàn lên đống than hồng này! Ta van em, hãy chùi mồ hôi đang chảy đầm đìa từng lớp trên trán ta! Em ơi! Hãy hành hạ ta một tay, còn tay kia vuốt ve ta. Cô em ơi! Hãy thương ta, rủ lòng thương ta!

Linh mục lăn lộn trong vũng nước dưới sàn đá lát và đập đầu vào góc cạnh bậc thềm đá. Cô gái nghe ông nói, nhìn ông trân trân. Khi ông đã nín lặng, kiệt lực và hổn hển, cô thầm gọi:

- Ôi! Phoebus của em.

Linh mục quỳ gối lê tới cô gái, kêu lên:

- Tôi van em, nếu em còn lòng dạ, xin đừng xua đuổi tôi. Ôi! Ta yêu em! Ta chỉ là một kẻ khốn khổ! Khi em nhắc đến cái tên đó, hỡi cô em khốn kiếp, có khác nào em nhai nát mọi thớ tim ta! Hãy thương ta! Nếu em từ địa ngục tới, ta sẽ cùng đến đó với em. Ta sẵn sàng làm mọi chuyện. Địa ngục nơi em ở là thiên đường của ta, ngắm nhìn em còn tươi vui hơn ngắm nhìn Chúa! Ôi! Nói đi! Em không thích ta ư? Ngày nào mà người đàn bà xua đuổi một tình yêu như vậy, ta tin rằng núi non sẽ lay chuyển. Ôi! Nếu em bằng lòng!... Ôi! Đôi ta sẽ sung sướng biết bao nhiêu! Chúng ta sẽ bỏ trốn, ta đưa em đi trốn, hai ta tới nơi nào đó, hai ta tìm một nơi trên trái đất có ánh nắng, cỏ cây, trời xanh nhiều nhất. Ta sẽ yêu nhau, trộn linh hồn vào nhau và đôi ta sẽ không nguôi thèm khát nhau, để rồi luôn luôn cùng nhau làm dịu bớt, bằng uống chén tình yêu không bao giờ vơi cạn.

Cô gái cười lanh lảnh, ghê rợn, để ngắt lời:

- Trông kìa, cha ơi! Móng tay cha dính đầy máu!

Linh mục đứng lặng hồi lâu như hóa đá, mắt nhìn chằm chằm vào bàn tay. Sau cùng, ông nói, giọng dịu dàng lạ thường:

- Thôi được, không sao! Em cứ việc làm nhục, chế giễu, hành hạ tôi! Nhưng hãy đi, đi với tôi nhanh lên. Tôi nói để em biết là chỉ ngày mai thôi. Em hiểu không, đài treo cổ ở quảng trường Grève lúc nào cũng sẵn sàng. Thật kinh khủng, khi nhìn thấy em ngồi trên xe bò ra đi! Ôi! Tôi van em! Chưa bao giờ tôi yêu em say đắm bằng lúc này. - Ôi! Em hãy theo tôi. Tôi cứu được em rồi, lúc đó em sẽ đủ thời giờ nghĩ tới chuyện yêu tôi. Nếu em muốn, cứ việc tha hồ mà ghét bỏ tôi. Nhưng hãy đi với tôi! Ngày mai! Ngài mai! Đó là đài treo cổ, tội tử hình! Ôi! Em hãy trốn đi! Hãy nể lời tôi!

Ông nắm lấy cánh tay cô gái. Ông hốt hoảng, ông muốn kéo cô đi.

Cô đăm đăm nhìn ông:

- Phoebus của tôi giờ đây ra sao?

- Ồ! - Linh mục nói, bỏ tay cô gái ra, - em tàn nhẫn quá!

- Phoebus bây giờ ra sao? - Cô lạnh lùng nhắc lại.

- Hắn chết rồi! - Linh mục quát lên.

- Chết rồi! - Cô nói, vẫn lạnh lùng, bất động; - thế ông còn bảo tôi sống để làm gì?

Ông không nghe cô gái nói, ông nói như tự nhủ với riêng mình:

- Ồ! Đúng thế, hắn chết thật rồi. Lưỡi dao đâm sâu quá. Có lẽ ta đã đâm ngập mũi dao vào tận tim hắn. Ôi! Ta đã tống tới tận đầu mũi dao!

Cô gái vồ lấy ông như con hổ cái điên khùng, đẩy ông xuống bậc cầu thang với sức mạnh phi thường:

- Cút đi, đồ quỷ dữ! Cút đi, quân giết người! Để yên cho ta chết! Máu của hai chúng tao sẽ vạch trên trán mi một vết nhơ đời đời không xóa sạch! Lấy mi ư, linh mục, không bao giờ, không bao giờ! Không cách gì gắn bó nổi ta với mi, ngay cả ở địa ngục! Cút đi, quân khốn kiếp! Không bao giờ!

Linh mục vấp loạng choạng ở cầu thang. Ông lặng lẽ gỡ vạt áo vướng chân, cầm đèn, rồi thong thả leo từng bậc dẫn tới khung cửa; ông mở cửa và đi ra.

Bỗng cô gái lại thấy ông thò đầu xuống, vẻ mặt thật ghê sợ, ông thét lên trong tiếng rên điên khùng và tuyệt vọng:

- Ta nói cho mà biết là hắn chết rồi!

Cô gái ngã sấp mặt xuống đất; và dưới ngục tối, không nghe thấy tiếng gì khác ngoài tiếng giọt nước thở than làm vũng nước rung rinh trong bóng tối.

V
NGƯỜI MẸ

Tôi không tin trên đời này còn gì tươi vui hơn ý tưởng bừng nở trong lòng bà mẹ khi nhìn thấy chiếc giày xinh xắn của con mình. Nhất là khi đó là chiếc giày dùng vào những ngày lễ, chủ nhật, hôm rửa tội, chiếc giày thêu sát tận đế, chiếc giày đứa trẻ chưa hề xỏ chân đi bước nào. Chiếc giày thật hết sức duyên dáng và xinh xẻo, đứa trẻ chưa thể xỏ vào bước đi, khiến bà mẹ trông thấy giày tưởng nhìn thấy con. Bà mỉm cười với giày, bà hôn, bà nói chuyện với nó. Bà tự hỏi một bàn chân lẽ nào lại bé bỏng đến thế; và dù đứa trẻ vắng mặt, chỉ nhìn chiếc giày xinh đẹp, người mẹ thấy ngay trước mắt đứa bé hiền ngoan và yếu ớt. Bà tưởng trông thấy con, bà thực sự trông thấy nó, trọn vẹn toàn thân, nó hoạt động, vui chơi, với đôi bàn tay thon nhỏ, cái đầu tròn, cặp môi tinh khiết, đôi mắt bình thản lòng trắng xanh lơ. Nếu mùa đông, đứa trẻ ngồi đó, nó bò trên thảm, nhẫn nại leo lên ghế đẩu và bà mẹ run sợ chỉ lo nó lại gần lò sưởi rực lửa. Nếu mùa hè, nó chơi tha thẩn ngoài sân, trong vườn, bứt cỏ mọc giữa nền đá lát, nó thơ ngây ngắm nhìn chó to, ngựa lớn, không hề sợ hãi, nó nghịch vỏ ốc, đóa hoa và làm người coi phải kêu lên vì thấy có cát trong luống hoa và có đất trên lối đi, tất cả đều cười vui, chói sáng, chơi nhởi ở chung quanh như chính đứa trẻ, kể cả làn gió lẫn tia nắng cũng ganh nhau vui đùa trong mớ tóc phất phơ. Chiếc giày nhắc nhở mọi điều đó với người mẹ và làm trái tim bà tan ra như sáp hơ lửa.

Nhưng khi đứa trẻ mất rồi, trăm nghìn hình ảnh vui tươi, quyến luyến, thương yêu đó, dồn dập xoay quanh chiếc giày xinh xắn, liền trở thành bấy nhiêu điều khủng khiếp. Chiếc giày thêu xinh đẹp chỉ còn là một dụng cụ tra tấn

vĩnh viễn, nó nghiền nát trái tim bà mẹ. Cũng vẫn dây tơ lòng đó rung lên sâu kín và nhạy cảm nhất; nhưng đáng lẽ là thiên thần nắn vuốt thì lại do quỷ sứ bật gảy đường tơ.

Một sáng, vào lúc mặt trời tháng năm đang mọc trên nền trời xanh thẫm, mà họa sĩ Garofalo ưa vẽ thành bối cảnh cho các bức tranh tả Chúa được hạ khỏi cây thập tự, bà tu kín ở tháp Roland bỗng nghe thấy tiếng bánh xe, vó ngựa và xích xiềng ngoài quảng trường Grève. Bà không thèm chú ý, quấn tóc bịt tai để khỏi nghe thấy, rồi quỳ gối ngắm vật bất động suốt mười lăm năm nay bà vẫn yêu quý. Như ta đã biết, chiếc giày xinh xắn là cả thế gian đối với bà. Tư tưởng bà bị giam hãm trong đó tới chết, nó mới chịu thoát ra. Tất cả lời nguyền rủa chua cay, lời than vãn thảm thiết, lời cầu nguyện và thổn thức hướng lên trời, về món đồ chơi đáng yêu bằng sa tanh hồng, chỉ có riêng căn hầm tối ở tháp Roland nghe thấy. Chưa bao giờ nỗi thất vọng lại tuôn ra nhiều như vậy trên một đồ vật xinh xắn và duyên dáng đến như vậy.

Buổi sáng đó, nỗi khổ đau tựa hồ còn lộ ra mãnh liệt hơn thường ngày, và ở bên ngoài, người ta nghe thấy rên rỉ một giọng nói to, đều đều, buồn đến não lòng. Bà mẹ than:

- Ôi con ta! Con ta! Con gái bé bỏng thân yêu tội nghiệp của ta! Thế là chẳng bao giờ ta được nhìn thấy con nữa. Thế là hết! Bao giờ mẹ cũng tưởng như chuyện mới xảy ra hôm qua! Lạy Chúa, Lạy Chúa, thà đừng ban cho con, để rồi lại lấy của con nhanh như vậy. Chúa há chẳng biết con cái gắn liền với bụng mẹ, người mẹ mất con không còn tin ở Chúa nữa sao? Trời! Khốn nạn thân tôi, tại sao bữa đó tôi lại ra khỏi nhà? - Lạy Chúa! Lạy Chúa! Lấy đi mất của con đứa con như vậy hóa ra Chúa chưa hề nhìn thấy hai mẹ con chúng con sống với nhau, lúc nó hết sức vui thích được con sưởi cho ở bên lò sưởi, lúc nó bú rồi nhoẻn miệng cười, lúc con bế bổng nó để nó bước đôi bàn chân bé nhỏ lên ngực, lên môi con? Ôi! Lạy Chúa, nếu Chúa nhìn thấy như vậy, hẳn Chúa đã

cảm thương niềm vui của con và không lấy đi tình yêu duy nhất còn lại trong con! Lạy Chúa, con đâu phải kẻ khốn nạn đến mức Chúa chẳng thèm nhìn con trước khi kết tội? - Than ôi! Than ôi! Chiếc giày còn đây; nhưng bàn chân đâu rồi? Con ta đâu rồi? Con ơi! Con ơi! Họ đã làm gì con? Thượng đế, hãy trả con tôi. Lạy Chúa, mười lăm năm ròng con trầy gối nguyện cầu, như vậy còn chưa đủ hay sao? Hãy trả con ta, dù một ngày, một giờ, một phút, một phút thôi, hỡi Thượng đế! Rồi sau đó cứ việc đời đời vứt ta cho quỷ sứ! Ồ! Nếu biết ở đâu đang kéo lê tà áo Chúa, ta sẽ tới níu chặt bằng hai tay và nhất định buộc Chúa phải trả lại con ta. Lạy Chúa, Chúa chẳng thương xót gì chiếc giày bé bỏng xinh đẹp này sao? Sao Chúa nỡ đày đọa cực hình một người mẹ khốn khổ suốt mười lăm năm ròng như vậy? Lạy Đức mẹ đồng trinh hằng cứu rỗi! Lạy Đức mẹ hằng cứu rỗi trên đời! Đức Jésus - hài đồng của con, họ đã lấy mất, họ đánh cắp, họ ăn thịt nó trên bãi cỏ hoang, họ uống máu, nhai xương nó! Lạy Đức mẹ đồng trinh hằng cứu rỗi, hãy cứu giúp con! Con ơi! Phải trả con ta! Dù nó được lên thiên đường, ta đâu cần đến? Ta không mong nó làm thiên thần, chỉ muốn nó là con ta! Ta là sư tử cái, ta cần sư tử con. - Ôi! Ta sẽ quằn quại trên mặt đất, ta sẽ đập đầu đến nát đá, rồi ta tự đày đọa, rồi ta nguyền rủa Chúa nếu Chúa cứ giữ con ta! Chúa chẳng thấy hai cánh tay con xây xát hết rồi hay sao! Trời ơi! Lẽ nào Chúa lòng lành lại chẳng biết xót thương? - Ôi! Chỉ cần cho ta muối và bánh mì đen, miễn trả lại con ta để nó sưởi ấm ta như mặt trời! Than ôi! Lạy Chúa tối cao, con chỉ là kẻ tội lỗi xấu xa, nhưng con gái khiến con thành ngoan đạo. Vì yêu con mà con trở nên thánh thiện; rồi con nhìn thấy Chúa qua nụ cười của nó như qua cửa mở trên trời. - Ôi! Ước gì chỉ một lần, một lần nữa, một lần thôi, ta được xỏ chiếc giày này vào bàn chân hồng hồng bé nhỏ xinh đẹp của nó, rồi ta chết, ôi Đức mẹ ơn phước, ta chết với lời vinh danh Đức mẹ! - Chao ôi! Mười lăm năm! Giờ đây con ta lớn rồi! - Tội nghiệp con ta! Sao, có thực ta sẽ không bao giờ gặp lại nó, ngay cả trên trời! Vì ta, ta sẽ chẳng được lên thiên đường! Ôi! Đau khổ biết bao! Thế mà chiếc giày của nó vẫn còn đây, và tất cả

cũng chỉ còn có thế!

Bà mẹ khốn khổ vồ lấy chiếc giày, niềm an ủi và nỗi thất vọng của bà từ bao năm, lòng dạ tan nát bật thành tiếng nức nở như ngày đầu. Vì đối với người mẹ mất con, ngày nào cũng là ngày đầu. Nỗi đau đó không già đi. Áo tang cứ việc cũ mòn, phai bạc: trái tim vẫn đen màu tang tóc.

Vừa lúc đó, tiếng trẻ lanh lảnh tươi vui đi ngang qua căn buồng. Mỗi lần trông thấy đám trẻ, người mẹ khốn khổ lại chạy vội vào xó tối nhất nhà mồ, tưởng như bà tìm cách vùi đầu vào tường đá để khỏi nghe tiếng trẻ. Lần này, trái lại, bà giật mình đứng dậy và thèm thuồng lắng nghe. Một đứa bé trai vừa nói:

- Chả là hôm nay họ treo cổ một con Ai Cập.

Như con nhện ta thấy nó vụt nhảy bổ tới vồ con ruồi lúc mạng nhện rung rinh, bà chạy vội tới cửa sổ trông ra quảng trường Grève như ta từng biết. Quả nhiên, chiếc thang đã dựng cạnh đài treo cổ thường xuyên ở đó, và người phu chôn cất đang buộc lại dây xích han gỉ vì mưa. Chung quanh vài kẻ đứng xem.

Lũ trẻ cười đùa đã đi xa. Bà tu kín đưa mắt tìm một khách qua đường để hỏi thêm. Mụ chợt trông thấy ngay cạnh buồng mình, một linh mục đang giả tảng đọc kinh công cộng, nhưng kỳ thực mải chú ý tới đài treo cổ hơn *mớ chữ nghĩa rào lưới sắt mắt cáo,* cái đài thỉnh thoảng ông lại liếc nhìn bằng con mắt hằm hằm, u tối. Mụ nhận ra ông phó chủ giáo Josas, một con người thánh thiện. Mụ hỏi:

- Thưa cha, họ sắp treo cổ ai đấy ạ?

Linh mục nhìn bà ta, không đáp; mụ hỏi lại, lúc đó ông mới nói:

- Tôi không biết.

- Nghe đâu lũ trẻ bảo đó là một con Ai Cập, - bà tu kín nói.

- Có lẽ đúng thế, - linh mục đáp.

Mụ Paquette la Chantefleurie liền cất tiếng cười như lang sói. Phó chủ giáo

hỏi:

- Này dì phước, bà ghét bọn Ai Cập lắm à?

- Chỉ ghét thôi ư? - Mẹ tu kín thốt lên - bọn chúng là ma cà rồng, là lũ mẹ mìn dỗ trẻ. Bọn chúng ăn thịt con của con, đứa con gái nhỏ, mụn con duy nhất của con! Con hết cả tình thương. Bọn chúng ăn mất trái tim con rồi!

Nom mụ thật khủng khiếp. Linh mục lạnh lùng nhìn mụ. Mụ nói tiếp:

- Có một đứa, con ghét nhất, con vẫn nguyền rủa; nó còn trẻ, trạc tuổi con gái của con bây giờ, nếu mẹ nó không ăn thịt đứa con của con. Mỗi lần con rắn độc non đó đi ngang qua buồng con, con lại sôi máu lên!

- Nếu vậy, bà hãy vui mừng đi, - linh mục nói, - lạnh lùng như pho tượng nhà mồ, bà sắp được xem chính con bé đó chết.

Ông gục đầu xuống ngực rồi thong thả bước đi.

Mụ tu kín vui sướng múa hai tay, thét lên:

- Con đã bảo trước, là nó sẽ bị treo cổ mà! Xin tạ ơn linh mục.

Rồi mụ rảo bước trước chấn song cửa sổ, đầu óc rối bù, mắt nảy lửa, vai húc vào tường, vẻ hung dữ như con chó sói trong lồng, đói bụng từ lâu và cảm thấy sắp tới giờ ăn.

VI
BA TRÁI TIM ĐÀN ÔNG CẤU TẠO KHÁC NHAU

Trong khi đó Phoebus không chết. Loại người này sống dai lắm. Khi thầy Philippe Lheulier, tham tụng đặc biệt hoàng gia, nói với cô gái tội nghiệp Esmeralda: *Hắn sắp chết*, đó là do lầm lẫn hoặc đùa cợt. Khi phó chủ giáo nhắc lại với kẻ tử tù: *Hắn đã chết*, sự thực ông ta không biết gì hết, nhưng ông tin như vậy, ông hy vọng, ông chẳng hề nghi ngờ, ông đoán chắc thế. Thật quá khổ tâm cho ông nếu để người đàn bà ông yêu được tin tốt lành về kẻ tình địch. Ai đứng vào địa vị ông cũng làm như vậy.

Không phải vết thương của Phoebus không nặng, chỉ có điều nó không nặng như phó chủ giáo khoe khoang. Thầy lang mà bọn lính tuần cảnh ngay lúc đầu khiêng chàng tới, suốt tám ngày liền đã lo cho tính mệnh chàng, thậm chí còn nói bằng tiếng Latinh bảo cho chàng biết như vậy. Tuy nhiên tuổi trẻ đã thắng, rồi như chuyện thường xảy ra, bất kể mọi thứ dự đoán và chẩn bệnh, thiên nhiên đã tinh nghịch đi cứu sống con bệnh ngay trước mũi thầy thuốc. Ngay khi còn nằm liệt trên tấm phản ở nhà thầy lang, chàng đã chịu đựng những cuộc thẩm vấn đầu tiên của Philippe Lheulier và các điều tra viên của giáo hội pháp viện, nên chàng rất bực mình. Cho nên, một sáng đẹp trời, thấy mình khá hơn, chàng liền để lại cặp đinh thúc ngựa bằng vàng để thế cho tiền thuốc men, rồi chuồn thẳng. Vả lại, việc này cũng không hề cản trở vụ án tiến hành. Công lý thời đó rất ít quan tâm tới sự rõ ràng và minh bạch của các vụ hình sự tố tụng. Chỉ cần bị cáo bị treo cổ, thế là đủ lắm rồi. Các thẩm phán lại có tạm đủ chứng cớ để buộc tội Esmeralda. Họ tưởng Phoebus chết rồi, thế là xong.

Về phần Phoebus, chàng cũng chẳng chạy trốn đi đâu xa. Chàng chỉ việc

quay về đơn vị, đóng tại Queue-en-Brie, ở Ile-de-france, cách Paris vài trạm đường.

Dù sao chàng không hề muốn đích thân phải ra hầu tòa trong vụ án này. Chàng mơ hồ cảm thấy sẽ rất lố bịch. Trong thâm tâm, chàng chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao. Vốn không mộ đạo mà còn mê tín như mọi người lính chỉ biết làm lính thôi, khi tự hỏi về cuộc phiêu lưu vừa qua, chàng luôn nghi ngại về con dê cái, về tình trạng kỳ quặc của cuộc gặp gỡ với Esmeralda, về cung cách không kém kỳ lạ lúc cô gái lộ vẻ yêu chàng, về tư cách Ai Cập của cô, cuối cùng về con ma đội lốt thầy tu. Chàng thoáng thấy trong chuyện này nhiều ma thuật hơn tình yêu, chắc nó là con phù thủy, có khi quỷ sứ nữa; cuối cùng, đó là vở hài kịch, hoặc nói theo ngôn ngữ thời đó, một vở mystère rất tồi tệ mà chàng sắm một vai khá vụng về, vai trò chuyên ăn đòn và chịu chế giễu. Đại úy đâm ra tiu nghỉu, chàng cảm thấy hổ thẹn như nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine đã định nghĩa rất hay:

*Hổ thẹn như cáo mắc bẫy gà**.

Vả lại, chàng cũng hy vọng vụ này sẽ không vỡ lở, một khi chàng vắng mặt, tên tuổi sẽ ít bị nhắc tới và cuối cùng sẽ không lọt ra ngoài phiên tòa ở viện Tournell. Về điều này chàng không hề lầm, hồi đó chưa có tờ báo *Tin tức pháp đình*, và chẳng tuần lễ nào trôi qua và chẳng có kẻ làm bạc giả bị luộc, hoặc phù thủy bị treo cổ, hoặc kẻ ma giáo bị hỏa thiêu ở một trong số vô vàn *tòa án* tại Paris, đâm ra mọi người rất quen nhìn thấy ở khắp các ngã ba, mụ nữ thần Thémis phong kiến già nua, xắn tay áo lộ hai cánh tay trần, đang thi hành nhiệm vụ bằng cái cào cời lửa, cái thang treo cổ, cái giàn bêu tù, đến nỗi hầu như không ai thèm để ý tới nữa. Giới thượng lưu thời đó hầu như không ai thèm biết đến tên kẻ tội đồ bị dẫn đi qua góc phố, chỉ còn đám dân đen thưởng thức món ăn thô tục này. Hành hình là chuyện thường xảy ra trên đường phố, như cái nồi

hầm của chủ quán ăn hoặc lò sát sinh của đồ tể. Đao phủ cũng chỉ là gã hàng thịt nặng tay hơn kẻ khác.

Cho nên Phoebus đã nhanh chóng yên tâm về con mẹ mìn Esmeralda, hoặc Similar như chàng quen gọi, về nhát dao găm của cô Bohémienne hoặc con ma khoác áo thầy tu (chàng bất cần đó là ai) và về kết quả vụ án. Nhưng tim chàng vừa trống rỗng về phía đó, hình ảnh Fleur-de-Lys liền trở lại. Trái tim đại úy Phoebus, như khoa vật lý hồi đó, rất sợ thể chân không.

Hơn nữa đời sống ở Queue-en-Brie rất vô vị, đó là một làng gồm toàn thợ đóng móng ngựa và gái chăn bò bàn tay nứt nẻ, một dãy dài nhà cửa lụp xụp và lều tranh viền hai bên con đường cái lớn khoảng nửa dặm, quả đúng *cái đuôi** như tên gọi.

Fleur-de-Lys là mối tình kề cuối của chàng, một cô gái xinh đẹp, món hồi môn đáng yêu; cho nên một sáng đẹp trời, đã hoàn toàn bình phục và tiên liệu sau hai tháng, vụ án cô Bohémienne chắc hẳn xong xuôi và bị quên lãng rồi, chàng kỵ sĩ si tình liền thúc ngựa phì phò tới trước cổng nhà Gondelaurier.

Chàng không chú ý tới đám người khá đông đang tụ tập ở quảng trường Sait nhà thờ Đức Bà, phía bên ngoài cổng; chàng chỉ nhớ đang tháng năm, chắc chắn có rước hoặc lễ lạt gì đây, lễ Chúa giáng lâm chẳng hạn, nên chàng buộc ngựa vào cái vòng ở ngoài cửa, rồi vui vẻ lên nhà vị hôn thê xinh đẹp.

Cô ta đang ngồi một mình với mẹ.

Fleur-de-Lys vẫn buồn về chuyện cô gái phù thủy, con dê và những chữ cái khốn kiếp của cô ta, cùng sự vắng mặt lâu ngày của Phoebus. Tuy nhiên, khi thấy viên đại úy của mình bước vào, thấy chàng mặt mũi rất tươi tỉnh, nhung phục mới tinh, thắt lưng bóng loáng và vẻ mặt si mê, cô liền đỏ mặt sung sướng. Bản thân cô tiểu thư quý phái cũng xinh đẹp hơn mọi lúc. Mái tóc hung tuyệt đẹp kết bím thật khéo, cô mặc toàn hàng màu xanh da trời rất hợp với nước da trắng, cách làm dáng này học được ở Colombe, và con mắt đắm chìm trong sầu

mộng yêu đương càng tôn thêm vẻ đẹp.

Phoebus lâu ngày chỉ gặp toàn lũ gái điếm ở Queue-en-Brie, quả tình chưa thấy ai đẹp, nên mê luôn Fleur-de-Lys do đó vị sĩ quan của chúng ta có điệu bộ hết sức vồ vập và lịch thiệp, khiến hai bên lập tức làm lành với nhau. Cả bà Gondelaurier, lúc nào cũng lên mặt bà mẹ, ngồi chễm chệ trong ghế bành lớn, cũng không nỡ mắng mỏ chàng. Còn lời trách móc của Fleur-de-Lys kết thúc bằng giọng tỉ tê âu yếm.

Cô gái ngồi cạnh cửa sổ, vẫn thêu tiếp cái hàng Neptunus. Viên đại úy đứng dựa vào lưng ghế, và cô khẽ nỉ non trách chàng:

- Anh tồi lắm nhé, đi đâu suốt hai tháng nay không hề thấy mặt?

- Anh xin thú thực, - Phoebus đáp, hơi lúng túng trước câu hỏi, - em đẹp đến nỗi tổng giám mục cũng phải mê.

Cô không thể không mỉm cười.

- Thôi đi, thôi đi, xin anh hãy để yên cho sắc đẹp của em mà trả lời đi. Đẹp gì mà đẹp kia chứ!

- Cô em thân mến ạ, chả là anh bị cấm trại.

- Nhưng thưa anh, cấm trại ở đâu? Mà tại sao anh không đến từ biệt em?

- Ở Queue-en-Brie.

Phoebus mừng vì câu hỏi thứ nhất giúp chàng tránh được câu thứ hai.

- Thưa anh, chỗ đó cũng gần đây thôi. Tại sao anh chẳng đến thăm em lần nào cả?

Tới đấy, Phoebus quả thật rất lúng túng:

- Chả là... chuyện công vụ... với lại, cô em xinh đẹp ơi, anh bị ốm.

- Ốm ư! - Cô thốt lên lo sợ.

- Phải... anh bị thương.

- Bị thương ư!

Cô bé tội nghiệp sợ hết hồn.

- Ồ! Em có việc gì mà hoảng sợ như vậy, - Phoebus nhởn nhơ nói, - có làm sao đâu. Hai bên xích mích rồi đấu gươm, có gì đáng làm em phải bận tâm đâu?

- Không đáng làm em phải bận tâm ư? - Fleur-de-Lys thốt lên, ngước cặp mắt đẹp đẫm lệ. - Ồ! Nói vậy là anh chưa nói đúng điều anh nghĩ. Đấu gươm ra sao? Em muốn biết rõ.

- Cô em xinh đẹp thân mến ơi! Chả là anh cãi nhau với Mahé Fédy, em biết hắn chứ? Viên trung úy ở Saint-Germain-en-Laye ấy mà, rồi mỗi người xẻo của nhau một miếng da. Có thế thôi.

Viên đại úy dối trá thừa biết các chuyện dính dáng đến danh dự bao giờ cũng làm nổi bật người đàn ông trước mắt đàn bà. Quả nhiên, Fleur-de-Lys nhìn thẳng vào mắt chàng, run lên vì sợ hãi, sung sướng và cảm phục. Tuy nhiên, cô vẫn chưa hoàn toàn yên tâm. Cô nói:

- Anh Phoebus ơi, chỉ cần anh khỏi hắn là được rồi! Em không quen cái ông Mahé Fédy đó, nhưng chắc là người xấu. Thế vì đâu mà xảy ra xích mích?

Tới đây, Phoebus vốn rất nghèo óc tưởng tượng sáng tạo, không còn biết xoay sở ra sao về vụ oanh liệt đó.

- Ồ! Anh cũng chẳng để ý đến nữa... chuyện vặt ấy mà, chuyện ngựa nghẽo, cãi cọ! - Cô em xinh đẹp ơi, chuyện gì mà ồn ào thế nhỉ?

Chàng lại gần cửa sổ.

- Trời ơi! Này cô em xinh đẹp, ngoài quảng trường đông nghịt người?

- Em cũng không biết nữa, - Fleur-de-Lys nói, - hình như có con phù thủy sáng nay đến chuộc tội trước nhà thờ rồi sau sẽ bị treo cổ.

Viên đại úy đinh ninh vụ Esmeralda đã xong xuôi nên chẳng hề xúc động trước câu nói của Fleur-de-Lys.

Tuy nhiên chàng cũng hỏi một hai câu:

- Con phù thủy đó tên là gì?

- Em cũng không biết, - cô đáp.

- Thế họ nói nó phạm tội gì?

Một lần nữa cô lại nhún đôi vai trắng nõn:

- Em không biết.

- Ôi, Lạy Chúa Jésus! - Bà mẹ nói, dạo này lắm phù thủy quá, thành ra người ta hỏa thiêu chúng mà hình như cũng chẳng thèm biết đến tên chúng nữa. Nếu muốn biết thì chả khác gì tìm biết tên mỗi đám mây trên trời. Dù sao ta vẫn có thể yên tâm. Chúa lòng lành có sổ sách hẳn hoi. - Nói tới đây, bà mệnh phụ đứng dậy, bước tới cửa sổ và bảo:

- Lạy Chúa! Phoebus, cậu nói đúng. Dân chúng mới đông làm sao. Trời ơi! Họ trèo cả lên mái nhà. - Phoebus, cậu biết không, cảnh này làm tôi nhớ đến hồi còn trẻ. Hồi vua Charles VII vào thành Paris, dân chúng cũng đông như thế này - tôi cũng không còn nhớ vào năm nào nữa. Khi tôi kể cho cậu nghe chuyện đó, có đúng là cậu thấy nó xưa cũ rồi, còn tôi lại thấy tươi trẻ. Ồ! Dân chúng hồi đó đẹp đẽ hơn bây giờ nhiều. Họ leo lên cả lan can cổng Saint-Antoine. Nhà vua và hoàng hậu cưỡi chung con ngựa, theo sau là các lãnh chúa cũng cưỡi ngựa với phu nhân. Tôi nhớ ai nấy đều cười rũ ra, vì đi cạnh Amanyon de Garlande, người ngắn có một mẩu, là ngài Matefelon, một hiệp sĩ thân hình đồ sộ, từng giết hàng đống quân Anh. Trông đẹp thật. Một đám rước đủ hết mọi mặt quý tộc nước Pháp, với cờ hiệu đỏ rợp trời. Có người mang cờ đuôi nheo, có người mang cờ hiệu. Tôi quên tiệt rồi! Đức ông Calan mang cờ đuôi nheo; Jean de Châteaumorant mang cờ hiệu; đức ông Coucy mang cờ hiệu, rực rỡ không có cái nào bằng, trừ lá cờ của công tước Bourbon... - Chao ôi! Thật buồn khi nghĩ lại mọi cái đó xưa kia đều có mà nay mất hết!

Cặp tình nhân chẳng buồn nghe chuyện của bà mệnh phụ đáng kính. Phoebus tới tỳ khuỷu tay vào lưng ghế tựa của vị hôn thê, một vị trí thú vị mà con mắt

phóng đãng của chàng nhìn thấu mọi hở hang nơi cổ áo của Fleur-de-Lys. Cái cổ áo phanh ra thật đúng lúc, để chàng nhìn thấy bao món ngon lành, chúng còn khiến chàng phỏng đoán bao món khác, làm Phoebus choáng váng trước làn da óng mịn như sa tanh, phải thầm nhủ:

- Không thể yêu ai khác ngoài người có nước da trắng!

Cả hai nín lặng. Cô gái thỉnh thoảng ngước cặp mắt say đắm và dịu dàng nhìn chàng, mái tóc họ đan vào nhau dưới ánh nắng xuân. Bỗng Fleur-de-Lys khẽ nói:

- Phoebus, chỉ còn ba tháng nữa chúng ta cưới nhau, anh hãy thề với em là anh chưa từng yêu ai ngoài em.

- Hỡi thiên thần xinh đẹp, anh xin thề với em như vậy. - Phoebus đáp, con mắt đắm đuối kèm theo giọng nói thành thực để thuyết phục Fleur-de-Lys. Lúc đó, có lẽ chính chàng cũng tin lời mình nói.

Trong lúc đó, hoan hỉ thấy cặp trai gái đính hôn đã gắn bó mặn mà với nhau, bà mẹ hiền vừa ra khỏi phòng để làm vài việc vặt gia đình. Phoebus nhận thấy thế và cảnh vắng vẻ làm viên đại úy phiêu lưu đâm táo bạo hẳn lên, đầu óc liền nảy ra lắm ý định rất kỳ quặc. Fleur-de-Lys yêu chàng, chàng là vị hôn phu của cô, chỉ có mình cô với chàng lúc này, sự ham muốn cô gái từ lâu bừng dậy trong lòng chàng, không phải bằng niềm tươi mát mà bằng tất cả sự cuồng nhiệt; dù sao, chẳng phải tội lỗi gì ghê gớm nếu chàng ăn thử chút lúa non; không hiểu các ý tưởng đó có xuất hiện trong đầu chàng không, nhưng có điều chắc chắn Fleur-de-Lys đột nhiên hoảng sợ trước ánh mắt chàng. Cô nhìn quanh và không thấy mẹ đâu.

- Trời ơi, em nóng quá! - Fleur-de-Lys nói, mặt đỏ bừng, vẻ e ngại.

- Có lẽ cũng sắp giữa trưa rồi, - Phoebus đáp. - Nắng gay gắt. Cứ hạ rèm xuống vậy.

- Không, không, - cô gái tội nghiệp kêu lên, - trái lại em đang cần có gió.

Rồi như con nai tơ đánh hơi thấy mùi chó săn, cô đứng dậy, chạy ra cửa sổ, mở rộng cửa và bước vội ra bao lơn.

Phoebus theo sau, vẻ hơi bực tức.

Quảng trường Sait nhà thờ Đức Bà ở trước mặt bao lơn, như ta đã biết, lúc đó đang diễn ra một cảnh tượng rùng rợn và kỳ lạ, đột nhiên làm thay đổi tính chất lo sợ của cô Fleur-de-Lys nhút nhát.

Một đám đông bát ngát, tràn ra khắp phố chung quanh, chiếm hết cả khu vực chính của quảng trường.

Bức tường thấp, ngang tầm tay với, bao quanh sân trước nhà thờ, sẽ không đủ ngăn đám đông tràn vào, nếu đã không được chắn thêm một hàng rào dày đặc các lính kích thủ và pháo thủ, tay cầm súng. Nhờ một rừng giáo mác và súng ống đó, sân trước nhà thờ mới quang đãng. Một toán lính kích thủ mang huy hiệu của giám mục canh giữ lối vào. Các cửa lớn nhà thờ đều khép chặt, trái ngược hẳn với vô số cửa sổ các nhà trên quảng trường mở toang tới sát đầu hồi, đang ló ra hàng ngàn cái đầu chen chúc, trông tựa hồ đống đạn trái phá trong trại pháo binh.

Bề mặt của đám đông xám bẩn như đất. Cảnh tượng họ đang chờ xem, rõ ràng thuộc loại có đặc điểm gì gạn lọc và kêu gọi các thành phần uế tạp nhất trong dân chúng kéo tới. Không gì ghê tởm bằng tiếng ồn ào vẳng lên từ đám đông lúc nhúc những mũ vải vàng và đầu tóc rối bù này. Trong đám đông, tiếng cười nhiều hơn tiếng thét, đàn bà nhiều hơn đàn ông.

Thỉnh thoảng từ đám đông ồn ào lại thét lên một tiếng kêu the thé và vang động

- Ôi Mahiet Baliffre! Họ sắp treo cổ nó ở đó à?

- Đồ ngu! Ở đây, nó chỉ mặc áo lót để tạ tội thôi! Chúa ơn phước sẽ khạc tiếng Latinh vào mặt nó. Việc này bao giờ cũng làm ở đây vào giữa trưa. Nếu mày muốn xem treo cổ thì tới quảng trường Grève.

- Ta sẽ tới sau.

- Này chị Boucandry, có phải nó khước từ cha rửa tội phải không?

- Hình như thế, chị Bechaigne ạ.

- Chị xem đấy, thật đồ vô thần.

- Thưa ông, đây là tục lệ. Để thi hành bản án, pháp quan tại Pháp quy định phải giao can phạm đã xử xong cho đô trưởng Paris, nếu đó là dân thường, hoặc cho giáo hội pháp quan tòa giám mục, nếu là dân đạo.

- Xin cảm ơn ông.

- Ôi! Lạy Chúa! - Fleur-de-Lys thốt lên, - tội nghiệp cho nó.

Ý nghĩ đó nhuốm đầy đau thương trong cặp mắt cô đang nhìn đám đông. Viên đại úy đang bận tâm tới cô nhiều hơn đám dân đê tiện, âu yếm vê dải thắt lưng sau lưng cô gái. Cô quay lại van vỉ và tươi cười:

- Đừng thế, Phoebus, buông em ra! Nếu mẹ vào mẹ trông thấy tay anh đấy!

Vừa lúc đó, chuông đồng hồ nhà thờ Đức Bà thong thả điểm đúng ngọ. Đám đông thở phào thành tiếng rì rầm mãn nguyện. Âm vang cuối cùng của tiếng chuông thứ mười hai vừa tắt, đầu người đã nhấp nhô như sóng trào dưới gió, rồi tiếng reo ầm ầm vang lên từ lòng đường, cửa sổ và mái nhà:

- Kia rồi!

Fleur-de-Lys lấy tay bịt mắt để khỏi trông thấy. Phoebus bảo:

- Em yêu, ta trở vào trong nhà nhé?

- Không, - cô đáp, rồi cặp mắt vừa nhắm lại vì sợ hãi, đã mở ra vì tò mò.

Một chiếc xe chuyên chở tử tù do con ngựa cầm càng to khỏe thuộc giống Normandy kéo, vây quanh là đội kỵ binh mặc đồng phục tím thêu thập tự trắng, đang từ phố Saint-Pierre-aux-Boeuf chạy ra quảng trường. Lính tuần cảnh vụt roi da tới tấp để mở đường cho xe đi qua đám đông. Cạnh xe, vài quan chức pháp đình và cảnh sát, cưỡi ngựa đi kèm, trông nhận ra ngay nhờ bộ quần áo

thâm và cách cưỡi ngựa vụng về của họ. Thầy Jacques Charmolue hiên ngang dẫn đầu.

Trong chiếc xe định mệnh, một cô gái ngồi, tay trói quặt sau lưng, không có linh mục bên cạnh. Cô mặc áo lót, mái tóc đen dài (theo lục lệ thời đó, tóc chỉ cắt ở dưới chân đài treo cổ) xõa xuống ngực và đôi vai trần.

Qua làn tóc uốn lượn, láng bóng hơn lông quạ, lộ ra sợi dây thừng to xám, sần sùi, thắt nút ngoằn ngoèo, làm xây xát cả đôi xương quai xanh mỏng mảnh và nó quấn quanh cổ xinh đẹp của cô gái tội nghiệp như con giun quanh bông hoa. Dưới sợi thừng lấp lánh túi bùa con đính hạt cườm xanh biếc, chắc người ta để nó lại cho cô vì đối với người sắp chết, không ai nỡ từ chối điều gì. Người xem đứng trên cửa sổ, có thể nhìn thấy trên sàn xe, đôi cẳng chân cô gái gắng co lại để che giấu, theo bản năng cuối cùng của phụ nữ. Cạnh bàn chân, con dê nhỏ bị trói gô. Tội nhân dùng răng cắn giữ chiếc áo lót tuột nút. Tựa hồ trong cảnh khốn khổ, cô vẫn còn hổ thẹn vì bị phơi trần trước con mắt mọi người. Chao ôi! Tính hổ thẹn đâu phải để dành cho những lúc đang run rẩy như vậy.

Fleur-de-Lys vội bảo viên đại úy:

- Lạy Chúa! Ông anh tuấn tú ơi, hãy xem kìa! Đúng là con bé Bohémienne đê tiện với con dê!

Cô nói rồi quay lại nhìn Phoebus. Chàng đang đăm đăm nhìn chiếc xe. Mặt chàng tái nhợt.

- Con bé Bohémienne với con dê nào kia? - Chàng ấp úng hỏi.

- Ô hay! Thế anh quên rồi sao?... - Fleur-de-Lys hỏi lại.

Phoebus ngắt lời:

- Anh không hiểu em định nói gì.

Chàng bước đi toan quay vào nhà. Nhưng cơn ghen của Fleur-de-Lys, dạo trước từng sôi sục cũng vì cô gái Ai Cập này, lại vừa nổi dậy, nên cô nhìn chàng

bằng cặp mắt soi mói và nghi hoặc. Lúc đó cô mơ hồ sực nhớ có nghe đồn một viên đại úy dính dáng vào vụ án phù thủy. Cô bảo Phoebus:

- Anh làm sao vậy? Hình như cô gái này làm anh bối rối.

Phoebus gượng cười:

- Anh ấy à? Đời nào kia chứ? À mà đúng thế!

- Nếu vậy anh cứ ở lại xem cho đến hết, - cô dõng dạc nói.

Viên đại úy khốn khổ đành đứng lại. Có điều chàng hơi yên tâm là tội nhân không hề ngước mắt khỏi sàn xe. Quả đúng Esmeralda không sai. Tới chặng đường cuối cùng của nỗi ô nhục và đau khổ, cô vẫn xinh đẹp, cặp mắt đen to càng có vẻ to hơn vì đôi má gầy hóp, khuôn mặt xanh xao trông nghiêng càng thanh khiết và cao cả. Cô giống với chính cô xưa kia, như Đức mẹ đồng trinh trong tranh của Masaccio, giống Đức mẹ đồng trinh trong tranh của Raphaël: yếu ớt, mảnh mai hơn, gầy gò hơn.

Tóm lại, toàn thân cô toát lên vẻ gì đó bơ phờ và trừ nỗi e thẹn, cô đành buông lơi phó mặc, vì đã bị kinh hoàng cùng tuyệt vọng vùi dập tả tơi. Người cô nảy lên theo từng nhịp xe xóc mạnh như một vật đã chết hoặc gãy mục. Cái nhìn lờ đờ, điên dại. Trong khóe mắt còn ngấn lệ, nhưng nó bất động và có thể nói đông cứng rồi.

Trong khi đó, đoàn người ngựa bi thảm diễu qua đám đông, giữa tiếng reo hò vui vẻ và thái độ hiếu kỳ. Dù sao, để làm tròn vai trò sứ giả trung thực, chúng tôi cần phải nói rất nhiều người thấy cô gái xinh đẹp và đau khổ như vậy, đã mủi lòng thương hại, kể cả kẻ cứng rắn nhất. Chiếc xe chạy vào sân trước nhà thờ.

Tới trước cổng chính, xe dừng lại. Đoàn hộ tống phân tán đội hình sang hai bên. Đám đông im lặng và giữa bầu không khí im lặng đầy trang nghiêm và lo âu hai cánh cổng lớn như tự động quay trên bản lề, kêu cót két tựa tiếng sáo. Lúc đó, mọi người liền nhìn thấy suốt tận cùng gian nhà thờ sâu thẳm, tối om, treo màn tang, le lói dăm ngọn nến chiếu sáng xa xa trên bàn thờ lớn, mở ngoác

ra như miệng hang giữa quảng trường chói chang ánh nắng. Tít trong cùng, nơi hậu cung u tối, thấp thoáng chiếc thánh giá to tướng thêu ngân tuyến trên nền dạ thâm, treo rủ từ vòm mái xuống sát đất, toàn gian chính diện không một bóng người. Tuy nhiên, trong gian thánh ca xa xa, thấp thoáng động đậy dăm cái đầu linh mục và đúng lúc cửa lớn mở toang, từ nhà thờ cũng vẳng ra một giọng hát trầm, vang động và đều đều, như ném từng hơi thở xuống đầu tội nhân với các đoạn thánh kinh thảm thiết.

"... Non timebo millia populi
circumdantis me; exsurge,
Domine; salvum me fac,
*Deus!**

"... Salvum me fac, Deus, quoniam
intraverunt aquae usque ad
*animam meam.**

"... Infixus sum in limo profundi; et
*non est substantia!"**

Đồng thời một giọng khác, tách khỏi ban thánh ca, tấu lên từ bậc cao của bàn thờ lớn bài kinh dâng rượu bánh buồn bã:

"*Qui verbum meum audit, et credit ei qui misit me, habet vitam aeternam et in judicium non venit; sed transit a morte in vitam.*"*

Bài thánh ca mà vài lão già lẩn khuất trong bóng tối hát lên từ xa cho cô gái xinh đẹp, một con người đầy thanh xuân và sinh lực đang tắm trong khí ấm mùa xuân ve vuốt, trong ánh nắng chan hòa, đó là lễ cầu hồn người chết.

Dân chúng trầm mặc đứng nghe.

Cô gái khốn khổ, ngơ ngác, như phóng tầm mắt và suy tư vào trong thâm cung u tối nhà thờ. Đôi môi trắng nhợt mấp máy như cầu nguyện, và khi gã phụ việc đao phủ lại gần để đỡ cô xuống xe, hắn nghe thấy cô thầm nhắc cái tên: *Phoebus*.

Họ cởi trói tay cô, cô xuống xe cùng con dê cũng được cởi trói, đang kêu be be vui sướng thấy được tự do, rồi dẫn cô đi chân không trên lòng đường đá lát rắn đanh tới chân bậc thềm cổng chính. Sợi thừng quàng trên cổ kéo lê sau cô. Tựa con rắn theo sau.

Lúc đó, tiếng hát liền ngừng bặt trong nhà thờ. Một cây thập tự lớn nạm vàng và một hàng nến bắt đầu di động trong bóng tối. Tiếng giáo mác bọn quân hầu trang phục sặc sỡ kêu loảng xoảng, rồi lát sau, một đám rước dài các linh mục mặc áo lễ và trợ tế mặc áo thụng, vừa tụng kinh vừa nghiêm trang tiến lại gần tội nhân, dàn ra trước mắt cô cùng đám đông. Nhưng con mắt cô dừng lại trước người đi đầu, ngay sau người vác thánh giá. Cô rùng mình khẽ kêu lên:

- Ôi! Lại vẫn lão linh mục!

Quả đúng phó chủ giáo. Bên trái ông là người phụ hát kinh, còn bên phải là người hát chính cầm gậy hành lễ. Ông bước, đầu ngửa ra sau, cặp mắt đăm đăm và mở to, lớn tiếng hát:

De ventre inferi clamavi, et
exaudisti vocem meam.
Et projecisti me in profundum in
corde maris, et flumen
*circumdedit me.**

Lúc ông bước ra ngoài trời, dưới vòm cổng cao hình cung nhọn, mặc áo lễ rộng thêu ngân tuyến thánh giá đen, mặt ông tái nhợt đến nỗi trong dân chúng,

nhiều người cho đó là một giám mục bằng cẩm thạch, thường quỳ trên các tấm mộ bia gian hát kinh, đã đứng dậy và tới đón ở cửa một cô gái sắp chết.

Cô gái cũng không kém tái nhợt và không khác pho tượng, cô lơ đãng biết người ta vừa đưa cho mình cầm lấy cây nến nặng màu vàng thắp sáng; cô chẳng buồn nghe cái giọng the thé của viên lục sự đang đọc nội dung thảm khốc của bản tạ tội; khi họ bảo hãy trả lời *Amen*, cô liền đáp *Amen*. Cô chỉ lấy lại chút hồn vía và sức lực, khi thấy linh mục ra hiệu cho bọn lính gác lùi xa và một mình bước lại gần cô.

Lúc đó, cô liền thấy máu sôi sục trong đầu và chút ít phẫn nộ còn lại chợt bùng lên trong linh hồn đã tê cứng và giá lạnh.

Phó chủ giáo thong thả tiến lại gần. Ngay phút cuối cùng này, cô vẫn thấy ông liếc con mắt long lanh dâm dục, ghen tuông và thèm muốn lên tấm thân trần của cô. Rồi ông lớn tiếng hỏi:

- Hỡi cô gái, cô đã xin lỗi Chúa về những tội lỗi và lầm lạc của mình chưa?

Ông ghé sát tai cô và hỏi thêm (công chúng lại tưởng ông lắng nghe lời thú tội cuối cùng của cô):

- Em có bằng lòng yêu ta không? Ta vẫn còn có thể cứu được em?

Cô chằm chằm nhìn ông:

- Cút đi, đồ quỷ dữ! Nếu không tao sẽ tố cáo.

Ông mỉm cười ghê rợn:

- Không ai tin em đâu. - Chỉ tổ kèm thêm một ô nhục vào tội ác. - Trả lời nhanh lên! Em có bằng lòng yêu ta không?

Đúng lúc đó, ông phó chủ giáo khốn nạn bất giác ngẩng đầu và trông thấy ở đầu kia quảng trường, trên bao lơn nhà Gondelaurier, viên đại úy đứng cạnh Fleur-de-Lys. Ông lảo đảo, đưa tay che mắt, nhìn lại lần nữa, khẽ nguyền rủa và mặt ông co rúm lại.

- Thôi! Ngươi hãy chết đi! - Ông nghiến răng nói. - Ngươi sẽ không là của ai hết.

Ông liền giơ tay trước mặt cô gái Ai Cập, cất giọng bi ai kêu lên:

- *I nunc, anima anceps, et sit tibi Deus misericors*!*

Đó là thành ngữ khủng khiếp vẫn quen bế mạc các buổi lễ ảm đạm này. Đó là hiệu lệnh ước định giữa linh mục với đao phủ.

Dân chúng quỳ xuống.

- *Kyrie Eleison*, - các linh mục đứng dưới vòm cửa lớn nói.

- *Kyrie Eleison,** - đám đông nhắc lại, tiếng rì rầm chạy lan trên đầu mọi người như sóng vỗ mặt biển động.

- *Amen*, - phó chủ giáo nói.

Rồi ông quay lưng lại tội nhân, đầu gục xuống ngực hai bàn tay chắp lại, cùng bước tới chỗ đoàn linh mục, và lát sau, ông mất hút cùng thánh giá, ngọn nến, áo lễ, dưới vòm cột âm u nhà thờ; còn giọng ông âm vang tắt dần từng nấc nơi ban thánh ca đang hát khúc ca tuyệt vọng:

- ... *Omnes gurgites tui et fluctus tui super me transierunt*!*

Đồng thời tiếng cán giáo bịt sắt của bọn quân hầu gõ từng nhịp vang dội cũng mất dần ở giữa các hàng cột nơi chính diện, nghe như tiếng chuông đồng hồ đổ hồi báo hiệu giờ cuối cùng của kẻ tử tù đã tới.

Lúc đó, các cánh cửa nhà thờ Đức Bà vẫn mở toang, cho thấy bên trong vắng ngắt, hoang vu, tang tóc, không nến thắp mà cũng không tiếng người.

Cô gái tù đứng yên tại chỗ, đợi người ta lôi đi. Một lính tuần cảnh cầm roi phải tới nhắc thầy Charmolue chuyện đó, ông này suốt buổi lễ còn mải ngắm nghía bức phù điêu ngoài cổng lớn, mà có người bảo nó mô tả vụ hiến tế Abraham, kẻ lại nói đó là vụ thực hành điểm kim, mặt trời mọc được biểu hiện bằng thiên đồng, ngọn lửa bằng bó củi, thợ điểm kim bằng Abraham.

Cũng khá vất vả mới kéo ông ra khỏi sự ngắm nghía đó, nhưng rồi ông cũng quay lại, và theo cánh tay ông ra hiệu, hai người mặc áo vàng, các trợ thủ của đao phủ, lại gần cô gái Ai Cập để trói tay.

Lúc bước lên chiếc xe định mệnh để tới trạm dừng cuối cùng, cô gái khốn khổ bỗng nhiên như đau đớn luyến tiếc cuộc đời. Cô ngước cặp mắt đỏ ngầu và khô cạn lên cao, nhìn mặt trời, nhìn đám mây bạc đây đó đứt đoạn các hành thang, hình tam giác xanh lơ, rồi cô lại cúi nhìn quanh, nhìn mặt đất, đám đông, nhà cửa... Đột nhiên, đang lúc người mặc áo vàng trói hai khuỷu tay, cô thét lên tiếng kêu ghê gớm, tiếng kêu vui sướng. Trên bao lơn đằng kia, nơi góc quảng trường, cô vừa nhìn thấy chàng, đúng chàng, người bạn tình, vị chúa tể của cô, Phoebus, một biểu hiện khác của cuộc đời cô! Thẩm phán đã nói dối! Linh mục đã nói dối! Đúng chàng, cô không thể nhầm được, chàng đứng kia, tuấn tú, tráng kiện, mặc nhung phục chói ngời, đầu cắm lông chim, gươm đeo ngang sườn!

- Phoebus! Phoebus của em! - Cô thét lên.

Và cô toan dang đôi cánh tay run rẩy sướng vui về phía chàng, nhưng tay bị trói rồi.

Cô gái liền thấy viên đại úy cau mày, một cô gái đẹp đứng tựa vào Phoebus nhìn chàng bằng cặp mắt tức giận và bĩu môi khinh bỉ, rồi Phoebus nói gì đó cô không nghe thấy được, và hai người vội lui vào sau cánh cửa kính bao lơn đang khép lại.

- Phoebus! - Cô kêu lên thất thanh, - anh có tin là như vậy không?

Một ý nghĩ kinh khủng chợt đến với cô. Cô sực nhớ mình bị kết tội giết một người là Phoebus de Châteauper.

Cô từng chịu hết thảy cho tới lúc đó. Nhưng đòn sau cùng này nặng quá. Cô ngã lăn ra ngất lịm trên mặt đường.

- Nào, khiêng nó lên xe rồi làm cho xong đi! - Charmolue nói.

Chưa ai chú ý nhìn thấy trong hành lang các tượng đức vua tạc ngay trên vòm cổng lớn, một khán giả kỳ lạ từ nãy đến giờ vẫn quan sát hết sức lạnh lùng, cổ vươn dài, khuôn mặt méo mó, nếu không mặc quần áo nửa đỏ nửa tím thì mọi người đã tưởng đó là một trong dãy quái vật bằng đá từ sáu trăm năm nay vẫn há mõm tuôn nước xuống các ống máng dài của nhà thờ. Khán giả đó không bỏ qua tí gì về cảnh tượng diễn ra từ giữa trưa ở trước cổng nhà thờ Đức Bà. Và ngay lúc đầu, khi không ai nghĩ tới chuyện theo dõi, hắn đã buộc chặt vào cột nhỏ trên hành lang một sợi dây thừng to có mấu, một đầu rủ lòng thòng chấm bậc thềm. Xong xuôi, hắn lặng lẽ đứng nhìn, thỉnh thoảng lại huýt sáo khi con sáo bay qua. Đột nhiên, đúng lúc các trợ thủ của đao phủ sắp sửa thi hành mệnh lệnh thản nhiên của Charmolue, hắn liền trèo qua lan can hành lang, dùng tay, chân, đầu gối bám lấy sợi thừng, rồi thấy hắn tụt xuống theo mặt tiền nhà thờ, như giọt nước mưa chảy dọc tấm kính, chạy vụt tới bên hai tên đao phủ, nhanh như con mèo từ mái nhảy xuống, đấm gục bọn chúng bằng hai quả tống thôi sơn, một tay nhấc cô gái Ai Cập như trẻ con nhấc búp bê, rồi nhảy vọt một cái vào tận trong nhà thờ, vừa nâng cô gái cao quá đầu vừa thét vang:

- Tị nạn!

Sự việc xảy ra nhanh đến nỗi, nếu là ban đêm, ta có thể thấy hết như dưới ánh sáng một tia chớp giật.

- Tị nạn! Tị nạn! - Đám đông hò theo và ngàn vạn tiếng vỗ tay làm con mắt độc nhỡn của Quasimodo lóe lên vui sướng và kiêu hãnh.

Cô gái tù bị lay động liền thức tỉnh. Cô ngước mi mắt nhìn Quasimodo rồi lập tức nhắm nghiền, như khiếp sợ kẻ cứu mình.

Charmolue cùng bọn đao phủ, cùng đoàn phòng vệ, đều chưng hửng. Đúng thế, trong khu vực nhà thờ Đức Bà, kẻ tử tù trở nên bất khả xâm phạm. Nhà thờ là nơi ẩn náu. Mọi công lý loài người đều chấm dứt trên ngưỡng cửa.

Quasimodo dừng lại trước cổng lớn. Hai bàn chân nó to bè đứng trên nền đá

nhà thờ cũng vững chắc như đôi trụ cột nặng nề kiểu roman. Cái đầu to, rậm tóc, rụt xuống giữa đôi vai như đầu sư tử, vốn cũng có bờm và không có cổ. Nó nâng cô gái toàn thân run rẩy, lơ lửng trên đôi tay chai sạn, như nâng tấm vải trắng; nhưng nó nâng cô hết sức gượng nhẹ, tưởng chừng chỉ sợ làm cô tan vỡ hoặc khô héo. Tựa hồ nó biết đây là một vật mỏng manh, hoàn mỹ và quý báu, giành cho các bàn tay khác, chứ không phải cho tay nó. Đôi lúc, nó có vẻ không dám đụng vào người cô, dù bằng hơi thở. Rồi đột nhiên, nó ghì chặt cô trong vòng tay, trên lồng ngực gồ ghề, như tài sản, như kho tàng, như bà mẹ ôm giữ đứa con; con mắt quỷ sứ của nó cúi nhìn cô, chan chứa yêu thương, đau khổ và tội nghiệp, rồi đột rhiên ngước lên lóe sáng. Thế là phụ nữ kẻ cười người khóc, đám đông giậm chân vỗ tay thích thú, vì lúc đó Quasimodo quả thực đẹp. Đứa con mồ côi, đứa trẻ nhặt được, đồ bỏ đi, chính nó, đúng là đẹp thực, nó cảm thấy mình cao cả và dũng mãnh, nó nhìn thẳng vào cái xã hội từng gạt bỏ nó, mà nó ngang nhiên can thiệp vào, nhìn thẳng vào cái công lý loài người đang nắm giữ con mồi mà nay nó đã giành lại, tất cả bầy hổ đói nay đành chẳng có gì để nhai, bọn sai nha, thẩm phán, đao phủ, tất cả lực lượng của nhà vua vừa bị nó đập tan, nó, một kẻ hèn hạ, nhưng mang sức mạnh của Chúa.

Vả lại, việc một con người dị dạng bảo hộ một con người khốn khổ, một kẻ tử tù được Quasimodo cứu vớt thật là cảm động. Đó là hai nỗi đau khổ cùng cực của thiên nhiên và xã hội đã gặp nhau và giúp đỡ nhau.

Nhưng sau vài phút đắc thắng, Quasimodo đã vụt biến vào trong nhà thờ cùng gánh nặng trên tay. Dân chúng vốn ưa thích mọi hành động hào hiệp, đưa mắt dõi theo hắn dưới vòm giáo đường u tối, luyến tiếc sao hắn sớm lẩn tránh sự hoan hô.

Đột nhiên, mọi người lại thấy hắn xuất hiện ở một đầu hành lang đặt tượng các vua Pháp, hắn chạy vụt như thằng điên, hai tay nâng cao chiến lợi phẩm và kêu lên:

- Tị nạn!

Đám đông lại hoan hô rầm trời. Chạy hết hành lang, nó chui tọt vào phía trong nhà thờ. Lát sau, nó lại xuất hiện trên sân thượng, vẫn ôm cô gái Ai Cập trên tay, vẫn chạy như điên, vẫn la hét:

- Tị nạn!

Đám đông lại hoan hô. Sau cùng, nó xuất hiện lần thứ ba trên đỉnh tháp chuông nhỏ, ở đó, nó như muốn kiêu hãnh đưa ra cho cả thành phố xem con người nó vừa cứu thoát, và cái giọng oang oang, cái giọng rất ít ai được nghe và chính nó không bao giờ nghe thấy, cuồng nhiệt cất lên ba lần, thấu tận mây xanh:

- Tị nạn! Tị nạn! Tị nạn!

- Noël! Noël! Dân chúng phía dưới cũng reo lên và tiếng hoan hô vang dội vẳng sang tận bờ sông bên kia, làm kinh ngạc đám đông ở quảng trường Grève cùng mụ tu kín vẫn đang chờ đợi, mắt dán vào đài treo cổ.

QUYỂN CHÍN

I
CƠN SỐT

Claude Frollo không còn ở trong nhà thờ, khi đứa con nuôi của ông đột nhiên chặt đứt nút thòng lòng định mệnh mà vị phó chủ giáo khốn nạn đã thòng vào cổ cô gái Ai Cập, đồng thời cũng tròng luôn vào cổ mình. Quay vào phòng thay áo lễ, ông cởi bộ bạch y, áo lễ và khăn quàng trút hết vào tay gã hầu lễ sững sờ, rồi theo cửa ngách tu viện ông lẻn ra ngoài, sai gã lái đò ở khu Terrain chở ông sang tả ngạn sông Seine, rồi đi sâu vào các phố dốc ở Khu đại học, cũng chẳng biết mình đi đâu, mỗi bước lại gặp lũ lượt từng đám đàn ông đàn bà vui vẻ kéo về phía cầu Saint-Michel, hy vọng *vẫn còn tới kịp* để xem treo cổ con phù thủy; ông phó chủ giáo mặt tái nhợt, ngơ ngác, còn bối rối, mù quáng và dữ tợn hơn cả con chim ăn đêm được thả ra và bị lũ trẻ đuổi bắt giữa ban ngày. Ông không còn biết mình đang ở đâu đang nghĩ gì hoặc đang mơ. Ông đi, ông bước, ông chạy, gặp phố nào sà vào phố đó, không lựa chọn, luôn luôn bị quảng trường Grève đẩy về phía trước, cái quảng trường Grève khủng khiếp mà ông mơ hồ cảm thấy sau lưng.

Cứ thế ông đi dọc quanh Sainte-Geneviève và cuối cùng theo cửa ô Saint-Victor ra khỏi thành phố. Ông tiếp tục chạy trốn, chừng nào quay lại còn trông thấy dãy tháp vây quanh Khu đại học và nhà cửa lác đác ở vùng ngoại ô; rồi cuối cùng, khi một dải đất đã che khuất toàn bộ cái đô thành Paris ghê tởm, khi tưởng mình đã ở ngoài xa trăm dặm, trên đồng ruộng, trên sa mạc, ông mới dừng lại và xem ra mới thở được.

Đầu óc ông lúc đó dồn dập bao ý nghĩ khủng khiếp. Ông nhìn thấy rõ tâm hồn mình và run sợ. Ông nhớ tới cô gái khốn khổ đã làm hại đời mình và bị

mình làm hại lại. Ông đưa mắt ngơ ngác dõi theo con đường đôi khúc khuỷu của định mệnh đã buộc hai số phận họ phải đi theo, cho tới chỗ giao nhau, định mệnh liền xô đẩy chúng va nhau đổ vỡ tan tành. Ông nghĩ tới sự điên rồ của những nguyện cầu vĩnh cửu, sự hư danh của trinh bạch, khoa học, tôn giáo, đạo đức, sự vô ích của Chúa. Ông vui sướng đắm mình trong các tư tưởng đen tối, và lúc đi sâu vào, liền cảm thấy trong lòng bật lên tiếng cười của Satan.

Càng đào sâu tâm hồn như vậy, lúc nhận thấy tạo hóa dành sẵn vị trí quá lớn cho dục vọng, ông cười càng chua chát hơn. Ông khuấy đảo từ đáy lòng lên tất cả hằn thù, tất cả tàn ác của mình và nhận thấy, với con mắt lạnh lùng của thầy thuốc khám con bệnh, sự hằn thù, sự tàn ác đó chỉ là tình yêu đọa lạc; tình yêu, suối nguồn của mọi đức tính ở con người, sẽ biến thành thứ khủng khiếp trong trái tim tu sĩ, và một người được cấu tạo như ông, khi trở thành linh mục cũng trở thành quỷ sứ. Rồi ông cười ghê rợn và đột nhiên mặt tái xanh khi nhận xét khía cạnh bi thảm nhất của mối ham mê định mệnh, của tình yêu xói lở, mang nọc độc, hằn học, quyết liệt, chỉ dẫn tới đài treo cổ cho người này và địa ngục cho kẻ kia; cô gái bị xử tội, còn ông bị đày đọa.

Rồi ông lại cười vang khi nghĩ tới Phoebus còn sống; dù sao viên đại úy vẫn sống, có vẻ hoạt bát và hớn hở, mặc bộ nhung phục càng đẹp đẽ hơn bao giờ, còn dẫn thêm cô nhân tình mới đến xem treo cổ cô cũ. Nụ cười gằn càng tăng thêm khi ông nghĩ, trong số người ông muốn cho chết, chỉ có cô gái Ai Cập, con người duy nhất không thoát khỏi tay ông.

Từ viên đại úy, ông nghĩ sang đám dân chúng và cảm thấy ghen tuông một cách lạ thường. Ông nghĩ cả đám dân chúng nữa, toàn thể dân chúng đã nhìn rõ người đàn bà ông yêu, gần như trần trụi trong tấm áo lót. Ông vặn vẹo cánh tay khi nghĩ người đàn bà đó, mà chỉ riêng ông thấp thoáng nhìn thấy bóng hình trong bóng tối cũng đủ tạo cho mình hạnh phúc tuyệt vời, nay bị phơi trần giữa ban ngày, ngay giữa trưa, cho tất cả dân chúng xem, ăn mặc như trong đêm hoan

lạc. Ông tức điên muốn phát khóc trước mọi bí ẩn ái tình đó bị chà đạp, hoen ố, lột trần, hủy hoại mãi mãi. Ông tức điên muốn phát khóc khi hình dung bao con mắt bẩn thỉu đã được thỏa mãn nhìn qua chiếc áo lót tuột dải; cô gái xinh đẹp, bông huệ trinh tiết, cái cốc trong trắng và khoái cảm mà ông chỉ dám run run ghé môi, thế là biến thành cái bát công cộng, mà đám lê dân hạ tiện nhất Paris, bọn ăn cắp, ăn mày, đầy tớ, kéo đến uống chung niềm khoái lạc trơ trẽn, dơ bẩn và sa đọa.

Khi ông thử quan niệm về hạnh phúc mình có thể tìm thấy trên trái đất, nếu cô ta không phải gái Bohémienne, còn ông không là linh mục, nếu Phoebus không tồn tại và cô gái không yêu y; khi ông hình dung một cuộc đời yên ổn và yêu thương cũng có thể có với mình và giữa lúc này, ở đâu đó, trên trái đất, vẫn có những cặp sống sung sướng, mê mải trò chuyện dài lâu dưới gốc cam, bên con suối, trước ánh tà dương, dưới đêm sao; và nếu Chúa muốn vậy, ông cũng có thể cùng cô gái thành một cặp được hưởng phước lành, nghĩ vậy, trái tim ông liền chìm tan trong yêu thương và tuyệt vọng.

Ôi! Nàng! Chính nàng! Ý tưởng cố định đó luôn trở lại dày vò ông, cắn cấu cân não và xé nát ruột gan. Ông không luyến tiếc, không hối hận; tất cả những gì đã làm, ông sẵn sàng làm tiếp; ông thích thấy cô gái trong bàn tay đao phủ hơn trong cánh tay đại úy, nhưng ông đau khổ, ông đau khổ đến mức thỉnh thoảng lại bứt từng nắm tóc xem nó đã bạc chưa.

Có lúc ông lại chợt nghĩ phải chăng đây chính là cái phút mà sợi dây ghê tởm ông trông thấy sáng nay, đang thắt vòng nút thép quanh chiếc cổ hết sức ẻo lả và duyên dáng đó. Ý nghĩ này làm mồ hôi ông toát ra khắp lỗ chân lông.

Cũng có lúc, khi đang cười giễu quái gở chính bản thân mình, ông hình dung Esmeralda trong lần gặp đầu tiên, cô hoạt bát, vô tư, tươi cười, đỏm dáng, nhảy nhót, bay bổng, nhịp nhàng và cả Esmeralda trong ngày cuối cùng, cô mặc áo lót, thòng lọng quanh cổ, đi chân không, thong thả leo lên cầu thang cong queo

của đài treo cổ, ông tưởng tượng hai cảnh tượng đó thế nào mà bỗng thét lên khủng khiếp.

Trong cơn bão tố tuyệt vọng đang lay động, phá tan, giằng giật, dìm cong, bứt rễ hết trong tâm hồn, ông vẫn nhìn cảnh vật chung quanh. Dưới chân dăm con gà mái dùng mỏ tìm bới trong bụi cây, đàn bọ hung óng ánh chạy dưới nắng, trên đầu vài đám mây bông màu xám trôi trên nền trời xanh, cuối chân trời tháp chuông tu viện Saint-Victor chọc thủng đường cong của ngọn đồi bằng mái nhọn đá đen, còn gã thợ xay trên đồi Copeaux huýt sáo đứng ngắm các cánh cối xay cần cù quay. Toàn bộ cuộc sống linh hoạt, nền nếp, yên ổn, xảy ra chung quanh dưới muôn ngàn hình thức, làm ông khó chịu. Ông lại tiếp tục chạy trốn.

Ông chạy khắp cánh đồng như vậy cho đến tối. Cuộc trốn chạy khỏi thiên nhiên, đời sống, bản thân, mọi người, Chúa trời, khỏi tất cả, kéo dài suốt ngày. Thỉnh thoảng ông nằm úp mặt xuống đất và lấy móng tay cào bứt lúa non. Đôi lúc ông dừng lại trên một phố vắng trong làng và ý nghĩ day dứt chịu không nổi làm ông phải giơ tay ôm lấy đầu để gắng giật nó ra khỏi vai và đập nát trên nền đường.

Tới giờ mặt trời lặn, ông lại tự xem xét lần nữa và thấy mình sắp điên. Cơn bão tố kéo dài trong người từ lúc ông hết cả hy vọng lẫn ý muốn cứu cô gái Ai Cập, cơn bão đó không để sót lại trong lương tâm bất cứ một ý nghĩ còn lành mạnh, một tư tưởng còn đứng vững nào. Lý trí ông nằm chết gí, gần như hoàn toàn bị tiêu hủy. Trong óc chỉ còn lại hai hình ảnh rõ rệt: Esmeralda và cột treo cổ. Tất cả cái còn lại đều đen ngòm. Hai hình ảnh đó ráp lại và bày ra trước mắt một cảnh tượng ghê rợn, ông càng dồn hết chú ý và suy nghĩ còn sót lại vào đó, lại càng thấy chúng to lớn mãi lên theo một tiến trình kinh khủng, một hình ảnh càng thêm duyên dáng, quyến rũ, xinh đẹp, sáng ngời, còn hình ảnh kia càng thêm khủng khiếp; đến nỗi cuối cùng, ông thấy Esmeralda như ngôi sao, còn giá treo cổ như cánh tay khổng lồ trơ xương.

Một điều đáng chú ý, trong suốt thời gian bị dằn vặt, ông không hề có ý nghĩ nghiêm túc muốn chết. Gã khốn nạn vốn như vậy. Y bám chặt lấy sự sống. Có lẽ quả thực y vẫn nhìn thấy phía sau là địa ngục.

Trong khi đó, chiều cứ xuống dần. Con người còn sống bên trong mơ hồ nghĩ tới chuyện quay về. Ông tưởng đang ở cách xa Paris; nhưng xem lại phương hướng, ông chỉ thấy mình chỉ đi vòng quanh Khu đại học. Tháp nhọn nhà thờ Saint-Sulpice và ba tháp cao khác của nhà thờ Saint-Germain-des-Prés nhô lên ở trên đường chân trời phía bên phải. Ông đi về hướng đó. Khi nghe tiếng hô đứng lại của những lính canh của tu viện trưởng ở chung quanh dãy rào trổ răng cưa tại tu viện Saint-Germain, ông quay lại, bước vào con đường mòn trước mặt ở giữa cối xay của tu viện và trại hủi của thị trấn, rồi lát sau đi tới vùng ven Pré-aux-Clercs. Khu đồng cỏ này nổi tiếng ồn ào suốt ngày đêm; đó là *con giao long* của các hiệp sĩ tội nghiệp ở Saint-Germain, *quod monachis Sancti-Germani pratensis hydra fuit, clericis nova semper dissidiorum capita suscitantibus**. Phó chủ giáo sợ gặp ai quen ở đó; ông ngại tất cả mọi người; ông vừa lẩn tránh khỏi Khu đại học, thị trấn Saint-Germain nay ông định chỉ quay về phố lúc thật khuya, ông đi dọc vùng Pré-aux-Clercs, bước vào con đường mòn vắng vẻ ngăn cách nó với khu Dieu-Neuf, rồi cuối cùng tới bờ sông. Tại đây, đức cha Claude kiếm được người lái đò, với vài denier tiền Paris, bằng lòng chở ông ngược dòng Seine lên tận mũi đất Khu thành cũ, và để ông ghé lên mỏm đất hoang này nối liền với khu vườn ngự uyển song song với cù lao Chú đưa bò qua sông.

Con thuyền chòng chành đều đặn và tiếng sóng vỗ làm cha Claude khốn khổ gần như đờ đẫn cả người. Khi người lái đò đã rời xa, ông đứng thẫn thờ trên bãi, nhìn ra phía trước và chỉ thấy cảnh vật qua những lay động phóng to. Khiến ông thấy tất cả đều trở thành quái dị. Sự mệt mỏi sau nỗi đau khổ lớn gây hậu quả đó trong tâm trí, vốn không phải chuyện hiếm.

Mặt trời khuất sau tòa tháp cao Nesle. Lúc này là hoàng hôn. Nền trời trắng

bệch, nước sông cũng trắng bệch. Giữa hai khoảng trắng, bờ tả ngạn sông Seine ông đang chăm chú nhìn hiện lên sừng sững tối đen, rồi cứ nhỏ dần về xa, lao vào màn sương chân trời như mũi tên đen. Bờ sông san sát nhà cửa, hiện lên thành bóng dáng tối đen, nổi bật sẫm màu trên nền sáng của trời nước. Đây đó cửa sổ bắt đầu lóe sáng như miệng lò cháy đỏ. Cái tháp tưởng niệm đen bát ngát đó tách biệt giữa hai khoảng trắng của nền trời và mặt sông, khá rộng ở chỗ này, gây cho cha Claude một cảm giác kỳ lạ, giống cảm giác của người nằm ngửa trên mặt đất dưới chân tháp chuông nhà thờ Strasbourg, ngắm nhìn ngọn tháp nhọn khổng lồ ở trên đầu chọc thẳng vào buổi chạng vạng hoàng hôn. Duy có điều ở đây, Claude đang đứng còn cái tháp tưởng niệm lại nằm; nhưng vì dòng sông phản chiếu nền trời, kéo dài vực thẳm dưới chân ông, nên mỏm đất mênh mông tựa hồ cũng táo bạo lao vút vào khoảng không hệt như mọi tháp nhọn nhà thờ; và cảm giác cũng hệt như nhau. Cảm giác này cũng lại có vẻ gì thật kỳ lạ và sâu sắc hơn, tưởng như đây đúng là tháp chuông nhà thờ Strasbourg, nhưng tháp chuông nhà thờ Strasbourg cao hai dặm, một cái gì chưa từng có, vĩ đại, không ước lượng nổi, một tòa kiến trúc mắt người chưa từng thấy, một tháp Babel. Ống khói trên nóc nhà, lỗ châu mai trên tường thành, đầu hồi chạm trổ trên mái, tháp chuông nhà thờ dòng Augustins, tháp Nesle, mọi góc nhô cao làm sứt mẻ hình dáng trông nghiêng của tháp tưởng niệm đồ sộ, càng làm tăng ảo giác, trêu chọc kỳ quặc con mắt bằng đường nét lồi lõm của một công trình điêu khắc rậm rạp và kỳ ảo. Đang trải qua ảo ảnh, Claude tưởng nhìn thấy bằng cặp mắt thật, nhìn thấy lầu chuông địa ngục; trăm ngàn ánh sáng rải khắp chiều cao chiếc tháp hãi hùng, đối với ông cũng là từng ấy khung cửa của lò lửa mênh mông bên trong; tiếng nói, tiếng ồn từ đó vẳng ra cũng là từng ấy tiếng kêu la, rên rỉ. Thế rồi ông đâm sợ, ông lấy tay bịt tai để khỏi nghe thấy, quay lưng lại để khỏi nhìn thấy, rồi rảo bước tránh xa khỏi huyễn tượng hãi hùng.

Nhưng huyễn tượng ở ngay trong ông.

Lúc quay vào phố, khách qua đường chen chúc trước quầng ánh sáng các quầy hàng, khiến ông có cảm tưởng chung quanh toàn những bóng ma đi đi lại lại bất tận. Tai ông ù lên các tiếng động kỳ quặc. Đầu óc hỗn loạn ý định ngông cuồng lạ lùng. Ông không thấy nhà cửa, đường phố, xe cộ, đàn ông đàn bà, mà chỉ thấy một mớ hổ lốn các vật thể bất định, chúng kề sát bên nhau để hòa tan lẫn lộn. Ở đầu phố Hàng thùng, có một cửa hàng thực phẩm mà theo tục lệ xưa, mái hiên được viền quanh bằng các vòng sắt tây có treo lủng lẳng một vòng tròn những cây nến gỗ, chúng va chạm vào nhau trước gió, kêu lách cách như tiếng sênh phách. Ông tưởng nghe thấy một bó bộ xương người ở giảo đài Montfaucon va chạm nhau trong bóng tối.

- Ôi! - Ông thì thầm, gió đêm xô đẩy chúng va chạm nhau, hòa lẫn tiếng xiềng với tiếng xương! - Cô ta có lẽ cũng ở đó, với bọn chúng.

Ông ngơ ngác không biết mình đang đi đâu. Được vài bước, ông tới cầu Saint-Michel. Có ánh đèn nơi cửa sổ tầng trệt một nhà. Ông lại gần. Qua cửa kính rạn vỡ, ông thấy căn phòng tồi tàn, gợi lên trong đầu một ký ức mơ hồ. Trong gian phòng lờ mờ ánh đèn leo lét, một thanh niên tóc hung tươi tắn, nét mặt vui vẻ, đang cười sằng sặc ôm hôn cô gái ăn mặc rất lõa lồ. Và cạnh ngọn đèn, mụ già ngồi quay chỉ, hát giọng thều thào. Vì tiếng cười chàng trai trẻ đứt quãng nên bài hát của mụ già lõm bõm vẳng tới tai linh mục. Lời ca thật tối nghĩa và ghê rợn.

Grève, sủa lên, Grève, sôi sục!
Quay đi, quay đi, guồng chỉ,
Bện dây thừng cho đao phủ
Dưới nhà ngang đang huýt gió
Grève, sủa lên, Grève, sôi sục.
Dây thừng gai thật là đẹp!

Từ Issy đến tận Vanvre

Không gieo lúa, chỉ gieo gai.

Thằng ăn cắp chẳng đánh cắp

Dây thừng gai thật là đẹp

Grève, sôi sục, Grève sủa lên!

Để ngắm con đĩ treo cổ

Trên đài treo cổ toét rử,

Con mắt là những cửa sổ

Grève, sôi sục, Grève sủa lên!

Tới đó chàng trai cười và vuốt ve cô gái. Bà già là mụ Falourdel; cô gái, đó là con đĩ; chàng trai, đó là Jehan, em trai ông.

Ông tiếp tục nhìn. Thà ngắm cảnh này còn hơn là cảnh khác.

Ông thấy Jehan tới cửa sổ cuối phòng, mở ra, nhìn phía bờ sông lấp lánh trăm nghìn cửa sổ sáng đèn xa xa và nghe thấy y nói lúc khép cửa lại:

- Ai ngờ thế mà tối rồi! Dân phố đã lên đèn còn Chúa ơn phước đã thắp sao.

Rồi Jehan quay lại với cô gái đĩ, đập vỡ cái chai đặt trên bàn, kêu lên:

- Mẹ kiếp! Cạn sạch rồi kia à! Anh hết nhẵn cả tiền! Isabeau, em yêu ơi, anh chỉ thích Jupiter khi nào ngài biến cặp vú trắng hếu của em thành hai chai rượu đen ngòm, để anh ngày đêm bú rượu nho vùng Beaune.

Câu pha trò thú vị làm cô gái đĩ cười vang, rồi Jehan đi ra.

Đức cha Claude chỉ kịp nằm nhoài ra mặt đất để khỏi bị chú em trông thấy, nhìn tận mặt và nhận ra. Cũng may phố xá tối om, còn cậu học trò đang say. Tuy nhiên y cũng trông thấy phó chủ giáo nằm trên mặt đường lầy bùn.

- Ô kìa! - Y nói, - cái lão này hôm nay chè chén thỏa thuê rồi.

Y lấy chân lay đức cha Claude đang cố nín thở.

- Say khướt rồi, - Jehan nói. - Chà, hắn bí tỉ rồi. Cứ như con đỉa nhả khỏi thùng rượu. Hắn lại hói đầu, - y cúi xuống nhìn và nói thêm: một lão già! *Forturate senex*!*

Rồi đức cha thấy hắn bỏ đi và nói:

- Cũng thế thôi, lý trí là điều tốt đẹp, còn ông anh phó chủ giáo của mình thật sung sướng được làm nhà hiền triết và lắm tiền.

Rồi phó chủ giáo đứng dậy và chạy một mạch về phía nhà thờ Đức Bà mà ông thấy dãy tháp đồ sộ nổi lên trong bóng đêm, phía trên mái nhà.

Vừa lúc hớt hải chạy tới quảng trường Sait nhà thờ, ông lùi lại và không dám ngước nhìn tòa nhà bi thảm. Ông khẽ kêu lên:

- Ôi! Có thật một chuyện như vậy đã xảy ra ở đây, hôm nay, ngay buổi sáng này.

Tuy nhiên, ông vẫn lén nhìn nhà thờ. Mặt tiền tối om. Nền trời phía sau lấp lánh sao. Vành trăng lưỡi liềm, vừa bay lên khỏi chân trời, lúc đó dừng lại trên đỉnh tháp bên phải, và tựa con chim chói sáng, nó tới đậu lên dãy lan can nổi hình lá tam diệp đen.

Cổng tu viện đóng kín. Nhưng phó chủ giáo lúc nào cũng mang theo chìa khóa cửa tòa tháp có đặt phòng thí nghiệm của ông. Ông dùng chìa khóa đó để vào nhà thờ.

Ông thấy bên trong tối om và lặng ngắt như dưới hang. Thấy từng khối lớn bóng đen buông phủ khắp nơi thành mảng rộng, ông nhận ra các bức rèm của buổi lễ ban sáng chưa được cất đi. Chiếc thánh giá lớn thêu chỉ bạc lấp lánh ở phía xa tối om, rải rác vải chấm sáng, như dòng ngân hà trong đêm tối nhà mồ. Dãy cửa sổ dài gian hát thánh ca để lộ góc trên hình cung nhọn ở phía trên tấm rèm đen mà các khung kính màu, để lọt ánh trăng, chỉ còn lại màu sắc mơ hồ của ban đêm, thứ màu tím, màu trắng và màu xanh chỉ thấy trên sắc mặt người chết. Nhìn thấy khắp chung quanh gian hát thánh ca toàn những chỏm nhọn tò

vò tái nhợt đó, phó chủ giáo tưởng trông thấy các mũ lễ của những giám mục bị tội đọa đày. Ông nhắm mắt và lúc mở mắt ra, tưởng như có một vòng tròn những bộ mặt tái nhợt đang nhìn mình.

Ông liền chạy trốn khắp nhà thờ. Thế là tòa nhà tựa hồ cũng chuyển động, ngọ nguậy, sống dậy, hoạt động, mỗi cột lớn liền biến thành cẳng chân to tướng đang giậm thình thịch bằng chân cột đá to bản, tòa nhà thờ đồ sộ chỉ còn là loài voi kỳ dị hít thở và bước đi với dãy cột làm chân, với hai tháp làm vòi và tấm màn treo mênh mông màu đen làm chăn phủ lưng.

Như vậy, cơn sốt và cơn điên đã đạt tới cường độ ghê gớm, thế giới bên ngoài, đối với kẻ xấu số, chỉ còn là thứ u ẩn mịt mùng trông thấy, sờ thấy, ghê rợn.

Ông thấy dịu bớt trong chốc lát. Bước xuống ngăn xép cạnh gian nhà hát kinh, ông chợt thấy ánh lửa đỏ sau hàng cột. Ông chạy đến như tới một ngôi sao. Đó là ngọn đèn tù mù ngày đêm soi sáng cuốn sách kinh công cộng của nhà thờ Đức Bà dưới tấm lưới sắt. Ông vồ lấy cuốn thánh kinh, hi vọng tìm thấy niềm an ủi hoặc khuyến khích nào đó. Cuốn sách mở ra vào đoạn Job, khiến ông chăm chú đọc: - “Rồi một linh hồn lướt qua trước mặt và ta nghe thấy một hơi thở nhẹ, thế là khắp người ta nổi gai”.

Đọc đoạn văn rùng rợn này, ông có cảm giác của người mù bị cái gậy vừa nhặt lên đâm trúng mình. Hai đầu gối rụng rời, ông khuỵu xuống nền đá lát, nghĩ tới cô gái đã chết hồi ban ngày. Ông cảm thấy bao luồng khói quái dị trôi qua và ập vào đầu óc, tưởng như đầu mình hóa thành ống khói địa ngục. Hình như ông nằm đó rất lâu, không nghĩ ngợi gì, suy sụp và thụ động dưới bàn tay ác quỷ. Mãi sau mới hơi lại sức, ông định tới náu mình trong tòa tháp, cạnh gã Quasimodo thân tín. Ông nhổm dậy và vì sợ, nên cầm lấy cây đèn nơi cuốn sách kinh, để soi đường. Làm thế là phạm tội báng bổ; nhưng ông không để ý tới chuyện vặt đó nữa.

Ông thong thả leo cầu thang lên tháp, trong lòng thầm run sợ là ánh đèn bí hiểm giữa đêm khuya, thấp thoáng qua từng lỗ châu mai lên tới đỉnh tháp chuông, có thể ló ra cho khách qua đường hiếm hoi trên sân trước nhà thờ nhìn thấy.

Đột nhiên ông cảm thấy mát rượi trên mặt và đã lên tới trước cửa dãy hành lang cao nhất. Không khí mát lạnh; mây vần vũ trên nền trời, từng đám lớn trắng bệch nổi trôi, đè lên nhau, xóa mờ góc cạnh và giống băng trôi trên sông mùa đông, vầng trăng lưỡi liềm sa vào giữa đám mây như con thuyền thiên giới mắc kẹt trong các tảng băng không trung.

Ông nhìn xuống và đứng ngắm một lát, giữa hàng rào những cột con nối liền hai tháp, xa xa qua tấm màn the sương khói, đám đông lặng lẽ các mái nhà Paris, nhọn hoắt, hằng hà sa số, san sát và nhỏ bé như các đợt sóng trên biển lặng đêm hè.

Ánh trăng chiếu yếu ớt khiến trời đất đều nhuốm màu tro.

Vừa lúc đó chuông đồng hồ cất giọng nhỏ và rè. Đúng nửa đêm. Linh mục nhớ tới lúc giữa trưa. Đó là mười hai giờ đang trở lại. Ông thầm nói:

- Ôi! Giờ đây cô gái chắc lạnh cứng rồi.

Đột nhiên, cơn gió thổi tắt đèn và gần như cùng lúc, ông thấy xuất hiện ở góc tháp trước mặt một cái bóng, một hình trắng, một dáng người, một đàn bà. Ông rùng mình. Cạnh người đàn bà là con dê nhỏ kêu be be hòa cùng tiếng rên rỉ cuối cùng của chuông đồng hồ.

Ông trấn tĩnh nhìn. Đúng cô gái.

Cô mặt tái xám, người tối sầm. Tóc xõa xuống vai như hồi sáng. Nhưng không còn sợi thừng nơi cổ, tay không bị trói. Cô được tự do, cô đã chết.

Cô mặc áo trắng, đầu phủ khăn trắng.

Cô bước lại phía ông, thong thả ngước nhìn trời. Con dê siêu phàm theo sau.

Ông thấy mình như hóa đá, nặng trĩu đến không chạy trốn nổi. Mỗi bước cô tiến lên, ông lùi lại mỗi bước, cứ như vậy. Thế rồi ông tựa lưng vào trong vòm cầu thang tối om. Ông lạnh toát người khi nghĩ có thể cô cũng đi theo vào; nếu cô bước vào, ông sẽ sợ đến chết ngất.

Quả nhiên cô tới trước cửa cầu thang, dừng lại giây lát, đăm đăm nhìn vào bóng tối, nhưng không tỏ ra trông thấy linh mục, rồi đi thẳng. Ông thấy cô cao hơn lúc sống; ông nhìn thấy ánh trăng qua tấm áo dải trắng; ông nghe thấy hơi thở cô gái.

Cô gái đi rồi, ông mới xuống cầu thang, thong thả như dáng điệu của bóng ma, tưởng chính mình cũng là bóng ma, ngơ ngác, tóc dựng đứng, tay vẫn cầm chiếc đèn tắt ngóm; vừa bước xuống bậc thang xoáy ốc, ông nghe rõ ràng bên tai một giọng nói đang cười và nhắc lại:

“... Một linh hồn lướt qua trước mặt và ta nghe thấy một hơi thở nhẹ, thế là khắp người ta nổi gai”.

II
GÙ, CHỘT, THỌT

Mỗi thành phố thời trung cổ, cho mãi đến đời vua Louis XII, mỗi thành phố ở Pháp đều có nơi tị nạn. Giữa dòng thác lũ các luật hình và chế độ tư pháp dã man đang tràn ngập đô thị, các nơi tị nạn đó là những hòn đảo nổi trên mực nước của công lý con người. Bất kỳ tội phạm nào tới được đó đều thoát nạn. Tại một vùng ngoại ô, số nơi tị nạn gần ngang số nơi treo cổ. Đó là sự lạm dụng miễn tội bên cạnh sự lạm dụng cực hình, hai điều xấu gắng sửa đổi lẫn nhau. Cung điện vua chúa, dinh thự vương công, nhất là thánh đường, đều có quyền tị nạn. Đôi khi cả một thành phố mà người ta cần di dân tới định cư, cũng tạm thời được xem là nơi ẩn náu. Năm 1467 vua Louis XI đặt Paris thành nơi tị nạn.

Khi đã đặt chân vào nơi tị nạn, kẻ phạm tội trở thành bất khả xâm phạm; nhưng cần nhất là y đừng ra khỏi nơi đó. Một bước rời khỏi thánh địa, y rơi ngay xuống dòng thác lũ. Bánh xe khổ hình, đài treo cổ, cột treo người canh gác cẩn mật quanh nơi ẩn náu và không ngớt rình mò con mồi như đàn cá mập vây quanh con tàu. Do đó ta từng thấy có những tội phạm bạc đầu trong tu viện, trên cầu thang dinh thự, ngoài vườn một tịnh xá, dưới cổng một giáo đường; như vậy, nơi tị nạn cũng chỉ là nhà tù như mọi nhà tù. Thỉnh thoảng cũng xảy ra một án lệnh long trọng của pháp đình vi phạm nơi trú ẩn và trao trả tội phạm cho đao phủ; nhưng chuyện này hiếm có. Các pháp đình thường e ngại những giám mục và khi hai loại áo chùng đó đụng độ nhau, áo quan tòa thường thất thế trước áo thầy tu. Tuy nhiên đôi khi, như trong vụ bọn người ám sát Petit-Jean, đao phủ thành Paris, và trong vụ Emery Rousseau, kẻ giết hại Jean Valleret, tòa án đã nhảy qua đầu giáo hội và bất chấp việc thi hành các phán quyết của giáo hội;

nhưng trừ khi có án lệnh của pháp đình, nguy tai sẽ đến với bất cứ ai dám mang vũ khí tới xâm phạm nơi tị nạn! Người ta đã biết cái chết ra sao của Robert de Clermont, thống chế xứ Pháp và Jean de Châlons, thống chế xứ Champagne; vậy mà sinh chuyện chỉ vì một gã Perrin Marc, đầy tớ nhà đổi tiền, một tên sát nhân mạt kiếp; nhưng hai ông thống chế đã phá cửa nhà thờ Saint-Méry. Tội lỗi ở đó.

Cứ theo tục lệ cho biết, niềm tôn trọng bao quanh nơi ẩn náu đến nỗi đôi khi lan tới cả súc vật. Aymoin kể có con nai bị Dagobert săn đuổi, tới trú cạnh mộ thánh Denys, đàn chó đành dừng lại sủa suông thôi.

Các nhà thờ thường có căn phòng nhỏ sẵn sàng tiếp nhận kẻ tới nhờ cậy. Năm 1407, Nicolas Flamel sai xây cất cho họ, dưới vòm mái nhà thờ Saint-Jacquesde-la-Boucherie, một gian phòng tốn mất bốn đồng livre sáu xu mười sáu denier tiền Paris.

Tại nhà thờ Đức Bà, đó là căn phòng xây sát dưới mái của gian bên, dưới dãy cột cuốn, nhìn sang tu viện, ngay đúng chỗ hiện nay vợ người canh tháp làm thành khu vườn, so với vườn treo ở Babylone thì giống cây rau diếp so với cây cọ, như mụ gác cổng so với nữ hoàng thần thoại Sémiramis.

Sau khi chạy hùng hục và đắc thắng qua các tháp và hành lanh, Quasimodo liền đặt Esmeralda xuống đó. Suốt lúc chạy, cô gái không kịp hoàn hồn, nửa mê nửa tỉnh, chẳng biết gì ngoài cảm giác đang lên cao, đang lơ lửng, đang bay bổng, có gì đó nhấc cô lên khỏi mặt đất. Thỉnh thoảng, cô nghe thấy tiếng cười giòn giã, giọng nói oang oang của Quasimodo sát bên tai; cô hé mắt nhìn; khi đó, trông xuống dưới, cô thoáng thấy Paris chi chít muôn nghìn mái đá đen và mái ngói, như bức tranh ghép mảnh màu đỏ lẫn màu xanh còn trên đầu là bộ mặt kinh khủng và tươi vui của Quasimodo. Mí mắt cô liền khép lại; cô tưởng thế là hết, mình đã bị xử khi đang ngất, và con quỷ dị dạng cầm giữ mệnh số đã lấy lại linh hồn mình rồi đem đi. Cô không dám nhìn nó và phó mặc hết.

Nhưng khi gã kéo chuông đầu tóc rối bù và thở hổn hển đặt cô vào phòng trú ẩn, khi cảm thấy đôi bàn tay to lớn của hắn nhẹ nhàng cởi sợi dây thừng xiết chặt cánh tay, cô liền cảm thấy như một luồng xô giật bỗng nhiên đánh thức hành khách trên chiếc tàu biển bị va chạm giữa đêm đen. Ý nghĩ cô cũng bừng tỉnh và lần lượt trở lại trong đầu. Nhận ra mình đang ở trong nhà thờ Đức Bà, cô nhớ lại đã được giành khỏi bàn tay đao phủ, nhớ Phoebus hãy còn sống, nhớ Phoebus không yêu mình nữa; và hai ý nghĩ đó cùng đến một lúc với cô tội phạm khốn nạn, ý nghĩ này nhuốm chua cay ý nghĩ kia, cô liền quay lại phía Quasimodo đang đứng trước mặt và làm cô hoảng sợ. Cô bảo hắn:

- Tại sao anh lại cứu tôi?

Hắn lo lắng nhìn cô như thử đoán xem cô bảo gì. Cô nhắc lại câu hỏi. Thế là hắn nhìn cô hết sức buồn rầu rồi bỏ chạy.

Cô kinh ngạc ngồi lại.

Lát sau, nó quay lại, xách theo một gói rồi vứt xuống chân cô. Đó là quần áo của các bà từ thiện đặt trên ngưỡng cửa nhà thờ gửi cho cô. Lúc đó, cô mới cúi nhìn người mình và thấy gần như trần trụi, bèn đỏ mặt. Sự sống trở lại với cô.

Quasimodo như bần thần trước vẻ e thẹn đó. Nó đưa bàn tay to rộng lên che mắt rồi bỏ đi lần nữa, nhưng bước thong thả.

Cô gái vội mặc áo. Đó là chiếc áo dài trắng và tấm khăn voan trắng. Một bộ áo nữ tu mới vào phục vụ tại bệnh viện.

Cô vừa mặc xong đã thấy Quasimodo quay lại. Một tay nó xách chiếc giỏ, còn tay kia cắp tấm đệm giường. Trong giỏ có chai rượu, bánh mì và ít thức ăn, nó đặt giỏ xuống đất và bảo:

- Cô ăn đi.

Nó trải đệm xuống sàn đá lát và bảo:

- Cô ngủ đi.

Bữa ăn này của nó, đệm giường này của nó, gã kéo chuông vừa đi lấy mang về.

Cô gái Ai Cập ngước mắt nhìn nó để cảm ơn; nhưng cô không nói được lời nào. Tên quỷ tội nghiệp quả thực kinh khủng. Cô rùng mình khiếp sợ cúi đầu.

Lúc đó, nó mới nói:

- Tôi làm cô sợ. Tôi xấu lắm phải không? Cô đừng nhìn tôi nữa. Chỉ nghe tôi nói thôi. - Ban ngày, cô ở đây; ban đêm, cô có thể dạo chơi khắp nhà thờ. Nhưng cả ngày lẫn đêm đều không được ra khỏi nhà thờ. Đi ra là mất mạng. Họ sẽ giết cô, còn tôi sẽ chết.

Cô cảm động, ngửng đầu định trả lời nhưng nó đã biến mất. Còn lại một mình, cô suy nghĩ về lời lẽ kỳ quặc của con người hầu như quái vật và ngạc nhhiên về tiếng hắn nói rất khàn mà cũng hết sức dịu dàng.

Rồi cô nhìn gian phòng. Một căn buồng rộng chừng sáu bộ vuông, với cửa sổ nhỏ và cửa ra vào trên mặt phẳng hơi nghiêng của mái nhà bằng đá dẹt. Nhiều ống máng hình đầu thú vật như cúi xuống ở chung quanh và vươn cổ nhìn cô qua cửa sổ mái. Bên gờ mái, cô thấy trước mắt hàng ngàn ống khói đang bốc khói từ mọi bếp lửa của đô thành Paris. Cảnh tượng này thật buồn rầu đối với Esmeralda tội nghiệp, một đứa con vô thừa nhận, bị kết án tử hình, một con người khốn khổ, không Tổ quốc, không gia đình, không nhà cửa. Đang lúc ngẫm nghĩ về nỗi cô độc của mình, đau xót hơn bao giờ hết, cô bỗng thấy một cái đầu lông lá xồm xoàm cọ vào tay, vào đầu gối. Cô giật mình (giờ đây cái gì cũng làm cô khiếp sợ) và nhìn xuống. Đó là con dê tội nghiệp, con Djali nhanh nhẹn, cũng chạy thoát theo cô, khi Quasimodo đánh tan đội lính canh của Charmolue, và từ ngót một giờ nay, nó vẫn quấn quýt dưới chân cô mà chưa được cái nhìn đáp lại. Cô gái Ai Cập hôn nó và bảo:

- Ôi! Djali, ta trót quên mi rồi! Hóa ra mi vẫn nhớ đến ta! Ôi! Mi đâu phải đứa vô ơn, mi nhỉ!

Đồng thời, nhờ có bàn tay vô hình cất đi khối nặng từ lâu vẫn đè nén giọt lệ trong tim, cô òa khóc; và nước mắt càng tuôn chảy, cô cảng thấy nó cuốn đi mọi cay đắng và chua chát nhất của đau khổ.

Tối đến, thấy trời đêm thật đẹp, ánh trăng thật dịu, cô liền đi dạo một vòng trên hành lang cao nhất bao quanh nhà thờ. Cô cảm thấy nhẹ nhõm đôi chút, khi từ trên cao này nhìn xuống, mặt đất sao có vẻ thật yên tĩnh.

III
ĐIẾC

Sáng hôm sau, lúc tỉnh dậy, cô gái nhận ra mình đã ngủ. Điều kỳ lạ làm cô ngạc nhiên. Đã từ lâu, cô mất ngủ. Một tia nắng sớm vui tươi lọt qua cửa sổ mái, chiếu vào mặt cô. Cùng lúc với tia nắng, cô thấy ở cửa sổ một vật làm cô khiếp sợ, khuôn mặt khốn khổ của Quasimodo. Cô bất giác nhắm nghiền mắt, nhưng vô ích; cô tưởng như vẫn nhìn thấy qua mí mắt hồng cái mặt nạ ma quỷ, chột và rụng răng. Hai mắt vẫn nhắm, cô bỗng nghe thấy một giọng ồm ồm hết sức dịu dàng:

- Cô đừng sợ. Tôi là bạn cô. Tôi tới nhìn cô ngủ. Như vậy đâu có làm phiền gì cô, phải không, khi tới nhìn cô ngủ thế này? Tôi ở đây lúc cô nhắm mắt thì có bận gì tới cô đâu? Bây giờ, tôi đi thôi. Đó, tôi đứng lui ra sau tường rồi. Cô mở mắt được rồi đấy.

Có cái gì còn than vãn hơn lời lẽ, đó là giọng điệu được cất lên. Cô gái Ai Cập cảm động mở mắt. Quả nhiên, hắn không còn đứng trước cửa sổ. Cô tới cửa sổ và thấy gã gù tội nghiệp núp vào góc tường, dáng điệu thật đau khổ và nhẫn nhục. Cô cố gắng nén nỗi ghê tởm do nó gây ra và dịu dàng gọi:

- Lại đây.

Thấy cặp môi cô gái Ai Cập mấp máy, Quasimodo lại tưởng là cô đuổi mình; thế là nó đứng dậy và khập khiễng bước đi, chậm chạp, đầu cúi xuống, không dám ngước nhìn cô gái bằng con mắt đầy tuyệt vọng. Cô gọi to:

- Lại đây nào.

Nhưng nó tiếp tục đi xa. Cô bèn chạy ra khỏi phòng, đuổi theo và cầm lấy

cánh tay nó. Thấy cô gái sờ vào người mình, Quasimodo run hết cả tay chân. Nó ngước mắt van lơn rồi thấy cô kéo lại gần, mặt mày nó nở nang vui sướng và yêu thương, cô định dẫn nó vào phòng, nhưng nó khăng khăng đứng lại ngoài cửa, nói:

- Không, không, con cú không vào trong tổ sơn ca.

Cô gái bèn duyên dáng ngồi xuống tấm đệm, con dê phủ phục dưới chân. Hai người yên lặng hồi lâu, lặng lẽ nhìn nhau, nó ngắm bao vẻ kiều diễm, cô thấy bao nhiêu xấu xí. Mỗi lúc cô lại phát hiện thêm một nét dị dạng mới ở Quasimodo. Cô đưa mắt nhìn từ đôi đầu gối khoèo tới chiếc lưng gù, từ lưng gù tới con mắt độc nhất. Cô không ngờ một con người lại được đúc nặn vụng về đến như vậy lại có thật. Tuy nhiên, trên bấy nhiêu thứ cô xiết bao buồn rầu và hiền dịu toát ra, khiến cô bắt đầu quen dần.

Nó lên tiếng đầu tiên:

- Vừa rồi cô bảo tôi quay lại à?

Cô gật đầu, đáp:

- Phải.

Nó hiểu ý gật đầu, ngập ngừng nói:

- Khốn khổ! Chả là... tôi bị điếc.

- Tội nghiệp! - Cô Bohémienne thốt lên, vẻ đoái hoài thương hại.

Nó mỉm cười đau khổ:

- Cô thấy tôi chỉ còn thiếu cái đó là quá đủ, phải không? Phải, tôi điếc. Tôi sinh ra như vậy. Thật kinh khủng, đúng không? Còn cô, cô đẹp quá!

Giọng nói của con người tội nghiệp có ý thức rất sâu sắc về nỗi khổ của mình, khiến cô gái không thốt nổi lời nào. Vả lại, có nói nó cũng không nghe thấy. Nó nói tiếp:

- Chưa bao giờ tôi thấy mình xấu xí như bây giờ. Đem so sánh với cô, tôi rất

thương hại cho thân tôi, tôi chỉ là con quái vật khốn khổ đáng thương! Chắc cô thấy tôi giống con thú phải không! - Còn cô, cô là tia nắng, giọt sương, tiếng chim! - Tôi là cái gì ghê tởm; chẳng phải người, chẳng phải thú, một thứ gì đó còn cứng rắn hơn, bị dày xéo dưới chân và dị dạng hơn cả hòn sỏi!

Rồi nó cười, tiếng cười đau đớn nhất trên đời. Nó nói tiếp:

- Phải, tôi điếc. Nhưng cô cứ nói với tôi bằng cử chỉ dấu hiệu. Tôi có ông chủ vẫn nói chuyện với tôi bằng cách đó. Với lại tôi biết được ý muốn của cô qua cặp môi động đậy, qua con mắt nhìn.

- Nếu vậy, hãy nói tại sao anh cứu tôi, - cô gái mỉm cười, hỏi.

Nó chăm chú nhìn cô nói, rồi đáp:

- Tôi hiểu rồi. Cô hỏi tại sao tôi cứu cô. Cô đã quên có thằng khốn nạn một đêm toan bắt cóc cô, một thằng khốn nạn mà ngay sáng hôm sau cô đã cứu giúp nó trên đài bêu tù ô nhục. Giọt nước và chút lòng thương, như vậy đủ để tôi đem cả cuộc đời trả nợ chưa xong. Cô đã quên thằng khốn nạn, còn nó, nó vẫn nhớ.

Cô hết sức ái ngại nghe nó nói. Một giọt nước mắt lăn trong con mắt gã kéo chuông, nhưng không rơi xuống. Nó như gắng tự trọng để nuốt giọt nước mắt. Khi hết lo giọt nước mắt sẽ rơi, nó nói tiếp:

- Này cô, ở đây có những tòa tháp thật cao, một người rơi xuống sẽ chết trước khi tới mặt đường; khi nào cô muốn tôi nhảy xuống, cũng chẳng cần cô phải nói nửa câu, chỉ một tia mắt là đủ.

Nói rồi nó đứng lên. Dù cô Bohémienne đau khổ đến đâu, con người kỳ quặc vẫn gợi cho cô lòng xót thương. Cô ra hiệu cho nó ở lại. Nó đáp:

- Không, không. Tôi không nên ở lại quá lâu. Tôi không thoải mái mỗi khi cô nhìn tôi. Chỉ vì thương hại mà cô không quay mặt đi. Tôi sẽ tới chỗ nào có thể trông thấy cô mà cô không nhìn thấy tôi. Như vậy là hơn.

Nó rút trong túi ra cái còi nhỏ bằng kim khí, nói:

- Cô cầm lấy, khi nào cần tôi, khi nào muốn tôi đến, khi nào không quá khiếp sợ phải thấy tôi, cô cứ thổi cái còi này. Tôi nghe thấy tiếng còi.

Nó đặt chiếc còi xuống đất rồi bỏ chạy.

IV
SÀNH VÀ PHA LÊ

Ngày giờ qua đi.

Tâm hồn Esmeralda dần dần trở lại bình thản. Nỗi đau quá độ cũng như niềm vui quá độ là những thứ mãnh liệt không thể kéo dài. Trái tim con người chẳng thể dừng mãi ở một cực điểm. Cô Bohémienne đã quá nhiều đau khổ đến nỗi chỉ còn lại nỗi ngạc nhiên.

Cùng với sự yên ổn, niềm hy vọng cũng trở lại. Cô sống ngoài lề xã hội, ngoài lề cuộc đời, nhưng mơ hồ cảm thấy có lẽ không phải không thể trở lại đó. Cô như người chết còn dự phòng giữ lại chiếc chìa khóa cửa mồ.

Cô cảm thấy hình ảnh khủng khiếp bấy lâu ám ảnh mình xa dần. Mọi bóng ma ghê rợn, Pierrat Torterue, Jacques Charmolue, mờ dần trong trí óc, tất cả, cả lão linh mục nữa.

Vả lại, Phoebus còn sống, cô tin chắc như vậy, cô đã nhìn thấy chàng. Cuộc sống của Phoebus là tất cả. Sau hàng loạt rung chuyển định mệnh làm sụp đổ hết trong người, cô chỉ thấy tâm hồn còn đứng vững có một thứ, một tình cảm, đó là tình yêu đối với viên đại úy. Vì tình yêu như cái cây, tự nó mọc lên, đâm sâu rễ vào tất cả bản thể ta và tiếp tục xanh tốt trên trái tim hoang tàn.

Còn điều khó hiểu chính là say mê càng mù quáng lại càng dai dẳng. Không bao giờ nó bền vững bằng lúc tự nó không có lý do tồn tại.

Chắc hẳn Esmeralda không phải không chua chát lúc nghĩ tới viên đại úy. Thật ghê rợn khi chính chàng cũng mắc lừa, cũng tin vào sự việc vô lý, cũng cho rằng chính cô, một người sẵn sàng hy sinh nghìn lần cho chàng, đã đâm

mình. Nhưng rốt cục, không nên quá oán trách chàng; chính cô chẳng thú nhận *tội lỗi* đó sao? Chính cô, người đàn bà yếu đuối, chẳng khuất phục trước cực hình đó ư? Mọi lỗi lầm đều tại cô. Đáng lẽ đành chịu nhổ móng tay còn hơn một lời thú như vậy. Dù sao, chỉ cần gặp lại Phoebus một lần, một phút thôi, chỉ cần một câu nói, một khóe mắt là đủ để chàng hết hiểu lầm, trở về với cô. Cô tin chắc như vậy. Cô cũng tự khuây khỏa hão huyền về khối chuyện kỳ quặc, như sự tình cờ có mặt của Phoebus vào hôm cô công khai tạ tội, về cô gái đứng cạnh chàng. Chắc hẳn đây là em gái. Giải thích vô lý, nhưng cô chấp nhận, vì đang cần tin Phoebus vẫn yêu mình và chỉ yêu có mình thôi. Chàng đã chẳng thề thốt với cô là gì? Ngây thơ và cả tin như cô, còn cần gì hơn nữa? Vả lại, trong vụ này, cứ xét đoán bề ngoài, rõ ràng nó bất lợi cho cô hơn cho chàng. Cô đành chờ đợi. Cô hy vọng.

Cũng nên nói thêm, nhà thờ, tòa nhà thờ rộng lớn bao bọc cô khắp chung quanh, che chở, cứu vớt cô, tự nó cũng là liều thuốc an thần kỳ diệu. Đường nét trang trọng của kiến trúc, thái độ sùng bái của mọi vật vây quanh, tư tưởng thiêng liêng và thanh tịnh, có thể nó toát ra từ mọi lỗ lông chân khối đá vô hình chung tác động tới cô. Tòa nhà cũng còn vang dội bao tiếng động đầy ơn phước và uy nghiêm, chúng xoa dịu tâm hồn cô phần nào. Tiếng ca đều đều người hành lễ, lời đáp của dân chúng với linh mục, lúc ngắc ngứ, lúc ồn ào, cửa kính màu nhịp nhàng rung rinh, đại phong cầm cất cao như trăm tiếng kèn đồng, ba tháp chuông ngân vang như tổ ong to, cả dàn nhạc đó trỗi dậy một âm giai vĩ đại luôn luôn lên bổng xuống trầm từ đám đông tới tháp chuông xóa nhòa mọi ký ức, tưởng tượng đau khổ của cô. Nhất là giàn chuông, chúng hát ru cô. Đó là một thứ từ trường mãnh liệt mà các dụng cụ to lớn dâng thành đợt sóng cao để phủ lên người cô.

Cho nên, mỗi lần mặt trời mọc, lại thấy cô nguôi dịu hơn, hít thở điều hòa, bớt tái xanh, vết thương lòng càng được hàn gắn, vẻ mặt cô càng rạng rỡ thêm

nhan sắc và duyên dáng, tuy trầm tư và kín đáo hơn. Tính nết cũ cũng trở lại, phần nào cả tính vui vẻ, cái bĩu môi xinh đẹp, lòng yêu thương con dê, thói ham ca hát, nét e thẹn. Mỗi sáng, cô ý tứ nép vào góc phòng để thay áo, sợ có ai trên các gác xép lân cận nhìn thấy qua cửa sổ.

Lúc nào bớt nhớ tới Phoebus, cô gái Ai Cập đôi khi cũng nghĩ đến Quasimodo. Đây là sợi dây duy nhất, mối quan hệ duy nhất, sự giao tiếp duy nhất còn lại với mọi người, với kẻ sống. Thật tội nghiệp!

Cô còn cách biệt mọi người hơn cả Quasimodo! Cô chẳng hiểu tí gì về người bạn kỳ lạ mà tình cờ dẫn tới cho mình. Cô vẫn thầm trách, không có được lòng biết ơn để nhắm mắt bỏ qua, nhưng quả tình cô không thể quen được với gã kéo chuông khốn khổ. Hắn xấu quá.

Cô vẫn bỏ dưới đất chiếc còi hắn đưa. Không vì thế mà thỉnh thoảng Quasimodo không xuất hiện trong những ngày đầu. Khi hắn mang giỏ thức ăn và vò nước tới, cô gắng sức không quá ghê tởm quay mặt đi, nhưng vẫn nhận thấy từng cử chỉ nhỏ loại đó, thế là hắn buồn bã bỏ đi.

Một lần, hắn chợt tới lúc cô đang vuốt ve con Djali. Hắn đứng tư lự hồi lâu trước cái nhóm duyên dáng gồm con dê và cô gái Ai Cập. Sau cùng, lắc lư cái đầu nặng nề, méo mó hắn nói:

- Điều bất hạnh là tôi còn giống quá nhiều với con người. Tôi chỉ mong được hoàn toàn là con vật như con dê này.

Cô ngạc nhiên ngước nhìn hắn. Đáp lại khóe mắt, hắn nói:

- Ồ! Tôi thừa hiểu tại sao rồi.

Và hắn bỏ đi.

Lần khác, hắn tới trước cửa buồng, mà không bao giờ hắn bước vào giữa lúc Esmeralda đang hát bài dân ca cổ Tây Ban Nha cô không hiểu lời, nhưng nó luôn văng vẳng bên tai, vì các mụ Bohémienne thường hát ru cô hồi nhỏ. Nhìn thấy khuôn mặt gớm ghiếc đột nhiên xuất hiện giữa bài ca, cô gái ngừng bặt, bất

giác rùng mình sợ hãi. Gã kéo chuông khốn khổ quỳ xuống trước ngưỡng cửa và chắp đôi tay to tướng, méo mó, ra vẻ van lơn, cất tiếng đau đớn nói:

- Ôi! Tôi van cô, xin cô hát nữa đi và đừng xua đuổi tôi.

Không muốn làm hắn buồn lòng nên cô run rẩy hát tiếp khúc tình ca. Rồi dần dần bớt sợ, cô đắm mình trọn vẹn vào cảm xúc của bài ca u sầu, thê thiết đang hát. Còn hắn vẫn quỳ đó, chắp hai tay như cầu khấn, hắn chăm chú nín thở, đăm đăm nhìn vào tròng mắt sáng ngời của cô Bohémienne. Tưởng như hắn nghe bài hát trong mắt cô.

Lại một lần khác, hắn tới gặp cô, vẻ vụng về, nhút nhát, cố gắng mãi mới thốt lên lời:

- Cô hãy nghe tôi, tôi có chuyện muốn nói.

Cô ra hiệu đang nghe hắn. Thế là hắn thở dài, hé môi giây lát như sắp sửa nói, rồi nhìn cô, lắc đầu và thong thả bỏ đi, tay ôm trán, để mặc cô gái Ai Cập ở lại sững sờ.

Trong số hình thù ngộ nghĩnh chạm trổ trên tường, có một hình người hắn ưa thích nhất và hình như thường trao đổi khóe mắt thân thiện với nó. Một lần, cô gái Ai Cập nghe thấy hắn bảo hình người:

- Ôi! Sao ta không là đá như mi!

Thế rồi một hôm, vào buổi sáng, Esmeralda bước ra tận gờ mái và nhìn xuống quảng trường qua mái nhọn nhà thờ Saint-Jean-le-Rond. Quasimodo cũng đứng đó, sau cô. Hắn tự ý đứng như vậy, hết sức tránh cho cô gái nỗi khổ phải trông thấy hắn. Bỗng cô Bohémienne run lên, nước mắt và ánh vui cùng lóe sáng trong đôi mắt, cô quỳ xuống bên gờ mái, và hốt hoảng dang tay về phía quảng trường kêu lên:

- Phoebus! Lại đây! Lại đây! Một câu, chỉ một câu thôi, trời ơi! Phoebus! Phoebus! Phoebus!

Giọng nói, nét mặt, cử chỉ, toàn thân cô mang vẻ bi thảm của kẻ đắm thuyền ra hiệu cấp cứu cho chiếc tàu vui vẻ đang chạy xa xa dưới ánh nắng chân trời.

Quasimodo cúi nhìn xuống quảng trường và thấy đối tượng để âu yếm và điên dại cầu xin đó là chàng trai trẻ, một đại úy, một kỵ sĩ tuấn tú bóng lộn những vũ khí và trang sức đang ruổi ngựa ở đầu kia quảng trường và ngả mũ có ngù chào một tiểu thư diễm lệ tươi cười đứng trên bao lơn. Tất nhiên, viên sĩ quan không thể nghe thấy cô gái khốn khổ gọi mình. Chàng ở quá xa.

Nhưng gã điếc tội nghiệp, chính hắn lại nghe thấy. Ngực hắn nhô lên thở dài thườn thượt. Hắn quay lại. Trái tim phình to những giọt nước mắt hắn cố nuốt vào; hai nắm tay co quắp va nhau trên đầu và khi rút về, mỗi bàn tay đã có một nắm tóc đỏ quạch.

Cô gái Ai Cập không hề để ý tới hắn. Hắn nghiến răng khẽ nói:

- Trời đất ơi! Hóa ra phải như vậy! Chỉ cần có cái mã ngoài đẹp đẽ là đủ!

Trong khi đó, cô gái vẫn quỳ và kêu lên xúc động lạ thường:

- Ôi! Chàng đang xuống ngựa kia kìa. - Chàng sắp bước vào nhà! Phoebus! - Chàng không nghe thấy ta gọi! - Phoebus! - Thật độc ác cái cô kia, đi gọi chàng cùng lúc với ta! Phoebus! Phoebus!

Gã điếc nhìn cô. Hắn hiểu mọi bộ điệu đó. Mắt gã kéo chuông tội nghiệp ứa lệ, nhưng nó không để chảy một giọt. Đột nhiên, nó khẽ kéo tay áo cô gái. Cô quay lại. Vẻ mặt nó bình tĩnh. Nó hỏi:

- Cô có muốn tôi đi tìm anh ta cho cô không?

Cô reo lên vui sướng:

- Ồ! Đi đi! Đi ngay! Chạy mau! Nhanh lên! Ông đại úy đó! Dẫn chàng đến đây cho tôi! Tôi sẽ thương yêu anh!

Cô gái ôm hôn đầu gối nó. Nó bất giác lắc đầu đau khổ, thều thào nói:

- Tôi sẽ dẫn anh ta tới cho cô.

Rồi nó quay đầu đi và rảo bước lao xuống cầu thang, nghẹn ngào nức nở.

Xuống tới quảng trường, nó chỉ thấy con tuấn mã buộc trước cửa nhà Gondelaurier. Viên đại úy vừa vào nhà.

Nó ngước nhìn lên nóc nhà thờ. Esmeralda vẫn đứng đó, y nguyên như cũ. Nó lắc đầu buồn bã ra hiệu cho cô. Rồi nó tựa lưng vào chiếc cột mốc cạnh cổng nhà Gondelaurier, định bụng chờ viên đại úy đi ra.

Trong nhà Gondelaurier đây là ngày sêu tết* trước hôn lễ. Quasimodo thấy rất nhiều người đi vào mà chẳng có ai đi ra. Thỉnh thoảng, nó nhìn lên nóc nhà thờ. Cô gái Ai Cập cũng đứng trơ như hắn. Một giám mã tới tháo ngựa rồi dắt vào chuồng trong nhà.

Suốt một ngày qua đi như vậy, Quasimodo cạnh cột mốc, Esmeralda trên nóc nhà. Phoebus chắc hẳn dưới chân Fleur-de-Lys.

Rồi đêm xuống; một đêm không trăng, một đêm tối mịt. Quasimodo mỏi mắt nhìn Esmeralda. Lát sau chỉ còn là cái bóng trắng trong hoàng hôn; rồi không thấy gì nữa. Mọi vật tan biến, mọi vật tối đen.

Quasimodo thấy các cửa sổ ở mặt tiền nhà Gondelaurier sáng trưng từ trên xuống dưới. Hắn thấy mọi cửa kính khác trên quảng trường cũng lần lượt thắp sáng, rồi hắn cũng thấy đèn tắt cho tới ngọn cuối cùng. Vì hắn đứng nguyên vị trí đó suốt cả buổi tối. Viên sĩ quan không đi ra. Lúc những khách qua đường cuối cùng đã về nhà, lúc các cửa sổ mọi nhà khác đều tắt đèn, Quasimodo vẫn đứng đó hoàn toàn trơ trọi, hoàn toàn trong bóng tối. Hồi đó chưa có đèn đêm trên sân trước nhà thờ Đức Bà.

Tuy nhiên, cửa sổ nhà Gondelaurier vẫn sáng đèn cho mãi tới quá nửa đêm. Quasimodo đứng im và chăm chú nhìn các cửa kính muôn màu trên đó in bóng dáng qua lại đám đông linh hoạt đang khiêu vũ. Tiếng ồn ào của đô thành Paris yên ngủ tắt dần, nếu không điếc chắc nó đã nghe rõ hơn tiếng hội hè, tiếng cười đùa và âm nhạc ở bên trong nhà Gondelaurier.

Tới một giờ sáng, khách khứa bắt đầu ra về. Quasimodo lẫn trong bóng đêm, thấy rõ bọn họ đi qua chiếc cổng sáng ánh đuốc. Không có ai là viên đại úy.

Nó nặng trĩu ý nghĩ ưu phiền. Thỉnh thoảng lại ngước nhìn trời, như kẻ buồn chán. Từng đám mây lớn đen kịt, nặng nề, rách rưới, loang lổ, rũ xuống như chiếc võng nhiễu dưới vòm trời sao đêm. Trông giống các mạng nhện trên bầu trời.

Trong một lúc như vậy, nó bỗng thấy bí mật mở ra chiếc cửa sổ thấp ngoài bao lơn, mà lan can đá nổi bật trên đầu nó. Chiếc cửa kính mỏng manh để lọt hai người bước ra, rồi nhẹ nhàng khép lại sau họ. Một đàn ông và một đàn bà. Cũng khá khó khăn Quasimodo mới nhận ra người đàn ông là viên đại úy đẹp trai, còn người đàn bà là cô tiểu thư trẻ sáng nay nó trông thấy cũng đứng trên bao lơn này chào đón viên sĩ quan. Quảng trường hoàn toàn tối mịt và tấm rèm đôi đỏ tía, rủ xuống sau cửa lúc khép lại, đã che ánh sáng trong phòng không để lọt ra bao lơn.

Chàng trai và cô gái hình như đang say sưa tâm sự hết sức âu yếm, gã điếc đoán vậy vì không nghe thấy một lời nào họ nói. Cô gái hình như đã để viên sĩ quan vòng tay ôm lấy mình nên chỉ chống cự lấy lệ khi chàng ghé môi hôn. Đứng dưới đường, Quasimodo được chứng kiến cảnh này, càng vui mắt khi nó không định để ai nhìn thấy. Hắn cay đắng ngắm nhìn hạnh phúc đó, cảnh đẹp đó. Dù sao, ngay ở con người khốn khổ này, thiên nhiên không hề câm nín, cột xương sống tuy cong queo tàn nhẫn, cũng biết run rẩy không kém bất cứ ai. Nó nghĩ tới thân phận khốn nạn tạo hóa dành cho, mọi thứ: đàn bà, tình yêu, nhục dục sẽ vĩnh viễn trôi qua trước mắt và nó chỉ được đứng nhìn vui sướng của kẻ khác. Nhưng đau lòng nhất trong cảnh này, điều làm nó đã phẫn nộ lại còn bất bình, đó là nghĩ tới cô gái Ai Cập sẽ đau khổ đến đâu nếu trông thấy cảnh đó. Cũng may đêm tối mịt, còn Esmeralda ở khá xa, nếu cô vẫn đứng nguyên chỗ cũ (nó tin chắc như vậy), và ngay chính nó cũng chỉ lờ mờ phân biệt được cặp tình

nhân trên bao lơn. Nghĩ vậy nó tạm yên tâm.

Lúc này, cuộc trò chuyện giữa hai người trở nên sôi nổi hơn. Cô thiếu nữ như van nài viên sĩ quan đừng đòi hỏi gì thêm, Quasimodo chỉ thấy trên đó những bàn tay xinh đẹp nắm lấy nhau, nụ cười trộn nước mắt, khóe mắt ngước nhìn bầu trời sao của cô gái và cặp mắt nồng cháy của viên đại úy cúi nhìn cô.

May thay, vì cô gái bắt đầu chỉ còn chống cự rất yếu ớt, cánh cửa bao lơn bỗng mở ra, một phu nhân già xuất hiện, cô gái hình như lúng túng, viên sĩ quan ra vẻ bực bội và cả ba quay vào.

Lát sau, có tiếng ngựa giậm chân dưới cổng rồi ông đại úy bảnh bao, khoác áo choàng đêm, phi nhanh qua mặt Quasimodo.

Gã kéo chuông để chàng đi tới góc phố rồi mới chạy theo, nhanh nhẹn như con khỉ, gọi to:

- Này! Ông đại úy!

Viên đại úy dừng lại.

- Tên vô lại này muốn gì đây? - Chàng nói, nhìn kỹ trong bóng đêm cái dáng người khạng nạng đang khập khiễng chạy tới.

Khi đó, Quasimodo đã tới nơi và vội nắm lấy dây cương nói:

- Đại úy hãy theo tôi, đằng kia có người muốn nói chuyện với ông.

- Mẹ kiếp! - Phoebus cầu nhàu, con chim xù lông chết tiệt này, hình như ta đã gặp ở đâu. - Ô hay, cái nhà bác này, có buông cương ra không nào?

- Đại úy, - gã điếc đáp, - có phải đại úy hỏi ai muốn gặp ông phải không?

- Ta bảo hãy buông ngựa ra, - Phoebus sốt ruột gắt. Thằng cha dấm dớ này muốn gì mà cứ níu ngựa người ta? Dễ thường mày tưởng ngựa của tao là cột treo cổ chắc?

Quasimodo chẳng những không buông cương mà còn tìm cách đẩy ngựa quay đầu lại. Không hiểu vì sao đại úy lại chống cự, nó vội bảo:

- Đại úy, hãy tới đó, có cô gái đang chờ ông.

Nó cố nói thêm:

- Một cô yêu ông.

- Đồ lếu láo kỳ cục! - Đại úy nói, - ai bảo ta cứ phải đến nhà mọi cô gái yêu ta! Hoặc bảo là yêu ta! Đồ mặt cú vọ, liệu cô ta có giống mày không? Bảo kẻ sai mày đến đây là tao sắp cưới vợ, và nó hãy cút đi cho sớm!

Quasimodo tưởng chỉ nói một câu viên đại úy sẽ hết do dự bèn kêu lên:

- Đức ông hãy nghe tôi, tới đó đi! Đây là cô gái Ai Cập ông vẫn quen!

Quả nhiên câu nói tác động mạnh tới Phoebus, nhưng không phải như gã điếc mong đợi. Ta còn nhớ viên sĩ quan tình tứ đã cùng Fleur-de-Lys sớm lui vào trong nhà, trước khi Quasimodo cứu thoát cô tử tù khỏi tay Charmolue. Từ đó mỗi lần đến chơi nhà Gondelaurier, chàng không hề nhắc tới cô gái, vì nghĩ dù sao cũng chỉ thêm khó chịu; còn về phía Fleur-de-Lys, cô thấy chẳng khôn ngoan gì mà đi nói cho chàng biết cô gái Ai Cập vẫn còn sống. Cho nên Phoebus tưởng *Similar* tội nghiệp đã chết, mà như vậy cũng hai tháng rồi, chưa kể từ nãy đến giờ, viên đại úy chợt nghĩ tới đêm khuya tối tăm, vẻ xấu dị thường cùng giọng nói đáy mồ của kẻ đưa tin kỳ quặc, giờ giấc đã quá nửa đêm, phố vắng tanh như cái tối chàng gặp con ma đội lốt thầy tu, còn con ngựa thở phì phì nhìn Quasimodo. Chàng kêu lên, gần như hốt hoảng:

- Cô gái Ai Cập! Này, có phải từ dưới âm ty hiện lên đó không?

Và bàn tay chàng nắm lấy chuôi gươm.

- Nhanh, nhanh lên! - Gã điếc nói, tìm cách lôi con ngựa đi. - Ở đằng này!

Phoebus đạp ủng thật mạnh vào ngực hắn.

Mắt Quasimodo lóe sáng. Nó nghiêng mình toan nhảy xổ vào viên đại úy. Nhưng nó dừng lại, nói:

- Ôi! Sung sướng thay cho ông có được một người yêu ông!

Nó nhấn mạnh vào câu *một người* rồi buông dây cương, bảo:

- Thôi, đi đi!

Phoebus chửi đổng thúc ngựa chạy. Quasimodo nhìn chàng lao vào màn sương trên phố. Gã điếc thống khổ thầm nói:

- Ôi! Thế mà từ chối!

Nó trở về nhà thờ Đức Bà, thắp đèn và lên tháp. Đúng như nó nghĩ, cô Bohémienne vẫn đứng nguyên chỗ cũ.

Từ thật xa thấy nó, cô vội chạy tới. Đôi bàn tay đẹp đau đớn chắp lại, cô thốt lên:

- Có một mình thôi ư!

- Tôi không gặp ông ta, - Quasimodo lạnh lùng nói.

- Thì phải đợi suốt đêm chứ! - Cô tức giận gắt.

Hắn nhìn cử chỉ giận dữ của cô và hiểu mình bị trách móc, liền cúi đầu, nói:

- Lần sau, tôi sẽ đợi lâu hơn.

- Cút đi! - Cô mắng.

Nó bỏ đi. Cô không bằng lòng nó. Nó mong được cô gái hành hạ hơn làm phiền lòng cô. Nó giữ trọn vẹn nỗi đau cho riêng mình.

Từ hôm đó, cô không thấy nó nữa. Nó thôi không tới buồng cô. Cùng lắm chỉ thỉnh thoảng cô thoáng thấy trên đỉnh tháp bộ mặt gã kéo chuông đang buồn rầu nhìn mình. Nhưng cô vừa trông thấy, hắn đã biến mất.

Nói thật tình, cô chẳng hề buồn về chuyện gã gù khốn khổ cố tình lánh mặt. Trong thâm tâm, cô còn cảm ơn nó. Vả lại, Quasimodo cũng không hề có ảo tưởng gì về chuyện đó.

Cô không gặp nó nữa nhưng cảm thấy một vị thần hộ mệnh luôn có mặt quanh mình. Thức ăn được bàn tay bí mật đưa tới lúc cô ngủ. Một sáng, cô thấy chiếc lồng chim ở cửa sổ. Phía trên gian buồng, có một hình chạm trổ làm cô sợ.

Đã nhiều lần, cô tỏ vẻ sợ như vậy trước mặt Quasimodo. Một sáng (vì mọi việc đó đều làm vào ban đêm), cô không thấy nữa, có kẻ đập vỡ rồi. Người leo lên tới hình chạm trổ đó đã phải liều mạng.

Đôi khi, buổi tối, cô nghe thấy một giọng ca nấp dưới mái che gió tháp chuông, hát một điệu buồn và kỳ lạ để ru cô ngủ. Đó là những câu thơ không vần, chỉ người điếc mới làm nổi.

Đừng nhìn khuôn mặt,
Hỡi cô gái, hãy nhìn trái tim,
Trái tim chàng đẹp trai lại thường méo mó
Có những tim người chẳng giữ mãi tình yêu
Cô gái ơi, cây thông không đẹp,
Không đẹp bằng bạch dương
Nhưng nó giữ nguyên cành lá mùa đông
Than ôi! Nó làm gì vô ích!
Cái gì không đẹp chẳng nên có mặt;
Sắc đẹp chỉ yêu sắc đẹp
Tháng tư tránh mặt tháng giêng
Sắc đẹp thì hoàn hảo
Sắc đẹp làm gì cũng được
Sắc đẹp là vật duy nhất không tồn tại nửa chừng
Con quạ chỉ bay ban đêm
Thiên nga bay cả đêm lẫn ngày.

Một sáng tỉnh dậy, cô thấy trên cửa sổ hai bình đầy hoa. Một chiếc bình là pha lê rất đẹp, bóng lộn, nhưng rạn nứt. Nó rò chảy nước đã đổ đầy, nên hoa

trong bình héo úa. Chiếc kia là lọ sành, thô kệch và tầm thường, nhưng còn nguyên nước, nên hoa vẫn tươi và đỏ hồng.

Không biết có phải chuyện cố ý hay không, nhưng Esmeralda cầm bó hoa héo và cài suốt ngày trên ngực.

Hôm đó cô không nghe thấy tiếng hát trên tháp.

Cô cũng chẳng buồn quan tâm đến chuyện đó. Suốt ngày cô ngồi vuốt ve con Djali, theo dõi cổng nhà Gondelaurier, thầm thì nói một mình về Phoebus và bẻ vụn bánh mì cho chim én ăn.

Thế rồi cô hoàn toàn không còn gặp, không còn nghe thấy Quasimodo. Gã kéo chuông khốn khổ tựa hồ biến mất khỏi nhà thờ. Nhưng một đêm, nhân lúc không ngủ được và đang nghĩ tới chàng đại úy đẹp trai, cô nghe thấy tiếng thở gần buồng mình. Cô hoảng sợ, vùng dậy và thấy dưới ánh trăng một đống dị hình nằm ngang trước cửa. Đó là Quasimodo nằm ngủ trên nền đá.

V
CHIẾC CHÌA KHÓA CỔNG ĐỎ

Lúc đó, do công chúng bàn tán, phó chủ giáo đã biết cô Ai Cập được cứu thoát thần diệu thế nào. Khi hay tin, ông không biết mình cảm nghĩ gì, ông đã quen với chuyện Esmeralda chết rồi. Bằng cách đó, ông được yên thân, ông đã chạm tới đáy tận cùng đau khổ. Trái tim con người (đức cha Claude từng suy ngẫm về vấn đề này) chỉ chứa nổi số lượng thất vọng nhất định. Khi miếng bọt biển đã sũng nước, cả đại dương tràn qua cũng không thể thấm thêm giọt lệ nào.

Nếu Esmeralda đã chết rồi, miếng bọt biển đã sũng nước, mọi sự coi là xong đối với đức cha Claude trên trái đất này. Nhưng cảm thấy cô gái còn sống, và cả Phoebus nữa, như vậy cực hình lại tiếp tục, cùng những xúc động, day dứt, cuộc sống. Mà Claude thì chán hết mọi chuyện.

Khi biết tin, ông liền giam mình trong phòng riêng ở tu viện, ông không dự cả hội nghị tăng đồ lẫn buổi lễ. Ông chẳng tiếp ai, kể cả đức giám mục. Ông ẩn kín như vậy liền mấy tuần. Ai cũng tưởng ông ốm. Mà ốm thật.

Ông giam mình như thế để làm gì? Kẻ khốn khổ đang day dứt những ý nghĩ nào? Liệu ông có giao chiến trận cuối cùng với niềm si mê ghê gớm của mình không? Hoặc trù tính một kế hoạch cuối cùng để giết chết cô gái và hủy hoại mình?

Jehan, chú em yêu quý, đứa con nuông chiều của ông, một lần tới trước buồng, gõ cửa, gắt gỏng, van nài, xưng tên hàng chục lần. Claude vẫn không mở cửa.

Suốt ngày ông dán mặt vào khung kính cửa sổ. Từ cửa sổ tu viện này, ông

nhìn thấy buồng Esmeralda, thường thấy cô gái với con dê, đôi khi có cả Quasimodo. Ông theo dõi mọi săn sóc tỉ mỉ của gã điếc xấu xí, thái độ phục tùng cùng cử chỉ nhẹ nhàng và ngoan ngoãn của nó đối với cô gái Ai Cập. Do trí nhớ rất tốt, chính trí nhớ là nỗi khổ của kẻ hay ghen, ông nhớ lại ánh mắt khác thường của gã kéo chuông nhìn cô gái múa rong vào một buổi chiều trước đó. Ông tự hỏi nguyên nhân nào xui khiến Quasimodo cứu thoát cô gái. Ông chứng kiến vô số cảnh sinh hoạt nho nhỏ giữa cô Bohémienne và gã điếc, mà điệu bộ ra hiệu của cô, nhìn từ xa và nhận xét bằng mối tình say đắm của ông, có vẻ rất âu yếm. Ông nghi ngại tính khí kỳ quặc của đàn bà. Thế rồi, ông mơ hồ cảm thấy ghen tuông dấy lên trong lòng, mối ghen không hề chờ đợi, mối ghen làm ông đỏ mặt vì xấu hổ và tức giận. - Đối với viên đại úy thì cũng được, chứ còn đối với cái thằng này! - Ý nghĩ đó làm đức cha Claude bực bội trong lòng.

Đức cha Claude trải qua những đêm khủng khiếp. Từ ngày biết rõ cô gái Ai Cập còn sống, những ý nghĩ lạnh lẽo dính dáng đến bóng ma, nhà mồ, từng ám ảnh ông suốt một ngày, nay tan biến hết và xác thịt trở lại đòi hỏi. Ông quằn quại trên giường, như cảm thấy cô gái trẻ tóc nâu ở ngay sát bên mình.

Đêm đêm, óc tưởng tượng điên rồ khiến ông nghĩ ra đủ mọi dáng điệu của Esmeralda, làm cho mạch máu khắp người sôi lên. Ông nhìn thấy cô gái nằm trên người viên đại úy bị đâm, mắt cô nhắm nghiền, bộ ngực trần và đẹp hoen máu Phoebus, vào lúc đang khoái lạc, khi phó chủ giáo gắn trên đôi môi cô tái nhợt chiếc hôn mà cô gái khốn khổ tuy gần như chết, còn cảm thấy nóng bỏng. Ông nhớ lúc cô gái bị bàn tay dã man của bọn khảo đả tha hồ lột trần và xỏ vào chiếc kẹp chân vặn đinh ốc sắt cái bàn chân bé nhỏ, cẳng chân thon thả, tròn, đầu gối mềm mại, trắng ngần. Ông còn nhớ mãi cái đầu gối màu ngà duy nhất còn lại bên ngoài chiếc dụng cụ ghê gớm của Torterue. Cuối cùng, ông hình dung cảnh cô gái mặc áo lót, cổ buộc sợi dây thừng, hai vai trần, đôi bàn chân không, hầu như trần truồng, như ông đã trông thấy vào hôm cuối cùng. Các hình

ảnh dâm dật làm ông nắm chặt hai bàn tay và thấy một luồng run rẩy chạy dọc suốt xương sống.

Giữa một đêm loại đó, những hình ảnh như vậy hâm sôi tàn nhẫn dòng máu thanh tân và tu sĩ, khiến đức cha Claude phải ghì chặt gối, vội nhảy xuống giường, khoác áo lễ ra ngoài áo ngủ, rồi ra khỏi phòng, tay cầm đèn, quần áo xốc xếch, ngơ ngác, con mắt rực lửa.

Ông biết chỗ cất chiếc chìa khóa của cổng đỏ, nó từ tu viện thông sang giáo đường, và như ta đã biết, ông luôn có trong người chiếc chìa khóa để mở cửa cầu thang lên tháp.

VI
TIẾP THEO CHUYỆN CHIẾC CHÌA KHÓA CỔNG ĐỎ

Đêm đó Esmeralda đang ngủ trong buồng, đầy ắp lãng quên, hy vọng cùng ý nghĩ êm ái. Ngủ được hồi lâu, đang mơ thấy Phoebus như thường lệ, cô bỗng nghe thấy có tiếng động quanh mình. Giấc ngủ chập chờn và lo ngại, giấc ngủ loài chim. Hơi động là cô tỉnh ngay. Cô mở mắt. Đêm tối mịt. Tuy nhiên, cô vẫn nhìn thấy ở cửa sổ một khuôn mặt đang nhìn mình. Ngọn đèn soi sáng bóng ma. Lúc thấy Esmeralda nhận ra mình, khuôn mặt liền thổi tắt đèn. Dù sao cô cũng kịp thoáng nhận ra nó. Đôi mi mắt khiếp sợ khép lại. Cô thì thào tự nhủ:

- Ôi! Lão linh mục!

Tất cả khổ đau quá khứ trở lại như tia chớp. Cô nằm vật xuống giường, lạnh cứng.

Lát sau, cô thấy khắp người bị sờ soạng, liền bật ngồi dậy, tức giận đến tỉnh hẳn ngủ.

Linh mục đã mò tới cạnh. Ông vòng hai tay ôm ghì lấy cô.

Cô muốn kêu lên nhưng không thốt ra lời.

Rồi bằng giọng run rẩy, trầm trầm vì quá tức giận và khiếp sợ, cô nói:

- Cút đi, đồ quái vật! Cút đi, quân giết người!

Linh mục vừa thầm thì vừa hôn đôi vai cô gái:

- Ban ơn cho tôi! Ban ơn cho tôi!

Esmeralda đưa hai tay túm mái tóc sót lại trên đầu hói y, cố đẩy lùi những cái hôn như thể vết cắn. Gã khốn khổ vẫn lải nhải:

- Ban ơn cho tôi! Nếu em biết tình yêu của tôi đối với em như thế nào! Như

lửa đốt, như chì sôi, như trăm ngàn lưỡi dao trong tim tôi.

Rồi bằng sức lực phi thường, ông gạt được hai cánh tay cô gái. Cô hoảng sợ, thét lên:

- Hãy buông ra, nếu không tao nhổ vào mặt mày!

Ông đành buông tay.

- Em sỉ nhục tôi đi, đánh đập tôi đi, tàn ác đi! Hãy làm bất cứ điều gì muốn! Nhưng ban ơn cho tôi! Hãy yêu tôi!

Thế là cô gái đánh ông bằng tất cả sự hung hãn của đứa trẻ. Hai bàn tay xinh đẹp lên gân cào mạnh vào mặt ông.

- Cút đi, đồ quỷ dữ!

- Yêu tôi đi! Yêu tôi đi! Tội nghiệp!

Linh mục khốn nạn vừa kêu vừa chồm lên người cô gái, đáp lại những cái tát bằng những vuốt ve.

Phút chốc, cô cảm thấy ông ta mạnh hơn mình. Ông nghiến răng nói:

- Phải xong đi mới được!

Cô gái bị áp đảo, hổn hển, rã rời, trong cánh tay linh mục, toan buông xuôi phó mặc. Cô cảm thấy bàn tay dâm dật sờ soạng khắp người, cố gắng lần cuối, cô hết sức gào to:

- Cứu tôi với? Cứu tôi với! Có con quỷ hút máu! Quỷ hút máu!

Chẳng ai chạy tới. Riêng con Djali thức dậy và hoảng hốt kêu be be.

- Im đi! - Linh mục thở hổn hển nói.

Đột nhiên, trong lúc giãy giụa, bò lăn dưới sàn, bàn tay Esmeralda sờ phải một vật lạnh bằng kim khí. Chiếc còi của Quasimodo. Cô run lên vì hy vọng, vội vớ ngay lấy, đưa lên môi và mang hết hơi tàn ra thổi. Tiếng còi lanh lảnh, kêu rít, chói tai.

- Cái gì thế! - Linh mục hỏi.

Gần như cùng lúc, ông cảm thấy một cánh tay mạnh mẽ nhấc bổng mình lên; gian phòng tối om, không nhận ra ai đang tóm lấy mình, nhưng ông nghe thấy tiếng hàm răng nghiến vào nhau tức giận, rồi chút ánh sáng leo lét trong bóng tối cũng đủ để ông thấy một lưỡi dao lớn vung lên sáng loáng trên đầu.

Linh mục ngờ ngợ thoáng nhận ra bóng Quasimodo. Ông đoán chừng cũng chỉ có nó. Ông nhớ khi bước vào, đã vấp phải cái bọc đặt ngang phía ngoài, ngay trước cửa. Nhưng kẻ mới tới chẳng hé răng nói nửa lời, nên ông chưa hiểu ra sao. Ông nắm lấy cánh tay cầm dao, quát lên:

- Quasimodo!

Trong lúc nguy khốn, ông quên Quasimodo điếc.

Trong chớp mắt, linh mục đã bị quật ngã và thấy một đầu gối nặng như chì đè lên ngực. Thấy đầu gối gồ ghề đó, ông nhận ra Quasimodo. Nhưng biết làm sao? Làm cách nào để hắn nhận ra mình? Đêm tối khiến kẻ điếc thêm mù.

Ông lâm nguy. Cô gái không chút thương hại, như con hổ cái tức giận, chẳng thèm can thiệp cứu ông. Lưỡi dao đang kề tận cổ. Phút giây thật nguy ngập. Bỗng đối phương có vẻ do dự. Nó nói, giọng khàn khàn:

- Không nên để vấy máu lên người cô ta!

Đúng tiếng nói Quasimodo.

Thế rồi linh mục cảm thấy bàn tay to nắm lấy bàn chân mình kéo xềnh xệch khỏi phòng. Ông sẽ phải chết ở ngoài đó. May thay cho ông, mặt trăng vừa mọc được một lúc.

Khi cả hai ra khỏi cửa phòng, ánh trăng mờ chiếu lên mặt linh mục. Quasimodo nhìn thẳng vào mặt ông, bỗng run sợ, buông linh mục ra và lùi lại.

Cô gái Ai Cập bước tới cửa phòng, ngạc nhiên khi nhìn thấy hai vai trò đột nhiên thay đổi. Bây giờ tới lượt linh mục đe dọa, còn Quasimodo van xin.

Linh mục trút lên đầu thằng điếc đủ các cử chỉ tức giận và trách mắng, hung

hăng ra hiệu bắt nó rời đi.

Gã điếc cúi đầu, rồi tới quỳ xuống trước cửa phòng cô Ai Cập. Nó nói, giọng trang nghiêm và nhẫn nhục:

- Bẩm đức ông, trước hết hãy giết tôi, rồi sau tùy đức ông muốn làm gì thì làm.

Vừa nói, nó vừa chìa dao cho linh mục. Linh mục tức điên nhảy tới, nhưng cô gái nhanh tay hơn, giằng ngay lấy con dao khỏi tay Quasimodo, rồi cất tiếng cười vang giận dữ. Cô thách linh mục:

- Lại đây!

Cô vung lưỡi dao. Linh mục đứng đó lưỡng lự. Chắc chắn sẽ đâm. Cô quát lên:

- Đồ hèn! Mày không dám lại gần nữa ư!

Rồi cô nói thêm, giọng lưỡi thật độc địa, biết rõ sẽ chọc thủng tim linh mục bằng trăm ngàn mũi nhọn nung đỏ:

- Này! Ta biết chắc Phoebus chưa chết đâu!

Linh mục đạp Quasimodo ngã lăn ra đất rồi tức giận điên cuồng, lao đầu chạy xuống vòm cầu thang.

Ông đi rồi, Quasimodo liền nhặt chiếc còi vừa cứu thoát cô Ai Cập. Hắn đưa trả cô, nói:

- Còi gỉ rồi.

Rồi hắn bỏ cô đứng đó một mình.

Bàng hoàng trước cảnh ghê gớm vừa xảy ra, cô gái kiệt sức gục xuống giường khóc nức nở. Chân trời của cô lại thê thảm.

Còn phía linh mục, ông dò dẫm quay về phòng.

Thế là rõ. Đức cha Claude ghen với Quasimodo.

Ông trầm ngâm nhắc lại câu nói tàn nhẫn:

- Sẽ không ai chiếm được nàng!

QUYỂN MƯỜI

I
GRINGOIRE NẢY RA NHIỀU Ý KIẾN HAY LIÊN TIẾP TRÊN PHỐ BERNARDIN

Từ lúc Pierre Gringoire thấy toàn bộ vụ án đã xoay chuyển ra sao và chắc chắn sẽ có đủ cả dây thừng, chuyện treo cổ lẫn mọi trò phiền phức cho các nhân vật chính của tấn hài kịch, chàng liền không thèm dây vào nữa. Chàng vẫn sống với bọn ăn mày, vì xét cho cùng, đó là lũ bạn tốt nhất Paris, bọn ăn mày vẫn tiếp tục quan tâm tới cô gái Ai Cập. Chàng thấy chuyện đó rất tự nhiên đối với họ, những kẻ giống cô gái, không có viễn ảnh nào khác ngoài Charmolue và Torterue, những kẻ không cưỡi đôi cánh con thần mã Pegasus như chàng để phi vào vùng tưởng tượng. Nghe họ trò chuyện, chàng biết cô vợ mới cưới theo tục đập vỡ vò đang trốn tránh trong nhà thờ Đức Bà và chàng rất lấy làm bằng lòng. Nhưng ngay cả ý định tới thăm, chàng cũng không hề có. Thỉnh thoảng, chàng chỉ nhớ tới con dê con, thế thôi. Vả lại, ban ngày, chàng phải làm trò kiếm ăn, còn ban đêm, lại miệt mài viết cuốn hồi ký để chống lại giám mục thành Paris, vì vẫn nhớ mình từng bị té ướt hết bởi bánh xe cối xay lúa của tòa giám mục, mà chàng vẫn còn thâm thù. Chàng cũng bận phê bình tác phẩm xuất sắc của Baudry le Rouge, giám mục Noyon và Tournay, cuốn *De Cupa Petrarum**, do đó đâm ra ham thích cuồng nhiệt khoa kiến trúc; khuynh hướng này đã thay thế cho niềm say mê khoa điểm kim trong lòng chàng, mà thực ra nó cũng chỉ là hậu quả tự nhiên, vì vẫn có mối liên hệ mật thiết giữa khoa điểm kim và khoa xây dựng. Gringoire đã đi từ tình yêu một ý tưởng sang tình yêu hình thức của ý tưởng đó.

Một hôm, chàng dừng bước ở gần nhà thờ Saint-Germain l’Auxerrois, ở góc

một ngôi nhà mang tên *Le For-l'Évêque*, đối diện với ngôi nhà khác mang tên *Le For-le-Roi*, tại ngôi nhà For-l'Évêque có một nhà nguyện xinh xắn xây dựng từ thế kỷ XIV, đầu hồi trông ra phố. Gringoire sùng bái ngắm nghía các điêu khắc ở bên ngoài. Chàng đang ở vào phút hưởng thụ ích kỷ, tuyệt đối, cao cả, lúc nghệ sĩ chỉ nhìn thấy có nghệ thuật ở trên đời và chỉ thấy cuộc đời trong nghệ thuật. Đột nhiên, chàng thấy một bàn tay trịnh trọng đặt lên vai. Chàng quay lại. Đó là người bạn cũ, người thầy cũ, ngài phó chủ giáo.

Chàng ngạc nhiên. Đã lâu chàng không gặp phó chủ giáo và đức cha Claude vốn thuộc loại người trịnh trọng và đam mê mà sự gặp gỡ thường làm mất thế thăng bằng ở một triết gia hoài nghi.

Phó chủ giáo nín lặng hồi lâu, trong lúc Gringoire tha hồ quan sát ông ta. Chàng thấy đức cha Claude thay đổi hẳn, trắng bệch như sáng mùa đông, mắt trũng sâu, tóc bạc gần hết. Sau cùng, linh mục lên tiếng, giọng bình tĩnh nhưng lạnh lùng:

- Thế nào, thầy Pierre, vẫn khỏe chứ?

- Sức khỏe của tôi ư? - Gringoire đáp. - Ờ, ờ cũng nhì nhằng. Dù sao, về đại thể vẫn khá. Tôi được cái không làm gì quá mức. Thưa thầy, hẳn thầy đã biết, theo Hippocrates, bí quyết của sức khỏe là *It est cibi, potus, somni, Venus, omnia moderata sint**.

- Thầy Pierre, thế thầy không có mối lo nghĩ nào ư? - Phó chủ giáo hỏi, nhìn chằm chằm Gringoire.

- Quả thực không.

- Thế bây giờ thầy làm gì?

- Thưa thầy, như thầy đang thấy đó. Tôi ngắm các tảng đá được cắt xén ra sao và cách thức chạm trổ bức phù điêu này.

Linh mục mỉm cười, nụ cười chua chát chỉ nhếch mép.

- Thế thầy có thích thú không?

- Thật tuyệt diệu! - Gringoire thốt lên.

Rồi cúi xuống các hình điêu khắc với vẻ mặt rạng rỡ của kẻ thuyết minh những hiện tượng sống, chàng nói:

- Chẳng hạn ngài có thấy các biến dạng của hình chạm nổi này được thực hiện rất khéo léo, xinh xắn và công phu không? Hãy ngắm cây cột nhỏ kia. Liệu ngài có thấy nóc cột nào có nổi chùm lá non tơ và được đục khéo tay hơn không? Còn đây, ba hình chạm nổi của Jean Maillevin. Cũng chưa phải các kiệt tác hoàn mỹ nhất của thiên tài vĩ đại đó. Tuy nhiên, vẻ hồn nhiên, dịu dàng của những khuôn mặt, sự vui tươi trong dáng điệu cùng nếp áo, vá tính hoa mỹ không thể giải thích quyện vào mọi khuyết điểm, làm các pho tượng nhỏ trở nên rất vui tươi và tinh tế, thậm chí hơi quá mức nữa. - Ngài có thấy thật thú vị không?

- Có chứ! - Linh mục đáp.

- Và nếu ngài lại còn được ngắm phía bên trong nhà nguyện! - Nhà thơ quen thói sốt sắng, ba hoa nói tiếp. - Toán điêu khắc là điêu khắc. Rậm rì như cái lõi bắp cải! Hậu cung được xây dựng rất tôn nghiêm và đặc biệt, tôi chưa từng thấy ở đâu như vậy!

Đức cha Claude ngắt lời:

- Thế thầy đang sung sướng lắm nhỉ?

Gringoire hăng hái đáp:

- Vâng, quả tình như vậy! Thoạt tiên tôi yêu đàn bà rồi tôi yêu súc vật. Bây giờ tôi yêu gạch đá. Nó cũng thú vị như yêu súc vật, yêu đàn bà, mà còn bớt bất trắc hơn.

Linh mục đưa tay xoa trán. Cử chỉ đó quen thuộc với ông.

- Đúng thế!

- Này! Còn nhiều cái khác hay lắm! - Chàng khoác tay linh mục cứ để mặc dẫn đi, đưa ông vào tháp nhỏ cầu thang ở tòa nhà For-l'Évêque, nói tiếp:

- Đây mới thật là cầu thang! Mỗi lần thấy nó, tôi đều sung sướng. Bậc thang này làm thật đơn giản và rất hiếm có ở Paris. Tất cả các bậc đều bào tròn cạnh ở bên dưới, vẻ đẹp và đơn giản thể hiện ở bề mặt bậc thang, rộng một bộ hoặc xấp xỉ, được bắt chéo, khớp mộng, lồng ghép, ràng buộc, chống đỡ, lắp ráp với nhau và ăn khít thật vững vàng, đẹp mắt!

- Thế thầy không ham muốn gì ư?

- Không.

- Cũng chẳng luyến tiếc gì sao?

- Chẳng luyến tiếc mà cũng không ham muốn. Tôi đã ổn định xong cuộc đời tôi.

- Điều gì con người ổn định được, sự vật lại tới hủy hoại, - Claude nói.

- Tôi là triết gia hoài nghi đồ đệ của Piarông, cho nên luôn giữ thế thăng bằng trong mọi việc, - Gringoire đáp.

- Thế thầy kiếm ăn bằng cách nào?

- Tôi thỉnh thoảng cũng viết sử thi và bi kịch, nhưng kiếm chác nhiều nhất là nhờ vào cái trò vè ngài biết đấy. Dùng răng đỡ từng chồng ghế.

- Nghề đó quá thô tục đối với triết gia.

- Cũng là để giữ cái thế thăng bằng, - Gringoire đáp. - Khi đã có một tư tưởng, ở đâu ta cũng thấy lại nó.

- Tôi biết, - phó chủ giáo đáp.

Nín lặng giây lát rồi linh mục lại hỏi:

- Nhưng chắc thầy cũng khá khốn đốn?

- Khốn đốn thì có; còn đau khổ thì không.

Vừa lúc đó, có tiếng vó ngựa, rồi hai người trông thấy ở đầu phố một đội

cung thủ ngự lâm quân, giáo mác giơ cao, sĩ quan đi đầu, đang diễu hành. Đoàn người ngựa thật lộng lẫy, gõ móng vang dội mặt đường.

- Ngài nhìn viên sĩ quan ghê thế! - Gringoire bảo phó chủ giáo.

- Chả là ngờ ngợ có quen hắn.

- Tên hắn là gì?

- Hình như tên là Phoebus de Châteauper, - Claude đáp.

- Phoebus! Cái tên khêu gợi tò mò! Còn có Phoebus khác, bá tước Foix. Tôi nhớ có quen một cô gái lúc nào cũng nhắc tới cái tên Phoebus.

- Ta đi thôi, - linh mục nói. - Tôi có chuyện muốn nói với thầy.

Từ lúc đội quân đi qua, vẻ ngoài lạnh lùng của phó chủ giáo hơi lộ ra xúc động. Ông bước đi. Gringoire đi theo, quen thói phục tùng ông ta, như bất cứ ai từng một lần tiếp xúc với con người đầy uy lực đó. Họ lặng lẽ tới phố Bernardin khá vắng vẻ. Đức cha Claude dừng lại. Gringoire hỏi:

- Thưa thầy, thầy có chuyện gì cần dạy bảo?

- Thầy có thấy bộ nhung phục của các kỵ sĩ ta vừa gặp, đẹp hơn bộ quần áo của thầy và của ta không? - Phó chủ giáo hỏi lại, vẻ suy nghĩ thâm trầm.

Gringoire lắc đầu:

- Thú thực, tôi thích cái xác bướm vàng pha đỏ của tôi hơn bộ vảy sắt thép đó. Vui sướng gì cái trò cứ vừa đi vừa làm ầm ĩ như ở bến sông phố Hàng sắt đang động đất.

- Gringoire, hóa ra thầy không bao giờ ao ước được như các công tử tuấn tú mặc nhung phục đó ư?

- Ao ước gì mới được kia chứ, thưa ngài phó chủ giáo. Ao ước sức lực, giáp trụ, kỷ luật của họ ư? Thà rách rưới mà có được triết học và tự do vẫn hơn. Tôi thích làm đầu ruồi hơn đuôi sư tử.

- Thế thì kỳ lạ thật, - linh mục mơ màng nói. - Một bộ đồng phục đẹp cũng

đẹp lắm chứ.

Thấy ông tư lự, Gringoire liền bỏ đi ngắm nghía chiếc cổng một nhà ở ngay cạnh. Chàng quay lại, vỗ tay đôm đốp:

- Thưa ngài phó chủ giáo, nếu ngài bớt quan tâm tới nhung phục đẹp đẽ của chiến binh, tôi sẽ mời ngài tới xem cái cổng nhà kia. Tôi vẫn thường nói, ngôi nhà của ông Aubry có chiếc cổng nguy nga nhất đời.

- Pierre Gringoire, - phó chủ giáo hỏi, - thầy từng làm gì cô múa rong Ai Cập bé bỏng đó?

- Cô Esmeralda ư? Ngài lái câu chuyện quá đột ngột đấy.

- Cô ta chẳng phải vợ thầy đó sao?

- Vâng, theo tục đập vỡ vò. Chúng tôi là vợ chồng trong vòng bốn năm. - Này, - Gringoire nói thêm, hơi giễu cợt nhìn phó chủ giáo, - xem ra ngài luôn luôn nghĩ tới cô ta, phải không?

- Thế còn thầy, thầy không nghĩ tới cô ta nữa hay sao?

- Ít thôi. Tôi còn bận bao nhiêu việc!... Lạy Chúa, con dê con xinh quá!

- Cô Bohémienne đã chẳng cứu sống thầy đó ư?

- Ồ, đúng thế.

- Vậy bây giờ cô ta ra sao? Thầy đã làm gì cho cô ta?

- Lẽ ra không cần nói cho ngài biết. Hình như họ đã treo cổ cô ta.

- Thầy có tin chắc như vậy không?

- Tôi cũng không được biết chắc chắn. Khi thấy họ tính chuyện treo cổ, tôi bèn chuồn thẳng.

- Thầy chỉ biết có vậy thôi ư?

- Khoan đã. Nghe họ nói cô ta trốn tránh vào nhà thờ Đức Bà, đang ở đó yên ổn; tôi cũng lấy làm mừng, nhưng cũng chưa tìm cách biết được con dê có trốn thoát với cô ta không, tất cả tôi chỉ biết có vậy thôi.

- Ta sẽ cho thầy biết thêm, - đức cha Claude thét lên, giọng ông nói từ nãy vẫn trầm trầm, thong thả và gần như thì thầm, bỗng trở nên oang oang. - Cô ta đúng là đang tị nạn trong nhà thờ Đức Bà. Nhưng trong vòng ba ngày nữa tòa án sẽ bắt lại cô ta, cô ta sẽ bị treo cổ ở quảng trường Grève. Đã có trát bắt giữ của Tối cao pháp viện.

- Thế thì lôi thôi quá nhỉ, - Gringoire nói.

Trong chớp mắt, linh mục lại lạnh lùng và bình thản như cũ. Nhà thơ hỏi:

- Nhưng ma quỷ nào đã bày trò yêu cầu hạ trát bắt lại? Để cho Tối cao pháp viện yên thân không được hay sao? Để một cô gái khốn khổ ẩn náu dưới vòm mái nhà thờ Đức Bà cạnh tổ chim én có sao đâu?

- Trên đời này thiếu gì quỷ Satan, - phó chủ giáo đáp.

- Thật chẳng ra cái quái gì cả, - Gringoire nhận xét.

Nín lặng giây lát rồi phó chủ giáo lại hỏi:

- Như vậy là cô gái từng cứu sống thầy, phải không?

- Cứu sống tôi ở chỗ lũ bạn ăn mày tốt bụng, chỉ suýt nữa tôi bị treo cổ. Bây giờ chắc họ còn bực mình vì chuyện đó.

- Thế thầy có muốn làm một việc gì đó để giúp cô gái không?

- Đức cha Claude ạ, tôi chẳng có mong gì hơn, nhưng tôi sẽ bị rắc rối vì cái vụ khốn kiếp này mất!

- Cần gì

- Ồ! Cần gì ư? Thưa thầy, thầy quả là người tốt bụng! Nhưng tôi đang bắt đầu viết hai tác phẩm lớn.

Linh mục vỗ trán. Mặc dù làm ra vẻ bình thản, thỉnh thoảng một cử chỉ hung bạo lại bộc lộ những quằn quại nội tâm của ông.

- Làm cách nào cứu cô gái?

Gringoire nói:

- Thưa thầy, tôi xin trả lời: *Il padelt*, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa: *Chúa là niềm hy vọng của ta*.

- Làm cách nào cứu cô gái? - Claude mơ màng nhắc lại.

Đến lượt Gringoire vỗ trán:

- Xin thầy hãy nghe tôi. Tôi vốn giàu óc tưởng tượng. Tôi sẽ tìm cách giúp thầy. - Hay là ta xin nhà vua ân xá?

- Xin vua Louis XI? Xin ân xá?

- Chứ sao?

- Đi giật khúc xương trong miệng hổ!

Gringoire moi óc tìm biện pháp khác.

- Đây rồi! - Thầy có muốn tôi gửi cho các bà mụ một lá đơn báo tin cô gái đang có thai?

Câu hỏi làm tròng mắt sâu hõm của linh mục lóe sáng.

- Có thai! Đồ hề! Anh cũng dây vào chuyện đó ư?

Gringoire hoảng sợ vì vẻ mặt phó chủ giáo. Chàng vội nói:

- Ồ, không phải tôi! Vụ hôn nhân của chúng tôi là một *forismaritagium** thực thụ. Tôi vẫn đứng ngoài cuộc. Nhưng dù sao cũng sẽ được gia hạn.

- Điên rồi! Láo lếu! Hãy câm mồm đi!

Gringoire càu nhàu:

- Ngài không nên cáu kỉnh. Xin được một ân huệ thì có hại gì cho ai đâu, hơn nữa còn khiến các bà mụ được lợi bốn chục denier tiền Paris, họ đều là kẻ nghèo khổ.

Linh mục không thèm nghe Gringoire nói, khẽ thầm thì:

- Dù sao cũng cần để cô ta ra khỏi đó. Bản án sẽ được thi hành trong vòng ba ngày! Với lại, sẽ chẳng có án lệnh nào hết, cái thằng Quasimodo! Đàn bà có lắm

ưa thích thật sa đọa.

Rồi ông nói to:

- Thầy Pierre, ta suy nghĩ kỹ rồi, chỉ còn một cách cứu cô ta.

- Cách nào? Riêng tôi, chẳng còn thấy cách nào hết.

- Này, thầy Pierre, hãy nhớ thầy mang ơn cứu tử của cô gái. Ta sẽ nói thẳng ý nghĩ của ta cho thầy nghe. Nhà thờ bị canh giữ suốt ngày đêm. Chỉ những ai được trông thấy có đi vào mới được phép đi ra. Cho nên thầy có thể đi vào. Thầy cứ đến. Ta sẽ đưa thầy tới gặp cô gái. Thầy sẽ đổi quần áo với cô ta. Cô ta sẽ mặc áo của thầy còn thầy mặc váy của cô ta.

- Cho tới đây thì tạm ổn, - triết gia nhận xét. - Rồi sau ra sao?

- Sau đó ra sao ư? Cô ta sẽ đi ra với quần áo của thầy, còn thầy ở lại với quần áo của cô ta. Thầy có thể bị treo cổ, nhưng cô ta thoát nạn.

Gringoire gãi tai, vẻ hết sức nghiêm túc, nói:

- Chà! Đó là một ý kiến tự tôi không bao giờ có thể nghĩ ra.

Trước đề nghị bất ngờ của cha Claude, khuôn mặt cởi mở và hòa nhã của thi sĩ đột nhiên sa sầm, như một phong cảnh tươi vui ở Ý bỗng gặp cơn gió vô tình thổi đám mây tới che khuất mặt trời.

- Thế nào, Gringoire! Thầy nghĩ sao về cách thức đó?

- Thưa thầy, tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ không bị treo cổ nhưng chắc chắn cổ tôi sẽ bị treo.

- Cái đó không quan hệ gì tới chúng ta.

- Mẹ kiếp! - Gringoire văng tục.

- Cô gái từng cứu sống thầy. Món nợ đó, thầy phải trả.

- Thiếu gì món nợ khác tôi không trả!

- Thầy Pierre, nhất thiết thầy phải làm việc đó.

Phó chủ giáo nói với vẻ ép buộc.

- Thưa đức cha Claude, - thi sĩ khổ sở đáp, - xem ra ngài khăng khăng giữ ý kiến đó và ngài lầm rồi. Tôi không hiểu tại sao tự mình lại chịu treo cổ thay cho kẻ khác.

- Có gì mà thầy phải bám chặt lấy cuộc sống như vậy?

- Ồ! Có hàng ngàn lý do!

- Xin cho biết những lý do nào?

- Những lý do nào ư? Không khí, bầu trời, buổi sáng buổi chiều, đêm trăng, lũ bạn ăn mày tốt bụng, những vụ cãi vã với gái điếm, các kiến trúc đẹp thành Paris cần nghiên cứu, ba cuốn sách lớn phải viết xong, trong số đó có một cuốn chống giám mục và các cối xay lúa của y, còn bao nhiêu thứ nữa, kể sao cho xiết? Triết gia Anaxagoras từng nói ông ta sinh ra ở đời để ngắm mặt trời. Vả lại, tôi được cái may mắn suốt đời từ sớm đến tối cùng chung sống với một thiên tài là tôi đây, như vậy quả là dễ chịu lắm rồi.

- Đồ đầu óc rỗng tuếch! - Phó chủ giáo cằn nhằn. - Này, ta hỏi, cuộc sống mi thấy tươi đẹp như vậy, ai đã giữ gìn cho mi? Nhờ ai mi được hít thở không khí, trông thấy bầu trời và còn mua vui cho đầu óc chim sơn cả của mi bằng những mơ tưởng hão và trò điên rồ? Không có cô ta, nay mi đã ở đâu? Thế mà mi lại muốn cô ta phải chết, chính cô ta là người từng cứu sống mi? Cứ để mặc cho cô ta chết, một con người xinh đẹp, hiền dịu, đáng yêu, cần thiết để soi sáng thế giới, còn thần thánh hơn cả Chúa! Trong khi mi chỉ là đứa dở khôn dở dại, một phác thảo vô dụng, đồ cỏ cây tưởng mình biết đi đứng, tưởng mình biết nghĩ ngợi, mi tiếp tục sống bằng cuộc đời ăn cắp được của cô ta, cũng vô ích như ngọn nến giữa ban trưa? Nào hãy biết xót thương, Gringoire! Đến lượt thầy hãy biết độ lượng. Chính cô ta đã nêu gương trước.

Linh mục nói rất hăng. Mới đầu Gringoire còn nghe ông nói với vẻ lưỡng lự, rồi chàng mủi lòng và sau cùng mếu máo bi thảm, trông giống hệt khuôn mặt trẻ sơ sinh đang đi tướt. Chàng lau nước mắt, nói:

- Ngài nói thật thống thiết. Thôi được! Để tôi suy nghĩ thêm. Kể ra ý kiến của Ngài cũng thật kỳ quặc. - Nín lặng một lát sau rồi chàng nói tiếp. - Và chăng, biết đâu đấy? Chưa chừng họ không treo cổ tôi cũng nên. Không phải cứ đính hôn là bao giờ cũng lấy nhau. Khi họ thấy tôi ở trong phòng cô ta, ăn mặc lố lăng như vậy, nào váy, nào khăn, có khi họ sẽ cười phá lên. Với lại, nếu họ treo cổ tôi, ái chà! Thì sợi thừng, cũng chỉ là một cách như mọi cách chết hoặc đúng hơn không phải một cái chết như cái chết khác. Đó là cái chết xứng đáng với bậc hiền giả suốt đời lao động, cái chết chẳng ra ngô ra khoai gì cả, như tinh thần kẻ hoài nghi chân chính, cái chết thấm sâu chủ nghĩa pyrrhonisme và tính do dự, chân không đến đất cật không đến trời, cứ lơ lửng lưng chừng. Đó là cái chết của triết gia và định mệnh của tôi có lẽ như vậy. Chết đúng như đã sống quả thật đẹp đẽ.

Linh mục ngắt lời chàng:

- Vậy đồng ý chứ?

- Tóm lại, chết là cái gì nhỉ? - Gringoire cuồng nhiệt nói tiếp. - Một bước khó khăn, món thuế thông hành, sự di chuyển từ rất ít tới chẳng có gì. Có người hỏi Cercidas, nhà hiền triết xứ mégalopolit, liệu ông có sẵn sàng chết không. “Sao lại không?” Ông ta trả lời; “vì sau khi chết tôi sẽ được gặp các vĩ nhân, Pythagora trong số triết gia Hecataeu trong số sử gia, Homère trong số thi sĩ, Olympe trong số nhạc sĩ”.

Phó chủ giáo chìa tay cho chàng:

- Như vậy đồng ý chứ? Mai thầy tới nhé.

Cử chỉ đó làm Gringoire trở lại tích cực. Chàng nói với giọng người vừa bừng tỉnh:

- Ồ! Không đâu, đúng thế! Bị treo cổ! Chuyện phi lý quá. Tôi không muốn.

- Nếu vậy thì vĩnh biệt!

Và phó chủ giáo khẽ rít lên:

- Ta sẽ gặp lại mi!

Gringoire thầm nghĩ: - Mình chẳng muốn gặp lại con người quái quỷ này. Chàng vội đuổi theo đức cha Claude, bảo:

- Này, ngài phó chủ giáo, giữa bạn cố tri với nhau, ta chẳng nên giận dỗi! Ngài quan tâm tới cô gái, tôi muốn nói tới vợ tôi, như vậy tốt lắm. Ngài chỉ nghĩ ra mưu kế để cô gái an toàn thoát khỏi nhà thờ Đức Bà, nhưng cách làm của ngài hết sức khó chịu đối với tôi, Gringoire. - Nếu tôi có cách khác thì sao? - Xin báo cho ngài biết, vừa ngay đây, tôi mới nảy ra một sáng kiến rất sáng sủa. - Giá mà tôi nảy ra được ý kiến thích nghi, để cứu cô ta ra khỏi bước khó khăn mà không tổn hại tới cái cổ của tôi bằng bất cự sợi dây thòng lọng nào nhỉ? Ngài nghĩ sao? Như vậy liệu có vừa lòng ngài không? Có nhất thiết tôi phải treo cổ mới đẹp ý ngài chăng?

Linh mục sốt ruột bứt cái khuy áo chùng.

- Sao lắm lời thế! Mi định dùng cách gì?

Gringoire đưa ngón tay trỏ sờ lên mũi vẻ suy nghĩ thầm nhủ với mình:

- Phải, đúng thế. - Bọn ăn mày đều là người tốt. - Bộ lạc Ai Cập yêu cô ta. - Chỉ cần một lời kêu gọi, họ sẽ đứng dậy hết. - Không gì dễ dàng hơn. - Một vụ bạo động. - Nhân lúc lộn xộn, họ dễ dàng cướp cô gái đi. - Ngay tối mai... - Họ không mong muốn gì hơn.

Linh mục lay người chàng hỏi:

- Cách gì? Nói mau.

Gringoire vui vẻ quay lại:

- Hãy để tôi yên nào! Ông không thấy tôi đang sáng tác đó hay sao.

Chàng còn suy nghĩ thêm lát nữa. Rồi chàng vỗ tay thầm khen ý kiến của mình và kêu lên:

- Tuyệt diệu! Chắc chắn thành công.

- Cách gì hả? - Claude điên tiết, hỏi lại.

Gringoire hớn hở.

- Lại đây, tôi nói thầm cho ngài nghe. Đây là một phản kế thật sự táo bạo, nó giải thoát cho tất cả chúng ta. Trời ơi! Phải thừa nhận tôi không phải thằng ngốc.

Chàng bỏ lửng, hỏi:

- À này, con dê con có cùng ở với cô gái không?

- Có. Quỷ tha ma bắt mi!

- Lẽ ra họ cũng treo cổ luôn cả nó phải không?

- Ta cần gì biết chuyện đó.

- Phải, họ sẽ có thể treo cổ nó. Tháng trước, họ đã thẳng tay treo cổ con lợn cái. Gã đao phủ thích vụ đó lắm. Sau đó, chính hắn ăn thịt con lợn. Treo cổ Djali xinh đẹp của tôi! Tội nghiệp con dê non bé bỏng!

Đức cha Claude kêu lên:

- Khốn kiếp! Đao phủ chính là mi. Đồ hề, mi đã tìm ra được cách cứu giúp nào hả? Hay phải dùng đến cái kẹp thai nhi mới khai sinh được cho ý định của mi?

- Hay lắm, thưa thầy! Đây rồi.

Gringoire ghé tai phó chủ giáo nói thầm, cặp mắt lo ngại liếc nhìn suốt dãy phố, mặc dù không bóng người qua lại. Khi chàng nói xong, đức cha Claude liền cầm lấy tay chàng và lạnh lùng bảo:

- Thôi được. Mai nhé.

Gringoire đáp lại:

- Đến mai.

Trong khi phó chủ giáo đi một đường, chàng đi nẻo khác, thầm nhủ:

- Thưa ngài Pierre Gringoire, vụ này thật đáng kiêu hãnh. Bất chấp. Không phải vì ta nhỏ mà ta sợ việc lớn. Nhà toán học Biton vác cả con bò mộng to tướng trên vai; chim chìa vôi, chim bông lau và chim tước cũng bay vượt đại dương.

II
ĐI MÀ LÀM ĂN MÀY

Lúc về tới tu viện, phó chủ giáo gặp chú em Jehan Cối Xay đứng trước cửa phòng, hắn đang đợi ông và để đỡ sốt ruột trong khi chờ đợi, hắn dùng than vẽ lên tường khuôn mặt trông nghiêng của ông anh, được bổ sung chiếc mũi quá khổ.

Đức cha Claude chỉ liếc qua cậu em. Ông đang mải lo nghĩ chuyện khác. Bộ mặt tươi cười của thằng em ăn hại, mà vẻ niềm đó đã bao lần làm tươi tỉnh khuôn mặt u ám của linh mục, nay không còn đủ sức xua tan đám sương mù mỗi ngày càng phủ dày đặc trên linh hồn sa đọa, đầy xú khí và váng đọng. Jehan rụt rè nói:

- Thưa anh, em tới thăm anh.

Phó chủ giáo cũng không thèm ngước mắt nhìn hắn hỏi:

- Rồi sau thì sao?

- Anh ơi, - gã vờ vĩnh nói, - anh rất tốt với em, anh lại thường xuyên răn em rất phải, cho nên em luôn tìm đến anh.

- Rồi sao nữa?

- Chao ôi, anh ạ, anh rất có lý khi bảo em: - Jehan! Jehan! *cessat doctorum doctrina, discipulorum disciplina** - Jehan, hãy ngoan ngoãn, Jehan, hãy học hành cho giỏi, Jehan, không được trốn ra khỏi trường nếu không có lý do chính đáng và chưa được phép của thầy giáo. Đừng đánh bọn người xứ Picard *noli, Joannes, verberare picardos*. Đừng chết mòn như con lừa vô học, *quasi asinus illitteratus* trên đống rơm ở nhà trường. Jehan, hãy để mặc cho thầy giáo trừng

phạt. Jehan, tối tối hãy đến nhà nguyện và hát một bài thánh ca đủ cả câu xướng lẫn câu tụng dâng lên Đức Bà vinh hiển, Marie Đồng Trinh. Chao ơi! Toàn lời răn dạy khôn ngoan!

- Rồi sao nữa?

- Anh ơi, trước mắt anh là một kẻ tội lỗi, một can phạm, một tên khốn nạn, một thằng phóng đãng, một người quái gở! Anh thân yêu của em, Jehan đã xéo đạp lên mọi lời khuyên nhủ quý hóa đó như rơm như rác. Em đã bị trừng phạt nặng nề, và Chúa ơn phước thực hết sức công bằng. Chừng nào có tiền là em rượu chè, vung phí, sống cuộc đời đàng điếm. Ôi! Chơi bời trác táng, nhìn trước thì dễ chịu nhưng ngó phía sau lại quá xấu xa nhăn nhó! Nay em chẳng còn một xu dính túi, em đã bán cả khăn trải bàn, áo lót lẫn khăn tay, hết thời ăn chơi rồi! Ngọn đèn chói sáng đã tắt, giờ em chỉ còn lại cái bấc tẩm mỡ bò xông khói lên mũi. Em uống nước lã. Em chồng chất hối hận và nợ nần.

- Còn gì nữa? - Phó chủ giáo hỏi.

- Chao ôi! Anh rất thương yêu của em, em muốn từ nay sống đúng đắn hơn. Em đến gặp anh, lòng đầy ăn năn. Em muốn chuộc lỗi. Em xin thú tội. Em tự đấm vào ngực thình thịch. Anh rất có lý khi muốn em trở nên cử nhân và phụ giáo tại trường Torchi. Bây giờ là lúc em cảm thấy đang hết sức sẵn sàng để làm việc đó. Nhưng em hết cả mực, cần mua thêm mực; hết cả bút, cũng phải mua thêm bút nữa, hết cả giấy, hết cả sách, đều cần mua cả. Em rất cần ít tiền để mua sắm mọi thứ đó. Nên em đến xin anh, anh ơi, lòng đầy ăn năn.

- Đã hết chưa?

- Thưa hết, - gã học trò nói. - Em xin anh ít tiền.

- Tao không có.

Gã học trò liền nói, vừa nghiêm trang vừa kiên quyết:

- Nếu vậy, thưa anh, em rất tiếc phải thưa với anh có nơi người ta đang đề nghị với em rất nhiều công việc tốt đẹp. Anh không muốn cho em tiền ư? -

Không chứ gì? - Nếu vậy, em sẽ đi làm ăn mày.

Lúc nói câu quái gở này, hắn mang vẻ mặt thần Ajax đang chờ sấm sét giáng xuống đầu.

Phó chủ giáo lạnh lùng bảo:

- Thì đi mà làm ăn mày.

Jehan cúi gập người xuống chào anh rồi huýt sáo, đi xuống cầu thang tu viện.

Lúc đi qua sân tu viện, dưới cửa sổ buồng ông anh, hắn bỗng nghe tiếng cửa sổ mở, liền ngẩng đầu và bộ mặt nghiêm nghị của phó chủ giáo thò qua khung cửa. Đức cha Claude bảo:

- Xéo ngay lập tức! Đây là món tiền cuối cùng tao cho mày.

Cùng lúc, linh mục vứt xuống cho Jehan một túi tiền, làm trán cậu học trò sưng vù và Jehan ra về, vừa bực tức vừa bằng lòng, như con chó bị người ta ném cho cục xương lớn để đuổi đi.

III
VUI CHƠI MUÔN NĂM

Bạn đọc chắc chưa quên một phần khu vực Cung điện thần kỳ được bức tường rào cổ của thành phố bao quanh, mà ngay từ thời đó, khá nhiều tòa tháp đã bắt đầu đổ nát. Một tháp đó được bọn ăn mày biến thành nơi ăn chơi. Tầng hầm là quán rượu, còn lại đều ở các tầng trên. Tòa tháp là nơi náo nhiệt nhất, cho nên cũng là nơi ghê tởm nhất của xóm ăn mày. Một thứ tổ ong khổng lồ nhộn nhạo suốt ngày đêm. Ban đêm, khi tất cả đám người sót lại của xóm ăn mày đã say ngủ, khi không còn khung cửa sổ nào sáng đèn trên các mặt tiền xám xịt chung quanh quảng trường, khi không còn nghe thấy tiếng kêu thét vẳng ra từ dãy nhà chen chúc, từ những tổ kiến nhung nhúc kẻ cắp, gái đĩ, trẻ con ăn cắp được đẻ hoang, ta vẫn nhận ra tòa tháp vui nhộn do tiếng ồn ào và ánh đèn đỏ chói cùng lúc tỏa sáng từ các lỗ thông hơi, cửa sổ, vách tường rạn nứt, như thể chúng thoát ra từ lỗ chân lông tòa tháp.

Vậy quán rượu ở dưới tầng hầm. Khách bước xuống bằng chiếc cửa thấp và cầu thang thẳng đứng như câu thơ cổ điển mười hai âm. Trên cánh cửa, thay cho tấm biển hàng là bức vẽ bôi bác tuyệt diệu những hình đồng xu mới và gà giò đã làm thịt, bên dưới ghi một câu giễu cợt: *Quán kẻ thỉnh chuông cầu nguyện cho vong hồn*.

Một tối, khi lệnh giới nghiêm đang vang lên từ khắp các tháp chuông thành Paris, bọn lính tuần canh, nếu được phép bước vào Cung điện thần kỳ ghê gớm, sẽ thấy quán ăn này ồn ào hơn mọi bữa, mọi người uống nhiều hơn và chửi đổng nhiều hơn. Bên ngoài, trên quảng trường, nhiều nhóm người thì thào bàn tán, như đang mưu mô việc gì lớn, và đây đó một gã ngồi xổm mài lưỡi dao ghê sợ

trên mặt đường.

Giữa lúc này, ngay trong quán rượu, rượu và cờ bạc là món giải trí mãnh liệt để khuây khỏa mọi ý nghĩ đang bận tâm bọn ăn mày tối đó, cho nên thật khó đoán nổi lũ nhậu nhẹt đó đang bàn chuyện gì. Tuy nhiên, họ có vẻ vui hơn ngày thường và thấy người nào cùng kẹp một vũ khí sáng loáng giữa đôi chân, nào dao quắm, búa rìu, gươm hai lưỡi to bản hoặc móc nhọn của cây súng cổ.

Gian buồng hình tròn, rất rộng, nhưng bàn kê san sát, khách uống đông nghịt, cho nên tất cả những gì chứa trong quán rượu, nào đàn ông, đàn bà, ghế dài, hũ bia, kẻ uống, kẻ ngủ, kẻ đánh bạc, người khỏe, người què cụt, hình như chồng chất hỗn độn với đầy đủ về trật tự và hài hòa của đống vỏ sò. Dăm ngọn đèn mỡ bò chiếu sáng trên dãy bàn; nhưng ngọn đèn thật sự của quán rượu, đóng vai trò chùm đèn treo trong rạp hát, đó là đống lửa. Căn hầm ẩm ướt đến mức lò sưởi không bao giờ bị dập tắt, ngay cả giữa mùa hè; một lò sưởi vĩ đại, bên ngoài chạm trổ, tua tủa những giá củi nặng nề bằng sắt và đồ dùng nấu nướng ngọn lửa lớn nhóm bằng củi lẫn than bùn, giống cảnh ban đêm, trên đường làng, ngọn lửa lò rèn chiếu qua cửa sổ làm nổi bật bóng ma đỏ ối lên dãy tường trước mặt. Một con chó lớn, ngồi nghiêm trang trên đống tro, quay trước đống than hồng một xiên đầy chả nướng.

Dù hỗn độn đến đâu, mới thoạt nhìn, ta đã phân biệt được giữa đám đông, ba nhóm chính, xúm quanh ba nhân vật mà bạn đọc biết rồi. Một trong ba nhân vật đó, mặc kỳ quặc toàn quần áo tả tơi, sặc sỡ kiểu phương Đông, là Mathias Hungadi Spicali, quận công Ai Cập và Bohême. Gã vô lại ngồi trên bàn, chân xếp vòng trong, ngón tay chỉ lên trời, đang lớn tiếng giảng dạy mọi bí quyết ma thuật âm dương cho một lũ vây quanh há hốc mồm ngồi nghe. Một đám khác bâu kín lấy người quen cũ của chúng ta, đức vua oai hùng xứ Thunes, vũ khí đầy người. Clopin Trouillefou, vẻ mặt rất nghiêm trang và nói khẽ, đang điều chỉnh sự tranh cướp một thùng lớn vũ khí, được mở tung trước mặt, đầy ắp

những rìu, kiếm, mũ sắt, áo giáp, đủ loại giáo mác, cung tên, như nho táo tuôn ra từ cái sừng phóng đãng. Mỗi người chọn lấy một cái trong đống vũ khí, kẻ lấy mũ trận, kẻ cầm gươm dài, người nhặt kiếm ngắn có chuôi thập tự. Trẻ con cũng mang vũ khí, thậm chí bọn què cả hai chân đều trang bị đầy đủ, chúng len lỏi dưới chân lũ uống rượu như đàn bọ hung to gộc.

Cuối cùng là đám cử tọa thứ ba, ồn ào nhất, vui vẻ và đông nhất, ngồi chật hết dãy ghế cùng dãy bàn vây quanh một giọng nói the thé đang ba hoa và chửi đổng, phát ra từ sau bộ áo giáp nặng nề, đầy đủ cả mũ lẫn đinh thúc ngựa. Con người trang bị khắp mình như vậy, biến mất sau bộ giáp trụ, chỉ còn ló ra chiếc mũi hếch, đỏ ửng, trâng tráo, mớ tóc hung, cặp môi hồng và đôi mắt táo tợn. Dây lưng hắn đeo chi chít dao găm cùng mũi dùi, một thanh gươm lớn ngang sườn, chiếc mỏ han gỉ đeo bên trái và một hũ lớn rượu vang trước mặt chưa kể còn cặp kè bên phải một cô gái béo mập, quần áo xộc xệch. Mọi cái miệng vây quanh đều cười đùa, văng tục, uống rượu.

Thêm vào đó khoảng hai chục nhóm nhỏ hơn, bọn gái đĩ và bọn trai hầu bàn lăng xăng, đầu đội hũ rượu, bọn cờ bạc ngồi xổm quanh những hòn bi, bàn cờ, quân xúc xắc, mảnh da bò, bài lá vốn rất dễ cay cú, bọn ngồi cãi vã trong góc nhà, bọn hôn nhau trong xó, như vậy ta sẽ có một ý niệm về tập thể này, trên đó ánh sáng lay động của ngọn lửa lớn bập bùng làm nhảy múa muôn ngàn bóng đen đồ sộ và ngộ nghĩnh trên tường quán rượu.

Còn tiếng động, quả đúng như ở bên trong quả chuông đang bay bổng.

Chiếc chảo hứng mỡ sôi lép bép dòng mỡ đang rớt xuống như mưa, tiếng xèo xèo không ngớt lấp đầy khoảng cách giữa vô vàn câu chuyện được trao đổi suốt từ đầu tới cuối căn phòng.

Giữa đám ồn ào, mãi trong cùng quán rượu, một triết gia ngồi trên ghế dải kê sát lò sưởi, y đang suy ngẫm, chân đặt trên đống tro, mắt nhìn củi cháy. Chính Pierre Gringoire.

Clopin Trouillefou bảo bọn tay chân dân tiếng lóng:

- Nào, mau lên! Cầm lấy vũ khí, nhanh lên! Một giờ nữa thì lên đường!

Một cô gái hát:

Chào cha chào mẹ!

Bọn người sau cùng dập tắt đống lửa.

Hai gã đánh bài cãi nhau. Tên mặt đỏ bừng, giơ nắm đấm trước mặt tên kia, thét lên:

- Con bồi! Tao hơn mày con chuồn. Mày có thể thay thế con bồi chuồn trong cỗ bài bằng con vua.

- Khiếp! Ở đây chật ních như các vị thánh ở Caillouville! - Một gã thét lên, giọng mũi biết ngay hắn là người Normand.

Quận công Ai Cập cất tiếng the thé bảo cử tọa:

- Này các con, những mụ phù thủy ở Pháp đi dự dạ hội không cần cả chổi lẫn mỡ lợn và ngựa cưỡi, mà chỉ cần dăm câu thần chú. Những mụ phù thủy ở Ý bao giờ cũng có con dê đực đứng đợi trước cửa. Tất cả đều bảo nhau đi qua ống khói để ra về.

Giọng nói gã trẻ tuổi kỳ quặc, giáp trụ từ đầu tới chân, át cả tiếng ồn. Hắn thét lên:

- Noël! Noël! Hôm nay là ngày đầu ta ra quân! Hành khất! Ta là hành khất, hãy rót rượu cho ta!

- Hỡi các bạn, tôi là Jehan Frollo Cối Xay, con nhà quý tộc. Tôi cho rằng nếu Chúa trước đây đã là cảnh sát thì sau này sẽ là kẻ cướp. Anh em ơi, chúng ta sắp tiến quân hùng dũng. Chúng ta là kẻ dũng cảm. Bao vây nhà thờ, phá cửa, kéo cô gái xinh đẹp ra, cứu cô thoát khỏi bàn tay bọn thẩm phán, phá tan tu viện, thiêu sống giám mục ngay trong tòa giám, chúng ta sẽ làm mọi việc đó còn

nhanh hơn thời gian ông quận trưởng ăn xong thìa súp. Ta có chính nghĩa, ta sẽ cướp phá nhà thờ Đức Bà, thế là xong. Ta treo cổ Quasimodo. Hỡi các cô, các cô có biết Quasimodo không? Các cô thấy hắn thở hổn hển trên quả chuông nhỏ vào một ngày đại lễ Chúa giáng lâm chưa? Trời ơi! Đẹp lắm! Trông như con quỷ cưỡi trên cái mõm. - Hỡi các bạn, hãy nghe đây, tôi là hành khất tận đáy lòng, tôi là dân nói lóng hết tâm hồn, tôi sinh ra đã là ăn mày. Trước đây tôi giàu lắm, tôi đã chén hết của cải. Mẹ tôi muốn tôi trở thành sĩ quan, cha muốn tôi trở thành trợ tế, cô muốn tôi thành cố vấn tòa án phúc thẩm, bà nội muốn tôi thành quản ngân khố đoản y. Còn tôi, tôi tự trở thành ăn mày. Tôi nói chuyện đó với cha, ông ấy rủa toẹt ngay vào mặt; tôi nói với mẹ, bà già liền khóc lóc đến sùi cả bọt mép, như thanh củi đang cháy trong lò. Vui chơi muôn năm! Tôi đúng là gã phá sạch! Bà bạn chủ quán ơi, thêm rượu nữa đi! Vẫn còn tiền đây. Tôi chán món rượu nho Suresnes lắm rồi. Ngứa họng lắm. Mẹ kiếp, thà súc miệng bằng cái giỏ mây còn hơn!

Trong lúc đó, đám đông cười vang lên hoan hô, và thấy khắp chung quanh càng ầm ĩ hơn, gã học trò liền gào to:

- Ôi! Hiệu quả mới tốt đẹp làm sao! *Populi debacchantis populosa debacchatio**.

Thế rồi hắn cất tiếng hát, mắt như chìm đắm mơ màng giọng như thầy tu tụng kinh chiều:

- *Quae cantica! quae organa! Quae cantilenae! quae melodiae hic sine fine decantantur! sonant melliflua hymnorum organa, suavissima angelorum melodia, cantica canticorum mira**...

Hắn ngừng hát, gọi:

- Mụ chủ quán chết tiệt đâu rồi, dọn bữa tối cho ta.

Rồi không khí gần như tạm yên giây lát, tuy vẫn vang lên tiếng nói the thé của quận công Ai Cập đến lượt mình dạy bảo lũ Bohémienne:

- Con cầy hương tên là Aduine, con cáo tên là Chân Xanh hoặc Luồn Rừng, con sói tên là Chân Xám hoặc Chân Vàng, con gấu tên là Ông Già hoặc Ông Nội. - Cái mũ con quỷ lùn giúp ta tàng hình và nhìn thấy vật vô hình. - Con cóc nào rửa tội đều phải mặc áo nhung đỏ hoặc nhung đen, cổ đeo lục lạc, hai chân cũng đeo lục lạc. Cha đỡ đầu giữ đầu, mẹ đỡ đầu giữ mông. - Quỷ Sidragasum hóa phép bắt con gái nhảy múa trần truồng.

Jehan ngắt lời:

- Hay quá! Tao muốn là quỷ Sidragasum!

Trong khi đó, bọn hành khất vẫn tiếp tục đeo khí giới, vẫn thầm thì ở góc quán đằng kia. Một gã Bohémienne nói:

- Tội nghiệp cho Esmeralda! - Nó là chị em của chúng ta, phải cứu nó ra khỏi đó.

- Thế nó vẫn còn ở trong nhà thờ Đức Bà ư? - Tên ăn mày có bộ mặt Do Thái hỏi.

- Chả ở đó thì ở đâu!

- Nếu vậy, hỡi các bạn, ta tới nhà thờ Đức Bà. - Tên ăn mày reo lên. - Nhất là ở nhà nguyện các thánh Féréol và Ferrution lại có hai pho tượng bằng vàng, một tượng thánh Jean-Baptiste, một tượng thánh Antoine, cả hai cân nặng mười bảy mác mười lăm estellins vàng, lại còn các nịt chân tượng bằng bạc mạ vàng, nặng mười bảy marcs năm onces, tao biết rõ lắm. Tao là thợ kim hoàn.

Lúc đó, họ dọn bữa ăn tối cho Jehan. Hắn kêu lên, ngả người vào ngực cô gái điếm ngồi cạnh:

- Nhân danh thánh Voult-de-Lucques, mà dân chúng quen gọi là thánh Goguelu, ta hoàn toàn sung sướng. Trước mặt là thằng ngốc đang nhìn ta bằng bộ mặt nhẫn nhụi của một thân vương. Bên trái là tên khác có bộ răng dài ngoẵng che lấp cả cằm. Ta lại giống thống chế Giê trong trận vây hãm thành

Pontoise, cánh phải của ta dựa vào ngọn đồi. - Tiên sư anh bạn! Xem ra anh bạn đúng là thằng bán bóng đánh phết, thế mà anh dám tới ngồi cạnh ta! Này bạn, ta là quý tộc. Buôn bán đâu có sánh vai với quý tộc được. Hãy xéo đi chỗ khác. - Này! Lũ kia! Đừng choảng nhau! Kia, Baptiste Croque-Oison, cậu có cái mũi đẹp thế kia, nỡ nào thí nó cho mấy quả đấm to tướng của thằng cha thô bỉ! Đồ ngốc! *Non cuiquam datum est habere nasum!** - Em quả là thần diệu, Jacqueline Sứt Tai, chỉ đáng tiếc em chẳng có sợi tóc nào. - Này! Tên ta là Jehan Frollo, còn anh của ta là phó chủ giáo. Thây kệ! Những gì ta nói đều đúng sự thật. Trở thành ăn mày, ta đã vui lòng từ chối một nửa tòa nhà trên thiên đường mà ông anh từng hứa với ta. *Dimidiam domum in paradiso**. Ta nói đúng như văn bản. Ta có lãnh địa ở phố Tirechappe, bao nhiêu đàn bà đều mê ta hết, điều đó thật đúng như thánh Éloy là một thợ kim hoàn tài giỏi; thật đúng như năm nghề của đô thành tốt đẹp Paris là nghề thuộc da, nghề làm da trắng, nghề làm yên cương, nghề làm túi da và nghề mài láng da; thật đúng như thánh Laurent từng bị thiêu sống cùng các vỏ trứng. Hỡi các bạn, xin thề với các bạn.

Nếu tôi nói điêu thì suốt năm
Tôi sẽ uống toàn ớt cay hăng.

Hỡi cô em xinh đẹp, ngoài kia có trăng, em thử nhìn qua lỗ thông hơi xem có phải gió đang thổi tan mây. Như ta đang làm như vậy. Với cái cổ áo của em. - Các cô gái! Hãy xì mũi cho trẻ và gạt tàn bấc đèn. - Thánh thần ơi! Ta ăn gì thế này hả Thượng đế! Này mụ chủ chứa! Không thấy tóc trên đầu lũ gái đĩ nhưng lại có tóc trong món trứng tráng. Mụ già ơi! Ta thích món trứng tráng hói đầu hơn. Ma quỷ làm cho mũi mụ tẹt! - Đẹp thay khách sạn Ma vương, nơi gái đĩ dùng nĩa để chải đầu!

Nói xong, Jehan đập dĩa xuống bàn và hát ông ổng:

Nhân danh máu Chúa!

Ta đây chẳng có

Cả luật pháp, đức tin

Lẫn bếp lửa, nhà ở

Chẳng vua

Chẳng Chúa!

Trong khi đó, Clopin Trouillefou đã phân phát xong vũ khí. Hắn lại gần Gringoire, đang như chìm đắm mơ màng, hai chân gác lên giá củi. Đức vua xứ Thunes hỏi:

- Bạn Pierre ơi, bạn đang suy nghĩ gì thế?

Gringoire quay lại, mỉm cười buồn:

- Thưa đại vương thân mến, tôi thích lửa. Không phải chỉ vì lý do tầm thường là lửa sưởi ấm chân hoặc nấu chín súp, mà vì nó tóe tia lửa. Đôi khi tôi ngồi hàng giờ ngắm tia lửa. Tôi khám phá hàng nghìn chuyện qua những ngôi sao lấm tấm trên nền đen lò sưởi. Các ngôi sao đó cũng là các thế giới.

Gã hành khất nói:

- Có trời mà hiểu nổi. Anh có biết mấy giờ rồi không?

Gringoire đáp:

- Tôi không biết.

Clopin bèn lại gần quận công Ai Cập:

- Bạn Mathiat ơi, thời khắc này xem ra không thuận lợi. Nghe nói vua Louis XI đang ở Paris.

- Càng thêm lý do để cứu cô em chúng ta khỏi nanh vuốt hắn, - lão Bohémienne đáp.

Vua xứ Thunes nói:

- Matiat, lời bạn nói xứng đáng kẻ nam nhi. Vả lại, ta sẽ làm rất nhanh.

Không lo có chuyện kháng cự ở trong nhà thờ. Bọn tu sĩ nhát như cáy, còn ta thì hùng mạnh. Ngày mai, lũ nhân viên tối cao pháp viện tới tìm cô ta sẽ trơ mắt ra. Kệ xác chúng nó! Ta không thể để chúng treo cổ cô gái xinh đẹp!

Clopin ra khỏi quán.

Cùng lúc đó, Jehan thét khản cả tiếng:

- Ta ăn, ta uống, ta say, ta là Jupiter! - Này, Pierre l'Assommeur, nếu còn nhìn tao như vậy, tao sẽ búng ngón tay phủi bụi mũi mày.

Về phần Gringoire, buộc không thể trầm tư mặc tưởng được nữa, chàng đành quay ra quan sát cái cảnh ồn ào, hỗn độn ở chung quanh và lẩm bẩm: *Luxuriosa res vinum et tumultuosa ebrietas**. Chao ôi! Ta không uống rượu là rất có lý, thánh Benoît từng nói câu tuyệt cú: *Vinum apostatare facit etiam sapientes**.

Lúc đó, Clopin quay vào và thét lên như sấm.

- Nửa đêm!

Nghe câu đó, hiệu nghiệm như lệnh lên ngựa đối với đội quân tạm nghỉ, tất cả bọn ăn mày, đàn ông, đàn bà, trẻ con lũ lượt kéo nhau ra khỏi quán, tiếng vũ khí và kim loại loảng xoảng.

Trăng mờ sau đám mây che.

Cung điện thần kỳ hoàn toàn tối om. Không một ánh đèn. Tuy nhiên chẳng hề vắng bóng người. Thấy rõ một đám đàn ông đàn bà đang thì thào. Nghe tiếng họ lao xao và đủ mọi thứ khí giới lấp loáng trong bóng đêm. Clopin đứng trên tảng đá lớn, thét lên:

- Dân tiếng lóng, đứng vào hàng! Dân Ai Cập, đứng vào hàng! Dân Galilée, đứng vào hàng!

Có sự chuyển động trong bóng tối. Đám đông mênh mông đang xếp thành hàng ngũ. Vài phút sau, vua xứ Thunes lại cất tiếng:

- Bây giờ hãy im lặng kéo qua Paris! Mật khẩu là: *Đoàn kết ngạo đời*! Tới

nhà thờ Đức Bà mới được thắp đuốc! Tiến lên!

Mười phút sau, các kỵ binh tuần cảnh hoảng sợ bỏ chạy trước một đoàn người dày đặc đen ngòm và câm lặng đang xuôi về phía cầu Hối đoái, qua các dãy phố quanh co tỏa ra ngang dọc khắp khu phố Chợ rộng lớn.

IV
NGƯỜI BẠN VỤNG VỀ

Cũng đêm đó, Quasimodo không ngủ. Nó vừa đi tuần lần cuối trong nhà thờ. Lúc đóng cửa, nó không nhận thấy phó chủ giáo tới gần và tỏ vẻ bực mình khi thấy nó cài then và khóa cẩn thận bộ gióng sắt lớn, khiến cánh cửa to rộng vững chắc như tường thành. Đức cha Claude còn có vẻ bận rộn hơn thường lệ. Vả lại, từ sau vụ xảy ra ban đêm trong căn phòng, ông luôn hành hạ Quasimodo, nhưng, tha hồ bạc đãi nó, thậm chí đôi khi còn đánh đập nữa, vẫn không gì lay chuyển nổi thái độ phục tùng, nhẫn nại, chịu đựng hết lòng của gã kéo chuông trung thành. Phó chủ giáo làm gì, nó cũng chịu đựng hết, dù chửi mắng, hăm dọa, đánh đập, nó không hé một câu trách móc, không thốt nửa lời thở than. Cùng lắm nó chỉ lo ngại nhìn theo khi đức cha Claude leo thang lên tháp, nhưng chính phó chủ giáo cũng tránh mặt cô gái Ai Cập.

Vậy đêm đó, sau khi liếc nhìn dãy chuông tội nghiệp bị bỏ rơi bấy lâu, nào Jacqueline, nào Marie, nào Thibauld, Quasimodo leo lên tận đỉnh ngọn tháp phía bắc, rồi từ đó, đứng ngắm nhìn Paris, sau khi đặt chiếc đèn lồng mờ đóng kín trên mái nhà bằng chì. Như đã nói ở trên, đêm đó rất tối trời. Paris hồi đó hầu như không có đèn đường, trông như một đống lộn xộn các khối đen, đây đó cắt ngang bởi con sông Seine trắng đục lượn vòng, Quasimodo chỉ trông thấy ánh đèn ở cửa sổ một nhà xa xa, mà hình thù mơ hồ và tối sẫm nổi bật trên dãy mái, về phía cổng Saint-Antoine. Ở đó cũng còn người đang thức.

Trong khi con mắt độc nhỡn thẫn thờ nhìn phía chân trời mù sương và tối đêm, gã kéo chuông bỗng cảm thấy thâm tâm lo ngại một cách khó nói. Từ vài hôm nay nó vẫn đề phòng. Nó luôn thấy lảng vảng quanh nhà thờ những bọn

đàn ông mặt mũi hằm hè đang chăm chú theo dõi chỗ tị nạn của cô gái. Nó nghĩ có lẽ họ mưu mô để làm hại cô gái ẩn náu khốn khổ. Nó tưởng đâu dân chúng cũng thù ghét cô như thù ghét nó và rất có thể sắp xảy ra chuyện gì. Cho nên nó đứng trên tháp chuông, canh gác, *mơ màng trong xó mộng mơ*, như Rabelai từng nói, mắt hết nhìn căn buồng cô gái lại nhìn Paris, canh phòng cẩn mật như con chó ngoan, đầu óc đầy nghi ngại.

Đột nhiên, đang chăm chú theo dõi đô thành rộng lớn bằng con mắt mà tạo hóa, như muốn bù trừ, đã phú cho rất tinh tường, gần như thay thế được các giác quan khác bị thiếu ở Quasimodo, nó thấy tựa hồ hình bóng khúc bờ sông ở phố Hàng da cũ có gì khác lạ, nơi đó đang chuyển động, đường nét của dãy lan can nổi lên đen sẫm trên nền sông trắng mờ không thẳng tuột và bất động như trên các khúc bờ sông khác, mà uốn lượn trước mắt như sóng gợn mặt sông hoặc đầu người của đám đông đang đi.

Nó lấy làm kỳ lạ, bèn chăm chú hơn. Sự di chuyển như hướng về Khu thành cũ. Cũng không le lói chút ánh sáng nào. Các khối đó dừng lại một lát trên bờ sông, rồi dần dần chảy đi, như thể cái đám vừa đi ngang đó đang lao vào phía trong hòn đảo, rồi biến mất hẳn, và đường nét bờ sông trở lại thẳng tuột và bất động.

Đang lúc Quasimodo còn phân vân chưa hiểu, hắn lại thấy sự chuyển động hình như tái hiện trên phố Sait nhà thờ, chạy dài giữa Khu thành cũ, vuông góc với mặt tiền của nhà thờ Đức Bà. Sau cùng, tuy đêm tối mịt mù, hắn vẫn thấy được đoạn đầu của một đoàn người từ phố đó đổ ra, rồi phút chốc một đám đông mà trong đêm tối không thể phân biệt được gì hơn là một đám đông, tràn lan khắp quảng trường.

Cảnh tượng thật đáng sợ. Chắc hẳn đám rước kỳ quặc đó, tựa hồ rất chú ý lẩn lút trong đêm tối mịt, cũng gắng hết sức giữ im lặng. Tuy nhiên văng vẳng vẫn có tiếng động, dù chỉ tiếng bước chân. Nhưng tiếng động đó không thể lọt vào

tai gã điếc và đám đông kịt mà nó chỉ trông thấy lờ mờ và chẳng nghe thấy gì hết, vẫn di động và tiến lại gần, khiến nó có cảm tưởng như đây là một đám đông các xác chết, câm lặng, không sờ mó nổi, mất hút trong sương khói. Nó tựa hồ thấy tiến lại một đám sương mù dày đặc người, thấy bóng đen động đậy trong bóng đêm.

Thế là nó đâm lo, đầu óc sực nghĩ đây là một âm mưu làm hại cô gái Ai Cập. Nó mơ hồ cảm thấy mình đang tiến gần tới một hoàn cảnh bạo động. Giữa lúc nguy kịch, nó hỏi ý kiến chính mình, bằng suy luận sáng suốt và khá nhanh chóng, không thể ngờ ở một đầu óc quá xộc xệch như vậy. Có cần đánh thức cô gái Ai Cập dậy không? Giúp cô trốn đi? Bằng cách nào? Đường phố đã kín người, nhà thờ lại tựa lưng ra sông. Không có thuyền! Hết lối thoát! - Chỉ còn cách liều mình đến chết ở trước cửa nhà thờ, ít nhất cũng chống cự tới lúc có người đến giải cứu, nếu may mà có được, và không phá giấc ngủ của Esmeralda. Cô gái khốn khổ vẫn sẽ tỉnh giấc khá sớm để mà chết. Quyết định xong như vậy, nó bắt đầu quan sát *kẻ địch* bình tĩnh hơn.

Đám đông như mỗi lúc một đông thêm trên phố Sait nhà thờ. Tuy nhiên, nó đoán đám đông rất ít làm ồn, vì các cửa sổ trên phố và quanh quảng trường vẫn đóng kín. Đột nhiên ánh lửa lóe lên, rồi phút chốc bảy tám cây đuốc được thắp sáng, chuyền đi trên đầu, ngọn lửa bùng cháy lay động trong bóng đêm. Thế là Quasimodo nhìn thấy rành rành trên phố Sait nhà thờ nhấp nhô một bầy khủng khiếp đàn ông đàn bà áo quần rách rưới, tay mang liềm hái, giáo mác, dao quắm, lấp loáng muôn ngàn mũi nhọn. Đây đó, những đinh ba đen sì làm thành những cặp sừng trên các mặt mũi gớm ghiếc. Nó loáng thoáng nhớ lại đám dân chúng này và hình như nhận ra những bộ mặt dăm tháng trước đây từng chào mừng nó, Cuồng đãng giáo hoàng. Một gã, tay cầm đuốc, tay cầm roi da, trèo lên cột mốc và có vẻ đang kêu gọi. Đồng thời, đội quân kỳ quái hơi di chuyển, như đang chiếm lĩnh các vị trí quanh nhà thờ. Quasimodo cầm đèn lồng và đi

xuống sân thượng ở giữa các tháp, để nhìn gần hơn và tìm cách phòng ngự.

Clopin Trouillefou đi tới cổng lớn nhà thờ Đức Bà, quả nhiên hắn đang triển khai đội hình chiến đấu. Mặc dù không chờ đợi bất cứ sự kháng cự nào, với tư cách vị tư lệnh thận trọng, hắn muốn giữ vững trật tự để sẵn sàng đối phó khi cần thiết, chống lại một cuộc tấn công bất ngờ của lính tuần hoặc lính kích thủ. Cho nên hắn đã bố trí đội quân theo phương thức mà nhìn từ trên cao và từ xa, ta có thể nói đó là thế tam giác của trận Ecnome, thế đầu lợn của Alexandre hoặc thế cắm chốt nổi tiếng của Gustave-Adolphe. Cạnh đáy của tam giác đó dựa vào phía cuối quảng trường, có thể án ngữ phố Sait nhà thờ; một cạnh trông sang nhà thương, cạnh kia trông ra phố Saint-Pierre-aux-Boeuf. Clopin Trouillefou đứng ở góc đỉnh, cùng quận công Ai Cập, anh bạn Jehan và bọn ăn mày giả động kinh hung hăng nhất.

Ở các thành phố thời trung cổ, một hành động như vụ lũ ăn mày hiện giờ đang làm tại nhà thờ Đức Bà, không phải là chuyện quá hiếm. Cái bây giờ ta gọi là *cảnh sát* thời đó chưa có. Tại các đô thị đông dân, nhất là ở thủ đô, không hề có chính quyền trung ương, duy nhất, điều hòa. Chế độ phong kiến xây dựng một mớ hàng ngàn lãnh địa, chúng chia cắt đô thị thành biệt khu đủ mọi kiểu và đủ mọi cỡ. Từ đó hàng ngàn cảnh sát đối nghịch nhau, tức là chẳng có cảnh sát gì cả. Chẳng hạn, ở Paris, ngoại trừ một trăm bốn mươi mốt lãnh chúa cai quản khu đất tô, còn có hăm nhăm lãnh chúa cai quản pháp lý và đất thu tô, từ giám mục Paris sở hữu một trăm linh năm phố, tới tu viện trưởng nhà thờ Đức Bà des-Champs sở hữu bốn phố. Tất cả các nhà tư pháp phong kiến này chỉ thừa nhận trên danh nghĩa quyền lực bá chủ của nhà vua. Tất cả đều có quyền lực đối với đường sá trong lãnh địa. Tất cả đều làm chủ lãnh địa của mình. Vua Louis XI, người thợ không biết mệt từng phóng tay mở đầu sự phá hủy tòa lâu đài phong kiến, được Richelieu và Louis XIV tiếp tục duy trì sự có lợi cho quyền lực nhà vua và được Mirabeau hoàn thành sự có lợi cho dân chúng, vua Louis

XI đã hết sức cố gắng chọc thủng hệ thống lãnh địa đang bao trùm lên Paris, mạnh mẽ tung ra một cách rất ngang ngược hai hoặc ba đạo dụ về cảnh sát tổng quản. Do đó, năm 1465, có lệnh cho dân chúng ban đêm phải thắp đèn trước cửa và nhốt chó, ai trái lệnh sẽ bị xử giảo; cũng năm đó, lệnh lại ban xuống là buổi tối, cấm mọi người mang dao găm hoặc vũ khí tấn công đi ra phố. Nhưng chỉ được ít lâu, mọi cố gắng về luật lệ thành phố đều rơi vào quên lãng. Thị dân để mặc gió thổi tắt đèn trên cửa sổ và chó cứ việc thả rông; xích sắt chỉ giăng ra khi có thiết quân luật; lệnh cấm đeo dao găm không đem tới thay đổi nào khác ngoài việc đổi tên *phố Xẻo mõm* thành *phố Xẻo cổ*, đúng là có tiến bộ rõ ràng. Nền móng xưa cũ của luật lệ phong kiến vẫn đứng vững; một mớ hỗn độn mênh mông các quyền pháp quan và quyền lãnh chúa chồng chéo nhau trên thành phố, vướng víu, lẫn lộn, xen kẽ lung tung, cái nọ chen lẫn cái kia; một rừng vô ích những tuần cảnh, phó tuần cảnh và phản tuần cảnh, để lọt lưới cả kẻ cướp vũ trang, bọn cường đoạt lẫn lũ phản loạn. Trong cảnh hỗn độn này, chẳng phải là sự kiện kỳ lạ khi một bộ phận dân chúng kéo tới cướp phá một lâu đài, một dinh thự, một tòa nhà, trong các khu phố đông dân nhất. Trong số lớn trường hợp, các láng giềng chỉ can thiệp khi sự cướp phá lan tới nhà mình. Họ bịt tai trước tiếng súng, đóng kín cửa sổ, chặn kỹ cửa ra vào, để mặc cho vụ tranh chấp tự chấm dứt, có hoặc không có lính tuần cảnh xen vào, rồi sáng hôm sau, người người kháo khắp Paris:

- Đêm qua, Étienne Barbette bị cướp phá.

- Thống chế Clermont bị chúng tóm được, v.v...

Cho nên, không chỉ riêng hoàng cung, điện Lourve, tòa Pháp đình, pháo đài Bastille, lâu đài Tournell, mà ngay cả các tư dinh bình thường của lãnh chúa, dinh Tiểu Bourbon, lâu đài Sens, lâu đài Angoulême v.v... cũng đục lỗ châu mai ở tường và xây lỗ ném đá trên cổng. Các nhà thờ tự vệ bằng tư cách thánh thiện. Tuy nhiên cũng có cái được phòng thủ vững chắc, trong số đó không có nhà thờ

Đức Bà. Tu viện trưởng ở Saint-Germain-des-Prés cũng đục lỗ châu mai như một nam tước và ông có sẵn đồng dùng đúc súng nhiều hơn để đúc chuông. Tới năm 1610, vẫn còn thấy pháo đài của tu viện đó. Bây giờ chỉ còn lại tòa nhà thờ.

Ta trở lại với nhà thờ Đức Bà.

Khi những chuẩn bị đầu tiên đã xong, và ta phải khen ngợi là kỷ luật hành khất khiến các mệnh lệnh của Clopin được thi hành lặng lẽ và hết sức chuẩn xác, vị chỉ huy xứng đáng của lũ cướp liền leo lên bờ tường thấp quanh sân nhà thờ, rồi cất giọng khàn khàn, cáu kỉnh, hắn quay mặt về phía nhà thờ, tay vung ngọn đuốc phần phật cháy sáng trong gió và luôn bị khói bốc lên che khuất, làm mặt tiền đỏ ối của tòa nhà thờ khi ẩn khi hiện trước mắt mọi người.

- Hỡi Louis de Beaumont, giám mục Paris, cố vấn tối cao pháp viện, hãy nghe đây, ta là Clopin Trouillefou, vua xứ Thunes, Khất cái đại vương Coësre, quốc vương dân tiếng lóng, giám mục bọn cuồng đãng, ta tuyên bố: - Cô em gái của ta, bị kết tội oan vì ma thuật, đang trú ẩn và được an toàn; nhưng pháp đình muốn bắt lại cô gái và người đã bằng lòng; do đó ngày mai, chúng sẽ treo cổ cô ta tại quảng trường Grève nếu Chúa và dân hành khất không có mặt lúc này. Vì vậy, hỡi giám mục, bọn ta kêu gọi ngươi. Nếu nhà thờ của ngươi thiêng liêng thì cô em chúng ta cũng bất khả xâm phạm, nếu cô em chúng ta không bất khả xâm phạm, thì nhà thờ của ngươi cũng chẳng thiêng liêng gì cả. Cho nên ta hạ lệnh cho ngươi phải trao trả cô gái, nếu ngươi muốn cứu vãn nhà thờ, bằng không ta vẫn giành lại cô gái mà còn cướp phá nhà thờ. Như thế càng hay. Để làm bằng cho lời ta vừa nói, ta cắm cờ hiệu tại đây, xin Chúa bảo vệ cho ngươi, hỡi giám mục thành Paris.

Chẳng may Quasimodo lại không nghe thấy những lời lẽ được tuyên bố một cách oai nghiêm, buồn bã và man rợ. Một gã ăn mày đưa cờ hiệu cho Clopin, hắn trịnh trọng cắm giữa hai phiến đá lát đường. Đó là cây đinh ba có xiên tảng thịt chết đuối đẫm máu.

Nói xong, vua xứ Thunes quay lại và đưa mắt nhìn đoàn quân, một đám đông hung dữ, mắt sáng quắc chẳng kém gì mũi giáo. Ngừng lại giây lát rồi hắn thét lên:

- Tiến lên, hỡi các con! Bắt tay vào việc đi, những kẻ sừng sỏ!

Ba chục gã đàn ông lực lưỡng, tay chân phục phịch, vẻ mặt thợ khóa, bước ra khỏi hàng, vai vác búa, kìm và gióng sắt. Họ tiến tới cửa chính nhà thờ, bước lên bậc thềm, rồi sau đó thấy cả bọn ngồi xổm dưới vòm tò vò, dùng kìm và đòn bẩy nậy cửa. Một đám ăn mày theo sau để giúp đỡ hoặc xem chơi. Mười bậc thềm trước cửa chính đông đặc người.

Nhưng cánh cửa vẫn khép chặt. Một gã nói:

- Ma quỷ! Cửa vững chắc và cứng đầu quá!

- Nó già quá, da thịt thành chai mất rồi, - gã khác nói.

- Cố gắng lên các bạn! - Clopin thúc giục. - Ta đặt cuộc cái đầu ta lấy chiếc giày là các bạn sắp phá được cửa, mang cô gái ra và dọn sạch tòa chính diện trước khi có gã phụ thủ nào thức dậy. Kìa! Xem chừng ổ khóa đã lung lay.

Clopin bị ngắt lời bởi tiếng ầm kinh khủng ngay lúc đó vang dội sau lưng. Hắn quay lại. Một xà gỗ rất lớn vừa từ trên trời rơi xuống, đè bẹp khoảng một tá ăn mày trên bực thềm nhà thờ, rồi văng ra mặt đường kêu vang như tiếng trái phá, rải rác còn làm gãy thêm chân tay bọn ăn mày, chúng đang kinh khủng thét lên và giãn ra. Trong chớp mắt, khu có tường rào trong sân nhà thờ đâm vắng ngắt. Đám sừng sỏ tuy được vòm cửa tò vò khoét sâu che chở, vẫn phải rời cửa. Chính Clopin cũng lùi lại khá xa nhà thờ. Jehan kêu lên:

- May quá mình lại thoát nạn! Ghê thật, nghe thấy cả tiếng gió rít! Nhưng Pierre l’Assommeur bị đè bẹp om xương!

Khó tả nổi sự ngạc nhiên lẫn nỗi hãi hùng rơi xuống đầu lũ cướp theo cây xà gỗ. Chúng ngước mắt lên trời đứng lặng hồi lâu, khiếp sợ khúc gỗ đó hơn hai

vạn cung thủ ngự lâm.

- Ma quỷ! - Quận công Ai Cập làu bàu, - đúng là có hơi hướm ma thuật!

- Chính mặt trăng ném thanh củi đó xuống đầu mình, - Andry le Rouge nói.

- Nếu thế, mặt trăng là bạn thân của Đức Bà! - François Chanteprune nói.

- Kệ mẹ giáo hoàng! - Clopin thét lên, - chúng mày sao ngu thế!

Nhưng hắn không giải thích nổi tại sao khúc gỗ lại rơi như vậy.

Lúc đó, chẳng ai trông thấy gì trên mặt tiền nhà thờ, ánh đuốc không chiếu tới trên cao. Khúc gỗ nặng nằm lăn giữa nhà thờ và chỉ nghe thấy tiếng rên rỉ của những kẻ khốn nạn bị khúc gỗ giáng xuống đầu tiên, bụng đứt làm đôi trên cạnh đá bậc thềm.

Phút bàng hoàng đầu tiên qua đi, vua xứ Thunes cuối cùng tìm được câu giải thích tạm phù hợp với đồng bọn:

- Mõm Chúa! Bọn tu sĩ dám chống cự ư? Nếu thế phải phá sạch! Phá sạch!

- Phá sạch! - Đám đông giận dữ hò reo. Rồi cung nỏ, súng ống tua tủa bắn vào mặt tiền nhà thờ.

Nghe tiếng nổ, dân cư yên ổn ở các nhà xung quanh mới thức dậy, cửa sổ liền mở ra, và các đầu đội mũ ngủ cùng tay cầm đèn, hiện ra nơi khung cửa. Clopin thét lên:

- Bắn vào cửa sổ!

Các cửa sổ lập tức khép lại và bọn thị dân tội nghiệp vừa mới kịp hoảng hốt liếc nhìn cảnh tượng sáng bập bùng và ồn ào, đã sợ toát mồ hôi quay ngay vào với vợ, thầm hỏi không biết có phải đại hội phù thủy bây giờ họp ở giữa sân nhà thờ Đức Bà, hoặc lại xảy ra chuyện tấn công của dân Bourguignon như hồi năm 64. Trong khi những ông chồng nghĩ tới cướp bóc, các bà vợ lại lo bị hãm hiếp, sợ run lên.

- Phá sạch! - Dân tiếng lóng thét lên. Nhưng không dám lại gần. Chúng nhìn

nhà thờ, nhìn khúc gỗ. Khúc gỗ vẫn nằm trơ đó. Tòa nhà thờ vẫn giữ vẻ bình yên và vắng vẻ, nhưng có gì đó làm lũ ăn mày lạnh gáy. Trouillefou thét lên:

- Bắt tay vào đi chứ, hỡi các tay sừng sỏ! Phải phá cửa.

Không ai nhúc nhích. Clopin nói:

- Đồ mặt mo! Ai lại đi sợ cái xà gỗ bao giờ.

Một lão già sừng sỏ đáp lời:

- Ông chỉ huy ạ, không phải bọn tôi ngán cái xà gỗ, mà là cánh cửa chằng chịt toàn gióng sắt. Dùng kìm chẳng ăn thua gì.

- Thế các anh cần những gì để phá cửa nào? - Clopin hỏi.

- Phải rồi, cần một cây chày húc.

Vua xứ Thunes gan dạ chạy tới khúc gỗ ghê gớm, đạp chân lên và quát:

- Chày húc đây rồi, bọn tu sĩ gửi tới cho các anh đó.

Rồi hắn giễu cợt chào ngôi nhà thờ:

- Cảm ơn các tu sĩ nhé!

Cử chỉ huênh hoang này đạt hiệu quả tốt, vẻ ghê rợn của khúc gỗ biến mất. Bọn hành khất lấy lại can đảm; lát sau, cây xà nặng được hai trăm cánh tay vạm vỡ nhấc lên nhẹ bỗng như chiếc lông, ầm ầm lao tới phóng vào cánh cửa lớn mọi người đã thử tìm cách phá. Trước cảnh tượng đó, dưới ánh sáng lờ mờ, những cây đuốc thưa thớt của bọn ăn mày chiếu lên quảng trường, với khúc gỗ dài do đám đông vác, chạy lao về phía nhà thờ, ta tưởng như trông thấy một con vật khổng lồ ngàn chân đang cắm đầu xông tới tấn công mụ khổng lồ bằng đá.

Cây xà vừa húc vào, chiếc cửa một nửa bằng kim khí vang lên như cái trống đồ sộ; cửa không bị vỡ, nhưng toàn bộ ngôi nhà thờ rung chuyển, các hang hốc sâu thẳm của tòa nhà ầm vang. Cùng lúc, từ trên nóc mặt tiền nhà thờ, những tảng đá to rơi như mưa xuống đầu bọn tấn công. Jehan thét lên:

- Ma quỷ! Những tòa tháp cũng lay đổ các lan can rơi xuống đầu bọn ta đó ư?

Nhưng đang đà tiến lên, lại được vua xứ Thunes dám nêu gương, và đúng là giám mục đã chống cự, cho nên mọi người càng hùng hổ phá cửa mạnh hơn, bất chấp đá rơi xuống vỡ đầu xẻ tai khắp bên phải, bên trái.

Đáng chú ý là tất cả đá đều rơi xuống từng tảng một nhưng rất liền nhau. Dân tiếng lóng bao giờ cũng bị trúng hai hòn một lúc, một trúng chân, một trúng đầu. Rất ít kẻ chỉ trúng một hòn và đã có một đống lớn kẻ bị giết, kẻ bị thương, đang máu chảy hoặc ngắc ngoải nằm dưới chân bọn cướp phá, giờ đây chúng đang điên cuồng thay phiên nhau liên tiếp. Cây gỗ dài tiếp tục nện vào cánh cửa đều đặn như chiếc dùi gõ chuông, đá vẫn rơi như mưa, cửa vẫn gầm thét.

Có lẽ bạn đọc không hề phỏng đoán cuộc chống cự bất ngờ, làm bọn ăn mày phải bực tức, lại do Quasimodo gây ra.

Sự tình cờ chẳng may đã tiếp tay cho gã điếc chân thực.

Khi xuống tới sân thượng ở giữa các tháp, đầu óc nó còn rối mù. Vài phút đầu, nó chạy dọc hành lang, chạy đi chạy lại như thằng điên, từ trên cao nhìn xuống đám đông đặc hành khất đang sẵn sàng xông vào nhà thờ, cầu nguyện cả ma quỷ lẫn Chúa cứu vớt cô gái Ai Cập. Nó sực nghĩ phải leo lên gác chuông phía nam và kéo chuông cấp báo; nhưng trước khi kịp rung chuông, trước khi tiếng của Marie kịp reo lên một lần, cửa nhà thờ đã chẳng thừa mười lần thời giờ để bị phá vỡ rồi hay sao? Vừa đúng lúc đó, bọn sừng sỏ mang đồ nghề thợ khóa xông vào cửa. Phải làm gì đây?

Đột nhiên nó sực nhớ suốt ngày hôm đó, bọn thợ nề đã sửa chữa bức tường, các rui mè cùng mái nhà của tòa tháp phía nam. Đúng là một tia sáng lóe lên. Tường bằng đá, mái bằng chì, rui mè bằng gỗ. Những rui mè kỳ diệu đó, rất rậm rạp đến nỗi được gọi là *khu rừng*.

Quasimodo chạy tới tòa tháp. Các phòng dưới quả nhiên chất đống đầy vật liệu. Có từng đống đá tảng, từng cuộn chì lá, từng bó rui mè, những xà gỗ lớn đã cưa sẵn, từng đống vôi vữa. Một kho vũ khí đầy đủ.

Thời gian cấp bách. Kìm búa đang ra tay ở phía dưới. Với sức lực tăng gấp bội vì nguy cấp, nó nhấc cây xà nặng nhất, tuồn qua cửa sổ rồi đỡ lấy bên ngoài tháp, ghếch nó lên góc lan can bao quanh sân thượng và thả rơi xuống vực sâu cây xà đồ sộ, rơi từ trên cao một trăm sáu mươi bộ, quệt vào tường nhà làm vỡ các điêu khắc, quay lộn nhiều vòng như cánh cối xay bị văng ra giữa khoảng không. Cuối cùng, cây xà chạm đất, tiếng thét thảm thiết vang lên và cây xà đen ngòm nảy bật trên mặt đường, giống như con rắn quăng mình.

Quasimodo thấy bọn ăn mày chạy tán loạn lúc cây gỗ rơi xuống, như đống tro bị đứa trẻ thổi phù. Nó lợi dụng bọn ăn mày đang hoảng sợ và đang mê tín nhìn cây trùy từ trên trời rơi xuống, đang bắn tới tấp nào tên nào đạn, làm mù mắt các vị thánh bằng đá ở ngoài cổng, Quasimodo lặng lẽ chất đống vôi vữa, đá cục, đá tảng, cho tới túi đồ nghề của thợ nề, lên trên thành lan can, nơi cây xà vừa lao xuống.

Cho nên, khi bọn chúng bắt đầu phá cửa lớn, trận mưa đá liền rơi xuống và chúng tưởng tòa nhà thờ tự hủy hoại để trút xuống đầu chúng.

Ai trông thấy Quasimodo lúc đó, hẳn phải khiếp sợ. Ngoài đạn dược đã tích trữ trên lan can, nó còn xếp một đống đá ngay trên sân thượng. Khi đá chất trên bờ lan can đã ném hết, nó lấy đá trong đống lớn. Lúc đó, nó hết cúi xuống lại đứng lên, đứng lên lại cúi xuống, vô cùng khẩn trương. Cái đầu quỷ to tướng thò ra ngoài lan can rồi một tảng đá lớn rơi xuống, lại một tảng đá nữa, thêm tảng nữa. Thỉnh thoảng nó theo dõi một tảng đá rơi xuống rất đẹp và khi tảng đá giết được nhiều người, nó thốt lên:

- Khá lắm!

Tuy nhiên, bọn hành khất không nản lòng. Đã dăm chục lần, cánh cửa dày bị chúng đập phá rung chuyển dưới sức nặng của cây chày húc gỗ sồi được nhân lên bởi sức mạnh hàng trăm con người. Cánh cửa rạn nứt, hình chạm trổ vỡ tan từng mảnh. Bản lề cứ mỗi lần lay động lại nảy tung cả chốt, ván rời rã, gỗ vụn

như cám nghiến giữa nẹp sắt. May mắn cho Quasimodo, chiếc cửa nhiều sắt hơn gỗ.

Nhưng nó cảm thấy chiếc cửa lớn đang lảo đảo. Tuy nó không nghe thấy, mỗi đòn chày húc vẫn cùng lúc vang dội vào mọi hang hốc nhà thờ và ruột gan nó. Từ trên cao, nó thấy bọn ăn mày, rất hăng say và căm giận, đang giơ nắm đấm để đe dọa mặt tiền nhà thờ tối om và nó ao ước có được cho cô gái Ai Cập và cho nó, đôi cánh của đàn cú đang lũ lượt bay đi trốn ở ngay trên đầu.

Trận mưa đá tảng không đủ sức đẩy lùi đám tấn công.

Giữa lúc hãi hùng, nó nhận thấy, ngay sát dưới dãy lan can nó vừa đè bẹp lũ dân tiếng lóng, hai ống máng dài bằng đá chĩa đúng bên trên cửa lớn. Lỗ thông xuống hai ống máng ở ngay nền bên trên sân thượng. Ý định liền nảy ra. Nó chạy đi lấy bó củi chất trong buồng riêng, rồi chất lên bó củi thật nhiều bó rui mè và cuộn chì lá, những đạn dược chưa dùng tới, rồi sau khi sắp xếp cái lò lửa đâu vào đấy ở ngay trước miệng hai ống máng, nó bèn dùng đèn lồng để nhóm lửa.

Khi đó, đá không còn rơi xuống, bọn ăn mày thôi chẳng ngước nhìn lên trên nữa. Bọn cướp hối hả như bầy chó săn dồn đuổi lợn rừng ở trong ổ, đang ồn ào túm tụm xung quanh cửa lớn đã bị chày húc phá gần vỡ nhưng vẫn còn đứng vững. Chúng run lên chờ đợi đòn húc mạnh nhất, ngọn đòn phá tung cửa. Khi nào cửa mở ra, chỉ ai đứng gần nhất mới có thể lao vào trước nhất, lao vào tòa nhà thờ lớn giàu sang này, một cái bể chứa rộng bát ngát được chồng chất đủ mọi của cải của từ ba thế kỷ. Chúng rú lên sung sướng và thèm thuồng, để nhắc nhau nhớ tới các thánh giá đẹp bằng bạc, áo lễ đẹp bằng gấm, ngôi mộ đẹp mạ vàng, trang trí lộng lẫy ở gian hát kinh, các ngày lễ huy hoàng, đêm Giáng sinh tưng bừng đuốc sáng, ngày Phục sinh chói ngời ánh nắng, mọi ngày lễ long trọng rạng rỡ mà hòm thánh tích, giá đèn nến, bình thánh thể, khám thờ, rương thánh cốt, lổn nhổn trên bàn thờ như lớp vỏ kim cương. Quả tình, trong dịp tốt

đẹp này, ăn mày giả hủi, giả sâu quảng, ăn mày trùm sỏ và giả bị bỏng đang nghĩ tới chuyện cướp bóc nhà thờ Đức Bà hơn là giải cứu cô gái Ai Cập. Thậm chí ta sẵn sàng tin rằng đối với nhiều tên trong bọn, Esmeralda chỉ là cái cớ, nếu kẻ cướp cũng cần mượn cớ.

Đột nhiên, đúng lúc bọn chúng xúm lại quanh cây chày húc để ra tay lần cuối, ai nấy nín thở, lên gân dồn hết sức lực vào miếng đòn quyết định, một tiếng thét còn khủng khiếp hơn cả tiếng thét từng bật ra rồi tắt lịm dưới cây xà, vang lên giữa bọn chúng. Những kẻ không thét lên, những kẻ còn sống, đứng nhìn. - Hai dòng chì lỏng từ phía trên nhà thờ đang rót xuống chỗ đông nhất của đám người. Cái biển người xẹp xuống dưới dòng chì kim khí sôi sục, rồi ở hai nơi rót xuống, nó tạo thành hai lỗ đen ngòm và bốc khói trong đám đông, y hệt nước nóng rót xuống tuyết. Tại đó đang giãy giụa những kẻ ngắc ngoải gần cháy thành than và rên la đau đớn. Chung quanh hai dòng chính còn vô vàn các giọt của trận mưa kinh khủng đang vung vãi trên đám người công hãm và chui vào sọ như mũi khoan lửa. Đây là loạt đạn nặng nề bắn hàng ngàn viên chì lỏng vào lũ người khốn nạn.

Tiếng thét thật thê thảm. Họ bỏ chạy toán loạn, vứt luôn cây xà lên xác chết, cả kẻ gan dạ lẫn người nhút nhát nhất, và lần thứ hai, sân nhà thờ lại không còn bóng người.

Mọi cặp mắt đều ngước nhìn phía trên cao tòa nhà thờ. Điều họ trông thấy thật kỳ lạ. Trên nóc hành lang cao nhất, cao hơn cả cửa sổ hoa thị chính giữa, có ngọn lửa lớn đang bốc lên giữa hai tháp chuông với tia lửa cuồn cuộn, một ngọn lửa lớn cháy phần phật và ngùn ngụt, gió thỉnh thoảng lại tạt đi một mảng lửa cùng đám khói. Phía dưới ngọn lửa, phía dưới dãy lan can tối đen trổ lá tam điệp đỏ rực, hai ống máng há mõm quái vật không ngớt khạc nhổ trận mưa bỏng cháy, với hai dòng sáng bạc nổi bật trên bóng tối của mặt tiền phía dưới. Càng gần mặt đất, hai dòng chì lỏng càng bắn tung tóe ra, như nước phun từ trăm

ngàn lỗ hoa sen thùng tưới. Bên trên ngọn lửa, các tòa tháp đồ sộ, mỗi tháp bày ra hai bộ mặt sống sượng và trâng tráo, một bộ mặt đen ngòm, một bộ mặt đỏ rực, chúng như càng to lớn với cái bóng vĩ đại hất trên nền trời. Vô vàn điêu khắc hình quỷ sứ và rồng càng có vẻ rùng rợn. Ánh lửa bập bùng khiến chúng ngọ nguậy trước mắt, có mãng xà như đang cười, ống máng tựa hồ văng vẳng tiếng sủa, con kỳ nhông như đang thổi lửa, quái vật hắt hơi trong đám khói. Và giữa đám quái vật được ngọn lửa cùng tiếng ồn đánh thức khỏi giấc ngủ đá, còn một quái vật khác đang đi, thỉnh thoảng thấy nó lướt ngang qua nền đỏ rực của đống lửa như con dơi bay qua ngọn đèn.

Ngọn hải đăng kỳ dị này chắc hẳn làm thức dậy từ xa gã tiều phu trên dãy đồi Bicêtre, y hoảng sợ nhìn cái bóng đen khổng lồ của các tháp nhà thờ Đức Bà lảo đảo trên đám thạch thảo.

Lũ hành khất kinh hoàng nín lặng, trong khi đó chỉ còn nghe thấy tiếng kêu cấp cứu của các tu sĩ bị giam hãm trong tu viện và còn hoảng sợ hơn cả đàn ngựa bị nhốt trong chuồng đang cháy, tiếng cửa sổ len lén mở vội rồi lập tức khép lại, tiếng lục đục thu dọn trong các nhà và trong nhà thương, tiếng gió thổi lửa, tiếng rên cuối cùng của bọn người ngoắc ngoải và tiếng trận mưa chì rào rào không ngớt trên mặt đường.

Lúc đó, bọn trùm ăn mày đã rút về dưới cổng nhà Gondelaurier để bàn bạc. Quận công Ai Cập ngồi trên cột mốc ngắm nhìn bằng niềm run sợ thành kính đống lửa ma quái đang chói lọi ở trên cao hai trăm bộ. Clopin Trouillefou căm giận nắm tay to, lẩm bẩm:

- Không sao vào nổi!

- Một nhà thờ cổ quái đản! - Lão già Bohémienne Mathias Hungadi Spicali làu bàu.

- Thề có bộ ria giáo hoàng, - một gã tinh quái tóc hoa râm từng đi lính nói tiếp, - các ống máng nhà thờ này khạc nhổ chì lỏng vào mặt ta còn hơn cả lỗ

ném đá ở Lectoure.

- Các ngươi có thấy con quỷ đang đi qua đi lại trước ngọn lửa không? - Quận công Ai Cập hỏi.

- Mẹ kiếp, - Clopin thốt lên, - đúng là gã kéo chuông chết tiệt, thằng Quasimodo.

Lão Bohémienne lắc đầu, nói:

- Theo ta, đó chính là quỷ Sabnac, vị đại hầu tước quỷ dữ nơi pháo đài. Nó khoác hình thù tên lính đeo vũ khí, đầu sư tử. Đôi khi nó cưỡi con ngựa xấu xí. Nó biến người thành đá rồi dùng để xây tháp. Nó chỉ huy năm mươi đoàn quân. Đúng là nó. Ta nhận ra rồi. Thỉnh thoảng nó còn mặc áo kim tuyến rất đẹp thêu hoa kiểu Thổ Nhĩ Kỳ.

- Bellevigne de l'Étoile đâu rồi? - Clopin hỏi.

- Nó chết rồi, - một mụ ăn mày đáp.

Andry le Rouge cười ngây ngô, nói:

- Nhà thờ Đức Bà làm nhà thương thêm bận việc.

- Thế không có cách nào phá được chiếc cửa ư? - Vua xứ Thunes giậm chân, quát hỏi.

Quận công Ai Cập buồn rầu chỉ cho hắn thấy hai dòng suối chì bỏng đang không ngừng rạch lên mặt tiền đen ngòm, như hai guồng chỉ dài lân tinh. Rồi y thở dài nhận xét:

- Đã từng có những nhà thờ tự bảo vệ lấy mình như vậy. Cách đây bốn chục năm, nhà thờ Sainte-Sophie ở Constantinople ba lần liền quẳng lá cờ lưỡi liềm của Mahom xuống đất bằng cách lắc lư vòm mái, tức cái đầu. Guillaume de Paris, người xây nhà thờ này, là tay quỷ thuật.

- Chẳng lẽ ta đành thảm hại rút lui như lũ vật vờ lang thang hay sao? - Clopin hỏi. - Đành phó mặc cô em ta cho lũ sói quàng khăn đỏ đi treo cổ ngày mai ư!

- Lại còn chính điện, có tới hàng xe vàng bạc! - Một gã ăn mày rất tiếc tác giả không biết tên xen vào.

- Thật mặt mo! - Trouillefou văng ra.

- Ta cứ thử lần nữa xem sao, - gã ăn mày nói.

Mathias Hungadi lắc đầu nói:

- Không vào đằng cửa được đâu. Phải tìm ra chỗ sơ hở trong bộ giáp của con mụ già quỷ này. Một lỗ hổng, một cửa ngách ngụy trang, một kẽ hở nào đó.

- Có ai thông thạo đường lối nhỉ? - Clopin hỏi. - Tôi quay lại đó vậy. Này, cậu học trò Jehan giáp trụ đầy mình đâu rồi?

- Có lẽ chết rồi, - có người đáp. - Không nghe thấy nó cười nữa.

Vua xứ Thunes cau mày:

- Đành vậy. Dưới bộ giáp sắt, hắn có tấm lòng vàng.

- Thế còn thầy Pierre Gringoire?

- Báo cáo chỉ huy Clopin, - Andry le Rouge đáp, - hắn lẩn trốn từ lúc ta mới đến cầu Hối đoái.

Clopin giậm chân, nói:

- Tổ cha nó! Chính nó xúi giục rồi lại bỏ mặc bọn ta giữa lúc lâm sự! Quân bẻm mép hèn nhát, chỉ đáng đội giày lên đầu!

- Báo cáo chỉ huy Clopin, - Andry le Rouge nhìn về phố Sait nhà thờ rồi reo lên, - cậu học trò kia rồi.

- Tạ ơn Diêm vương! - Clopin nói. - Nhưng nó kéo theo cái quái quỷ gì thế kia?

Đúng là Jehan đang gắng sức chạy nhanh trong phạm vi bộ áo nặng nề hiệp sĩ cho phép, cùng chiếc thang dài cặm cụi kéo lê trên mặt đường, vất vả hơn con kiến tha ngọn cỏ dài hơn hai chục lần. Cậu học trò reo lên:

- Thắng lợi rồi! *Te Deum**! Đây là chiếc thang của phu khuân vác ở bến cảng

Saint-Landry.

Clopin bước lại gần:

- Cậu bé! Mẹ kiếp, chứ cậu định dùng cái thang này làm gì?

- Tôi lấy được rồi. - Jehan thở hổn hển đáp. - Tôi biết thang cất ở đâu. Dưới hầm nhà ông trung úy. Ở đó có con bé tôi quen, nó thấy tôi đẹp trai như thần Cupido. - Tôi liền lợi dụng con bé để lấy thang, cần đếch gì, thế là tôi lấy được! Con bé mặc độc chiếc áo lót ra mở cửa cho tôi.

- Phải, - Clopin đáp, - nhưng cậu định dùng cái thang này làm gì?

Jehan nhìn bằng con mắt tinh quái và giỏi giang, bật ngón tay kêu tanh tách. Lúc đó, hắn thật cao cả. Hắn đội chiếc mũ sắt diêm dúa của thế kỷ mười lăm, làm đối phương phải hoảng sợ trước cái hình thù quái vật trên chóp. Chiếc mũ tua đâm ra mười cái mỏ bằng sắt, khiến Jehan có thể tranh giành được hình dung từ ghê gớm *dekémbolos** dành cho chiến thuyền của Nestor trong thơ Homère.

- Hỡi đức vua cao cả xứ Thunes, tôi định làm gì ư? Ngài có thể trông thấy dãy tượng mặt mũi ngu ngốc ở phía trên ba chiếc cửa lớn đằng kia không?

- Có. Rồi sao?

- Đó là hành lang các tượng vua Pháp.

- Thế thì dính dáng gì đến ta? - Clopin nói.

- Khoan đã! Ở cuối hành lang có cái cửa chỉ cài then thôi, tôi leo thang lên đó, thế là vào được nhà thờ.

- Cậu bé, hãy để ta leo lên trước.

- Không được đâu, anh bạn ơi, cái thang này là của tôi. Hãy đi theo tôi, bạn sẽ trèo lên sau.

- Diêm vương bóp cổ chú mày! - Clopin càu nhàu rủa. - Tao không muốn đi sau ai cả.

- Nếu vậy, Clopin, hãy đi kiếm chiếc thang khác! - Jehan chạy qua quảng trường, kéo lê chiếc thang và gào to. - Hỡi các con, hãy theo ta!

Lát sau, chiếc thang được dựng lên và tựa vào lan can của dãy hành lang dưới, ngay trên cánh cửa nách. Đám ăn mày hò reo ầm ĩ, chen chúc dưới chân thang để leo lên. Nhưng Jehan giữ vững đặc quyền và đặt chân trước tiến lên gióng thang. Chặng đường leo lên cũng khá dài. Hành lang các tượng vua Pháp hiện nay cao cách mặt đường khoảng sáu chục bộ. Mười một bậc thềm lại nâng nó lên cao hơn. Jehan thong thả, khá lúng túng vì bộ áo giáp nặng, một tay vịn thang, tay kia cầm nỏ. Lên tới lưng chừng, nó buồn rầu nhìn đám dân tiếng lóng tội nghiệp nằm chết la liệt dưới thềm. Nó nói:

- Than ôi! Đúng là đống xác người xứng đáng với chương năm bản anh hùng ca *Iliad*.

Rồi nó tiếp tục leo. Bọn ăn mày theo sau. Mỗi gióng thang một đứa. Cứ nhìn dãy lưng giáp trụ uốn lượn leo trên trong bóng tối, có thể nói đó là con rắn vảy thép ngóc dậy tấn công nhà thờ. Jehan làm thành cái đầu, đang huýt sáo, càng tăng vẻ ảo ảnh.

Cuối cùng, cậu học trò lên tới bao lơn hành lang và nhanh nhẹn leo qua, trước tiếng hoan hô của tất cả đám ăn mày. Đã làm chủ được thành trì, hắn thét lên vui sướng rồi đột nhiên dừng lại khiếp đảm. Hắn vừa thoáng thấy, sau bức tượng vua, Quasimodo núp trong bóng tối, con mắt sáng quắc.

Trước khi kẻ tấn công thứ hai kịp đặt chân lên hành lang, gã gù ghê gớm nhảy xổ tới đầu thang, lẳng lặng đưa đôi bàn tay vạm vỡ nắm lấy hai gióng thang nhấc lên, đẩy xa tường, giữa tiếng kêu gào thảm thiết, lắc lư một lát chiếc thang dài uốn cong, dày đặc ăn mày từ trên rơi xuống dưới, rồi đột nhiên, với sức mạnh phi thường, nó hất cả chùm người xuống quảng trường. Có một khoảnh khắc mà kẻ kiên định nhất cũng phải hồi hộp. Chiếc thang bị hất ra sau, dựng thẳng và đứng im giây lát, có vẻ do dự rồi lắc lư và đột nhiên vẽ một vòng

cung khủng khiếp tám mươi bộ đường bán kính, đổ sập xuống mặt đất cùng lũ kẻ cướp bám đầy, nhanh hơn chiếc cầu treo đứt xích. Tiếng người rủa rền vang rồi tất cả im lặng, chỉ vài kẻ bị thương khốn nạn bò lê ra khỏi đống người chết.

Tiếng rên la đau đớn và căm giận trong đám người tấn công đã thay cho tiếng thét chiến thắng ban đầu. Quasimodo chống khuỷu tay lên lan can, lạnh lùng đứng nhìn. Trông nó như ông vua già đầu bù đứng trước cửa sổ.

Còn Jehan Frollo, hắn đang lâm vào hoàn cảnh nguy kịch. Hắn ở trên hành lang cùng gã kéo chuông ghê gớm, trơ trọi, cách xa đồng bọn bởi bức tường thẳng đứng cao tám mươi bộ. Lúc Quasimodo hất chiếc thang, cậu học trò chạy vội tới cửa ngách, tưởng vẫn mở sẵn. Nhưng không. Lúc vào hành lang, gã gù đã đóng lại. Jehan liền nấp sau một tượng vua bằng đá, không dám thở mạnh, đăm đăm nhìn gã gù quái dị bằng vẻ mặt hốt hoảng, giống hệt một người tằng tịu với vợ lão gác vườn thú, một tối đến nơi hẹn hò tình tự, đã leo lầm tường và đột nhiên chạm trán ngay với con gấu trắng toát.

Thoạt đầu, gã điếc không để ý tới hắn; nhưng rồi sau nó quay đầu lại và bất thần đứng thẳng lên. Nó vừa thoáng thấy cậu học trò.

Jehan chờ đợi vụ xô xát mạnh, nhưng gã điếc vẫn đứng yên; nó quay hắn người lại và nhìn cậu học trò. Jehan nói:

- Ha ha! Mày giương con mắt chột buồn thảm nhìn gì tao vậy?

Vừa nói cậu bé tinh quái vừa lén sửa soạn cây nỏ. Jehan thét lên:

- Quasimodo! Tao sẽ đổi biệt hiệu cho mày. Từ nay mày sẽ mang tên thằng mù.

Mũi tên lao đi. Mũi tên có đuôi xoáy rít trong gió và cắm phập vào cánh tay trái gã mù. Quasimodo chẳng thèm quan tâm hơn vết xước của vua Pharamond. Nó rút mũi tên khỏi cánh tay và thản nhiên bẻ đôi trên đầu gối to bè. Rồi nó cũng chẳng buồn vứt đi mà buông rơi luôn hai mẩu tên xuống đất. Nhưng Jehan không còn kịp bắn phát thứ hai. Bẻ gãy xong mũi tên, Quasimodo thở phì phò,

nhảy vọt như châu chấu, vồ lấy cậu học trò khiến bộ giáp trụ bẹp gí luôn vào tường.

Thế là trong cảnh tranh tối tranh sáng bập bùng lửa đuốc, mọi người thoáng thấy một chuyện khủng khiếp.

Quasimodo giơ tay trái nắm chặt lấy hai cánh tay Jehan, y không còn vùng vẫy vì biết nguy đến nơi rồi. Còn tay phải, gã điếc lặng lẽ, với vẻ chậm chạp rùng rợn, lần lượt lột từng mảnh giáp trụ, cả thanh gươm, những dao găm, chiếc mũ, các mảnh giáp che thân, che cánh tay. Tưởng như con khỉ tước vỏ quả bồ đào. Quasimodo vứt xuống chân từng mảnh từng mảnh vỏ thép của cậu học trò.

Khi cậu học trò thấy mình bị tước vũ khí và lột giáp trụ, yếu đuối và trần trụi trong hai bàn tay ghê gớm, y không thèm nói với thằng điếc, mà trâng tráo cười ngay vào mặt nó, rồi với vẻ vô tư liều lĩnh của đứa trẻ mười sáu tuổi, y hát bài ca đang thịnh hành:

Thành phố Cambrai

Phục sức đẹp ghê

Marafin cướp sạch...

Nó không kịp hát hết bài. Mọi người thấy Quasimodo đứng trên lan can hành lang, chỉ độc một tay nắm cả hai chân cậu học trò, vung tròn trên vực thẳm như chiếc súng cao su. Rồi nghe thấy như tiếng hộp xương đập vỡ vào tường và trông thấy một vật rơi xuống, tới lưng chừng một phần ba khoảng rơi thì mắc vào gờ kiến trúc nhô ra. Xác chết lủng lẳng trên đó, gập làm đôi, sống lưng gãy gập, sọ não rỗng không.

Tiếng thét khủng khiếp vang lên từ đám ăn mày. Clopin thét lớn:

- Hãy trả thủ!

- Phá sạch! - Đám đông đáp lời.

- Xung phong! Xung phong!

Thế là bắt đầu tiếng gào thét kỳ lạ, lẫn lộn đủ mọi thứ ngôn ngữ, thổ âm, giọng điệu. Cái chết của cậu học trò khốn nạn làm đám đông hăng hái điên cuồng. Họ đâm xấu hổ và càng tức giận vì bị thằng gù ngăn cản quá lâu trước tòa nhà thờ. Phẫn nộ khiến họ tìm ra thang, tăng thêm đuốc và dăm phút sau, Quasimodo hốt hoảng thấy cái tổ kiến khủng khiếp từ bốn phía dâng lên tấn công nhà thờ Đức Bà. Kẻ không có thang mang theo dây thừng thắt nút, kẻ không có dây thừng bám bờ kiến trúc leo lên. Người nọ níu lấy áo rách người kia. Không cách nào kháng cự nổi những bộ mặt kinh sợ đang dâng lên như nước thủy triều. Căm giận làm đỏ gay các khuôn mặt hung dữ; những vầng trán đen nhẻm ròng ròng mồ hôi; mắt ai cũng nảy lửa. Mọi khuôn mặt nhăn nhó, gớm ghiếc đó bao vây Quasimodo. Tưởng như một nhà thờ nào đó phái tới tấn công nhà thờ Đức Bà bằng lũ quái vật chó ngao, quỷ sứ, linh vật điêu khắc kỳ dị nhất. Trông như lớp quái vật sống bao phủ lên các quái vật bằng đá trên mặt tiền giáo đường.

Trong khi đó, quảng trường lấp lánh nghìn ngọn lửa đuốc. Cảnh tượng hỗn loạn này, từ nãy đến giờ vẫn chìm đắm trong bóng tối, đột nhiên rực sáng sân nhà thờ chói lọi và tỏa sáng lên tận trời. Đống lửa nhóm sáng trên sân thượng chót vót vẫn cháy và chiếu sáng tận xa ngoài thành phố. Bóng đen khổng lồ hai tòa tháp, đổ dài xa xa trên mái nhà của đô thành Paris, hiện trên ánh lửa như vết rách lớn tối om. Thành phố như đang xúc động. Tiếng chuông cấp báo xa xa rền rĩ. Bọn ăn mày gào thét, hổn hển, chửi rủa, leo trèo, còn Quasimodo, bất lực trước bấy nhiêu địch thủ, run sợ cho cô gái Ai Cập, nhìn thấy các khuôn mặt hung dữ mỗi lúc càng tiến gần hành lang, nó cầu trời ban phép lạ và đành khoanh tay tuyệt vọng.

V
NƠI TƯ THẤT MÀ NGÀI LOUIS PHÁP QUỐC TỚI CẦU KINH

Bạn đọc hẳn chưa quên, một lát trước khi nhìn thấy đám đông ăn mày ban đêm, lúc đứng trên đỉnh tháp chuông quan sát đô thành Paris, Quasimodo thấy chỉ còn le lói một ánh đèn, lóe sáng ở cửa kính tầng gác cao nhất của dinh thự cao vút và tối om, cạnh cổng Saint-Antoine. Dinh thự này là tòa Bastille. Ánh sáng đó là ngọn đèn của Louis XI.

Đúng là vua Louis XI đang ở Paris từ hai hôm nay. Ngày kia, ông sẽ quay trở về tòa thành Montilz-lès-Tour. Chỉ thỉnh thoảng ông mới xuất hiện ngắn ngày tại đô thành Paris tốt lành, cảm thấy ở xung quanh mình còn quá ít bẫy ngầm, đài treo cổ và cung thủ người écoss.

Hôm đó, ông tới ngủ tại Bastille. Căn phòng lớn rộng năm trượng vuông tại điện Lourve, với lò sưởi lớn chồng chất mười hai con thú vật lớn và mười ba nhà đại tiên tri, cùng chiếc giường lớn, rộng mười một, dài mười hai bộ, ít vừa ý ông. Ông lạc lõng giữa mọi huy hoàng đó. Ông vua chính cống thị dân này thích tòa Bastille vững mạnh hơn điện Lourve.

Gian phòng nhỏ mà nhà vua giữ lại trong nhà ngục quốc gia nổi tiếng này cũng khá rộng và chiếm tầng gác cao nhất của tòa tháp nhỏ xây trong vọng lâu. Phòng hình tròn, trải chiếu rơm bóng loáng, trần bắc xà ngang điểm hoa huệ bằng thiếc mạ vàng, khe giữa xà tô màu, tường nẹp toàn gỗ đính hoa hồng bằng thiếc và sơn màu xanh lá cây tươi đẹp, màu vàng tươi lẫn màu chàm tinh khiết.

Phòng có độc một cửa sổ, thứ khung cửa dài hình cung nhọn, bịt lưới dây

đồng và chấn song sắt, lại còn tối thêm vì những cửa kính màu đẹp đẽ, vẽ huy hiệu nhà vua và hoàng hậu, mỗi tấm trị giá hăm hai xu.

Phòng chỉ có một lối vào, thứ cửa ra vào kiểu mới, vòm tò vò hạ thấp, bên trong treo thảm, còn bên ngoài có cửa ngăn bằng gỗ Ái Nhĩ Lan, loại công trình mỏng manh của thợ mộc được đẽo gọt cầu kỳ cách đây một trăm năm mươi năm còn thấy ở vô số căn nhà cổ. "Mặc dù nó chỉ làm cho tòa nhà thêm méo mó và vướng víu, - sử gia Sauval thất vọng than, - nhưng các cụ không hề muốn phá bỏ và cố gìn giữ, bất chấp mọi người".

Trong phòng, không hề thấy đồ đạc vẫn còn có trong các nhà bình thường, chẳng có ghế dài, các giá hoặc khuôn, chẳng có ghế đẩu tầm thường hình thùng hoặc ghế đẩu xinh đẹp có trụ ngang trụ dọc đỡ, giá mỗi chiếc bốn xu. Chỉ thấy độc chiếc ghế tựa, gập lại được và có tay tì, khá lộng lẫy. Gỗ sơn vẽ hoa hồng trên nền đỏ, đệm ngồi bọc da màu tím, quây riềm dải bằng lụa và chi chít hàng nghìn đinh vàng. Sự cô độc của chiếc ghế tỏ rõ chỉ một người duy nhất được phép ngồi trong phòng này. Cạnh ghế và ngay sát cửa sổ, có cái bàn trải thảm thêu hình chim. Trên bàn, một bình mực giây đầy mực, vài tờ giấy da, dăm quản bút và cái hũ bằng bạc chạm. Xa hơn chút nữa là lò sưởi nhỏ, chiếc ghế quỳ cầu kinh bọc nhung đỏ, gồ lên các múi kim tuyến. Sau cùng, ở cuối phòng, chiếc giường giản dị phủ gấm vàng tươi pha hồng nhạt, chẳng chút vàng son lòe loẹt: riềm viền cũng không diêm dúa. Chính chiếc giường này, nổi tiếng vì chứa đựng các giấc ngủ hoặc mất ngủ của vua Louis XI, cách đây hai trăm năm, ta vẫn có thể ngắm nghía ở nhà một vị cố vấn quốc gia, nơi đây nó được nhìn ngắm bởi vị lão phu nhân Pilou, nổi danh trong cuốn truyện *Cyrus* dưới cái tên *Arricidie và Luân lý sinh động*.

Căn phòng được mệnh danh "nơi tư thất mà ngài Louis Pháp quốc tới cầu kinh" là như vậy.

Lúc tác giả dẫn bạn đọc bước vào phòng, tư thất nơi đây tối om. Lệnh giới

nghiêm đã vang lên từ một giờ trước đây, lúc này trời đã khuya và chỉ còn cây nến cháy leo lét đặt trên bàn, để soi sáng năm nhân vật thành từng nhóm tản mạn trong phòng.

Người thứ nhất ánh nến soi sáng là một lãnh chúa lộng lẫy trong chiếc quần chẽn ngắn và áo nịt hồng thêu ngân tuyến, ngoài khoác áo choàng bằng dạ kim tuyến thêu chỉ đen. Bộ quần áo choáng lộn lấp lánh ánh nến, hầu như láng bóng khắp mọi nếp. Người mặc nó đeo trên ngực các huy hiệu thêu sặc sỡ; chiếc lon hình chữ V lộn ngược, ở đầu nhọn có thêu con hoẵng chạy ngang qua. Huy hiệu còn kèm thêm ở bên phải một cành trám, ở bên trái một cặp sừng hoẵng. Người đó đeo ở dây lưng một đoản kiếm quý, chuôi sơn son chạm hình ngù mũ võ quan và đính hình mũ miện bá tước. Ông ta có vẻ bực bội, nét mặt kiêu kỳ, đầu ngẩng cao. Thoạt nhìn, ta thấy vẻ thật hách dịch, nhìn kỹ còn thêm vẻ xảo quyệt.

Ông ta để đầu trần, tay cầm tập hồ sơ dài, đứng sau chiếc ghế có tay tì đang ngồi một nhân vật ăn mặc rất xềnh xoàng, thân hình vặn vẹo cúi gập xuống, đầu gối gác lên nhau, khuỷu tay tì lên bàn. Quả thực, ta hãy thử hình dung, trên chiếc ghế đồ sộ lót da Cordoue, là cặp xương bánh chè vòng kiềng, cặp đùi khẳng khiu mặc chiếc quần len dệt tồi tàn màu đen, khoác trên người chiếc áo choàng bằng vải lụa lót lông mà lông còn ít hơn da; cuối cùng ngất ngưởng trên đầu chiếc mũ cũ bèo nhèo bằng thứ dạ đen xấu nhất, viền một vòng tròn các tượng nhỏ bằng chì. Cùng với chiếc mũ lót bẩn không để thò ra sợi tóc nào, đó là tất cả những gì phân biệt được ở nhân vật đang ngồi đấy. Ông cúi gục đầu xuống ngực, đến nỗi không nhìn thấy khuôn mặt phủ đầy bóng tối, trừ đầu mũi được ánh nến soi sáng, mà mũi hẳn phải dài. Nhìn bàn tay gầy guộc nhăn nheo, ta đoán ông đã già. Đó là vua Louis XI.

Sau họ vài bước, hai người đàn ông ăn mặc kiểu xứ Flandre đang thì thầm trò chuyện, họ không lấp hẳn trong bóng tối, cho nên những ai tham dự buổi trình diễn vở kịch thánh sử của Gringoire, có thể nhận ra đó là hai trong số sứ thần

chủ yếu xứ Flandre, Guillaume Rym, viên tổng trấn sắc sảo thành Gand và Jacques Coppenole, gã lái quần chẽn bình dân. Ta còn nhớ hai người này từng tham dự vào hoạt động chính trị bí mật của Louis XI.

Sau cùng, ở cuối phòng, gần cửa ra vào, đứng trong bóng tối im phăng phắc như pho tượng, một người vạm vỡ chân tay ngắn mập, mặc giáp trụ quân nhân, khoác áo choàng thêu huy hiệu, mặt vuông, cặp mắt sát đỉnh đầu, mồm rộng ngoác, đôi tai khuất sau hai mái tóc bẹt phủ rộng, trán thấp tịt, trông như nửa chó nửa hùm.

Tất cả đều đầu trần, trừ nhà vua.

Vị lãnh chúa đứng cạnh vua đang đọc một tập ghi chép dài mà hoàng thượng có vẻ chăm chú nghe. Hai người Flandre thì thầm:

- Mẹ kiếp! - Coppenole càu nhàu, - tôi đứng mãi mỏi cả cẳng, ở đây không còn chiếc ghế nào ư?

Rym lắc đầu trả lời, kèm thêm nụ cười lo ngại.

- Mẹ kiếp! - Coppenole lại nói, khổ sở vì buộc phải nói khẽ, - tôi chỉ thèm ngồi bệt xuống đất, hai chân xếp vòng tròn kiểu lái quần chẽn, hệt như ở trong tiệm tôi.

- Thầy Jasques ạ, đừng nên làm thế!

- Chao ôi, thầy Guillaume ơi, hóa ra ở đây chỉ được phép đứng thôi à?

- Hoặc quỳ cũng được, - Rym đáp.

Vừa lúc đó, nhà vua lên tiếng. Họ nín lặng.

- Năm mươi xu cho áo dài của quân hầu và mười hai đồng livre cho áo khoác của giáo sinh hoàng gia! Thế kia đấy! Vàng cứ việc đổ ra hàng tấn! Olivier, nhà ngươi điên đấy ư?

Ông già vừa nói vừa ngửng đầu lên. Quanh cổ ông lấp lánh chuỗi hạt vỏ trai Saint-Michel bằng vàng. Ngọn nến chiếu thẳng vào giữa khuôn mặt trông

nghiêng gầy gò và u ám. Ông giật tập giấy khỏi tay viên quan.

- Các ngươi làm ta phá sản! - ông quát lên, đưa cặp mắt hõm sâu nhìn vào cuốn sổ. - Thế này là thế nào? Sao lại cần đến lắm người như thế này? Hai thầy tư tế, mỗi người mười đồng livre một tháng và một giáo sinh nhà nguyện với một trăm xu! Một hầu phòng, mỗi năm chín mươi đồng. Bốn ngự thiền, mỗi người mỗi năm một trăm hai chục đồng! Một lính canh, một coi vườn, một trồng liễu, một nấu bếp, một thủ kho vũ khí, hai mã phu, mỗi tháng mười đồng một đứa! Hai phụ bếp với tám đồng! Một giám mã và hai phụ việc, mỗi tháng hăm tư đồng! Một phu khuân vác, một thợ bánh ngọt, một thợ bánh mì, hai phu xe, mỗi người sáu mươi đồng một năm. Còn thợ rèn, trăm hai mươi đồng! Lại trưởng phòng ngân khố, nghìn hai trăm đồng, rồi kiểm soát viên, năm trăm! Ta không còn hiểu ra làm sao nữa! Thật điên rồ! Lương bổng của lũ gia nhân đẩy nước Pháp đến chỗ phung phí! Bao tiền của cất giấu ở điện Lourve sẽ tan chảy dưới ngọn lửa tiêu xài như vậy! Ta đến bán cả bát đĩa đi mất! Rồi sang năm, nếu nhờ ơn Chúa và Đức Bà (nói đến đây, ông nhấc mũ lên) để ta còn sống, ta sẽ uống nước thuốc sắc trong cái hũ bằng thiếc!

Ông vừa nói vữa nhìn cái hũ bạc óng ánh trên bàn. Ông ho rồi nói tiếp:

- Thầy Olivier, các ông hoàng thân ngự trị ở lãnh địa lớn, như quốc vương và hoàng đế, không nên tạo đời sống xa hoa trong nhà; vì từ đó, ngọn lửa này lan đi các tỉnh. Cho nên, thầy Olivier, hãy nhớ như vậy. Chi tiêu của ta tăng lên hằng năm. Điều này làm ta bất bình. Thế đấy, Chúa ơi là Chúa! Tới năm 79, chi tiêu chưa hề vượt quá băm sáu nghìn đồng. Năm 80, nó lên tới bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười chín đồng, - ta còn nhớ rõ con số trong đầu, - năm 81, sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi đồng; còn năm nay, nào ai ngờ lại lên tới tám mươi nghìn đồng! Trong bốn năm mà tăng lên gấp đôi! Thật kinh khủng!

Ông dừng lại, thở hổn hển rồi giận dữ nói tiếp:

- Ta chỉ thấy chung quanh toàn kẻ phát phì trên sự gầy còm của ta! Các ngươi

hút hết tiền bạc từ mỗi lỗ chân lông của ta!

Ai nấy nín lặng. Cơn thịnh nộ này thật không nén nổi. Ông nói tiếp:

- Như bản thỉnh cầu bằng tiếng Latinh này của lãnh địa Pháp, đòi chúng ta khôi phục cái mà họ gọi là chức vụ trọng trách của hoàng gia! Đúng là trọng trách! Nặng đến sụn lưng! Ô! Thưa quý vị, các ngài bảo ta không phải là một vị vua, để trị vì *dapifero nullo, buticulario nullo**! Chúa ơi là Chúa! Rồi ta sẽ cho các người biết xem ta có phải là vua không!

Tới đây, ông mỉm cười với ý thức về quyền lực của mình, cơn giận nguôi đi, và ông quay lại bảo bọn người xứ Flandre:

- Ông thấy chưa, ông bạn Guillaume? Quan ngự thiện, quan tửu giám, quan thị vệ, quan nội giám không bằng bất cứ tên nô bộc nào. - Ông bạn Coppenole, hãy nhớ lấy bọn họ không được việc gì hết. Nhìn họ quây lấy nhà vua một cách vô dụng như vậy, ta có cảm tưởng đây là tứ vị trứ giả kinh Tân ước vây quanh cái mặt chữ số của chiếc đồng hồ lớn ở tòa Pháp đình mà Philippe Brille vừa tô mới lại. Họ toàn mạ vàng nhưng lại không chỉ giờ, còn cái kim thì không thèm để ý tới họ.

Ông tư lự giây lát rồi lắc cái đầu già nua, nói tiếp:

- Ồ! Ồ! Lạy Đức mẹ, ta không phải Philippe Brille, cho nên ta sẽ không mạ vàng lại các đại chư hầu. Ta đồng ý với vua Édouard: hãy cứu vớt dân chúng và tiêu diệt lãnh chúa. - Olivier, đọc tiếp đi.

Nhân vật vừa được gọi tên, hai tay cầm cuốn sổ, cao giọng đọc tiếp:

- "... Cho Adam Tenon, lục sự chưởng ấn tòa đô chính Paris, chi về số bạc, tiền công đức và công khắc những con dấu mới làm thay cho các con dấu trước, nay đã cũ và mòn, không thể dùng được nữa. - Mười hai đồng livre tiền Paris.

- Cho Guillaume Frère, số tiền bốn đồng xu tiền Paris, về chi phí và tiền lương chăm sóc và nuôi dưỡng đàn bồ câu của hai chuồng chim ở cung Tournell, trong các tháng giêng, tháng hai và tháng ba năm nay, và kèm theo đã

phát bảy đấu lúa mạch.

- Cho một tu sĩ dòng Cordelier làm lễ thú tội cho một tội phạm, bốn xu tiền Paris.”

Nhà vua lặng lẽ lắng nghe. Thỉnh thoảng ông lại ho sù sụ. Lúc đó ông nâng cái hũ lên môi và nhăn mặt uống một ngụm.

- “Trong năm nay, theo lệnh tòa án đã rao bằng tù và khắp các ngã tư Paris năm mươi sáu lần, - khoản chi cần thanh toán.

- Chi về khoản đã lục lọi và tìm kiếm ở vài nơi, cả trong lẫn ngoài thành Paris, số tiền nghe nói được cất giấu ở đó, nhưng không tìm thấy gì cả, - bốn mươi nhăm đồng livre tiền Paris”.

- Chôn một đồng ecú để moi một xu! - Nhà vua nói.

- “... về khoản lắp ở cung Tournell sáu tấm kính trắng thay vào chỗ cái lồng sắt, mười ba xu. - Về khoản đã làm và đã giao, theo lệnh đức vua, vào ngày quái dị, bốn huy chương mang huy hiệu quốc vương, chung quanh đính mũ hoa hồng, sáu đồng. - Về khoản hai cánh tay áo mới cho chiếc áo cũ của đức vua, hai mươi xu. - Về khoản một hộp mỡ để bôi ủng của đức vua, mười lăm denier. - Một cái chuồng mới tinh để nuôi đàn lợn đen của đức vua, ba mươi đồng livre tiền Paris. Các ván ngăn, ván sàn và cửa sập làm để nhốt đàn sư tử ở Saint-Paul, hăm hai đồng livre”.

- Những con thú đó quả là đắt, - vua Louis XI nói. - Không sao! Đúng là sự huy hoàng lộng lẫy kiểu đế vương. Có một con sư tử lớn màu hung, ta yêu vì nó ngoan lắm. Thầy Guillaume, thầy đã nhìn thấy nó chưa? - Các quốc vương đều cần phải có đàn súc vật kỳ diệu đó. Đối với vua chúa chúng ta, chó phải là sư tử và mèo phải là hổ. Sự vĩ đại hợp với vương miện. Vào thời đa thần giáo của Jupiter, khi dân chúng cúng vào nhà thờ trăm con bò và trăm con cừu, các hoàng đế lại cúng trăm sư tử và trăm đại bàng. Như thế quả là dữ dội và tuyệt đẹp. Các vua Pháp luôn có tiếng gầm thét đó quanh ngai. Dù sao cũng phải công bằng mà

thấy ta tiêu ít tiền hơn họ, ta còn khiêm tốn hơn nhiều trong việc nuôi sư tử, gấu, voi và báo. Thầy Olivier, đọc tiếp đi. Ta muốn nói điều đó với các bạn người Flandre.

Guillaume Rym cúi rạp người, còn Coppenole với khuôn mặt quàu quạu, trông giống con gấu hoàng thượng vừa nhắc đến. Nhà vua không lưu ý tới. Ngài vừa ghé môi vào hũ, rồi lại nhổ ngụm thuốc ra nói:

- Ui chao! Nước thuốc sắc đắng quá!

Viên quan đang đọc cứ tiếp tục:

- "Về khoản nuôi một tên bộ hành vô lại, bị nhốt từ sáu tháng nay, tại nhà ngục ở trại lột da thú, trong khi chờ đợi xét xử ra sao. - Sáu đồng bốn xu".

- Thế này là thế nào? - Đức vua ngắt lời. - Nuôi dưỡng đứa phải treo cổ! Chúa ơi là Chúa! Ta sẽ không chi thêm một xu để nuôi nó. - Olivier, nhà ngươi hãy bàn bạc với ông Estouteville và ngay tối nay, phải chuẩn bị làm lễ kết hôn cho gã si tình đó với giá treo cổ. - Đọc tiếp đi.

Olivier lấy ngón tay vạch vào mục *gã bộ hành vô lại* rồi đọc tiếp.

- "Chi cho Henriet Cousin, đao phủ của tòa án Paris, số tiền sáu mươi xu tiền Paris, như đức ông đô trưởng Paris đã quyết định kinh phí và cho chi, để mua, cũng theo lệnh ngài đô trưởng kể trên, một thanh gươm lớn rộng bản, dùng để hành hình và chặt đầu những kẻ bị tòa án khép vào tội nặng, và tòa án cho làm vỏ gươm cùng mọi thứ kèm theo; đồng thời còn cho tu sửa và thay vỏ thanh gươm cũ, bị đập vỡ và sứt mẻ trong khi hành hình ông Louis de Luxembourg, thật trọn vẹn hơn điều có thể diễn ra..."

Nhà vua ngắt lời:

- Thôi được rồi. Ta rất vui lòng chi số tiền này. Đó là khoản chi ta không đếm xỉa tới. Ta chưa hề bao giờ tiếc những món tiền như vậy. - Đọc tiếp đi.

- "Về khoản làm lại cái cũi lớn..."

- A! - Nhà vua reo lên, hai tay chống vào tay ghế tựa, - ta biết rõ ta đến tòa thành Bastille này để làm gì. - Khoan đã thầy Olivier. Ta muốn đích thân xem cái cũi. Nhà ngươi sẽ đọc khoản tiền chi phí trong lúc ta xem xét. - Mời các vị xứ Flandre cùng tới xem. Kỳ lạ lắm.

Rồi ông đứng dậy, vịn tay vào cánh tay người tiếp chuyện, ra hiệu cho một kẻ như câm đang đứng trước cửa đi trước rồi cho hai vị người Flandre theo sau, và bước ra khỏi phòng.

Ở ngoài cửa tư thất, đoàn vua quan còn tuyển thêm lũ quân lính lỉnh kỉnh toàn sắt thép và các thị đồng mảnh khảnh cầm đuốc. Đoàn người đi một lát ở bên trong tòa tháp tối tăm, đầy cầu thang và hành lang trổ vào tận trong tường. Quan trấn phủ pháo đài Bastille đi đầu và cho mở các cửa xép trước mặt ông vua già ốm yếu và lòng không, vừa đi vừa ho.

Tới mỗi cửa xép, mọi cái đầu đều buộc phải cúi xuống, trừ cái đầu ông già đã gục xuống vì tuổi tác.

- Hừm! - Ông nghiến lợi nói, vì đã rụng hết răng, - chúng ta đều gần kề cửa mả rồi. Cửa thấp thì phải cúi đầu chui qua.

Cuối cùng, sau khi bước qua cửa xép cuối cùng, chằng chịt ổ khóa, mà phải mất đến một khắc mới mở xong, họ bước vào gian phòng cao rộng, vòm hình cung nhọn, và nhìn thấy ở giữa, dưới ánh đuốc, một khối hình hộp vuông đồ sộ, nặng nề, bằng gạch, sắt và gỗ. Bên trong rỗng không. Đây là một trong những cũi nổi tiếng nhốt tù quốc gia, vẫn được gọi là *con gái đức vua*. Thành cũi có hai hoặc ba cửa sổ nhỏ, song sắt đan dày san sát đến nỗi không nhìn thấy kính cửa. Cửa ra vào là phiến đá dẹt lớn như ở phần mộ. Nó thuộc loại cửa chỉ dùng để đi vào thôi. Có điều ở đây, người chết lại là kẻ sống.

Nhà vua bước thong thả quanh tòa nhà nhỏ, vừa ngắm nghía kỹ càng, trong khi thầy Olivier theo sau, đọc to trang sổ ghi chép:

- “Về khoản làm như mới một cũi gỗ xà to, khung cửa và đầu rui, chín bộ

chiều dọc, tám bộ chiều ngang, bảy bộ chiều cao giữa sàn và trần, bào nhẵn và nẹp gióng sắt lớn, cũi dựng ở gian phòng vốn thuộc một trong dãy tháp của thành lũy Saint-Antoine, trong cũi này đang giam giữ, theo lệnh hoàng thượng quốc vương, một tù nhân trước đây ở trong cái cũi cũ kỹ, điêu tàn, xiêu vẹo. - Đã dùng vào cái cũi mới này chín mươi sáu xà ngang và năm mươi hai xà dọc, mười đầu rui dài ba trượng và đã mượn mười chín thợ mộc để xẻ gỗ, cưa bào tất cả số gỗ đó, ở ngoài sân pháo đài Bastille, trong hai mươi ngày...".

- Lõi gỗ sồi này khá tốt, - nhà vua nói, - gõ tay vào cái xà.

- "... Đã dùng vào cái cũi này, - viên quan đọc tiếp - hai trăm hai mươi gióng sắt lớn, dài chín bộ và tám bộ, số gióng thêm vào dài trung bình, với khoanh đệm, bản lề và gióng phụ dùng cho gióng sắt kể trên, tất cả số sắt đó nặng ba nghìn bảy trăm băm nhăm cân, ngoài ra còn tám vòng sắt lớn dùng để ghép cũi, với đinh móc và đinh mũ, tất cả nặng hai trăm mười tám cân sắt, chưa kể số sắt làm lưới che cửa sổ gian phòng đặt cũi, các song sắt ở cửa ra vào gian phòng và mọi thứ khác..."

- Đến là lắm sắt để giam giữ một đầu óc nông nổi! - Nhà vua nói.

- "Tất cả trị giá ba trăm mười bảy livre năm xu bảy denier".

- Chúa ơi là Chúa! - Nhà vua thốt lên.

Trước câu rủa quen thuộc của vua Louis XI, hình như có người sực tỉnh, tiếng xiềng cọ vào sàn loảng xoảng vang âm, rồi một giọng yếu ớt như tự đáy mồ vẳng tới:

- Tâu hoàng thượng! Tâu hoàng thượng! Xin bệ hạ tha cho kẻ hạ thần!

Không trông thấy người nói đó.

- Ba trăm mười bảy livre năm xu bảy denier! - Vua Louis XI nhắc lại.

Giọng nói rên rỉ từ trong cũi vẳng ra làm mọi người lạnh gáy, kể cả Olivier. Chỉ mình nhà vua có vẻ không nghe thấy. Theo lệnh đức vua, thầy Olivier đọc

tiếp và hoàng thượng tiếp tục lạnh lùng quan sát cái cũi.

- "... Ngoài ra, còn trả cho một thợ nề công khoét lỗ để đặt song cửa sổ và sàn gian phòng đặt cũi, vì sàn nhà không chịu nổi sức nặng của cũi, hăm bảy livre mười bốn xu tiền Paris..."

Giọng nói lại tiếp tục van vỉ:

- Tâu hoàng thượng! Xin tha cho hạ thần! Thần xin thế chính ngài giáo chủ Alger đã phản bội, chứ không phải hạ thần.

- Gã thợ nề thật vụng! - Nhà vua nói. - Olivier, tiếp tục đi.

Olivier đọc tiếp:

- "... Chi cho một thợ mộc, về cửa sổ, giường nằm, ghế đột lỗ và các thứ khác, hai mươi livre hai xu tiền Paris..."

Giọng nói cũng tiếp tục:

- Chao ôi! Tâu hoàng thượng! Xin bệ hạ hãy nghe hạ thần. Thần kháng nghị với bệ hạ là không phải thần đã viết điều đó cho đức ông de Guyenne, mà chính ngài giáo chủ La Balue!

- Gã thợ mộc tính tiền công đắt quá, - nhà vua nhận xét. - Xong rồi chứ?

- Tâu hoàng thượng, chưa - "... Chi cho một thợ kính, về các kính của gian phòng kể trên, bốn mươi sáu xu tám denier tiền Paris".

- Tâu hoàng thượng, xin tha cho hạ thần! Thế còn chưa đủ hay sao, sau khi họ đem tất cả của cải của thần giao cho các thẩm phán, giao cả tủ bát đĩa cho ngài Torcy, tủ sách cho thầy Pierre Doriolle, các tấm thảm cho thống đốc xứ Roussillon? Thần bị oan. Thế là mười bốn năm trời, hạ thần nằm rét run trong cũi sắt. Tâu hoàng thượng, xin tha cho hạ thần! Bệ hạ sẽ được hưởng ân đức trên thiên đường.

- Thầy Olivier, - nhà vua hỏi, - tổng cộng là bao nhiêu?

- Ba trăm sáu mươi bảy livre tám xu denier tiền Paris.

- Lạy Đức mẹ! - Nhà vua thốt lên. - Cái cũi này đắt quá chừng.

Ông giằng lấy cuốn sổ trong tay thầy Olivier, rồi bấm đốt ngón tay nhẩm tính, hết nhìn trang giấy lại nhìn cái cũi. Trong lúc đó, tiếng người tù vẫn nức nở. Nghe nó thật hãi hùng trong bóng tối và mọi người nhìn nhau tái mặt.

- Tâu hoàng thượng, mười bốn năm! Thế là mười bốn năm rồi! Kể từ tháng tư năm 1469. Nhân danh Đức mẹ thánh thần của Chúa, tâu hoàng thượng, xin hãy nghe hạ thần! Trong suốt thời gian đó, bệ hạ được hưởng khí ấm mặt trời. Còn hạ thần, yếu đuối thế này, liệu bao giờ còn được trông thấy ánh sáng ban ngày? Tâu hoàng thượng, xin tha cho hạ thần! Cầu xin bệ hạ khoan dung. Lòng nhân từ độ lượng là đức tính tốt đẹp của vua chúa, nó ngăn chặn mọi cơn thịnh nộ tràn lan. Tâu hoàng thượng, chả lẽ bệ hạ lại tin rằng, vào lúc lâm chung, một đức vua có thể hoàn toàn mãn nguyện là đã không tha thứ bất cứ một vụ oán thù nào? Vả lại, tâu hoàng thượng, hạ thần không hề phản bội bệ hạ, đó chính là Alger. Mà chân hạ thần lại đeo xiềng rất nặng. Đầu dây xích còn buộc hòn sắt to, nặng hơn rất nhiều so với bình thường. Ôi! Tâu hoàng thượng! Cúi xin bệ hạ rủ lòng thương!

- Olivier, - nhà vua lắc đầu nói, - ta thấy họ tính mỗi đấu vữa hai mươi xu, đáng lẽ chỉ đáng giá mười hai xu, ngươi hãy làm lại bản thanh toán này.

Nhà vua quay lưng lại cũi định ra khỏi phòng. Kẻ tù nhân khốn khổ thấy ánh đuốc và tiếng nói rời xa, biết nhà vua đã bỏ đi. Hắn tuyệt vọng gào lên:

- Hoàng thượng! Hoàng thượng!

Cánh cửa đóng lại. Hắn không còn trông thấy gì và chỉ còn nghe cái giọng khàn khàn của giám mục hát vào tai khúc ca:

Thầy Jean Balue

Tịt mù hết thấy

Giáo khu của mình!

Ông Verdun

Chẳng còn xứ đạo;

Tất cả đi tong.

Nhà vua lặng lẽ đi lên tư thất và đoàn người theo gót, hãi hùng vì tiếng rên rỉ cuối cùng của tù nhân. Đột nhiên, hoàng thượng quay lại phía viên thống lĩnh pháo đài Bastille, hỏi:

- À này, trong cái cũi có ai không đấy nhỉ?

- Ôi chao, tâu hoàng thượng! - Viên thống lĩnh sững sờ đáp lại câu hỏi.

- Ai thế vậy?

- Ông giám mục Verdun.

Nhà vua biết rõ điều đó hơn ai. Nhưng ngài cứ giả tảng như vậy.

- À! - Nhà vua nói, vẻ hồn nhiên như lần đầu nghĩ tới.- Guillaume de Harancourt, bạn thân của ông giáo chủ La Balue. Một giám mục quỷ quái ra trò.

Lát sau, cánh cửa tư thất mở ra rồi khép vào sau lưng năm nhân vật mà các bạn đọc đã thấy từ đầu chương truyện này, họ trở về chỗ cũ trong phòng, tiếp tục chuyện thầm thì, kẻ đứng người ngồi.

Trong lúc vắng mặt nhà vua, người ta đã đặt trên bàn các công văn và nhà vua tự tay mở dấu niêm phong. Rồi nhà vua đọc nhanh hết bức này sang bức khác, ra hiệu *cho thầy Olivier,* có vẻ như đóng vai trò thượng thư cạnh ngài, cầm lấy quản bút, rồi không cho biết nội dung các thư tín, bắt đầu khẽ đọc cho ông viết trả lời, ông này quỳ viết trước bàn, khá bất tiện.

Guillaume Rym chăm chú quan sát.

Đức vua nói rất khẽ, hai người Flandre không nghe thấy những câu ngài đọc, ngoài dăm ba đoạn rời rạc và trúc trắc đó đây, chẳng hạn: - Duy trì các vùng trù phú bằng thương mại và các vùng cằn cỗi bằng cơ xưởng thủ công... - Cho bọn lãnh chúa Anh nếm mùi bốn khẩu thần công của ta, khẩu Luân Đôn, khẩu

Brabant, Bourg-en-Bresse, khẩu Saint-Omer... - Pháp binh là nguyên nhân mà hiện nay chiến tranh tiến hành được chính xác hơn... - Gửi M.Bressuire, bạn thân của ta... - Các quân đội không hề hòa đàm mà lại không có cống vật... - Vân vân.

Một lần nữa, ngài lớn tiếng thốt lên:

- Chúa ơi là Chúa! Đức vua ở Sicile lại niêm phong thư tín bằng sáp vàng, như một ông vua Pháp quốc. Có lẽ chúng ta đã sai lầm để ông ta làm như thế. Ông em họ Bourgogne của ta không phân phát quốc huy với nền vẽ cái mõm ba hoa. Sự vĩ đại của các dòng họ được bảo đảm bằng các đặc quyền nguyên vẹn. Hãy ghi lại điều đó, ông bạn Olivier.

Một lần khác, ông lại nói:

- Ôi! Ôi! Bức thư quan trọng! Ông anh hoàng đế của ta đòi hỏi những gì thế này? - Rồi ông đọc lá thư, vừa đọc vừa thốt lên. - Tất nhiên! Nước Đức vĩ đại và hùng cường đến mức khó tưởng tượng nổi.

- Nhưng chúng ta cũng không quên câu tục ngữ cổ: bá tước đẹp nhất là Flandre; công quốc đẹp nhất là Milan; vương quốc đẹp nhất là Pháp. - Phải không, các ngài xứ Flandre?

Lần này, Coppenole nghiêng mình thi lễ Guillaume Rym. Lòng ái quốc của ông lái quần chẽn được mơn trớn.

Lá thư cuối cùng làm ông vua Louis XI cau mày.

- Thế này là thế nào? - Ông thốt lên. - Những lời khiếu nại và tố cáo về các quân doanh ở Picard! Olivier, nhà ngươi viết ngay cho ngài thống chế Rouault, - là kỷ luật đang bị buông lỏng. - Là các cảnh binh ngự lâm, các quý tộc chư hầu, các cung thủ, các thị vệ, đang gây vô vàn đau khổ cho đám lê dân. - Là quân quan không những xâm phạm của cải sẵn có ở trong nhà nông dân mà còn dùng roi vọt hoặc câu liêm đánh đập tàn nhẫn để bắt họ ra tỉnh tìm kiếm rượu chát, cá, thực phẩm, cùng mọi hành động hà lạm khác. - Là đức vua biết rõ chuyện đó. -

Là ta yêu cầu bảo vệ nhân dân khỏi mọi phiền nhiễu, trộm cắp và cướp bóc. - Đó là ý muốn của ta, nhờ Đức mẹ! - Ngoài ra, ta không bằng lòng để bất cứ gã kép đàn, thợ cạo hoặc lính tráng nào được mặc như ông hoàng, nào nhung, nào lụa và nhẫn vàng.

- Là các trò xa xỉ đều đáng ghét đối với Chúa. - Là chúng ta, những người quý tộc, chúng ta vui lòng mặc áo bằng dạ giá mười sáu xu một thước Paris.

- Là tất cả quý ngài hạ tiện cũng có thể hạ mình xuống tới đó. - Hãy truyền phán và hạ lệnh. - Cho ngài Rouault, bạn của ta. - Xong.

Ông đọc to nội dung để viết bức thư đó, giọng cương quyết và nhát gừng. Ông vừa đọc xong, cửa bỗng mở ra và một nhân vật mới bước vào, hoảng hốt lao vào trong phòng, kêu lên:

- Tâu hoàng thượng! Tâu hoàng thượng! Dân chúng đang nổi loạn ở Paris!

Khuôn mặt nghiêm nghị của vua Louis XI co rúm; những nỗi xúc động lộ ra vụt thoáng qua như tia chớp. Ông trấn tĩnh và nói với vẻ nghiêm khắc bình thản:

- Này ông bạn Jasques, ông vào đường đột quá đấy!

- Tâu hoàng thượng! Tâu hoàng thượng! Có vụ nổi loạn! - Ông bạn Jasques thở hổn hển nói tiếp.

Nhà vua liền đứng dậy, nắm chặt cánh tay ông ta và nói thầm vào tai, để mình ông ta nghe thôi, vừa cố nén giận và đưa mắt liếc nhìn hai người Flandre:

- Ngươi câm đi hoặc nói khẽ chứ!

Kẻ mới tới hiểu ra và khẽ kể lại câu chuyện hãi hùng cho nhà vua đang bình tĩnh nghe, trong khi Guillaume Rym ra hiệu để Coppenole chú ý tới vẻ mặt và bộ quần áo của vị khách mới tới, từ cái mũ nhọn lót lông *caputia fourrata*, cái áo choàng ngắn, *epitogia curta** đến cái áo dài nhung đen, chứng tỏ đây là một chánh tòa thẩm kế viện.

Nhân vật này vừa mới giảng giải đôi câu cho nhà vua nghe, Louis XI đã phá

ra cười, kêu lên:

- Ông bạn Coictier ơi! Cứ việc nói to lên xem nào! Làm gì phải thầm thì như vậy? Đức mẹ chứng giám chúng ta không có gì phải giấu giếm các ông bạn tốt người Flandre này.

- Nhưng, tâu hoàng thượng...

- Cứ nói to lên!

"Ông bạn Coictier" sững sờ đến câm lặng.

- Nào, nói đi, ông bạn, nhà vua bảo, thế là có vụ phản loạn của dân chúng trong đô thành Paris êm đẹp của chúng ta chứ gì?

- Tâu hoàng thượng, đúng thế.

- Và theo lời ông, họ đang nổi lên để chống lại ngài pháp quan Tòa pháp đình?

- Hình như vậy, - *ông bạn* đáp ấp úng, còn đang rất sững sờ trước sự thay đổi đột ngột và khó hiểu vừa diễn ra trong đầu óc nhà vua.

Vua Louis XI hỏi tiếp:

- Thế đội tuần canh gặp đám đông ở đâu?

- Họ đang kéo đi từ Phường ăn mày lớn tới cầu Hối đoái. Chính hạ thần cũng gặp bọn chúng trong lúc đang tới đây theo lệnh hoàng thượng. Thần nghe thấy có kẻ hô to: Đả đảo pháp quan Tòa pháp đình!

- Thế bọn chúng chống lại pháp quan vì nỗi oan ức gì?

- Ôi! Vì ông ta là lãnh chúa của bọn chúng.

- Thực ư!

- Tâu hoàng thượng, đúng vậy. Đó là bọn vô lại ở Cung điện thần kỳ. Đã từ lâu bọn chúng kêu ca về viên pháp quan, mà bọn chúng là chư hầu. Chúng không muốn thừa nhận ông ta làm quan xét xử hoặc quan lộ chính.

- Ái dà! - Nhà vua nói, mỉm cười thỏa mãn nhưng gắng nén lại.

- Trong tất cả đơn thỉnh nguyện gửi tới tối cao pháp viện, - ông bạn Jasques nói tiếp, chúng chỉ thừa nhận hai vị chủ nhân, đó là hoàng thượng và Chúa của chúng, mà theo hạ thần, có lẽ là quỷ sứ.

- Khà! Khà! - Nhà vua thốt lên.

Ông xoa tay, cười cái cười nội tâm làm rạng rỡ mặt mày. Ông không thể giấu giếm niềm vui, dù đôi lúc gắng nén lại. Không ai hiểu tại sao, ngay cả thầy Olivier! Ông nín lặng hồi lâu, vẻ tư lự, nhưng thỏa mãn.

- Bọn chúng có mạnh không? - Đột nhiên ông hỏi.

- Tâu hoàng thượng, chắc phải mạnh, - ông bạn Jasques trả lời.

- Bao nhiêu người?

- Ít nhất sáu nghìn.

Nhà vua buột miệng nói: “Tốt lắm!” Rồi hỏi:

- Họ có mang khí giới không?

- Có liềm hái, giáo mác, súng ống, cuốc xẻng. Đủ loại khí giới khá dữ dội.

Nhà vua có vẻ không hề lo ngại về bản liệt kê này. Ông bạn Jasques thấy cần nói thêm:

- Nếu hoàng thượng không lập tức chi viện cho pháp quan, ông ta lâm nguy mất.

- Ta sẽ chi viện, nhà vua nói với vẻ nghiêm trang giả dối. Tốt lắm. Chắc chắn ta sẽ chi viện. Ngài pháp quan là bạn ta. Sáu nghìn! Lũ ngợm đó rất gan dạ. Sự táo tợn thật tuyệt diệu, khiến ta rất tức giận. Nhưng tối nay quanh ta còn lại quá ít người. Để đến sáng mai vẫn còn kịp.

Ông bạn Jasques kêu lên:

- Tâu hoàng thượng, phải ngay bây giờ! Chỉ cần một phần hai mươi thời gian là đủ để chúng cướp phá sạch pháp đình, xâm phạm lãnh địa và treo cổ pháp quan. Tâu hoàng thượng, vì Chúa, xin bệ hạ hãy chi viện trước sáng mai.

Nhà vua nhìn thẳng vào mặt ông ta:

- Ta đã nói với ngươi là sáng mai.

Cái nhìn này không ai dám cãi lại.

Nín lặng giây lát, vua Louis XI lại cất tiếng:

- Ông bạn Jasques, chắc ông biết rõ điều này chứ? Xưa kia... - Nhà vua chữa lại: - Hiện nay, quyền quản hạt phong kiến của pháp quan ra sao?

- Tâu hoàng thượng, pháp quan Tòa pháp đình cai quản từ phố Trục cán vải tới phố Hàng rau, quảng trường Saint-Michel và các nơi gọi nôm na là Mureaux, kề sát nhà thờ Đức Bà des-Champs (nghe câu này, vua Louis XI nâng vành mũ lên), ở đó dinh thự có mười ba chiếc, cộng với Cung điện thần kỳ, cộng với cả con đường bắt đầu chạy từ Trại hủi và chấm dứt ở cổng Saint-Jacques. Ở mọi nơi khác nhau này, ông ta là quan lộ chính, quan ngự sử tối cao, trung thẩm và sơ thẩm, toàn quyền lãnh chúa.

- Ái chà! - Nhà vua thốt lên, đưa tay phải gãi tay trái, thế là chiếm mất một mảng lớn đô thành của ta! Chà! Ngài pháp quan *từng là* vua của cả một mảng đất đai đó.

Lần này, ông không hề dừng lại. Ông nói tiếp, mơ mộng và như thầm nhủ với mình.

- Tuyệt thật, ngài pháp quan ạ! Thế là ông ngoạm cả một miếng ngon lành Paris của ta.

Đột nhiên, ông nổi khùng:

- Chúa ơi là Chúa! Cả lũ người tự nhận là quan lộ chính, quan ngự sử, lãnh chúa và chủ nhân ở ta là cái quái quỷ gì vậy? Bọn chúng ở đường nào cũng có quyền thu thuế thông hành, ngã tư nào cũng có tòa án và đao phủ giữa nhân dân? Đến nỗi giống như người Hi Lạp, tưởng có bao nhiêu suối nước là có bấy nhiêu vị thần và người Ba Tư cũng có từng ấy vị thần với từng ấy ngôi sao nhìn

thấy, còn người Pháp trông thấy bao nhiêu đài treo cổ thì đếm đủ bấy nhiêu vị vua! Trời ơi! Việc này thật xấu xa và ta ghét sự hỗn độn. Ta rất muốn biết có phải nhờ ơn Chúa mà Paris có một quan lộ chính khác ngoài nhà vua, một tòa án khác ngoài tối cao pháp viện, một hoàng đế khác ngoài ta ở cái đế quốc này! Bằng tất cả tâm hồn, ta tin chắc rồi nhất định sẽ tới ngày nước Pháp chỉ có một ông vua, một lãnh chúa, một thẩm phán, một kẻ chặt đầu, như trên thiên đường chỉ có một mình Chúa!

Ông lại khẽ nhấc mũ vải và nói tiếp, vẫn mơ mộng, với dáng vẻ cùng giọng nói của kẻ đi săn đang xua đuổi và thả đàn chó ra:

- Tốt lắm! Dân chúng của ta ơi! Dũng cảm lắm! Hãy đánh gục bọn ngụy lãnh chúa đó! Hãy ra tay! Suỵt! Suỵt! Hãy cướp bóc, treo cổ, phá sạch bọn chúng!... Ồ! Hỡi quý vị lãnh chúa, các ngươi muốn làm vua ư? Tiến lên! Dân chúng! Tiến lên.

Đến đây, ông đột nhiên dừng lại, cắn môi như tìm lại các ý nghĩ chợt lãng quên, con mắt sắc sảo lần lượt soi mói từng kẻ trong số năm người vây quanh và đột nhiên hai tay cầm chiếc mũ rồi nhìn thẳng vào nó, bảo:

- Ồ! Ta sẽ đốt cháy ngươi nếu ngươi biết đầu óc ta đang nghĩ gì.

Rồi lại nhìn khắp chung quanh bằng cặp mắt chăm chú và lo ngại của con cáo bí mật quay về hang, ông nói:

- Không sao! Ta sẽ cứu trợ ngài pháp quan. Chỉ đáng tiếc lúc này ở đây, ta có quá ít quân lính để chống lại từng ấy dân chúng. Đành phải đợi đến mai. Ta tái lập trật tự ở Khu thành cũ và thẳng tay treo cổ tất cả bọn tóm được.

- Tâu hoàng thượng. - Ông bạn Coictier nói, - trong cơn bối rối ban đầu, thần quên bẵng đội tuần canh bắt giữ hai gã đi tụt hậu trong bọn. Nếu hoàng thượng cần gặp thì chúng nó đang ở đây.

- Còn nếu gì nữa kia chứ! - Nhà vua thét lên. Lạ thật! Chúa ơi là Chúa! Việc như vậy mà nhà ngươi quên ư? - Này, Olivier, nhà ngươi chạy nhanh lên! Dẫn

chúng vào đây.

Thầy Olivier đi ra và lát sau quay vào cùng hai tù nhân, chúng đi giữa các cung thủ ngự lâm. Gã thứ nhất có khuôn mặt to bè đần độn, nát rượu và ngơ ngác. Quần áo rách bươm, nó bước khuỵu đầu gối và kéo lê chân. Gã thứ hai có khuôn mặt tái xanh và tươi cười mà bạn đọc biết rồi.

Nhà vua lặng lẽ quan sát hai đứa giây lát rồi đột nhiên hỏi tên thứ nhất:

- Tên nhà ngươi là gì?

- Gieffroy Pincebourde.

- Nghề nghiệp?

- Hành khất.

- Nhà ngươi đi theo đám phiến loạn tội lỗi đó để làm gì?

Gã ăn mày nhìn nhà vua, hai cánh tay đu đưa, vẻ ngu dại. Đó là loại đầu óc xộc xệch mà trí thông minh cũng gần thoải mái như ánh sáng dưới cái chụp tắt lửa. Nó đáp:

- Tôi không biết, thấy người ta kéo đi thì tôi cũng đi theo.

- Chúng mày định kéo đi đánh phá bỉ ổi và cướp bóc pháp quan Tòa pháp đình, vị lãnh chúa của chúng mày phải không?

- Tôi chỉ biết họ kéo tới nhà ai đó để cướp cái gì đó. Có thế thôi.

Một tên lính đưa cho nhà vua xem con dao quắm tịch thu của gã ăn mày.

- Mày có nhận ra khí giới này không? - Nhà vua hỏi.

- Có, đây là con dao quắm của tôi. Tôi là dân trồng nho.

- Thế mày có nhận ra người này là đồng bọn với mày không? - Vua Louis XI hỏi thêm, chỉ gã tù kia.

- Không. Tôi không hề quen nó.

- Thôi đủ rồi, - nhà vua nói. Và đưa ngón tay vẫy nhân vật câm lặng vẫn đứng bất động gần cửa ra vào, mà chúng tôi giới thiệu cùng bạn đọc:

- Anh bạn Tristan, đây là một người dành cho anh.

Tristan l'Hermite cúi rạp người. Hắn khẽ ra lệnh cho hai cung thủ dẫn tên ăn mày tội nghiệp đi.

Lúc này, nhà vua lại gần gã tù thứ hai đang mồ hôi nhỏ giọt.

- Tên nhà ngươi là gì?

- Tâu hoàng thượng, Pierre Gringoire.

- Nghề nghiệp?

- Tâu hoàng thượng. Triết gia.

- Quân lếu láo, tại sao nhà ngươi dám tới bao vây ngài pháp quan Tòa pháp đình bạn ta và nhà ngươi nói sao về vụ dân chúng phản loạn này.

- Tâu hoàng thượng, tôi không tham gia vụ đó.

- Thật ư! Đồ khố rách, thế nhà ngươi chả bị đội tuần canh bắt được trong đám côn đồ đó sao?

- Tâu hoàng thượng, không phải như vậy, có chuyện nhầm lẫn. Đúng là định mệnh. Tôi viết bi kịch. Tâu hoàng thượng, xin bệ hạ nghe tôi. Tôi là nhà thơ. Chính những nỗi u sầu khiến những kẻ làm nghề như tôi lang thang ngoài phố ban đêm. Tối nay, tôi đi qua đó. Hoàn toàn do tình cờ. Họ đã bắt lầm tôi. Tôi không dính dáng gì đến cơn bão tố dân sự này. Hoàng thượng cũng thấy tên ăn mày không quen tôi. Tôi cắn rơm cắn cỏ van xin bệ hạ...

- Câm mồm đi! - Nhà vua nói giữa hai ngụm nước thuốc sắc. - Nhà ngươi làm ta đinh tai nhức óc.

Tristan l'Hermite tiến lên và chỉ Gringoire:

- Tâu hoàng thượng, có thể treo cổ cả tên này chứ?

Đây là câu nói đầu tiên của hắn tuôn ra.

- Ồ! - Nhà vua hững hờ đáp. - Ta cũng không thấy gì là phiền nhiễu.

- Còn tôi, tôi rất lấy làm phiền đấy ạ! - Gringoire nói.

Vị triết gia lúc này tái mét mặt hơn quả trám xanh. Y nhìn nét mặt lạnh lùng, hờ hững của nhà vua và thấy không còn chút hy vọng nào khác ngoài thái độ hết sức lâm ly, nên vội quỳ ngay dưới chân vua Louis XI rồi van xin bằng cử chỉ tuyệt vọng:

- Tâu hoàng thượng! Cúi xin bệ hạ nghe tôi. Tâu hoàng thượng! Cúi xin bệ hạ đừng vội ra uy sấm sét với kẻ hèn mọn như tôi. Búa rìu thiên lôi không thèm giáng xuống cây rau diếp. Tâu hoàng thượng, bệ hạ là đấng quân vương khoan dung đại lượng rất mực hùng cường, xin rủ lòng thương một kẻ lương thiện nghèo hèn, vốn chẳng thể thổi bùng cơn phiến loạn như tảng băng chẳng thể làm bật lửa! Tâu hoàng thượng muôn vàn độ lượng, sự ôn nhu là đức tính của sư tử và vua chúa. Chao ôi! Tính khắc nghiệt chỉ làm mọi người hoảng sợ, cơn gió bấc lồng lộng không làm khách bộ hành cởi áo choàng, còn mặt trời chiếu sáng sẽ dần dần làm người ta nóng bức đến nỗi phải mặc độc manh áo lót. Tâu hoàng thượng, bệ hạ là mặt trời. Cúi xin đức quốc vương chủ nhân và chúa tể của tôi soi xét, tôi không phải kẻ đồng bọn với lũ ăn mày, ăn cắp và phá rối trật tự. Phiến loạn và cướp bóc vốn không thuộc đoàn tùy tòng của Apollo. Tôi không phải kẻ chịu húc đầu vào đám đông nhung nhúc đang nổ tung thành của hoàng thượng. Giống như lòng ghen tuông của chồng vì danh dự của vợ, lòng cảm kích của con vì tình yêu thương của bố, một chư hầu phải có tấm lòng đó vì vinh quang đức vua của mình, hắn phải khô héo tâm can vì nhiệt tâm đối với dòng họ, vì sự tăng cường đối với nhiệm vụ. Mọi ham mê khác lôi cuốn hắn đều chỉ là điên rồ. Tâu hoàng thượng, đó là các châm ngôn quốc gia của tôi. Cho nên xin đừng coi tôi là kẻ phiến loạn hoặc quân ăn cướp, chỉ vì manh áo của tôi đã sờn khuỷu tay. Tâu hoàng thượng, nếu bệ hạ tha cho, tôi xin quỳ đến mòn đầu gối quần để đêm ngày cầu Chúa cho bệ hạ! Chao ôi! Quả thực tôi chẳng giàu có phi thường. Kể ra còn hơi nghèo nữa. Nhưng không phải vì thế mà xấu xa. Đó không phải lỗi tại tôi. Ai nấy đều biết, của nhiều tiền lắm không phải kiếm được

từ văn chương của các kẻ chuyên vùi đầu vào sách hay vở tốt, thường chẳng đủ lửa sưởi mùa đông. Riêng nghề luật sư đã thu hết thóc lúa và chỉ để lại rơm rác cho các nghề khoa học khác. Có tới bốn mươi câu tục ngữ hay tuyệt về tấm áo rách của triết gia. Ôi! Tâu hoàng thượng! Đức khoan dung là ánh sáng duy nhất có thể soi sáng nội tâm của một tâm hồn lớn. Không có nó, chỉ còn bọn mù lòa dò dẫm đi tìm Chúa. Lòng độ lượng, cũng giống đức khoan dung, tạo tình yêu cho quần thần, đó là kẻ hộ vệ mạnh nhất cho bản thân quốc vương. Một người về mọi phương diện đều rạng rỡ như hoàng thượng, đâu đếm xỉa gì đến chuyện có thêm một kẻ tội nghiệp trên trái đất, một triết gia oan uổng tội nghiệp, lặn lội trong bóng tối tai ương, với túi tiền rỗng tuếch kêu vang trên cái bụng rỗng không! Tâu hoàng thượng, hơn nữa tôi còn là trí thức. Các vị vua lớn tự cài thêm ngọc vào mũ miện vì đã che chở văn chương. Hercules không chê cái danh hiệu Musagetes*. Mathias Corvin sủng ái Jean de Monroyal, vật trang sức của toán học. Che chở văn chương mà lại treo cổ trí thức, đó quả là một cách thức tồi tệ. Alexandre sẽ hết sức nhơ nhuốc nếu sai treo cổ Aristoteles! Hành động đó sẽ không phải cái nốt ruồi nhỏ làm đẹp thêm khuôn mặt danh vọng của ông ta, đúng là vết lở loét quỷ quái làm biến dạng mặt mày. Tâu hoàng thượng! Tôi đã làm bài chúc hôn thi vô cùng kịp thời để dâng công nương xứ Flandre và điện hạ thái tử rất mực anh minh. Cái đó đâu phải của một kẻ xúc giục phiến loạn. Hoàng thượng đã thấy tôi không phải là tên văn sĩ quèn, tôi học hành xuất sắc và có nhiều tài hùng biện bẩm sinh. Tâu hoàng thượng, cúi xin bệ hạ tha cho tôi. Làm như vậy, bệ hạ sẽ dâng lên Đức mẹ một hành động đẹp lòng Người và xin thú thực, tôi vô cùng sợ hãi với ý nghĩ bị treo cổ!

Chàng Gringoire thất đảm vừa nói vừa hôn đôi giày nhà vua, và Guillaume Rym khẽ bảo Coppenole:

- Hắn quỳ sát đất như thế kia là rất khôn. Vua chúa giống thần Jupite ở Crète, họ chỉ có tai ở chân.

Còn ông lái quần chẽn chẳng chút quan tâm đến Jupiter ở Crète, mỉm cười nhếch mép, mắt đăm đăm nhìn Gringoire, đáp:

- Ồ! Sao mà thú vị thế kia! Tôi tưởng đang nghe chưởng ấn quan Hugonet cầu xin tha tội.

Cuối cùng, khi Gringoire thở hổn hển đã ngừng lời, chàng liền run rẩy ngẩng đầu nhìn nhà vua đang lấy móng tay cạo vết bẩn ở đầu gối quần. Rồi hoàng thượng cầm hũ thuốc sắc uống một ngụm. Nhưng người vẫn không nói nửa lời và thái độ im lặng đó làm Gringoire lo sợ. Sau cùng nhà vua nhìn y và bảo:

- Cái gã này mới thật lắm mồm lắm miệng!

Rồi ông quay lại bảo Tristan l'Hermite:

- Thôi, thả nó ra!

Gringoire ngã ngửa ra, sướng đến phát điên.

- Tha hắn ư? - Tristan càu nhàu. Hay là hoàng thượng hãy giam nó ít lâu trong cũi.

- Này anh bạn, - vua Louis XI nói, - thế nhà ngươi tưởng ta làm những cái cũi trị giá ba trăm sáu mươi bảy đồng livre tám xu ba denier để dành cho loại chim này ư? - Ngươi hãy lập tức thả đồ khố rách này ra (vua Louis XI thích dùng từ này, cùng với Chúa ơi là Chúa, chúng hợp thành cái thực chất về tính vui vẻ của Ngài) rồi cho nó trận đòn trước khi tống cổ đi!

- Ồ! - Gringoire reo lên, - thế mới là đức vua vĩ đại!

Và sợ nhà vua đổi ý, chàng vội chạy ra cửa Tristan vừa mở ra khá miễn cưỡng. Bọn lính cũng ra theo, đấm chàng túi bụi, đẩy đi phía trước, còn Gringoire chịu đựng như một triết gia khắc kỷ chân chính.

Từ lúc cuộc nổi loạn chống lại pháp quan được báo cho biết, nhà vua tỏ ra vui vẻ mọi mặt. Sự khoan dung bất thường này là dấu hiệu đáng kể của thái độ đó, Tristan l'Hermite đứng trong xó, mặt mũi cau có, như con chó gộc đã trông

thấy mà không được gì cả.

Lúc đó, nhà vua vui vẻ gõ nhịp ngón tay lên tay tì ở ghế, theo điệu quân hành Pont-Audemer. Ông là một quốc vương trí trá nhưng biết giấu kín nỗi khổ tâm hơn niềm vui. Đôi khi các biểu lộ vui thích bên ngoài đối với mỗi tin mừng tỏ ra rất quá trớn: như lần tử trận của Charles Quả cảm, tới mức hiến cả dãy lan can bằng bạc cho nhà thờ Saint-Martin ở Tour; hoặc lần làm lễ đăng quang, tới mức quên cả lệnh cử hành tang lễ vua cha.

- À, tâu hoàng thượng! - Jasques Coictier bỗng thốt lên, - thế còn chỗ đau nhói khiến bệ hạ phải gọi thần vào chầu, hiện giờ ra sao?

- Ồ! - Nhà vua đáp, - ông bạn ạ, quả tình ta đau lắm. Tai ta kêu vo vo, còn ngực đau rát như châm lửa.

Coictier cầm bàn tay nhà vua và xem mạch, vẻ mặt tự đắc.

- Coppenole xem kìa, - Rym khẽ bảo: - Đây là nhà vua ở giữa Coictier và Tristan. Tất cả triều đình ông ta chỉ có vậy. Một thầy thuốc cho mình, một đao phủ cho kẻ khác.

Càng xem mạch, Coictier càng có vẻ hốt hoảng. Louis XI hơi lo ngại nhìn ông. Coictier bỗng tối sầm ngay mặt. Con người trung thực này chẳng có đất đai thu tô nào khác ngoài bệnh tật nhà vua. Ông gắng trục lợi đến cùng.

- Ôi! Ôi! Cuối cùng ông lẩm bẩm, - bệnh tình quả thật trầm trọng đấy.

- Sao? - Nhà vua lo ngại hỏi.

- *Pulsus creber, anhelans, crepitans, irregularis**, - quan ngự y tiếp tục lẩm bẩm.

- Chúa ơi là Chúa!

- Chỉ ba ngày nữa, kiểu này có thể lâm nguy.

- Lạy Đức mẹ! - Nhà vua thốt lên. - Vậy thuốc men ra sao, ông bạn?

- Tâu hoàng thượng, thần đã nghĩ tới rồi.

Ông bảo nhà vua thè lưỡi cho xem, lắc đầu quầy quậy, nhăn mặt, rồi đang làm bộ làm tịch như vậy, đột nhiên nói:

- À, tâu hoàng thượng, xin thưa với bệ hạ, hiện nay đang khuyết chân thu thuế vương quyền, mà thần lại có thằng cháu.

- Ông bạn Jasques ạ, ta sẽ bổ nhiệm cháu ngươi vào chân đó, - nhà vua đáp; - nhưng hãy dập tắt lò lửa trong ngực ta đi.

- Bệ hạ đã khoan dung như vậy, - quan ngự y nói tiếp, - hẳn bệ hạ sẽ không từ chối giúp đỡ hạ thần đôi chút đối với tòa nhà của hạ thần ở phố Saint-André-des-Arcs.

- Hừm! - Nhà vua nói.

- Thần hết sạch tiền rồi, - viên bác sĩ nói tiếp, - và thật đáng tiếc nếu nhà lại không có mái. Không phải là mái cho tòa nhà đâu, tòa nhà vốn giản dị và rất thị dân, mà cho các bức tranh của Jehan Fourbault, để tô điểm lớp gỗ phủ tường, tranh vẽ nữ thần Diane bay lơ lửng giữa trời, nhưng tuyệt diệu, thật dịu dàng, thật tế nhị, cử chỉ thật hồn nhiên, đầu tóc chải thật đẹp và đội mũ miện hình trăng khuyết, da thịt thật trắng ngần đến gợi thèm muốn cho những ai nhìn nàng một cách quá tò mò. Có cả tranh nữ thần Cérès. Cũng là vị thần đẹp tuyệt trần. Nàng ngồi trên bó lúa, đầu đội chiếc vòng bông lúa xinh xắn tết cùng cây củ hạ và các loài hoa. Không gì tình tứ bằng đôi mắt, tròn trĩnh bằng cặp đùi, cao thượng bằng cử chỉ, óng ả bằng chiếc váy của nàng. Đó là một trong số những giai nhân ngây thơ và hoàn thiện nhất mà chiếc bút vẽ đã sáng tạo ra.

- Đồ đao phủ! - Vua Louis XI làu bàu, - thế nhà ngươi muốn gì?

- Tâu hoàng thượng, hạ thần cần có mái che cho các bức tranh, và tuy chẳng đáng là bao, nhưng thần hết sạch cả tiền.

- Thế cái mái nhà của nhà ngươi tốn hết bao nhiêu?

- Chả là... một cái mái bằng đồng, được trang trí tỉ mỉ và mạ vàng, nhiều nhất

cũng chỉ hai nghìn đồng livre là cùng.

- Ôi chao! Quân giết người! - Nhà vua thốt lên. - Mỗi cái răng hắn nhổ cho ta phải là một viên kim cương.

- Liệu thần có được cái mái đó không? - Coictier hỏi.

- Ừ! Thôi xéo đi, nhưng hãy chữa khỏi cho ta.

Jacques Coictier cúi gập người xuống thi lễ và nói:

- Tâu hoàng thượng, một thang thuốc tiêu tán sẽ chữa khỏi cho bệ hạ. Thần sẽ dán lên lưng bệ hạ lá cao lớn khác chế bằng sáp ong, đất sét làm thuốc, lòng trắng trứng, dầu và giấm. Bệ hạ cứ uống tiếp thuốc sắc và thần xin chữa khỏi cho bệ hạ.

Cây đèn tỏa sáng không chỉ nhử tới độc một con mồi, thầy Olivier thấy nhà vua đang lúc hào phóng và tưởng dịp may, cũng sán lại gần:

- Tâu hoàng thượng...

- Lại còn gì nữa thế này? - Vua Louis XI hỏi.

- Tâu hoàng thượng, chắc bệ hạ biết thầy Simon Radin đã từ trần?

- Thế thì sao?

- Tâu hoàng thượng, chức vụ đó hiện nay còn khuyết.

Vừa nói, bộ mặt kiêu kỳ của thầy Olivier đang từ ngang bướng chuyển sang khúm núm. Đó là vẻ thay đổi duy nhất có thể có ở một bộ mặt đình thần. Nhà vua nhìn thẳng vào mặt ông ta và nói, giọng cộc lốc:

- Ta hiểu rồi.

Nhà vua nói tiếp:

- Thầy Olivier, thống chế Boucicaut từng nói: Ân huệ đều do vua ban, dân chài đều nhờ ở biển. Ta thấy ngươi cũng đồng ý với ngài Boucicaut. Bây giờ, hãy nghe đây. Ta còn nhớ kỹ. Năm 68, ta cho ngươi làm hầu phòng, năm 69, làm giám thủ cung điện ở cầu Saint-Cloud với số lương một trăm đồng livre tiền

Tour (nhà ngươi lại muốn tiền Paris). Tháng mười một năm 73, bằng thư chuyển cho Gergeole, ta cử người làm giám thị rừng Vincennes, chứ không phải kỵ sĩ Gilbert Acle; năm 75, làm tài phán quan rừng Rouvray-lez-Saint-Cloud, thay thế cho Jacques Le Maire; năm 78, bằng công thư quốc vương đóng hai lần ấn tín sáp xanh, ta ban ân qui định cho ngươi và vợ ngươi một khoản lợi tức mười đồng livre tiền Paris, trên quảng trường thương nhân, tại trường học Saint-Germain, năm 79, ta cử ngươi làm tài phán quan rừng Senart, chứ không phải gã Jehan Daiz tội nghiệp; rồi chỉ huy trưởng lâu đài Loches; rồi tổng quản ở Saint-Quentin; rồi chỉ huy trưởng ở pont de Meulan, mà ngươi tự xưng bá tước. Trong số năm xu tiền phạt bất cứ tên thợ cạo mặt vào ngày hội cũng phải nộp, có ba xu cho ngươi, còn ta được phần thừa của nhà ngươi. Ta rất muốn cải cái tên *Ác nhân* của nhà ngươi, nó giống hệt bộ mặt nhà ngươi. Năm 74, bất kể giới quý tộc hết sức bất bình ta ban cho nhà ngươi các huy hiệu muôn màu, làm bộ ngực ngươi sặc sỡ như lông công. Chúa ơi là Chúa! Nhà ngươi chưa đủ no hay sao? Mẻ lưới chưa đủ vớ bẫm và kỳ diệu ư? Thế nhà ngươi không sợ thêm một con cá hồi nữa, có thể đắm thuyền ư? Ông bạn ơi, tính kiêu ngạo sẽ làm hại ông đấy. Sự lụn bại và nhục nhã luôn bám gót tính kiêu ngạo. Ngươi hãy suy nghĩ điều đó và im mồm đi.

Những lời nói bằng giọng khiêm khắc làm khuôn mặt bực tức của thầy Olivier trở lại bướng bỉnh.

- Thôi được, - ông lẩm bẩm khá to, - rõ ràng hôm nay nhà vua đang ốm. Người ban cho thầy thuốc tất cả mọi thứ.

Louis XI không hề tức giận trước câu nói hỗn, nói tiếp dịu dàng hơn:

- À, ta còn quên đã cử ngươi làm sứ thần ở Gand, cạnh lệnh bà Marie. - Đúng thế, thưa quý vị, nhà vua quay lại phía người Flandre, nói thêm, ông ta từng làm sứ thần.

- Thôi, ông bạn ơi, nhà vua nói tiếp với thầy Olivier, chẳng nên giận nhau

nữa, ta là bạn cũ của nhau. Khuya lắm rồi đấy. Công việc thế là xong. Ngươi hãy cạo mặt cho ta.

Bạn đọc chắc không phải đợi đến đây mới nhận ra *thầy Olivier* chính là gã Figaro* ghê gớm mà mệnh trời, kẻ tạo tác vĩ đại mọi tấn kịch, đã xen lẫn rất nghệ sĩ vào tấn hài kịch dài dặc và đẫm máu của vua Louis XI. Không phải ở đây là nơi chúng tôi định phát triển khuôn mặt kỳ quặc này. Gã thợ cạo của nhà vua có ba cái tên. Ở triều đình, mọi người kính cẩn gọi y là Olivier Con Hoẵng; trong dân chúng, là Olivier Quỷ sứ. Còn tên thật y là Olivier Ác nhân.

Olivier Ác nhân đành đứng im. Giận dỗi với nhà vua, căm tức nhìn Jacques Coictier.

- Phải, phải! Quan ngự y! - Ông nói lí nhí.

- Phải! Đúng thế, quan ngự y, - vua Louis nói tiếp với vẻ hiền lành kỳ lạ, - quan ngự y còn có thế lực hơn cả nhà ngươi. Rất dễ hiểu thôi. Hắn nắm giữ toàn bộ thân thể ta còn nhà ngươi chỉ mới giữ được cái cằm. Thôi, anh thợ cạo tội nghiệp, rồi đâu sẽ vào đó. Nhà ngươi sẽ nói sao và sẽ làm ăn thế nào, nếu ta là vị vua như vua Chilpéric chỉ quen cử chỉ một tay vuốt râu? - Nào, anh bạn ơi, hãy làm việc của anh đi, cạo mặt cho ta. Hãy đi lấy đồ nghề lại đây.

Olivier thấy nhà vua ngả sang pha trò và cũng chẳng có cách nào chọc tức Ngài nữa, liền làu bàu đi ra để chấp hành mệnh lệnh.

Nhà vua đứng dậy, lại gần cửa sổ, rồi đột nhiên mở toang, vẻ vô cùng xúc động:

- Ô kìa! - Ông reo lên, vỗ tay, - vòm trời trên Khu thành cũ đỏ rực hẳn lên. Đó là Viện pháp quan đang bốc cháy. Chỉ có thể như vậy. Ôi! Thần dân tốt lành của ta! Thế là cuối cùng đã giúp ta lật đổ các lãnh địa!

Rồi quay sang phía những người Flandre:

- Các vị lại đây mà xem. Có phải lửa đang bừng cháy kia không?

Hai người thành Gantois lại gần.

- Lửa cháy to lắm, - Guillaume Rym nói.

- Ồ! - Coppenole xen vào, cặp mắt đột nhiên lóe sáng, - cảnh này làm tôi sực nhớ tới vụ đốt cháy nhà lãnh chúa Hymbercourt. Ở đó hắn đang có vụ nổi loạn lớn.

- Thầy Coppenole, thầy tin như vậy ư? - Và cái nhìn của nhà vua Louis XI cũng vui vẻ không kém gì cặp mắt gã lái quần chẽn. - Có phải rất khó chống cự lại không?

- Lạy Chúa! Tâu hoàng thượng! Bệ hạ sẽ bị tiêu hao vào đó khá nhiều binh đội đấy!

- Ồ! Ta ấy ư! Đó là chuyện khác, - nhà vua nói. - Nếu như ta muốn!...

Gã lái quần chẽn bạo dạn đáp lại:

- Nếu cuộc nổi loạn này lại đúng như tôi phỏng đoán, tâu hoàng thượng, bệ hạ dù có muốn cũng chẳng được!

- Ông bạn ơi, - vua Louis XI nói, - với hai đội ngự lâm quân của ta cùng một loạt súng thần công, ta sẽ dễ dàng trị xong bọn dân chúng cùng đinh.

Bất chấp Guillaume Rym đang ra hiệu can mình, ông lái quần chẽn có vẻ quyết định đương đầu với nhà vua.

- Tâu hoàng thượng, bọn Thụy Sĩ cũng là tụi cùng đinh. Ngài quận công Bourgogne là đại quý tộc, nên ngài coi thường bọn khốn kiếp đó. Tâu hoàng thượng, trong trận chiến đấu ở Grandson, ông ta hô vang: Hỡi lính pháo thủ! Nhằm bọn vô lại, bắn! Và ông ta còn mang thánh Georges ra thề thốt. Nhưng trưởng quan tư pháp Scharnachtal đã vác chùy và dẫn dân chúng lao vào vị quận công đẹp đẽ, cho nên khi vấp phải các nông dân da trâu, đội quân hào nhoáng của xứ Bourguignon tan tành như miếng kính bị hòn sỏi ném vỡ. Nơi đó, vô khối hiệp sĩ bị bọn vô lại giết chết, và còn thấy cả ngài Château-Guyon vị lãnh

chúa lớn nhất xứ Bourgogne bị chết cùng con ngựa lớn màu xám nhạt ở cánh đồng cỏ nhỏ nơi đầm lầy.

- Ông bạn ạ, - nhà vua nói, - ngươi kể về một trận chiến đấu. Còn đây là cuộc nổi loạn. Nên ta sẽ thắng khi ta thấy cần phải cau mày.

Ông lái lạnh lùng cãi lại:

- Tâu hoàng thượng, có thể như vậy. Trong trường hợp này, có nghĩa là dân chúng chưa tới hồi gặp vận.

Guillaume Rym thấy cần phải can thiệp:

- Thầy Coppenole, thầy đang nói chuyện với một đức vua hùng cường.

- Tôi biết chứ, ông lái quần chẽn nghiêm trang đáp.

- Ông bạn Rym của ta, - nhà vua nói, - cứ để ông ta nói. Ta thích cách nói thẳng đó. Phụ hoàng Charles VII của ta từng nói, chân lý bị ốm yếu rồi. Còn ta, ta lại tin nó đã chết hẳn và không còn tìm đâu ra kẻ bộc lộ tâm tình. Thầy Coppenole chứng tỏ ta đã lầm.

Nhà vua liền thân mật đặt tay lên vai Coppenole:

- Thầy Jasques, thầy bảo sao?

- Tâu hoàng thượng, tôi nói bệ hạ có lẽ đã nói đúng và dân chúng ở đây chưa tới lúc gặp vận.

Vua Louis XI soi mói nhìn ông ta:

- Thế thầy bảo cái vận đó bao giờ tới?

- Rồi bệ hạ sẽ thấy nó tới.

- Nhưng thưa thầy, xin cho biết vào giờ nào kia chứ?

Coppenole điềm đạm một cách bình thản và cục mịch như thường, dẫn nhà vua lại gần cửa sổ.

- Tâu hoàng thượng, thế này nhé! Ở đây có tháp canh, gác chuông, súng thần công, thị dân, binh lính. Khi nào gác chuông rền vang, súng nổ đì đùng, tháp

canh sập đổ ầm ầm, thị dân cùng binh lính gào thét và giết hại lẫn nhau, đó là cái vận đã tới.

Khuôn mặt vua Louis trở nên u ám và mơ mộng. Ngài lặng thinh hồi lâu rồi nhẹ nhàng vỗ vào bức tường dày dặn của tháp canh, như vỗ vào mông con ngựa chiến, nói:

- Ồ, không! Hỡi pháo đài Bastille tốt đẹp của ta, mi sẽ không sụp đổ dễ dàng như vậy phải không?

Rồi ngài đột ngột quay phắt lại phía người Flandre gan dạ, hỏi:

- Thầy Jasques, thầy đã thấy một cuộc phiến loạn bao giờ chưa?

- Chính tôi từng gây ra vụ đó, - ông lái quần chẽn nói.

- Thầy làm cách nào để gây ra được một vụ phiến loạn, - nhà vua hỏi.

- Ồ! Có khó khăn gì lắm đâu, - Coppenole đáp.

- Có tới hàng trăm cách. Thoạt tiên trong thành phố phải có sự bất bình. Điều này cũng không hiếm. Rồi đến tính khí cư dân. Người dân thành Gand đều sẵn sàng nổi loạn. Họ bao giờ cũng yêu mến con cái vua chúa, còn đối với chính vua chúa thì không bao giờ. Thế rồi, thí dụ, vào một buổi sáng, họ kéo vào cửa hiệu tôi, bảo tôi: Này bác Coppenole, có chuyện này, có chuyện nọ, lệnh bà xứ Flandre định cứu các quan thượng thư, ông đại pháp quan tăng gấp đôi tiền thuế hái táo hoặc một chuyện khác. Tha hồ tùy thích. Còn tôi, tôi bỏ dở công việc để đó, tôi ra khỏi cửa hàng và tới giữa phố, rồi kêu lên: Phá sạch! Ở đó lúc nào cũng sẵn dăm cái thùng rượu thủng. Tôi trèo lên và nói to dăm câu sực nghĩ ra, những câu sẵn có trong lòng; mà khi người ta xuất thân từ dân chúng, tâu hoàng thượng, thì lúc nào cũng có cái gì đó ở trong lòng. Thế là họ tụ tập lại, họ hò hét, nổi hiệu báo động, họ tước vũ khí của binh lính để trang bị cho lê dân, dân chợ búa hùa theo và thế là kéo đi! Sự thể rồi sẽ mãi mãi như vậy, chừng nào còn lãnh chúa trong lãnh địa, còn thị dân trong thị trấn và còn dân quê ở nhà quê.

- Thế các ông nổi loạn để chống ai? - Nhà vua hỏi. - Chống các pháp quan?

Chống các lãnh chúa?

- Đôi khi như vậy. Tùy theo trường hợp. Cũng có lúc chống cả quận công, thỉnh thoảng thôi.

Louis XI lại ghế ngồi và mỉm cười nói:

- Hà! Ở đây, chúng nó mới chống pháp quan thôi.

Lúc đó, Olivier Con Hoẵng quay vào. Y dẫn theo hai thị đồng bưng đồ cạo mặt cho nhà vua, nhưng Louis XI ngạc nhiên thấy ngoài ra y còn dẫn thêm cả đô trưởng Paris và hiệp sĩ tuần cảnh, cả hai có vẻ hốt hoảng. Ông thợ cạo cáu kỉnh cũng có vẻ hốt hoảng, nhưng lại ngầm thích thú. Chính ông lên tiếng:

- Tâu hoàng thượng, xin tha tội cho hạ thần đã mang tới cái tin chẳng lành cho bệ hạ.

Nhà vua vội quay phắt lại, các chân ghế làm rách cả manh chiếu trải sàn:

- Ngươi nói cái gì thế?

- Tâu hoàng thượng, - Olivier Con Hoẵng nói tiếp với vẻ mặt độc ác của kẻ vui sướng được giáng một đòn mạnh mẽ, - đám dân chúng phiến loạn không phải tấn công viên pháp quan Tòa pháp chính.

- Thế tấn công ai?

- Tâu hoàng thượng, tấn công bệ hạ.

Ông vua già vụt đứng dậy, thẳng tắp như chàng trai trẻ:

- Olivier, ngươi nói rõ xem nào! Nói rõ ra! Và hãy liệu cho thủ cấp nhà ngươi, anh bạn ạ, vì ta thề trước thánh giá Saint-Lô là giờ phút này mà ngươi còn dám nói dối ta thì lưỡi gươm từng chém đầu đức ông Luxembourg cũng chưa đến nỗi quá sứt mẻ để không chặt nổi đầu ngươi!

Lời thề thật khủng khiếp. Louis XI suốt đời chỉ thề trước thánh giá Saint-Lô có hai lần.

Olivier mở mồm định nói:

- Tâu hoàng thượng...

- Ngươi hãy quỳ xuống! - Nhà vua tàn nhẫn ngắt lời - Tristan, khanh giám sát hắn.

Olivier quỳ xuống và lạnh lùng nói:

- Tâu hoàng thượng, một con phù thủy bị tối cao pháp viện của bệ hạ khép tội tử hình. Nó trốn tránh trong nhà thờ Đức Bà. Dân chúng muốn cướp lại nó bằng vũ lực. Ngài đô trưởng và ngài hiệp sĩ tuần cảnh vừa ở cuộc bạo động tới, đang có mặt tại đây để cải chính nếu hạ thần dám nói sai sự thật. Chính nhà thờ Đức Bà bị dân chúng vây hãm.

- Ái chà? - Nhà vua khẽ thốt lên, mặt tái mét và tức run lên. - Ôi Đức Bà! Chúng nó vây hãm thánh đường của Người, Đức Bà, nữ thánh hộ mệnh từ bi của ta! Cho khanh đứng dậy, Olivier. Khanh nói đúng. Ta sẽ cử khanh vào chức vụ của Simon Radin. Khanh nói đúng. Chính họ tiến công ta. Con phù thủy ở dưới quyền bảo trợ của nhà thờ, còn nhà thờ lại ở dưới quyền bảo trợ của ta. Thế mà ta lại tưởng là chuyện của pháp quan! Hóa ra chúng nó chống lại ta!

Thế rồi trẻ hẳn lại vì phẫn nộ, nhà vua rảo bước quanh phòng. Ngài không cười nữa, trông Ngài thật ghê gớm, Ngài đi đi lại lại, như con cáo đã biến thành con sói, Ngài gần như nghẹt thở vì không thốt lên lời, cặp môi mấp máy, và đôi bàn tay gầy guộc nắm chặt lại. Đột nhiên Ngài ngửng đầu, con mắt sâu trũng như sáng rực và giọng nói vang lên tựa kèn đồng:

- Tristan, hãy hạ thủ! Hạ thủ ngay bọn khốn kiếp! Ông bạn Tristan, hãy đi đi! Giết sạch! Giết sạch!

Cơn thịnh nộ qua đi, Ngài lại ngồi xuống và nói, giọng căm giận lạnh lùng và nén chặt:

- Lại đây, Tristan! - Cạnh đây. Trong tòa Bastille này, hiện có năm mươi lính thương thủ của tử tước Gif, thế là thành ra ba trăm ngựa, khanh hãy điều đi. Cả đội cung thủ ngự lâm của ông Châteauper nữa, khanh cũng điều đi. Tại điện

Saint-Paul khanh sẽ gặp bốn mươi cung thủ đội tân cận vệ của ngài thái tử, khanh cũng điều đi; với tất cả bọn đó, khanh hãy chạy ngay lại nhà thờ Đức Bà. - Ôi! Hỡi quý vị lê dân thành Paris, như vậy là quý vị nắm chắn ngang cả vương quyền của nước Pháp, cả đức thiêng liêng của nhà thờ Đức Bà và cả nền hòa bình của quốc gia này! - Tristan, hãy tiêu diệt! Tiêu diệt! Còn đứa nào sống sót, đưa nốt lên đoạn đầu đài Montfaucon.

Tristan cúi rạp người:

- Tâu hoàng thượng, xin tuân lệnh!

Y nín lặng giây lát rồi hỏi thêm:

- Thế còn con phù thủy, phải làm gì?

Câu hỏi làm nhà vua suy nghĩ. Rồi Ngài phán:

- Ừ! Con phù thủy! - Ông Estouteville, thế dân chúng định làm gì con mụ đó!

- Tâu hoàng thượng, - đô trưởng Paris đáp, - hạ thần thiển nghĩ, nếu dân chúng kéo tới để lôi nó ra khỏi nơi tị nạn trong nhà thờ Đức Bà, đó là sự miễn tội làm họ tức tối nên họ muốn treo cổ nó.

Nhà vua có vẻ suy nghĩ rất kỹ rồi bảo Tristan l’Hermite:

- Nếu vậy, ông bạn hãy tiêu diệt dân chúng và treo cổ con phù thủy.

- Đúng như thế đấy, - Rym khẽ nói với Coppenole, - trừng trị dân chúng dám mong muốn rồi làm theo điều họ mong muốn.

- Tâu hoàng thượng, thần đã rõ, - Tristan đáp. - Nếu con phù thủy vẫn còn ở trong nhà thờ Đức Bà, liệu có nên bắt nó ở đó, bất kể quyền tị nạn.

- Chúa ơi là Chúa, quyền tị nạn ư! - Nhà vua vừa nói vừa gãi tai. - Dù sao vẫn cứ phải treo cổ con đàn bà.

Tới đây, như nảy ra ý nghĩ bất ngờ, nhà vua liền quỳ ngay xuống trước ghế tựa, bỏ mũ ra, đặt lên chỗ ngồi, rồi sùng bái ngắm nhìn một trong những đạo bùa bằng chì đeo đầy mũ:

- Ôi! - Nhà vua chắp hai tay khấn, - lạy Đức Bà Paris, vị thần chủ ân đức hãy tha tội cho con. Con chỉ xin làm một lần này thôi. Phải trừng phạt con tội phạm. Lạy Đức mẹ đồng trinh, thần hộ mệnh từ bi của con, con xin cam đoan là con phù thủy không xứng đáng được Đức mẹ rộng thương che chở. Lạy Đức mẹ, hẳn Đức mẹ cũng biết nhiều quốc vương rất mộ đạo đã từng vi phạm đặc quyền của nhà thờ chỉ vì vinh hiển của Chúa và nhu cầu của quốc gia. Saint Hugues, giám mục Anh quốc, đã cho phép vua Édouard bắt gã phù thủy ngay trong nhà thờ. Saint Louis Pháp quốc vương sư của con, cũng vì mục đích đó mà xâm phạm nhà thờ của Đức cha thần thánh Paul; còn hoàng tử Alphonse, con vua xứ Jérusalem, cũng xâm phạm ngay cả nhà thờ Saint-Sépulcre. Lạy Đức Bà Paris, vậy xin hãy tha tội cho con lần này. Con sẽ không tái phạm và sẽ xin cúng dâng một pho tượng Đức Bà thật đẹp bằng bạc, giống pho tượng năm ngoái con cúng vào nhà thờ Đức Bà Écouys. Amen!

Nhà vua làm dấu thánh giá rồi đứng dậy, đội mũ và bảo Tristan:

- Hiền khanh, hãy mau chân lên. Mang cả ông Châteauper đi theo. Khanh nổi hiệu lệnh cấp báo. Rồi tiêu diệt đám dân đen. Và treo cổ con phù thủy. Thế là xong. Mà ta muốn chính khanh phải tự tay truy lùng nó để hành hình, rồi khanh sẽ tâu lên ta rõ. - Này, Olivier, đêm nay ta không ngủ. Cạo mặt cho ta đi.

Tristan l’Hermite cúi đầu thi lễ và đi ra. Nhà vua liền xua tay từ biệt Rym và Coppenole:

- Hỡi quý vị hiền hữu xứ Flandre, cầu Chúa phù hộ cho quý vị. Hãy tạm đi nghỉ một lát. Đêm đã khuya và chúng ta đang gần buổi sớm hơn buổi tối.

Cả hai lui ra và trên đường trở về phòng riêng, dưới sự hướng dẫn của quan trấn thủ tòa Bastille, Coppenole bảo với Guillaume Rym:

- Hừm! Tôi chán ngấy cái ông vua ho sù sụ này! Tôi từng thấy Charles de Bourgogne say rượu, nhưng ông ta còn không độc ác bằng Louis XI ốm yếu này.

- Thầy Jasques ơi, - Rym đáp, - chả là vua chúa thường có rượu nho ít độc ác hơn rượu thuốc sắc.

VI
ĐOẢN KIẾM NGẠO ĐỜI

Ra khỏi tòa Bastille, Gringoire xuôi xuống phố Saint-Antoine, đi nhanh như ngựa sổng chuồng. Đến cửa ô Baudoyer, chàng tới thẳng cây thập tự bằng đá dựng giữa quảng trường, nhưng trong đêm tối, chàng đã nhìn ra khuôn mặt của một người mặc áo, đội mũ đen tuyền đang ngồi trên bậc thềm cây thập tự.

- Có phải thầy đó không? - Gringoire hỏi.

Người mặc đồ thâm đứng dậy.

- Đồ chết dẫm! Thầy làm tôi sốt cả ruột, thầy Gringoire ạ. - Người gác trên tháp Saint-Gervai vừa rao lên một giờ rưỡi sáng rồi.

- Ồ! - Gringoire đáp, - đâu phải lỗi tại tôi, mà lỗi ở lính tuần canh của nhà vua. Tôi vừa thoát chết! Chỉ thiếu chút nữa, lại bị treo cổ. Cũng là cái số tiền định của tôi.

- Thầy thì thiếu lỡ đủ thứ, - người kia nói. - Nhưng thôi, ta đi nhanh lên. Anh có biết mật khẩu không?

- Liệu thầy có ngờ tôi đã yết kiến nhà vua không. Tôi vừa ở đó ra. Người mặc quần chẽn vải tơ bông. Thật là một cuộc phiêu lưu.

- Ồ! Sao lắm chuyện dông dài thế! Chuyện phiêu lưu của anh thì dính dáng gì đến ta? Anh có biết mật khẩu của bọn hành khất không?

- Biết chứ. Xin cứ yên tâm. *Đoản kiếm ngạo đời*.

- Tốt lắm. Nếu không, chẳng thể tới được nhà thờ. Bọn ăn mày đang ngăn đường. Cũng may hình như chúng vấp phải sức kháng cự. Có lẽ ta còn đến kịp.

- Thưa thầy, vâng. Nhưng làm cách nào vào được nhà thờ?

- Ta có chìa khóa cửa tháp.

- Thế sẽ ra bằng cách nào.

- Đằng sau tu viện, có cái cửa nhỏ mở ra khu Terrain, rồi từ đó ra sông. Ta có chìa khóa cửa đó và sáng nay, ta đã neo sẵn con thuyền gần đấy.

- May quá, chỉ thiếu chút nữa tôi bị treo cổ! - Gringoire lại nói.

- Thôi, nhanh lên! - Người kia nói.

Cả hai rảo bước đi về Khu thành cũ.

VII
CHÂTEAUPER TỚI CỨU VIỆN

Chắc bạn đọc còn nhớ tới hoàn cảnh nguy cấp của Quasimodo hồi nãy, gã điếc gan dạ, bị vây tứ phía, nếu chưa mất hết dũng khí, ít nhất cũng tuyệt đường hy vọng là cứu thoát, không phải nó, nó không nghĩ đến bản thân, mà cứu thoát cô gái Ai Cập. Nó chạy thục mạng lên hành lang nhà thờ Đức Bà sắp bị bọn hành khất chiếm lĩnh. Đột nhiên, tiếng vó ngựa dồn dập bỗng vang dội từ các phố lân cận, rồi với một dãy dài đuốc và một đoàn dày đặc kỵ binh buông lỏng dây cương, mũi giáo chĩa tới, các tiếng động điên cuồng tràn vào quảng trường như bão táp: Pháp quốc! Pháp quốc! Đánh tan lũ dân hèn! Châteauper tới cứu viện! Đoàn hiến binh! Đoàn hiến binh!

Bọn hành khất khiếp hãi vội quay đầu lại.

Quasimodo vốn không nghe thấy gì cả, chỉ thấy gươm tuốt trần, đuốc lửa, mũi giáo, cả đoàn quân kỵ mã hắn nhận ra người đi đầu là đại úy Phoebus; hắn thấy bọn hành khất rối loạn, một số kinh hãi, bọn gan dạ hơn cũng lúng túng, và nhờ cuộc chi viện bất ngờ, hắn lấy lại sức lực dồi dào đến mức đánh bật ra khỏi nhà thờ bọn tấn công đầu tiên đã trèo được lên hành lang.

Quả thực đây là quân đội nhà vua đã ập tới.

Bọn hành khất chiến đấu dũng cảm. Chúng chống cự tuyệt vọng. Bị đánh ngang sườn từ phố Saint-Pierre-aux-Boeuf và thọc hậu từ phố Sait nhà thờ, bị dồn về phía nhà thờ Đức Bà mà chúng còn vây hãm và Quasimodo đang kháng cự, vừa là kẻ tấn công và bị tấn công, chúng lâm vào hoàn cảnh kỳ lạ, giống hồi xưa kia, vào năm 1640, trong lần vây thành Turin nổi tiếng của bá tước Henri

d’Harcourt, bị kẹt giữa quốc vương Thomas de Savoie mà ông đang tấn công và hầu tước Leganez đang vây hãm ông, *Taurinum obsessor idem et obsessus**, như đã được ghi trong văn bia.

Cuộc giao tranh thật khủng khiếp. Thịt chó sói có răng chó săn, như sử gia P. Mathieu từng nói. Đoàn kỵ binh ngự lâm, ở giữa là Phoebus de Châteauper đang chiến đấu dũng cảm, không hề nương tay, hết đâm lại chém loạn xạ. Bọn hành khất, trang bị kém cỏi, tức sủi bọt mép, xoay ra cắn cấu. Đàn ông, đàn bà, trẻ con lăn xả vào mông, vào cổ ngựa, rồi bấu chặt lấy như mèo bằng hàm răng cùng móng nhọn chân tay. Có kẻ vung đuốc đập vào mặt cung thủ. Bọn khác thọc câu liêm sắt để móc cổ kỵ binh rồi lôi tuột xuống. Họ xé xác kẻ ngã ngựa.

Nổi bật là một gã cầm lưỡi hái lớn sáng loáng và đang lia cụt chân ngựa mãi không thôi. Trông hắn thật khủng khiếp. Hắn hát một bài bằng giọng mũi, không ngừng vung lưỡi hái ra rồi lại quơ về. Mỗi lần như vậy, hắn rải ra chung quanh một vòng rộng các chân ngựa bị phạt đứt. Cứ thế hắn tiến vào giữa đám người ngựa dày đặc nhất, với vẻ chậm chạp thản nhiên, cái đầu lắc lư và hơi thở đều đặn, của một thợ hái bắt đầu gặt cánh đồng lúa. Đó là Clopin Trouillefou. Một loạt đạn hỏa mai liền hạ hắn.

Lúc này, các cửa sổ lại mở ra. Những kẻ lân bang, nghe tiếng thét xung trận của quân lính nhà vua, cũng tham gia trận đánh, và từ mọi tầng gác, đạn bắn như mưa xuống bọn hành khất. Sân nhà thờ khói phủ dày đặc, chẳng chịt tia lửa đạn súng trường. Trong màn khói thấp thoáng hiện lên mặt tiền nhà thờ Đức Bà cùng nhà thương đổ nát, với dăm khuôn mặt bệnh nhân hốc hác, đang đứng nhìn từ trên nóc nhà lỗ chỗ cửa mái.

Cuối cùng, bọn hành khất chịu thua. Mệt chán, thiếu vũ khí tốt, hốt hoảng vì bị bất ngờ, rồi loạt đạn từ trên cửa sổ, vụ tiến đánh dũng mãnh của quân lính nhà vua, tất cả đã đánh quỵ họ. Chúng liều chọc thủng vòng vây của quân tấn công và chạy trốn khắp ngả, để lại trên nhà thờ một đống ngổn ngang xác chết.

Khi Quasimodo, từ nãy vẫn không ngừng chiến đấu một phút nào, trông thấy chúng bỏ chạy, hắn liền quỳ xuống và giơ hai tay lên trời; rồi sướng như điên, hắn chạy đi, thoăn thoắt leo nhanh như chim bay lên căn phòng mà hắn đã vô cùng liều mạng chống trả mọi cuộc đột nhập. Giờ đây, hắn chỉ còn một ý nghĩ, đó là quỳ gối trước mặt người hắn vừa cứu thoát lần thứ hai.

Khi bước vào phòng, hắn thấy chẳng còn ai.

QUYỂN MƯỜI MỘT

I
CHIẾC GIÀY NHỎ

Lúc bọn hành khất tấn công nhà thờ, Esmeralda đang ngủ.

Lát sau, tiếng ồn ào mỗi lúc một lớn ở chung quanh tòa nhà và tiếng be be lo sợ của con dê thức tỉnh trước, làm cô thức giấc. Cô ngồi nhỏm dậy, lắng tai nghe, đưa mắt nhìn, rồi sợ hãi vì ánh lửa và tiếng động, cô lao ra khỏi phòng để xem sao. Quang cảnh nơi quảng trường, hình ảnh đang khuấy động dưới đó, vẻ hỗn độn của cuộc tấn công ban đêm, đám đông gớm ghiếc nhảy nhót như bầy ếch nhái nhung nhúc, nửa mờ nửa tỏ trong bóng tối, tiếng kêu ì ộp của đám đông khàn khàn, dăm ngọn đuốc cháy đỏ chạy đi chạy lại và đan chéo trong bóng đêm như ánh lửa ma trơi rạch ngang mặt đầm lầy mù sương, tất cả cảnh tượng này khiến cô có cảm tưởng một trận chiến đấu bí hiểm đang xảy ra giữa các hồn ma của dạ hội phù thủy với các quái vật bằng đá của nhà thờ. Ngay từ bé đã sớm hấp thụ mọi mê tín của bộ lạc Bohémienne, ý nghĩ đầu tiên của cô là mình đang bắt gặp các nhân vật kỳ dị vốn chỉ xuất hiện vào ban đêm, để tác oai tác quái. Thế là cô hốt hoảng chạy vào ẩn trong phòng, hy vọng chiếc giường sẽ dẫn vào cơn ác mộng còn bớt ghê rợn hơn.

Tuy nhiên, các ám ảnh sợ hãi đầu tiên cũng dần dần tiêu tan; nghe tiếng động mỗi lúc càng to hơn và dựa vào nhiều dấu hiệu thực tế khác, cô cảm thấy không phải bóng ma, mà chính bọn người thật đang bao vây mình. Thế là cơn sợ không tăng lên mà đổi khác. Cô nghĩ tới khả năng xảy ra nổi loạn của dân chúng để bắt cô ra khỏi nơi tị nạn. Ý nghĩ một lần nữa lại mất đi đời sống, niềm hy vọng, Phoebus, mà cô luôn thấy thấp thoáng trong tương lai, sự trống rỗng sâu thẳm trong nỗi yếu đuối của mình, sự hết đường trốn chạy, không nơi nương tựa, nỗi

chán chường, niềm cô đơn, mọi ý nghĩ đó cùng trăm ngàn ý nghĩ khác làm cô đau khổ. Cô quỳ xuống, gục đầu lên giường, chắp hai tay trên đầu, đầy lo âu cùng run sợ, tuy là gái Ai Cập, sùng bái ngẫu tượng và vô thần, cô vẫn nức nở cầu xin ân sủng của Chúa cứu thế ban phước và van xin Đức Bà đang cho cô trú ngụ. Bởi vì, dù chẳng tín ngưỡng gì, vẫn có những lúc trong cuộc đời người ta tin vào đạo giáo của nơi đền miếu đang tầm tay với.

Cô quỳ như vậy rất lâu, thực ra run sợ nhiều hơn cầu nguyện, lạnh cứng vì hơi hướm mỗi lúc xích lại gần của đám đông hung hãn, cô chẳng hiểu tí gì về vụ nổi loạn, cô không biết mọi người đang âm mưu gì, đang làm gì, đang muốn gì, nhưng vẫn linh cảm thấy một kết cục ghê gớm.

Đang lúc lo sợ, cô bỗng nghe tiếng người bước lại gần. Cô quay lại. Hai người đàn ông, một người xách đèn lồng, vừa bước vào phòng.

Cô khẽ kêu lên.

- Đừng sợ, tôi đây mà, - một giọng nói không xa lạ với cô cất lên.

- Ai đấy? Ông là ai? - Cô hỏi.

- Pierre Gringoire.

Cái tên làm cô yên tâm. Cô ngước mắt nhìn và quả nhiên nhận ra nhà thơ. Nhưng cạnh chàng còn một người mặc đồ thâm và trùm kín từ đầu tới chân, đứng lặng thinh, khiến cô lấy làm lạ.

- Chà! Con Djali còn nhận ra tôi trước cô! - Gringoire nói giọng trách móc.

Quả thật, con dê không chờ Gringoire phải xưng tên. Chàng vừa bước chân vào, nó đã âu yếm cọ mình vào đầu gối chàng, phủ đầy người thi sĩ những vuốt ve và lông trắng, vì nó đang thời kỳ rụng lông. Gringoire cũng vuốt ve lại nó.

- Ai cùng đi với anh thế? - Cô gái Ai Cập hỏi nhỏ.

- Cô cứ yên tâm. - Gringoire đáp. - Đây là anh bạn.

Nói xong triết gia liền đặt chiếc đèn xuống đất, ngồi xổm trên nền đá lát, rồi

ôm ghì con Djali trong vòng tay và thích thú reo lên:

- Ồ! Con vật thật xinh đẹp, có lẽ dễ thương vì sạch sẽ hơn vì béo tốt, nhưng nó tinh khôn, tế nhị và học thức như một giáo sư văn phạm! Nào, Djali của ta, mày chưa quên các trò tài tình đấy chứ? Thầy Jacques Charmolue đi đứng ra sao nào?

Người mặc áo thâm không để chàng nói hết. Y lại gần Gringoire và đẩy mạnh vai chàng. Gringoire đứng dậy nói:

- Quả thực tôi quên bẵng chúng ta đang vội. - Tuy nhiên, thưa thầy, đó cũng không phải lý do để thầy bức bách người ta như vậy. - Cô em xinh đẹp thân yêu của tôi, đời sống của cô và cả Djali nữa đang bị đe dọa. Họ muốn bắt lại cô. Chúng tôi là bạn, chúng tôi đến đây để cứu cô. Hãy đi theo chúng tôi.

- Có thật không? - Cô hốt hoảng kêu lên.

- Thật, đúng như vậy. Cô đi ngay thôi!

- Tôi xin sẵn sàng, - cô lắp bắp nói. - Nhưng sao ông bạn của anh không nói gì cả?

- À! - Gringoire nói, - chả là ông bố và bà mẹ anh ta đều là những kẻ ngông nghênh nên mới sinh ra anh ta tính khí tẩm ngẩm như vậy.

Cô đành bằng lòng với lời giải thích. Gringoire dắt tay cô, còn anh bạn xách đèn đi trước. Nỗi sợ làm cô gái bàng hoàng. Cô cứ để mặc cho họ dẫn đi. Con dê nhảy nhót theo sau, rất vui sướng được gặp lại Gringoire, cứ rúc sừng vào chân khiến chàng mấy lần loạng choạng. Mỗi bận suýt ngã, triết gia lại nói:

- Sự đời như vậy, lắm khi kẻ làm ta vấp ngã lại chính là người bạn thân nhất!

Họ nhanh chóng xuống cầu thang trong tháp, đi qua nhà thờ tối om và vắng ngắt, nhưng đang âm vang tiếng ồn bên ngoài, tạo thành cảnh trái ngược kinh sợ, rồi ra ngoài sân tu viện bằng cổng đỏ. Tu viện bỏ không, tu sĩ kéo nhau trốn sang tòa giám mục để cùng cầu nguyện chung; sân cũng vắng ngắt, dăm tên hầu

hoảng sợ núp vào xó tối. Họ tới cái cửa trong sân mở ra khu Terrain. Người mặc áo thâm dùng chìa khóa có sẵn mở cửa. Bạn đọc đều biết khu Terrain là mỏm đất có tường vây ở phía Khu thành cũ, thuộc quyền sở hữu của tăng hội nhà thờ Đức Bà, ở cuối hòn đảo về phía đông, đằng sau nhà thờ. Họ thấy khu vực này cũng hoàn toàn vắng vẻ. Ở đây không khí đã bớt ồn. Tiếng hò hét tấn công của đám hành khất vắng tới mơ hồ hơn và bớt ầm ĩ. Gió mát thổi theo dòng nước, lay động cành lá của cái cây duy nhất được trồng ở đầu mỏm khu Terrain, với tiếng rì rào nghe đã rõ. Tuy nhiên, họ vẫn còn kề bên nguy hiểm. Bên trong tòa giám mục rõ ràng đang hết sức rối loạn. Khối nhà tối đen bị rạch toàn ánh đèn chạy hết cửa sổ này sang cửa sổ khác, như khi ta vừa đốt giấy xong, còn lại một mớ tro xám mà tàn lửa uốn lượn thành muôn đường nét kỳ quặc. Bên cạnh, các tháp to cao của nhà thờ, nhìn từ đằng sau cùng với gian chính điện dài, trên đó dựng sừng sững các tòa tháp, in bóng đen ngòm lên nền đỏ mênh mông của ánh lửa chói chang sân nhà thờ, giống như hai cái giá để cũi vĩ đại trước lò lửa của người khổng lồ độc nhỡn.

Những gì nhìn thấy từ mọi phía ở Paris đều lay động trước mắt trong cảnh tranh tối tranh sáng. Họa sĩ Rembrandt có những bức tranh vẽ nền như vậy.

Người đàn ông xách đèn đi thẳng tới mỏm khu đất. Ở đây, ngay sát mí nước, còn lại các mảnh vụn mọt ruỗng của chiếc hàng rào bằng cọc ken đóng ngang, mọc bám vào đó là cây nho thấp với dăm cành khẳng khiu xòe ra như các ngón một bàn tay mở rộng. Phía sau, dưới bóng tối giàn nho, có giấu chiếc thuyền nhỏ. Người đàn ông ra hiệu cho Gringoire và cô bạn bước xuống. Con dê chạy theo sau. Người đàn ông xuống sau cùng. Rồi y cắt dây neo, dùng gậy dài có móc đẩy thuyền ra xa bờ, cầm hai mái chèo và ngồi xuống đằng mũi, cố sức chèo ra giữa dòng. Con sông Seine chảy rất xiết ở khúc này, cho nên y khá vất vả mới rời xa được đầu mỏm hòn đảo.

Khi bước xuống thuyền, việc quan tâm đầu tiên của Gringoire là đặt con dê

lên đầu gối. Chàng ngồi đằng lái, còn cô gái mà kẻ lạ mặt làm cho phải thấp thỏm lo ngại, cô tới ngồi sát ngay cạnh nhà thơ.

Khi triết gia cảm thấy con thuyền chuyển động, chàng vỗ tay và hôn vào giữa cặp sừng con Djali, rồi nói:

- Ồ! Thế là cả bốn chúng ta đều thoát nạn. - Chàng lại nói tiếp, với vẻ mặt nhà tư tưởng thâm thúy. - Đôi khi nhờ may mắn, lắm lúc nhờ mưu mẹo, người ta đạt tới kết quả tốt đẹp của những mưu toan lớn.

Chiếc thuyền từ từ bơi sang hữu ngạn. Cô gái ngấm ngầm khiếp sợ quan sát người lạ mặt. Y đã cẩn thận che kín ánh đèn mờ. Trong bóng đêm, nhìn hắn ngồi trước mũi thuyền thấp thoáng như bóng ma. Chiếc mũ trùm đầu, vẫn kéo sụp xuống, làm thành thứ mặt nạ, và mỗi lần hắn dang hai cánh tay để chèo, hai tay áo thâm rộng lại rủ xuống, trông cứ như đôi cánh lớn con dơi. Hơn nữa, hắn không có tiếng động nào khác ngoài tiếng mái chèo khuấy nước, xen lẫn muôn ngàn tiếng róc rách của sóng vỗ mạn thuyền. Gringoire đột nhiên reo lên.

- Chao ôi! Chúng ta nhẹ nhàng và vui tươi như đàn bướm! Chúng ta lặng lẽ như môn đồ Pythago hoặc loài cá! Chúa ơi là Chúa! Này các bạn, tôi rất thèm có người để nói chuyện. - Giọng nói con người là thứ âm nhạc cho lỗ tai con người. Không phải tôi nói câu đó đâu mà Didyme d’Alexandrie, đó đúng là câu nói trứ danh. - Đã đánh Didyme d’Alexandrie không phải triết gia tầm thường. Một lời thôi, hỡi cô em xinh đẹp! Hãy nói với tôi đi, tôi van cô, chỉ một lời thôi. À này, cô có lối bĩu môi buồn cười đến kỳ lạ; cô vẫn làm thế luôn à? Cô bạn ơi, cô có biết là tối cao pháp viện có toàn quyền cai quản mọi nơi tị nạn và cô sẽ bị nguy to nếu còn ở lại căn phòng trong nhà thờ Đức Bà không? Than ôi! Con chim nhỏ chuyên xỉa răng cá sấu đang làm tổ trong mõm cá sấu. - Thầy ơi, kìa vầng trăng lại ló ra. - Miễn đừng ai trông thấy chúng ta! - Chúng ta cứu cô nương là một việc đáng khen, nhưng nếu bị bắt, ta sẽ bị treo cổ theo lệnh đức vua. Than ôi! Hành động con người đều có hai quai. Việc anh làm được ca ngợi thì tôi bị kết

tội. Kẻ khâm phục César lại nguyền rủa Catilina. Có phải thế không, thưa thầy? Thầy thấy triết lý đó thế nào? Còn tôi, tôi có được triết lý theo bản năng do tự nhiên, *ut apes geometriam**. - Thôi vậy, chẳng ai trả lời ta cả. Cả hai vị đều đang bực bội đây! Ta đành nói chuyện một mình. Cái mà trong bi kịch gọi là độc thoại. - Chúa ơi là Chúa! - Xin báo để các vị rõ, tôi vừa được yết kiến đức vua Louis XI, nên còn nhớ câu chửi thề đó. - Cho nên Chúa ơi là Chúa! Ở Khu thành cũ, chúng nó vẫn còn hò hét ghê quá. - Ông vua già này thật đê tiện, độc ác. Khắp người quấn đầy lông thú. Ông ta vẫn nợ tôi tiền công viết thiên chúc hôn thi, thế mà tối nay còn suýt định treo cổ tôi, như vậy quả rất phiền cho tôi. - Ông ta keo kiệt đối với người có tài. Lẽ ra ông ta phải đọc hết bốn cuốn sách của Salvin de Cologne *Adversus avaritiam**. Thực ra, ông vua này hẹp hòi trong cách đối xử với nhà văn, mà còn có nhiều hành vi bạo ngược rất dã man. Đúng là miếng bọt biển để hút bạc, được đặt lên đầu dân chúng. Tính hà tiện của ông ta là cái lá lách sưng tấy trong khi mọi bộ phận gầy teo. Cho nên mọi lời kêu ca trước đời sống khó khăn đều trở thành câu chửi thầm nhà vua. Dưới triều đại ông vua hiền từ mộ đạo này, các giàn giá nứt gãy vì người bị treo cổ, các thớt chặt đầu mục nát vì máu đọng, các nhà tù rạn vỡ như những bụng đầy căng. Ông vua này một tay vơ tiền, một tay treo cổ. Là người đại lý của bà Thu thuế và ông Treo cổ. Các vị to đầu bị tước mất chức vị còn kẻ hèn luôn gánh chịu mọi đè nén mới. Một ông vua quá quắt. Tôi không ưa cái nhà vua này. Thế còn thầy thì sao?

Người mặc đồ thâm cứ để mặc nhà thơ ba hoa, cứ việc tha hồ chỉ trích. Y tiếp tục chèo chống với dòng nước cuồn cuộn chảy xiết, ngăn cách đuôi lái của Khu thành cũ với đầu mũi của đảo Đức Bà, nay gọi là đảo Saint Louis. Bỗng nhiên, Gringoire lại hỏi:

- À này, thưa thầy! Lúc chúng ta vượt qua bọn hành khất điên cuồng tới sân nhà thờ, đức ông có để ý tới cậu bé quỷ quái tội nghiệp đang bị thằng điếc của

ngài quật vỡ sọ trên lan can của hành lang các vua không? Mắt tôi kém nên không nhận ra được. Ngài có biết đó là ai không?

Người lạ mặt không đáp nửa lời. Nhưng y đột nhiên ngừng chèo, hai cánh tay rũ xuống như bị gãy, đầu cúi gục trên ngực và Esmeralda nghe thấy y thở dài run rẩy. Về phần cô gái cũng rùng mình. Cô từng nghe thấy tiếng thở dài này.

Chiếc thuyền bị bỏ mặc, trôi theo dòng nước một lát. Nhưng cuối cùng người mặc áo thâm ngồi thẳng dậy, cầm mái chèo, tiếp tục bơi ngược dòng.

Y vượt mũi đất ở đảo Đức Bà và tiến về phía Bến cỏ. Gringoire bảo:

- A! Nhà Barbeau kia rồi. Này thầy ơi, thầy hãy nhìn xem khu nhà mái đen làm thành góc cạnh kỳ lạ ở đằng kia, dưới đám mây thấp, lê thê, lộn xộn và xám bẩn, nơi mặt trăng nát bét và nhòe nhoẹt như lòng đỏ quả trứng đã vỡ vỏ. - Tòa nhà thật đẹp. Ở đó có nhà nguyện với vòm trần nhỏ đầy trang trí chạm trổ rất khéo. Phía trên thầy có thể thấy cái gác chuông trổ cửa rất tinh vi. Cũng có cả khu vườn đẹp mắt, gồm cái ao, chuồng chim, cây cảnh, sân chơi vồ, mê cung, chuồng thú dữ và vô số đường lối rậm rạp rất thuận tiện cho thần Vệ nữ. Lại còn thứ cây đểu giả gọi là *cây dâm đãng*, từng phục vụ cho nhục dục của một quận chúa nổi danh cùng một nguyên soái Pháp lịch thiệp và dí dỏm. - Than ôi! Bọn triết gia nghèo khổ chúng ta, nếu đem so sánh với một nguyên soái, chẳng khác gì luống cải bắp và su hào bên cạnh vườn ngự uyển ở điện Lourve. Dù sao cũng bất cần! Cuộc sống con người đối với ông lớn cũng như đối với ta, đều lẫn lộn cả tốt và xấu. Nỗi khổ luôn ở cạnh niềm vui, câu thơ vế dài cạnh câu thơ vế ngắn. - Thưa thầy, tôi xin kể cho thầy nghe sự tích tòa nhà Barbeau này. Câu chuyện kết thúc thật bi thảm. Đó là năm 1319, dưới triều đại Philippe V, một vua Pháp trị vì lâu nhất. Luân lý câu chuyện là các cám dỗ xác thịt đều độc hại và gian ác. Đừng nên quá chăm chú ngắm nhìn cô vợ người hàng xóm, dù giác quan ta có mê mẩn nhan sắc cô ta đến đâu. Gian dâm là một ý tưởng rất phóng túng. Ngoại tình là sự tò mò về khoái lạc của kẻ khác... - Ô kìa! Phía đó lại càng

ồn ào hơn nữa!

Quả thực tiếng ồn ào càng tăng hơn ở chung quanh nhà thờ Đức Bà. Họ lắng nghe. Nghe thấy khá rõ tiếng hò reo chiến thắng. Đột nhiên, hàng trăm ngọn đuốc soi lấp lánh mũ sắt quân lính, tràn vào nhà thờ, tỏa đi khắp các tầng gác, các tháp, hành lang, vòm mái. Dãy đuốc hình như đang tìm kiếm gì đó; chẳng bao lâu tiếng reo hò từ xa vẳng lại rõ ràng tới tai kẻ chạy trốn:

- Con bé Ai Cập! Con phù thủy! Giết chết con bé Ai Cập!

Cô gái khốn khổ vùi đầu vào hai bàn tay, còn kẻ lạ mặt ra sức chèo vào bờ. Trong lúc đó, vị triết gia suy nghĩ. Chàng ôm ghì con dê trong vòng tay và nhẹ nhàng tránh xa cô Bohémienne ngồi sát lại, như chàng là nơi tị nạn duy nhất còn lại.

Rõ ràng Gringoire đang ở vào tình trạng do dự ghê gớm. Chàng nghĩ, *chiếu theo luật lệ hiện hành*, nếu bị bắt lại, cả con dê cũng bị treo cổ, mà như vậy, sẽ rất tai hại, thật tội nghiệp cho Djali! Quả thực hơi quá nhiều khi có tới hai tội nhân cứ níu chặt lấy chàng; dù sao người bạn cùng đi cũng không mong gì hơn được chăm lo cô gái Ai Cập. Chàng tiến hành đấu tranh tư tưởng mãnh liệt, trong đó, như thần Jupiter ở trường ca Iliad, chàng lần lượt cân nhắc giữa cô gái Ai Cập và con dê; rồi chàng cũng lần lượt nhìn cả hai, cặp mắt rưng rưng lệ, lẩm bẩm trong miệng:

- Dù sao ta cũng không cứu nổi cả hai.

Cuối cùng, thuyền xô mạnh báo hiệu đã cập bến. Khu thành cũ vẫn vang lên tiếng ầm ầm rùng rợn. Kẻ lạ mặt đứng dậy, tới gần cô gái, định đỡ tay dìu lên bờ. Cô đẩy ra và níu lấy tay áo Gringoire, còn chàng đang mải lo cho con dê nên cũng gần như đẩy cô ra. Thế là cô nhảy ra khỏi thuyền một mình. Cô rất bối rối, không biết mình đang làm gì, sẽ đi đâu. Cô đứng sững sờ như vậy một lát nhìn dòng nước chảy. Khi hoàn hồn đôi chút, chỉ còn mình cô trên bến với người khách lạ. Hình như Gringoire lợi dụng lúc lên bờ để cùng con dê chuồn thẳng

vào dãy nhà ở trên phố Kho thóc bên sông.

Cô gái Ai Cập tội nghiệp sợ run khi thấy chỉ còn lại một mình với người lạ mặt. Cô muốn nói, muốn kêu lên, muốn gọi Gringoire, nhưng lưỡi cứng đơ trong miệng và không tiếng nào lọt qua khỏi môi. Bỗng nhiên cô cảm thấy bàn tay người khách lạ nắm lấy tay mình. Một bàn tay lạnh giá và mạnh mẽ. Răng đánh cầm cập, mặt cô tái hơn cả ánh trăng đang chiếu. Người kia chẳng nói nửa lời. Y dắt tay cô gái rảo bước đi ngược lên quảng trường Grève. Lúc đó, cô gái mơ hồ cảm thấy định mệnh là sức mạnh không cưỡng nổi. Cô kiệt lực, để mặc cho lôi đi, cô chạy khi người kia chỉ rảo bước. Bờ sông đoạn này dốc ngược. Nhưng cô lại thấy như mình đang tuột xuống.

Cô nhìn tứ phía. Không bóng người qua lại. Bờ sông vắng tanh vắng ngắt. Cô chỉ nghe thấy tiếng động, chỉ trông thấy có người hoạt động ở Khu thành cũ ồn ào và đỏ ối, ngăn cách bằng độc một nhánh sông Seine, nơi tên cô vẳng tới xen lẫn cùng tiếng hô đòi giết. Phần còn lại của Paris tỏa ra xung quanh thành từng khối lớn bóng tối.

Lúc đó, kẻ lạ mặt vẫn cứ lặng lẽ và rảo bước lôi cô đi. Trong ký ức, cô không nhận ra một nơi nào đi ngang qua. Tới trước một khung cửa sổ sáng đèn, cô ráng sức đột nhiên đứng sững lại và kêu lên:

- Cứu tôi với!

Người thị dân có khung cửa sổ liền mở cửa, hắn mặc áo lót, tay cầm đèn, ló đầu ra, nhìn bờ sông với vẻ mặt ngơ ngác, nói gì đó cô không nghe thấy rồi khép cửa lại. Tia sáng hy vọng cuối cùng đành tắt ngấm.

Người mặc đồ thâm không hé nửa lời, vẫn nắm chặt tay cô và càng rảo bước nhanh hơn. Cô không kháng cự nữa mà rã rời bước theo.

Thỉnh thoảng, gắng lấy lại chút ít sức lực, cô hỏi giọng đứt đoạn vì mặt đường gập ghềnh và chạy mệt đến đứt hơi:

- Ông là ai? Ông là ai?

Người kia không trả lời.

Cứ như vậy, hai người chạy dọc theo bờ sông tới một quảng trường khá rộng. Trời mờ sáng ánh trăng. Đây quảng trường Grève. Ở giữa sừng sững dựng lên một loại thập tự đen. Đó là đài treo cổ. Cô nhận ra tất cả và biết mình đang ở đâu.

Người kia dừng bước, quay lại phía cô và nhấc mũ trùm đầu.

- Ôi! - Cô sợ hãi nói lắp bắp, - ta biết trước, lại vẫn hắn ta.

Đó là linh mục. Trông ông hệt như cái bóng ma của ông, do hiệu quả của ánh trăng. Dưới ánh trăng, hình như chỉ nhìn thấy bóng ma của sự vật.

- Em nghe đây, - ông bảo cô; còn cô run lên trước âm thanh giọng nói thê thảm đã từ lâu không nghe thấy. Ông nói tiếp. Nói ngập ngừng từng câu ngắn và thở hổn hển, giọng run rẩy chứng tỏ lòng ông xúc động sâu xa. - Em nghe đây. Chúng ta đang ở đây. Ta sẽ nói chuyện với em. Đây quảng trường Grève. Chốn này là điểm tột cùng. Định mệnh trao chúng ta cho nhau. Ta sẽ quyết định đòi em, còn em quyết định linh hồn ta. Đây là một quảng trường và một đêm mà vượt ra khỏi, ta sẽ không còn nhìn thấy gì hết. Vậy hãy nghe. Tôi sẽ nói với em... Trước hết, đừng nhắc đến cái tên Phoebus. (Vừa nói, ông vừa đi đi lại lại, như người không thể đứng yên một chỗ, và kéo cô đi theo). Đừng nhắc đến tên hắn với ta. Em hiểu chứ? Nếu em nhắc tới tên đó, ta không biết mình sẽ làm gì, nhưng chắc phải ghê gớm.

Nói xong, như một vật lấy lại được thăng bằng, ông đứng im. Nhưng lời nói vẫn không bớt xao xuyến. Giọng nói mỗi lúc một nhỏ hơn.

- Đừng ngoảnh mặt đi như vậy. Em hãy nghe tôi. Việc này hệ trọng. Trước hết, sự việc đã xảy ra như sau. - Xin thề với em đây không phải chuyện đùa. - Tôi vừa nói gì với em thế nhỉ? Hãy nhắc cho tôi nhớ lại nào! À! - Tối cao pháp viện vừa ra án lệnh bắt em, để đưa em ra pháp trường. Ta vừa cứu em thoát khỏi tay chúng. Nhưng chúng vẫn truy nã em kia kìa. Em nhìn xem.

Ông giơ tay chỉ về phía Khu thành cũ. Quả nhiên, cuộc khám xét hình như vẫn tiếp tục. Tiếng ồn ào tiến lại gần. Tòa tháp ở nhà viên trung úy, đối diện với quảng trường Grève đang ầm ầm và sáng rực, rồi thấy binh lính chạy trên đường bờ sông kia, vừa vung đuốc vừa hò hét:

- Con bé Ai Cập! Con bé Ai Cập đâu rồi! Giết! Giết!

- Em thấy rõ chúng đang đuổi bắt em, và tôi không nói dối. Tôi, tôi yêu em. - Đừng mở miệng, đừng nói gì vội, nếu chỉ để nói em ghét tôi. Tôi quyết định không nghe những câu đó. - Tôi vừa cứu em. - Hãy để tôi nói hết. Tôi có thể cứu em hoàn toàn. Tôi đã chuẩn bị đầy đủ. Tùy em muốn hay không. Em muốn gì, tôi cũng sẽ làm được.

Ông ngừng ngay lại.

- Không, đáng lẽ không nên nói như vậy.

Rồi ông chạy đi, kéo cả cô gái chạy theo, vì vẫn không chịu buông tay cô, ông đi thẳng tới đài treo cổ và chỉ cho cô gái xem, lạnh lùng bảo:

- Cô hãy chọn giữa nó và ta.

Cô giằng khỏi tay ông, và gục xuống chân đài treo cổ, ôm chầm lấy nơi nương tựa chết chóc này. Rồi cô hơi ngoái khuôn mặt xinh đẹp nhìn lại, nhìn linh mục qua vai mình. Trông như Đức mẹ đồng trinh dưới chân cây thánh giá. Linh mục đứng im phăng phắc, ngón tay vẫn chỉ lên đài treo cổ, giữ nguyên cử chỉ đó, như pho tượng.

Cuối cùng, cô gái Ai Cập bảo ông:

- Tôi còn thấy nó không ghê tởm bằng ông.

Ông liền từ từ buông tay xuống và nhìn mặt đường, vẻ vô cùng đau khổ, khẽ thầm thì:

- Nếu những phiến đá này biết nói, phải, chúng sẽ bảo đây một con người rất bất hạnh.

Ông nói tiếp. Cô gái quỳ trước đài treo cổ, khuất sau mớ tóc dài, để mặc ông nói, không ngắt lời. Giờ đây, giọng ông than vãn và dịu dàng, đối lập đau đớn với vẻ mặt khắc nghiệt và kiêu kỳ.

- Tôi, tôi yêu em. Chao ôi! Điều đó tuy vậy mà rất đúng. Hóa ra không gì thoát khỏi ngọn lửa đang đốt cháy tâm can ta! Than ôi! Cô em ơi, suốt ngày đêm, đúng thế, suốt ngày đêm, như vậy vẫn không xứng đáng một chút tình thương nào hay sao? Một mối tình thâu đêm suốt sáng, một cực hình, em ạ. - Trời! Ta vô cùng đau khổ, hỡi cô em tội nghiệp! - Em hãy tin đây là điều đáng thương. Em cũng thấy tôi đang dịu dàng nói với em. Tôi rất muốn em không còn ghê sợ tôi. - Vả lại, một người đàn ông yêu một người đàn bà, đâu phải lỗi tại hắn! Ôi! Lạy Chúa! - Sao hả? Em sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi ư? Em sẽ thù ghét tôi mãi mãi? Thế là hết! Chính vì thế mà tôi trở nên tàn ác em thấy không, và tôi ghê tởm chính mình! - Em cũng không thèm nhìn tôi! Có lẽ em đang nghĩ tới chuyện khác, còn tôi đang run rẩy đứng đây nói với em, trên ranh giới của sự vĩnh cửu cho cả hai ta! - Cần nhất đừng nhắc tới tên sĩ quan! - Phải, tôi sẽ quỳ dưới chân em, phải! Tôi sẽ hôn, không phải bàn chân, phải! Tôi sẽ khóc nức nở như đứa trẻ, tôi sẽ rút khỏi lồng ngực không phải lời nói, mà trái tim, ruột gan, để nói tôi yêu em, nhưng tất cả, tất cả đều vô ích! - Mặc dù tâm hồn tôi chỉ toàn hiền dịu và khoan dung, trông em lồ lộ vẻ đẹp dịu dàng đẹp đẽ nhất, toàn thể con người em đều ngát hương hiền hậu, nhân từ và duyên dáng. Than ôi! Em chỉ độc ác với riêng tôi thôi! Ôi! Định mệnh sao tàn nhẫn!

Ông lấy tay che mặt. Cô gái nghe ông khóc. Đây là lần đầu. Đứng sững và run lên vì nức nở như vậy, trông ông còn thảm hại và nhục nhã hơn lúc quỳ. Ông cứ khóc như vậy một lát. Giọt nước mắt đầu tiên vừa khô, ông liền nói:

- Thôi! Ta chẳng cần biết nói gì hơn. Mặc dù ta đã nghĩ kỹ những điều phải nói với em. Bây giờ ta run rẩy, lập cập, ta nhụt chí vào phút quyết định, ta cảm thấy cái gì cao cả đang bao trùm chúng ta, và ta ấp úng? Ôi! Ta sẽ ngã gục

xuống lề đường nếu em không thương ta, không thương em. Đừng nên kết án cả hai chúng ta. Nếu em biết ta yêu em chừng nào! Tim ta là trái tim như thế nào! Ôi! Bao nhiêu đạo đức vứt đi hết! Ta tuyệt vọng thí bỏ cả chính bản thân ta! Là bác học, ta nhạo báng khoa học; là quý tộc, ta xé nát tên tuổi; là linh mục, ta lấy sách kinh làm chiếc gối dâm dật, ta nhổ toẹt vào giữa mặt đức cha của ta! Tất cả chỉ vì em, hỡi kẻ bỏ bùa yêu! Để xứng đáng hơn với hỏa ngục của em! Thế mà em không thèm đoái hoài tới kẻ đọa đày! Ôi! Ta sẽ nói hết cho em nghe! Nói nữa, những chuyện còn khủng khiếp hơn, ôi! Khủng khiếp hơn...

Lúc nói mấy câu cuối, vẻ mặt ông trở nên hoàn toàn ngơ ngác. Ông nín lặng giây lát, rồi nói tiếp, như tự nhủ với mình, giọng thật to:

- Cain, ngươi đã làm gì em của ngươi?*

Ông lại nín lặng lát nữa, rồi nói tiếp:

- Hỡi Thượng đế, con đã làm gì ư? Con đã đón nhận, dạy dỗ, nuôi nấng, yêu thương nó, nâng niu chiều chuộng và đã giết nó! Vâng, hỡi Thượng đế, đúng là vừa rồi trước mặt con, họ đã đập vỡ sọ nó trên bờ đá tòa nhà của Thượng đế, mà như vậy do tại con, tại người đàn bà này, tại cô ta...

Cặp mắt ông ngơ ngác. Giọng nói lịm dần, ông lặp lại như cái máy vài câu cuối cùng, cách quãng khá lâu, như tiếng chuông ngân dài lần cuối.

- Tại cô ta... Tại cô ta...

Rồi cái lưỡi không còn phát ra âm thanh nào nghe rõ, tuy môi vẫn mấp máy. Bỗng nhiên ông gục xuống như một vật sụp đổ, rồi lăn ra đất, đầu rúc vào đầu gối.

Tiếng sột soạt của cô gái đang rút chân khỏi người ông đè lên, làm ông bừng tỉnh. Ông từ từ đưa tay vuốt đôi má hóp và hốt hoảng nhìn ngón tay ướt đẫm hồi lâu:

- Sao lại thế này! - Ông thầm thì. - Ta khóc ư?

Rồi bất thần ông quay lại phía cô gái Ai Cập với vẻ hãi hùng khôn tả:

- Chao ôi! Em lạnh lùng nhìn tôi khóc! Hỡi cô em, em có biết giọt nước mắt này chính là phún thạch? Có thật thế không, đối với con người mình ghét, không gì khiến mình mủi lòng? Em sẽ thấy tôi chết, em sẽ cười. Ôi! Còn tôi, tôi không muốn nhìn em chết! Một lời thôi! Chỉ còn một lời tha thứ duy nhất! Đừng nói em yêu tôi, chỉ cần nói em vui lòng tha thứ, thế là đủ, tôi sẽ cứu em. Nếu không... Ôi! Thời giờ trôi qua, ta nhân danh tất cả những gì thiêng liêng để van xin em điều đó, đừng đợi ta trở lại thành đá như đài treo cổ này, nó cũng đang đòi hỏi em! Hãy nghĩ ta đang nắm trong tay cả hai vận mệnh chúng ta, ta đang mất trí, một điều kinh khủng. Ta có thể để mặc cho đổ vỡ hết và hỡi cô em khốn khổ, dưới chân chúng ta là vực thẳm không đáy, nơi đó sự rơi ngã của ta sẽ đời đời đuổi theo sự rơi ngã của em! Chỉ một lời tử tế! Hãy nói một lời! Một lời thôi!

Cô mở miệng để trả lời. Ông vội quỳ xuống trước mặt cô để yêu quý đón nhận lời nói, có thể dịu dàng, sắp thốt khỏi đôi môi. Cô bảo ông:

- Ông là đồ sát nhân!

Linh mục giận dữ ôm lấy cô gái và cười thét lên ghê rợn rồi nói:

- Đúng thế! Sát nhân! Ta sẽ chiếm đoạt em. Em không muốn ta làm nô lệ, ta sẽ là chủ nhân của em. Ta chiếm đoạt em. Ta có nơi ẩn náu, ta sẽ lôi em tới đó. Em sẽ theo ta, nhất định phải theo ta, nếu không ta sẽ nộp em cho chúng! Hỡi người đẹp, hoặc chết, hoặc thuộc về sát nhân! Mà ngay đêm nay, em nghe rõ rồi chứ? Nào! Vui lên đi! Nào! Hôn ta đi, hỡi cô điên! Hoặc nằm dưới mồ, hoặc nằm trên giường của ta.

Mắt ông long lanh vẩn đục và điên cuồng. Cái miệng dâm dật làm đỏ ửng cổ cô gái. Cô giẫy giụa trong vòng tay ông. Ông sùi bọt mép hôn cô tới tấp. Cô thét lên:

- Đồ quỷ sứ, đừng cắn ta! Ôi! Đồ thầy tu bẩn thỉu gớm ghiếc! Buông ra! Nếu

không ta bứt mớ tóc hoa râm khốn nạn của ngươi rồi ném đầy mặt ngươi!

Ông đỏ mặt, tái mét, rồi buông cô ra và hằm hằm nhìn cô. Cô tưởng mình thắng thế, nói tiếp:

- Ta nói cho ngươi biết ta thuộc về Phoebus của ta, ta chỉ yêu Phoebus, chỉ Phoebus đẹp trai! Còn ngươi, linh mục, ngươi già rồi! Ngươi thật xấu xí! Cút đi!

Ông thét lên lanh lảnh, như kẻ khốn khổ bị in dấu nung đỏ, nghiến răng ken két nói:

- Thế thì mi phải chết!

Cô nhìn con mắt ông ghê rợn và định chạy trốn. Ông liền tóm lấy cô, xô mạnh và quật ngã xuống đất, rồi rảo bước đi nhanh về phía góc tháp Roland, nắm lấy đôi bàn tay đẹp kéo lê cô gái theo sau.

Tới đó ông quay lại hỏi cô:

- Một lần cuối, mi có muốn về với ta không?

Cô gái thét lớn:

- Không.

Ông bèn gọi to:

- Gudule! Gudule! Con bé Ai Cập đây này! Mụ hãy trả thù đi.

Cô gái đột nhiên cảm thấy bị nắm chặt ở khuỷu tay. Cô đưa mắt nhìn. Đó là một cánh tay gầy trơ xương thò qua cửa sổ trên tường và nắm chặt lấy cô như bàn tay sắt.

- Giữ chặt lấy nó! - Linh mục nói. - Con Ai Cập bỏ trốn. Đừng thả nó ra. Để ta đi gọi tuần cảnh. Mụ sẽ được xem nó treo cổ.

Tiếng cười sằng sặc từ phía trong tường đáp lại câu nói đẫm máu.

- Ha! Ha! Ha!

Cô gái Ai Cập thấy linh mục chạy xa dần về phía cầu Đức Bà. Có tiếng vó ngựa phi đằng đó.

Cô gái nhận ra mụ tu kín độc ác. Sợ run lên, cô cố vùng ra. Cô giằng giật, giãy giụa nhiều lần như kẻ tuyệt vọng và sắp chết, nhưng mụ kia vẫn giữ chặt với sức mạnh khác thường. Các ngón tay khẳng khiu và gầy trơ xương làm cô đau đớn, bấu chặt lấy da thịt và thít lại vòng quanh. Tưởng như bàn tay đóng đinh vào cánh tay cô. Còn hơn dây xích, còn hơn cái xiềng, còn hơn còng sắt, đây là gọng kìm thông minh và sinh động từ trong tường thò ra.

Kiệt lực, cô ngã người vào vách tường và lúc đó, nỗi sợ chết mới xâm chiếm. Cô nghĩ đến vẻ đẹp cuộc sống, tuổi xuân, khung trời, cảnh vật thiên nhiên, tình yêu, Phoebus, tất cả những gì đang tới gần, nghĩ đến linh mục đang tố giác, đao phủ sắp tới, đài treo cổ đây kia. Thế là cô thấy nỗi sợ dâng lên rợn chân tóc và nghe tiếng cười rùng rợn của mụ tu kín đang khẽ bảo:

- Ha! Ha! Ha! Mày sắp bị treo cổ!

Cô ngắc ngoải quay lại cửa sổ và thấy bộ mặt hung hãn của mụ tu dòng Túi sau chấn song. Cô gần như hết hồn, hỏi:

- Tôi có làm gì bà đâu?

Mụ tu kín không trả lời, chỉ lẩm bẩm một giọng véo von, cáu kỉnh và giễu cợt:

- Con gái Ai Cập! Con gái Ai Cập! Con gái Ai Cập!

Cô Esmeralda khốn khổ đành gục mặt dưới mớ tóc xõa, biết mình đang đứng trước không phải một con người.

Bỗng nhiên mụ tu kín thét lên, tựa hồ câu hỏi của cô gái Ai Cập mãi lúc đó mới lọt thấm đầu óc:

- Mày bảo mày có làm gì tao đâu, phải không? Chà, con bé Ai Cập; mày đã làm gì tao ư? Này! Hãy nghe đây! - Tao từng có một đứa con, chính tao đây! Mày thấy chưa? Tao đã từng có một đứa con! Một đứa con, mày hiểu chưa! Một con bé xinh xắn! - Bé Agnès của ta, - mụ ngơ ngác nói tiếp và hôn vật gì đó trong bóng tối. - Thế mà, mày biết không con bé Ai Cập kia, họ bắt mất con tao,

họ ăn cắp con tao, họ ăn thịt con tao. Mày đã làm tao như thế đó.

Cô gái trả lời như cừu non:

- Chao ôi! Lúc đó dễ thường tôi chưa sinh ra!

- Ồ, không! - Mụ tu kín nói, - mày phải sinh ra rồi. Lúc đó đã có mày. Con tao giờ cũng trạc tuổi mày! Vậy đó! - Thế mà mười lăm năm tao ở đây, mười lăm năm tao đau khổ, mười lăm năm tao cầu nguyện, mười lăm năm tao đập đầu vào bốn bức tường. - Tao nói cho mày biết, chính các mụ Ai Cập đã bắt con tao, mày nghe rõ chưa, rồi dùng răng nhai thịt nó. - Mày có tình cảm không? Mày có hình dung nổi thế nào là một đứa con biết đùa, một đứa con biết bú, một đứa con biết ngủ. Ngây thơ biết bao! - Như thế đó, vậy mà chúng lấy mất mọi thứ đó của tao, chúng giết tao! Chúa ơn phước biết rõ điều này! Hôm nay, đến lượt tao, tao sẽ ăn thịt con bé Ai Cập. - Ồ! Nếu không có chấn song ngăn cản, tao đã cắn thịt mày rồi. Cái đầu tao to quá! - Tội nghiệp con bé! Giữa lúc nó đang ngủ! Mà nếu chúng có làm con bé thức giấc lúc bắt đi, con bé có tha hồ kêu gào thì ta cũng không có ở đấy! - Hừ! Hỡi bọn mẹ Ai Cập, các ngươi ăn thịt con ta! Hãy tới đây xem đến lượt con của ngươi.

Thế rồi mụ cất tiếng cười hoặc nghiến răng, hai cái đó giống hệt nhau trên khuôn mặt hung hãn. Bình minh bắt đầu ló rạng. Ánh phản chiếu xám tro mơ hồ soi sáng cảnh tượng này và đài treo cổ càng hiện rõ trên quảng trường, về phía bên kia, gần cầu Đức Bà, cô tội nhân khốn khổ tưởng nghe tiếng vó ngựa lại gần. Cô chắp tay, quỳ xuống, tóc rối bù, hốt hoảng, sợ đến thất thần, kêu lên:

- Bà ơi! Bà ơi! Bà hãy rủ lòng thương cháu. Họ đang tới đây. Cháu có làm gì bà đâu. Chả lẽ bà lại muốn nhìn cháu chết thảm khốc trước mắt bà hay sao? Cháu tin chắc bà giàu lòng thương người. Khủng khiếp quá. Hãy để cháu chạy trốn. Buông cháu ra nào! Cnáu van bà! Cháu không muốn chết như thế này!

- Hãy trả con tao! - Mụ tu kín nói.

- Cháu van bà! Hãy thương cháu!

- Trả con tao đây?

- Trời ơi, buông tôi ra nào!

- Trả con tao đây!

Một lần nữa cô gái lại rũ xuống, kiệt lực, rã rời, cặp mắt mờ đi như người nằm dưới huyệt. Cô lắp bắp nói:

- Chao ôi! Bà tìm con bà. Còn tôi lại tìm bố mẹ tôi.

- Hãy trả lại con Agnès của tao! - Mụ Gudule tiếp tục đòi, - Mày không biết nó ở đâu à? Nếu thế thì chết đi! - Tao nói cho mày biết. Trước kia tao làm đĩ, tao đã có con, họ bắt mất con tao. - Chính các mụ Ai Cập. Mày thấy rõ mày phải chết rồi chứ. Khi con mẹ Ai Cập của mày tới đòi mày, tao sẽ bảo: Này bà mẹ, hãy nhìn lên đài treo cổ! - Hoặc hãy trả con tao. - Mày có biết con bé của tao, nó ở đâu không? Đây, tao cho mày xem cái này. Đây, chiếc giày của nó, tất cả tao chỉ còn lại có thế này. Mày có biết chiếc kia ở đâu không? Nếu mày biết, hãy bảo tao; thì cùng trời cuối đất, tao cũng sẽ lê gối đi tìm nó.

Vừa nói, mụ vừa thò cánh tay kia qua cửa sổ giơ cho cô gái Ai Cập xem chiếc giày thêu xinh xắn. Trời đã đủ sáng để nhìn rõ hình dáng và màu sắc. Cô gái giật mình nói:

- Cho tôi xem chiếc giày. Trời ơi! Trời ơi! - Đồng thời, cô đưa bàn tay còn tự do ra vội vàng mở cái túi nhỏ đính hạt cườm vẫn đeo ở cổ.

- Thôi! Thôi đi! - Mụ Gudule làu bàu, mày cứ việc lục lọi cái túi bùa ngải ma quỷ của mày!

Đột nhiên mụ nín bặt, toàn thân run rẩy, và thét lên một tiếng thốt tự đáy lòng:

- Con tôi!

Cô gái Ai Cập vừa rút trong túi ra chiếc giày xinh xắn hoàn toàn giống hệt chiếc kia. Chiếc giày nhỏ đính kèm mảnh da dê, trên có viết *câu sấm* như sau:

Chiếc giày giống hệt tìm xong

Dang tay mẹ đón thong dong con về.

Trong khoảng thời gian còn nhanh hơn tia chớp, mụ tu kín so xong hai chiếc giày, đọc xong lời ghi trên mảnh da và áp khuôn mặt sáng ngời niềm sung sướng thiên đường vào chấn song cửa sổ, mụ kêu lên:

- Con tôi! Con tôi!

- Mẹ ơi! - Cô gái Ai Cập đáp lại.

Đoạn này, tác giả xin phép miễn miêu tả thêm.

Bức tường và hàng chấn song ngăn cách hai người. Mụ tu kín kêu lên:

- Ôi bức tường này! Ôi! Nhìn thấy con mà không được ôm hôn! Đưa tay con đây! Đưa tay con đây!

Cô gái thò tay qua cửa sổ, mụ tu kín vồ lấy bàn tay, áp môi lên, rồi đứng đó, chìm đắm trong chiếc hôn, không biểu lộ sự sống nào ngoài tiếng thổn thức thỉnh thoảng lay động đôi hông. Lúc này mụ khóc, nước mắt tuôn như suối, lặng lẽ, trong bóng tối, như trận mưa đêm. Người mẹ khốn khổ dốc đầm đìa lên bàn tay yêu quý cả một giếng đen ngòm và sâu thẳm nước mắt có sẵn trong người, mà từ mười lăm năm nay bao nhiêu đau khổ đã từng giọt từng giọt ngấm đọng lại.

Đột nhiên, mụ đứng thẳng người, rẽ mớ tóc dài điểm bạc xõa trên trán, rồi không nói một lời, dùng hai tay lay mạnh chấn song gian buồng còn hung hăng hơn sư tử cái. Chấn song vẫn không suy suyển. Mụ liền lại góc phòng bê tảng đá lớn vẫn dùng làm gối, rồi lao vào chấn song rất mạnh khiến một thanh sắt tóe lửa gẫy đôi. Lượt ném thứ hai làm chiếc thập tự cũ bằng sắt chắn ngang khung cửa văng hẳn ra. Mụ lại đưa hai tay bẻ nốt và nới rộng các mẩu chấn song gãy han gỉ. Có đôi lúc bàn tay đàn bà cũng mạnh mẽ phi thường.

Chưa đầy một phút, lối vào đã mở ra, mụ liền ôm ngang lưng con gái kéo vào

phòng:

- Vào đây! Để mẹ vớt con lên khỏi vực thẳm! - Mụ nói lẩm bẩm.

Khi cô đã ở trong phòng, mụ liền nhẹ nhàng đặt xuống đất, rồi lại ôm lấy và bế trong tay như vẫn còn là con Agnès bé bỏng, mụ đi lại trong phòng chật hẹp, say sưa, điên dại, vui sướng, gào thét, ca hát, hôn con gái, nói chuyện với nó, hết cười vang, lại òa khóc, tất cả cùng một lúc và thật hăng say. Mụ nói:

- Con tôi! Con tôi? Con tôi đây, chính nó đây rồi! Chúa ơn phước đã trả lại nó cho tôi. Này các người! Lại cả đây mà xem! Có ai ở đó mà xem tôi đang có con đây này! Lạy Chúa Jésus. Con tôi xinh đẹp quá! Hỡi Chúa ơn phước, Chúa bắt con chờ đợi nó mười lăm năm trời, nhưng cốt để nó trở nên xinh đẹp vì con. - Các mụ Ai Cập hóa ra không ăn thịt nó! Ai nói vậy thế không biết? Con gái bé bỏng của mẹ! Con gái bé bỏng của mẹ! Hôn mẹ đi! Các mụ Ai Cập tốt bụng! Mẹ quý họ. - Đúng con đây rồi. Thế ra vì vậy mà tim mẹ nhảy nhót mỗi lần con đi qua. Mẹ cứ tưởng đó là do thù hận! Hãy tha thứ cho mẹ, Agnès của mẹ, tha thứ cho mẹ. Chắc con thấy mẹ độc ác lắm phải không? Mẹ yêu con. - Cái vệt nhỏ trên cổ con, vẫn còn đấy chứ? Để mẹ xem nào. Vẫn còn. Ôi! Con đẹp quá! Chính ta đã tạo ra cặp mắt to của con đó, tiểu thư ạ. Hôn mẹ đi, mẹ yêu con. Cứ mặc kệ cho mọi bà mẹ khác có con, bây giờ ta bất chấp bọn họ. Họ cứ việc tới đây. Con gái ta đây. Cổ nó, mắt nó, tóc nó, tay nó đây này. Đố mà tìm được cái gì đẹp hơn. Ồ! Ta cam đoan với các người, sẽ khối kẻ mê nó, mê con bé này! Ta đã khóc suốt mười lăm năm. Tất cả nhan sắc ta bỏ ra đi, còn con ta đã trở lại. Hôn mẹ đi!

Mụ còn nói với con ngàn lời lạ lùng, mà giọng nói tạo nên tất cả vẻ đẹp, vén xiêm áo con gái khiến cô phải đỏ mặt, đưa tay vuốt mái tóc như tơ, hôn bàn chân, đầu gối, vừng trán, cặp mắt cô, mê mẩn hết thảy. Cô gái để tùy ý mẹ, chỉ thỉnh thoảng thốt lên rất khẽ và vô cùng âu yếm:

- Mẹ ơi!

- Con thấy không, con gái của mẹ, - mụ tu kín nói, mỗi câu lại ngắt bằng cái hôn, - con thấy không, mẹ rất yêu con. Chúng ta sẽ đi khỏi đây. Chúng ta sẽ rất sung sướng. Mẹ được thừa hưởng chút ít ở Reims, tại quê nhà. Con biết Reims chứ? Ồ không! Con không biết được, hồi đó con còn bé quá! Con có biết lúc mới bốn tháng, con xinh lắm không. Đôi chân xinh xắn khiến có kẻ tò mò đi từ Épernay cách đó bảy dặm, để tới xem! Chúng ta sẽ có một thửa ruộng, một căn nhà. Mẹ sẽ để con ngủ cùng giường với mẹ. Lạy Chúa! Lạy Chúa! Ai ngờ lại được như thế này? Tôi tìm thấy con tôi rồi.

- Mẹ ơi! - Cô gái nói, cuối cùng đã lấy lại nghị lực để cất lời giữa cơn xúc động, - bà Ai Cập nói cho con biết trước như thế này. Có một bà Ai Cập hiền từ của bọn con, vừa chết năm ngoái, vẫn luôn chăm sóc con như vú nuôi. Chính bà ấy đeo cái túi này vào cổ con. Bà ấy vẫn thường bảo: - Con ơi, hãy giữ kỹ đồ trang sức này. Của quý đấy. Nó sẽ giúp con tìm lại được mẹ. Con đeo mẹ con trên cổ đấy. - Bà Ai Cập tiên đoán đúng!

Mụ tu dòng Túi lại ghì chặt cô con trong vòng tay.

- Lại đây, cho mẹ hôn con! Con nói chuyện dễ thương quá. Khi nào về đến quê, mẹ con ta sẽ cúng dâng đôi giày xinh xắn để xỏ chân cho Chúa hài đồng trong nhà thờ. Ta phải tạ ơn Đức mẹ đồng trinh ơn phước. Trời ơi! Giọng con sao hay thế! Nghe con nói lúc vừa rồi, cứ như tiếng nhạc! Ôi! Lạy Chúa tối cao! Tôi đã tìm được con gái tôi! Thật chuyện không thể ngờ! Không ai bỗng dưng lại chết, vì tôi chưa chết vì vui sướng.

Rồi mụ lại vỗ tay, cười và kêu lên:

- Mẹ con ta sẽ sung sướng!

Giữa lúc đó, căn phòng ầm vang tiếng khí giới loảng xoảng và tiếng ngựa phi, hình như từ cầu Đức Bà phóng tới và mỗi lúc tiến gần trên đường bờ sông. Cô gái Ai Cập hốt hoảng gieo người vào cánh tay mụ tu dòng Túi:

- Cứu con với! Cứu con với! Mẹ ơi! Chúng nó đang tới kia kìa!

Mụ tu kín tái mặt:

- Trời ơi! Con nói gì vậy? Ta quên mất! Họ đang truy nã con! Thế con đã làm gì nên tội?

- Con cũng không biết nữa, - cô bé khốn khổ đáp, - nhưng con bị xử tử hình.

- Tử hình! - Mụ Gudule nói, loạng choạng như bị sét đánh. - Tử hình! - Mụ từ từ nhắc lại và chằm chằm nhìn con gái.

- Vâng, mẹ ơi, - cô gái cuống cuồng nói, - họ muốn giết con. Chúng tới bắt con đó! Giá treo cổ kia dành cho con! Cứu con với! Cứu con với! Chúng tới đấy! Cứu con với!

Mụ tu kín đứng lặng hồi lâu như hóa đá, rồi lắc đầu ra vẻ nghi ngờ và đột nhiên phá ra cười, nhưng là tiếng cười ghê rợn nay trở lại:

- Hô! Hô! Không! Con nói mê sảng đấy thôi. À mà phải! Ta đã mất nó, như vậy suốt mười lăm năm, rồi ta lại tìm thấy nó, và như vậy chỉ trong một phút. Rồi họ lại bắt mất nó của ta! Và bây giờ lúc nó đang đẹp, đang lớn, nó trò chuyện với ta, nó yêu ta, đúng bây giờ là lúc họ tới ăn thịt con ta, ngay trước mắt ta, mẹ của nó! Ồ không! Chuyện đó không thể được. Chúa ơn phước không cho phép làm như vậy.

Tới đây, tiếng chân ngựa như dừng lại, có tiếng ai nói từ xa:

- Bẩm ngài Tristan, ở đây kia ạ! Linh mục bảo ta sẽ thấy nó ở Hang chuột.

Tiếng chân ngựa lại vang lên.

Mụ tu kín đứng thẳng dậy, thét lên thất vọng:

- Trốn đi! Trốn đi, con ơi! Mẹ hiểu ra rồi. Con nói đúng đấy. Con chết mất! Khủng khiếp! Tai họa! Trốn đi con.

Mụ thò đầu qua cửa sổ rồi thụt ngay lại.

- Hãy ở lại, - mụ khẽ nói, giọng cụt lủn và thê thảm, run rẩy nắm chặt bàn tay của cô con gái chín vía còn ba! - Ở lại đây! Hãy nín thở! Ngoài kia nhan nhản

lính tráng. Con không ra thoát được đâu. Trời sáng rõ rồi.

Mắt mụ ráo hoảnh và đỏ ngầu. Mụ nín lặng một lát. Mụ rảo bước quanh phòng và thỉnh thoảng dừng lại để bứt từng nắm tóc điểm bạc rồi nghiến răng cắn đứt.

Bỗng mụ nói:

- Chúng đang lại gần. Mẹ sẽ nói chuyện với họ. Con trốn ngay vào góc kia. Chúng không nhìn thấy đâu. Mẹ sẽ bảo họ con chạy trốn rồi, mẹ thả con ra, đúng thế!

Mụ vẫn bế con gái trong tay nên vội đặt cô vào góc phòng, bên ngoài không trông thấy. Mụ đặt con gái ngồi xổm, sắp xếp cẩn thận để cả chân lẫn tay không lộ ra ngoài bóng tối, gỡ mái tóc đen phủ lên áo trắng để che giấu, đặt trước mặt cô cái hũ và phiến đá, các đồ đạc duy nhất mụ có, nghĩ rằng cái hũ và phiến đá che khuất cô gái. Sắp xếp xong xuôi, bình tĩnh hơn, mụ liền quỳ xuống và cầu nguyện. Buổi sớm mai vừa hé rạng còn để lại nhiều bóng tối trong Hang chuột.

Ngay lúc đó, tiếng linh mục, tiếng nói địa ngục, cất lên ngay cạnh căn phòng:

- Ở đây kia mà, đại úy Phoebus de Châteauper!

Nghe đến cái tên, nghe giọng nói đó, Esmeralda núp trong xó, bèn cựa quậy. Mụ Gudule bảo:

- Đừng động đậy!

Mụ vừa dứt lời, một đám đông người ngựa, gươm giáo đã dừng lại quanh phòng. Người mẹ vội đứng dậy và tới chắn ngay trước cửa sổ che lấp. Mụ thấy một toán lớn lính tráng mang vũ khí, cả đi bộ lẫn đi ngựa, dàn ra trên quảng trường Grève. Người chỉ huy xuống ngựa và bước lại phía mụ.

- Mụ già, - người có khuôn mặt hung ác đó nói, bọn ta tìm bắt con phù thủy để treo cổ: có người mách mụ giữ nó.

Người mẹ tội nghiệp cố ra vẻ thản nhiên, đáp:

- Tôi chẳng hiểu ý ông định nói gì.

Người kia lại nói:

- Mẹ kiếp! Cái lão phó chủ giáo hớt ha hớt hải đó nói gì lạ vậy! Lão ta đâu rồi?

- Bẩm đức ông, ông ấy đi mất rồi, - một tên lính thưa.

- Này, mụ già điên kia, - viên chỉ huy lại hỏi, - đừng nói dối đấy nhé. Họ giao cho mụ giữ con phù thủy. Mụ làm gì nó rồi?

Mụ tu kín không muốn chối hết, sợ gây nghi ngờ, nên trả lời bằng giọng thành thật và càu nhàu:

- Nếu ông định nói đứa con gái to lớn lúc nãy họ giúi vào tay tôi, thì xin thưa nó đã cắn tôi nên tôi phải thả nó ra. Thế thôi, xin ông để tôi yên.

Viên chỉ huy cau mặt chán ngán, lại nói:

- Đừng nói dối ta đấy, hỡi con mụ già. Ta là Tristan l’Hermite và bạn của đức vua. Tristan l’Hermite, mụ nghe ra chưa?

Ông ta nhìn quanh quảng trường Grève, nói thêm:

- Đó là một cái tên có tiếng vang ở đây.

Mụ Gudule đã hơi hy vọng đáp:

- Ông có là Satan l’Hermite đi nữa, tôi cũng chẳng biết nói gì hơn, mà cũng chẳng sợ ông đâu.

- Mẹ kiếp! - Tristan nói, - con mụ thật lắm mồm! Chà thế là con bé phù thủy trốn mất rồi! Thế nó trốn theo ngã nào?

Mụ Gudule hờ hững đáp:

- Hình như phía phố Hàng cừu thì phải.

Tristan quay đầu và ra hiệu cho đoàn quân chuẩn bị lại lên đường. Mụ tu kín thở phào. Bỗng một tên cung thủ nói:

- Bẩm đức ông, xin ngài hỏi mụ già lẩm cẩm lại xem tại sao chấn song cửa sổ lại gãy tan thế kia.

Câu hỏi làm nỗi sợ trở lại trái tim người mẹ khốn khổ. Tuy nhiên mụ vẫn chưa hết nhanh trí, lắp bắp nói:

- Xưa nay nó vẫn thế.

- Hừ! - Tên cung thủ nói, - mới hôm qua nó còn là cây thập tự đen thật đẹp, ai thấy cũng phải ngưỡng mộ.

Tristan liếc nhìn mụ tu kín.

- Xem ra con mụ có vẻ lúng túng!

Mụ già bất hạnh cảm thấy tất cả tùy thuộc vào sự bình tĩnh của mình nên lòng dạ đang chết lịm mà vẫn phải cười cợt. Các bà mẹ vốn có sức mạnh này. Mụ bảo:

- Chà, cái lão này say rồi. Từ hơn một năm nay, đuôi chiếc xe ngựa chở đá đâm vào cửa sổ và làm đổ cả chấn song. Thậm chí tôi còn chửi gã đánh xe!

- Đúng thế, bữa đó tôi cũng ở đây, - một người khác nói.

Ở đâu chẳng luôn có người cái gì cũng biết. Lời làm chứng bất ngờ của gã cung thủ làm mụ tu kín hoàn hồn, câu lục vấn làm mụ như đi trên lưỡi dao để vượt qua ngục thẳm.

Nhưng mụ vẫn bị dồn vào cảnh nối tiếp liên tục cả hy vọng lẫn hoảng sợ.

- Nếu xe ngựa đâm phải, - tên lính hầu đầu tiên nói, - các khúc chấn song phải bẻ quặt vào trong, chứ đâu lại uốn cong ra ngoài.

- Ờ! Ờ! - Tristan bảo tên lính, - mày thính mũi như điều tra viên ở tòa Châtelet. Mụ già, hãy trả lời câu nói đó đi.

- Trời ơi! - Mụ thốt lên, bị dồn đến cùng đường và giọng nói cố nén nhưng vẫn nghẹn ngào nước mắt, - bẩm đức ông, tôi xin thề đúng là chiếc xe ngựa làm gãy chấn song. Ngài vừa nghe thấy anh này nói đã nhìn thấy như vậy. Vả lại,

chuyện này có dính dáng gì đến con bé Ai Cập đâu!

- Hừ! - Tristan càu nhàu nói.

- Lạ quá! - Chú lính thích thú trước lời khen của quan chưởng quán hiến binh, nói tiếp, - các vết sắt hãy còn mới nguyên.

Tristan gật đầu. Người mẹ tái mặt.

- Mụ bảo chiếc xe đâm được bao lâu rồi?

- Bẩm đức ông, một tháng, có khi mười lăm ngày. Tôi cũng chẳng còn nhớ nữa.

- Lúc đầu, mụ bảo hơn một năm, - tên lính nhận xét.

- Có chuyện mờ ám đây! - Viên chưởng quản nói.

- Bẩm đức ông, - mụ kêu lên, vẫn dán chặt vào khung cửa và lo sợ sự nghi hoặc có thể khiến họ thò đầu nhìn vào bên trong phòng, - bẩm đức ông, tôi xin thề chính chiếc xe làm gãy chấn song. Nhân danh các thiên thần thánh thiện trên thiên đường, tôi xin thề như vậy. Nếu không phải chiếc xe ngựa, tôi xin nguyện đời đời bị đày đọa và xin khước từ cả Chúa!

- Mụ thề thốt sao mà hăng hái làm vậy! - Tristan nói, liếc nhìn soi mói.

Người đàn bà tội nghiệp thấy mỗi lúc một mất bình tĩnh. Do đó đã xử sự vụng về và kinh hãi hiểu mình không nói những điều cần nói.

Tới đây, một tên lính khác chạy tới, kêu lên:

- Bẩm đức ông, mụ già lẩm cẩm nói dối. Con phù thủy không chạy trốn theo phố Hàng cừu. Dây xích chắn đường vẫn giăng suốt đêm và người gác xích không thấy ai đi qua.

Khuôn mặt Tristan mỗi lúc một u ám, y hỏi mụ tu kín:

- Mụ nói sao về chuyện đó?

Mụ vẫn gắng đương đầu với biến cố mới:

- Bẩm đức ông, nào tôi biết đâu mình cũng có thể nhầm. Tôi nghĩ có thể nó

sang bên kia sông.

- Phía đó ngược chiều, - viên chưởng quản nói. Vả lại chẳng dại gì nó quay về Khu thành cũ, nơi họ đang truy nã. Mụ già, mụ nói láo!

- Hơn nữa, - tên lính đầu tiên nói, - cả bờ bên này và bờ bên kia đều không có thuyền.

- Nó có thể bơi sang, - mụ tu kín cãi, chống đỡ từng bước đến cùng.

- Đàn bà cũng bơi được ư? - Tên lính hỏi.

- Mẹ kiếp! Mụ già! Mụ già nói láo! Nói láo! - Tristan nổi giận quát. - Tao rất muốn bỏ mặc con phù thủy để bắt mày trước. Có lẽ chỉ một khắc tra hỏi là lôi được sự thật ở cổ họng mụ ra thôi! Hãy đi theo ta.

Mụ sốt sắng tóm ngay lấy câu nói:

- Bẩm đức ông, xin tùy ngài. Cứ việc thi hành, thi hành ngay đi. Tra hỏi ư, tôi rất sẵn sàng. Cứ dẫn tôi đi. Nhanh lên, nhanh lên! Ta đi ngay lập tức. - Trong lúc đó, - mụ thầm nghĩ, - con gái ta sẽ trốn thoát.

- Đồ chết tiệt! - Viên chưởng quản nói, - sao thèm khát ăn đòn thế! Tao không còn hiểu con mụ điên này ra sao.

Một gã tuần cảnh già, tóc hoa râm, ra khỏi hàng bảo viên chưởng quản:

- Bẩm đức ông, quả thật mụ ấy điên! Nếu mụ thả con bé Ai Cập, thì không phải lỗi ở mụ, vì mụ chẳng ưa gì bọn Ai Cập. Đã mười lăm năm nay, tôi làm lính tuần cảnh, nên tối nào cũng nghe thấy mụ nguyền rủa không ngớt lời bọn đàn bà Bohémienne. Nếu người mà ta đuổi bắt, theo như tôi hiểu, là con múa rong có con dê thì mụ này lại thù ghét nó nhất.

Gudule cố nói thêm:

- Thù ghét nó nhất.

Lời làm chứng đồng thanh của bọn tuần cảnh xác nhận lời nói của gã cảnh binh già với chưởng quản. Tristan l’Hermite thất vọng vì không moi được gì ở

mụ tu kín, bèn quay lưng lại và mụ vô cùng lo ngại nhìn y thong dong bước về phía con ngựa. Y lẩm bẩm nói:

- Thôi, lên đường! Lại tiếp tục điều tra. Cái con Ai Cập còn chưa bị treo cổ thì tao chưa thể ngủ yên.

Tuy nhiên, y vẫn còn lưỡng lự giây lát trước khi lên ngựa. Gudule hồi hộp giữa sống và chết, khi nhìn thấy y dạo quanh quảng trưởng với bộ mặt đăm chiêu của con chó săn đánh hơi thấy hang ổ con mồi gần đâu đây và không chịu bỏ đi. Cuối cùng, y lắc đầu và nhảy lên yên. Trái tim se thắt ghê gớm của Gudule nở ra và mụ liếc nhìn con gái, mà từ lúc có bọn lính, mụ không hề dám ngó tới, và khẽ nói:

- Thoát nạn.

Suốt thời gian này, cô bé khốn khổ vẫn núp trong xó, không dám thở, không dám cựa quậy, nghĩ về cái chết đang sừng sững trước mặt. Cô không bỏ sót tí gì về cảnh tượng giữa Gudule cùng Tristan, và mỗi sự hãi hùng của mẹ đều dội sang cô. Cô nghe mọi rạn nứt liên tiếp của sợi dây treo cổ lơ lửng trên vực thẳm, hàng dăm chục lần cô tưởng nhìn thấy nó đứt phựt, rồi cuối cùng, bây giờ cô mới bắt đầu được thở và cảm thấy hai chân đứng vững trên mặt đất. Lúc đó, cô nghe thấy một giọng nói với viên chưởng quản.

- Dấm dớ! Thưa ngài chưởng quản, công việc của quân nhân chúng tôi không phải là đi treo cổ bọn phù thủy. Lũ dân chúng đốn mạt thoát lui rồi. Thôi, tôi mặc ông lo liệu một mình. Chắc ông cũng đồng ý tôi phải quay về với đội quân của mình, vì hiện nay nó không có ai chỉ huy.

Giọng nói đó của Phoebus de Châteauper. Thật khó tả nổi tâm trạng cô gái lúc này. Chàng đang đứng đó, người bạn tình, người che chở, nguồn nương tựa, nơi trú ẩn, chàng Phoebus của cô! Cô đứng dậy và trước khi người mẹ kịp ngăn lại, cô đã lao ra cửa sổ gào lên:

- Phoebus! Phoebus của em, cứu em với!

Phoebus không còn ở đó. Chàng vừa phi ngựa ngoặt sang góc phố Hàng dao. Nhưng Tristan chưa đi.

Mụ tu kín gầm lên nhảy xổ vào đứa con. Mụ giật mạnh cô về phía sau, móng tay bấm sâu vào cổ. Con hổ mẹ cũng giữ con hăng đến như vậy. Nhưng quá muộn, Tristan nhìn thấy.

- He! He! - Y cười to, lộ hai hàm răng khiến cái miệng giống hệt mõm sói, - hai con chuột trong cái bẫy chuột!

- Tôi vẫn nghi như vậy mà, - tên lính nói.

Tristan vỗ vai hắn:

- Mày là con mèo tốt! Này, - y hỏi thêm, - Henriet Cousin đâu rồi.

Một người bước ra khỏi hàng, cả quần áo lẫn mặt mũi đều không có vẻ gì là lính. Hắn mặc bộ quần áo nửa xám nửa nâu, tóc chải bẹt, tay áo bằng da, bàn tay to cầm cuộn thừng. Người này luôn đi theo Tristan còn Tristan luôn đi theo vua Louis XI.

- Này bạn, - Tristan l'Hermite nói, - ta phỏng chừng con phù thủy ta đang lùng bắt ở kia rồi. Anh hãy treo cổ nó cho ta. Có mang theo thang không?

- Đã có một cái đằng kia, dưới gian chứa xe Nhà cột, - hắn đáp. - Có phải ta sẽ thi hành trên pháp trường kia không? - Hắn hỏi, chỉ đài treo cổ bằng đá.

- Phải.

- Ô hô! - Hắn cười to, còn thú vật hơn cả tiếng cười của viên chưởng quản, - tiện đường quá đi mất.

- Nhanh lên! - Tristan nói. - Sau đó rồi hãy cười.

Trong khi đó, từ lúc Tristan nhìn thấy con gái và mọi hy vọng đều tiêu tan, mụ tu kín vẫn chưa nói nửa lời. Mụ đẩy ngã cô gái Ai Cập gần bất tỉnh vào góc phòng, rồi đứng chắn ở cửa sổ, hai tay bấu vào góc khung cửa như đôi móng vuốt. Trong tư thế này, mụ ngang nhiên nhìn khắp lượt bọn lính, con mắt trở lại

hung dữ và điên dại. Khi Henriet Cousin lại gần phòng, mụ nhìn bằng vẻ mặt man rợ khiến hắn phải lùi lại:

- Bẩm đức ông, - hắn quay về và hỏi Tristan, - phải bắt đứa nào kia ạ?

- Đứa con gái.

- Càng may. Vì con mụ già xem ra khó chơi lắm.

- Tội nghiệp cô bé múa rong có con dê! - Lão tuần cảnh già thốt lên.

Henriet Cousin lại gần cửa sổ. Cách nhìn của bà mẹ làm hắn cụp mắt. Hắn rụt rè nói:

- Thưa bà...

Mụ ngắt lời, giọng rất khẽ và hung dữ:

- Mày muốn gì?

- Tôi không đụng đến bà, - hắn nói, - và chỉ cần đứa kia.

- Đứa nào?

- Đứa con gái.

Mụ lắc đầu, thét lên:

- Không có ai! Không có ai! Không có ai hết!

- Có chứ! - Tên đao phủ nói, - bà cũng thừa biết là có. Thôi để tôi bắt con bé. Tôi không muốn làm hại gì đến bà đâu.

Mụ nói, cười gằn kỳ quặc:

- A! Mày không muốn làm gì hại đến tao ư!

- Này bà, để yên cho tôi bắt nó; ý muốn của quan lớn chưởng quản đấy.

Mụ vẫn điên khùng nhắc lại:

- Không có ai hết!

- Tôi bảo với bà là có! - Tên đao phủ cãi lại. - Tất cả chúng tôi đều trông thấy có hai người.

- Thử nhìn lại xem! - Mụ tu kín cười gằn nói. - Thò đầu qua cửa sổ đi.

Tên đao phủ ngắm móng tay bà mẹ và không dám.

- Nhanh lên! - Tristan quát, vừa dàn xong quân bao vây quanh Hang chuột vừa cưỡi ngựa đứng cạnh đài treo cổ.

Henriet Cousin lại quay về gặp viên chưởng quản lần nữa, hết sức lúng túng. Hắn vứt cuộn thừng xuống đất, vụng về mân mê mũ trong tay hỏi:

- Bẩm đức ông, vào bằng ngả nào bây giờ?

- Đằng cửa ra vào.

- Bẩm không có ạ.

- Đằng cửa sổ vậy.

- Nhưng nó hẹp quá.

- Thì phá rộng ra, - Tristan điên tiết nói. - Nhà ngươi không có cuốc hay sao?

Từ trong hang người mẹ vẫn đứng sững, quan sát. Mụ hết hy vọng, không còn biết mình muốn gì, nhưng chỉ không muốn họ bắt con gái.

Henriet Cousin đi lấy hòm dụng cụ của phu chôn cất để ở gian chứa xe Nhà cột. Hắn cũng lôi ra cây thang xếp, lập tức đem tới dựng cạnh đài treo cổ. Năm sáu hiến binh cầm cuốc chim và đòn bẩy, rồi Tristan cùng đi với họ tới cửa sổ. Viên chưởng quản nghiêm giọng nói:

- Mụ già, hãy vui lòng trao con bé cho ta.

Mụ nhìn y như không hiểu gì cả.

- Mẹ kiếp! - Tristan nói, - tại sao mụ lại ngăn cản việc treo cổ con phù thủy theo ý muốn nhà vua?

Mụ già khốn khổ lại cười lên dữ tợn:

- Tại sao ư? Vì nó là con ta.

Giọng điệu mụ nói câu này khiến ngay cả Henriet Cousin cũng phải rùng

mình.

- Thật đáng tiếc, - viên chưởng quản nói. - Nhưng đây là ý muốn nhà vua.

Mụ thét lên, càng cười hung dữ hơn:

- Ta cần gì đến thứ vua chúa của nhà ngươi? Ta đã bảo đây là con ta.

- Phá tường, - Tristan nói.

Muốn mở lối vào đủ rộng, chỉ cần phá hàng đá xây dưới cửa sổ. Khi người mẹ nghe tiếng cuốc và đòn bẩy phá thành trì của mình, mụ thét lên ghê rợn, rồi thoăn thoắt chạy lồng như điên quanh phòng, theo thói quen của thú dữ nhốt trong chuồng tạo ra cho mụ. Mụ không nói gì nữa nhưng hai mắt đỏ ngầu. Bọn lính lạnh ớn tận đáy lòng.

Đột nhiên mụ vớ lấy đá, cười sằng sặc dùng cả hai tay ném vào bọn người đang làm. Vì run tay, phiến đá ném chệch không trúng ai và lăn tới chân ngựa Tristan. Mụ nghiến răng kèn kẹt.

Lúc này, tuy mặt trời chưa mọc, bên ngoài cửa đã sáng rõ, màu hồng đẹp đẽ, tươi vui nhuộm các ống khói lò sưởi cũ kỹ, ruỗng mọt của Nhà cột. Giờ phút này, các cửa sổ thức dậy sớm nhất của đô thành lớn đang vui vẻ mở toang trên nóc nhà. Mấy người dân quê, dăm kẻ bán hoa quả cưỡi lừa đi chợ, bắt đầu đi ngang qua quảng trường Grève, họ dừng lại giây lát trước đám lính tụ tập quanh Hang chuột, ngạc nhiên nhìn chúng rồi đi thẳng.

Mụ tu kín tới ngồi cạnh con gái, lấy thân mình che chở, chắn ngang trước mặt, mắt ngó đăm đăm, lắng nghe cô bé tội nghiệp không còn cựa quậy, chỉ khẽ thầm thì độc một câu: “Phoebus! Phoebus!” Công việc phá cửa càng tiến thêm, bà mẹ bất giác càng lùi lại và đẩy mãi cô gái sát tường. Bỗng mụ tu kín nhìn thấy tảng đá rung chuyển (vì mụ vẫn canh chừng và không rời mắt khỏi đó) và nghe tiếng Tristan đang đốc thúc mọi người làm việc. Thế là mụ tỉnh cơn suy sụp kéo dài từ nãy đến giờ, rồi thét lên, giọng nói khi điếc tai như tiếng cưa, lúc lúng búng như mọi lời nguyền rủa đều tụ lại trên môi để bung ra một lượt:

- Hô! Hô! Hô! Thật ghê tởm! Các người đều là kẻ cướp! Có thật các người định bắt con ta không? Ta đã bảo nó là con ta! Ôi! Lũ hèn nhát! Ôi! Lũ đao phủ tôi tớ! Lũ sát nhân đê tiện khốn nạn! Cứu tôi với! Cứu tôi với! Cháy! Chẳng lẽ chúng cướp trắng con ta như vậy sao? Thế này còn gọi là có Chúa ơn phước gì nữa?

Rồi quay sang nói với Tristan, mụ sùi bọt mép, con mắt ngơ ngác, bò bốn cẳng như con báo, vẻ hung dữ:

- Thử lại gần đây mà bắt con ta đi! Hóa ra mày không hiểu mụ đàn bà này đã nói đây là con gái mụ? Mày có hiểu thế nào là đứa con đẻ đứt ruột không? Này! Con sói rừng, mày có bao giờ chung sống với con sói cái của mày không? Có bao giờ mày có sói con không? Và nếu mày có con, khi chúng gào lên, chẳng lẽ trong bụng mày không thấy gì nôn nao hay sao?

- Hạ phiến đá xuống, - Tristan nói, - nó long ra rồi.

Đòn bẩy nậy bật bệ đá nặng rời ra. Như đã nói, đây là thành lũy cuối cùng của người mẹ. Mụ nằm lăn lên trên, định giữ lấy, đưa móng tay cào cấu tảng đá, nhưng cả khối nặng chuyển động bởi sáu người đàn ông rời khỏi tay mụ và từ từ tuột theo gióng sắt đòn bẩy rơi xuống đất.

Thấy lối vào đã mở, người mẹ nằm lăn ra chắn ngang khung cửa, lấy thân mình lấp cửa mở, vặn cánh tay, đập đầu xuống sàn đá lát và gào lên bằng giọng khàn khàn mệt mỏi nghe không rõ:

- Cứu tôi với! Cháy! Cháy!

- Bây giờ bắt con bé đi, - Tristan vẫn lạnh lùng nói.

Người mẹ nhìn bọn lính bằng con mắt quá ghê gớm, khiến chúng muốn lùi lại hơn xông lên.

- Nào nhanh lên, - viên chưởng quản giục. - Henriet Cousin, vào đi!

Không ai tiến một bước.

Viên chưởng quản chửi đổng:

- Mẹ kiếp! Thế mà cũng gọi là binh sĩ! Đi sợ con đàn bà!

- Bẩm đức ông, - Henriet cãi, - ngài gọi thế này là con đàn bà ư?

- Nó có cái bờm sư tử! - Tên khác nói.

- Nào nhanh lên! - Viên chưởng quản đốc thúc, cửa mở cũng khá rộng. - Hãy dàn hàng ba cùng tiến vào, như lần mở đột phá khẩu ở Pontoise. Đồ chết giẫm, kết thúc đi chứ! Thằng nào lùi lại, tao chém đứt đôi!

Bị kẹp giữa viên chưởng quản và bà mẹ, cả hai cùng đe dọa, bọn lính do dự một lát đành phải quyết tâm, tiến tới Hang chuột.

Khi nhìn thấy thế, mụ tu kín quỳ phắt dậy, vén tóc khỏi xõa xuống mặt, rồi buông hai tay gầy guộc và sứt sẹo đặt lên đùi. Thế rồi đôi mắt tuôn chảy từng giọt từng giọt lớn nước mắt, chúng lần theo vết nhăn dọc má như dòng nước chảy theo dòng suối đã đào. Đồng thời mụ cất tiếng nói bằng giọng hết sức van xin, hiền dịu, cam chịu và xót xa đến nỗi chung quanh Tristan nhiều tên hiến binh già từng ăn thịt người không tanh cũng phải lau nước mắt.

- Bẩm đức ông! Thưa các ngài cảnh binh, cho tôi nói một lời! Câu chuyện này, tôi nhất thiết phải kể với các ông. Nó là con tôi, các ông thấy đó, đứa con gái nhỏ thân yêu tôi đã thất lạc! Xin nghe tôi kể. Đây là một sự tích. Các ông có biết, tôi vốn quen thân các ngài cảnh binh. Họ luôn luôn tốt với tôi, ngay từ thời lũ trẻ con cứ đuổi theo tôi ném đá, chỉ vì tôi sống nghề đĩ điếm. Phải không, khi đã rõ câu chuyện, các ông sẽ tha cho tôi! Tôi vốn là gái giang hồ nghèo khổ. Chính các mụ Bohémienne đã ăn cắp con tôi. Nhưng tôi vẫn giữ được chiếc giày của nó qua mười lăm năm. Đây, các ông xem. Chân nó xinh như thế này. Tại Reims! Cô La Chantefleurie, phố Folle-Peine! Có khi các ông cũng từng biết cô ta. Tôi đấy. Vào thời các ông còn trai trẻ, hồi đó thời buổi thật đẹp đẽ. Mọi người sống vui vẻ. Thưa quý vị đức ông, các ngài sẽ thương tôi, phải không? Các mụ Ai Cập đã đánh cắp con tôi, giấu nó suốt mười lăm năm trời.

Tôi tưởng nó chết rồi. Các bạn thân quý, hãy hình dung là tôi tưởng nó chết rồi. Tôi ở đây mười lăm năm, trong hầm này, mùa đông không lò sưởi, sống như vậy, thật khổ cực. Chiếc giày quý báu xinh xắn tội nghiệp! Tôi kêu van mãi khiến Chúa đầy ơn phước cũng nghe thấu. Đêm qua, Chúa đã trả lại con cho tôi. Phép lạ của Chúa lòng lành. Con tôi chưa chết. Tôi tin chắc các ông sẽ không bắt mất nó của tôi. Giá như bắt tôi thì chẳng nói làm gì, nhưng nó, một con bé mới mười sáu tuổi đầu! Hãy để nó có thời gian ngắm nhìn mặt trời! - Nó làm gì nên tội! Chẳng làm gì hết. Cả tôi cũng vậy. Xin các ông hiểu cho, tôi chỉ có mình nó, tôi già rồi, đây là ơn phước của Đức mẹ đồng trinh ban cho tôi. Vả lại, tất cả các ông đều rất tốt bụng! Trước đây, các ông không biết nó là con tôi, bây giờ thì biết rồi. Ôi! Tôi thương con tôi! Bẩm quan lớn chưởng quản, thà tôi bị thủng ruột còn hơn nó bị xước tay! Chính ngài là người có vẻ quyền cao đức độ! Có đúng điều tôi vừa nói đã làm rõ vấn đề với ngài? Ôi! Bẩm đức ông, nếu ngài từng có một bà mẹ! Ngài là người chỉ huy, xin ngài hãy tha cho con tôi! Tôi quỳ gối cầu xin ngài như cầu xin đức Chúa Jésus cứu thế! Thưa các ngài, tôi không xin xỏ thêm bất cứ ai điều gì, tôi quê ở Reims, tôi có thửa ruộng nhỏ của ông chú Mahiet Pradon để lại. Tôi không phải đứa ăn mày. Tôi không muốn gì hết, tôi chỉ muốn có con tôi! Ôi! Tôi muốn giữ lấy con tôi! Chúa ơn phước, vốn là Đấng chúa tể không phải vô cớ trả lại con cho tôi! Đức vua! Ngài bảo là đức vua! Nhưng đức vua đâu thích thú gì nếu họ giết đứa con nhỏ của tôi? Vả lại đức vua vốn hiền! Nó là con tôi! Con gái của tôi! Nó không phải là của nhà vua! Không phải của các ông! Tôi muốn đi khỏi đây! Mẹ con tôi muốn đi khỏi đây! Tóm lại, hai người đàn bà qua đường, một người là mẹ, người kia là con, cứ để họ đi qua! Hãy để mẹ con tôi ra đi! Chúng tôi ở Reims. Ôi! Các ngài cảnh binh, các ngài tốt lắm, tôi quý mến tất cả các ngài. Các ngài sẽ không bắt đứa con thân yêu của tôi. Không thể được! Có phải hoàn toàn không thể được phải không? Con tôi! Con tôi!

Tác giả không có ý định miêu tả cử chỉ, giọng nói, dòng lệ nuốt vào lúc nói

năng, hai bàn tay chắp lại rồi uốn vặn, nụ cười thảm hại, cái nhìn chìm đắm, tiếng rên la, tiếng thở dài, tiếng thét khốn khổ và não lòng xen lẫn lời nói lộn xộn, điên dại và đứt quãng của mụ. Khi mụ nói xong, Tristan l'Hermite cau mày, cốt giấu giọt lệ đang chảy trong con mắt cọp. Nhưng y vượt qua phút yếu đuối và nói cộc lốc:

- Nhà vua muốn thế!

Rồi y ghé tai Henriet Cousin, khẽ bảo:

- Làm nhanh cho xong đi!

Viên chưởng quản ghê gớm hình như cảm thấy ngay lòng mình cũng phải xao xuyến.

Tên đao phủ và bốn cảnh binh xông vào phòng. Bà mẹ không hề kháng cự, chỉ bò lê tới con gái và ôm chầm lấy. Cô gái Ai Cập thấy bọn lính lại gần, cái chết hãi hùng làm cô sực tỉnh.

- Mẹ ơi! - Cô thét gọi, giọng vô cùng thống thiết. - Mẹ ơi! Chúng nó tới! Che chở cho con!

- Ừ, con yêu dấu của mẹ, mẹ che chở cho con! - Bà mẹ đáp, giọng hết hơi, rồi ôm chặt con, hôn hít nó. Cả hai nằm dưới đất, mẹ che cho con, tạo nên cảnh tượng thật thương tâm.

Henriet Cousin nắm lấy ngang người cô gái, phía dưới đôi vai đẹp. Lúc cảm thấy bàn tay đụng vào mình, cô kêu lên: Ối! Rồi ngất xỉu. Tên đao phủ nước mắt lã chã từng giọt lớn rơi xuống cô gái, muốn bế xốc cô trên tay. Y tìm cách gỡ bà mẹ. Có thể nói bà đã khép kín vòng tay quanh lưng cô gái, nhưng không sao tách rời ra vì bà cứ níu chặt lấy con. Henriet Cousin liền kéo lê cô gái khỏi phòng, lôi theo cả bà mẹ. Hai mắt bà cũng nhắm nghiền.

Lúc này, mặt trời đã mọc và trên quảng trường, một đám khá đông dân chúng đứng xa xa nhìn hai người bị kéo lê trên mặt đường tới đài treo cổ. Vì đây là kiểu cách hành hình của chưởng quản Tristan. Y thích vẽ chuyện ngăn cấm kẻ tò

mò lại gần.

Không một ai trên các cửa sổ. Chỉ thấy xa xa, trên ngọn của một trong những tháp nhà thờ Đức Bà khống chế quảng trường Grève, hai người đàn ông nổi bật bóng đen trên nền trời trong sáng ban mai, hình như họ đang dòm ngó.

Henriet Cousin dừng lại cùng với hai người bị hắn kéo lê tới chân chiếc thang định mệnh, rồi thở không ra hơi vì sự việc làm hắn quá thương tâm, hắn thòng sợi thừng quanh chiếc cổ yêu kiều của cô gái. Cô bé khốn khổ cảm thấy sợi gai khủng khiếp đụng vào da thịt. Cô mở mắt nhìn và thấy cánh tay trơ xương của đài treo cổ bằng đá, giơ ngang trên đầu. Cô liền giãy giụa và gào to thảm thiết:

- Không! Không! Tôi không muốn thế!

Bà mẹ đang vùi đầu lấp sau mớ quần áo của con không nói một lời; chỉ thấy toàn thân bà run rẩy và nghe bà hôn con tới tấp. Tên đao phủ liền lợi dụng lúc này để vội vã gỡ đôi cánh tay bà đang ghì chặt tội nhân. Vì kiệt lực hoặc tuyệt vọng, bà đành buông ra. Hắn liền vác cô gái lên vai, con người xinh đẹp gập đôi người rũ xuống thật duyên dáng cạnh đầu hắn to lớn. Rồi hắn đặt chân vào bậc thang trèo lên.

Vừa lúc đó, bà mẹ đang ngồi xổm trên mặt đường, liền mở to đôi mắt. Không một tiếng kêu, bà vùng dậy với vẻ mặt kinh khủng, rồi như thú vồ mồi, bà nhảy bổ vào cẳn bàn tay gã đao phủ. Thật nhanh như tia chớp. Tên đao phủ thét lên đau đớn. Mọi người chạy tới. Khó khăn lắm mới rút được bàn tay đẫm máu giữa hàm răng bà mẹ. Bà nín lặng hoàn toàn. Họ xô bà thật mạnh và thấy đầu bà va mạnh xuống mặt đường. Họ nhấc bà lên. Bà lại gục xuống. Hóa ra bà đã chết.

Tên đao phủ vẫn không buông cô gái, leo tiếp lên thang.

II
LA CREATURA BELLA BIANCO VESTITA* (DANTE)

Khi Quasimodo thấy gian buồng rỗng không, cô gái Ai Cập không còn đó, giữa lúc nó đang bảo vệ cô, người ta tới bắt cô đi rồi, nó liền vò đầu bứt tai và giậm chân kinh ngạc đau khổ. Rồi nó chạy khắp nhà thờ, tìm cô Bohémienne, gào lên quái đản ở một góc tường, rứt mớ tóc đỏ quạch vứt tung xuống sàn. Đúng lúc này, các cung thủ ngự lâm chiến thắng kéo vào nhà thờ, cũng tìm kiếm cô gái Ai Cập. Quasimodo liền giúp họ, thằng điếc tội nghiệp đâu ngờ ý định tàn ác của họ; nó vẫn tưởng kẻ thù của cô gái Ai Cập là bọn ăn mày. Nó đích thân dẫn Tristan l'Hermite sục sạo khắp xó xỉnh có thể ẩn nấp. Mở toang các cửa bí mật, những bàn thờ hai đáy, những hậu kho đồ thánh. Nếu cô gái khốn khổ còn đó, chính nó đã nộp cô rồi. Khi sự mệt mỏi vì không tìm thấy gì đã làm Tristan chán nản, Quasimodo vẫn tìm kiếm một mình. Nó sục sạo hai mươi lần, một trăm lần khắp nhà thờ, hết dọc lại ngang, kêu gọi hò hét; đánh hơi, rình mò, lục lọi, chui đầu vào khắp xó xỉnh, đưa đuốc soi khắp vòm mái, tuyệt vọng, điên cuồng. Con trống mất con mái cũng không gầm thét và ngơ ngác đến như vậy. Cuối cùng, khi biết chắc, rất chắc cô gái không còn ở đó, thế là hết, họ đã bắt cóc cô, nó thong thả leo lên cầu thang trong tháp, cái cầu thang nó từng trèo lên hết sức phấn khởi và đắc thắng vào hôm cứu được cô. Nó đi qua chốn cũ, đầu gục xuống, không nói năng, không khóc lóc, gần như ngừng thở. Nhà thờ lại hoang vắng và rơi vào im lặng như cũ. Bọn cung thủ đã kéo đi để truy lùng con phù thủy ngoài Khu thành cũ. Còn lại một mình trong nhà thờ bát ngát, trước đó một lúc còn bị vây hãm và ồn ào, Quasimodo quay về buồng cô gái Ai Cập từng ngủ bao tuần lễ được nó canh gác. Lúc tới gần, hắn tưởng có thể sắp gặp lại cô.

Đến chỗ ngoặt hành lang trông xuống mái nhà gian bên giáo đường, nó thấy căn buồng hẹp với cửa sổ con và cửa ra vào nhỏ, núp dưới vòm lớn xây cuốn như tổ chim dưới cành cây, con người tội nghiệp muốn ngất đi, đành tựa vào cột cho khỏi ngã. Nó tưởng tượng cô gái có thể đã quay lại, chắc một thần linh thánh thiện đưa cô trở về, căn buồng quá yên tĩnh, quá an toàn và quá xinh đẹp, nên nhất định cô phải ở đó, rồi nó không dám tiến thêm bước nữa, chỉ sợ vỡ mộng. Nó thầm nhủ:

- Phải, có lẽ cô ấy đang ngủ hoặc đang cầu nguyện. Không nên quấy rối cô ấy.

Cuối cùng, lấy hết can đảm, nó rón rén bước tới, nhìn xem, rồi bước vào. Trống rỗng! Căn buồng vẫn trống rỗng. Gã điếc thong thả đi một vòng, nhấc giường lên và nhìn xuống dưới, như cô gái có thể ẩn trốn giữa sàn đá lát và tấm đệm, rồi lắc đầu và đứng sững sờ. Bỗng nó giận dữ lấy chân dập tắt bó đuốc rồi không một lời, không tiếng thở dài, nó chạy thật nhanh húc đầu vào tường và lăn ra sàn bất tỉnh.

Lúc hồi tỉnh, nó nhảy lên giường, lăn tròn trên đó, điên dại hôn chỗ nằm còn ấm hơi cô gái từng nằm ngủ, nó nằm vài phút, bất động như sắp tắt thở; rồi đứng dậy, mồ hôi đầm đìa, hổn hển, thất thần, nó đập đầu vào tường đều đặn đến khủng khiếp như quả lắc chuông và kiên quyết như người chỉ muốn vỡ sọ. Rồi nó lại gục xuống lần thứ hai, kiệt lực; nó lê gối ra khỏi buồng và ngồi xổm trước cửa, vẻ ngỡ ngàng. Nó ngồi như vậy hơn một giờ không cử động, mắt đăm đăm nhìn vào căn buồng trống vắng, còn u uất và tư lự hơn cả bà mẹ ngồi giữa cái nôi rỗng và chiếc áo quan dày. Nó không hé nửa lời; chỉ lâu lâu, nó mới nức nở rung động mạnh mẽ khắp người, nhưng là tiếng nức nở không nước mắt, như tia chớp mùa hè không gây tiếng sấm.

Hình như lúc đó, lục tìm sâu trong cơn mơ mộng lẻ loi xem ai có thể là kẻ cướp đoạt bất ngờ cô gái Ai Cập, nó liền nghĩ đến phó chủ giáo. Nó sực nhớ đức

cha Claude có riêng một chìa khóa cầu thang dẫn tới buồng cô gái, nó nhớ lại những đêm ông mò mẫm cô ta, lần đầu chính nó, Quasimodo, đã giúp ông, lần sau thì ngăn cản. Nó nhớ lại trăm nghìn chi tiết và sau đó, không nghi ngờ gì nữa, chính phó chủ giáo đã cướp cô gái Ai Cập của nó. Tuy nhiên, lòng kính trọng linh mục, sự biết ơn, tận tụy, yêu quý con người đó đã mọc rễ sâu trong tim đến mức, ngay lúc này, nó cũng cưỡng lại mọi móng vuốt của ghen tuông và thất vọng.

Nó nghĩ phó chủ giáo đã làm việc đó, và cơn giận bầm gan tím ruột đến một còn một mất sẽ nổi dậy chống lại bất cứ kẻ nào khác, nhưng vì đây lại là Claude Frollo, cho nên cơn giận của gã điếc khốn nạn liền biến thành đau khổ gấp bội.

Đang lúc suy nghĩ miên man về linh mục và bình minh bắt đầu chiếu sáng các vòm xây cuốn, nó bỗng nhìn thấy ở tầng gác trên nhà thờ, nơi khúc ngoặt của lan can bên ngoài bao quanh hậu cung, một người đang đi. Người đó đi lại phía nó. Nó đã nhận ra. Đó là phó chủ giáo Claude đi thong thả và nghiêm trang. Ông bước đi mà không nhìn phía trước, tuy tiến thẳng tới tòa tháp phía bắc nhưng lại quay mặt trông nghiêng để nhìn về phía hữu ngạn sông Seine, đầu ngẩng cao như đang cố nhìn xem có gì đó qua các mái nhà. Con cú thường có điệu bộ nhìn nghiêng như vậy. Nó bay về một nơi nhưng lại nhìn nơi khác. Linh mục đi ngay trên đầu Quasimodo mà không nhìn thấy nó.

Gã điếc sững sờ trước sự xuất hiện đột ngột này, nó thấy linh mục bước vào cửa cầu thang tòa tháp phía bắc. Bạn đọc đã biết, đứng trên tháp này, có thể nhìn thấy tòa Đô chính. Quasimodo đứng dậy và đi theo phó chủ giáo.

Quasimodo leo lên cầu thang tòa tháp để mà leo thế thôi, để xem linh mục leo lên đó làm gì. Tóm lại, gã kéo chuông khốn khổ không biết chính hắn, Quasimodo, sẽ phải làm gì, sẽ phải nói gì, đang muốn gi. Nó đang hết sức tức giận và sợ sệt. Phó chủ giáo và cô gái Ai Cập xung đột trong lòng nó.

Lên tới đỉnh tháp, trước khi từ bóng tối cầu thang bước ra sân thượng, nó cẩn

thận quan sát xem linh mục đứng đâu. Ông đang quay lưng lại. Một hàng lan can trổ thủng bao quanh sân thượng tháp chuông. Linh mục đang chăm chú nhìn xuống phố, tì ngực vào một góc của bốn mặt lan can trông thẳng xuống cầu Đức Bà.

Quasimodo rón rén bước tới sau linh mục, xem ông ta nhìn gì. Linh mục mải chăm chú việc khác nên không hề nghe thấy gã điếc bước tới gần.

Cảnh tượng Paris thật huy hoàng và quyến rũ, nhất là Paris lúc này, nhìn từ trên đỉnh tháp nhà thờ Đức Bà đang chói chang nắng mới của một sớm mai hè. Hôm đó có lẽ đang vào tháng bảy. Bầu trời hoàn toàn êm ả. Đây đó vài ngôi sao muộn tắt dần, có một ngôi sao sáng chói trên bầu trời trong vắt phía đông. Mặt trời đang mọc, Paris bắt đầu hoạt động. Ánh sáng rất trắng và rất trong làm nổi bật chói ngời trước mắt mọi bình diện của hàng nghìn ngôi nhà bày ra ở phương Đông. Bóng râm đồ sộ các tháp chuông trải từ nóc nhà này sang nóc nhà khác, từ đầu tới cuối đô thành lớn. Có khu phố đã vang tiếng nói và gây ồn ào. Đây tiếng chuông, kia tiếng búa, xa hơn tiếng xe ngựa chạy lộc cộc. Đó đây vài làn khói tỏa lan trên khắp mặt mái nhà, như bốc lên từ khe hở một mỏ lưu hoàng bát ngát. Dòng sông gợn sóng xô vào bao trụ cầu, bao mõm cù lao, lóng lánh ngấm nước sáng bạc. Chung quanh thành phố, phía ngoài tường thành, tầm mắt mất hút vào vòng tròn lớn các đám sương mù dày xốp, qua đó mơ hồ hiện lên đường nét nhòe nhoẹt các cánh đồng và nếp cong duyên dáng các ngọn đồi. Đủ thứ tiếng rì rầm trôi nổi tản mát trên thành phố còn ngái ngủ. Về hướng đông, gió sớm ban mai xua đuổi qua bầu trời vài cụm bông trắng được rứt ra khỏi lớp lông sương mù trên đồi.

Trong sân nhà thờ, vài mụ đàn bà cầm hũ sữa, ngạc nhiên chỉ trỏ cho nhau cảnh hoang tàn kỳ lạ của cổng lớn nhà thờ Đức Bà và hai dòng suối chì đã đông cứng ở giữa các khe hở của gạch men. Đó là tất cả những gì còn lại của vụ lộn xộn đêm qua. Đống lửa do Quasimodo đốt lên giữa hai tháp đã tắt ngấm. Tristan

đã thu dọn xong quảng trường và cho vứt xác người chết xuống sông Seine. Các vua như Louis XI rất chú ý nhanh chóng cọ sạch mặt đường sau một vụ tàn sát.

Phía ngoài dãy lan can tòa tháp, ngay dưới chỗ linh mục dừng lại, một ống máng bằng đá đẽo gọt kỳ quặc thường tua tủa trên các dinh thự kiểu Gothic, và giữa kẽ nứt của ống máng, hai cây đinh hương trổ hoa, lay động và càng thêm sinh động trước gió thổi, phất phơ như chào đón. Trên cao, phía trên các tháp, tít trên trời, văng vẳng tiếng chim hót nho nhỏ.

Nhưng linh mục không nghe, không nhìn thấy mọi thứ đó. Ông thuộc loại người không biết có buổi sáng, chim muông, hoa cỏ. Trong vùng chân trời bát ngát với bao cảnh sắc chung quanh, ông chỉ tập trung ngắm nhìn một điểm duy nhất.

Quasimodo sốt ruột muốn hỏi ngay ông ta đã làm gì cô gái Ai Cập. Nhưng phó chủ giáo lúc này hình như đứng ngoài cuộc đời. Rõ ràng ông đang ở vào giây phút mãnh liệt của cuộc sống mà mặt đất có sụt lở ông cũng không biết. Cặp mắt đăm đăm không rời một nơi nào đó, ông đứng bất động và lặng im; sự lặng im và bất động mang vẻ gì đó rất ghê gớm, khiến gã kéo chuông man rợ phải run lên và không dám đụng tới. Tuy nhiên, đây cũng là một cách dò hỏi phó chủ giáo, nó dõi theo hướng nhìn ông, và do đó, con mắt của gã điếc khốn khổ chiếu xuống quảng trường Grève.

Thế là nó nhìn thấy cái linh mục đang nhìn. Chiếc thang dựng cạnh đài treo cổ thường trực. Trên quảng trường, có dăm ba người dân và rất nhiều lính tráng. Một người kéo lê trên mặt đường một hình thù trắng với một hình thù đen bám theo. Người đó dừng lại dưới chân đài treo cổ.

Tới đây xảy ra chuyện gì đó khiến Quasimodo nhìn không rõ. Chẳng phải vì con mắt độc nhỡn không còn giữ được tầm nhìn xa, mà chỉ vì một đám đông lính tráng ngăn trở không để nhìn thấy hết. Hơn nữa, lúc đó mặt trời ló ra, một luồng ánh sáng rực rỡ chan hòa bên trên chân trời, tưởng như mọi vật nhọn ở

Paris, tháp chuông, ống khói lò sưởi, hồi nhà, cùng bốc lửa một lượt.

Khi đó, người kia bắt đầu leo thang, Quasimodo nhìn thấy hắn thật rõ. Hắn vác trên vai một người đàn bà, một cô gái mặc đồ trắng, cổ tròng thòng lọng. Quasimodo nhận ra cô gái. Đó là nàng.

Người kia cứ thế leo lên tới đầu thang, ở đó, hắn sửa lại thòng lọng. Còn ở đây, để nhìn cho rõ, linh mục quỳ lên thành lan can.

Bỗng người kia dùng gót chân hất mạnh chiếc thang, còn Quasimodo từ nãy đến giờ nghẹt thở, nhìn thấy lủng lẳng nơi đầu sợi thừng, cách mặt đất hai trượng, cô gái khốn khổ với người kia ngồi xổm hai chân trên vai cô. Sợi thừng quay tròn vài vòng và Quasimodo thấy thân thể cô gái quằn quại giãy lên kinh khủng, về phần linh mục, cổ nghểnh cao, mắt trố ra, ông ngắm nhìn cái cặp ghê rợn người đàn ông và cô gái, con nhện và con mồi.

Giữa lúc khủng khiếp nhất, một tiếng cười ma quỷ, tiếng cười chỉ có thể có khi không còn là người, bật ra trên khuôn mặt tái xám của linh mục. Quasimodo không nghe tiếng cười, nhưng nó trông thấy. Gã kéo chuông lùi lại vài bước sau lưng phó chủ giáo rồi bất thình lình nó điên cuồng lao tới, xô hai bàn tay to lớn vào lưng ông, đẩy ngã xuống cái vực thẳm ông đang cúi nhìn.

Linh mục thét lên:

- Chết tôi rồi!

Và rơi xuống.

Ống máng ngay bên dưới cản ông lại. Ông bám ngay vào bằng đôi bàn tay tuyệt vọng và lúc mở mồm định kêu tiếng thứ hai, ông thấy ngay trên đầu, nơi thành lan can, khuôn mặt ghê gớm và thù hằn của Quasimodo. Ông liền nín bặt.

Vực thẳm ở ngay dưới chân. Sẽ từ trên cao hơn hai trăm bộ rơi xuống mặt đường. Trong hoàn cảnh khủng khiếp này, phó chủ giáo không nói một lời, không kêu một tiếng, ông chỉ cố gắng phi thường để bấu víu lấy ống máng mà leo lên. Nhưng tay ông không bám được vào đá, còn chân đạp vào vách tường

xám xịt cứ trượt đi. Những ai đã trèo lên các tháp nhà thờ Đức Bà đều biết ngay dưới dãy lan can có một gờ đá lồi ra. Ông phó chủ giáo khốn nạn vùng vẫy cố sức bám lấy cái góc lõm vào đó. Ông không vật lộn với một bức tường thẳng đứng, mà là bức tường dốc chéo hụt chân.

Chỉ cần chìa tay, Quasimodo có thể kéo ông lên khỏi vực ngay, nhưng nó cũng chẳng thèm nhìn ông nữa. Nó đang mải nhìn quảng trường Grève. Nhìn đài treo cổ. Nhìn cô gái Ai Cập. Tì khuỷu tay lên thành lan can, đúng chỗ phó chủ giáo vừa đứng khi nãy, gã điếc đứng đó, không rời mắt khỏi vật duy nhất hiện có trên đời lúc này đối với nó, nó bất động và câm lặng như kẻ bị sét đánh và một suối nước mắt dài lặng lẽ chảy ra từ con mắt cho đến nay mới nhỏ một giọt lệ duy nhất.

Trong khi đó, phó chủ giáo thở dốc. Cái trán hói đầm đìa mồ hôi, các móng tay ứa máu bám vào vách đá, đầu gối xây xước cọ vào tường. Ông nghe thấy tấm áo chùng vướng vào ống máng rách toạc và tuột chỉ mỗi lần cựa quậy. Tai hại hơn, ống máng lại tận cùng bằng một ống bằng chì, nó oằn xuống dưới sức nặng người ông. Phó chủ giáo cảm thấy cái ống từ từ cong xuống. Con người khốn nạn thầm nhủ, khi nào tay ông mệt mỏi rã rời, lúc áo chùng đã rách, ống máng cong hẳn xuống, nhất định ông sẽ ngã và ông sợ hãi đau thắt ruột gan. Thỉnh thoảng ông ngơ ngác nhìn một mặt phẳng nhỏ hẹp chừng mười bộ ở dưới, do các điêu khắc lồi tạo nên và trong thâm tâm cùng quẫn, ông cầu trời được kết thúc cuộc đời trên khoảng hẹp hai bộ vuông này, dù ở đó cả trăm năm. Lần khác, ông nhìn xuống quảng trường dưới chân, xuống vực thẳm; ông ngẩng đầu lên, nhắm tịt hai mắt, tóc dựng ngược.

Thật ghê rợn sự im lặng của hai người. Trong khi phó chủ giáo ngắc ngoải khủng khiếp cách đó mấy bộ. Quasimodo khóc và nhìn xuống quảng trường Grève. Phó chủ giáo thấy càng vùng vẫy càng làm lung lay chỗ bấu víu mỏng manh cuối cùng, nên định bụng thôi không giãy giụa. Ông ở đó, ôm lấy máng,

thở không ra hơi, không cựa quậy, không còn cử động nào khác ngoài nhịp bụng tự nhiên co thắt như khi ngủ mê thấy mình ngã xuống. Cặp mắt chăm chú mở to một cách bệnh tật và kinh ngạc. Rồi dần dần, ông mất thế, ngón tay trơn tuột trên ống máng, mỗi lúc một càng thấy cánh tay yếu thêm, thân mình nặng hơn, ống chì đỡ ông cứ từng tí cong mãi xuống vực thẳm. Ông nhìn phía dưới, như một vật khủng khiếp, mái nhà thờ Saint-Jean-le-Rond, bé xíu như quân bài gập đôi. Ông lần lượt nhìn từng pho tượng thản nhiên trên tháp, cũng treo lơ lửng như ông trên miệng vực thẳm, nhưng tự nó không khiếp sợ và cũng không biết thương hại ông. Chung quanh toàn đá; trước mắt là quái vật há mõm, phía dưới, tít xa xa, nơi quảng trường, là mặt đường; ở trên đầu là Quasimodo đang khóc.

Trên sân nhà thờ, vài nhóm người tò mò đang thản nhiên đoán xem thằng điên nào lại chơi đùa kỳ quặc như vậy. Linh mục nghe họ nói, vì giọng họ lanh lảnh, rõ ràng, vang tới tận tai:

- Nó đến ngã gãy cổ mất!

Quasimodo vẫn khóc.

Cuối cùng sùi bọt mép vì tức giận và kinh hoàng, phó chủ giáo hiểu mọi sự đều vô ích. Tuy nhiên, ông thu tất cả tàn lực để cố gắng lần cuối. Ông bám chặt ống máng, ấn đầu gối vào tường, tay bám khe đá và có lẽ lao lên được một bộ; nhưng chấn động đó đột nhiên làm cong veo cái vòi ống chì ông vẫn bám vào. Đồng thời tấm áo chùng rách toạc. Thế là cảm thấy hết nơi bấu víu, chỉ còn đôi bàn tay cứng đơ và rã rời đang bám vào cái gì đó, con người bất hạnh liền nhắm mắt và buông tay khỏi ống máng. Ông rơi xuống.

Quasimodo nhìn ông ngã.

Ngã cao như vậy không mấy khi rơi thẳng xuống. Phó chủ giáo bị ném vào khoảng không, thoạt đầu chúc đầu xuống và hai tay dang ra, rồi lộn mấy vòng. Gió thổi tạt ông rơi xuống một mái nhà, ở đó người bất hạnh bắt đầu bị giập nát. Tuy nhiên, ông vẫn chưa chết khi rơi xuống. Gã kéo chuông thấy ông còn cố

đưa móng tay bám lấy đầu hồi nhà. Nhưng mái quá dốc mà ông không còn sức. Ông lăn lông lốc trên mái như hòn ngói rời ra và rơi xuống nảy trên mặt đường. Ở đó, ông hết cựa quậy.

Quasimodo liền ngước mắt nhìn về phía cô gái Ai Cập, hắn thấy tấm thân treo lủng lẳng trên đài treo cổ, xa xa, đang run rẩy sau tấm áo trắng với những co giật giẫy chết cuối cùng, rồi lại cúi nhìn phó chủ giáo nằm sóng soài dưới chân tháp không còn hình thù con người, và nó nấc lên làm nhô lồng ngực sâu thẳm, nói:

- Ôi! Đó là tất cả những gì ta yêu quý!

III
ĐÁM CƯỚI CỦA PHOEBUS

Xế chiều hôm đó, khi các phái viên tư pháp của đức giám mục tới nhặt chiếc xác giập nát của phó chủ giáo trên mặt đường của sân nhà thờ, Quasimodo đã biến khỏi nhà thờ Đức Bà.

Có nhiều tin đồn về vụ này. Ai cũng tin cái ngày đó đã tới, lúc Quasimodo, tức quỷ sứ, phải bắt đi Claude Frollo, tức phù thủy, theo đúng lời cam kết của chúng với nhau. Họ cho rằng nó phải đập nát thân xác để chiếm lấy linh hồn, như con khỉ phải đập vỡ cái vỏ để ăn cái nhân của quả bồ đào.

Cho nên phó chủ giáo không được chôn cất nơi đất thánh.

Vua Louis XI băng hà vào năm sau, tháng tám năm 1483.

Còn Pierre Gringoire, chàng cứu được con dê và thành công về bi kịch. Hình như sau khi nếm mùi các môn chiêm tinh, triết học, kiến trúc, luyện đan, đủ mọi thứ điên rồ, chàng lại quay về với bi kịch, cái trò điên rồ nhất. Nói như Gringoire đó là đã *thực hiện một kết thúc bi kịch*. Về vấn đề các thắng lợi kịch trường của chàng, sau đây là những điều đọc thấy ngay từ năm 1483 trong sổ sách của pháp quan tòa giám mục: “Trả cho Jehan Marchand và Pierre Gringoire, thợ mộc và soạn giả, đã dựng và soạn vở thánh kịch diễn tại lâu đài Châtelet ở Paris, nhân dịp vị khâm sứ của giáo hoàng tới viếng thăm, đã đạo diễn các nhân vật được phục trang và ăn mặc theo đúng yêu cầu của vở thánh kịch kể trên, đồng thời lại xây dựng các giàn giáo trang trí cần thiết, về mọi việc đó, chỉ một trăm đồng livre”.

Còn Phoebus de Châteauper cũng thực hiện một kết thúc bi kịch, chàng cưới

vợ.

IV
ĐÁM CƯỚI CỦA QUASIMODO

Chúng tôi vừa kể Quasimodo đã biến khỏi nhà thờ vào hôm cô gái Ai Cập và vị phó chủ giáo chết. Quả thực mọi người không gặp nó nữa, không biết rồi sau nó ra sao.

Ngay đêm hôm Esmeralda bị xử tử, các phu chôn cất đã gỡ xác cô từ trên giảo đài xuống, rồi theo thường lệ, đưa tới hầm chứa xác ở Montfaucon.

Theo lời sử gia Sauval, Montfaucon là "đài treo cổ cổ nhất và đẹp nhất của vương quốc". Giữa hai khu ngoại ô Temple và Saint-Martin, cách tường thành Paris khoảng trăm sáu mươi trượng, cách pháo đài Courtille vài tầm tên bắn, trên ngọn đồi thấp, thoai thoải, khá cao để có thể nhìn thấy từ vài dặm chung quanh, người ta thấy một tòa kiến trúc xây dựng kỳ quặc, trông khá giống một cự thạch bi của người Celtes, nơi họ cũng thường tới cúng tế.

Ta thử hình dung, trên đỉnh một nấm tròn thạch cao, có khối đá xây lớn hình chữ nhật, cao mười lăm bộ, ngang ba mươi, dọc bốn mươi, có cửa vào, lan can bên ngoài và sân thượng; trên sân thượng là mười sáu cột lớn bằng đá nhám, dựng sừng sững, cao ba mươi bộ, xếp thành hàng xung quanh ba mặt trong bốn mặt của khối đá xây đã trồng dãy cột đó, các nóc cột được nối liền bằng các xà lớn treo dây xích cách quãng đều nhau, tất cả dây xích đó đều lủng lẳng bộ xương người; quanh đó, trên cánh đồng, một thập tự bằng đá và hai đài treo cổ khác, kém bề thế hơn, giống nhánh phụ mọc quanh cành chính; trên mọi cái đó, trên trời đàn quạ không ngớt bay lượn. Đó là Montfaucon.

Vào cuối thế kỷ mười lăm, tòa giảo đài ghê gớm này, được dựng lên từ năm

1328, đã điêu tàn lắm rồi. Xà gỗ mọt ruỗng, dây xích han gỉ, cột đá xanh rêu. Bệ đá tảng rạn nứt khắp các mạch vữa, cỏ mọc lan trên sân thượng không người đặt chân tới. Tòa kiến trúc in lên nền trời một bóng dáng thê lương; nhất là ban đêm, lúc có chút ánh trăng chiếu xuống các sọ người trắng hếu hoặc khi trận gió bấc ban đêm cọ xát dây xích lẫn xương người vào nhau, làm lay động tất cả trong bóng tối. Chỉ cần giảo đài có mặt ở đó cũng đủ làm khắp chung quanh trở thành nơi chốn rùng rợn.

Khối đá xây, làm nền cho tòa kiến trúc gớm ghiếc, trống rỗng bên trong. Người ta xây thành cái hầm rộng, cửa đóng là một rào sắt cũ đã long ra, nơi đây không chỉ vứt vào mảnh vụn xác người rơi rụng từ các dây xích ở Montfaucon, mà tất cả xác kẻ khốn nạn bị xử tử ở các giảo đài thường trực khác tại Paris. Trong hầm chứa xác thăm thẳm, nơi bao tro bụi con người và bao tội ác cùng mục nát bên nhau, lắm kẻ quyền cao chức trọng ở thế gian, lắm kẻ oan ức đã theo nhau tới đây gửi nắm xương tàn, từ Enguerrand de Marigni, người mở hàng cho Montfaucon và là kẻ chính trực, tới đô đốc Coligni, người đóng cửa giảo đài và cũng là kẻ chính trực.

Còn về vụ mất tích bí mật của Quasimodo, sau đây là tất cả những gì chúng tôi khám phá được.

Khoảng hai năm hoặc mười tám tháng sau các sự kiện kết thúc câu chuyện này, lúc người ta tới căn hầm ở Montfaucon để tìm xác Olivier Con Hoẵng vừa bị treo cổ hai ngày trước và được vua Charles VII ban ân cho phép chôn cất mồ yên mà đẹp ở Saint-Laurent, giữa các khung xương ghê rợn, họ thấy có một bộ xương ôm ghì lấy thật kỳ quặc một bộ khác. Một trong hai bộ xương, vốn là đàn bà, còn sót lại vài mảnh vụn áo dài bằng thứ vải trước kia màu trắng, quanh cổ đeo chuỗi hạt trân châu cùng chiếc túi con bằng lụa, đính hạt cườm xanh, mở toang và rỗng không. Đồ vật chẳng đáng gì nên tên đao phủ có lẽ không thèm lấy. Bộ xương kia ôm ghì lấy bộ xương này là đàn ông. Người ta thấy cột xương

sống nó cong lệch, đầu rụt xuống, giữa xương bả vai và chân nọ ngắn hơn chân kia, vì không hề có vết gãy ở xương sống gáy, cho nên rõ ràng nó không bị treo cổ. Vậy người có bộ xương này đã tới đó, rồi chết ở đó. Khi người ta định gỡ ra khỏi bộ xương nó đang ôm chặt, nó liền tan thành bụi.

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET